

lê phú hải



LỜI MỜI ĐIỀU

Lời Ai Điều

Lời Ai Điều

LÊ PHÚ KHẢI
HỒI KÝ

MIDWAY PRESS 2016

LỜI AI ĐIẾU ● Tác giả: LÊ PHÚ KHẢI ●
MIDWAY PRESS TRÌNH BÀY, NOV. 2016

NỘI DUNG

- 11 Lời Nhà Xuất Bản
- 21 Lời nói đầu
- 27 *Chương Một* Hà Nội, nơi tôi sinh ra
- 35 *Chương Hai* Đi tản cư lên Chí Chủ Phú Thọ
- 69 *Chương Ba* Hai lần thi trượt nhưng số phận vẫn mỉm cười với tôi
- 92 *Chương Bốn* Đòi sinh viên
- 102 *Chương Năm* Những chuyện kể của tướng Qua
- 136 *Chương Sáu* Chín năm dạy học ở thôn quê
- 155 *Chương Bảy* Ba mươi tám năm làm báo “lẽ phải” và “lẽ trái”
- 158 Những năm ở Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình trung ương
- 218 Ba năm ở Đài Phát thanh Tiền Giang

- 257 Trở về Đài Tiếng nói Việt Nam
- 276 Moscow không tin vào nước mắt (tên một cuốn phim Liên Xô)
- 319 Ba ông họ Võ : Võ Nguyên Giáp
- 348 Võ Văn Kiệt
- 361 Võ Việt Thanh
- 368 Nguyễn Hà Phan – Bi hay hài?
- 388 Quảng Châu – Thâm Quyến – Hong Kong – Macau
- 396 Người kéo nhị ở quận 19 thành Paris
- 421 Những người nông dân tiên tiến ở Đồng bằng sông Cửu Long
- 432 Mặt thật của các tổng biên tập
- 440 Chuyện ông Trần Mai Hạnh ở Paris
- 446 Lời ai điều cho một nền báo chí nô bộc
- 456 Đôi bài “ Lề dân”
- 456 Thư ngỏ của một công dân,
- 459 Nước Việt của ai
- 465 Khổng Tử và những cơn sốt sốt định kỳ của nước Trung Hoa
- 472 *Chương Tám* Người cùng thời
- 472 Chú Bảy Trân
- 480 Nguyễn Khắc Viện như tôi biết
- 499 Chế Lan Viên
- 507 Nguyên Ngọc
- 512 Tôi Đi Đòi Nợ Nguyễn Khải
- 516 Đó Là Sơn Nam
- 524 *Chương Chín* “Chấm Phá” Chân Dung Các Nhà

Dân Chủ

- 524 Nguyễn Kiến Giang - hạt giống đỏ marxist trở
thành nhà lý luận dân chủ tiên phong
- 538 Hà Sĩ Phu
- 543 Hoàng Hưng, “Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào
kiệt”
- 548 Dương Thu Hương với nghề nghiệp: chống Đảng
- 556 Tô Hải
- 561 Nhà văn Phạm Đình Trọng vì chung hay ghét cũng
là hay thương
- 582 Những Gương Mặt Trẻ 580
- 590 *Chương Mười Cuộc Biểu Tình Ngày 9/12/2012*
- 596 Thay lời kết

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Vào thập niên 50 tại Âu Châu và ngay cả tại Mỹ, phong trào thiên tả lan rộng trong giới trí thức. Tầng lớp có học thời ấy tự hào “phàm là trí thức thì phải thiên tả.” Điển hình là hai triết gia Jean Paul Satre người Pháp, Bertrand Russel người Anh và nữ tài tử Mỹ Jane Fonda. Phong trào thiên tả ngưỡng vọng nhiều tay lãnh tụ cộng sản trên thế giới và xem Liên Xô là “cái nôi” cuộc cách mạng xã hội của loài người. Thậm chí cho tới mãi năm 1989 tại thành phố Bergen - Na Uy, giới trí thức, giới cầm bút hay giáo sư đại học vẫn còn ca tụng Lenin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh và ngay cả Pol Pot, tên đồ tể diệt chủng dân tộc Khmer.

Đám người mắc chứng “mê Cộng” này còn táo tợn cho rằng *“tuổi đôi mươi mà không theo Cộng Sản là không có trái tim.”*

May cho đám đó là họ chỉ lẩn quẩn ở các đô thị xa hoa, uống rượu chát, ăn bò bi tết để mơ mộng xây dựng “thiên đường cộng sản” chứ không có, dù một ngày, trải nghiệm bằng chính bản thân cái chủ nghĩa là “căn bệnh ung thư” này của nhân loại.

Họ không có cái TRÍ của Nguyễn Chí Thiện để sớm nhận

ra bộ mặt không có tính người của cộng sản, như trong thơ của Ngục Sĩ này viết:

“Tuổi hai mươi mắt nhìn đời trẻ dại

Ngỡ cờ sao rực rỡ

Tò thăm màu xứ sở yêu thương

Có ngờ đâu giáo gươm đã lên đường

Hung bạo phá bờ kim cổ.”

Và như trường hợp tác giả cuốn Lời Ai Điều này, nhà báo Lê Phú Khải, sớm nhìn rõ Chủ nghĩa Cộng sản từ lúc bước vào tuổi hai mươi: *“Nghĩ ra một chủ nghĩa bao giờ cũng là các bậc thiên tài. Thực hiện cái chủ nghĩa đó bao giờ cũng là những người cuồng tín và hưởng thành quả của chủ nghĩa đó thì bao giờ cũng là bọn lưu manh.”*

Khác với Jean Paul Sartre, Bertrand Russel hay Jane Fonda chỉ vỡ cơn huyền mộng sau khi “Đế quốc Ma quỷ Liên Xô” và các chế độ cộng sản Đông Âu tan rã như com nguội gặp mưa, Lê Phú Khải cương quyết *“không cần trái tim để theo cộng sản”* dù như ông tự thuật, cả gia đình ông là cộng sản nòi: *“Mỗi khi họ Lê Phú nhà tôi giỗ tết, tập hợp đông đủ nội ngoại, dẫu rể thì nhìn đâu cũng thấy Đảng viên. Có lẽ, chỉ có mấy cái cột nhà và tôi là không phải Đảng viên mà thôi!”* Hít thở không khí như thế, mà Lê Phú Khải nhiều lần từ chối vào Đảng vì ông thấy chế độ mà ông đang sống là một chế độ độc tài.

Lê Phú Khải trải nghiệm cái xã hội trại lính ở miền bắc từ khi muốn thi vào đại học, ông phác giác rất rõ cái chủ nghĩa Mác Lê với quan điểm giai cấp đấu tranh trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội thì mới đề ra cái cách tuyển sinh “man rợ” như thế và nó lạc hậu hơn tất cả các hình thái xã hội có từ

trước đó. Vì cộng sản chỉ lựa chọn sinh viên đại học dựa trên tiêu chuẩn thành phần giai cấp nên sản sinh một lớp người sau khi tốt nghiệp đa phần là những kẻ dốt nát, ngu si nhất, và *“kẻ dốt nát xuất thân từ thành phần bản cổ nông nghèo khổ một khi có quyền thì chỉ lo tham nhũng, vợ vét mà thôi.”*

Cùng vì chủ trương đấu tranh gia cấp, nên chế độ đã phát động chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất nhằm “đào tận gốc, tróc tận rễ” những thành phần khác của xã hội “Trí, Phú, Địa, Hào, Tôn giáo” và hậu quả là cả trăm ngàn người chết oan khuất trong cơn “say máu vĩ cuồng” của cộng sản với những câu thơ khẩu hiệu của Tố Hữu “Giết, giết nữa, bàn tay không chút nghỉ... Thờ Mao Chủ tịch, thờ Sít-ta-lin bất diệt.” Lê Phú Khải trải nghiệm cái xã hội rơi vào điên loạn đó ngay tại quê vợ của ông khi chứng kiến cảnh nát lòng của một phú nông trong làng từng chứa chấp Việt Minh hoạt động, bị đấu tố trong cải cách ruộng đất, bị bức cung nên phản uất quá cho gọi tất cả các con cái về nhà, dồn vào một buồng rồi tưới xăng tự thiêu, *“những đứa trẻ chết đen thui còn xác người vợ trương phồng lên như con bò!”*

Thân phận trí thức ở đất nước nào cộng sản cai trị thì thành phần có học này cũng chịu những cay đắng, thống khổ giống nhau. Boris Pasternak, văn hào Nga đoạt giải Nobel Văn Chương năm 1958, trong tác phẩm lấy lòng “Doctor Zhivago” đã gột tả nỗi tủi nhục của nhân vật chính, bác sĩ Zhivago, bị công an bắt vì ăn cắp vài cây gỗ sưởi ấm cho gia đình trong cái lạnh cắt da của mùa Đông nước Nga.

Việt Nam, qua lời kể của Lê Phú Khải, trong một phiên họp rất căng do bộ trưởng Công an Trần Quốc Hoàn chủ trì,

giáo sư bác sĩ Tôn Thất Tùng, vì quá sợ, mồ hôi vã ra như tắm, rút khăn tay trong túi lau mặt khiến những gói mì chính (người miền Nam gọi là bột ngọt) nhỏ rơi ra. bác sĩ Tùng có thói quen cất những gói mì chính nhỏ trong người để mỗi khi ăn phở ông lấy ra một gói cho vào tô. Buổi họp có mặt của Tướng công an Lê Phú Qua, chủ ruột tác giả, tướng Qua thấy bác sĩ Tùng run quá, phải cúi xuống nhặt dùm các gói mì chính rồi để lại vào túi bác sĩ Tùng.

Đọc những đoạn Lê Phú Khải phơi bày tâm tình của mình trên giấy khi viết về thân phận trí thức trong chế độ cộng sản, người ta có cảm tưởng tác giả như đang nuốt ngược vào lòng nỗi tủi nhục của phận người bị guồng máy toàn trị dìm xuống tận đất đen. Như một lần ông đến thăm nhà văn 50 tuổi đảng Nguyễn Khải trước khi ông Khải qua đời năm 2008. Nguyễn Khải nắm tay bạn buồn bã nói: *“Nhà văn Việt Nam bị ba đứa nó khinh. Thứ nhất là thằng lãnh đạo nó khinh. Thứ hai là độc giả nó khinh. Và thứ ba là đêm nằm vắt tay lên trán mình lại tự khinh mình!”*

Do làm báo, Lê Phú Khải có nhiều cơ hội chứng kiến quyền uy của giới lãnh đạo. Ông nói *“Lê Duẩn mắng mỏ người khác như mắng gia nhân đầy tớ.”* Và những tay lãnh đạo sau Lê Duẩn thì cũng “cá mè một lứa”, Phan Văn Khải thì bảo Trần Đức Lương nên trả lại những quả đồi mà ông ta đã chiếm để làm villa, biệt thự. Còn Trần Đức Lương thì mắng lại Phan Văn Khải *“mày hãy về bảo thằng con mày đừng giết người nữa rồi hãy bảo tao trả lại mấy quả đồi”*. Lê Phú Khải nhận xét, họ mắng chửi nhau còn hơn hàng tôm, hàng cá rồi lại khuyên nhau *“vì sự ổn định đất nước”, “vì sự nghiệp lớn”,* nên gác lại

mọi chuyện, rồi lại hỷ hả với nhau, đầu lại vào đó!

Riêng cách của Lê Duẩn đối với Võ Nguyên Giáp thì Lê Phú Khải nói rằng, đó là lối đối xử “*vô sản gắn liền với vô học.*” Ông kể: “*Sau chiến tranh biên giới với Trung Quốc 1979, tên Trọng Hy Đông ở Ủy ban Kiều vụ, Quốc vụ Viện trung Quốc, hàm ngang bộ trưởng, sang Việt Nam để giải quyết các vấn đề hậu chiến tranh như tù binh v.v. Khi xe của Đại tướng Võ Nguyên Giáp vừa đến cũng là lúc xe Lê Duẩn vừa tới, Lê Duẩn chỉ vào mặt tướng Giáp và nói như quát: - Cuộc họp không có anh! Võ Nguyên Giáp nói: - Vậy tôi về. Thế là ông Giáo lui thủi lên xe ra về.*”

Có lần Lê Phú Khải cùng các ký giả khác tham dự cuộc họp báo của Phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cẩm tại phòng tiếp khách VIP của phi trường Tân Sơn Nhất, ông tận mắt thấy cảnh Nguyễn Mạnh Cẩm vừa trả lời phỏng vấn của Đài Tiếng Nói Việt Nam, vừa nhìn sang phía quầy bán hàng phục vụ khách VIP, “*nơi cô Phương Uyên đang nhóm người lên để lộ cả quần xi líp màu hồng bên trong!*” Lúc về cơ quan, Lê Phú Khải bảo với lãnh đạo của ông là ông sẽ viết lại giáo trình bài “phỏng vấn”, rằng “*mỗi khi một cơ quan báo chí cử phóng viên đi phỏng vấn các VIO, thì nên cử nữ phóng viên xinh đẹp, mặc váy ngắn, xi líp màu hồng!*”

Vì sinh ra trong gia đình cộng sản nòi, chú bác, anh em có người lên tới hàng lãnh đạo trung cao cấp của đảng, Lê Phú Khải được nghe những nhận xét về nhiều nhân vật chóp bu của chế độ, như lời chú ruột ông là Tướng công an Lê Phú Qua, hoặc qua lời kể của em gái ông, cô Tuyết:

- Thủ tướng báм quyền hơn 30 năm Phạm Văn Đồng:

“Chủ quan, bốc đồng, rất vô tích sự và chỉ làm hại đất nước!”

- Bộ trưởng Công an Trần Quốc Hoàn: *“Quan liêu nặng, dốt nát nhưng hay khoe mẽ, ích kỷ và dối trá, thích cấp dưới tâng bốc mình, ghét người trung thực, đặc biệt là ghét tri thức. Vợ Hoàn là một người tham lam vô độ, cái gì vợ được là vợ.”*

- Riêng với Hồ Chí Minh, cũng giống như một số lớn dân miền Bắc, không hiểu rõ chân tướng ông Hồ, nên Lê Phú Khải trong cách viết vẫn còn lộ chút tình cảm kính trọng nhân vật này. Dù vậy, qua đoạn thuật lại nhận xét của Giáo sư Tạ Quang Bửu, người đọc cũng có thể thấy được cảm nhận của Lê Phú Khải về ông Hồ: *“Thời đó, trong nhiều năm dài, hễ thi văn dù thi tốt nghiệp phổ thông hay thi vào các trường đại học, đề thi quanh đi quẩn lại vẫn là thơ Hồ Chí Minh hoặc thơ Tố Hữu. Có lần, xem đề thi vào đại học, Bộ trưởng Bộ đại học và Trung học Chuyên nghiệp Tạ Quang Bửu phán một câu: “Đây là tà thuyết!”*

Lê Phú Khải có cô em tên Tuyết, làm việc cho cơ quan cần vụ chuyên cung cấp thực phẩm cho các ủy viên Bộ Chính trị. Có lần cô Tuyết kể lại, vào thời ông Trần Xuân Bách đưa ra lý thuyết đa nguyên, Bộ Chính trị lúc đó chia rẽ và nghi kỵ nhau lắm, đi họp ai cũng được vợ chuẩn bị một chai nước riêng, để trong túi, khi khát thì lên quay đi, rót uống, vì họ sợ bị đầu độc. Ngay cả nhân vật “hét ra lửa mưa ra khói” là Lê Đức Thọ cũng sợ. Theo lời cô Tuyết, có lần, khi cần vụ của Lê Đức Thọ đem một cái chăn bông đã rách nát đến đổi chăn bông mới, cô nói với chủ cần vụ này, *“thủ trưởng của cậu tiết kiệm quá, chăn rách lòi cả bông thế này mới chịu đem đổi. Cậu ta cười nói, tiết kiệm cái con tiêu! Tối nào trước lúc đi ngủ ông ta cũng nắn*

bóp cái chân đến nửa tiếng đồng hồ, chỉ sợ người ta gài mìn thôi nên chân mới rách bươm ra như thế.”

- Về nhân vật Nguyễn Thị Bình, từng một thời lãnh đạo tổ chức bù nhìn của Hà Nội là “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam”, Lê Phú Khải viết (theo lời kể lại của nhà văn Nguyên Ngọc), một hôm bà Bình “triệu tập” một nhóm trí thức hơn 10 người lại, đặt câu hỏi, chúng ta sai từ bao giờ? Mọi người đều nói sai từ năm 1951, khi đại hội lần thứ hai của Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông làm kim chỉ nam cho mọi đường lối chính sách của mình. Riêng Nguyên Ngọc nói: “*Sai từ đại hội Tour.*” (vào năm 1920, khi cơ quan tình báo KGB của Liên Xô cho thành lập đảng cộng sản Pháp, tách ra từ Đảng Xã Hội, Hồ Chí Minh được tham gia vào Đảng Xã Hội khi ấy ngả theo Liên Xô để rồi gia nhập phong trào cộng sản Pháp từ lúc đó - chú thích của NXB). “*Bà Bình không đồng ý.*” *Vậy mà sang ngày hôm sau bà Bình bảo Nguyên Ngọc: “Chị đã suy nghĩ suốt đêm qua, Nguyên Ngọc nói đúng đấy!”*

Qua những trải nghiệm người thực, việc thực nói trên, Lê Phú Khải chưa chắt kết luận: “*Một đất nước được lãnh đạo bởi những con người hoang tưởng và lỗ bịch như thế thì đất nước sẽ đi về đâu? Nhân dân sẽ sống thế nào? Còn đám trí thức kia thì chỉ ngậm miệng ăn tiền mà thôi.*”

Một lần, Lê Phú Khải đi Mạc Tư Khoa và gặp một trí thức Nga. Ông này ví von, “Liên Xô của chúng tôi là một cái chiến hạm mắc cạn còn Việt Nam là một chiếc thuyền thúng không biết trôi dạt đi đâu!” Ba mươi năm sau kể từ cuộc trò chuyện đó, tác giả cay đắng khi nghe ông Tổng bí thư đương

quyền Nguyễn Phú Trọng vẫn kiên quyết bác bỏ “tam quyền phân lập” để bảo vệ chế độ độc đảng! Lê Phú Khải nhận định rằng, như vậy là Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn quyết đội trên đầu mình cái mũ mà cả loài người tiến bộ đã vứt bỏ. Cái mũ độc đảng! Tác giả nhận định, “*rõ ràng, cái chiến hạm Liên Xô đã thoát cảnh mắc cạn, nhưng cái chiến hạm ấy do anh chàng KGB Putin cầm lái chưa biết nó sẽ đi về đâu. Còn con thuyền thúng Việt Nam thì đang trôi dạt vào một vùng sóng to gió lớn. Chắc chắn nó sẽ bị lật úp nếu những người trên con thuyền thúng đó không dám can đảm nhảy xuống nước mà bơi vào bờ, cứ khur khur ôm lấy con thuyền đó.*”

Sống nhiều, đi nhiều, gặp gỡ nhiều, Lê Phú Khải thu vào ống kính đời mình nhiều góc cạnh, người, vật, sự kiện... Không báng bổ, không lớn tiếng kết án, không ca ngợi, ông từ tốn mô tả con người và đất nước Việt Nam qua cách quan sát tinh tế của mình. Những năm sau này, ông dần thân vào con đường đấu tranh Tự Do-Dân Chủ, nên thân thiết với một lớp người mới, những người đang tới của Việt Nam.

Nhớ về Kiến Giang, một con người quyết liệt, từ chỗ là một tín đồ ngoan đạo của Chủ nghĩa Mác-Lênin và sùng bái Liên Xô, đến chỗ dứt khoát từ bỏ Chủ nghĩa Cộng sản nên bị tù vì tham gia nhóm “Xét Lại Chống Đảng”, Lê Phú Khải thuật lại Kiến Giang kể: “*Lần cuối cùng Lê Đức Thọ vào thăm tôi, ông ta nói, các cậu hay đề cao trí thức, phó tiến sỹ đi học nước ngoài học về thì tở cho thêm 5 đồng vào lương, thế thôi! Tôi nhìn thẳng Thọ nói, xưa Đảng vô học vì phải đi đánh giặc, nay Đảng có chính quyền mà Đảng lại sùng bái sự vô học thì không được! Lê Đức Thọ đứng lên ra về.*

Ít phút sau tay giám thị trại giam vào hoảng hốt nói, kỳ này thủ trưởng vào là để cho ông về, vậy là chết rồi! Ông làm thủ trưởng phạt lòng, vậy là tiếp tục tù dài!”

Và Kiến Giang kết luận: *“Chúng ta không sợ lạc hậu, mà chỉ sợ nhất là lạc lõng giữa loài người.”*

Với Hà Sĩ Phu, nổi tiếng qua bài viết “Năm Tay Nhau Đi Dưới Tầm Biển Chỉ Đường Của Trí Tuệ”, Lê Phú Khải nhớ có lần Hà Sĩ Phu nhận định rằng, khi chưa có chính quyền, người cộng sản rước chủ nghĩa Mác vào cửa sau, nay có chính quyền rồi lại treo Mác trước cửa nhà để treo đầu dê bán thịt chó, thì đó là thái độ lấy oán báo ân! Rõ ràng, *“chế độ độc đảng như con vật đơn bào, nó có thể tồn tại từ thời hồng hoang của lịch sử đến ngày nay, nhưng chỉ tồn tại trong cồng rãnh mà thôi. Muốn nên người, nó phải là con vật đa bào.”*

Lê Phú Khải còn nhắc lại những lần trò chuyện với Dương Thu Hương, nhà văn nữ đã một mình khai chiến với chế độ cộng sản và được báo chí Pháp ca ngợi là “Con Sói Đơn Độc.” Ngay tại căn nhà của Dương Thu Hương ở Hà Nội, bà nói với tác giả: *“Cần có cách mạng để quét đi những rác rưởi, và cần có tự do để quét đi những rác rưởi mà một cuộc cách mạng đã sinh ra! Chỉ tiếc là, rác rưởi mà một cuộc cách mạng vô sản đã sinh ra lại nhiều hơn rác rưởi mà nó định quét đi!”*

Tác giả Lời Ai Điều dù thuộc lớp tuổi “thấp thập cổ lai hy” vẫn tìm cách gần gũi những lớp trẻ thuộc hàng em, cháu đang dẫn thân đấu tranh cho Tự Do-Dân Chủ. Qua những lần gặp gỡ, trò chuyện, ông nhận ra đặc trưng của lớp người trẻ này như Lê Thị Công Nhân, Phạm Hồng Sơn, Huỳnh Thục Vy... là họ quyết liệt không chấp nhận cộng sản, họ coi cộng

sản đồng nghĩa với tối tăm, sai trái, lừa dối, tàn bạo, phản cuộc sống, phản con người. Thế hệ của họ đã *“chỉ thẳng mặt Đảng Cộng sản là quân bán nước.”*

Đoạn cuối tác phẩm này, Lê Phú Khải tâm sự, ông năm nay đã 72 tuổi, tức là đã sống cả đời trong chế độ Đảng trị. Ông không vào Đảng trong một chế độ Đảng trị thì đương nhiên con đường “tiến thân” là u ám rồi! Ông nói: “Tôi ý thức rất rõ điều này và hoàn toàn bằng lòng, vui vẻ với con đường mình đã chọn, làm một người tự do ngoài Đảng.”

Và những dòng cuối của cuốn sách, Lê Phú Khải viết: “Sáng sớm ngày 14/09/1985 tôi đang ở bến đò Cà Mau chờ đi Năm Căn thì nghe tin đổi tiền. Mới tối hôm trước Đài Tiếng nói Việt Nam (cơ quan tôi làm việc) còn nói ‘Không có chuyện đổi tiền, đồng bào đừng nghe kẻ xấu tung tin đổi tiền’, vậy mà sáng hôm sau 14/09/1985 chính cái đài ấy lại hô hào nhân dân đến các trạm đổi tiền để đổi tiền. Một bà già lớn tuổi ngồi cùng ghe đã chỉ tay lên cái loa đang loan tin đổi tiền ở trên bờ chửi, cái đài này nó nói dóc còn hơn con điếm.”

Lê Phú Khải chấm dứt cuốn sách bằng câu:

“Tôi đã phải sống với ‘con điếm’ ấy cả đời người!”

Rõ ràng, dòng cuối cùng của Lê Phú Khải là LỜI AI ĐIẾU dành cho chế độ toàn trị đang cố bám quyền trên đất nước Việt Nam chúng ta.

Tháng Tư, 2016

Nhà xuất bản Người Việt

Đình Quang Anh Thái

LỜI NÓI ĐẦU

Có lần, bác sỹ Nguyễn Khắc Viện bảo tôi:

- Nhiều người khuyên Nguyễn Khắc Viện nên viết hồi ký. Nhưng tôi nghĩ, mình chưa một lần bị đi tù. Chưa một lần cầm súng ra trận thì có gì để mà viết hồi ký...

Cứ như lời ông Viện thì đời tôi, không đáng một xu, vậy có gì để mà viết hồi ký, hồi ức cho thiên hạ cười chê.

Nhưng bạn bè nhiều người lại khuyên Lê Phú Khải nên viết một cuốn hồi ký, không thì phí đi.

Chả là, trong lúc vui vẻ, tôi thường kể cho bạn hữu nghe những chuyện “cười ra nước mắt” của dòng họ tôi, hoặc những nhân vật mà suốt cuộc đời 40 năm làm báo tôi được tiếp cận, làm việc. Toàn là những “nhân vật lịch sử”, những chuyện đáng ghi lại. Mà những nhân vật đó lại không thích hoặc không có điều kiện để ghi lại. Bạn bè khuyên tôi nên viết lại những chuyện mà tôi biết...

Chẳng hạn, như chuyện ông nội tôi làm vagueuistre (nhân viên bưu chính) cho Toàn quyền Đông Dương như thế nào? Ông nội tôi theo Toàn quyền Maurice Long và vua Khải Định đi hội chợ Marseille năm 1922 và phiên dịch cho Khải

Định trong chuyến đi ấy như thế nào? Hay là, chuyện chú tôi, tướng Lê Hữu Qua (Lê Phú Cường) có thời gian lái xe và làm garde-corps cho cụ Hồ những năm đầu Cách mạng Tháng Tám như thế nào? Hoặc, một người chú khác của tôi là nhà báo Lê Phú Hào làm phiên dịch cho ông Lê Đức Thọ và Kissinger tại hội đàm Paris như thế nào? Hoặc chính tôi, từng tháp tùng Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong những chuyến đi công cán tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) sau này, ông Kiệt thường kêu tôi đến nhà riêng khi ông đã thôi làm Thủ tướng, để nói chuyện, tạm gọi là “tâm sự” như thế nào? Hoặc chân dung những nhà đấu tranh dân chủ mà tôi có dịp tiếp kiến, giao du như Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sỹ Phu.

Những truyện trên không ai hay cả, nhưng là “những tư liệu quý” như bạn bè tôi nói, cần cho hậu thế đọc và suy nghĩ về một thời kỳ đáng nhớ của đất nước tươi đẹp nhưng đau khổ này! Bạn tôi, toàn những người khó tính, vậy mà họ lại thích thú nghe thì có lẽ cũng nên ghi lại thật. Và cũng chỉ người “quen tay” cầm bút mới đủ kiên nhẫn để ghi lại những trang viết này trong lúc thiên hạ đua nhau đi kiếm tiền bằng đủ mọi cách, kể cả các nhà văn chửi bới nhau để tranh một cái giải thưởng... vài trăm triệu lúc này! (5/2012)

Tôi thử kể một đoạn “hồi ký” dưới đây để bạn đọc yêu mến của tôi coi có được không? Bằng không thì hãy vứt ngay cuốn hồi ký này vào sọt rác...để khỏi rác nhà!

(... Trích)

... Tôi nhớ, vào đầu những năm 80 của thế kỷ trước, khi tổng bí thư (TBT) Lê Duẩn vô thăm tỉnh Tiền Giang. Ban

thường vụ tỉnh ủy lúc đó đứng đầu là bí thư tỉnh ủy Chín Hải (tức Lê Văn Phẩm), và chủ tịch tỉnh Sáu Bình (Nguyễn Công Bình) dẫn TBT Lê Duẩn vô thăm vùng Đồng Tháp Mười thuộc địa phận Tiền Giang (90.000 ha). Đứng trước cánh đồng bao la bát ngát của vùng Đồng Tháp Mười, TBT Lê Duẩn chỉ tay về cánh đồng trước mặt, hỏi:

- Trồng những cây gì thế kia?

Bí thư tỉnh ủy Chín Hải lễ phép trả lời:

- Thưa tổng bí thư, đó là rừng tràm ạ. Bỗng mọi người sững sốt khi nghe TBT quát:

-Ngu! Ngu! Sao không trồng lúa!

Trước cơn giận dữ của TBT vì sao tỉnh lại không trồng lúa ở Đồng Tháp Mười mà lại trồng tràm... thì mọi người chỉ còn biết chết lặng mà thôi. Ai dám cãi lại? Ai dám cả gan giải thích cho đồng chí TBT rằng, đất Đồng Tháp Mười là đất phèn nặng, chỉ trồng tràm là hợp nhất mà thôi. Từ lúc TBT quát tháo như thế, không khí của đoàn trầm lặng. Hầu như không ai nói gì cả. Khi TBT Lê Duẩn đi rồi, tôi nghe rõ tiếng than của bí thư tỉnh ủy Chín Hải:

- Ông Ba (tức Lê Duẩn) quay cờ rồi(!).

... Tướng Lê Hữu Qua là một người cương trực, mỗi lần tôi có việc gia đình phải lên Bộ Công An gặp ông, nhằm lúc ông vui vẻ, thường được ông kể cho nghe về những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám, mà theo lời ông, lúc đó tinh thể cách mạng “nghìn cân treo sợi tóc”!

Ở Bộ Công An, tướng Qua là người ghét cay ghét đắng thứ trưởng Lê Quốc Thân. Theo ông, đây là một phần tử hèn nhát, cơ hội và gian manh. Chính ông Vũ Quốc Uy, nguyên

phó chủ nhiệm Ủy ban văn hóa đối ngoại của Việt Nam cũng từng nói với tôi về sự hèn nhát của Lê Quốc Thân mà ông được chứng kiến khi Pháp tấn công quân ta đang cố thủ trong nhà hát lớn Hải Phòng hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Ông Uy kể: “Khi tất cả anh em tự vệ đang quyết chiến đấu với Pháp thì Lê Quốc Thân ngồi khóc và sợ quá đái cả ra quần!” Vậy mà sau này ông ta leo lên đến chức ủy viên trung ương Đảng, thứ trưởng Bộ Công An.

Tướng Qua kể, lúc trúng ủy viên trung ương, thứ trưởng Lê Quốc Thân mỗi lần đến cục tôi làm việc (tức Cục Cảnh sát, Cục Trại giam mà tướng Qua từng làm cục trưởng) thường hoa chân múa tay nói huyền thuyên như “quan điểm” của tôi thế này, “quan điểm” của tôi thế kia... Lúc ấy, tôi nóng mắt lắm. Một hôm không chịu nổi nữa nhưng vẫn giữ sĩ diện cho “đồng chí thứ trưởng” nên lúc tan cuộc họp rồi, mọi người đã giải tán, chỉ còn tôi và thứ trưởng Thân do tôi mời lại. Tôi nói thẳng với ông ta: “Ngày còn ở An toàn khu khi thằng Đỗ Nhuận nó mới sáng tác được bài *“Du kích sông Thao”*, tối đến nó tập hợp anh em lại để hát thờ. Khi nó xướng lên *“Hồng Hà”*... thì mọi người ở dưới đều đồng thanh *“mệnh mông”*. Lúc đó anh chỉ bốc ngô rang ăn, đến nổi thằng Đỗ Nhuận phải chỉ vào mặt anh nói Lê Quốc Thân *“mệnh mông”* đi chứ, cứ bốc ngô mà ăn mãi thế! Chắc anh còn nhớ chuyện đó chứ? Cái lúc anh bốc ngô rang trong chiến khu sao tôi không thấy anh có *“quan điểm”* gì sao bây giờ mới được vô trung ương, anh lắm *“quan điểm”* thế! Lê Quốc Thân đỏ mặt rồi quay ngoắt đi thẳng. Từ đó y không bao giờ đến Cục tôi để nêu *“quan điểm”* nữa(!)”.

Tướng Qua là như thế. Tính nóng nảy, cương trực, nên hay làm mất lòng cấp trên mặc dù công trạng đầy mình. Ông từng phá “Vụ án phố Ôn Như Hầu” nổi tiếng, cứu chế độ cộng hòa non trẻ sau CM Tháng Tám thoát hiểm trong gang tấc. Vậy mà sau này, từ chức vụ Cục trưởng Cục cảnh sát ông phải miễn cưỡng nhận chức Cục trưởng Cục lao cải - tức cục quản lý các trại giam, một chức vụ bị “cách ly” với các vấn đề an ninh ngoài xã hội, không còn liên quan đến toàn bộ hệ thống pháp luật, đến sự minh bạch, công tâm, trách nhiệm cao, thâm niên nghiệp vụ cao của người đứng đầu ngành cảnh sát quốc gia như chức vụ cũ của ông. Vậy mà cũng không yên. Tướng Qua kể khi ông Phạm Hùng làm phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Công An, một lần ông đến Cục trại giam và ra lệnh cho tôi thả một nữ tù nhân đang mang án chung thân. Tôi thưa với đồng chí Bộ trưởng, đây là chuyện pháp luật, tôi không dám. Ông Phạm Hùng nói “pháp luật do ta làm ra chớ(!)”. Tôi đành thưa, xin phép để cho tôi họp Đảng ủy Cục, xin ý kiến Đảng ủy. Ông Phạm Hùng trừng mắt hỏi “đồng chí bao nhiêu tuổi?” Tôi biết không xong rồi, và sau giây phút suy nghĩ, tôi đã trả lời một cách kiên quyết, chấp nhận mọi hậu họa “tôi ít tuổi hơn đồng chí”! Thế là hơn tháng sau, tôi nhận được quyết định nghỉ hưu(!).

Ông Phạm Hùng từng là một người anh hùng như tôi đã biết. Ông từng bị thực dân Pháp kết án tử hình. Trong khám tử hình, ông tỏ ra vô cùng anh dũng, được kính nể. Vậy mà khi có quyền lực không giới hạn thì tha hóa như thế. Đó là con đường của tất cả các lãnh tụ trong một chế độ toàn trị, mà trường hợp Phạm Hùng chỉ là một ví dụ nhỏ. Cả dòng họ Lê

Phú của tôi, chỉ có mình tôi là được biết về lý do bị cho nghỉ hưu đột ngột của tướng Qua, vì ông chỉ kể cho có một mình tôi nghe trong một chiều “gió tím mưa xanh”.

Cuốn sách này là những mẩu chuyện như thế!

CHƯƠNG MỘT

HÀ NỘI, NƠI TÔI SINH RA

Tôi sinh ra (1942) trong một gia đình công chức tại Hà Nội. Theo ông nội tôi thì nơi chôn nhau cắt rốn của nội tôi là làng Cơ xá nam, ngày nay thuộc phố Nguyễn Huy Tự quận Hai Bà. Làng tôi có từ trước khi vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Làng có hai dòng họ lớn là họ Ngô và họ Lê. Lý Thường Kiệt họ Ngô (Ngô Thường Kiệt), vì có công nên được đổi sang họ vua (Lý). Nhân 1000 năm Thăng Long, đến thờ Lý Thường Kiệt được tu tạo, được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia, hiện tọa lạc ở đầu đường Nguyễn Huy Tự ngày nay.

Theo một phả của cụ Đức Quán làm ngày 12 tháng 10 năm Ất Hợi (1815) thì làng tôi vốn trước ở Núi Nùng gần chùa Một Cột. Đến thời vua Thái Tổ nhà Lý (1010), dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long mới dời làng tôi ra bãi Phúc Xá bây giờ. Theo các cụ kể lại thì vua Lý lấy đất làng tôi làm kinh đô nên cho dân “tái định cư” bằng cách thả một quả bưởi xuống dòng Hồng, bưởi trôi về đến đâu thì đất làng được đến đó. Ngẫm ra như thế thì chế độ phong kiến ngày xưa tử tế quá. Không đều cán như vụ giải tỏa cưỡng chế ở Văn

Giang, Hưng Yên (24.04.2012) vừa qua! Vì quả bưởi trôi đến đâu, đất được cấp đến đó... nên đất làng tôi mênh mông, suốt từ Chèm đến tận Khuyến Lương, Thanh Trì. Một lần, vua đi kinh lý trên sông, thấy làng tôi nhà cửa lụp xụp ven sông, dân tình nghèo khó, vui hỏi quần thần “làng kia tên là làng gì”? Quần thần thưa: đó là làng Cơ Xá. Vua thấy thế bèn cho làng tôi cái bãi bồi giữa sông và đặt tên mới cho làng là Phúc Xá (ý vua muốn đổi tên từ chữ CO là nghèo, là cơ cực sang chữ PHÚC may mắn hơn). Theo gia phả của họ Lê Phú do ông nội tôi làm tại Phúc Xá ngày 15 tháng 8 năm Ất Ty (30/9/1955) lúc cụ 74 tuổi, thấy ghi như sau: Làng ta trước là Yên Xá, tổng Tam bảo, huyện Từ Liêm, đạo Sơn Tây. Từ khi làng ta dời xuống bãi Phúc Xá năm nào cũng bị ngập lụt. Vua Thần Tồn nhà Lý ngồi chơi du thuyền đi qua làng ta, thấy nhà nào cũng ở trên sào, nên đặt tên làng ta là Cơ Xá, sau mới đổi tên là Phúc Xá. Đến đời Bảo Thái nhà Lê (1723) mới nhập vào xứ Kinh Bắc, Bắc Ninh.

Vật đổi sao dời, bãi Phúc Xá bị lở hàng năm nên dân làng hiện nay phiêu bạt nhiều nơi. Nhưng vẫn còn một bộ phận lớn của làng hiện nay đang cư ngụ tại bên bắc sông Hồng thuộc quận Gia Lâm ngày nay. Hiện nay, hàng năm làng tôi vẫn làm hội làng vào ngày mùng 6 tháng 3 AL. Họ Lê Phú của tôi hiện còn ông quyền trưởng tộc là Lê Phú Dư hiện ngụ tại số nhà 164 đường Ngọc Thụy, phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên Hà Nội.

Trừ cái hiện tại là ông trưởng tộc họ, tên Lê Phú Dư và dòng họ Lê Phú đang sinh sống tại Hà Nội, thì tất cả chuyện “ngày xưa” đều do tôi nghe kể lại hoặc theo các ghi chép từ

gia phả. Do đó không chắc gì là chính xác 100% cả. Tuy vậy, đối với dòng họ Lê Phú của tôi thì những gì mà tôi nghe được về cái làng Cơ Xá của mình nó thiêng liêng lắm, thú vị lắm. Như bất cứ người Việt Nam nào nghe kể về Bà Triệu, Bà Trưng “ngày xưa” vậy!

Dân làng Phúc Xá của tôi đã tham gia xây dựng những công trình lớn của thực dân Pháp hồi cuối TK 19, đầu TK 20 ở Hà Nội. Theo ông nội tôi kể lại thì khi xây cầu Long Biên qua sông Hồng, nhiều dân làng đã chết vì khi xây dựng móng cầu ở độ sâu do thiếu dưỡng khí, nên khi họ được kéo lên mặt nước thì đã chết ngạt từ trước đó. Xin mở ngoặc nói thêm, tháp Eiffel ở Paris được xây dựng cùng thời gian với cầu Long Biên và được khánh thành năm 1889 để kỷ niệm 100 cách mạng Pháp 1789 (với 7000 tấn thép, hơn cầu Long Biên 1000 tấn). Điều đáng nói là tháp được xây dựng ròng rã ba năm nhưng không chết một công nhân nào cả. Trong khi đó, cầu Long Biên được khánh thành 1902, với số người chết... không tính được. Chỉ riêng chuyện đó thôi, cũng thấy chuyện “nhân đạo” của bọn thực dân.

Bà cụ nội của tôi là Dương Thị Thiết (1858-1937) đã từng làm phụ hồ khi Pháp xây dựng nhà hát lớn Hà Nội. Đến bây giờ tôi vẫn còn thắc mắc là, ông nội tôi, cha mất sớm từ lúc ông có 11 tuổi, mẹ phải đi làm phụ hồ thì làm sao có tiền để nuôi ông nội tôi ăn học... đến trình độ đọc được sách chữ Hán, nói tiếng Tây trời chảy.

Ông bà nội tôi sinh được sáu người con. Thứ nhất là bà cô tôi, Lê Thị Thọ. Thứ hai là ông bố tôi, Lê Phú Khang, thứ ba là Lê Phú Cường, sau này đi hoạt động cách mạng đổi tên là

Lê Hữu Qua, thứ tư là Lê Phú Ninh, thứ năm là Lê Phú An, thứ sáu là Lê Phú hào. Ở Hà Nội (và ở miền Bắc nói chung), con gái không được tính, không “dân chủ” như Nam Bộ nên bà cô tôi không được xếp thứ. Ông bố tôi được gọi là ông trưởng, thứ đến ông hai, ông ba... bà cô tôi được ăn học hết bậc tiểu học, sau đó học trường sư phạm (école normale) ba năm, trình độ tương đương diplome. Ông bố tôi vì ăn chơi không lo học nên thi diplome bốn lần không đỗ, cuối cùng phải sang tận Lào làm thư ký một thời gian. Riêng điểm này tôi cũng thấy chế độ thi cử của thực dân Pháp là nghiêm ngặt. Con nhà khá giả như bố tôi, cha là công chức Phủ Toàn Quyền nhưng không có cửa để dứt lốt để lấy bằng cấp như chế độ cộng sản thời nay. Người chú thứ tư của tôi là Lê Phú Hào do vừa làm vừa học nên đỗ được bằng tú tài trước Cách Mạng Tháng Tám. Những người chú khác thì không biết học được đến trình độ gì, nhưng nói chung đều nói được tiếng Pháp. Ví dụ như người chú thứ hai là Lê Phú Ninh, gia đình vẫn thấy ông thường xuyên nghe radio tiếng Pháp. Vì thế nên gia đình họ Lê Phú nhà tôi có cái “lệ” rất “humour” là mỗi khi người lớn (các ông) trong gia đình gặp gỡ nhau trong các dịp lễ tết, giỗ chạp, vui vẻ thì họ nói tiếng Việt, nhưng nếu có sự cãi cọ, to tiếng mắng mỏ nhau... thì từ ông nội tôi đến bố tôi và các chú tôi đều sử dụng tiếng Tây để những người khác không biết họ cãi lộn về cái gì. Cái vốn tiếng tây “Francais sans maitre” của tôi đôi lúc cũng nghe được vài từ, chủ yếu là chữ thề của các bậc cha chú đó(!).

Ông nội tôi (1881-1967) làm vaguesmestre cho Toàn quyền Đông Dương trước CÁCH MẠNG THÁNG TÁM.

Vuguemestre là nhân viên bưu chính của một công sở. Nhưng Toàn quyền Đông Dương có cả một nhóm nhân viên làm việc trực tiếp và chỉ phục vụ riêng về một công việc nào đó cho Toàn quyền mà thôi, trong đó có nhân viên bưu chính. Giống như tổng thống Mỹ ngày nay có đến hơn 90 nhân viên phục vụ trong Nhà trắng cho riêng tổng thống, trong đó có những chức danh như chuyên viên ống dẫn nước chẳng hạn! Có nghĩa là không có chuyện “cúp nước” hay “cúp điện” với Dinh Tổng thống. Cũng giống như thế, ông nội tôi có nhiệm vụ hàng ngày đi ra bưu điện nhận thư từ, công văn cho quan Toàn quyền, rồi lại đi gửi thư từ, công văn của quan Toàn quyền về Pháp. Để làm việc này, cụ có ô tô riêng và có một ông “tây đen” lái xe đi và về! Những điều tôi kể không quan trọng vì kiếm đâu chẳng có một nhân viên để làm những việc đó. Cái chính, như ông nội tôi kể là, sở dĩ quan Bấy Toàn quyền chọn ông làm nhân viên vagueuestre vì... chữ ông nội tôi rất đẹp. Quan Bấy rất kén người chữ đẹp để để bao bì thư cho mình gửi về Pháp. Bây giờ chúng ta được xem những tờ giấy khai sinh của bố mẹ mình thời Pháp thuộc, thì thấy chữ viết được điền vào các tờ mẫu khai sinh thời đó rất đẹp. Đến chọn một nhân viên viết giấy khai sinh ở công sở, người ta còn chọn người chữ đẹp nữa là ở Phủ Toàn Quyền, viết bao thư cho Toàn quyền gửi về mẫu quốc. Cái văn hóa chữ đẹp ấy của người Pháp đã khiến ông nội tôi được quan Toàn quyền Đông Dương chọn làm nhân viên vagueuestre cho mình. Mà ông nội tôi viết chữ đẹp thật! Tôi đã bị ông nội tôi đánh sưng cả tay khi viết tập đồ. Ông nội tôi khi cầm cây bút có hình lưỡi mác chẻ đôi, khi viết có nét đậm nhạt khác nhau tùy theo

chủ ý của người viết, chấm mực rồi, không phải đặt bút viết ngay mà khua cây bút vài dòng để luyện gân tay rồi mới thả ngòi bút xuống trang giấy! Giống như hai đồ vật trước khi lao vào đấu vật, họ thường múa vài đường thật đẹp để “điều võ giương oai” và để làm đẹp lòng khán giả. Nhìn ông nội tôi cầm bút, trước khi viết, múa bút vài vòng như một thứ “đạo”! Cái chữ đầu tiên của một địa chỉ trên phong bì thư đương nhiên phải viết chữ hoa. Vì thế nét bút đầu tiên phải là một nét phẩy từ dưới lên, rồi mới đến chữ cái viết hoa đầu tiên. Thiếu cái nét phẩy ngược lên ấy thì chữ cái viết hoa đầu tiên tro trên như anh chàng “ở truồng” vậy! Ấy là lời bình của ông nội tôi. Có câu chuyện thú vị thế này. Khi người anh rể tôi là một đại úy quân đội được cử sang Liên Xô tu nghiệp ở học viện quân sự Frunze (Military Academy) sau năm 1954. Một hôm có người báo với đại úy Việt Nam này rằng, anh lên gặp ngay thượng tướng hiệu trưởng trường. Ông anh rể tôi run quá. Một học viện cỡ quốc tế, có hàng nghìn học viên các nước theo học, cắc cớ gì mà một học viên cấp úy như ông phải lên gặp thượng tướng hiệu trưởng? Vừa đi vừa run. Khi ông anh rể tôi đứng nghiêm giờ tay chào vị thượng tướng theo phong cách nhà binh và chờ đợi. Bất ngờ vị tướng oai phong đó đặt một bức thư lên bàn và hỏi: Ai viết cho đồng chí bức thư này? Ông anh tôi cầm thư xem và thưa, đây là thư của ông nội vợ tôi viết trả lời sau khi nhận được thư hỏi thăm của tôi. Nghe rồi, vị tướng đó chỉ nói một câu ngắn gọn: chữ ông nội vợ đồng chí đẹp quá! Rồi cho đồng chí đại úy Việt Nam ra về! Thì ra cái văn hóa chữ đẹp nó có cả ở bên Nga nữa.

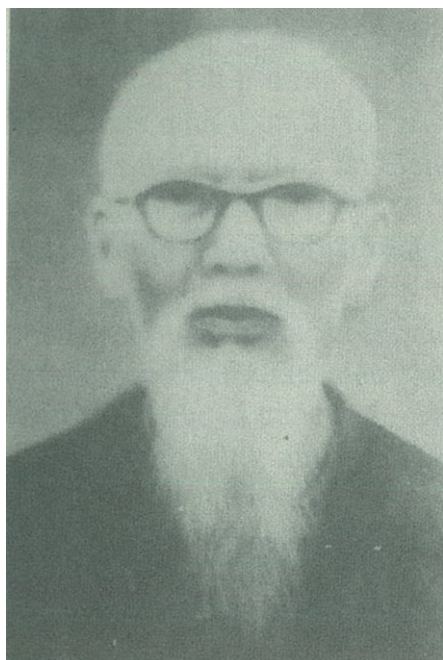
Thế mà bây giờ người ta lại đi học cái “thư pháp” của Tàu,

viết chữ Latinh mẫu tự a,b,c theo cách viết chữ tượng hình của chữ Hán thì thật là ngu ngốc quá! Nhìn mấy chữ Việt “thư pháp” trên các cuốn lịch Việt Nam ngày nay người ta phát lộn mửa!

Chuyện ông nội tôi làm veguemestre cho Toàn quyền Đông Dương nhờ chữ đẹp là như thế. Nhưng ngoài công việc của một nhân viên bưu chính cho Toàn quyền, ông nội tôi còn một nhiệm vụ nữa là làm thông ngôn, ngày nay gọi là phiên dịch cho quan Toàn quyền mỗi khi có các quan An Nam ở địa phương lên bẩm báo. Chủ yếu là vào các dịp tết, lễ, các quan tỉnh, quan huyện lên biểu xén quà cáp, đút lót cho Toàn quyền. Nếu các vị đó biểu Toàn quyền 10 thì cũng phải biểu ông nội tôi 1-2 vì sợ ông nội tôi dịch sai! Chính vì thế, khi đến tuổi 50, Toàn quyền Đông Dương bảo ông nội tôi theo luật thì công chức sở tây đến 50 tuổi phải nghỉ hưu, nếu mày muốn tiếp tục làm thì tao chuyển cho mày sang ngạch An Nam. Mày sẽ được làm tri huyện, nhưng tri huyện vùng xuôi thì kín rồi. Nếu mày muốn thì làm tri châu (quan huyện ở miền núi) thì tao ký cho mày đi nhậm chức. Ông nội tôi suy nghĩ, nếu làm quan mà không ăn của đút, không bòn rút của dân, thì lấy đâu ra lụa là châu báu, của ngon vật lạ... để đem biểu quan trên như chính mắt ông tôi nhìn thấy. Vì thế, ông nội tôi xin về... Ngày ông nội tôi rời Phủ quyền, quan Bấy tiến ra tận cổng phủ, bắt tay rất chặt trước lúc chia tay. Vẫn theo ông nội tôi kể, thì đó là lần đầu tiên có một người về hưu mà Toàn quyền tiễn ra tận cổng.

Chắc ông nội tôi phải là một công chức cần mẫn lắm thì mới được quan Toàn quyền “ưu ái” đến thế! Vậy mà, khi

Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến toàn quốc sắp bùng nổ, ông nội tôi đã đem toàn bộ gia quyến tản cư lên Phú Thọ, theo lời kêu gọi của cụ Hồ trường kỳ kháng chiến.



Cụ Lê Phú Chử (1881-1967) ông nội của tác giả.

ĐI TÀN CỬ LÊN CHÍ CHỦ PHÚ THỌ

Đại gia đình Lê Phú bao gồm tất cả các người con, người cháu của ông nội tôi lên một toa đèn tàu hỏa từ Hà Nội và điểm dừng là ga Chí Chủ. Đây là quê của người con dâu thứ ba của ông nội tôi. Tôi thường gọi là thím Ba. Nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình của gia đình thím Ba mà ông nội tôi mua được một quả đồi tên là đồi Dọc Bùng tại thôn Chí Chủ, xã Chí Tiên huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ. Quả đồi được mau chóng khai phá để trồng sắn, nuôi gà vịt... lấy lương thực theo kháng chiến trường kỳ. Mẹ tôi, một người buôn bán giỏi ở Hà Nội trước đây, đã mở một xưởng làm thuốc lá thủ công) lấy tên là hãng thuốc lá Lương Sơn theo khẩu hiệu “kháng chiến toàn diện” của cụ Hồ. Xưởng thuốc lá phát triển rất tốt. Nhiều con cháu trong họ đã trở thành công nhân làm thuê cho mẹ tôi. Thuốc lá nhãn hiệu Lương Sơn được bán rộng rãi ở vùng tự do lúc đó. Nhưng đến giữa năm 1950, gia đình bố mẹ tôi phải hồi cư về Hà Nội, vì mẹ tôi mang bầu, không thể ngược xuôi buôn bán được nữa. Ông bà nội tôi và gia đình họ Lê Phú vẫn theo kháng chiến đến cùng.

Khi đặt chân lên quả đồi Dọc Bùng ở Chí Chủ, lúc đó tôi

mới tròn 5 tuổi và tôi chỉ ở đó cho đến năm 8 tuổi lại theo bố mẹ về Hà Nội sống nhờ bên ngoại giàu có. Nhưng trong ký ức tuổi thơ của tôi, những ngày sống ở Chí Chủ vô cùng thơ mộng, hấp dẫn. Thiên nhiên miền Trung du Phú Thọ với “rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt” đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết. Quả đồi gia đình tôi ở chung quanh là đầm nước. Buổi sáng khi sương còn giăng trên mặt hồ đã có những đoàn thuyền nan bé xíu buông lưới, gõ mạn thuyền đuổi cá vô lưới nhện nhip cả một góc rừng. Những chiều mưa đứng trên đồi nhìn xuống mặt hồ mù mịt thấy nao nao người. Tôi thường thần thờ chơi một mình ở những “yên ngựa” vòng xuống nối liền hai quả đồi. Ở đó có những hòn đá cuội đen bóng như than. Hết thung lũng lại lên những quả đồi sim hoa tím quả ngọt, nhiều khi ăn sim chín đến say sẩm mặt mày. Đẹp nhất vẫn là những đồi cọ. Đứng từ xa nhìn một đồi cọ mới thấy hết vẻ đẹp của miền Trung du. Rừng không âm u rậm rịt mà tươi sáng. Nắng chiếu xuống những tán lá cọ to như cái nia tạo bóng râm bên dưới như mời gọi du khách đến gần. Những tàu cọ non màu trắng ngà xòe ra như đang múa điệu múa miền Trung du sơn cước. Vào mùa hè, ve kêu trong rừng cọ nghe như bản giao hưởng bất tận. Những con ve sầu ở miền Trung du to như ngón chân cái và dài đến mười phân, màu đen nhưng có vạch đỏ ngay lưng rất đẹp. Trẻ con địa phương gọi là con cổ cọ. Đám trẻ chúng tôi lấy những cái cần câu nối vào nhau, đầu câu câu dính nhựa mít có thể dính được những chú cổ cọ đâu trên thân cọ.

Ba năm ở Chí Chủ, ngoài hạnh phúc được thưởng ngoạn thiên nhiên diễm lệ của miền Trung du, tôi còn được chứng

kiến cảnh tàn cư kháng chiến chống Pháp của dân miền xuôi đi kháng chiến và tình cảm “lá lành đùm lá rách” của đồng bào miền ngược. Gia đình chúng tôi, sau khi mua được quả đồi, nhờ sự giúp đỡ của đồng bào địa phương, làm được một dãy nhà lá dài, vừa để ở, vừa để làm “xưởng” thuốc lá của mẹ tôi. Đồng bào địa phương gọi quả đồi Dọc Bùng nơi chúng tôi ở là “Trại Hà Nội”. Xung quanh khu nhà ở, gia đình chúng tôi trồng sắn làm lương thực. Đã gần 60 năm rồi mà tôi vẫn nhớ hàng ngày phải đi nhặt lá sắn rụng dưới chân rừng sắn trên đồi để làm củi nấu “com”. Sở dĩ chữ com phải cho vào dấu nháy nháy, vì nồi com có 90% là sắn. Hạt com chỉ dính vào các miếng sắn mà thôi. Tất cả mọi người trong gia đình đều phải ăn com độn sắn như vậy. Riêng tôi, vì là cháu đích tôn của dòng họ nên được ngồi ăn riêng với ông bà nội tôi, ăn com là chủ yếu. Số phận đã cho tôi những ưu ái từ thừa còn bé như thế. Sau này đến lúc về già rồi, một cô em họ trong dòng họ Lê Phú còn nhắc chuyện cũ... Cô em tôi “tố khổ” rằng, hồi còn nhỏ, mỗi khi tôi đi đâu về, ông nội vẫn bắt cô phải cởi giày cho tôi! Chẳng biết chuyện ấy có thật hay không, tôi đành bảo cô em tôi: Thì bây giờ cô ngồi lên ghế để tôi cởi giày cho cô, trừ nợ vậy! Cả nhà đều cười. Chuyện cũ nhắc lại là như thế. Xã hội phương đông là như thế, biết làm sao được!

Ngày ấy ở “Trại Hà Nội” của chúng tôi đã xảy ra một sự kiện gây chấn động cả thôn Chín Chủ vốn yên tĩnh và thơ mộng này. Đó là vụ oanh tạc của bốn chiếc máy bay khu trục Pháp vào trại. Số là, quả đồi mà đại gia đình chúng tôi ở được phát quang, lại dựng những dãy nhà lá to, đẹp để vừa làm

nhà ở, vừa làm xưởng thuốc lá. Vì thế, một buổi chiều, bốn chiếc máy bay khu trục cũ của Pháp đi oanh kích ở đầu về, có lẽ chúng còn thừa đạn và tưởng rằng khu “Trại Hà Nội” của gia đình chúng tôi là cơ quan của Việt Minh... nên chúng lao xuống bắn phá. Lúc đó tôi đang thơ thẩn chơi ở trên đỉnh một quả đồi bên cạnh nên nhìn rất rõ bốn chiếc máy bay lượn vòng trên khu “Trại Hà Nội” và từng cái thay nhau lao xuống nã đạn. Cứ thế, thay nhau lao xuống chừng hơn 10 phút sau, có lẽ là hết đạn nên chúng kéo nhau bay đi. Khi chúng đi rồi, cả khu trại bốc khói mù mịt. Chỉ sau đó ít phút, đồng bào ở các quả đồi xung quanh nhất loạt bơi thuyền sang cứu “Trại Hà Nội”. Có thuyền còn mang cả băng cứu thương, thuốc men sang cứu trợ. Nhưng may quá, cả gia đình tôi không ai bị thương, dù là bị thương nhẹ. Điều kỳ diệu này là nhờ sự sáng suốt của ông nội tôi. Cụ đã chỉ đạo cho đào hầm chui chi ngay trong nhà. Khi nghe thấy tiếng máy bay là tất cả mọi người nhảy ngay xuống hầm sâu. Đất đồi cứng, lại khô ráo nên mọi người nằm ép sát xuống đáy hầm, đạn chỉ bắn xéo nên không ai bị dính đạn cả, còn tất cả đồ đạc trong nhà thì tan hoang như một bãi chiến trường. Đã gần 60 năm mà tôi vẫn nhớ như in những hình ảnh đó. Những chiếc chăn bông để trên giường bị đạn của súng liên thanh bắn xuyên qua, đầu đạn còn kéo theo những nắm bông “nhét” vào các bức tường được làm bằng phen tre. Khi máy bay đi rồi, bọn trẻ con chúng tôi được phân công gỡ những búi bông đó ra để “tái cấu trúc” lại chiếc chăn bông! Các cột nhà là các cây buơng (một loại nứa to bằng bắp đùi người lớn) bị dính đạn đều vỡ toác ra. Một con cá chép to treo dưới bếp bị đạn bắn mất

đầu. Và một chi tiết khiến tất cả mọi người đều ngạc nhiên là đôi giày cao cổ bằng da, thứ giày của hiến binh Pháp (police militaire) đi tuần tiểu bằng mô tô mà ông chú thứ hai của tôi đưa cho ông nội tôi đi kháng chiến để dựng đứng ở dưới gầm bàn, bị nhiều vết đạn xuyên qua mà đôi giày vẫn đứng thẳng. Sức đạn đi quá nhanh khiến đôi giày da không kịp đổ(!). Sự an toàn của gia đình tôi khiến tất cả bà con đến cứu nạn phải ngạc nhiên. Mọi người đều nhận ra sự lợi hại của những căn hầm trú ẩn được đào ngang dọc ngay trong nhà. Nếu hào được đào ở xa, thì khi chạy ra trú ẩn, nhất định sẽ có người bị dính đạn.

Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, người ta được chứng kiến tình cảm thiêng liêng của đồng bào với chính phủ Việt Minh. Trăm nhà như một. Tất cả đều yêu thương đùm bọc nhau, đoàn kết xung quanh chính phủ Hồ Chí Minh để kháng chiến trường kỳ giành độc lập. Sự đùm bọc của đồng bào địa phương đối với gia đình di tản cư từ Hà Nội như gia đình tôi đã nói lên sự thật đó. Công bằng mà nói, lúc đó những người cộng sản Việt Nam đồng nghĩa với những người yêu nước và được nhân dân cả vùng tự do đến vùng tạm chiếm ủng hộ tuyệt đối, trừ những phần tử theo đuôi Pháp. Có những hình ảnh mà tôi không bao giờ quên về những cán bộ của chính phủ cụ Hồ lúc đó. Ông nội tôi có năm người con trai như đã kể ở trên. Trừ ông bố tôi không hoạt động, còn bốn người chú ruột của tôi đều tham gia hoạt động trong hàng ngũ Việt Minh. Vì thế gia đình tôi tản cư, đóng ở Chi Chủ Phú Thọ là một địa điểm trung chuyển, nghỉ chân cho các cán bộ Việt Minh từ vùng tạm chiếm lên chiến khu

Việt Bắc. Khi kháng chiến chống Pháp bùng nổ, thì người chủ thứ nhất của tôi mà tôi thường gọi là chú Hai (thứ hai, sau bố tôi là cả) là giám đốc công an khu 11, tức khu Hà Nội. Khi nha công an trung ương chuyển lên Việt Bắc, thì ông là phó ty trật tự tư pháp, đồng thời là phó giám đốc công an liên khu ba. Có lẽ vì thế mà các đoàn từ khu ba lên Việt Bắc thường nghỉ chân tại nhà tôi ở Chí Chủ, Phú Thọ. Có nhiều lần ông Nguyễn Lương Bằng, có lẽ lúc đó phụ trách tài chính của Đảng, nên thường mang hàng quý của đồng bào khu ba quyên góp cho kháng chiến lên Việt Bắc, đi qua Phú Thọ thì thế nào cũng ghé lại nhà tôi tức “Trại Hà Nội”. Một lần, ông dẫn một đoàn ngựa thồ mang hàng lên Việt Bắc, chủ yếu là thuốc tây, có ghé lại nghỉ ở nhà tôi. Ông có một chiếc khăn rửa mặt đã rách, ông nhờ mẹ tôi khâu lại (có nghĩa là lấy kim chỉ khâu những chỗ đã rách liền lại với nhau. Tôi phải nói rõ từ “khâu” khác với “vá” vì sợ sau này các bạn trẻ không hiểu khâu là cái gì. Cũng như thằng con tôi, nó chỉ biết cái áo mưa, khi nói đến áo tôi thì nó hỏi là áo gì?). Lại nói về ông Bằng. Khi ăn cơm, có một bát cà bung để từ trưa, đến chiều đã vừa mẹ tôi định đem đổ đi thì ông Bằng giữ lại, ông nói để tôi ăn. Trước khi ông đưa đoàn ngựa thồ rời nhà tôi lên Việt Bắc, ông cho mẹ tôi một hộp dầu cù là con hổ phù, tức hộp dầu cù là có hình con hổ chạm nổi ở trên nắp hộp. Mẹ tôi than phiền ông này nghèo quá mà cũng keo quá! Mẹ tôi có hay đâu ông phụ trách tài chính của một đảng đang cầm quyền. Ông có cả đoàn ngựa thồ chở toàn đồ quý, nhưng đó là những thứ đồng bào quyên góp cho kháng chiến, ông không dám tơ hào cái kim sợi chỉ. Sau này bà nội tôi định làm mai mối ông cho

em ruột của bà, là một infirmiere ở Hà Nội theo bà đi tản cư chưa có chồng. Nhưng bà trẻ của tôi (theo cách gọi trong gia đình) đã chê ông Bằng nghèo nên... không lấy. Sau đó bà lấy một ông cán bộ lãnh đạo của ty giáo dục Phú thọ. Ông này vợ mất, đã có hai đứa con gái. Khi kháng chiến thành công, ông Bằng làm đến chức phó chủ tịch nước, chúng tôi vẫn nói đùa với bà trẻ phải chi hỏi đó bà trẻ chịu lấy ông Bằng thì bây giờ chúng cháu được nhờ(!).

Bây giờ, nhiều năm trôi qua ngồi nghĩ lại so sánh con người thời đó với bây giờ thấy thật buồn, thật trớ trêu. Khi khởi đầu, Đảng có một lớp cán bộ đáng quý như thế. Nhưng đi theo Chủ Nghĩa Cộng Sản, một chủ nghĩa không tưởng rồi tuân thủ cái gọi là “tập trung dân chủ”, đã loại dần những cán bộ tốt ra khỏi guồng máy cai trị của mình khi có toàn vẹn đất nước trong tay, Với tập trung dân chủ, thực chất là độc đoán, độc tài của một nhóm người đã dẫn đến một bộ máy toàn trị đa phần là kẻ xấu như ngày hôm nay. Ngày nay thế hệ trẻ có tư tưởng dân chủ chỉ nhìn thấy bộ máy của Đảng toàn những gương mặt như Nguyễn Phú Trọng, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Sinh Hùng, Đinh Thế Huynh... và một bộ máy công an hung hãn đàn áp dân chủ... nên họ phủ định hết, không chút nhân nhượng với cộng sản. Họ chưa từng được chứng kiến một ông cán bộ phụ trách tài chính của Đảng dùng một cái khăn lau mặt rách nát trong khi có cả kho của quý trong tay... như thế hệ chúng tôi. Nhưng không trách họ được. Có lẽ, nói về Đảng và chế độ cộng sản ở Việt Nam một cách “toàn cảnh” phải lấy lời của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện lúc ông ở tuổi 82 là công bằng nhất: “Đời tôi là đời một

kẻ ngây thơ, phần “thơ” là đi theo cụ Hồ kháng chiến chống xâm lược, tôi giữ nó lại. Phần “ngây” là đi theo CNXH, tôi vứt nó đi. Nhưng nếu phải sống lại, tôi vẫn đi con đường đó.” Đã có lần tôi chép nguyên văn câu nói này đưa cho ông Võ Văn Kiệt, lúc đó đang là cố vấn Ban chấp hành trung ương Đảng coi. Xem xong, ông Kiệt không nói gì cả(!) Vì thế, tôi rất đồng cảm với nhà trí thức đang sống ở Pháp Nguyễn Gia Kiểng khi ông cho rằng, các thế hệ sau này có thể không khát khe với những người cộng sản lớp trước, nhưng lịch sử sẽ rất khát khe với những người cộng sản hôm nay. (Tức thời điểm 2012 này).

Tuổi thơ của tôi ở Chí Chủ còn được chứng kiến nhiều hình ảnh khó quên. Nó đeo đẳng tôi cho đến lúc về già. Đó là những ngày mừng 1 Tết, ông nội tôi tập hợp cả đại gia đình trước khoảng sân rộng trước nhà. Mọi người chào cờ. Kéo cờ lên dần đỉnh cột và hát quốc ca. Khi cờ lên đến đỉnh thì quốc ca vừa dứt. Ông nội tôi rút súng lục ra, bắn một phát chỉ thiên để chào mừng năm mới. Chào mừng thêm một năm kháng chiến. Hào hùng lắm! (Súng do ông chú tôi “cấp” cho ông nội tôi). Hồi đầu CÁCH MẠNG THÁNG TÁM, ông nội tôi cũng có một khẩu súng lục, cũng do ông chú tôi “cấp” nhưng sau đó bị ông chủ tịch xã mượn chắc là để đeo cho oai. Ông chủ tịch xã là ông Minh Tiến, sau làm đến chức thứ trưởng Bộ Công An. Ông ta là một thư lại rất láu cá. Tôi sẽ kể về sau. Cái giấy “mượn” súng có đóng dấu hằn hoi, đến bây giờ chú em họ tôi còn giữ. Tôi thường được chú giở ra cho xem. Chú em tôi giữ rất cẩn thận và coi như đồ gia bảo. Ở Chí Chủ, lâu lâu các chú tôi đi kháng chiến, mỗi lần có dịp

đi qua Phú Thọ lại ghé thăm nhà. Đó là những giây phút vui nhất trong gia đình. Người chú thứ tư của tôi, tôi thường gọi là chú Năm, tính theo thứ tự từ bố tôi là cả (cả, hai, ba, tư, năm) tên là Lê Phú Hào, mỗi lần về nhà ông lại dạy chúng tôi học hát. Khi chúng tôi hát, ông đánh đàn và đệm cho chúng tôi. Người chú thứ ba thì đi bộ đội tên là Lê Phú An. Có một buổi tối, chú tôi đem một tập thơ nhỏ đọc cho cả nhà nghe. Tôi còn nhớ, khi nghe bài “Bầm ơi” của nhà thơ Tố Hữu, mọi người chăm chú nghe, rung rung cảm động. Quả thật thời đó con người ta thương yêu nhau lắm. Sau bao năm nô lệ, nước Việt Nam được độc lập ai cũng vui sướng, mặc dù còn thiếu thốn trăm bề:

“Củ khoai củ sắn thay cơm

Khoai bùi trong dạ, sắn thơm trong lòng

Nóng hùm nước giếng trong đờ khát

Nhìn trời cao mà mát tâm can...” (Tố Hữu)

Cái tình người mà Tố Hữu viết như thế là có thật. Đau đớn và bẽ bàng thay là bây giờ, no đủ hơn lúc đó, nhưng một nhà thơ cũng rất nổi tiếng là Bùi Minh Quốc phải thốt lên rằng:

“Ngोảnh mặt phía nào cũng phải ghì con mưa

Cả một thời đều cáng đã lên ngôi!”

Rất nhiều người thời nay khi nhắc đến xã hội Việt Nam kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã trích câu thơ này của Bùi Minh Quốc như một sự khái quát có giá trị, vì nó nói thay cho tâm trạng của hàng triệu người Việt Nam hôm nay,

Những năm ở Chí Chủ, tôi thấy ông nội tôi nhẫn nại dạy bà nội tôi học chữ. Bà nội tôi mù chữ từ nhỏ, bây giờ nước

độc lập rồi, chả nhẽ ông nội tôi lại để vợ mình không biết chữ. Nhưng bà nội tôi tối dạ lắm, không học được chữ. Ông nội tôi đã chỉ dạy bà viết chữ E, tức tên bà nội tôi là Nguyễn Thị E. Nhưng học mãi mà bà tôi vẫn không viết nổi. Tôi còn thấy ông nội tôi viết ba chữ: Hồ Chí Minh thật to để bà tôi nhận mặt chữ, phòng khi sau này có đi bầu cử thì nhớ không gạch tên đó. Thế là sau này cứ đưa chữ Hồ Chí Minh ra là bà nhận được mặt chữ. Ông nội tôi mừng lắm. Là một công chức mẫn cán của Phủ Toàn quyền Đông Dương, ông nội tôi đã kính yêu chủ tịch Hồ Chí Minh như thế. Đó là sự thật. Nhưng nay, trong lúc tôi đang viết những dòng chữ này, tôi đọc được bài viết của nhà báo Bùi Tín trên mạng Internet bình luận về bài: “Hồ Chí Minh là một người cộng hòa hay cộng sản” của nhà nghiên cứu Nhật Bản, giáo sư Tsuboi Yushiharu. Ông Bùi Tín dẫn ra 24 năm cầm quyền, ông Hồ đã giải thể trường đại học luật, xử chết 27 ngàn người trong cải cách ruộng đất bằng “tòa án nhân dân” thì sao gọi là cộng hòa được? Không có báo chí tự do thì sao gọi là cộng hòa được? Lúc sắp ra đi, ông Hồ chỉ mong được gặp Marx Lenin, không mong gặp tổ tiên thì là cộng sản chứ sao là cộng hòa được?

Nhà văn Phạm Đình Trọng trong một bài viết mới đây nhan đề “Thông điệp tháng Tám”. Sau khi phân tích tất cả những hiểm họa của đất nước đang diễn ra, ông kết luận: “Thế kỷ trước, thế hệ đi tìm đường cứu nước đã lạc đường dẫn đến thế nước hiểm nghèo hôm nay!” Đó là một đánh giá công bằng, khách quan, chính xác. Không ai phủ nhận những người cộng sản thế kỷ 20 không yêu nước. Nhưng đi lạc đường, lạc vào quỹ đạo cộng sản, vậy thôi. Đau xót là vậy.

Quy đạo cộng sản là cái gì thì đã có ngàn, vạn bài báo, cuốn sách viết về nó, không cần phải nhắc lại.

Ở Chí Chủ đến năm 1950 thì mẹ tôi mang bầu, không thể ngược xuôi buôn bán được nữa nên gia đình tôi phải hồi cư về Hà Nội. Hồi đó, hễ đi kháng chiến mà quay về vùng tạm chiếm thì bị gọi là “dinh tê” về thành. Dinh tê là có lỗi, có tội với kháng chiến nên phải đi lén lút. Mẹ tôi cùng bốn chị em tôi cùng bà cô ruột tôi, gồm toàn thể là đàn bà trẻ con rồi đôi Dọc Bùng trong một đêm tối. Lúc chúng tôi xuống đò để rời đôi Dọc Bùng, bà nội tôi luôn mồm khấn: “Lập bốn phương trời, mười phương đất... phù hộ cho con cháu tôi đi đến nơi về đến chốn”. Lúc đó, tất cả đều khóc như mưa. Từ cái đêm hôm đó, đoàn hơn 10 người tất cả là đàn bà và trẻ con đã tiến hành một cuộc “vạn lý trường chinh” hơn 100 km từ Chí Chủ, Phú Thọ về Hà Nội. Đêm đi, ngày nghỉ để tránh sự kiểm soát của dân quân du kích vùng tự do Phú Thọ. Trí nhớ của đứa trẻ lên 8 tuổi đã không cho phép tôi nhớ nổi chúng tôi đã đi không biết bao nhiêu đêm trong đói khát lo sợ. Sau nhiều đêm đi bộ, một buổi sáng đẹp trời chúng tôi về đến thị xã Sơn Tây, cửa ngõ Hà Nội, thuộc vùng tạm chiếm. Về Hà Nội, sau một thời gian ở nhà gia đình ông bác anh ruột mẹ tôi, một gia đình buôn bán giàu có ở phố Hàng Buồm, về sau ông bị quy kết là tư sản... chúng tôi may mắn đòi lại được căn nhà ở phố Hàm Long, nơi mẹ tôi có một cửa hàng bán đồ hộp trước kia. Tôi bắt đầu đi học, theo chương trình tiểu học, bắt đầu là lớp năm, lớp tư, lớp ba... cho đến lớp nhất. Vì trước đó đã được ông nội tôi dạy cho biết đọc biết viết nên tôi được nhận vào học lớp tư, không phải qua lớp năm của trường tiểu học Ngô

Sỹ Liêm ở phố Hàm Long. Đó là một ngôi trường rất nên thơ với những lớp học tràn đầy ánh sáng, sân trường có những cây bàng cổ thụ rợp bóng mát. Ngôi trường đến bây giờ vẫn còn (2012) nhưng được xây lên thành một tòa nhà nhiều tầng, không cân xứng với khuôn viên nhỏ bé của nó như xưa kia. Linh cảm thế nào ngôi trường xinh đẹp này cũng bị phá đi để xây lên cao tầng. Một lần từ Sài Gòn ra Hà Nội, tôi đã đem máy máy tới chụp ngôi trường kỷ niệm này. Tấm hình này tôi vẫn giữ và những chiếc “gió tím mưa xanh” tôi vẫn đem ra ngắm lại ngôi trường tiểu học thời thơ ấu của mình, ôn lại những ngày đầu tiên cắp sách tới trường đầy kỷ niệm.,,

Nếu ở Chí Chủ tuổi ấu thơ của tôi được tắm mình trong thiên nhiên diễm lệ của miền Trung “rừng cọ đồi chè”... của đất nước thì tuổi thơ đi học của tôi ở Hà Nội là những năm lêu lổng nhất. Thời đó không có cái quái thai “học thêm” như thời nay. Sáng đi học, chiều về là tôi cùng lũ trẻ con lê la trên hè phố. Phố Hàm Long với những cây com nguội, phố Lò Đức gần đó là những cây sao nổi tiếng, phố Phan Chu Trinh thảm cỏ rộng và những hàng cây sấu cổ thụ... Ba con phố ấy đổ về ngã năm: Hàm Long, Lò Đức, Lê Văn Hưu, Hàn Thuyên, Phan Chu Trinh... là “đất thánh” của bọn trẻ chúng tôi. Mùa nào cũng có trò chơi của mùa ấy. Mùa chơi quay, tiếp đến mùa chơi đu, mùa chơi bi... hầu như suốt buổi chiều mỗi ngày chúng tôi đều lê la trên vỉa hè với những trò chơi bất tận đó. Bây giờ những trò chơi của trẻ con ngày ấy đã mất hẳn. Ngoài ra lũ trẻ chúng tôi còn có những trò chơi gắn với bốn mùa xuân hạ thu đông. Mùa hè chúng tôi đi bắt ve sầu bằng cái cần câu có dính nhựa mít. Mùa mưa đi đổ đẽ. Khi

phát hiện một tổ dế, lũ chúng tôi thay nhau đi múc nước cống đổ xuống tổ. Khi con dế không còn chịu được nước ngập nữa, nó phải bò lên miệng hố, thò hai cái râu lên khỏi mặt đất. Chúng tôi lấy que xiên xuống, chặn đường rút lui của nó rồi lần tay xuống lỗ, bắt gọn những chú dế mèn bóng nhẫy... Nhưng con dế đó được nuôi trong những chiếc hộp carton, được cho ăn cỏ non, được phơi sương mỗi đêm... Đến mùa sáu chín, chúng tôi làm súng cao su, nhả những chum sáu chín vàng trên cây để bán, Sáu chín ngọt lịm như tuổi thơ của tôi trên vỉa hè phố phường Hà Nội. Hồi đó Hà Nội còn vắng vẻ, buổi trưa, khi mọi người yên nghỉ trong nhà, tôi và chúng bạn thơ thẩn dưới những hàng cây com nguội, những hàng sấu, nghe tiếng ve kêu ra rít trên cành sao mà thú vị, say mê đến thế. Năm ngoái tôi có dịp ra Hà Nội để hẳn một ngày đi bộ tha thẩn trên các hè phố Hàm Long, Phan Chu Trinh, Hàn Thuyên, Hàng Chuối, vườn hoa Pasteur, phố Nguyễn Huy Tự ra đến bờ sông... đâu đâu cũng thấy hàng quán lấn hết vỉa hè, xô bồ, hỗn tạp mất hẳn cái yên tĩnh nên thơ của những biệt thự nhỏ nối đuôi nhau ở các phố Hàn Chuối, hàn Thuyên... năm xưa. Hà Nội bây giờ chẳng đem lại cho tôi cảm xúc gì ngoài cái bệ rạc, bát nháo, nửa quê, nửa tỉnh, ông không ra ông, thằng không ra thsàng... Tôi cũng để ra một ngày lên tận huyện Thạch Thất, Sơn Tây cũ xem cái gọi là Hà Nội mở rộng bây giờ. Thật kinh ngạc. Vùng bán sơn địa với núi đá lởm chởm này bây giờ cũng thuộc về Hà Nội. Vậy là thủ đô nước Việt Nam cũng có cả vùng núi. Hai Bà Trưng theo sử sách nói quê ở Mê Linh. Nay Mê Linh cũng thuộc về Hà Nội. Sử phải cập nhật ngay và viết là: Hai Bà Trưng quê ở

Hà Nội...

Các nhóm lợi ích đã phá nát đất nước này một cách không thương tiếc. Hễ ở đâu đất đai có thể chi chác được là chúng làm, bất kể điều gì, kể cả về lại bản đồ đất nước.

Lại nói về Hà Nội những năm 50 đầu thế kỷ trước. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đến giai đoạn này đã chuyển sang thế phòng ngự và tấn công. Quân đội viễn chinh Pháp bắt đầu thua liểng xiểng. Người Hà Nội chứng kiến cảnh binh lính Pháp sau những ngày thua trận ở các nơi về Hà Nội với vẻ chán trường, râu tóc bơ phờ và... sống gấp. Các bar rượu, vũ trường, đèn xanh đỏ lập lòe, nhốn nháo thâu đêm. Cùng nhờ đám viễn chinh này ăn chơi xả láng mà nhiều người cũng kiếm chác được nhờ phục vụ chúng. Có chị bán thuốc lá trước một rạp chiếu bóng kể bán thuốc cho tây một lải mười. Khi một thằng tây mua gói thuốc, nó đưa tiền chặn, khi trả lại tiền (miền Nam gọi là thối tiền), đáng phải trả lại mười thì chỉ trả lại một. Nó chẳng đếm lại bao giờ, dứt tiền vào túi đi ngay. Nếu thấy nó đếm lại thì... cầm tiền đưa thêm, coi như chưa đưa hết!

Đạo ấy, cứ mỗi lần nghe thấy tiếng máy bay trực thăng trên đầu là lũ trẻ chúng tôi ở các phố Hàm Long, Lò Đúc, Lê Văn Hưu... chạy bán sống bán chết ra vườn hoa Pasteur. Ở đó có một bãi đất rộng cho trực thăng hạ cánh. Chúng tôi nhìn thấy từ trên trực thăng các thương binh da trắng, da đen được khiêng xuống để đưa về nhà thương Đồn Thủy (nay là bệnh viện 108) để cứu chữa. Khi trên Điện Biên Phủ xảy ra thì ở Hà Nội thật nhộn nhạo.

Tin tức đồn đại khắp nơi. Báo bán chạy như tôm tươi. Hầu

hết các gia đình trung lưu ở Hà Nội lúc đó đều mua báo hàng ngày để theo dõi tin tức chiến trường. Người ta lo âu, thì thầm vì biết thế nào Pháp cũng thua, Việt Minh sẽ thắng. Người có gia đình theo kháng chiến thì vui mừng, hồi hộp. Một hôm, ông bác ruột, anh mẹ tôi từ phố Hàng Buồm đến chơi, đưa tờ báo cho mẹ tôi coi rồi chỉ tay vào một tấm hình lớn ngay trang nhất và nói: “Em chồng cô bây giờ làm lớn lắm!” Thì ra đó là tấm hình chụp ông Phạm Văn Đồng, trưởng đoàn đại biểu VNDCCH tại hội nghị Geneve về Đông Dương 1954. Đứng cạnh trưởng đoàn Phạm Văn Đồng là chú tôi, Lê Phú Cường (tức tướng Lê Hữu Qua sau này). Sau này tôi mới biết là chú Hai tôi là nhân viên an ninh của phái đoàn Việt Nam tại Geneva, có nhiệm vụ bảo vệ đoàn và trưởng đoàn. Đây là lý do chú tôi thường hay xuất hiện bên cạnh ông Phạm Văn Đồng. Vì thế mọi người cứ tưởng chú tôi làm lớn lắm. Lúc đó mới 12 tuổi đầu, tôi không hình dung ra cái gì sẽ đến với gia đình tôi và Hà Nội. Thế nhưng, cái gì đến đã đến. Ngày 10/10/1954, ngày giải phóng thủ đô thật đáng ghi nhớ. Mẹ tôi là một người buôn bán rất nhạy cảm nên trước đó bà mua tích trữ nhiều cán cò bằng gỗ, bằng tre xếp đầy nhà. Ngày đó tung ra bán cho người ta làm cán cò vẫy chào bộ đội về giải phóng thủ đô.

Tôi còn nhớ như in đêm mừng 9 rạng sáng 10/10 ấy cả thành phố giới nghiêm và không ai ngủ cả. Máy chị em tôi dán mắt nhìn qua khe cửa. Trong ánh sáng vàng đục của những ngọn đèn đêm, tôi thấy những tên lính Pháp cao lớn đi tuần. Gắt sáng, lính Pháp chốt lại các đầu phố. Nhà tôi ở số 3B phố Hàm Long, tức đầu phố nhìn ra ngã năm Phan Chu

Trinh, Hàm Long, Lê Văn Hưu, Lò Đức, Hàn Thuyên rõ mồn một. Lính Pháp tụ lại ở đầu phố. Khi trời sáng hẳn thì từng tốp bộ đội của ta vai đeo súng từ từ tiến đến chỗ lính Pháp. Những tên lính Tây cao lêu nghêu đứng cạnh bộ đội Việt Minh bé nhỏ chỉ cao đến vai chúng. Họ trao đổi với nhau, bàn giao với nhau những điều gì đó rồi thấy lính Pháp từ từ rút lên phía nhà hát lớn theo đường Phan Chu Trinh. Khi lính Pháp rút rồi, chỉ còn lại bộ đội ta thì tất cả các cánh của bật tung, nhân dân hai bên phố ủa ra đường với cờ đỏ trong tay reo mừng hoan hô các anh bộ đội. (Dĩ nhiên các cán cờ là của mẹ tôi bán cho họ).

Nếu tôi không ghi lại cái sự việc có thật này về cái đêm mừng 9/10 năm đó, thì sau này các sử gia, các nhà tiểu thuyết lịch sử khó hình dung người Hà Nội làm gì, nghĩ gì, đường phố Hà Nội diễn ra điều gì trong cái giờ phút lịch sử đó. Bởi lẽ, những người Hà Nội chứng kiến lúc quân Pháp rút lui lúc rạng sáng ngày hôm đó chắc không còn mấy người và cũng chẳng ai làm cái việc lẩn thẩn là ngồi ghi chép lại những sự việc đó trong khi mọi người đang điên rồ kiểm tiền, cố tồn tại trong cái nền kinh tế thị trường định hướng XHCN này! Cùng cần phải nói thêm là, trước ngày 10/10/1954 cả mấy tháng, đã có các cán bộ Việt Minh vào thành phố, tá túc trong các nhà dân vốn là cơ sở của Việt Minh hay các gia đình có người đi kháng chiến. Nhà tôi cũng có một chị tên là Nhân đến ở. Họ có nhiệm vụ giải thích chính sách của chính phủ kháng chiến, khuyên đồng bào không theo Pháp đi Hải Phòng...

Chị Nhân có chồng là cán bộ hoạt động nội thành rất đẹp trai tên là Hồng Kỳ. Mẹ tôi đã xếp cho họ ở một căn buồng

nhỏ sau bếp nhà và đưa con đầu lòng của họ đã “nên người” ở căn buồng đó. Sau này họ vẫn đi lại thăm gia đình tôi.

Lại nói về ngày 10/10 lịch sử, cho đến 10 h sáng hôm đó thì cả Hà Nội là một ngày hội lớn. Năm cửa ô Hà Nội tung bừng đón những đoàn quân chiến thắng trở về. Các nghệ sỹ đem cả đàn ra kéo, các chị mặc áo dài, các bà nhà giàu tung hoa tươi lên các đoàn xe trở các đoàn quân tiến vào thành phố. Có những câu chuyện thật cảm động mà tôi biết. Bà cụ Lý Tiếp, người làng Đồng Nhân, quê ngoại của tôi. Cụ có họ xa với mẹ tôi. Cụ sinh sống bằng nghề bán nước mắm rong trên đường phố. Hôm đó có người bảo với bà rằng, con bà là cán bộ chỉ huy cao cấp trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nếu tôi nhớ không nhầm là đại đoàn trưởng hay trung đoàn trưởng gì đó... có người làng đã trông thấy con trai bà trên phim tài liệu về Điện Biên khi còn ở vùng tự do. Người cán bộ vô thành kiểu như chị Nhân tôi kể ở trên đã cho bà biết tin như thế. Nhưng bà cụ không tin nên sáng ngày 10/10 bà vẫn đi bán nước mắm. Khi đoàn quân tiến vào thủ đô, bà cụ Tiếp vẫn đòn gánh trên vai chen vào đoàn người đứng hai bên đường tại một cửa ô. Bỗng nhiên bà trông thấy con trai mình ngồi trên xe jeep dẫn đầu đoàn quân. Bà lao ra... hai mẹ con đã ôm lấy nhau... và mọi người đều khóc. Người chỉ huy đó sau này là thiếu tướng Vũ Yên. Tên cúng cơm của ông là Nguyễn Văn Tịch. Mẹ tôi nói ông là người làng của bà. Khi viết những dòng này, tôi cũng cảm động rơi nước mắt khi ngòi bút “chạy” tới đây. Lịch sử đất nước có những giờ phút đáng ghi nhớ như thế. Nhưng, người ta có hay đâu những người hồ hởi mang hoa ném lên những đoàn xe trở đoàn quân

chiến thắng kia, chỉ ít lâu sau là nạn nhân của những cuộc cải tạo tư sản. Ở nông thôn là cải cách ruộng đất đầm máu.

“Ngày vui ngắn chẳng tày gang”, không khí hồ hởi vui tươi sau chiến thắng Điện Biên Phủ, sau hòa bình lập lại 1954 ở Hà Nội cũng như toàn miền Bắc mau chóng nhường chỗ cho những ngày ảm đạm, u ám của những cuộc “đấu tranh giai cấp”, của cải cách ruộng đất, của cải tạo tư sản, đấu tố bọn “Nhân văn Giai phẩm”. Nhà văn Nguyễn Khải đã miêu tả rất đúng chân dung của con người Việt Nam từ thành thị đến nông thôn sau chiến thắng Điện Biên trong bài tùy bút chính trị “Đi tìm cái tôi đã mất”. Ông viết: “Một nửa nước được độc lập nhưng lòng người tan nát tài sản một đời chất chiu của họ bị nhà nước tịch thu hoặc trưng thu khiến họ trở thành những người vô sản bất đắc dĩ. Tầng lớp trí thức chẳng có tài sản gì ngoài cái đầu được tư duy tự do, thì cái đầu cũng bị nhà nước trưng thu luôn. Từ nay họ chỉ được nghĩ, được viết theo sự chỉ dẫn của một học thuyết, một đường lối nếu họ không muốn dẫm vào vết chân của nhóm “Nhân văn Giai phẩm”. Một dân tộc đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ mà mặt người dân nám đen, mắt nhìn ngơ ngác, đi đứng lom rom như một kẻ bại trận”. Viết đến đây tôi chợt nhớ có lần đọc được bài viết của một phóng viên người Pháp nhiều năm sống ở Trung Quốc. Khi quân giải phóng nhân dân Trung Hoa vượt sông Trường Giang đuổi quân Tưởng Giới Thạch khỏi lục địa, thu Trung Quốc về một mối, tác giả đã từ Hồng Kông qua lục địa và chứng kiến cảnh nhân dân vui mừng chào đón một tương lai tốt đẹp như thế nào. Sau đó tác giả hạ một câu, đại ý, nếu các nhà lãnh đạo Trung Quốc không tiếp

tục công cuộc “đấu tranh giai cấp” sau đó thì nước Trung Hoa đã không khốn nạn như ngày nay.

Việt Nam chẳng khác gì Trung Quốc, hay nói cách khác là giống nhau như hai giọt nước. “Đấu tranh giai cấp” đã tàn phá tất cả những gì tốt đẹp mà nhân dân Việt Nam đã đổ xương máu để giành được cho đến ngày chiến thắng Điện Biên Phủ.

Cải cách ruộng đất đã đưa những ông bà nông dân mắt toét răng đen không biết chữ lên làm chánh án những “tòa án nhân dân”, có quyền phán quyết án tử hình và nạn nhân bị đem bắn ngay sau đó. Những thước phim tư liệu do chính quyền quay mà tôi đã được xem, mỗi lần nhớ đến vẫn khiến tôi lạnh xương sống. Tên địa chủ được lôi ra đấu tố, ra xét xử đi giữa hai du kích đi chân đất và cầm súng chia vào mình. Và, tên địa chủ ấy cứ run cầm cập khi nhìn thấy cái cọc tre đã được đóng sẵn để lát nữa trói mình vào đó để xử bắn! Chưa cần xử, nạn nhân đã biết trước hình phạt dành cho mình. Xem những thước phim cho thấy, chỉ sau vài loạt hô đã đảo của quần chúng đang điên rồ trong cơn phẫn kích là “phạm nhân” đã bị trói nghiêng vào cái cột tre, rồi sau loạt súng nổ, người ta bu lại để xem tên “phạm nhân” nghẹo cổ. Đạn xuyên thẳng vào tim. Cả xã hội miền Bắc đã lên cơn nhập đồng cuồng điên trong cuộc đấu tố bắn giết kéo dài đó. Thật khó có thể giải thích những người nông dân nghèo khổ, hiền lành, nhân nhục, sống với nhau bao đời trong các làng quê được bao bọc bởi những lũy tre xanh hiền hòa kia... bỗng có ngày họ bị Đảng Cộng sản cho uống thuốc kích độc, kích ác, kích bạo, kích tham... những độc dược dán mác “đấu tranh giai cấp”

hay “Mác-Lenin”... để một chị con gái có thể nhảy chồm lên chỉ vào mặt bố để của mình mà hét: Thằng kia, mày có biết tao là ai không? Và người cha để của chị khúm núm run rẩy thưa: Thưa bà, bà là con của con ạ!!!

Ở Đồ Sơn quê vợ tôi có câu chuyện thương tâm thế này. Một phú nông trong làng, từng chứa chấp Việt Minh hoạt động. Một hôm, có 5-6 cán bộ đang họp trong nhà thì có tin Tây đến vây bố. Chủ nhà nhanh trí hô tất cả trèo lên mái nhà dỡ mái xuống (xem như đang sửa nhà). Thấy cảnh nhà cửa ngổn ngang, mái nhà bị dỡ tung, chúng tin là nhà đang sửa nên có đồng thợ đến làm liền rút lui. Thế nhưng, thật trớ trêu ông chủ nhà sau này bị đấu tố trong cải cách ruộng đất, bị bức cung ông phần uất quá cho gọi tất cả các con cái về nhà, dồn vào một buồng rồi tưới xăng để tự thiêu. Chị con gái đã có chồng, có con, quỳ lạy cha xin tha chết để còn sống nuôi con. Nghĩ thương cháu, người ông tha cho con gái sau đó châm lửa thiêu cả nhà. Khi mọi người biết chuyện chạy đến thì những đứa trẻ đã chết đen thui còn xác người vợ trương phồng lên như con bò! Cuộc cách mạng cải cách ruộng đất (CCRĐ) “long trời lở đất” ở miền Bắc lúc đó đã xử bắn hàng chục ngàn người, đa phần là những người có công với kháng chiến, những phần tử ưu tú nhất ở nông thôn Việt Nam.

Nói về CCRĐ thì nhiều tác phẩm văn học như “Ba người khác” của Tô Hoài; “Bến Không Chông” của Dương Hương; “Thời của thánh thần” của Hoàng Minh Tường; hồi ký “Hồi ký một thằng hèn” của nhạc sĩ Tô Hải đã miêu tả khá sinh động, chân thực. Nhưng những truyện về “cải tạo tư sản” ở những thành phố miền Bắc lúc đó ít được viết đến vì nhiều

lý do. Là một người sinh ra và lớn lên ở thành thị (Hà Nội), tuy lúc đó chỉ là đứa trẻ 15, 16 tuổi nhưng tôi đã chứng kiến tận mắt cái bi kịch “cải tạo tư sản”. Tuy nó không ghê rợn âm u như thời trung cổ, như CCRĐ. Mặc dù diễn ra sau CCRĐ và rút được kinh nghiệm phần nào nhưng không thiếu những cảnh cười ra nước mắt, kịch côm, lối bịch, đều cang... chưa từng có trong đời sống của thị dân Việt Nam. Hai gia đình cả bên nội lẫn bên ngoại của tôi đều có những ông chủ bị cải tạo nên tôi biết rất rõ. Giả tôi có được cái tài như nhà văn Dương Hương thì chắc chắn độc giả đã có được cuốn tiểu thuyết hay như “Bến Không Chông” về cảnh sắc ở thị thành thời cải tạo tư sản. Tôi đã đọc “Bến Không Chông” nhiều lần và vô cùng khâm phục tài năng cũng như vốn sống của tác giả về xã hội nông thôn miền Bắc. Nước Pháp đã dịch tiểu thuyết của ông sang tiếng Pháp. Người ta đã chọn một người Pháp giỏi tiếng Việt và một người Việt giỏi tiếng Pháp để cộng tác dịch tác phẩm này. Vì không có tài viết tiểu thuyết, tôi xin kể ra đây các sự việc về cái gọi là cải tạo tư sản thời đó, hy vọng để lại ít nhiều tư liệu cho đời sau

Ông anh ruột của mẹ tôi mà tôi vẫn quen gọi là bác Hai Súly (người thứ hai trong dòng họ) tên thật là Nguyễn Vĩnh Phương. Ông làm nghề thầu khoán. Tôi không rõ ông học đến trình độ gì nhưng tôi thấy ông vẽ được các bản vẽ cho các công trình xây dựng, nay gọi là bản thiết kế. Tôi chắc là ông có tay nghề cao, nên sau này người ta xây dựng sân bóng đá lớn ở Hà Nội là sân Hàng Đẫy, và sửa chữa nhà hát lớn Hà Nội ông cũng được mời tham dự. Có nghề thiết kế trong tay, ông lại nhận thầu khoán các công trình nên là người có

của. Ngoài căn nhà ở số 77 phố Hàng Buồm, nơi ông đặt văn phòng làm việc, ông còn có 2,3 căn nhà khác nữa. Trong đó tôi nghe nói, có đến 9,10 phòng sang trọng, mỗi phòng một kiểu đá hoa (trong Nam kêu là đá bông). Khi cải tạo tư sản, những nhà này ông đã “tự nguyện” làm đơn hiến cho nhà nước quản lý vì theo quy định về tiêu chuẩn sử dụng nhà ở lúc bấy giờ, mỗi gia đình chỉ được sử dụng tối đa 120 mét vuông. Bà vợ ông mà tôi thường gọi là bà Hai Sứy là một phụ nữ hiếm có. Bà buôn bán rất đảm đang và là một người nhân hậu được cả cộng đồng buôn bán ở Hà Nội lúc đó tôn vinh, ca ngợi. Bà bác của tôi kinh doanh về mặt hàng bánh kẹo, đặc biệt là bánh trung thu. Hàng bánh trung thu Vinh Phương của bà nổi tiếng ở Hà Nội một thời. Từ đầu năm bà đã thu mua các nguyên liệu, tích trữ các mặt hàng cần thiết cho việc sản xuất một lượng bánh kẹo lớn để bán vào dịp trung thu. Từ rằm tháng bảy ta, căn nhà 77 Hàng Buồm dài hun hút nối với một căn nhà khác ăn ra mặt tiền phố Hàng Giấy thực sự trở thành một xưởng bánh kẹo có hàng chục công nhân làm việc ngày đêm. Thời đó chưa có dây chuyền sản xuất bánh trung thu theo kiểu công nghiệp như ngày nay. Tất cả phải đóng vào khuôn gỗ, vì thế tiếng gõ từ khuôn gỗ xuống mặt bàn để gỡ bánh nướng bánh dẻo ra khỏi khuôn của mấy chục tay thợ vang dậy cả khu nhà. Sau dịp bánh trung thu, bác tôi lại tích trữ nguyên liệu để sản xuất mứt kẹo cho tết nguyên đán. Để làm mứt sen ngày tết, bác tôi phải tích trữ hàng tấn sen hạt phơi khô chất trong kho. Các hạt sen này khô cứng như đá. Đến khi làm mứt phải cho vào chảo lớn ninh. Nước đầu phải đổ đi vì nhiều tạp chất. Nhưng từ nước thứ hai trở

đi thì mùi thơm của sen bốc lên ngào ngạt. Những chảo nước sen sánh đặc này vẫn phải đổ đi, rất tiếc. Nhiều người đến xin nước sen đặc này về uống. Nhưng ai uống nhiều thì ngủ li bì như chết. Tôi đã có lần uống liền hai cốc nước sen pha đường, ngon ngọt vô cùng nhưng sau đó thì nhủ đến không mở mắt ra được. Phải ninh đến nước thứ ba thì sen mới nở bung ra, làm mứt mới ngon.

Một năm bác tôi chỉ tập trung vào hai dịp tết đó để sản xuất bánh kẹo nhưng công việc chuẩn bị, tích trữ nguyên liệu thì phải làm quanh năm. Có thời gian bác tôi còn đi cả Hồng Kông để nhập đồ sứ cao cấp về Hà Nội bán. Bác tôi còn mua cả cây đàn piano loại đắt tiền từ Hồng Kông về cho các con. Cây đàn ấy hiện vẫn còn giữ được ở căn nhà phố Hàng Buồm. Bác tôi, một người phụ nữ đảm đang, tài giỏi như thế nhưng dưới chế độ cộng sản thì họ gọi là “con buôn”. Và, cái xưởng bánh kẹo của bà là đối tượng của cái gọi là “công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh”. Xưởng phải vào hợp tác xã và chỉ sau thời gian rất ngắn là tan rã. Thọ thuyền đều thất nghiệp để “mặt nám mắt đen nhìn ngơ ngác” như nhà văn Nguyễn Khải đã miêu tả về giai đoạn này!

Trước khi tiến hành cải tạo công thương nghiệp... một số nhà tư sản ở miền Bắc lúc đó được lựa vào cái gọi là “hội công thương”, một số đại biểu của hội này được đi tham quan học tập ở Thượng Hải bên Trung Quốc về cải tạo XHCN với tư sản. Một trong những người được đi Thượng Hải dịp này mà tôi được biết là ông Quỳnh Phong, một nhà tư sản đi kháng chiến có quen biết với gia đình tôi khi ở Phú Thọ. Ông đã mở cả xưởng làm ngòi bút, làm khay áo bằng vỏ trai,

vỏ hến... để kháng chiến “toàn quốc”, “toàn diện” như khẩu hiệu của cụ Hồ lúc đó. Cơ sở sản xuất của ông sau này ở Hà Nội cũng bị cướp sạch (!)

Điều tôi muốn nói nhất ở đây về cải tạo tư sản là nó đồng thời phá hoại kinh tế, vật chất của xã hội. Nguy hại hơn là nó còn phá vỡ cả khối đoàn kết dân tộc. Người ta đã gieo rắc vào xã hội, vào đầu óc người dân sự thù ghét người giàu. Họ xem sự giàu có là một tội ác, do đó tìm mọi cách moi móc vu khống cho những người giàu có. Nhìn những người giàu là chỉ do bóc lột mà có. Những gì mà tôi biết được về sự “cải tạo” nhà ông bác tôi ở Hàng Buồm thật chua chát, khô hài. Người ta đã “bồi dưỡng tư tưởng” cho những công nhân làm thuê cho bác tôi để họ “tố khổ” ông bà chủ. Nhưng có câu chuyện nực cười thế này, trước cửa nhà bác tôi cho vợ chồng ông ba Tàu đứng nhờ để bán mì hoành thánh sinh nhai đã nhiều năm. Khi được đội cải tạo “bồi dưỡng” để bắt ông phải tố ông bà chủ nhà đã “bóc lột” vợ chồng ông như thế nào... cũng may cho bác tôi là vợ chồng người Tàu này rất thật thà và có nhân cách. Ông ta thưa với đội cải tạo là ông bà Vĩnh Phương (tức bác tôi) cho đứng bán quanh năm mà không lấy một đồng xu nào. Thậm chí, tết đem đôi gà sống thiến đến biếu thì ông bà Vĩnh Phương bảo phải đem về, nếu cứ để đôi gà lại thì năm sau không cho đứng nhờ bán hàng nữa! Thế là đội nghe vậy đành chịu. Còn nữa, trong gia đình bác tôi có một người con nuôi tên là M. Câu chuyện của anh rất bi thảm. Nạn đói năm 1945 ấy, mẹ anh đã chết từ lâu nhưng đứa con (chính là anh M này) vẫn bò lên xác mẹ để bú, nhìn thấy thương tình quá, bác tôi bế vào nhà kho cho uống sữa và nuôi

M từ đó. Sau này đội cũng “bồi dưỡng” M và yêu cầu anh tố khổ cha mẹ nuôi nhưng anh nhất mực ca ngợi cha mẹ nuôi của mình. Thấy vậy đội không chịu và quyết truy hỏi với những gợi ý: Vì sao những người con đẻ thì được ăn học tử tế, còn anh thì phá ngang không theo học đến đâu đến đũa? Anh M đã trả lời dứt khoát do tôi tối dạ, học không vào nên xin với bố mẹ cho nghỉ học để đi học việc chứ không phải các cụ bắt tôi phải nghỉ học. Anh còn tuyên bố: Bố mẹ nuôi tôi đã cứu tôi từ côi chết trở về, cho tôi được làm người, tôi không thể nào phản bội được. Nếu không có bố mẹ nuôi tôi cuu mang thì tôi đã chết từ lúc vừa biết bò! Thế là một lần nữa đội đành bó tay! Còn rất nhiều chuyện khôi hài pha nước mắt mà nếu kể ra thì nó phải đầy như cuốn tiểu thuyết nhiều tập mà sức và tài của tôi thì xin chỉ dừng lại ở đây.

Có lẽ cũng do dân trí ở thành thị cao hơn ở nông thôn nên những cuộc đấu tố tư sản không đến nỗi bất nhân, xảo trá, vu khống trắng trợn như ở nông thôn trong CCRĐ. Anh M mà tôi kể, sau này được kết nạp Đảng và làm tới chức giám đốc một nông trường cao su ở Nam Bộ sau 1975. Anh thật xứng đáng là một đảng viên và trường hợp kết nạp này thì Đảng thật là sáng suốt.

Bên họ nội của tôi cũng có một ông bác họ ở Hải Phòng bị cải tạo, đó là ông Lê Đức Ngữ. Bác Ngữ của tôi có một hiệu chụp ảnh khá nổi tiếng ở thành phố cảng ở đường Hoàng Văn Thụ, mặt đường phố lớn. Tiệm chụp ảnh của ông chỉ thuê vài thợ giúp việc và cũng bị cải tạo. Nhà ông họ chiếm làm một cửa hàng cho Sở văn hóa-thông tin. Căn nhà mặt tiền rộng 6 thước này bị ngăn ra 2 mét là đường đi vô lối sau cho chủ nhà

còn 4 mét mặt tiền xây thành cửa hàng thuộc nhà nước quản lý. Cho đến bây giờ, tôi ra Bắc đến thăm người anh họ vẫn thấy ông phải ở trên lầu còn căn nhà bên dưới vẫn bị chiếm. Nhiều người góp ý với anh nên đòi lại phần nhà bị chiếm dụng vô lý vì cũng đã có nhiều trường hợp tương tự đã được trả nhà cho chủ nhân nhưng anh tôi rất ngại phải tốn tiền chạy chọt (thì mới được việc) nên đến bây giờ ông vẫn phải ở trên gác, ra vào qua cái ngõ tối om... Nhưng, điều đáng nói hơn là thế hệ con cháu những người bị cải tạo, bị quy là tư sản là tiểu chủ thì luôn kè kè bên mình cái lý lịch xấu và vì thế cứ khổ sở suốt đời. Người con trai cả của bác tôi, vì nhà có xe hơi nên biết lái xa. Đến khi bị cải tạo, anh được nhận vô lái xe tuyến Hải Phòng-Đồ Sơn. Cho đến bây giờ, cháu nội của ông cũng được “ưu tiên” nhận vào lái xe cho xí nghiệp. Vậy là nhà ông ba đời lái xe cho dù con cháu sau này có học hành giỏi giang đến đâu cũng không thể vô các trường trung cấp, đại học của chế độ chỉ vì cái lý lịch tư sản đó!

Đó là truyện của các ông bà buôn bán lớn, được gọi là tiểu chủ, tư sản thời đó. Còn đối với người buôn bán nhỏ, được gọi là tầng lớp tiểu thương như mẹ tôi cũng bị bạc đãi không kém. Trước 1945 mẹ tôi có một cửa hàng bán thực phẩm khô, lúc đó quen gọi theo tiếng Pháp là magasin d'alimentation như đường sữa, phô mai, bơ, bánh kẹo, rượu, hồ tiêu, gạo tám thơm... Bọn tây đầm ở khu Đồn Thủy bờ sông thường qua lại mua hàng của mẹ tôi. Mẹ tôi không biết nói tiếng Tây, nên ông bố tôi ngồi sau màn gió phiên dịch cho bà. Ông bố tôi nói tiếng Tây giọng Việt nên bọn tây đầm kháo nhau là con mẹ Việt Nam này có chồng là tây đảo Corse nên kéo

nhau đến mua rất đông. Nhưng chủ yếu là mẹ tôi cân đúng và cân đủ. Sau này, những lúc nhàn rỗi, mẹ tôi thường kể rằng các me đầm khi mua hàng về nhà nó đều cân lại. Vì thế khi cân 1kg đường, cân chỉ đúng lượng rồi nhưng mẹ tôi vẫn cho thêm một thìa nữa nên khi về nhà, con đầm cân lại nó thấy tươi nên kéo nhau đến mua ngày càng đông. Vì thế cửa hiệu của mẹ tôi ở số 3B Hàm Long nhỏ nên có lúc tây đầm đến mua đông quá phải xếp hàng. Trong khi đó, cửa hiệu của tay người Hoa ở số 1 ngay đầu phố, kế sát nhà tôi lại vắng khách. Người chủ Hoa kiêu ngạo là mẹ tôi bán phá giá, cho người đi rình, nhưng không phát hiện ra điều gì. Khi Nhật vào Đông Dương, bọn tây rã đám, hoảng hốt, chúng đem cả lựu đạn và súng đến bán cho mẹ tôi. Theo yêu cầu của chú tôi, tức tướng Lê Hữu Qua sau này, lúc đó hoạt động bí mật, mẹ tôi cũng mua tất. Những thứ đó được giấu kỹ, rồi các ông Việt Minh đếm đem theo những ống tre to, bửa đôi ra, giấu lựu đạn và súng lục vào đó rồi buộc giả lại làm củi, chở đi từ cửa sau nhà tôi ra phố Lê Văn Hưu. Kế sát nhà tôi là nhà số 5, tiếp đó là 5A, 5B... và nhà số 5D chính là nhà lưu niệm của Đảng cộng sản bây giờ. Sở dĩ căn nhà cổ 5D phố Hàm Long này được chọn làm nơi họp kinh của chi bộ ĐCS vì nó có cửa sau ăn thông với ngõ Lê Văn Hưu, nơi tập trung nhiều dân lao động nghèo. Nếu có động, họ sẽ rút lui phía sau chạy trà trộn vào khu lao động này.

Bọn tây khi đến mua hàng của mẹ tôi chúng đều nói tiếng Pháp. Nhưng khi Nhật qua, chúng hoảng hốt nên nhiều khi xổ ra tiếng Việt. Có lần nó chỉ tay lên giá hàng bảo mẹ tôi bán cho cái lọ kia. Mẹ tôi cầm nhầm một cái chai cạnh đó.

Nó hét lên: cái lọ bé hơn chái chai, mày hiểu chưa! Thì ra những thằng thực dân này, khi sang Việt Nam làm công việc cai trị chúng đều học tiếng Việt rất bài bản. Nhưng tuyệt đối không nói, chỉ nghe mà thôi. Khi vội vàng nó mới xổ ra tiếng Việt. Mẹ tôi còn cho biết trước khi mãn hạn về Pháp, tây đầm thường đến cửa hàng của bà mua một vài kg gạo tám thơm và ít hồ tiêu về nước.

Khi xảy ra toàn quốc kháng chiến, mẹ tôi đã bỏ cả gian hàng đẩy ắp hàng hóa đó để đi theo ông nội, bà nội tôi tản cư lên Chí Chủ, Phú Thọ kháng chiến. Đến 1950, vì mang bầu đứa em gái tôi nên mẹ tôi mới hồi cư về Hà Nội tiếp tục buôn bán. Khi cải tạo tư sản sau 1954, mẹ tôi đang làm chủ cái cửa hàng nhỏ buôn bán tại gia, thì chú tôi bảo: Chế độ mới của ta không có buôn bán, nên chị chuyển hướng làm ăn đi. Thế là



Bà Nguyễn Thị Phương mẹ của tác giả.

phải bán căn nhà phố Hàm Long. Đầu năm 1958 cả gia đình tôi dọn về làng Hoàng Mai, thuộc huyện Thanh Trì. Căn nhà mới mua này có gần 2000 mét vuông đất, có ao hồ để trồng rau, nuôi cá. Từ một người buôn bán, mẹ tôi trở thành người nông dân bất đắc dĩ.

Quen buôn bán ở thành phố, khi về nông thôn sống mẹ tôi đã phải lao động rất vất vả khi tuổi đã lớn. Thời kỳ đó buôn bán bị triệt tiêu trên khắp miền Bắc từ thành thị đến nông thôn. Bây giờ ngồi nghĩ lại mới thấy chế độ cộng sản thật điên rồ. Một quái thai của loài người. Thứ chế độ đưa xã hội đã phát triển có sự phân công lao động, có buôn bán giao thông văn minh trở về thời kỳ ăn lông ở lỗ... Tôi có bà thím, vợ người chú thứ ba, quê ở Chí Chủ, Phú Thọ nơi đại gia đình tôi đi tản cư kháng chiến như đã kể trên đây. Bà là người đảm đang, thuộc nhiều ca dao tục ngữ, có khí phách kiên cường. Bà giỏi buôn bán hai mặt hàng là chè và sơn. Phú Thọ là đất “rừng cọ đồi chè” và rừng sơn, một loại cây cho nhựa để làm sơn như cây cao su. Trong kháng chiến bà vẫn ngược xuôi buôn bán nuôi cả gia đình đông con để ông chú tôi đi kháng chiến. Hòa bình lập lại 1954, bà theo chồng về Hà Nội. Bà tự tay thuê mướn, chặt đốn và đóng cả một bè tre nứa, gỗ, rồi cưỡi bè xuôi sông Hồng về đến bãi Phúc Xá Hà Nội là quê chồng để dựng nhà. Nếu được tiếp tục tự do buôn bán sau khi đất nước có hòa bình thì người phụ nữ có chí, có gan như bà giàu có biết chừng nào. Nhưng cộng sản đã triệt hạ buôn bán, chồng bà lại là cán bộ cao cấp ngành công an nên bà đành phải ở nhà túc thủ. Chú tôi xin cho vợ vào làm tạp vụ trong cơ quan Bộ Công An. Được ít bữa bà thấy phát ngán cái thứ cán

bộ, công nhân viên hàng ngày thì lẫn công nhưng đến cuối năm thì lại tranh nhau “lao động tiên tiến”. Bà bỏ cơ quan, về nhà bên bãi Phúc Xá trồng cây, nuôi lợn. Hàng ngày bà phải đi qua cầu Long Biên gánh nước gạo về nuôi lợn. Đi về hàng chục cây số rất nặng nhọc. Thấy vợ một ông cán bộ cao cấp mà phải lao động quá vất vả như thế (vì làm tự do không được cấp sổ mua gạo) ai cũng ái ngại cho bà. Nhưng bà tuyên bố: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”! Đó là cụm từ lần đầu tiên tôi nghe được trên cõi đời này từ mồm bà thím đáng kính của tôi từ ngày mới giải phóng thủ đô. Sau này đài báo ca tụng âm ỉ khi nó được cụ Hồ nói vào những năm chống Mỹ sau này. Bà thím tôi thường than với các con: Vì bố anh là cán bộ nên tôi mới phải bó tay thế này... Bà thường phê phán, nhà nước có phải là con bò sữa đâu mà ai cũng xúm vào vắt. Bà đã nhìn thấy sự phá sản của kinh tế bao cấp. Người em dâu của bà là công nhân nhà máy giấy có từ trong kháng chiến ở Ao Châu, Phú Thọ, có chồng là sỹ quan quân đội sắm cho chiếc đài bán dẫn Nhật Bản. Thời ấy làm công nhân mà đã có chiếc đài bán dẫn là giá trị lắm, là sang lắm. Về quê chơi, bà thấy cô em dâu ở tập thể nên mắng cho một chập. Bà khuyên bán cái đài đi mà mua đất làm nhà riêng mà ở, không ai có thể ở tập thể cả đời! Cách đây chừng 2 năm tôi có về Phú Thọ chơi, lên thăm bà Giang (tên bà em dâu của thím tôi), thấy nhà bà xây cất trên một quả đồi rất nên thơ. Bà Giang nói với vợ chồng tôi: Nhờ bà Ba (thím tôi) nhìn xa trông rộng, bảo bán cái đài bán dẫn ngày ấy đi nên tôi mới mua được quả đồi này, làm được cái nhà này, ăn nên làm ra... Nếu không thì bây giờ vẫn chui rúc trong một gian nhà tập thể. Tôi đi vòng

ra sau nhà, thấy vườn rau, dàn mướp, vườn xoan, đàn gà ríu rít... mà thầm khen thím Ba của tôi đúng là “nhìn xa trông rộng”. Chưa hết, bà Ba còn có đứa cháu ruột gọi bằng cô, là cán bộ của Bộ Giáo Dục. Năm đó, ông được mua phân phối một chiếc xe đạp Phượng Hoàng của Trung Quốc. Ở miền Bắc trước 1975 mà ai được mua phân phối xe đạp là may mắn như trúng số độc đắc. Bà Ba bảo ông cháu: Nhà anh một lũ con gái, anh không có một tấc đất thì sau này chó nó lấy con anh à. Bà bắt ông cháu phải bán xe đạp đi để mua đất. Hồi ấy, đất rẻ như bèo, xin không có nơi người ta cũng cho vì ai cũng nghĩ sau này lên CNXH thì ai ai cũng ở nhà nhà nước cấp đại gí mà mua đất làm nhà. Nhưng người cháu vẫn nghe cô mình khuyên. Bán chiếc xe đạp đi, ông cháu mua được cả khu đất rộng bên Gia Lâm. Bây giờ, thời kinh tế thị trường, đất đắt như vàng. Các con ông đều có chồng và được chia mỗi đứa một mảnh để làm nhà. Ông nói với mọi người là nhớ ơn bà Ba muôn đời! Ngày trước, mỗi lần thím Ba tôi về quê, thấy đất cát bỏ không nhưng nếu ai khai khẩn thì bị kết tội là tư hữu, bị cấm đoán có khi còn mang họa vào thân. Thấy cảnh quê hương Phú Thọ của mình như thế, bà tuyên bố: Cái nước này rồi sẽ lụi bại! Mà lụi bại thật. Giả sử, nếu Liên Xô không sụp đổ, Việt Nam không đổi mới thì bây giờ chúng ta sẽ như Bắc Triều Tiên, chết đói như rạ. Khi bà thím tôi tuyên bố như thế, nhiều người thời đó không đồng tình. Bây giờ ngồi nghĩ lại, tôi thật khâm phục một người nông dân ít học như thím tôi, nhưng do độc lập suy nghĩ, không cần kẻ khác “bao cấp” tư tưởng cho mình nên bà sáng suốt và nhìn xa trông rộng hơn cái Đảng Cộng sản mà ông chồng bà cả đời trung thành

phục vụ. Nói cho thật công bằng, thời đó các vị “Nhân Văn Giai Phẩm” cũng đã nhìn thấy, nhưng chỉ vì họ là nhà văn, là họa sỹ họ công bố tư tưởng của mình, công bố tác phẩm của mình... nên mang họa vào thân. Bà thím tôi chỉ xuất bản tư tưởng của mình bằng lời nói nên không sao. Thật may cho bà.



Bà Ba (tên thật là Trần Thị Nghi) quê Chí Chủ Phú Thọ.

Tôi muốn mở ngoặc ở đây, kể về một bức biếm họa mà tôi xem được ở một tờ báo của nhóm “nhân văn” thời đó. Bức tranh vẽ một người ngồi ở vỉa hè, anh ta đang lấy cái riêu đeo chân của mình... máu me chảy ra lênh láng. Thấy vậy có người hỏi: Sao lại đeo chân đi thế? Anh ta liền chỉ vào đôi giày để bên cạnh và nói: Chân tôi phải đi giày số 41 mà mạo dịch chỉ bán giày đồng loạt số 39 nên tôi phải đeo chân nhỏ

đi cho vừa giày!

Người dân đã nhìn ra sự phá sản của kinh tế quốc doanh từ hồi đó, vậy mà đến bây giờ, khi tôi viết những dòng chữ này thì nghị quyết mới nhất của Đảng vẫn tiếp tục khẳng định “kinh tế quốc doanh là chủ đạo”. Vì thế mới có những Vinashine, Vinalines. Cái đại họa này không biết sẽ còn kéo dài đến bao giờ?

Cuộc CCRĐ, cải tạo tư sản ở miền Bắc đã triệt tiêu những người lao động có năng lực nhất ở cả nông thôn lẫn thành thị. Những người có tay nghề cao, có kinh nghiệm quản lý, biết tổ chức sản xuất và kinh doanh. Gia sản của họ bị trưng thu, trưng mua, tịch thu kiểu ăn cướp còn bản thân họ thì bị bắn chết trong CCRĐ, bị bạc đãi ở thành thị. Xã hội ngày ấy bị kéo lùi lại thời trung cổ! Có nhà thơ của nhóm Nhân văn đã khái quát:

*“ Tôi đi không thấy phố thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên nền cò đò ”*

Vậy mà sau chiến thắng 1975, miền Nam lại bị cải tạo tư sản. Một ông chủ xe đồ (xe chở khách) ở Mỹ Tho nói với tôi: Khi các ông Việt cộng đến nhà tịch thu mấy cái xe đồ của tôi để đưa vô công tư hợp doanh... thì tôi đã biết là các ông ấy sẽ thất bại rồi. Tôi hỏi ông chủ nợ: Vì sao bác biết trước là sẽ thất bại? Ông trả lời: Họ chỉ lấy đi cái xe, còn phụ tùng, đồ sửa xe tôi để dưới gầm giường thì không ai lấy đi cả. Tôi biết ngay là những ông này chưa bao giờ sử dụng xe ô tô cả. Y như rằng, sau này xe nát, kinh doanh thua lỗ, phá sản... Sau ngày đổi mới, xe lại về tay tôi. Tôi lại là chủ xe như bây giờ...

Những người cảm sung giành chiến thắng trong đấu tranh

bạo lực sau đó được làm chủ, được chỉ huy nhưng không có nghề nông gì thì làm nát nát kinh tế đất nước như đã thấy. Muốn thành một ông chủ thì ít nhất phải trải qua kinh nghiệm, có mấy đời cha ông làm nghề đó chưa kể phải tích lũy tiền bạc, kinh nghiệm quản lý, trau dồi tay nghề... rồi truyền lại cho con cháu. Thế mà, dùng một cái cải tạo, gia sản giao cho mấy anh chân đất mắt toét vừa ở rừng ra quản lý và chỉ huy thì sự thể ra là như thế. Bi kịch của cuộc cách mạng vô sản, cách mạng công nông là như thế.

Tôi nhớ ngày giải phóng miền Nam, sau này ông Võ Văn Kiệt đề nghị gọi là ngày “thống nhất đất nước”. Nhiều chuyện khôi hài xảy ra ở những đầu tiếp quản. Có anh bộ đội miền Bắc, chưa một lần được được biết thành phố, anh ta theo đoàn quân chiến thắng vào thẳng Sài Gòn. Võ nhà vệ sinh anh nhìn thấy cái bồn cầu bằng sứ trắng lớp, lại có nước ở bên dưới bèn ra chợ mua cá lóc thả vào. Một lát không thấy cá đâu, anh kêu ầm lên là có ai lấy cắp cá của anh... anh không hề biết đó là cái hố xí vì xưa nay anh sống ở nông thôn miền Bắc, chưa thấy nó bao giờ. Một anh nông dân “chất phác” như thế mà giao cho làm cán bộ chỉ huy ở thành phố sau này thì bi kịch sẽ tiếp nối hài kịch là đương nhiên!

CHƯƠNG BA

HAI LẦN THI TRƯỢT NHƯNG SỐ PHẬN VẪN MỈM CƯỜI VỚI TÔI

Câu chuyện hai lần thi trượt của tôi không biết gọi nó là chuyện bi hay hài. Nhưng chắc chắn nó là một thứ tư liệu, một chuyện có thật về chế độ thi cử hay nói khác đi là cả nền giáo dục ấu trĩ, xem nặng tính giai cấp của chế độ cộng sản ở miền Bắc. Di hại của nó không biết đến bao giờ mới hết. Đương nhiên là nó còn kéo dài cho đến tận hôm nay khi chế độ cộng sản vẫn ngự trị trên đất nước đau khổ này. Nhưng tôi muốn để ít phút nói về những năm tháng êm đềm của tuổi trẻ trong những năm sống ở cái làng Hoàng Mai thơ mộng ngày đó, trước khi kể chuyện thi trượt.

Theo lời khuyên của chú Hai tôi, tức tướng Lê Hữu Qua sau này, ông nội tôi phải bán ngôi nhà ở phố Hàm Long nơi gia đình tôi đang ở, để về mua một căn nhà có vườn ở làng Hoàng Mai, thuộc xã Hoàng Văn Thụ, huyện Thanh Trì phía nam Hà Nội. Làng Hoàng Mai tiếp giáp với nội thành chỉ cách chợ Mơ đường chim bay hơn 1km. Ông bà nội tôi ở bãi Phúc Xá giữa sông Hồng cũng dọn về ở với gia đình tôi. Có lẽ thời gian này là những năm tháng tuổi trẻ êm đềm trong cuộc đời của tôi. Khi về Hoàng Mai ở là đầu năm 1958, lúc

đó tôi bắt đầu lên cấp 3. Làng Hoàng Mai là một làng giàu có, 100% là nhà ngói nhà nào cũng có vườn rộng, cây cao bóng cả, nhiều nhà có ao. Xen kẽ những ngôi nhà sang trọng đó là những ruộng bắp cải, su hào, súp lơ, cà chua cung cấp rau tươi cho nội thành. Làng có đến tám cái giếng xây, mỗi giếng có đường kính gần chục mét. Giếng thả bèo tổ ong nên nước trong veo. Những con đường lát gạch quanh co, hai bên là vườn rau xanh ngắt, là ao hồ mênh mông tạo nên phong cảnh rất nên thơ. Có một số dân làng là những nhà giàu ở Hà Nội, làm công chức, chủ nhật cuối tuần mới về làng nghỉ ngơi nên có nhà vắng hoe cửa đóng then cài, không gian u tịch. Làng có hai thôn, thôn Đông và thôn Đoài. Người ta kể rằng xưa kia Nguyễn Bỉnh viết:

“Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười mong một người”

Là viết ở làng Hoàng Mai này. Trong làng có ngôi chùa nổi tiếng khắp Hà Nội thời đó là chùa Hưng Ký do một nhà giàu xây nên. Về kiến trúc, hầu hết các nhà trong làng đều là nhà gỗ lợp ngói ta và nhà nào cũng khá to. Thậm chí có nhà còn to hơn cả cái đình ở làng quê nghèo khác. Nhà tôi mua lại là của một nhà tư sản nổi tiếng là ông Nguyễn Tiến Tòng. Ông này trong đợt cải tạo tư sản có chân trong Hội công thương gia Hà Nội, một thứ trò bịp bợm của chính quyền cộng sản. Ông Tòng sống ở Hà Nội, căn nhà của ông ở Hoàng Mai để hoang, cho một ông thợ dệt ở nhờ trông nhà. Ngôi nhà thuộc loại hoành tráng nhất nhì trong làng, rộng gần 2.000 m². Trước nhà có ao rộng. Nhà gỗ. Cột kèo trạm trổ như đình chùa. Nóc

phía trong nhà có dòng chữ nhỏ, ông nội tôi đọc là: “Bảo Đại thất niên” rồi giải thích nhà được hoàn thành vào lúc vua Bảo Đại ở ngôi được bảy năm. Ấn tượng nhất của khách đến chơi nhà là bộ cột nhà bằng gỗ xoan rừng, sáng trắng. Trong khi các nhà khác thường được làm bằng gỗ lim màu đen nên thường tối. Cho đến bây giờ, gần 50 năm sau, khi tôi ra Hà Nội họp mặt kỷ niệm 45 năm ngày ra trường, bạn bè cùng lớp còn nhắc đến kỷ niệm ngày xưa. Thời đó, vào các chủ nhật nhà tôi thường có các bạn sinh viên nhà ở các tỉnh về thủ đô học không có gia đình họ hàng nên thường nhảy tàu điện từ Cầu Giấy xuống Bồ Hồ rồi từ đây đi chợ Mơ xuống nhà tôi chơi. Cả lũ tắm lội trong ao rồi mò cua, mò ốc, hái rau trong vườn nấu mì ăn xì xụp. Những năm tháng vô tư! Tôi có xe đạp nên tuần nào cũng về nhà, lúc đi học bao giờ cũng có đồ ăn mang theo, lúc thì lọ muối vừng (miền Nam kêu là muối mè), lúc thì lọ bột ngọt (miền Bắc gọi là mì chính). Nhà có ao rộng nên tôi câu cá rất giỏi. Biết con cá gì ăn mồi gì. Nhìn phao nhấp nháy biết con cá gì đang cắn câu. Nhìn thời tiết biết hôm nay sẽ câu được cá gì. Tôi có đủ “vốn sống” để viết một phóng sự trường thiên về nghệ thuật câu cá. Chỉ xin kể bắt hai loại cá tự nhiên, không phải nuôi thả là cá rô và cá quả (miền Nam gọi là cá lóc) rất ấn tượng. Khi mùa xuân chấm dứt, hoa gạo đỏ chói báo hiệu mùa hè đã tới. Trận mưa rào đầu hạ là lúc những con cá rô dưới ao đua nhau rạch ngược lên bờ. Mưa càng to thì cá rô rạch ngược càng nhiều. Những lúc đó tôi chỉ việc cầm cái rổ thật to chạy xung quanh bờ ao mà nhặt cá rô. Vì cá rô có vây nhọn sắc như dao nên tôi phải chuẩn bị sẵn một cái tắt tay bảo hộ lao động khá dày để vỗ cá.

Một cơn mưa đầu mùa như thế tôi có thể bắt được cả rô cá rô to, chứa vào thùng nước để ăn dần cả tuần lễ. Món canh cải cá rô mẹ tôi nấu thì tuyệt vời. Những con cá rô béo vàng được bà đánh vẩy, mổ bụng, rửa sạch rồi cho vào nồi luộc chính vớt ra. Sau khi gỡ lấy thịt, bộ xương và đầu cá không bỏ đi mà dùng chày giã đập ra sau đó chắt lấy nước ngọt vài ba lần rồi đun sôi mới cho rau cải vào. Nồi canh cá ngon ngọt chính là nhờ nước chắt ra từ bát xương này. Giống cá rô, xương của nó rất thơm và ngọt. Khi bỏ rau cải thái nhỏ vào nồi là bắc ra ngay. Rau vẫn xanh và không bị nhừ. Thêm một vài lát gừng thì mùi thơm bốc lên ngào ngạt. Chỉ cần chục con cá rô là mẹ tôi có nồi canh cải ngon cho cả nhà. Đến cuối mùa thu, chớm đông, trời tối sớm các ao trong làng bắt đầu cạn, sương giăng mờ mặt ao vào chập tối là lúc những con cá quả đớp mỗi tùm tụp dưới ao. Ở ngoài Bắc, nhà nào có ao trong vườn thì cảm nhận về thời tiết, thiên nhiên rất rõ rệt. Cụ Yên Đỗ Nguyễn Khuyến ngày xưa để lại những bài Thu điếu, Thu vịnh bất hủ đầu lấy cảm xúc từ cái ao nên thơ ông có hình cái ao trong đó. Các bạn trong làng đã dạy tôi các bắt cá quả vô cùng thú vị và hiệu nghiệm. Thời gian phải là độ cuối thu, khi nước rút xuống, con cá quả đã đủ lớn sau cả mùa hè và mùa thu. Giống cá quả chỉ đớp mỗi sống, đó là những con cá dòng dòng, con sần sần, con ếch, con nhái. Tôi chuẩn bị sẵn cho mùa bắt cá quả chừng mười cái cần câu cắm. Mỗi cái dài chừng 40cm. Đầu cần câu phải mềm (làm từ cật tre). Trên đầu cần buộc một sợi dây cước bằng nylon dài hai gang tay. Lưỡi câu buộc cuối sợi cước. Móc con mồi vào lưỡi câu. Cách móc con cá làm mồi là cả một nghệ thuật. Phải móc vào phần thịt ở lưng

con cá để nó có thể bơi trong nước mà không chết. Sau khi móc mồi rồi thì cắm cần vào bờ ao, nghiêng 45 độ. Phải điều chỉnh cái cần để con mồi chìm khỏi mặt nước nhưng không chìm sâu. Con mồi bơi thành một vòng làm mặt nước rung động. Con cá quả chỉ ăn mồi sống nên khi nó thấy nước động sẽ lao lên đớp mồi! Có lần tôi vừa cắm cần xong, chưa kịp vô nhà lên giường ngủ thì đã thấy con cá quả bị mắc câu quẫy nước đùng đùng... Có khi nửa đêm khi cá cá quẫy là tôi ra ao bắt cá. Bắt cá quả có hai cái lợi. Một là có cá ăn, hai là diệt được loài cá dữ trong ao vì nó ăn cá giống do chủ ao thả để nuôi như trôi, chép, trắm cỏ.

Ngôi nhà vốn thuộc chủ trước là nhà tư sản rất giàu nên có lần tổng đốc Vi Văn Định có về đây chơi. Chuyển đi của ông có lính gác theo hầu. Đến thời gia đình tôi về ở, cũng có các quan lớn đến nhà. Đó là ngày bà nội tôi mất, vì bà có hai con trai đều là chef (sếp) lớn của Bộ Công An, nên có bộ trưởng Trần Quốc Hoàn về viếng, có công an đứng gác nên những người duy tâm kháo nhau là nhà “được hướng”, nhờ có thầy địa lý xem cho nên thời nào cũng thịnh vượng!

Tôi đã sống những năm êm đềm thời đi học cấp 3 tại căn nhà “được hướng” đó cho đến khi tốt nghiệp phổ thông 1961 và thi trượt đại học sau đó. Câu chuyện hai lần thi trượt vào đại học của tôi là một sự thật chua chát đối với cá nhân tôi và là bản án tố cáo chế độ thi cử, tuyển chọn sinh viên (cán bộ tương lai) của chế độ cộng sản, tạo ra di hại lâu dài cho đất nước.

Trong ba năm học học cấp 3 ở trường phổ thông 3B đường Lý Thường Kiệt Hà Nội tôi đều là học sinh giỏi văn của lớp.

Năm cuối cùng, lớp 10C của tôi chỉ có hai người tổng kết môn văn đạt điểm tối đa là 5, điểm theo bậc của Liên Xô ngày ấy là 5 bậc (5/5). Nhưng chỉ có mình tôi là được giải thưởng môn văn của cả trường. Với năng khiếu đó, tôi quyết định thi vào khoa văn trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội. Hồi đó, Đại Học Sư Phạm bị xếp vào bảng cuối của sự lựa chọn đại học trên đất Bắc. Bởi thế trong xã hội lưu truyền câu ca: Nhất y nhì dược, tam được bách khoa, sư phạm bỏ qua.” Có nghĩa là trường Y có giá nhất và khó thi vào nhất, và hạng chót là sư phạm. Còn có câu “chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm”. Tôi đã chọn trường dễ thi và chọn khoa văn là khoa tôi có thể mạnh về học lực nhất. Vậy mà tôi lại trượt. Đau khổ vô cùng. Tuổi 19 bước vào đời với bao mơ ước, khát vọng được là một sinh viên, tiếp tục ăn học để có kiến thức, có vốn liếng để tồn tại lâu dài... đã sụp đổ. Nhưng tôi lấy làm lạ, tại làng Hoàng Mai hồi đó, có rất nhiều bạn tôi học môn văn chỉ được điểm tổng kết 3, thậm chí còn nói ngọng mà vẫn đỗ vào khoa văn Đại Học Sư Phạm(!). Tôi buồn chán vô cùng rồi cứ tự hỏi không biết vì lý do gì mà không đỗ. Tôi nhớ lại bài thi quá dễ so với học lực của tôi. Tôi đã làm bài một cách trơn tru trong khi bên cạnh nhiều thí sinh ngồi cắn bút. Khi biết kết quả, tôi buồn và xấu hổ không dám nhìn mặt ai. Cả thời gian dài suốt ngày nằm trong buồng đóng cửa, ngủ rồi thức, thức rồi ngủ. mẹ tôi an ủi: Vì anh không phải là đoàn viên (đoàn viên thanh niên lao động) nên người ta không cho đỗ! Tôi cũng tin là thế.

Tôi vật vờ với tháng ngày ăn không ngồi rồi, thơ thẩn một mình ngoài vườn với nỗi buồn thi trượt. Tôi ngồi suốt ngày câu cá trong ao, nhưng có lúc cá cắn câu cũng không buồn

giặt. Tôi nhớ đến những câu thơ thi trượt của Tú Xương xưa kia sao mà giống với tâm trạng của tôi lúc đó:

“Đau quá đòn ghen, rát hơn phải bóng

Hổ bút hổ nghiên, tủi lều tủi chông

Thì không ăn ột thế mà cay...”

Tôi định bụng sẽ ôn tập lại chờ đến năm sau thi lại nhưng không lẽ là thanh niên 19 tuổi lại ngồi không ăn bám gia đình, trong lúc kinh tế lúc đó rất eo hẹp. Tình cảnh gia đình tôi thì ông bà đã quá 80, bố tôi thì thất nghiệp, tất cả trông vào hai bàn tay của mẹ tôi, một người quen buôn bán ở thành thị, nay về làm nông vì “chế độ ta không có buôn bán” như lời chú Hai tôi. Bà làm vườn, nuôi cá, bòn vườn đi chợ bán để nuôi sống gia đình. Cũng phải nói thêm là ông nội tôi trước đây là nhân viên của Phủ Toàn Quyền. Khi về Hà Nội nhận được thông báo của chính phủ Pháp cho những ai là công chức cũ đi kháng chiến nếu xuống Hải Phòng (nơi tập kết của quân Pháp và chính phủ Bảo Đại trong vòng 100 ngày để vào Nam theo hiệp định Geneva 1954) thì Pháp vẫn trả đủ 8 năm lương hưu trí. Ông nội tôi lương rất cao, nếu nhận số lương đó thì cụ sống rất khỏe cho những năm sau này nhưng cụ nói. Nước đã độc lập rồi, cho dù ăn cháo cũng sướng. (Nên cụ không xuống Hải Phòng lãnh 8 năm lương hưu). Cũng chính tình cảnh gia đình tôi lúc đó như thế nên đại gia đình phải họp lại để phân công các con đóng góp nuôi các cụ. Cuộc họp đi đến thống nhất, chú Hai tôi là cán bộ cao cấp nên hàng tháng phải góp 30 đồng (thời điểm những năm 60). Chú Ba tôi cũng là cán bộ cao cấp (cấp vụ) nhưng đồng

con vợ lại không làm nhà nước, không có sổ mua lương thực nên được miễn. Chú Tư tôi cán bộ nhì nhằng, lương thấp nên cũng được miễn. Chú Năm tôi là nhà báo công tác thường trú ở nước ngoài, và là cán bộ cấp vụ nên phải góp 30 đồng. Bố mẹ tôi là con trưởng, có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ với số tiền đóng góp đó. Nhưng thực tế chỉ nhận được 50 đồng vì chú Năm tôi nghĩ ra cái “mẹo” là trong lúc họp ông xướng lên là sẽ đóng 30 đồng, để làm mức chuẩn. Thế là chú Hai phải đóng 30 đồng (còn ông thực tế chỉ đóng 20 đồng vì lương cũng không cao lắm). Việc này chỉ có mẹ tôi và tôi biết vì hàng tháng tôi là người đi nhận tiền của hai người chú. Với 50 đồng hơn lương giáo viên cấp 2 thời đó là 45 đồng, thêm hoa màu vườn rau ao cá, nên ông bà nội tôi sống cũng tạm ổn.

Cái nhiệm vụ đi lĩnh tiền hàng tháng đã ngày càng gắn kết chú Hai với tôi. Đó là dịp tôi được nghe những câu chuyện “thâm cung bí sử” của triều đình cộng sản Việt Nam do ông vui miệng kể ra những lúc vui buồn. Thực ra ngày đó tôi không có ý thức khai thác những câu chuyện ấy, chỉ biết nghe và bây giờ hệ thống lại thấy nó “hay” vô cùng. Vì thế mới có chương “Những chuyện kể của tướng Qua” trong hồi ký này mà tôi sẽ viết ở phần sau.

Lại nói về chuyện thi trượt. Sau nhiều tháng ăn không ngồi rồi, buồn chán đến tột độ. Cái buồn của tuổi 19-20 của một đời người nó dữ dội ghê gớm lắm. Đại thi hào của nước Hung, Pê-tô-phi đã để lại những câu thơ bất hủ cho nhân loại từ nỗi buồn xung thiên đó ở tuổi 20:

*“Tôi không cha không mẹ
Không thương để quê hương*

*Không nói không vãi liệm
Không người yêu tình thương
Tuổi hai mươi tôi đó
Tôi muốn bán đi thời
Nếu chẳng ai mua quỳ ma sẽ lấy
Tôi giết người thật đấy
Các người treo cổ tôi
Từ dưới đáy vực sâu
Cỏ mọc lên tốt tươi!”*

Tôi đâu phải thiên tài để biến những nỗi buồn của mình thành những vần thơ bất hủ. Tôi chỉ biết gậm nhấm nỗi buồn của mình thành những mụn rách không biết chấp vá vào đâu... Thế rồi một hôm, người anh rể thứ hai của tôi là một đại úy đã dẫn tôi sang một trường sĩ quan của quân đội, là trường hậu cần ở bờ nam sông Đuống cách cầu Long Biên bên phía bắc sông Hồng chừng ba, bốn cây số. Ngôi trường toàn nhà lá nhưng rất rộng và thoáng mát giữa một vùng nông thôn yên ả. Ngôi trường ngày ấy bây giờ là Học viện hậu cần được xây cất rất hoành tráng. Tôi được nhận vào làm giáo viên dạy cấp 2 cho các học viên sĩ quan hậu cần. Khóa học bổ túc văn hóa hết lớp 7 trước khi vào học chuyên môn các ngành của hậu cần quân đội. Hồi đó (1961) trình độ văn hóa hết lớp 10 còn hiếm lắm. Các học viên được đi học sĩ quan là những quân nhân trẻ, chỉ có trình độ cấp 1 nên phải học bổ túc văn hóa đến hết cấp 2. Trường có hàng ngàn học viên. Giáo viên quân sự đa số là cấp úy, chỉ có một sĩ quan thiếu là và vị hiệu trưởng là trung tá, chính ủy nhà trường là một thượng

tá. Chủ nhiệm khoa văn hóa của tôi là thượng úy Phạm Khắc Quán, một trí thức con nhà dòng dõi trâm anh thế phiệt. Để được nhận vào dạy học tại trường sĩ quan hậu cần này, ông anh rể của tôi phải nhờ người anh ruột, tên là bác Lưu, cũng cấp đại úy và hiện đang giảng dạy quân sự hậu cần tại trường làm giấy bảo lãnh cho tôi. Với “Lời Mẹ Dặn”: Anh phải vào đoàn, là một đoàn viên thì mới hy vọng được vô đại học. Vì thế tôi chỉ lấy công việc dạy văn hóa ở đây làm cái bàn đạp để vào đoàn rồi tiếp tục đi thi đại học. Tôi mất hơn một năm dạy học tại đây và công việc phấn đấu vào đoàn thanh niên lao động của tôi thật là một màn hài kịch chưa từng có. Chuyện thể này, kỷ luật của trường sĩ quan rất nghiêm ngặt. Mọi sinh hoạt đều có kỷ luật. Từ 5 giờ sáng cho đến 9 giờ tối trước khi kêng lên giường ngủ, nhất động nhất cử đều theo hiệu lệnh. Kể cả đi ăn cơm cũng phải xếp hàng theo tiểu đội. Đi đều 1-2, bát cầm tay phải, thìa cầm tay trái. trước khi vào nhà ăn phải nhúng bát, nhúng thìa vào chiếc chảo nước đang sôi sùng sục. Vì là trường hậu cần trong đó có việc nuôi quân, nấu ăn... nên việc làm bếp được coi trọng. Các chị nuôi (người nấu bếp) mặc áo vải phin trắng. Trước giờ ăn bao giờ cũng phi một chảo mỡ hành thật thơm, không dùng xào nấu gì cả nhưng cứ làm thế để kích thích tiêu hóa. Các học viên kể cả sĩ quan ăn cũng rất bài bản. Phòng ăn hàng trăm người, khi gấp thức ăn phải giở đầu thìa cho vệ sinh và tuyệt đối không được nói chuyện. Vì thế mặc dù cả trăm con người nhưng phòng ăn im phăng phắc chỉ nghe tiếng nhai cơm rào rào. Phải công nhận là quân đội ngày ấy kỷ luật rất cao. Tôi lại đang phấn đấu vào đoàn nên chấp hành kỷ luật một cách tuyệt đối. Thậm chí còn

hơn cả các sĩ quan quân đội cùng khoa văn hóa. Còn nhớ, có hai chuyện nực cười thế này. Một, sáng dậy tập thể dục đúng giờ. Trời rét như cắt ruột nhưng hể nghe tiếng keng là mọi người phải dậy tập thể dục theo nhịp điệu của đài tiếng nói Việt Nam do nhà trường tiếp âm bằng một hệ thống loa cực mạnh. Sau đó xếp hàng chạy đều theo đơn vị trung đội lên bờ đê sông Đuống, chạy hàng cây số, lúc về đi đều và hát bài “vùng đông đã hừng sáng”. Ngày ấy, tối nào cũng vậy, tôi đợi cho mọi người đi ngủ hết, rồi mặc quần áo, đi giày sẵn mới vô giường đắp chăn ngủ. Vì thế mà đến sáng, mới nghe tiếng keng là tôi đã nhảy ra sân đứng sẵn chờ mọi người còn đang mặc quần áo, đi giày. Nhờ đó mà dĩ nhiên tôi được điểm cao và được khen ngợi vì thủ đoạn này. Nhưng việc bốc củt trồng rau mới là việc khôi hài nhất. Ngày ấy nhà trường đề ra phải tăng gia sản xuất sau giờ hành chính để cải thiện bữa ăn. Đất bên ngoài nhà trường dọc theo sông Đuống thì mênh mông. Hết giờ làm việc, mọi người chơi thể thao đàn hát... còn tôi thì cố phân đấu nên chui vào nhà xí (nhà vệ sinh công cộng của trường) để hót củt, ủ hoại làm phân bón rau. Hôi đó chưa có hố xí tự hoại nên phân tươi thối nhưc mùi, đúng như câu thơ của Phùng Cung “cút nguyện thối đến hết mình cho người đời khỏi ngộ nhận”. Nhờ chăm bón phân, vườn rau của tôi tươi tốt lạ thường. Ai nấy cũng phải khen. Mỗi lần trường khoa văn hóa còn tuyên dương tinh thần tăng gia sản xuất của tôi trong buổi họp. Nhưng vì chiều nào cũng chui vào hố xí bốc củt nên quần áo, người ngộm tôi hôi thối đến nỗi không ai dám đứng gần. Thậm chí đến bữa ăn không ai dám ngồi cạnh tôi. Vì thế có người đã nói (sau này đến tai tôi) là nếu không

mau mau kết nạp thằng Khải vào đoàn mà cứ để cho nó bới cứt thế này thì thối hoác cả khoa văn hóa! Đã thế tôi càng chăm chui vào hố xí để ai thấy tôi cũng phải bịt mũi. Mần hài kịch bới cứt trồng rau tăng gia sản xuất đã mau chóng đưa tôi vào đoàn. Với chiếc huy hiệu đoàn có in hình cánh tay cầm cò, tôi đã đeo trên ngực về nhà để báo cáo thành tích với mẹ tôi. Sau đó tôi xin nghỉ dạy văn hóa ở trường hậu cần để ôn thi đại học. Mùa thi đại học năm 1963, tức hai năm sau khi tốt nghiệp phổ thông, tôi lại đệ đơn thi vào trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội. Lần này tôi đăng ký thi vào khoa Nga, vì khoa văn, khoa toán là khó nhất. Lý do, đó là hai bộ môn chính có giá nhất để giảng dạy ở trường cấp 3. Còn các môn khác, trong đó có môn ngoại ngữ Nga văn chỉ là môn phụ. Đó là tôi nghĩ như vậy vì nỗi sợ thi trượt nó cứ ám ảnh từ hai năm trước. Nhưng kết quả là tôi vẫn trượt, trước sự ngạc nhiên của gia đình, bạn bè, dòng họ. Mẹ tôi thương tôi vô cùng. Vì theo bà, tôi đã là đoàn viên rồi thi tại sao lại không đỗ. Công sức phấn đấu vào đoàn của tôi hoàn toàn vô ích. Tôi sụp đổ hoàn toàn. Người gầy gộc đi. Suốt ngày đóng cửa phòng nằm yểu như người đã chết. Chú Hai tôi thấy thế định xin cho tôi lên khu gang thép Thái Nguyên làm trong guồng máy an ninh do một người bạn của ông được Bộ Công An phân công lên nằm trong Ban lãnh đạo của khu gang thép, nhưng là người của ngành Công An cài vào. Đó là cách tổ chức nắm nhân sự của chính quyền cộng sản đối với tất cả mọi ngành nghề. Tôi biết rõ thực chất công việc mà tôi phải nhận là làm “gián điệp” đi theo dõi mọi người sau đó báo cáo lại, trong khi tôi chưa tốt nghiệp đại học, chưa có nghề gì cả, vì thế tôi không đi.

Nhưng có ai ngờ, bỗng nhiên số phận lại mỉm cười với tôi. Đó là một buổi trưa hè oi bức, tôi đang ngủ trong buồng thì mẹ tôi đánh thức dậy vì có “chú Bảy Trân” xuống chơi. “Chú Bảy Trân” là một nhân vật thật độc đáo, thật đặc biệt nếu như không muốn nói là một nhân vật “huyền thoại” về những người cộng sản Việt Nam. Sở dĩ tôi viết cuốn hồi ký này vì như tôi đã nói ở phần mở đầu, đời tôi không đáng một xu, không có gì đáng viết cả, nhưng những nhân vật mà tôi biết như “chú Bảy Trân” thì phải viết lại, không thì “phí đi” như bạn bè khuyên tôi nên viết hồi ký!

Câu chuyện về “chú Bảy Trân” mà tôi phải dừng lại khá lâu này để nói, số là như sau:

Khoảng năm 1955 khi mẹ tôi có mở một cửa hàng bán giấy dép ở phố Hàm Long, hàng tháng có cán bộ đến thu thuế. Người đến thu thuế tại cửa hàng của mẹ tôi là một thương binh, cán bộ miền Nam tập kết, tên là Tám Trọng. Anh Tám Trọng sau này là anh rể ruột của tôi. Anh ít nói, một thanh niên trắng trẻo, tính tình hiền hòa. Do đi lại thu thuế nên Tám Trọng quen với chị ruột lớn của tôi là Lê Thị Thuận. Họ quen nhau đến mức thân thiết rồi xin mẹ tôi cho làm đám cưới. Nhưng mẹ tôi nói, tuy anh Tám là người tốt, nhưng cán bộ miền Nam ra Bắc tập kết đa số có vợ ở trong đó rồi, sau này đất nước thống nhất thì thôi thôi lắm nên bà kiên quyết không đồng ý. Thế rồi mấy hôm sau có một chiếc xe vonga đen đen đánh xích ở cửa nhà tôi. Từ trong xe bước ra là một người đàn ông tầm thước, mặc com-lê thắt cà vạt nghiêm chỉnh bước vô nhà xin phép được gặp mẹ tôi. Hỏi đó ai đi xe vonga đen là sang lắm, phải là ủy viên trung ương Đảng. Cấp

bộ trưởng nhưng không phải là ủy viên trung ương thì đi xe vonga trắng. Phân biệt ngôi thứ rõ ràng qua màu sắc chiếc xe. Người đi xe vonga tự giới thiệu tên là Bảy Trân, quê ở Cần Giuộc, Long An là cán bộ cao cấp của Đảng hiện công tác ở Bộ Giáo Dục. Ông Bảy Trân, với tư cách là cán bộ cao cấp của Đảng đảm bảo với mẹ tôi rằng anh Tám Trọng (tức Phạm Văn Trọng) là cháu ông, đã có vợ ở miền Nam nhưng vợ anh Tám đã li dị chồng khi anh Tám bị thương để đi lấy một người chồng khác ở phía bên kia. Ông Bảy Trân xin đứng ra bảo lãnh cho anh Trọng và nhận anh làm con để đại diện gia đình cử hành đám cưới với chị tôi, ông xin nhận làm sui gia với gia đình tôi.

Chẳng biết thực hư thế nào, mẹ tôi vẫn bản khoản nên nhấn chú Hai tôi đang công tác ở Bộ Công An điều tra hộ. Mẹ tôi là một phụ nữ, như hàng trăm phụ nữ khác ở miền Bắc lúc bấy giờ rất tin tưởng vào cán bộ của nhà nước, nhất là cán bộ cao cấp như em chồng của bà, tức chú Hai tôi. Có câu chuyện khôi hài mà tôi không bao giờ quên được khi người ta nói đến “tính ưu việt” của chế độ XHCN ở Liên Xô. Ngày ấy, Liên Xô là “thiên đường” của loài người như người ta đã tuyên truyền. Có người nói với mẹ tôi rằng, ở Liên Xô phụ nữ đẻ không đau! Mẹ tôi nửa tin nửa ngờ, đợi đến hôm chú Hai tôi về chơi, bà mới đem câu chuyện đó ra hỏi. Hôm đó tôi cũng có mặt và nghe rất rõ câu chuyện. Mẹ tôi nói: Tôi nghe người ta nói ở Liên Xô phụ nữ đẻ không đau có phải không hả chú? Chú Hai tôi chỉ cười rồi hỏi lại: Ai bảo chị thế? Rồi cũng không trả lời gì cả(!) Thì ra chính trị là như thế. Bộ máy tuyên truyền luôn làm ngu dân. Những người dân lương

thiện như mẹ tôi không đi đến đâu nên có thể tin ở Liên Xô đề không đau! Cũng như sau ngày 30/4 tôi về một nhà dân ở Long Xuyên thấy trong nhà tắm tường đen ngòm toàn vết cháy. Hỏi ra thì bà chủ kể rằng, sắp đến ngày thua trận, chính quyền tuyên truyền rằng Việt Cộng vào sẽ bắt hết con gái, phụ nữ mặc áo dài, sơn móng tay móng chân... nên khi nghe tin Sài Gòn đã thất thủ, gia đình đem hết quần áo đẹp của đàn bà con gái vào nhà tắm rồi tưới xăng đốt nên bây giờ nhà tắm mới đen ngòm như vậy!

Đúng là: *“Sau mỗi cuộc chiến tranh / Phe nào thắng thì nhân dân đều bại”* như nhà thơ Nguyễn Duy đã viết.

Câu chuyện mẹ tôi nhờ chú Hai “điều tra” thì thế này, chỉ mấy ngày sau, chú Hai tôi đi xe com-măng-ga, (xe dành cho sĩ quan cao cấp ngành công an hoặc quân đội) về nhà và cho mẹ tôi hay, đúng ông Bảy Trân, tức Nguyễn Văn Trân là cán bộ cao cấp rất có uy tín của Đảng, tập kết ra Bắc và sắp tới sẽ giữ những chức vụ quan trọng. Thế là đám cưới chị tôi với anh Tám Trọng được cử hành trọng thể và ông Bảy Trân mà sau này tôi hay gọi là “chú Bảy” chính thức là sui gia với bố mẹ tôi. Ngày giỗ, ngày tết tại gia đình tôi bao giờ cũng có ông sui gia Bảy Trân có mặt. Ông Bảy Trân xuất hiện trong gia đình tôi như một ánh sáng mới lạ, không phải vì ông là một cán bộ cao cấp, mà vì những hành vi văn hóa của ông khác hẳn với những thứ văn hóa vô sản đang hình thành lúc đó. Ông được mọi người ở cả 2 bên nội ngoại của tôi rất kính trọng. Đặc biệt đối với ông nội tôi mặc dù về mặt vai vế ông chỉ đứng hàng con cháu vì là sui gia với bố mẹ tôi.

Lần đầu tiên người cán bộ cộng sản cao cấp này ra mắt

ông nội tôi là cử chỉ xin phép được đốt một nén nhang trên bàn thờ tổ tiên của gia đình tôi và cúi lại ba lần. Cử chỉ này làm kinh ngạc mọi người vì tại thời điểm đó đang diễn ra cái cách ruộng đất. Ở khắp nơi trên miền Bắc, người ta đang đập phá đình chùa, tượng phật, tượng thánh bị vụn cổ ném xuống ao. Bàn thờ tổ họ Lê Phú nhà tôi, trừ ông nội tôi, còn bố tôi và các chú ruột không ai thấp nhang và cúi lạy trước vong linh ông bà cả dù đó là những ngày lễ tết hay giỗ chạp. Lúc đó, người ta xem những cử chỉ hành vi này là duy tâm, là lạc hậu, là phong kiến. Từ đó trong mắt ông nội tôi, mẹ tôi và cả tôi nữa, ông Bảy Trần là một cán bộ cộng sản không giống với thứ văn hóa vô sản lưu manh đang được người ta áp đặt vào xã hội miền Bắc lúc đó. Mỗi lần đến chơi, ông Bảy Trần được ông nội tôi tiếp đón rất trân trọng. Họ nói chuyện nhau rất lâu, đôi lúc dùng cả tiếng Pháp nữa. Mỗi khi ông Bảy ra về, ông nội tôi tiễn ra tận cổng. Còn mẹ tôi thì vô cùng cảm động khi những đêm sáng trăng ông sui gia đạp xe ra tận ngoại thành chơi, ngày ấy ngoại thành chưa có điện, ông đã ra tận ruộng rau nơi mẹ tôi đang tưới cây để trò chuyện động viên người phụ nữ thị thành chưa mấy quen với công việc thôn quê nặng nhọc này. Còn đối với tôi thì đây là lần đầu tiên tôi được chứng kiến người cán bộ có cử chỉ văn minh. Đó là lần tôi đi cùng ông Bảy ra ngoại thành. Trên đường đi ông mua hai gói xôi đậu đen gói trong lá chuối để hai người ăn sáng. Ăn xong tôi chưa biết vứt lá chuối đi đâu, vì còn đang ngồi trên xe vonga, nhưng ông Bảy đã lấy nó rồi cuộn với gói lá của ông xong rồi vứt vô túi áo đại cán. Về nhà ông lấy bỏ vô thùng rác. Thời gian sau ông đưa cô cháu gái gọi ông là

chú ruột và chồng cô đến chơi nhà tôi. Ông giới thiệu người cháu tên là cô Sáu, và chồng là anh Sáu Khải (tức thủ tướng Phan Văn Khải sau này) mới đi học ở Liên Xô về. Anh Sáu Khải người nhỏ nhắn, ít nói. Vợ chồng anh được mẹ tôi rất quý nên hay mời đến dùng cơm trong các dịp giỗ, tết. Có lần ngày 30 tết, mẹ tôi làm cơm cúng ông bà và mời bà con cả họ đến vì nhà tôi là nhà trưởng. Khi mẹ tôi bóc bánh chưng bày lên mâm, nhưng vì mâm to nên phải bóc hai cái (để mỗi bên một cái), thấy thế anh Sáu góp ý, đại ý là năm ngoài cũng bóc 2 bánh nhưng ít người ăn vì ăn cổ đã no, năm nay theo ý anh chỉ nên bóc một cái. Mẹ tôi giải thích cái mâm to nên phải bóc 2 cái, vì người ngồi bên này không phải vươn tay với sang phía bên kia. Nếu chỉ bóc một cái có khi người ta lại ngại. Khi anh Sáu lên nhà trên rồi, mẹ tôi mắng tôi. Anh thấy chưa, người ta là người miền Nam, giàu có mà tiết kiệm, còn anh chỉ biết hai tay đút túi vô tích sự! Đối với mẹ tôi (và người Bắc) dân miền Nam là người giàu có hay ít nhất cũng là người sống ở mảnh đất giàu có của đất nước, ra Bắc phải chịu khổ nên phải được chiếu cố. Những tình cảm như thế của đồng bào miền Bắc đối với cán bộ miền Nam ra tập kết thật dễ thương. Vậy mà sau này khi vô Nam sau 1975, mẹ tôi bắt tôi đưa đi thăm những người quen trước tập kết có đến nhà tôi như ông Bảy Trân, anh Sáu Xích cán bộ công đoàn thành phố, riêng anh Sáu Khải lúc đó là chủ tịch ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tôi định đưa bà đến thăm nhưng bà không đi vì sợ người ta hiểu lầm là mình định nhờ vả gì(!). Thật tình thì Sáu Khải không phải là người đáng phải cần thận như thế. Ông là người tử tế. Có lẽ vì cái tính “tiết kiệm”

như mẹ tôi từng khen nên khi làm thủ tướng ông không phá phách như những người sau này. Đồi ba lần khi tôi gặp ông trong các hội nghị tại TP. HCM với cương vị thủ tướng, ông tiếp các nhà báo xung hô đồng chí đảng hoàng, nhưng khi bất chợt nhìn thấy tôi, ông hỏi: Mày dạo này thế nào? Có gặp bà Tám (tức chị tôi, vợ Tám Trọng) luôn không? Cách xung hô mày-tao như thế với tôi khiến các nhà báo khác ngạc nhiên(!). Năm 2001 tôi qua Paris thăm chú Năm tôi, trước là đại diện thường trú của Thông tấn xã Việt Nam, sau đó định cư chính trị bên đó. Chú Năm tôi hỏi: Chú xem TV thấy thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải rất giống anh Sáu Khải, cán bộ Ủy ban kế hoạch nhà nước xưa vẫn đến nhà mình chơi ở Hà Nội, có phải là Phan Văn Khải bây giờ không? Tôi trả lời là đúng. Chú tôi lại hỏi: Gặp cháu bây giờ anh ấy có hỏi han gì không? Tôi trả lời: Lúc hàn vi cũng như bây giờ quyền cao chức trọng, Sáu Khải vẫn tỏ ra là một người tử tế. Chú tôi nói: Vậy thì có dịp gặp anh ấy, cho chú gửi lời hỏi thăm. Trong một cuộc gặp ông ở hội nghị, tôi có chuyển lời hỏi thăm của chú Năm tôi. Ông Khải cười, nói: việc mày xin đi Pháp thăm chú, bọn tao biết cả, nhưng ai dám cản mày! (Tôi chắc là ông Sáu Khải nói đùa).

Số phận của Sáu Khải thì như thế, nhưng số phận của ông Bảy Trân sau này thì không ra sao. Tôi sẽ kể về con người “huyền thoại” này vào dịp khác. Lại nói về chuyện tôi thi trượt. Thấy chú Bảy xuống chơi, mẹ tôi lại đem ngay chuyện tôi thi trượt đại học ra phàn nàn. Ông Bảy nói ngay: Bảo nó ra đây. Hình như là người trong ngành giáo dục biết chuyện thi cử nên ông bảo tôi: sáng mai theo tao vào trường Đại học Sư

phạm. Thế là ngay sáng hôm sau, ông chở tôi bằng cái xe đạp Junior Tiệp Khắc vào trường ở Cầu Giấy. Đến nơi ông bảo tôi đứng ngoài chờ, ông vào gặp thầy Tuất, phó hiệu trưởng kiêm phó bí thư trực của đảng ủy nhà trường. Thầy Tuất vốn là một trí thức Nam Bộ ở châu Âu về hoạt động, cũng như ông Bảy Trân, thầy có bà vợ người Ý cũng theo chồng về nước. Đứng ngoài cửa, chỉ cách có tấm cốt mỏng, tôi nghe rõ tiếng ông Bảy nói với thầy Tuất: Nhờ anh xem hộ trường hợp thằng con bà sui gia của tôi tên là Lê Phú Khải thi vào khoa Nga văn năm nay vì sao không đỗ? Thầy Tuất trả lời: Để tôi kêu tổ chức mang hồ sơ, lý lịch lên coi. Nói rồi ông quay chiếc điện thoại có số chạy vòng tròn kêu vo..vo.. Một lát sau, có một người đến mang theo bộ hồ sơ của tôi, đựng trong chiếc phong bì to lên trình. Tôi lại nghe rõ tiếng thầy Tuất: Gia đình cháu Khải là thành phần tư sản làm sao mà đỗ được! Tôi nghe thấy thế, lạnh cả người. Lại nghe tiếng ông Bảy Trân: thật là bậy! Gia đình nó là cách mạng nòi, chú ruột nó đang là cục trưởng ở Bộ Công An, chị nó cũng là công an, làm sao là tư sản được. Tiếng thầy Tuất bình thản: vậy anh viết cho mấy chữ bảo lãnh đi. Thế là sau mấy phút, chẳng biết ông Bảy viết cái gì, ngay sáng hôm sau tôi đến gặp tổ chức nhà trường nhận giấy vào lớp. Thật là khôi hài, một ông cán bộ quê ở mãi Cần Giuộc Long An chỉ viết mấy chữ bảo lãnh cho một thanh niên sinh ra và lớn lên ở Hà Nội đã làm thay đổi cả số phận người thanh niên đó.

Trên đường ông Bảy Trân đèo tôi từ Cầu Giấy về, đến giữa được tôi xin ông cho xuống và đến thẳng Bộ Công An ở đường Trần Bình Trọng. Tôi lên thẳng phòng làm việc của

chú Hai tôi, lúc đó ông đang là cục trưởng Cục cảnh sát nhân dân và vừa được thủ tướng Phạm Văn Đồng gán quân hàm thượng tá cảnh sát nhân ngày cảnh sát ra mắt quốc dân, với quân hàm quân hiệu chính tể (1962). Lúc đó chú Hai tôi là người đứng đầu ngành cảnh sát của cả nước, mà chỉ được phong cấp thượng tá chỉ bằng quân hàm của phó trưởng công an quận huyện ngày nay (2012)! Sau khi nghe tôi trình bày rằng, công an xã đã phê lý lịch của tôi là gia đình tư sản nên không được học đại học, khiến tôi phải long đong mất hai năm. Chú Hai tôi hứa sẽ điều tra. Mấy ngày sau, ông xuống nhà tôi và cho hay theo báo cáo của trưởng công an huyện Thanh Trì thì cái lý do nghe thật khôi hài. Người công an quản lý xóm tôi ở thấy ông nội tôi hay nói tiếng Pháp nên đã báo cáo lên công an xã Hoàng Văn Thụ, làng Hoàng Mai rằng gia đình tôi là gia đình tư sản. Từ đó xã đã phê vào lý lịch của tôi: gia đình tư sản.

Hồi ấy chế độ phê chuẩn, chứng nhận lý lịch của thí sinh nộp đơn thi đại học do xã phê, không cho đương sự biết rõ niêm phong gửi qua đường bưu điện đến phòng tổ chức của trường đại học mà thí sinh dự thi. Nhà trường nhận được lý lịch như vậy thì cũng không chấm bài thi, chỉ căn cứ vào thành phần gia đình tốt, xấu của thí sinh mà xét cho đỗ hoặc trượt như tôi đã kể ở trên. Chế độ thi tuyển sinh viên vào đại học như thế đã kéo dài từ sau hòa bình 1954 không biết đến năm nào... Trường hợp của tôi là do may mắn, nhờ có ông Bảy Trần đưa tôi vào gặp thấy hiệu phó của mùa thi tuyển năm 1963 trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tôi mới biết chế độ tuyển sinh rừng rợn và rừng rú này. Chủ nghĩa Marx-Lenin

với quan điểm giai cấp, đấu tranh trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mới sinh ra cách tuyển sinh vào các trường đại học man rợ như thế. Nó lạc hậu hơn tất cả các hình thái xã hội từ trước đó. Kể cả thời phong kiến thì nhà nước cũng kén người tài, giỏi, thi đạt bằng cấp cao mới được tuyển dụng vào bộ máy cai trị. Còn thời cộng sản chỉ lựa chọn theo thành phần giai cấp. Chính vì thế mà dưới chế độ cộng sản, tất cả các sinh viên đại học sau khi tốt nghiệp được phân bổ về công tác tại các cơ quan Đảng, nhà nước đa phần là những kẻ dốt nát, ngu si nhất. Bởi lẽ cứ thành phần bản cố nông, dân nghèo thành thị thì mới được học đại học. Do vậy lấy đâu ra học sinh giỏi ở những thành phần đó, nếu có thì cũng hân hũu. Bao nhiêu thanh niên, học sinh thuộc các thành phần khác, dù có giỏi đến đâu cũng bị gạt ra. Có ai chấm bài thi đâu mà chọn người giỏi. Khi vào đại học rồi thì cứ thế yên chí sẽ đỗ ra trường. Đảng đã phân công thành kỹ sư, thành bác sĩ, thành tiến sĩ... Sự dốt nát lại có bằng cấp, có địa vị, đã bao trùm cả xã hội xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nhiều chục năm như thế. Xã hội bị đẩy lại thời trung cổ. Tôi nhớ thời Pháp thuộc, bố tôi thi diplome bốn năm liền không đỗ. Không đỗ là không đỗ, chẳng có chuyện chạy chọt, xét thành phần gì cả. Ông nội tôi có thừa tiền cũng không thể chạy cho bố tôi đỗ diplome được. Đọc hồi ký của Trần Văn Giàu sau này người ta thấy, nhà ông Giàu là đại điền chủ, nhưng chỉ có ông thông minh sáng dạ nên mới học lên được. Các em ông được gia đình chia ruộng để trở thành địa chủ mà thôi. Nói vậy để thấy, không phải ai cũng có khả năng lao động trí óc, để học hành trở thành người lao động trí óc, thành trí thức. Chế độ thi cử

xét thành phần giai cấp để tuyển chọn đã đào tạo ra cả một xã hội đầy rẫy những công chức có bằng cấp nhưng dốt nát để quản lý xã hội ở các lĩnh vực. Sau này vào đại học rồi tôi mới biết, các sinh viên lớp tôi là con em các gia đình bản cổ nông, thành phần nông cốt ở nông thôn, học lực rất yếu nhưng mỗi năm vẫn lên một lớp và vẫn tốt nghiệp ra trường trở thành các thầy cô giáo dạy môn văn ở cấp 3 (sau khi được vô trường, tôi đã chuyển sang học khoa văn). Có thấy cả đời chưa đọc hết một cuốn sách thì làm sao dạy văn cho các em được. Vậy mà các vị trí thức bản cổ nông này rất vênh váo, rất tự hào, rất thỏa mãn với địa vị xã hội của mình. Thời bao cấp xưa kia thì thành phần để lấy bằng cấp còn thời kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa ngày nay thì mua bán, đút lót để lấy bằng là chính chứ không cần kiến thức. Vì thế cả bộ máy đã hoàn thiện sự dốt nát, bộ máy cai trị đó đầy ghét bản nên nó không thể vận hành bình thường được. Kể dốt nát khi có quyền lại xuất thân từ thành phần bản cổ nông nghèo khổ nên chỉ lo tham nhũng, vợ vét mà thôi. Di hại này của chế độ tuyển chọn trong giáo dục không biết bao giờ mới tẩy rửa được. Năm ngoái, tôi có ra Hà Nội dự cuộc họp mặt 45 năm ngày ra trường của khóa đại học văn khoa chúng tôi. Sau 45 năm các bạn đồng học của tôi nay đã về hưu. Họ xúng xính trong các bộ complet, cravate và tranh nhau lên diễn đàn khoe về sự “thành đạt” của mình, của gia đình mình. Một anh bạn xưa kia học dốt nhất lớp, năm nào cũng phải thi lại, nhưng được chiếu cố thành phần cơ bản nên được tốt nghiệp đã lên khoe mình là hiệu trưởng kiêm bí thư Đảng ủy nhiều năm! Có vị lên khoe học trò của mình bây giờ có đưa làm đến thiếu

tướng. Các bạn tôi hoàn toàn thỏa mãn, hã hê với cuộc sống hiện tại. Với họ, có bát cơm nhiều thịt là thiên đường rồi. Về Sài Gòn, tôi đem câu chuyện này kể với một người bạn, anh liền mắng tôi: Cậu mới là một thằng ngu, ở nước ta, thằng học dốt nhất lớp cậu thì sau này làm hiệu trưởng, dốt nhất trường thì sau này làm bộ trưởng và dốt nhất nước thì làm quốc trưởng. Có thể mà cậu cũng không biết, thật là ngu(!).

Có lẽ tôi ngu thật rồi!

CHƯƠNG BỐN

ĐỜI SINH VIÊN

Cuộc đời thật trở trêu, nhờ “thi trượt” mà tôi được biết thầy Tuất, hiệu phó nhà trường và sau đó trở thành “cháu” của thầy! Ngày ấy tôi thường mang thông tin, thư từ của chú Bảy Trần đến thầy Tuất và được thầy yêu mến. Là một trí thức miền Nam tây học, tính tình thầy hiền hòa, cởi mở. Còn gì “oai” bằng ở một trường đại học hàng ngàn sinh viên, tôi được xem là “cháu” của thầy hiệu phó. Thực chất, thầy điều hành như hiệu trưởng vì, giáo sư Phạm Huy Thông đứng danh hiệu trưởng như không bao giờ về trường cả, trừ khi có khách quốc tế đến thăm trường là nguyên thủ quốc gia.

Như đã kể trên đây, vì bắt buộc phải nộp đơn thi vào khoa Nga cho dễ đỗ, nên khi được vô học, tôi phải học tiếng Nga. Tôi học rất dốt môn ngoại ngữ này, điểm kiểm tra thường là điểm 1 và 2. Vì thế lớp phân công nữ sinh viên tên là Ngọc kèm cặp giúp đỡ, phụ đạo tôi hàng ngày. Tôi rất tự ái, nghĩ mình “đường đường một đấng anh hào” mà lại bị một bạn gái giúp đỡ thì thật là... mất cái sỹ diện! Vì thế tôi lên xin thầy Tuất cho tôi chuyển sang học khoa văn. Thầy Tuất ôn tồn bảo tôi: Khái ơi, bây giờ sắp thi học kỳ rồi, cậu sang khoa văn

làm sao mà thi nổi, người ta học được nửa năm rồi. Tôi nghe thế, đưa thầy xem học bạ phổ thông với điểm tổng kết 5 môn văn để thuyết phục và hứa với thầy tôi sẽ thi học kỳ với điểm số xuất sắc. Là dân Nam Bộ tính tình phóng khoáng, thầy xé mảnh giấy nhỏ, ghi mấy chữ (giống hệt như chú Bảy Trần đã làm cho tôi trước đây) để tôi đem sang phòng tổ chức khoa văn để nhập học. Anh cán bộ phòng tổ chức xem giấy xong lắc đầu, nhìn tôi. Có lẽ trong bụng anh nghĩ tôi có quan hệ thế nào với thầy Tuất mà được phá lệ thế này. Nhưng cái giấy của ông hiệu phó cũng là mệnh lệnh, đồ ai dám cản trở. Tôi được nhận vào học khoa văn.

Sang khoa văn học được ít ngày là thi học kỳ năm thứ nhất. Học khoa văn là cả một núi sách phải đọc. Nhưng các sinh viên xuất thân ở nông thôn thì lấy đâu sách ra mà đọc, vì thế tôi có ưu thế hơn hẳn các bạn. Tôi đã đọc các tác phẩm văn học này từ hồi còn là học sinh phổ thông ở các cấp. Vì thế, tôi chỉ phải đọc các sách lý luận, sách nghiên cứu, các giáo trình và không phải chúi đầu đọc tác phẩm như các bạn tôi. Tôi học rất nhàn và có chất lượng. Khi thi học kỳ, môn văn học nước ngoài là văn học Trung Quốc. Đề thi là phân tích nhân vật Tào Tháo trong tiểu thuyết trường thiên Tam Quốc. Tôi được điểm 9/10, đứng đầu khoa về môn văn học nước ngoài. Ở đây xin mở ngoặc, lên đại học điểm tính theo hệ thống 10/10. Với môn văn học nước ngoài, năm thứ nhất học văn học Trung Quốc, năm thứ hai là văn học Nga-Xô viết, năm thứ ba văn học phương Tây. Được điểm 9/10 môn văn học Trung Quốc, tôi được cử làm cán sự bộ môn văn học nước ngoài của lớp. Cán sự có nhiệm vụ liên hệ với thầy giáo bộ môn để nhận các câu hỏi, bài vở, tài liệu

hướng dẫn của thầy và phụ đạo các bạn cùng lớp có điểm kém môn học đó. Như đã hứa, tôi đem kết quả thi học kỳ một lên cho thầy Tuất xem và thầy rất hài lòng.

Vào đại học, quy định của nhà trường là phải ăn ở nội trú. Do gia đình có điều kiện hơn các bạn cùng lớp nên tôi được trang bị khá tốt. mẹ tôi cho tiền mua chiếc xe đạp Sputnik do Liên Xô sản xuất, được chú Năm tôi cho một cái va li cũ, đặc biệt chú Hai cho tôi cái cặp da “mác” Thượng Hải màu đen rất sang. Đó là chiếc cặp thủ tướng Chu Ân Lai tặng các thành viên đoàn Việt Nam đi dự hội nghị Genève năm 1954 tại Thụy Sĩ. Một sinh viên đi học đại học thời đó mà được trang bị như thế là sang lắm rồi. Tôi nhớ, cứ mỗi lần tôi đạp xe vào trường chiều chủ nhật là đã có các bạn đứng ở cổng chờ, mượn tôi xe đạp để đạp ra phố chơi. Vì thế chẳng bao lâu, chiếc xe đã cũ nát. Còn chiếc cặp da đen “mác” Thượng Hải thì tôi cũng không bao giờ quên về số phận của nó. Cái cặp da đen ấy có thể được xem là sang nhất trường, ngay cả thầy Tuất cũng không có, vì thế các bạn của tôi hay mượn để xách cho oai! Có lần anh Đình, bạn cùng lớp với tôi, quê ở Thái Bình hỏi mượn tôi cả xe đạp, cả cặp da để đạp ra phố chơi vì chiều hôm đó là chiều tự học. Anh đi đến gần tối mới về, từ trên sân thượng của ký túc xá, tôi nhìn xuống thấy anh một tay đi xe, một tay xách cái cặp đen nhưng nó to đùng như cái thùng. Hóa ra anh mua một quả dưa hấu và cố nhét vào cặp để xách về. Thế là cái cặp da đen kiểu cặp ngoại giao, có hai ngăn gấp vào nhau, có khóa và quai đỡ ở bên dưới bị đứt tung khóa. Tôi phải đem về Hà Nội chữa. Cái cặp đen “ngoại giao” đó còn biết bao nhiêu kỷ niệm ly kỳ nữa. Đó

là năm học thứ ba, trường sơ tán ở Yên Mỹ, Hưng Yên. Tôi ở trọ trong một gia đình nông dân rất nghèo. Bà chủ nhà có cái màn (trong Nam kêu là mùng) bằng vải xô rách đến mức phải dùng giấy báo dán chằng chịt. Bà chủ nhờ tôi mua giúp một chiếc màn mới. Hồi đó (1966) muốn mua một cái màn là rất khó, phải có phiếu vải mới mua được. Nếu dùng phiếu vải để mua màn thì cả năm không còn tiêu chuẩn mua vải may quần áo vì màn rất rộng. Tôi nhờ có bà chị ruột là cửa hàng trưởng một cửa hàng mậu dịch Hà Nội nên mua được cho bà chủ một cái màn mới mà không cần đến tem phiếu. Có màn, cả gia đình bà mừng lắm. Cuối tuần tôi về Hà Nội, bà chủ nhà muốn gửi biếu chị tôi chút quà nhưng nhà nghèo quá, biết lấy gì đền ơn. Người nông dân vốn tình nghĩa đôn hậu như vậy. Vì thế, từ sáng sớm bà đã đi mò cua và đến chiều bà đã có 10 xóc cua để nhờ tôi đem về Hà Nội biếu chị tôi làm quà. Tôi để mười xóc cua đó vào chiếc cặp đen, mỗi ngăn năm xóc rồi gấp lại. Chưa hết, tôi cẩn thận cài khóa bên dưới rồi xách đi.

Về Hà Nội, lúc đến Bờ Hồ, tôi đi xe điện tuyến chợ Mơ để về nhà. Lúc ngồi trên xe điện, những chú cua còn sống cứ ngo ngoáy nghe rào rào như một tín hiệu gì đó, thế là anh bán vé xe điện hỏi tôi: Cái gì ở trong cặp của cậu? Tôi không thèm trả lời, thấy vậy anh ta càng nghi ngờ và lớn tiếng: Tôi hỏi cậu, cái gì ở trong cặp của cậu? Có lẽ anh đã nghi ngờ tôi có máy phát sóng điện. Hồi đó có khẩu hiệu “mỗi người dân là một chiến sỹ công an” nên người ta thường hay nghi ngờ lung tung. Nhìn đâu cũng thấy địch. Thấy tôi giả vờ lúng túng, anh ta chắc hẳn đã phát hiện được tên gián điệp đang mang máy phát sóng báo tín hiệu cho máy bay oanh tạc tàu

điện của anh ta(!). Những tiếng quát lại vang lên: yêu cầu cậu mở cặp ra cho tôi kiểm tra. Tôi quát lại: anh không có quyền đó. Thế là cả tàu điện nhốn nháo. Có ai đó thông báo cho lái tàu để dừng lại. Cả người lái tàu cũng đến mặt hầm hầm yêu cầu tôi mở cặp. Tôi nói: các anh phải có biên bản cuộc khám xét này. Nếu tôi mở ra chỉ có mấy con cua đồng thì sao. Tôi sẽ kiện các anh về xí nghiệp xe điện. Nghe thấy có cua đồng trong cặp, mọi người đều sùng sốt. Có người quát: nói bậy. Lúc đó tôi mới từ từ mở chiếc cặp đen “ngoại giao” của tôi ra, lần lượt lôi ra mười xóc cua đồng còn sống, chân của vẫn ngo ngoài. Thế là mọi người phá lên cười. Anh bán vé và người lái tàu biến mất. Có lẽ trên hành tinh này, không ở đâu người ta sử dụng chiếc cặp da đen sang trọng dùng trong ngoại giao để đựng dưa hấu và cua đồng như chiếc cặp của tôi!

Đời sinh viên của chúng tôi ngày ấy lắm chuyện vui buồn như thế. Trong ba năm học, từ 1963 đến 1966 mỗi năm chúng tôi học ở một nơi. Một năm học ở Cầu Giấy Hà Nội, một năm sơ tán lên Đại Từ, Thái Nguyên (lúc đó gọi là Bắc Thái). Một năm quay về vùng quê nghèo Yên Mỹ, Hưng Yên. Năm thứ hai ở Đại Từ để lại những kỷ niệm thật khó quên: Đói khổ và thơ mộng. Đói là vì xa Hà Nội. Mọi thứ tiêu chuẩn của sinh viên phải mua theo tem phiếu ở Hà Nội vì hộ khẩu ở đó. Ngày đó đến rau muống cũng phải xếp hàng mua của mậu dịch theo tiêu chuẩn. Vì thế, đi sơ tán xa các nhu yếu phẩm này không chuyển lên được. Đến kỳ, chúng tôi phải đi bộ ra phố Đu ở Thái Nguyên, cách nơi sơ tán 20km để gánh lương thực về. Sinh viên lúc đó ở nhờ nhà dân nhưng lớp học thì phải tự làm lấy. Vì không có rau nên các quả đồi, cánh rừng quanh đó có

măng nứa, măng tre đều bị vật trụi để nấu canh. Một tháng chúng tôi chỉ được ăn thịt 1 hoặc 2 lần mua theo tem phiếu chợ từ Hà Nội lên. Thịt phải mua từ chiều hôm trước đến hôm sau mới lên tới nơi mà không có xe lạnh bảo quản như bây giờ nên thối hết, bốc mùi ôi. Nhưng các chị nuôi vẫn tiếc rẻ, lấy dao cắt phần thối đi, phần còn lại nấu măng làm “súp” cho sinh viên ăn với bột mì luộc hoặc cơm. Phần thịt được đem nấu đã thâm lại, khi ăn chúng tôi phải vừa bịt mũi vừa ăn vì nó có mùi thum thum. Nhưng vì thèm thịt quá nên vẫn cứ phải ăn!

Đói khổ như thế nhưng chúng tôi vẫn tập văn nghệ và còn biểu diễn văn nghệ cho bà con dân tộc xem. Ngoài ra còn tổ chức thi hùng biện nữa. Tôi đã được giải trong một cuộc thi hùng biện do lớp tổ chức. Cuộc sống ngày ấy gian khổ nhưng vẫn vui tươi có lẽ một phần do tuổi trẻ yêu đời, một phần vì thiên nhiên Việt Bắc vô cùng thi vị, nâng đỡ tâm hồn con người. Thời kháng chiến chống Pháp, tôi đã được sống ba năm có lẽ ở vùng núi trung du Phú Thọ, thời sinh viên tôi lại được sống ở vùng rừng Thái Nguyên, Việt Bắc gần năm trời quả là một điểm phúc trong một đời người để biết được đất nước mình tươi đẹp và nên thơ đến nhường nào để thêm yêu tổ quốc mình. Vùng Đại Từ Thái Nguyên là vùng rừng núi hoàn toàn nhưng không khắc nghiệt, cheo leo như vùng công viên đá Đồng Văn, Hà Giang hoặc như vùng rừng núi trùng điệp như Lai Châu, Điện Biên. Núi rừng ở Đại Từ xen kẽ những thung lũng nhỏ có thể trồng lúa nên cuộc sống của đồng bào dân tộc Tày, Nùng ở đây rất dễ chịu và nên thơ. Đàn ông quanh năm đi săn bắn và chặt gỗ làm nhà. Cứ vài, ba nếp nhà sàn ở gần nhau làm thành một xóm nhỏ. Đi cả cây số

nửa mới bắt gặp một xóm như thế. Từ xóm này đến xóm kia là những cây cầu bắc cheo leo qua suối, là những con đường nhỏ luồn lách trong rừng. Đất ở đây đa phần là đất đỏ, đất đá tổ ong rất hợp với tre, nứa, vầu... Nhiều cây vầu, một loại tre rất to đường kính đến hơn gang tay và có thể cao đến 20 mét. Vậy mà có gia đình sở hữu đến cả rừng vầu. Ngày đó, nói cho đúng thì ai muốn nhận quả đồi nào, quả núi nào là của nhà mình thì cứ mặc sức. Vì đi cả cây số mới gặp vài nếp nhà thì nhận cả rừng tre, nứa, vầu là của nhà mình cũng chẳng ai nói gì. Ở dưới xuôi thì cây tre cây vầu có thể dựng làm cột cái xây nhà rất quý, nhưng ở Đại Từ thì cho cả trăm cây tre một lúc cũng không ai lấy cả, vì lấy để làm gì? Có gia đình đắp đất ngăn một khe núi thế là thành một cái ao. Cuối năm tháo nước ra, bắt cá để ăn tết. Nước từ trên suối được dẫn xuống ruộng để cấy lúa. Nhà ở là nhà sàn. Nhà nào cũng có một bếp lửa to ngay lối cầu thang lên. Mỗi lửa là một cây gỗ dài, một đầu đưa vào bếp cháy âm ỉ quanh năm. Ra khỏi nhà ai cũng đeo một con dao dài bên thắt lưng, lúc trở về là một bó củi nứa, củi tre mà mấy tháng trước người ta đã phạt cho đứt, đợi đến khi cây khô lấy về làm củi đun. Cao dao đeo bên hông của đồng bào Tày, Nùng lúc nào cũng sáng quắc khiến ta nhớ đến câu thơ trong bài Việt Bắc: “Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”. Chiều đến trâu thả rông đeo mõ được lừa về. Đêm đến nghe tiếng chày nước giã gạo lại nhớ hai câu thơ:

“Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều

Chày đêm nện cối đều đều suối xa”

Có lẽ, tôi phải chú thích ngay để các bạn sống ở thành thị sau này, chưa một lần sống ở núi rừng Việt Bắc hiểu thế nào

là “chày đêm nện cối đều đều suốt xa”. Sự thể thế này: Bà con miền núi lợi dụng suối nước chảy ngày đêm trong rừng nên làm một cái chày là một cây gỗ lớn, bên dưới là cái cối đựng gạo chưa giã còn dính cám. Ở giữa cây gỗ, đục ngang thân gắn một cái trục, hai đầu trục được cố định xuống đất. Cây gỗ trở thành một cái đòn Bẩy mà đầu kia được khoét thành cái máng cho nước suối chảy vô. Khi máng đầy nước vì nặng, nó sẽ chìm xuống khiến đầu kia của cây gỗ lại được tự động nâng lên. Nước sẽ bị đổ ra và đầu cây gỗ lại được nâng lên khiến đầu kia lại rơi xuống làm cho cái chày gắn ở đầu nó “giã” vào cối gạo. Cứ thế, vài phút nó “giã” được một cái nhưng rất đều đặn. Vì thế mới “đều đều suốt xa”. Có điều đáng nhớ là, cối gạo ấy ở giữa rừng, vài hôm sau chủ nhà mới ra lấy gạo đã được nước “giã” đem về. Cuộc sống như thế có khác gì thời Nghiêu-Thuấn, không ai lấy của ai.

Mùa đông chúng tôi ngồi học bài trên bếp lửa nhà sàn bập bùng rồi lăm ra ngủ ngay trên bếp lửa. Sáng ra đưa nào đưa nấy quần áo cứ nhỏ đen như thợ lò đi làm về. Đến mùa gặt lúa vào cuối tháng 10 ta, nhà nào cũng giã gạo non làm cơm. Tiếng chày thỉnh thoảng núi rừng. Gần cuối năm, giáp tết bà con lại lập những lò nấu mật ngay trên ruộng. Lò có trâu kéo đi vòng quanh một cái cối ép mía để lấy nước nấu mật. Khói lò mía bay lên chờn vờn trong ánh chiều, mùi nước mía nấu mật thơm ngào ngạt. Sắn củi, nước vài củ sắn (khoai mì) giòn tan, chấm với mật mía vừa ra lò thì ngon vô cùng. Đứng từ trên đồi cao nhìn xuống những nhà chòi nấu mật khói lam chiều bay lên chờn vờn mái lá, thấy cuộc sống nơi đây thanh bình biết bao.

Sau này, đi đó đây tôi có dịp được thấy những lâu đài nguy

nga ở các đô thị lớn như Matxcova, Paris, thấy những nhà chọc trời ở Thẩm Quyến, Hồng Kông, Singapore... nhưng chẳng để lại gì nhiều trong tâm trí mình về đẹp nào như về đẹp của những nếp nhà sàn, những chòi nầu mật giữa rừng núi Đại Từ Việt Bắc.

Là cán sự một môn văn học nước ngoài nên tôi thường được đến nghe thầy bộ môn Nguyễn Đức Nam bồi dưỡng kiến thức, hướng dẫn đọc sách để về truyền đạt lại cho lớp. Thường các chủ nhật, tôi đến căn nhà sàn của thầy Nam và ở đó nghe thầy giảng giải cho đến tối. Vì ở giữa núi rừng cũng chẳng biết đi đâu vào ngày nghỉ. Thầy mới ngoài 30 tuổi, đầu phó tiến sỹ về văn học phương tây ở Nga về. Thầy có mái tóc bông bênh, đôi mắt nheo cười hóm hỉnh, giọng Nghệ đã pha trộn các ngôn ngữ Âu châu nên du dương trầm bổng. Thầy đặc biệt tài hoa và uyên bác, có thể giảng Shakespeare bằng tiếng Anh, Molière bằng tiếng Pháp, Puskin bằng tiếng Nga rất trôi chảy. Tiếc rằng sinh viên chúng tôi dạo ấy dốt ngoại ngữ quá nên thầy phải giảng về các văn hào của Anh, Pháp, Nga bằng tiếng Việt. Sau ngày đất nước thống nhất, thầy vào thỉnh giảng cho các lớp văn khoa năm cuối cùng cho các sinh viên Sài Gòn. Thầy giảng Shakespeare bằng tiếng Anh. Giờ văn học tiếng Pháp thầy giảng Victor Hugo bằng tiếng Pháp, thầy còn hỏi có lớp nào hiểu tiếng Nga để thầy giảng Gô-gôn Sê Khốp bằng tiếng Nga. Các sinh viên Sài Gòn lấy làm ngạc nhiên và dành cho thầy Nam nhiều kính trọng. Có lần tôi đến thăm thầy ở nhà riêng 30 Phan Đình Phùng Hà Nội lúc đó thầy mới đi thỉnh giảng ở Sài Gòn về. Thầy đưa tôi coi một tập luận văn viết về Shakespeare bằng tiếng Anh, một tập luận văn viết về Maupassant bằng

tiếng Pháp của sinh viên năm thứ tư văn khoa mà thầy đang chấm, rồi than phiền: so về trình độ thì các cậu không kém sinh viên Sài Gòn, nhưng viết luận văn văn học nước ngoài bằng tiếng Việt thì yếu quá!

Những lần đến “thọ giáo” thầy Nam về văn học nước ngoài, tôi được thầy giảng rất kỹ về kịch của Shakespeare. Thấy cho biết, ở Liên Xô có cả một khoa Shakespeare học, chuyên nghiên cứu về kịch của văn hào. Chính thầy Nam của chúng tôi cũng được bạn phong là nhà Shakespeare học. Khi lên lớp, thầy đóng lại những cảnh độc thoại của hoàng tử Hamlet rất sinh động. Các nữ sinh khóa tôi đều phải thú nhận rằng, mỗi khi thấy Nam lên lớp thì sau đó họ không nhớ thầy đã nói gì vì mãi ngẩn thầy là chính!

Tôi đã được thầy Nam giảng cho hiểu là vì sao người ta lại định nghĩa “Shakespeare” là Trái Đất, vì văn hào đã đưa cả loài người lúc đó lên sân khấu. Ngồi nghe thầy vừa nói vừa diễn đạt bằng ngôn ngữ sân khấu nhân vật Hamlet, tôi có cảm tưởng rằng thầy chính là “cánh tay của chàng hiệp sỹ, con mắt của nhà thông thái, miệng lưỡi của kẻ hào hoa” như chính hoàng tử Hamlet đang đứng trước mặt tôi giữa núi rừng Việt Bắc vậy!

Nếu Shakespeare sống lại ông không thể hình dung ra người ta đang giảng giải, đang diễn vai Hamlet của ông giữa một cánh rừng châu Á xa xôi, cách quê hương của vị hoàng tử nước Đan Mạch cả vạn cây số.

Đời khổ và thơ mộng thời sinh viên chúng tôi là như thế!

CHƯƠNG NĂM

NHỮNG CHUYỆN KỂ CỦA TƯỚNG QUA

Sở dĩ có chương này trong hồi ký của tôi vì người phương Tây có câu phương ngôn đầy ý nghĩa xã hội: Một nửa sự thật không phải là sự thật. Vì người ta mới chỉ viết có một nửa sự thật nên có những nhân vật có thời được dựng tượng, nhưng một thời gian không lâu, chỉ vài chục năm sau, thiên hạ lại kéo đổ thần tượng đó xuống. Nhưng hàng trăm năm nay, không có ai kéo tượng của Puskin, của Victor Hugo xuống cả. Lịch sử công bằng như thế.

Tướng Lê Hữu Qua, tên khai sinh là Lê Phú Cường (1914-2001), là chú ruột của tôi. Ông là nhân chứng sống của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 cho đến khi ông qua đời, 2001. Ông tham gia Việt Minh từ năm 1943, từng làm trưởng Ban trinh sát Sở Công an Bắc Bộ năm 1945, là người phá vụ án phố Ôn Như Hầu nổi tiếng sau Cách mạng tháng Tám. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, năm 1947 ông được cử làm Giám đốc Công an khu 11 (tức Công an Hà Nội). Khi Nha Công an trung ương chuyển lên Việt Bắc, ông được giao làm Phó Ty Trật tự tư pháp.

Đến tháng 3 năm 1954 ông được cử đi bảo vệ đoàn đại

biểu Việt Nam do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đi dự hội nghị Genève tại Thụy Sĩ. Khi hội nghị kết thúc, ông được cử tham gia đoàn của chính phủ đi công tác tại Ý, Ai Cập, Ấn Độ, Miến Điện, Hồng Kông. Về Việt Nam ông được điều về Hà Nội gấp để bảo vệ Hồ Chủ tịch và ông Phạm Văn Đồng trong cuộc gặp đại diện Cộng hòa Pháp Sainteny tại Phủ Chủ tịch ngay sau giải phóng thủ đô. Năm 1956, ông làm Phó Giám đốc Vụ Trị an Dân cảnh. Đến tháng 5/1962 ông được chính phủ cử làm Cục trưởng Cục Cảnh sát Nhân dân với quân hàm thượng tá cảnh sát và giữ chức vụ này cho đến năm 1967. Ông là người xây dựng lực lượng cảnh sát nhân dân từ ngày đầu ấy. Sau thời gian đi học trường Nguyễn Ái Quốc về, ông giữ chức Cục trưởng Cục Quản lý trại giam cho đến năm nghỉ hưu 1980. Thời gian làm Cục trưởng Cục quản lý trại giam ông phải đảm nhận nhiều sỹ quan cấp tướng, cấp tá và quan chức cao cấp của chính quyền Sài Gòn ra Bắc cải tạo, cũng như các trại cải tạo khác ở toàn quốc. Ngày 18/4/1977 ông được Chủ tịch Tôn Đức Thắng phong hàm Thiếu tướng công an. Bạn đọc chỉ cần gõ vào google mấy chữ “Thiếu tướng Lê Hữu Qua và những chiến công...” là có ngay bài viết cùng nhan đề trên báo Công an Nhân dân xuân Đinh Hợi 2007 để được biết về ông. Khi ông mất, báo Nhân dân số ra ngày Chủ nhật 21/1/2001 đã đăng ở đầu trang 8 tin buồn, nguyên văn: Đảng ủy Công an Trung ương Bộ Công an; Đảng ủy UBND phường Hàng Mã, Q. Hoàn Kiếm Hà Nội và gia đình thương tiếc báo tin đồng chí Thiếu tướng Lê Hữu Qua, sinh năm 1914, quê quán phường Phúc xá, Q. Ba Đình Hà Nội; Trú quán 28 Hàng Rươi phường Hàng Mã,

Q. Hoàn Kiếm Hà Nội; Tham gia cách mạng năm 1943, vào Đảng CSVN năm 1945; nguyên Cục trưởng Cục Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục và trường giáo dưỡng Bộ Công an, đã về hưu. Huân chương độc lập hạng ba, huân chương quân công hạng nhất, huân chương kháng chiến hạng hai, huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, huy chương vì thế hệ trẻ, huy chương vì sự nghiệp giáo dục, kỷ niệm chương của Bộ Nội vụ Cu Ba và nhiều huân chương khác, huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, đã từ trần hồi 4g 10 phút ngày 20/1/2001 tại bệnh viện Hữu Nghị. Lễ viếng bắt đầu lúc 8g ngày 22/1 tại nhà tang lễ Bộ Quốc phòng (39 Trần Khánh Dư Hà Nội). Lễ truy điệu lúc 12g cùng ngày, an táng tại nghĩa trang xã Ngọc Thụy, huyện Gia Lâm TP. Hà Nội.

Một người nằm trong ngành an ninh và giữ nhiều trọng trách như thế nên ông biết nhiều sự thật. Trong những lúc vui buồn dài theo năm tháng, ông đã kể cho thằng cháu ruột của mình - đích tôn của dòng họ Lê Phú - những sự thật đó một cách vô tư. Những câu chuyện của ông không có lớp lang gì cả, nhân sự việc này, ông kể câu chuyện có liên quan. Lúc nghe ông kể, tôi cũng không có ý thức phải ghi lại để sau này chép “sử” như nhà báo Huy Đức đã viết “*Bên thắng cuộc*”. Nhưng tôi nhận thấy cần phải viết lại những điều tưởng Qua đã kể, để “một nửa sự thật” mà người đời không biết đến, hoặc người biết cố tình ém nhem đi, rồi lịch sử bị chôn vùi.

Những nhân vật mà người ta chỉ biết đến “một nửa” về họ được suy tôn như những danh nhân hào kiệt, còn người đáng vinh danh lại không được ai nhắc đến. Báo *Sài Gòn Giải Phóng* thời ông Tô Hòa làm tổng biên tập, số ra ngày

chủ nhật 1/6/1989 đã đăng bài thơ “*Sự thật phải đong đầy*” của tôi:

*Con tôi hỏi
Cái gì mắc nhất
Tivi hay tủ lạnh, Honda?
Mai con lớn rồi con sẽ hiểu
Mắc nhất trên đời là sự thật con ơi!
Một nửa bánh mì vẫn là chất bánh
Một nửa dòng sông vẫn có đôi bờ
Một nửa vầng trăng vẫn thành nỗi nhớ
Một nửa cái hôn vẫn thấy ngọt ngào
Còn sự thật - con ơi - một nửa
Người trung kiên vẫn chết gục giữa đường
Kẻ bất lương vẫn trên ngôi thần thánh
Thằng lưu manh vẫn khoác áo anh hùng!
Sẽ muôn đời là dối trá, dối trá
Khi sự thật chẳng đong đầy*

Bài thơ này gây bất ngờ cho nhiều người đọc thời đó. Ông Tô Hào sau một lần chất vấn Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã bị cho thôi chức, về hưu. Nay cuối đời, có thời gian tôi quay lại đề tài của bài thơ này trong chương mục “Chuyện kể của tướng Qua”. Tôi hệ thống lại các mẫu chuyện kể về các nhân vật cho rõ nét, có những chuyện không nhớ thời gian kể, chỉ nhớ nội dung chuyện vì thế tôi gom lại thành những chủ đề để ghi lại. Những chuyện tướng Qua kể cho tôi nghe hoàn toàn ngẫu hứng và vô tình, trong những lần chú cháu gặp nhau. Như tôi đã kể trên đây, hàng tháng tôi phải lên nhà tướng Qua

để nhận số tiền 30 đồng về cho ông bà nội tôi. Những năm sinh viên, tôi chỉ được nhận nửa học bổng tức 11 đồng /tháng còn thiếu 11 đồng phải đóng cho nhà trường. Vì thế mà chiều thứ bảy nào tôi cũng phải cắt cơm ở nhà bếp. Chủ nhật thì ăn no ở nhà rồi chiều mới vào trường để số tiền phải đóng ít đi. Là học sinh thành thị quen ăn sáng khi vào trường không được ăn sáng nên đói không học được. Ngày ấy tôi chăm lên nhà chú Qua tôi để cuối tháng còn xin một tập báo nhân dân về bán ve chai (đồng nát) lấy tiền ăn sáng. Bà thím tôi là một phụ nữ rất tần tiện và tốt bụng. Bà thu gom đủ 30 số báo nhân dân hàng tháng, chờ đến cuối tháng tôi lên, cho tôi đem về bán ve chai. Bấy giờ giấy hiếm lắm, báo nhân dân lại là giấy khổ to bán được tiền cũng khá. Tôi nhớ, 30 tờ bán được đủ số tiền để mỗi sáng có được bát cháo lươn giá một hào do căn tin nhà trường bán cho sinh viên ăn sáng. Mỗi lần tôi lên nhà chú tôi là được giữ lại ăn cơm chiều. Chú thím tôi không có con, sau này nhận nuôi một bé còn nhỏ rồi lớn lên em tôi đi Liên Xô học nên nhà rất vắng vẻ. Trong những bữa cơm chiều, tôi thường được nghe nhiều câu chuyện nhân tình thế thái. Chương 5 của cuốn hồi ký này có được là nhờ những câu chuyện hàn huyên như thế. Tất nhiên còn nhiều chuyện được tương Qua kể trong những dịp khác.

Chuyện về ông bộ trưởng Bộ Công an Trần Quốc Hoàn.

Gộp những gì tương Qua nhắc đến thì đây là một ông quan liêu nặng, dốt nát nhưng hay khoe mẽ, ích kỷ và dối trá, thích cấp dưới tâng bốc mình, ghét người trung thực, đặc biệt là ghét trí thức. Ông đã loại bỏ trí thức ra khỏi guồng máy công an. Vợ ông là một người tham lam vô độ, cái gì vợ được

là vợ. Chưa bao giờ tôi thấy tướng Qua gọi tên hay chức vụ Bộ trưởng đối với Trần Quốc Hoàn. Ông gọi vị Bộ trưởng này bằng tên H lưu manh! Không nhân nhượng gì cả. Ông gọi tắt chữ Hoàn bằng âm H (hát). Lần đầu tiên tôi nghe ông gọi thế, và mãi sau này vẫn gọi thế. Nhiều lúc tôi thấy thương ông chú tôi, suốt đời phải làm việc với một vị thủ trưởng như thế. Cũng nhiều lúc tôi thấy giận ông vì sao không thế... bỏ mà đi, không làm việc ở Bộ Công an nữa. Nhưng sau này gặp nhà văn Tuấn Vinh, chuyên viết truyện về đề tài công an, cùng công tác ở Đài Tiếng nói Việt Nam với tôi, biết tôi là cháu tướng Qua, nên đã tặng tôi tập sách “Bão táp mùa thu” của NXB Công an nhân dân 1995 gồm các truyện ký về sự trưởng thành của công an thủ đô nhân 50 năm thành lập ngành công an nhân dân của nhiều tác giả. Trong bài “Những ngày đầu” hồi ký của Lê Hữu Qua do nhà văn Mai Ngừ ghi lại, trong hơn 30 trang hồi ký đó có đoạn: “Anh em chúng tôi đa số là lớp thanh niên mới lớn, nhiều cậu lúc ấy chưa hề tỏ tình với cô gái nào là cách mạng đến. Nếu gọi là mối tình đầu của người con trai thì cách mạng là mối tình đầu của họ... một tình yêu chung thủy và sắt son, mặc dù sau bao nhiêu năm có nhiều điều làm ta bức bối. Có nhiều kẻ mang danh cách mạng làm chuyện vô lương, nhưng nếu có ai chống lại cách mạng thì chúng tôi không chịu nổi”.

Càng ngắm tôi càng thương chú tôi, một thanh niên Hà Nội đẹp trai giỏi võ nghệ, giỏi bắn súng, giỏi lái xe hơi, nói thạo tiếng Pháp và... chỉ có “một mối tình đầu” là cách mạng và suốt đời chung thủy với mối tình đó nên ông không thể từ bỏ được. Ông không thể như Sartre “đi tìm niềm trung

thành mới”. Đầu năm 60, tôi đến Bộ Công an chơi với chú tôi vì nhà ông ở ngay trong cơ quan Bộ, đi vô phải qua vọng gác. Ông ở trong một căn phòng nhỏ ở trên tầng lầu. Hai vợ chồng chỉ có một phòng cho tất cả mọi sinh hoạt. Tôi liếc nhìn bốn bề. Hiểu ý tôi, tướng Qua chỉ tay xuống căn biệt thự rất sang trọng dưới cửa sổ và nói: tên H lưu manh này chỉ biết hấn thôi. Sau ngày giải phóng thủ đô, hấn chiếm ngay ngôi biệt thự này (nằm trên đường Trần Bình Trọng, một phía của biệt thự giáp đại lộ Trần Hưng Đạo, phía đối diện là Bộ Công an, chiếm cả dãy phố Trần Bình Trọng). Tất cả các cán bộ cao cấp khác, hấn bắt ở trong cơ quan Bộ với lý do “bảo vệ cán bộ”. Nhiều ngôi nhà quanh hồ Hale, chủ nhân di cư vô Nam, anh em xin ra ở đó H cũng không cho. Sau này lên thăm chú tôi nhiều lần, tôi mới biết đối diện phòng ông là phòng của Thứ trưởng Viễn Chi, sát đó là phòng của gia đình ông Nguyễn Công Tài, Cục trưởng. Vậy là hai vị cục trưởng và một vị thứ trưởng phải ở chung một tầng lầu chật hẹp, đi chung cầu thang, mọi tiện nghi sinh hoạt khác đều ở tầng trệt công cộng. Ông Viễn Chi có đứa con bị tật, ông phải đưa người bố đẻ ở quê lên để trông cháu. Tất tật chui rúc trong một căn phòng. Cụ thân sinh ra ông Viễn Chi rất đẹp lão, trông như một ông tiên. Một lần tôi sang chơi với cụ lúc mọi người đi vắng, cụ còn đọc thơ cho tôi nghe. Cụ lấy bút danh là Dã Tiên (ông tiên nơi thôn dã). Cụ than phiền với tôi phải rời quê ra đây, ở căn phòng chật hẹp này, cụ buồn lắm. Nhưng vì “thương anh Chi” nên cụ phải ở. Nói chuyện với cụ, tôi thấy đây là một ông già rất thông thái. Cụ thấy tôi đã 20 tuổi nhưng gầy yếu cụ khuyên tôi một vài năm nữa phải

lấy vợ vì luật âm dương phải hài hòa!!! Một ông già như ông Dã Tiên phải được sống ở nơi non xanh nước biếc mà lại bị cầm tù ở cái gác ấy thì thật là đáng trách. Một lần, cũng do vô tình, tôi được một vị trung niên rất đẹp tướng, cao to, mặt mũi sáng sủa, là hàng xóm của tướng Qua kêu tôi sang nhà nhờ khiêng một cái giường cá nhân. Tôi thấy nhà ông ấy có nhiều sách lại có hai cái điện thoại mắc ở đầu giường, trong khi tướng Qua chỉ có một điện thoại. Tôi hỏi tướng Qua ông ấy là ai mà oai vậy? Tướng Qua cười bảo tôi, cháu học văn mà không biết, ông ấy là ông Tài con nhà văn Nguyễn Công Hoan đó. Cái thế giới nhà tập thể nó thế. Ai có ở nhà tập thể do cơ quan cấp mới thấy chán chường. Đã cả ngày nhìn thấy nhau ở cơ quan, đến khi về đến nhà riêng ra vào lại phải gặp những gương mặt đó. Hợp nhau đã vậy còn nếu không thì chỉ mong dọn đi chỗ khác. Có lẽ vì chán ở tập thể nên chú tôi tìm cách dọn ra ở bên ngoài. Di chuyển đôi lần rồi cuối cùng ông ở 28 phố Hàng Rươi cho đến cuối đời. Lý do về ở phố, theo ông nói với tôi là “thích ở gần dân”. Nhưng ngôi nhà 28 Hàng Rươi cũng vô cùng chật hẹp. Nhà hình ống, bề ngang chỉ hơn 2 m, cầu thang lên dựng đứng. Đi ra đi vào phải lách, vậy mà ông đã ở đấy cho đến lúc ra đi. Có lần, một người ở quê ra chơi, thấy ngôi nhà bé quá, khi về ông ta nhờ miệng than với mọi người: Nhà ông tướng gì mà như cái chuồng chó! Sau này nghe được câu nói đó, tướng Qua buồn lắm!

Cả một đời ngang dọc, đánh đồng dẹp bắc chiến tích đầy mình mà đến cuối đời chú tôi vẫn phải ở trong căn nhà “như cái chuồng chó” ấy thật là bất công. Bây giờ, mỗi khi vô một căn nhà, chủ nhân chỉ là viên sỹ quan cấp tá thôi nhưng nhà

họ nguy nga như một lâu đài. Tôi mới ngẫm ra rằng, như một nhà hiền triết đã nói: “Nghĩ ra một chủ nghĩa bao giờ cũng là các bậc thiên tài. Thực hiện cái chủ nghĩa đó bao giờ cũng là những người cuồng tín và hưởng thành quả của chủ nghĩa đó thì bao giờ cũng là bọn lưu manh”.

Nói về tính ích kỷ và sự dối trá của Trần Quốc Hoàn tướng Qua có lần kể, dưới bàn làm việc của tên H là một cái hầm. Chỉ cần bấm nút một cái là cả bàn giấy của H thụt xuống hầm sâu. Cẩn hầm có thể tránh được bom nguyên tử. Bên phố Yết Kiêu gần đấy, dưới đất là cả một căn hầm rộng mênh mông. Tên H rất sợ chết, chỉ lo bảo toàn tính mạng cho riêng hắn.

Khi nói đến sự láu cá, cơ hội, nịnh hót trong hàng ngũ lãnh đạo Bộ Công an, tướng Qua dẫn ra những nhân vật thật tức cười. Đó là thứ trưởng Minh Tiến, cái ông đã làm giấy mượn khẩu súng lục của ông nội tôi khi còn là chủ tịch xã ... Minh Tiến thường lảng vảng trong sân Bộ mỗi khi Trần Quốc Hoàn đi đâu về khuya. Khi nghe thấy tiếng xe của Hoàn về là Minh Tiến chạy vội lên phòng, bật đèn sáng choang, ngồi ngay ngắn “làm việc”! Vì thế Hoàn thường khen: ở Bộ này chỉ có Minh Tiến là “thức khuya dậy sớm” mà thôi. Cái nghề ở tập thể nó thế. Không ai che giấu được cái tốt, cái xấu với mọi người. Một nhân vật nữa là cục trưởng Hoàng Mai, cục trưởng Cục trại giam trước khi tướng Qua tiếp nhận chức vụ này. Hoàng Mai đi công tác từ Hà Nội, đến Bắc Giang thì bắt được một con chim gáy. Hắn vội quay xe về, chạy hộc tốc lên gác nhà Trần Quốc Hoàn, biểu vợ Hoàn con chim gáy đó và được vợ Hoàn khen nức nở là người tốt. Và dĩ nhiên là được Bộ trưởng Hoàn xếp vào danh sách cán bộ tin cậy.

Nói về sự nịnh hót của cấp dưới và sự ba hoa phét lác của “tên H lưu manh”, tướng Qua kể mỗi năm Bộ Công an có một cuộc họp toàn quốc vào cuối năm. H ba hoa xích đế trên diễn đàn. H thường mời những tay có học vị phó tiến sỹ đồ đặt ở Liên Xô về nói các vấn đề mới về khoa học cho mình nghe. Khi hội nghị toàn quốc của ngành hân đem những điều nghe được lồm bồm đó ra ba hoa với hội nghị. Đến giờ giải lao, hân chạy xuống chỉ tay vào những người ở hàng ghế đầu, thường là thứ trưởng, cục trưởng hỏi: Tôi nói nghe có được không? Thế là lập tức có kẻ xoa xoa hai tay, tăng bốc: Nghe Bộ trưởng nói cứ... sáng ra, ước gì một năm có vài lần hội nghị toàn quốc thế này để anh em được nâng cao trình độ. H sung sướng cười híp cả mắt. Vì thế nên tôi và HH (cục trưởng) đến kỳ họp toàn quốc phải lẩn xuống chỗ các trưởng ty ngồi để đề phòng tên H nhờ ra lại chỉ tay vào mình mà hỏi: Tôi nói thế anh Qua thấy thế nào? Chả nhẽ lại nói, anh nói tôi nghe như... cục c!

Nói về sự ton hót, tướng Qua kể một chuyện đáng buồn nôn. Đó là kỳ họp sau khi thống nhất đất nước. Sau khi nói về sự “tiến bộ” của ngành, tên H hỏi anh em: Đánh giá ngành ta thế có khách quan không? Một tên ton hót đã thưa: Thế mà có người nói rằng đi xa, lâu ngày về Bộ thấy chẳng có gì thay đổi cả(!) Tôi nghe câu đó giật mình lo cho Nguyễn Công Tài. Tài đi B công tác 9-10 năm, bị tù rất anh dũng, sau khi đất nước thống nhất được đón về như một vị anh hùng. Nhưng Tài thẳng thắn, và chính Tài là tác giả của câu nói đó. Và quả thật, Tài đã lâm nạn. Chỉ ít lâu sau bị “nghị vấn” là khi ở tù có khai báo và bị chuyển đi khỏi ngành.

Nói về sự bịp bợm của tên H, tướng Qua kể, hắn mua rất nhiều máy tính điện tử, ngày nay gọi là máy vi tính. Tốn kém không biết bao nhiêu là tiền của công quỹ. Hắn báo cáo với Bộ Chính trị rằng, với thứ máy móc siêu việt này, án nào cũng phá được. Những người công tác lâu năm trong công việc điều tra hình sự thì hiểu rất rõ rằng, nếu sỹ đưa dữ liệu sai vào máy tính thì còn nguy hiểm gấp trăm lần vì máy sẽ nhân cái sai lên trăm lần. Để nói về sự trung thực trong công tác điều tra, không quan liêu, không ép cung, để “phá án” lấy thành tích tướng Qua đã kể cho tôi nghe nhiều lần “Vụ án ở nhà máy cơ khí xe lửa Gia Lâm Hà Nội”. Câu chuyện như sau: Giám đốc nhà máy cơ khí xe lửa Gia lâm tự tử. Nhưng vì muốn có thành tích, Sở Công An đã ép cung đến 8, 9 cán bộ. Vì bị tra tấn ép cung quá, không chịu nổi họ đều đã nhận giết ông giám đốc nhà máy. Án được “phá” nhanh chóng và được báo cáo lên Quốc Hội, được chủ tịch Quốc Hội Trường Chinh khen. Nhưng một hôm, cái xác ông giám đốc nhà máy ấy được vớt lên ở cửa sông Hồng thuộc tỉnh Hưng Yên. Sau khi khám nghiệm tử thi, trưởng phòng đại úy Tích kết luận là nạn nhân tự sát, không phải bị giết. Nửa đêm, đại úy Tích đạp xe về Bộ báo cáo Cục trưởng cảnh sát Lê Hữu Qua. Ông cục trưởng nói: nếu đúng vậy thì anh làm hồ sơ thật cẩn thận để điều tra lại. Thế là bùng nổ cuộc xung đột giữa giám đốc công an Hà Nội lúc đó mà đứng sau là thứ trưởng Lê Quốc Thân với Cục cảnh sát nhân dân, đứng đầu là cục trưởng Qua. Cuộc đối đầu này, mà theo cục trưởng Qua thì “Hồ sơ đã lên đến hàng tạ giấy” mà không phân thắng bại, phải trái. Nhưng quyết tâm của Cục cảnh sát là phải minh oan cho các

nạn nhân bị ép cung. Cuộc đấu tranh một mất một còn này kéo thêm một cái chết nữa của một viên bác sỹ Pháp y của quân đội quốc gia (Bảo Đại). Viên thiếu tá Pháp y rất giỏi này được mời tham gia vụ án. Trong một phiên họp rất căng do Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn chủ trì, bác sỹ giáo sư Tôn Thất Tùng vì quá lo sợ, mồ hôi vã ra như tắm. Ông rút khăn tay trong túi lau mặt khiến những gói mì chính nhỏ rơi ra (Bác sỹ Tùng có thói quen gói những gói mì chính (bột ngọt) nhỏ trong người để mỗi khi ăn phở ông lấy ra một gói cho vô tô phở). Thời đó, bột ngọt quý như vàng. Bác sỹ Tùng phải là người sang lắm mới có sẵn thứ này trong người. Tướng Qua kể, thấy giáo sư Tùng run quá, tôi phải nhặt dùm ông các gói mì chính rồi để lại vào túi cho ông. Tôi nói: giáo sư cứ bình tĩnh phát biểu. Giáo sư Tùng đã từ chối kết luận vì ông không phải là Pháp y. Đến lượt viên thiếu tá Pháp y của quân đội quốc gia Bảo Đại phát biểu, sau khi chứng minh ông giám đốc không phải bị giết. Trong cơn xúc động, ông thiếu tá nắm tay vô chiếc bảng treo trên tường và nói lớn: Nếu giám đốc nhà máy cơ khí xe lửa Gia Lâm mà bị giết thì đốt hết sách vở đi! Nói xong, ông ta uống gói thuốc độc lấy ra từ túi và gục xuống chết ngay tại phòng họp. Tướng Qua cũng nói tỉ mỉ về vai trò của ông Lê Đức Thọ trong vụ này. Ông kể: ông Thọ yêu cầu chúng tôi phải mang đạo cụ đến nhà riêng của ông, diễn lại vụ tự tử của giám đốc nhà máy như quan điểm của Cục Cảnh sát. Chúng tôi phải chở đến cả một xe tải dụng cụ, y như là một gán hát chở phông màn đến diễn tuồng. Cục nhất là phải mua cả tiết heo để vấy lên hiện trường để thuyết minh các tình tiết về các vết máu khi xảy ra sự việc. Xem kỹ

“vở diễn” ông Thọ kết luận là phải tiếp tục điều tra để đi đến kết luận. Sự việc lên đến đỉnh điểm khi một phiên họp, có cả giám đốc trại giam đang giam giữ các tù nhân bị ép cung, thứ trưởng Lê Quốc Thân ra hiệu bằng mồm (âm hiệu bật môi khi phát âm chữ bờ-b không thành tiếng) là bắn các tù nhân để bịt đầu mối. Tôi biết Thân hay ra âm hiệu nên theo dõi Thân rất kỹ trong cuộc họp. Đến khi hắn ra hiệu “bắn”, tôi báo ngay cho ông Thọ biết. lập tức ông Thọ điện cho Thân hỏi, có phải anh ra lệnh bắn tù để bịt đầu mối vụ án phải không? Sau này anh em kể lại, nghe điện thoại của ông Thọ xong, Thân chửi ầm lên là lại thằng Qua báo cáo chứ gì.

Tình hình Bộ Công an lúc đó rất căng thẳng giữa Cục Cảnh sát và thứ trưởng Thân. Trong một phiên họp có phó Ban kiểm tra trung ương là Trần Kiên dự, Lê Quốc Thân đã chỉ thẳng vào mặt cục trưởng Lê Hữu Qua nạt: Anh Qua sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc rũ rối vụ án đã được khép lại này. Tướng Qua cũng kiên quyết: Tôi phản đối đến cùng kết luận của giám đốc công an Hà Nội và anh.

Cuối cùng thì một đoàn chuyên gia của Bộ Công an nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức được mời sang. Theo tướng Qua, nước Đức có nhiều kinh nghiệm về nghiệp vụ phá án. Quan điểm của các bạn Đức là nếu có án thì hung thủ phải để lại hiện trường dấu vết, và nếu có dấu vết thì sẽ tìm ra thủ phạm.

Đoàn của Đức đi riêng một chuyên cơ gồm 10 người, gồm chuyên gia các lĩnh vực. Tướng Qua cho hay có một ông gọi là “chuyên gia thất cổ”. Ông đem theo cả một bộ sách dày, tổng kết tất cả các hình thức thất cổ kèm theo hình vẽ, có từ thời Hy Lạp cổ đại đến giờ. Bộ sách phân tích và kết luận sau

mỗi vụ án thất cổ một cách khoa học để người ta đến hiện trường có thể kết luận ngay, chính xác đến 50% là nạn nhân bị thất cổ hay tự thất cổ, sau đó điều tra tiếp.

Tướng Qua đã kể cho tôi nghe nhiều lần về những ông bạn Đức tài giỏi này. Ví như các bạn khuyên ta không nên đổi tên phố, tên đường, tên xã vì như thế sau này rất khó phá án. Và chuyện vụ án kia, thật “kỳ lạ”, chỉ sau một thời gian ngấm làm việc, đoàn chuyên gia Đức đã kết luận ông giám đốc nhà máy xe lửa Gia Lâm tự sát, không phải bị giết. Tất cả tù nhân liên quan đến vụ án được tha bổng!

Một buổi sáng đẹp trời sau đó không lâu, tôi lên nhà tướng Qua chơi, ông chỉ tay về phía cửa sổ hướng tới Sở Công An Hà Nội ở đường Trần Hưng Đạo, nơi đang có tiếng nhạc ồn ào phát ra, nói: Sáng nay Sở “đưa đám” giám đốc Long. Thì hóa ra, sau vụ án ép cung này, giám đốc công an Hà Nội lúc đó bị cách chức, điều đi làm trưởng ban dân quân tự vệ Bộ Giao thông Vận tải. Sáng hôm đó người ta liên hoan tiễn đưa ông mà tướng Qua bảo là “đưa đám giám đốc Long”. Sau khi giám đốc công an Hà Nội bị cách chức, tướng Qua phải đi học trường Đảng Nguyễn Ái Quốc vì giữa Cục Cảnh sát và thứ trưởng Thân “không thể làm việc với nhau được nữa”.

Sau 1975, với sự việc bắt đi cải tạo tất cả các sỹ quan tướng lĩnh thuộc chế độ Sài Gòn cũ (thực chất là bắt đi tù vô thời hạn), tướng Qua lên án Trần Quốc Hoàn rất gay gắt. Dĩ nhiên việc này không chỉ riêng ông Hoàn chịu trách nhiệm, nhưng tướng Qua có nhiều bất đồng với các chủ trương của Hoàn trong việc này. Ông nói: Sau 30/4/1975 việc đầu tiên là tên H lưu manh lừa cán bộ vào Nam bắt tù. Y vô Sài Gòn

ngồi khoanh chân vòng tròn trên một cái sập, luôn mồm thúc giục phải gấp làm hồ sơ để bắt tù. Trông y ngồi như một tên địa chủ!

Việc làm hồ sơ tù nhân là để phân loại, cấp tá thì lua ra Bắc bằng tàu thủy. Cấp tướng và nguy quyền cao cấp (tức thứ, bộ trưởng, nghị sỹ quốc hội ...) thì đi bằng máy bay. Điều này trong cuốn “*Bên Thắng Cuộc*” của nhà báo Huy Đức đã mô tả là rất đúng. Tôi, kẻ viết những dòng chữ này là người trực tiếp đi “đón” các vị đi cải tạo ra Bắc nên xác nhận Huy Đức viết đúng.

Số là thế này, sau nhiều năm dạy học ở Hải Hưng, năm 1974 tôi được Đài Tiếng nói Việt Nam nhận về làm phóng viên tại ban miền Nam của Đài. Sau 30/4 ở Đài Tiếng nói Việt Nam ai cũng muốn đi vô Sài Gòn. Lúc đó được đi Sài Gòn thì sung sướng gấp 10 lần được đi nước ngoài. Nhưng chỉ cán bộ lãnh đạo cấp trưởng, phó ban trở lên của Đài mới hy vọng được đi. Các vị đi Sài Gòn lúc đó phải có quyết định của Tổng Giám đốc Đài, phải được sự đồng ý của Cục tác chiến Bộ Quốc phòng, phải có giấy để đi đổi tiền vì miền Nam lúc ấy còn tiêu tiền chế độ cũ... Nói chung là rất khó. Tôi nghĩ ra một “mẹo” là sang Bộ Công an, xin tướng Qua một cái giấy giới thiệu là nhà báo, được Cục Quản lý Trại giam giới thiệu vào các trại giam ở miền Nam để “nghiên cứu”. Giấy giới thiệu được đóng mộc Bộ Công an ngay vì em ruột của tướng Qua là Lê Phú Ninh đang làm ở văn phòng Bộ. Ông Lê Phú Ninh cũng là chú ruột của tôi, tôi kêu bằng chú Ba. Với cái giấy giới thiệu của Bộ Công an như thế đem về Đài, Tổng giám đốc Trần Lâm đồng ý ngay. Điều là dân

Hà Nội đi hoạt động cách mạng nên Trần Lâm cũng rất biết tướng Qua (ông Lâm quê gốc ở Hải Dương nhưng sống ở Hà Nội từ bé và lấy vợ con nhà giàu ở phố Hàng Đào). Ông trưởng phòng của tôi cũng được “ăn theo” tôi đi Sài Gòn vì đi phải có đoàn, có tập thể. Trước khi đi, Tổng giám đốc Đài còn giao nhiệm vụ cho “đoàn” là phải gặp gỡ các trí thức Sài Gòn như các ông Lý Chánh Trung, bà Ngô Bá Thành, anh Lê Văn Nuôi, anh Huỳnh Tấn Mẫm để thu thập tư liệu, chuẩn bị bài viết về họ vì năm 1976, các vị này sẽ tham gia quốc hội thống nhất đầu tiên.

Tôi lên đường. Trại giam nào cũng vào, kể cả Khám Chí Hòa vì có cái giấy giới thiệu của Cục Trại giam. Khi trưởng trại biết tôi là cháu ruột của tướng Qua thì ông mời nhậu ... vô tư. Một lần tôi đi lang thang lên Thủ Dầu Một chơi, gặp ông Sáu Phát, là cán bộ cao cấp của tỉnh, sau này là chủ tịch tỉnh Sông Bé, lúc ra về trời đã tối ông Sáu rất tốt bụng đưa cho tôi một khẩu súng lục bảo cầm lấy để phòng thân. Tôi thành thật nói từ bé đến giờ tôi chưa cầm súng thật bao giờ và cũng không biết bắn súng. Tôi cảm ơn và trả lại ông. Tôi còn nói đùa: Nếu gặp địch là tôi đầu hàng! Ông Sáu Phát khen tôi là người Hà Nội có khiếu nói giỡn.

Cùng nhờ lang thang các trại giam ở Sài Gòn và miền Nam mà tôi gặp đại úy Hán, trại trưởng một trại ở Nam Hà, ông này có nhiệm vụ là vào Sài Gòn để mua một cái “téc” xăng đem ra Bắc để trại ông nấu rượu mơ vì vùng của ông là cả một rừng mơ. Ông cũng được giao nhiệm vụ chở hồ sơ tù ra Bắc cho Bộ Công an. Chiếc xe tải to thùng của ông đủ chở cái “téc” xăng trong đựng hồ sơ tù. Tôi xin ông cho quá

giang xe về Hà Nội. Dĩ nhiên là ông đồng ý. Chúng tôi đi mất bốn ngày mới về đến Hà Nội, đêm ngủ ở các ty công an tỉnh.

Một buổi sáng nọ, tướng Qua cho tôi cùng đi “quan sát” việc đưa tù nhân cấp tướng và ngục quyền cao cấp Sài Gòn ra Bắc. Xe com-măng-ca của ông đỗ trong sân bay Gia Lâm chờ máy bay chở tù từ Sài Gòn hạ cánh. Từ xa chúng tôi dùng ống nhòm quan sát các vị tướng lĩnh xuống máy bay. Tôi nhìn rõ qua ống nhòm, các ông tướng mang theo hành trang nặng nề như các ông tay ba lô đi du lịch bụi bây giờ. Tướng Qua giải thích, chúng tôi cho họ mang đầy đủ đồ dùng cá nhân, chăn mền, cả chiếu nằm nữa.

Một buổi sáng đầu năm 1977, tôi lại được tướng Qua cho vô thăm trại Ba Sao, nơi giam giữ các tướng lĩnh và “ngục quyền” cao cấp của chế độ Sài Gòn để học tập cải tạo. Vừa xuống xe, các sỹ quan quản lý trại đã nói: Chúc mừng thủ trưởng sắp lên tướng. Thì ra họ đã biết tướng Qua (lúc đó đang đeo lon đại tá) sẽ được lên tướng trong thời gian sắp tới. Quả đúng như vậy, tháng 4/1977 ông được thăng chức thiếu tướng. Ngày đó, chức thiếu tướng “oai” lắm. Theo tôi biết ở Bộ Công an, chỉ có một vị được đeo lon thiếu tướng ngạch cảnh sát là thiếu tướng Nguyễn Thế Tùng.

Quan sát cảnh quanh trại Ba Sao thì đây là vùng Hà Nam Ninh, vùng trũng có nhiều núi đá vôi mọc lên từ các đầm nước rộng. Sách địa lý gọi đó là vùng Hạ Long cạn. Nhân đây cũng nói thêm, sau 30/4 Cục Trại giam đã “đánh” một vị phó tiến sỹ tâm lý học, tốt nghiệp ở Liên Xô về, nếu tôi nhớ không nhầm thì anh ta tên là Tịch đeo lon đại úy. Xin bạn đọc tha lỗi cho những đoạn phải thông câu “nếu tôi nhớ không

nhầm” vì ngày đó thú thật tôi không định làm một cuốn như “Bên Thắng Cuộc” nên không ghi chép lại cụ thể nhưng đến nay đã ở tuổi 70 thấy cần phải nói rõ sự thật, không nói một nửa sự thật như người ta vẫn làm nên mới có cuốn hồi ký này. Đại úy Tịch được “đánh” vào trại giam với với số tù giả.

Tôi được đưa xem nơi ăn ở của các tù nhân học tập cải tạo. Phòng giam rất rộng, được xây rất nhiều bệ xi măng sát nhau vừa một người nằm. Các tù nhân trải chiếu cá nhân đan bằng sợi ny lon nhiều màu lên các “giường” của mình như trải chiếu hoa. Trông rất đẹp mắt. Giường chiếu, đồ đạc được xếp ngăn nắp, trật tự. Trong khi tôi đi ngắm nơi ăn chốn ở của họ thì các tù nhân lại đứng chơi ở ngoài sân rộng, ngắm phong cảnh. Tôi thấy một vị rất già, mặt vuông chữ điền, râu để dài như Quan Vân Trường, chỉ khác là râu đã bạc trắng, rất oai vệ. Tôi hỏi tướng Qua: Già thế kia còn bắt đi cải tạo làm gì? Tướng Qua nói, thế cháu không biết ông ấy là Vũ Hồng Khanh, đảng trưởng Quốc dân đảng à? Tôi vẫn thắc mắc: Quốc dân đảng đã chết từ lâu rồi cơ mà? Tôi lại được giải thích: Mỹ luôn duy trì các đảng phái chính trị đối lập, khi cần thì thay ngựa giữa dòng! Lệnh của H phải bắt thì tôi cứ bắt, nhưng sẽ thu xếp để ông ấy được về quê ở Vĩnh Yên, chết già, khỏi mang tiếng là chết trong tù (quả thật, sau này ông Vũ Hồng Khanh được chết ở quê hương Vĩnh Yên của ông). Tôi lại gặp một vị đứng tuổi khác, dáng vẻ rất trí thức. Ông ta tự giới thiệu là Phạm Xuân Bào, thứ trưởng Bộ Giáo Dục Sài Gòn có con đang học đạo diễn ở bên Pháp. Tôi lại đi tìm tướng Qua để thắc mắc. Tôi nói: ông thứ trưởng Phạm Xuân Bào là một trí thức có tên tuổi ở miền Nam. Ngày cháu vô

thư viện Huế, thấy có cả một cái étagère sách dành riêng cho giáo sư. Bất những trí thức như thế đi cải tạo làm gì? Tướng Qua vẫn trầm tư hút thuốc, ông nhả từng làn khói rồi mĩa mai nói: nguy quyền cao cấp mà! Ông muốn mĩa mai những điều mà tên H đặt ra rồi bắt Cục trại giam thực thi với các đối tượng phải đi tù ra Bắc. Có một vị làm tôi suy nghĩ mãi, đó là một trung niên. Ông ta nói thẳng với tôi làm mình bị tù oan! Tôi hỏi lý do, ông ta giải thích: tôi là nghị sỹ Quốc Hội, nhưng là phe đối lập với ông Thiệu, chống chính phủ Thiệu tham nhũng!

Tôi không khỏi ngỡ ngàng đến đau xót khi thấy chế độ Sài Gòn về mặt thể chế hơn hẳn chế độ độc đảng ở miền Bắc, vì Quốc hội của họ có phe đối lập. Nhưng dưới con mắt của những người sống trong xã hội nhất nguyên độc đảng thì nghị sỹ Quốc hội là “nguy quyền cao cấp” rồi, đã là “cao cấp” thì phải đi cải tạo! Tôi không còn hỏi thêm gì nữa, sau khi gặp ông nghị sỹ phải tù oan này! Làm sao cục trưởng Qua có thể cãi lại những quan điểm của Bộ trưởng H và cả những người trên H nữa. Nhưng tướng Qua phản đối việc khai thác, lấy cung tù nhân ngay lập tức. Ông nói với tôi: người ta vừa chân ướt chân ráo ra Bắc, đang hoang mang cực độ, có hỏi cung thì họ cũng khai cho qua chuyện, hoặc khai láo không đem lại một thông tin gì có tính khoa học để ta hiểu thêm phía bên kia. Quan điểm chính thống là, tướng lĩnh cao cấp của chính quyền Sài Gòn sẽ phải khai ra những bí mật, những ý đồ, cả những tâm tư của họ trong suốt mấy chục năm giao tranh với bên cộng sản mà nay là dịp ta được biết, rất cần cho ngành an ninh của ta. Tướng Qua lại chủ trương thuyết phục, cảm

hóa để họ nói thật, khai thật. Cuối cùng thì quan điểm của ông đã thắng.

Vì thế mới có chuyện các vị giáo sư, các nhà sử học, văn học của ta được mời vào các trại giam giữ tướng lĩnh và ngục quyền cao cấp để nói chuyện, thuyết trình khoa học, trao đổi với các vị “cao cấp” này để họ hiểu đường lối đúng đắn của chính quyền miền Bắc. Tôi cũng được tướng Qua cho tham gia vào công việc mà theo tôi, rất đúng đắn, rất nhân văn này. Tôi được ông hỏi ý kiến về việc đề xuất những ai, những vị trí thức nào ở Hà Nội lúc đó để Cục đón vào nói chuyện với tù nhân với từng đề tài cho phù hợp. Ấn tượng nhất với tôi là đề tài “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”. Các tù nhân, đương nhiên là có học, đều rất cảm phục miền Bắc là trong khó khăn bom đạn chiến tranh như thế mà vẫn quan tâm “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”, và đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học, đưa ra được nhiều kết luận xác đáng về tiếng Việt, sự cần thiết phải bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

Sau này, khi tôi được đọc những cuốn sách như “Hoa xuyên tuyết”, “Mặt thật” của nhà báo Bùi Tín, cuốn “Đêm giữa ban ngày” của nhà văn Vũ Thư Hiên đều thấy có những đoạn nhắc đến tướng Qua. Ông Bùi Tín cho hay, ông đã được cục trưởng Lê Hữu Qua mời vào trại giam để nói chuyện, còn nhà văn Vũ Thư Hiên trong cuốn “Đêm giữa ban ngày”, đã kể lại, khi cục trưởng Qua vô thăm trại giam mà ông đang là tù nhân, xem danh sách tù nhân, thấy Vũ Thư Hiên trước khi vô tù là một nhà văn nên đã cho Vũ Thư Hiên phụ trách tờ báo tường của trại và được miễn lao động hàng ngày. Có điều, nhà văn đã viết nhầm tên cục trưởng là Lê Phú Qua. Có lẽ

ông suy ra từ tên cúng cơm của tướng Qua là Lê Phú Cường!

Kết quả của chủ trương thuyết phục cảm hóa, các tướng lĩnh Sài Gòn đã viết những bản tự thuật về cuộc đời binh nghiệp của mình một cách chân thực. Nhiều bản dày đến hàng trăm trang, như một cuốn tiểu thuyết rất hay, rất có giá trị để ta nghiên cứu. Tôi rất muốn xin tướng Qua một bản để xem nhưng không được. Về quan điểm đối với tù nhân nói chung ở miền Bắc thời đó cũng khác nhau. Tướng Qua kể, sau khi nhận chức Cục trưởng Cục Lao cải (lao động cải tạo) thay cho cục trưởng cũ Hoàng Mai. Lần đầu đến thăm một trại giam, ông thấy các tù nhân bị nhốt kín trong nhà giam, các hoạt động đều ngưng trệ. Hỏi ra ông mới biết, trước đây mỗi lần cục trưởng Hoàng Mai đến thăm trại, ông đều ra lệnh như thế để đề phòng! Tướng Qua chỉ thị, bỏ lệ ấy mỗi khi có lãnh đạo Cục thăm trại. Vậy mà, sau này đến một trại khác, đi đâu cũng thấy có cán bộ lăm lăm súng trong tay đi kèm ông để bảo vệ. Ông ra lệnh cất súng đi. Khi ông ra thăm một ruộng mía, lúc đó các tù nhân đang chặt mía mùa thu hoạch, cán bộ trại không cho ông tiếp xúc với phạm nhân nhưng ông đã một mình đi ra đó không hề sợ các tù nhân đang cầm dao dài trong tay. Ông mời hút thuốc và ngồi bên ruộng mía nói chuyện với họ. Các cán bộ trại đứng từ xa ai cũng thót tim vì lo các tù nhân hình sự kia, với dao dài trong tay có thể kết liễu đời “chúa ngục” Lê Hữu Qua bất cứ lúc nào. Đến chiều, trại giam tổ chức liên hoan văn nghệ và biểu diễn rất hay. Sau một tiết mục hay, cục trưởng vỗ tay nhưng không ai dám vỗ tay theo cả. Thấy thế ông rất ngạc nhiên, phải “ra lệnh” nếu tôi vỗ tay thì anh em phải “hưởng ứng”. Ông còn gợi ý cho cán bộ chạy

vào rừng hái hoa để tiết mục nào hay, cục trưởng lên tặng hoa. Sau cuộc liên hoan đó, cán bộ trại cho biết trước đây cục trưởng Hoàng Mai không vỗ tay khen ngợi các tiết mục biểu diễn của tù nhân. Vì đó là vấn đề “đấu tranh giai cấp”. Tướng Qua nói với tôi, cái thằng bắn được con chim gáy phải chạy cho mau về biểu vợ bộ trưởng nó như thế đấy! Thằng nịnh trên bao giờ cũng nạt dưới. Bằng trải nghiệm cả cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, ông bảo với tôi, bọn cơ hội lúc nào thời nào cũng có. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám, khi phải bắt bọn Việt Gian phản động có vũ khí, được quân Tàu Tưởng nuôi dưỡng thì chẳng thằng nào dám đi. Nhưng khi tôi và một số anh em đi bắt được chúng rồi, nhốt lại, thì nhiều thằng thay nhau vào phòng giam để đánh. Chúng nó đánh để máu bọn Việt Gian vấy lên quần áo chúng, rồi chúng đi đi lại lại trước mặt mọi người để chứng tỏ “lòng căm thù giai cấp đến cao độ” của chúng! Những thằng đó “đi theo cách mạng” đến bây giờ chúng vẫn ngồi nhan nhản ở cái Bộ Công an này. Gặp tôi đi ngược chiều với chúng ở một hành lang thì từ xa chúng đã né sang bên làm như không trông thấy tôi và đi cho mau. C’est la vie! Rồi ông kết luận bằng một câu tiếng Pháp như thế (cuộc đời là như thế đấy!)

Nghe những chuyện kể của tướng Qua như thế, tôi lại nhớ đến một câu của nữ nhà văn Dương Thu Hương: cần có cách mạng để quét đi những rác rưởi, và cần có tự do để quét đi những rác rưởi mà một cuộc cách mạng đã sinh ra! Chỉ tiếc là rác rưởi mà một cuộc cách mạng vô sản đã sinh ra lại nhiều hơn cả rác rưởi mà nó định quét đi, vì thế mà tướng Trần Độ đã viết trong “*Nhật ký rỗng rần*” của mình rằng: tôi đi làm cách

mạng để xóa đi một xã hội xấu xa, nhưng xã hội hiện nay lại xấu bằng và xấu hơn cái xã hội mà chúng tôi đã xóa đi!

Nhân nói đến chuyện “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”, tôi xin kể thêm. Bạn tôi, họa sỹ Hồ Thanh, người từng xuống đường ở Huế biểu tình chống chế độ Ngô Đình Diệm, kể với tôi rằng, sau 30/4/1975 có một cảnh sát chế độ cũ khi ra khai báo với chế độ (quân quản), khi được hỏi chức vụ gì? Anh ta khai: an ninh thiết vận. Nghe đến hai chữ “an ninh” và “thiết vận”, người cán bộ quân quản ít biết chữ Hán-Việt nên đinh ninh đây là phần tử quan trọng ngành an ninh chế độ cũ, bèn ghi tên anh ta vào danh sách đi cải tạo dài hạn. Khi vô trại rồi, người ta mới biết anh ta chỉ là công an giữ trật tự ở các đường tàu và ga xe hỏa. Từ Hán-Việt, “thiết vận” có nghĩa là “đường sắt” trong tiếng Việt mà thôi. Cái anh chàng công an đường sắt kia bị tù oan vì mấy chữ Hán-Việt!

Tôi còn được nghe kể rằng, khi có khẩu hiệu “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”, cụ Hồ có vào thăm một “Trại cải tạo gái điếm”. Thấy mấy chữ “gái điếm”, cụ đã lấy bút gạch đi và thay vào đó là “các cô gái mất nết”, rồi cụ bảo với trưởng trại: trong truyện Kiều có câu: có kẻ bán, có người mua. Vậy ai bán, ai mua? Các chú mua chứ ai mua? Các cô này chỉ mất nết mà thôi, rồi các cô ấy sẽ trở lại nết na như trước, “mất nết” là một từ thuần Việt.

Nghe tướng Qua phàn nàn về các nhân vật “đen” ở Bộ Công an nhiều quá, có lần tôi hỏi thẳng ông: vậy ở Bộ Công an không có ai tốt sao? Tướng Quan tròng mắt bảo: nhiều người tốt lắm cháu ạ. Rồi ông kể cho tôi nghe nhiều chuyện tốt đẹp của những con người của ngành an ninh Việt Nam

mà ông từng cộng tác. Đó là những con người cương trực, tài giỏi, có nhân cách cao cả. Trong những người mà tướng Qua thường ca ngợi đó có các vị mà tôi nhớ như: tướng Phạm Kiệt, ông Lê Giản, ông Nguyễn Tao, ông Lê Tuấn Thúc, ông Nguyễn Công Tài, cục trưởng Cục nghiên cứu tổng hợp Lê Hồng Hà, trưởng ty công an Hải Hưng Hoàng Công... và cả người cán vụ của ông trong những năm kháng chiến chống Pháp và sau này là ông Trường ... mà tôi hay gọi là chú Trường mỗi khi gặp chú.

Ông kể nhiều chuyện lắm về những con người này. Ví dụ như về “chú Trường”. Vì tướng Qua không biết bơi nên đi đường chú Trường phải đem theo một cái phao bằng xăm ô tô. Khi vượt sông, vượt suối, cán vụ Trường bom phao lên rồi buộc vào dây, vừa bơi, vừa kéo. Tướng Qua ông phao ở phía sau để “vượt” sông! Ông kể, có lần qua một con sông nước lớn chảy xiết, chú trường và tôi bị nước đẩy về phía hạ lưu hàng trăm thước. Nhờ Trường dai sức không thì cả hai đã bị hà bá nuốt rồi! Khi hòa bình 1954 lập lại, về Hà Nội rồi, lúc đó còn chế độ cán vụ nên Trường vẫn theo tôi. Có người nói với tôi, đi trọn mùa kháng chiến 8-9 năm, người ta về Hà Nội thì ít nhiều cũng có một chỗ đứng, không lẽ anh cứ để anh Trường làm cán vụ cho anh đến già. Tôi cũng nghĩ như thế nên bàn với tổ chức sắp xếp cho chú Trường một công việc thích hợp thời bình. Tổ chức xếp cho chú ấy làm đội trưởng đội xe của Bộ. Nhưng chú ấy nói với tôi, làm việc với thủ trưởng quen rồi, không muốn chuyển công tác! Tôi đành chịu.

Về con người của chú Trường thì tôi biết khá rõ, vì chú thường vẫn theo tướng Qua mỗi lần ông về thăm ông bà nội

tôi. Tính chú hiền hòa, ít nói, người thấp và đen nhưng rất nhanh nhẹn. Sau này, cả hai vị, thủ trưởng và cán vụ đều đã về hưu. Nhưng vẫn đi lại thăm hỏi nhau. Có lần tôi từ Sài Gòn ra, lên phố Hàng Rươi thăm ông chú đã già, rồi hai chú cháu đi bộ ra bờ hồ, ngồi ghế đá ngắm cảnh. Bỗng một ông già đang đi xe đạp dưới lòng đường, nhảy phốc xuống đất xe chạy lại mừng rỡ reo lên: thủ trưởng khỏe không? Chúng tôi cũng mừng rỡ nhận ra chú Trường. Hai người bạn già, hai người kháng chiến thời trai trẻ năm xưa hỉ hả hỏi thăm nhau đủ chuyện. Bỗng một làn gió mạnh thổi bay cái mũ phớt của tướng Qua xuống mặt hồ. Nhanh như cắt, ông già Trường vội phăng xuống nước vớt cái mũ phớt lên. Ông cầm cái mũ rū mạnh nhiều lần cho hết nước rồi đưa mũ cho tướng Qua nói: thủ trưởng để cho khô rồi hãy đội! Tôi chưa thấy ai tốt bụng, hồn nhiên, vộ tư và “đẹp” như chú Trường. Nếu được chọn một Con Người viết hoa trên đời này thì tôi chọn chú Trường.

Về trường ty Công An Hải Hưng Hoàng Công thì tướng Qua kể: Công trước đây mặt rỗ, để đi hoạt động, cậu ấy đã lấy bàn là (bàn ủi) là mặt mình đi để mặt thám không nhận ra nữa. Cậu ấy can trường lắm.

Tướng Qua tỏ ra rất khâm phục con người Phạm Kiệt. Ông nói vì ghét tài năng và tính cương trực của ông Kiệt nên tên H phân cho thứ trưởng Phạm Kiệt làm tư lệnh công an vũ trang (biên phòng) quanh năm đi tuần tra biên giới, chỉ để những kẻ nịnh hót quanh mình. Đến khi được Cục quản lý sức khỏe cho biết là Phạm Kiệt đã bị ung thư hậu môn giai đoạn cuối, chẳng sống được là bao, nên hội nghị công an toàn quốc năm ấy (1974), khi Phạm Kiệt bước vào, tên H

lao ra ôm lấy ông, ghen ngào, nức nở ... cả hội trường ai cũng cảm động, cho là H trân trọng yêu quý lão tướng Phạm Kiệt lắm(!) chỉ có tôi và HH được Cục bảo vệ sức khỏe cho biết về cái chết đã gần kề với Phạm Kiệt nên cười thầm trong bụng. Ở ngành an ninh Việt Nam, sau khi Lê Giải chuyển sang ngành Tư Pháp-Tòa án, lần lượt các “lão tướng trung thần” như Nguyễn Tạo, Lê Tuấn Thức đều ra đi. Ông Nguyễn Tạo sang làm Tổng cục trưởng Tổng cục lâm nghiệp, Lê Tuấn Thức sang làm chánh văn phòng cho Tổng cục lâm nghiệp... vì không thể ở lại ngành dưới triều đại của Trần Quốc Hoàn.

Bây giờ bạn đọc chỉ cần đánh vào Google ba chữ “Trần Quốc Hoàn” là được đọc ngay thành tích bất hảo của Hoàn. Được biết về vụ án cô Nông Thị Xuân năm 1957. Trước đó Trần Quốc Hoàn đã hiếp cô cô Nông Thị Xuân ở số nhà 66 phố Hàng Bông Nhuộm rồi lập mưu giết hại cô như thế nào? Trong cuốn “Đêm giữa ban ngày” nhà văn Vũ Thư Hiên cũng viết trên giấy trắng mực đen vụ án kinh tởm ấy. Vũ Thư Hiên còn nói rõ trong “Đêm giữa ban ngày” là, cán bộ từ cấp vụ trở lên ở Bộ Công an đều biết vụ án này. Vì thế, tướng Qua mới luôn gọi Trần Quốc Hoàn là “thằng H lưu manh” khi nói chuyện với tôi. Còn nhà văn XD quê ở Nghệ An thì nói với tôi rằng, nếu giết hết được cả làng tôi thì thằng Hoàn nó cũng giết, vì cả làng đều biết nó là thằng ăn cắp ở chợ làng trước kia!

Vì thế, mỗi lần về Hà Nội, đi qua con đường mới mở to đẹp ở quận Cầu Giấy mang tên Trần Quốc Hoàn, tôi không khỏi ngậm ngùi đau xót cho số phận của dân tộc mình. Rồi có ngày tám biển đó phải được giật xuống. Tôi tin như thế.

Nhân vật thứ hai được tướng Qua luôn nhắc đến là Phạm Văn Đồng - thủ tướng lâu năm. Dưới mắt tướng Qua thì Phạm Văn Đồng là con người chủ quan, bốc đồng và rất vô tích sự. Ông kể: Vừa mới giải phóng thủ đô, tôi phải bảo vệ cuộc họp quan trọng của đại diện Cộng hòa Pháp với chính phủ ta. Tôi phải đích thân lái xe đến chỗ Sainteny để chở hán sang họp với Phạm Văn Đồng. Sainteny yêu cầu phải có xe của Bộ Công an ta sang đón thì hán mới đi, vì trước đó trong ngày CM tháng Tám mới thành công, đã có lần xe của hán bị bắn. Hán sợ! Cuộc họp kết thúc, Sainteny chưa bước ra khỏi phòng họp thì đã thấy tiếng cười lớn Ha! Ha! Ha! của Phạm Văn Đồng rồi tất cả cười theo. Thấy thế Sainteny quay ngoắt lại, có vẻ rất ngạc nhiên và khó chịu. Sau khi đưa Sainteny về rồi, tôi quay lại hỏi ông Lê Thanh Nghị: vì sao khi Sainteny chưa ra khỏi phòng mà ông Đồng và mọi người đã cười to thế, khiến hán rất khó chịu, tôi thấy làm như thế là bất lịch sự... ông Nghị cười nói: Sainteny sau cùng có đề nghị ta, nếu chính phủ Việt Nam có cần giúp đỡ, bồi hoàn chiến tranh của chính phủ Pháp thì xin các ông cứ đề đạt, tôi sẽ là người tích cực trong công việc này... Nghe Sainteny nói, anh Đồng không trả lời, khi y quay ra thì anh Đồng nói: Mới đánh cho thua vãi cứt mà đã lên mặt! Rồi anh ấy cười lớn, mọi người cười theo!

Kể xong câu chuyện trên, tướng Qua kết luận với tôi: Phạm Văn Đồng là thế đó, chỉ làm hại đất nước! Ông còn kể tiếp về Sainteny: “ngày Bác mất, Sainteny được chính phủ Pháp cử sang dự lễ tang. Đúng lúc Y bước vào nhà tang lễ thì tôi đang túc trực hòm kính pha lê thì hải Bác cùng ba vị nữa ở

Bộ Công an. Tôi thấy y mặc áo đuôi tôm, tức trang phục chỉ dùng cho đại lễ ở bên Tây, rất trang trọng, sau đó Y ngồi viết vài sổ lưu niệm. Sau 20 phút đứng túc trực theo quy định của Ban tang lễ, tôi lên mở sổ lưu niệm ra xem. Sainteny đã viết: suốt đời tôi là đối phương của chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng tôi chưa bao giờ là kẻ thù riêng của con người này. Tướng Qua kể xong tôi kết luận: chỉ có hai cảm tưởng viết trong sổ lưu niệm là hay nhất, độc đáo chân thành là của Sihanouk và Sainteny.” Tôi cho rằng, có lẽ tướng Qua chỉ đọc được tiếng Pháp nên ông mới nhận xét như thế. Còn các ngôn ngữ khác ông đâu có rành!

Một lần, nhân nói đến sự vô tích sự của Phạm Văn Đồng, ông kể: Bộ Công an có đến 61 cục, vụ, viện, như một cái hàng xén hoạt động kém hiệu quả. Tôi đề nghị tên H cho thành lập Tổng cục để bộ máy hoạt động hiệu quả, kịp thời hơn. Nhưng tên H không cho, hấn sợ phải phân quyền, 61 cái đầu mỗi ấy hấn nắm, trực tiếp chỉ huy vì thế rất chậm trễ, trì trệ. Hấn còn nói thẳng vào mặt tôi, anh định làm Bộ trưởng thay tôi hay sao. Tôi lên thẳng thủ tướng để đề đạt phải thành lập Tổng cục. Hôm lên gặp Phạm Văn Đồng thì gặp Lê Quý Quỳnh, bí thư tỉnh Hưng Yên, một tỉnh đang có phong trào nuôi ong. Quỳnh được Phạm Văn Đồng mời vào trước. Ngồi bên ngoài, chỉ cách tấm bình phong, tôi nghe Lê Quý Quỳnh tán về cái chân con ong. Nào sự kỳ diệu của cái chân con ong, bởi phần hoa bằng chân, chuyên chở phần hoa bằng chân... nghe Lê Quý Quỳnh nói, Phạm Văn Đồng cười hả hê Ha! Ha! Ha! ... suốt nửa tiếng đồng hồ, Quỳnh tán về cái chân con ong mà Đồng vẫn ngồi nghe, còn tán dương... cười ha hả.

Đến lượt tôi, vừa nói đến câu thứ hai về cái hàng xén 61 cục vụ viện ở Bộ Công an cần phải được tổ chức lại ... thì Phạm Văn Đồng gạt phất đi, ông ta khua tay nói, tôi nghe đủ lắm rồi, anh về đi!!! Tôi đi xuống cầu thang mà đầu choáng váng, mắt tối rầm, cảm tức trào lên tận cổ!

Một lần khác, tướng Qua kể tiếp: Lần này thì chính Phạm Văn Đồng gọi tôi lên để trình bày về cái vụ thế giới nó chỉ trích ta về nhân quyền trong vụ bắt tù nhân là tướng lĩnh sỹ quan Sài Gòn đi cải tạo vô kỳ hạn sau 1975. Với tư cách Cục trưởng Cục Trại giam, tôi phải báo cáo thủ tướng chính phủ để còn biết đường mà trả lời các cuộc phỏng vấn của báo chí phương tây. Tôi chuẩn bị khá kỹ tài liệu để báo cáo. Gặp tôi, ông ta không thềm hỏi han một câu nào, chỉ ra hiệu, “Anh nói đi”! Tôi vừa báo cáo được vài câu thì đã thấy ông ta ngủ gật. Tôi phải vờ đặt cái tay xuống bàn thật mạnh để ông ta tỉnh dậy. Tôi lại báo cáo, ông ta lại ngủ gật. Lúc tỉnh dậy, ông nói, anh báo cáo lại đi tôi nghe chưa rõ. Tôi đứng dậy và nói thẳng vào mặt ông ta, anh có nghe đâu mà rõ, sau đó tôi quay gót về luôn. Ông ta cũng không nói gì cả. Chắc là để ngủ tiếp! Sau này tôi được nghe nhà báo Trần Đình ở báo Nhân dân kể, Phạm Văn Đồng chuyên hút thuốc phiện và chơi đi do Lê Đức Thọ cung cấp, vì thế hai cái môi thâm sì. Và Lê Đức Thọ bảo sao thì phải nghe vậy, không thì cắt nguồn thuốc phiện và gái(!) Tôi tin lời anh Trần Đình vì suy ra, người hút thuốc phiện hay ngủ gật, và điều tướng Qua nói là hoàn toàn đúng về cái sự ngủ gật của ông Thủ tướng lâu năm này.

Chả có thể mà đã thành bài về trong dân gian:

“Hoan hô anh Tạ Đình Đế

*Trước là gián điệp sau về với ta
Hoan hô anh Lê Quảng Ba
Trước là thổ phỉ sau ra với mình
Hoan hô đồng chí Trường Chinh
Trước theo Trung Quốc nay hình như không
Hoan hô ông Phạm Văn Đồng
Tuy là thủ tướng nhưng không làm gì!”*

“Không làm gì” đó là đặc điểm nổi bật của ông Phạm Văn Đồng. Vậy mà ông làm thủ tướng lâu đến thế. Chính ông cũng từng nói một câu nổi tiếng: “Tôi làm thủ tướng mà chẳng có quyền gì cả!” Vậy mà ông cứ làm. Ngày ông mất, từng đoàn xe con bóng lộn của các quan chức Hà Nội đi theo linh cữu ông đến Mai Dịch. Nhưng không thấy người dân Hà Nội nào đứng hai bên đường để tiễn chân ông. Khác hẳn với đám tang ông Võ Văn Kiệt, dân chúng Sài Gòn đứng đông nghệt hai bên đường từ dinh Thống Nhất đến nghĩa trang Thủ Đức dài hàng chục cây số để tiễn đưa, người đã từng ngược xuôi “chạy gạo” cho dân Sài Gòn khi ông làm bí thư thành ủy thời bao cấp.

Người thứ ba mà tôi thấy tướng Qua hay nhắc đến là ông Trường Chinh. Khi nói về tính cẩn thận, tướng Qua kể: ông này (Trường Chinh) cẩn thận chưa từng thấy, đo may quần áo cho ông rồi, chiến sỹ của tôi khi đem quần áo đến nhà thì phải chờ theo một cái gương rất to. Ông mặc thử rồi đứng trước gương soi. Hai cảnh sát đứng sau lưng ông cầm cái gương để ông ngắm xem phía sau có “chuẩn” không. Chỉ cần cái tà áo phía sau hơi cong một chút là đem về may lại! Trên

Tam Đảo, tôi đã bố trí một cảnh sát cắt tóc có nghề để phục vụ cán bộ cao cấp khi nghỉ mát cần cắt tóc. Đến Bắc Hồ cũng từng để cậu này cắt tóc, cạo mặt cho. Vậy mà khi cần cắt tóc ở Tam Đảo, theo yêu cầu của ông Trường Chinh, chúng tôi phải đánh một cái xe chở cậu cắt tóc quen thuộc của ông từ Hà Nội lên để cắt tóc cho ngài! Nói xong, tướng Qua lắc đầu than: dictateur! (kẻ độc tài).

Người thứ tư mà tướng Qua hay nhắc tới là Hồ Chí Minh. Ông nhiều lần kể cho tôi câu chuyện, sau CM tháng Tám, bộ đội, công an, dân quân tự vệ, du kích ta “thèm” súng lắm. Ai cũng muốn mình có một khẩu súng để chuẩn bị đánh giặc, vì thế du kích ở Chèm thấy có một cái tàu của quân Tưởng ngược về phía Bắc tường là tàu chở vũ khí nên họ đánh úp. Té ra là tàu chở bọn Tưởng ốm về Tàu trị bệnh. Trót giết mất bọn này rồi, quân ta chuồn luôn. Nào ngờ một tên trốn thoát, nó về báo cáo cấp trên. Quân Tưởng hạ lệnh cho ta phải tìm cho bằng được số du kích này để xử. Được lệnh của Bác, tôi phải lên tận Chèm để bắt các vị này. Không khó lắm, chỉ cần hỏi chuyện ông già bán chuối ở đầu làng là ra hết. Bắt được mấy vị này rồi, tôi báo cáo Bác. Nhưng một số anh em bàn, lấy tù thường phạm “thế” vào mấy vị này. Nhưng tên Tàu Tưởng trong lúc nhốn nháo, nó nằm bẹp một xó nhớ mặt các vị đó, rồi nhảy xuống sông trốn thoát. Nó nhận mặt tù nhân và không chịu. Bác rất than phiền. Ông cụ nói, quân đội cách mạng mới xây dựng mà đã vô kỷ luật thế này thì làm sao mà trưởng thành nổi. Ông cụ phân tích: quân Tưởng là đại diện cho Đồng minh, động vào quân Tưởng là chống lại Đồng minh, vì vậy không thể không xử vụ này được. Lệnh tử hình

mấy vị này trước mặt quân Tướng được ban hành. Trước khi bắn các vị đó, tôi cẩn thận gọi điện báo cáo Bác một lần nữa. Bác chỉ trả lời ngắn gọn: một là mất nước, hai là thi hành lệnh. Anh Nguyễn Văn Trân (bí thư thành ủy HN sau này - LPK) bắn một phát rồi run quá, nằm vật ra, mồ hôi vã ra như tắm. Tôi phải giằng lấy súng, xử nốt mấy vị còn lại bằng các viên đạn vào thái dương. Xong, tôi cũng choáng quá, như muốn ngã xuống đất. Nhưng không quên gọi điện cho Bác, báo cáo đã thi hành lệnh. Từ đầu dây bên kia tôi nghe rõ Bác nói, giọng xúc động: nhớ ghi tên các chú đó để sau này làm bằng liệt sỹ cho các chú ấy.

Mỗi lần kể lại cho tôi nghe câu chuyện này, tướng Qua đều rơm rớm nước mắt. Ông đốt thuốc liên tục. Câu chuyện thứ hai mà tướng Qua kể về ông Hồ là phải đem vàng chuộc Bác. Không hiểu vì lý do gì quân Tướng mời Bác sang làm việc rồi giam ông cùm lại. Đã mấy ngày trôi qua, ở nhà ai cũng vô cùng lo lắng. Tôi được cử đi gặp ông cụ để nắm tình hình. Đến nơi tôi rất ngạc nhiên là thấy cụ ngồi bình thản hút thuốc như không có việc gì xảy ra, sau đó bảo tôi: thế là mất toi cả tuần lễ vàng! Sau đó ta phải đem vàng để chuộc ông cụ về!

Một câu chuyện khác về ông Hồ rất “độc đáo”. Tướng Qua vui vẻ kể: mới độc lập mà ông cụ đã gọi tôi lên bảo: phải giữ phố Khâm Thiên lại cho Bác. Tôi không hiểu ý ra sao. Còn anh em thì muốn dẹp ngay cái phố cô đầu nổi tiếng ở Hà Nội này đi vì cách mạng đã thành công. Nhưng đến khi quân Tàu Tướng ồ ạt kéo sang, đại diện cho quân Đồng minh ở miền Bắc để giải giáp quân Nhật thì Bác lại gọi tôi lên bảo: tối tối đưa các sỹ quan tướng lĩnh của quân Tướng

xuống đó chơi bời cho nó đỡ phá phách, gây sự với ta. Thế là chúng tôi hiểu. Nhưng hiểm một nỗi là, bọn quan tướng Tàu Tưởng khốn nạn lắm. Ban đêm chúng “tòm chất” ở Khâm Thiên, ban ngày chúng lại dẫn mấy con đào này đi ườn ẹo ở Hàng Ngang Hàng Đào, mấy con đi này chỉ vào cái vòng vàng, vòng bạc, đồ nữ trang nào là bọn tướng Tàu lại cướp không cho chúng. Đồng bào thưa kiện lên chúng tôi. Ai lại cách mạng rồi mà không bảo vệ được tài sản cho đồng bào thì còn ra làm sao. Thế là chúng tôi lại phải đến lột lại các đồ vàng bạc đó ở các con đi, dọa chúng còn làm thế nữa là “coi chừng mạng sống”, rồi đem trả lại cho đồng bào. Thế mà có con còn ngoan cố, vẫn không chừa, lấy rồi trả, trả rồi lại phải đi lấy lại, như đèn cù.

Nói về sự tiết kiệm, tướng Qua kể: đi công tác trong kháng chiến, chúng tôi phải nắm cơm mang theo. Đến giờ ăn, cậu cần vụ giở nắm cơm ra, cẩn thận cậu ta dùng dao ca-níp gọt vỏ nắm cơm đã bị cứng ở bên ngoài ra, để vào một góc tờ giấy. Gọt đến đâu thì ông cụ bỏ vào mồm nhai đến đó, thấy thế cậu ta từ đó không gọt vỏ cơm nữa. Riêng với cá nhân tướng Qua, có lần ông kể: tôi là dân Hà Nội, không quen đi chân đất nên lúc đi kháng chiến có mang theo một đôi “ghệt” cao cổ. Thấy tôi đi đôi giấy da của bọn police militaire Pháp, có cậu thừa với ông cụ: anh Qua đi kháng chiến mà còn mang thói tiểu tư sản, đi giấy cao cổ của thực dân Pháp! Ông cụ chỉ nói: thôi, chú ấy được việc là được. Còn bộ đồ kaki Mỹ của tôi mặc trên người cũng bị chỉ trích. Ông cụ lại nói: thứ vải ấy nó bền, cứ để chú ấy mặc!

Có lần tướng Qua cho tôi xem một tờ giấy nhỏ bằng bàn

tay, đó là bức thư được đánh máy từ cái máy chữ xách tay, chữ nhỏ li ti. Trong thư ông Hồ chỉ thị cho tướng Qua ém quân ở một đoạn đường để bảo vệ cho thiếu tướng Văn Tiến Dũng đưa quân ta vượt sông. Dưới cùng ký tên Hồ Chí Minh, cũng là ba chữ đánh máy. Xem thư tôi mới biết hồi đó quân ta đã được phong hàm, và ông Văn Tiến Dũng là thiếu tướng. Lá thư đó được tướng Qua giữ cẩn thận trong một cuốn an-bum, ông bảo tôi: đây là précieux souvenir (kỷ niệm quý). Ngày ông đau nặng, chỉ còn nói được câu một. Tôi hỏi về từng người: Trường Chinh? Trả lời: dictateur. Phạm Văn Đồng? Trả lời: suốt đời làm hại người khác! Hồ Chí Minh? Trả lời: đâu cũng đi, cái gì cũng biết! Những lời nhận xét của ông đương nhiên chỉ là lời một võ tướng. Tuy nhiên tôi chưa bao giờ thấy ông “phê phán” ông Hồ Chí Minh cả. Duy chỉ có một lần, sau ngày ông cụt mắt (2.9.1969), tôi lên chơi, ông hỏi: cháu có biết ai là người thương Bác Hồ nhất không? Tôi còn chưa biết trả lời thế nào thì ông nói: mấy hiệu nhiếp ảnh là họ thương cụ Hồ nhất vì thức suốt đêm để in những tấm ảnh bốn ông đứng gác hòm kính pha lê để bán, mắt cậu nào cũng đỏ hoe!

CHƯƠNG SÁU

CHÍN NĂM DẠY HỌC Ở THÔN QUÊ

Sau khi tốt nghiệp đại học sư phạm khóa 1963-1966, thầy Nguyễn Đức Nam bảo tôi có muốn ở lại trường làm cán bộ dạy môn văn học phương tây thì thầy đề xuất khoa văn giữ lại, nhưng phải học tiếp bốn năm tiếng Pháp nữa tại khoa Pháp văn rồi mới trở về khoa văn làm phụ giảng. Tôi nghe thầy Nam nói sợ quá vì đời sống sinh viên quá khổ cực. Lúc đó có câu “ăn sư ở phạm”, có nghĩa là sinh viên trường sư phạm ăn như sư, ở như phạm nhân. Tôi xin ra trường đi dạy học vì lý do “gia đình khó khăn” về kinh tế. Tướng Qua bảo với mẹ tôi: Khải đã tốt nghiệp đại học thì không thiếu gì việc để nó làm, để tôi xin cho nó về Bộ (Công an), khỏi phải đi xa. Mẹ tôi mừng lắm vì chỉ có mình tôi là con trai (tôi có hai bà chị và một em gái). Tôi được ông nội, bà nội rất cưng chiều. Khi học cấp ba rồi, mà về mùa đông, tối đến tôi vẫn nằm ở giữa, ông nội tôi nằm một bên, bà nội tôi nằm một bên, để tôi nằm giữa cho ấm! Vì thế ông bà nội tôi rất ưng ý để tôi công tác ở ngay Hà Nội. Nhưng, tôi biết rất rõ, tôi không có “máu” làm công chức, nhất là làm công an. Vì thế, tôi kiên quyết cảm quyết định của nhà trường, cắt hộ khẩu Hà Nội để

chuyển về Hải Hưng nhận công tác, dù biết chắc sẽ về nông thôn dạy học.

Tôi được Ty giáo dục tỉnh Hải Hưng lúc đó phân bố về trường trung cấp sư phạm ở huyện Ninh Giang. Trường sư phạm tỉnh đang sơ tán ở xã vùng sâu của huyện. Hôm nhập trường các sinh viên mới ra trường đến nhận công tác ngồi tùm tùm ở địa điểm tập trung ghi trong giấy quyết định của Ty. Bỗng một anh chàng đến sau, gác xe đạp rồi lớn tiếng hỏi: văn phòng Đảng ủy nhà trường ở đâu các anh có biết không? Ý anh là muốn giới thiệu với mọi người, anh ta là một đảng viên, tìm văn phòng Đảng ủy để nộp giấy sinh hoạt Đảng. Để vênh vang khoe mẽ với mọi người ngay từ phút đầu. Hồi đó đảng viên hiếm lắm. Anh chàng này sẽ là một giáo viên sáng giá của nhà trường với các “mác” đảng viên này. Tôi thấy cần phải dạy ngay cho anh ta một bài học đầu đời! Tôi đứng dậy, bảo anh ta: đi theo tôi. Rồi tôi dẫn anh ta đi vòng vào trong xóm. Đến một cái nhà xí hai ngăn (một thứ nhà vệ sinh rất thịnh hành thời đó ở nông thôn Bắc Bộ), tôi chỉ vào đó rồi nói: đây là chỗ đi ỉa, đi đái. Cậu mới đến từ xa, cần biết chỗ này trước đã, còn văn phòng Đảng ủy thì thư thư cũng được. Anh ta trợn ngược mắt nhìn tôi đầy vẻ căm thù. Lúc sau tôi quay về chỗ cũ, mọi người hỏi tôi dẫn anh ta đi đâu mà lâu thế? Tôi kể lại câu chuyện dẫn anh ta đến nhà xí hai ngăn, mọi người cười ồ. Từ giờ phút đó trở đi, tôi được Đảng ủy nhà trường xem như là một phần tử “bất trị”! Nhưng khả năng giảng dạy của tôi đã lật ngược thế cờ. Nhà trường có hai hệ đào tạo giáo viên cấp hai. Một là hệ 7+3, tức tốt nghiệp cấp 2 rồi học ba năm nữa để lấy bằng sư phạm trung cấp. Một

hệ 10+1, tức tốt nghiệp cấp 3 rồi, học thêm một năm nữa rồi ra trường ngay. Hầu hết các thầy giáo mới tốt nghiệp đại học đều xin dạy năm thứ nhất của hệ 7+3, không ai dám nhận dạy hệ 10+1. Tôi xin nhận dạy 10+1 trước sự vui mừng của thầy hiệu trưởng vì đang thiếu thầy cô dạy hệ này và nhiệm vụ của nhà trường là mau chóng đào tạo giáo viên cấp 2 đang thiếu cho tỉnh. Hồi đó ở ngành giáo dục tỉnh Hải Hưng có câu ca “văn như Quán, toán như Cang”. Có nghĩa là thầy Quán dạy văn giỏi nhất, thầy Cang dạy toán giỏi nhất. Thầy Cang đang dạy một lớp chuyên toán cấp 3 của tỉnh, còn thầy Quán đang dạy lớp 10+1 của trường sư phạm mà tôi đang dạy. Thầy Quán được trường đại học sư phạm Việt Bắc mới mở xin lên làm giảng viên của trường, nhưng vì chưa có ai thay thế thầy ở hệ 10+1 của trường sư phạm trung cấp Hải Hưng nên thầy chưa thể đi được. Sau một học kỳ, thầy Quán mời ban giám hiệu và cán bộ bộ môn văn của tỉnh dự giờ lên lớp của tôi, để chứng minh rằng tôi có thể thay thế thầy đứng lớp 10+1. Kết quả là người ta đã đồng ý để thầy Quán chuyển lên dạy đại học và tôi thay thế thầy dạy lớp 10+1.

Tôi hết niên học 1969-1970 thì lượng giáo viên cấp 2 trong tỉnh đã đủ, trường trung cấp sư phạm giải tán. Tôi được điều về trường cấp 3 của một huyện vùng xa trong tỉnh Hải Hưng rộng lớn, trong khi tôi cần về trường cấp 3 Cẩm Giàng nơi vợ tôi mới sinh con đầu lòng và đang dạy cấp 2 ở đó, rất cần tôi ở gần để phụ giúp gia đình. Trước tình thế này, tôi phải dùng đến thế lực. Hồi đó có câu ngạn ngữ nổi tiếng “nhất thân nhì thế”. Có nghĩa là thân quen thì việc gì cũng xong. Tôi về Bộ Công An gặp tướng Qua và trình bày sự cần thiết phải về

huyện Cẩm Giàng. Nghe xong, tướng Qua không nói gì cả, chỉ lấy một mảnh giấy nhỏ ghi mấy chữ. Trong giấy gửi ông Hoàng Sơn, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong giấy chỉ ghi mấy chữ ngắn gọn, đại ý tôi có thằng cháu đích tôn, muốn xin anh cho cháu về dạy học ở Cẩm Giàng. Khi ông Hoàng Sơn xem xong thư, vỗ vai tôi bảo: ông Qua nổi tiếng ở ngành công an lắm, rồi ông gọi cánh văn phòng UBND tỉnh lên bảo làm quyết định của Ủy ban cho tôi về làm việc ở Cẩm Giàng. Tôi cảm quyết định của ủy ban tỉnh với chữ ký của phó chủ tịch thứ nhất phụ trách nội chính đưa cho trưởng phòng tổ chức Ty giáo dục Hải Hưng. Xem quyết định đó xong, ông Lự, tên của trưởng phòng, nhìn tôi lắc đầu! Theo nguyên tắc thì quyết định điều động giáo viên cho trường Ty hay phó trưởng Ty ký. Quyết định của tôi lại do Ủy ban tỉnh ký tên. Ty giáo dục phải làm một quyết định lại, điều cô giáo dạy văn đã được điều về Cẩm Giàng đi một trường khác. Thế mới hay cái câu “nhất thân nhì thế” quả là không sai! Tôi dạy học ở Cẩm Giàng đến đầu năm 1974 thì chuyển về Đài Tiếng nói Việt Nam làm phóng viên.

Gần chín năm dạy học ở nông thôn, sống ngay trong nhà dân khi ở trường sư phạm, rồi sống trong khu tập thể ở trường phổ thông cấp 3 Cẩm Giàng cũng sơ tán trong làng... tôi có dịp gần gũi để tìm hiểu người nông dân đồng bằng Bắc Bộ. Tôi có thể rút ra những nhận xét, những dẫn chứng, những kết luận mà những nhà xã hội học ngồi ở các Vụ, Viện ở Hà Nội không bao giờ có được chỉ bằng những chuyến “đi thực tế”.

Thứ nhất, với chính sách hợp tác hóa, ruộng đất bị đưa vào làm ăn tập thể, cha chung không ai khóc, người nông dân đồng

bằng Bắc Bộ bị bắn cùng hóa và nghèo khổ đến cùng cực. Khi tôi ở Ninh Giang, “trợ” trong nhà một bà cụ có tên là cụ Kịp. Nhà chỉ có hai mẹ con. Anh con trai tên là Hữu. anh này có lẽ vì mắt kém nhem nên không trúng nghĩa vụ quân sự. Đó là trường hợp hãn hữu ở nông thôn lúc bấy giờ. Anh Hữu ngày đi làm hợp tác xã, tối về chỉ xoa hai chân vào nhau là lên giường ngủ, không hề có guốc, dép. Anh cũng không có khái niệm đánh răng rửa mặt. Một lần về Hà Nội, tôi mua tặng anh một cái bàn chải đánh răng, một cái khăn mặt và một tuýp kem [thuốc] đánh răng. Mấy hôm sau, tôi thấy tuýp thuốc đánh răng xẹp lép, tôi hỏi làm sao lại hết nhanh thế. Anh Hữu cười hồn nhiên, anh cho biết, thấy thuốc đánh răng thơm và ngọt nên anh đã ăn hết rồi! Tôi hú hồn. Chẳng may vì thuốc đánh răng mà Hữu làm sao thì tôi... mang vạ. Tôi đành phải hướng dẫn anh Hữu đánh răng bằng muối. Sau hai năm ở Ninh Giang, trường sư phạm dọn về Gia Lộc. Tôi ở trong nhà một ông cụ tên là Von. Nhà xây, có giếng nước đào hoàng. Xưa kia cụ Von cũng là loại khá giả. Cụ biết chữ Nho võ vè. Hai vợ chồng anh con cả làm hợp tác xã, người con thứ hai đi bộ đội vào Nam, được gia đình xem như đã chết vì không có tin tức gì. Cậu con út tên là Mùi, đi học trường làng. Mỗi khi ăn cơm, chị con dâu ngà cái mâm bằng gỗ dựng ở góc tường xuống, bốc rau để lên mâm. Khi ăn xong, cụ Von lấy cái chổi lúa vẫn thường quét nhà để quét mâm rồi lại dựng lên như cũ. Cứ thế năm này qua năm khác, cái mâm cái bàn còn hơn cả cái nền nhà. Nhà luôn thiếu ăn, ai cũng xanh xao, bụng beo. Năm 1991, tôi ra Hà Nội để đi Liên Xô, khi về có ít quà, tôi mượn Bộ Thủy sản cái xe con về thăm lại gia đình. Xe đậu ở đâu

thôn. Tôi xuống xe hỏi bà bán nước. Cụ Vơn còn không? trả lời: chết rồi! Tôi lại hỏi chị vợ anh Khoát còn không? Trả lời: chết rồi. Tôi choáng váng hỏi: thế thằng Mùi đâu...? Từ đằng xa, tôi trông thấy một người đàn ông đầu bạc xóa chạy lại, vừa chạy vừa kêu lớn: thằng Mùi đây! Cái thằng Mùi bé con học trường làng ngày ấy chỉ 20 năm sau đã trở thành một ông già đen đúa, tóc bạc trắng khi chưa đầy 50 tuổi. Tôi thành kính đặt lên bàn thờ những người đã khuất chút hương hoa của kẻ đã từng trú ngụ trong ngôi nhà này, rồi thấp hương khấn cho vong hồn của họ siêu thoát.

Ông cụ Vơn và vợ chồng người con trai cả của cụ là những nông dân cần cù chất phác. Họ rất nghèo nhưng tấm lòng luôn rộng mở, sẵn sàng cưu mang những cán bộ ở thành phố về sơ tán trọ trong nhà họ. Sẵn sàng nhường cơm xẻ áo cho chúng tôi. Những đêm tôi thức chằm bài khuya, chị con dâu thường đem vào phòng cho tôi một đĩa khoai luộc hay một góc củ sắn (khoai mì). Nắm bột mì luộc và bát “súp” khẩu phần ăn của tôi được các cô giáo sinh linh hộ từ nhà bếp mang về được cụ Vơn bắt con cháu ăn hộ và dành cơm cho tôi ăn. Ở nông thôn, người ta rất kiêng kỵ cho vợ chồng người lạ ngủ trong nhà mình, vậy mà khi vợ tôi đến thăm, gia đình vẫn vui vẻ cho vợ tôi ngủ lại. Tôi hỏi Mùi, bây giờ đã là chủ gia đình có một vợ và hai con, tại sao anh chị Khoát lại chết? Chết vì bệnh gì? Mùi thành thật nói chết vì ăn no! Rồi Mùi kể hết sự tình đoạn trường hơn 20 năm qua của gia đình cụ Vơn. Sau những năm vô cùng đói khổ của thời kỳ bao cấp và duy trì hợp tác xã, đến khi có chính sách khoán ruộng, (trả ruộng lại cho dân) thì nhà thừa thóc ăn. Vụ thu hoạch đầu tiên của

năm trả ruộng đó, anh chị Khóa ăn no quá, ngày nào cũng ăn no kénh no càn... rồi sinh bệnh chết! Tôi đã hiểu. Cả hai vợ chồng nông dân này đếm vạm vỡ. Do phải ăn đói trong nhiều năm liền, nên tuy to xác nhưng bụng beo, một dạng “Tàu phù” như các cụ ta vẫn gọi bọn Tàu Tưởng năm xưa. Đến lúc có ăn thì lại ăn nhiều quá, cơ thể không thích ứng kịp nên sinh bệnh và khi sinh bệnh lại không có thuốc nên bệnh nặng dần mà chết. Câu chuyện của vợ chồng anh Khoát làm người ta nhớ lại nạn đói năm 1945. Có người đói quá, đói cả tháng, đến khi được ăn một bữa no là chết liền. Gọi là chết no.

Những năm dạy học ở nông thôn tôi còn được chứng kiến một trận lụt kinh hoàng vào năm 1971. Năm đó vợ tôi vừa sinh đứa con thứ hai, sau kỳ nghỉ hè về lại trường Cẩm Giàng để chuẩn bị năm học mới thì vỡ đê Văn Thai, một con đê nằm trong hệ thống sông Thái Bình. Ai chưa một lần trong đời chứng kiến cảnh vỡ đê thì không thể hình dung sự tàn phá của nạn hồng thủy. Các cụ ta ngày xưa tổng kết “thủy, hỏa, đạo tặc”. Đặt chữ “thủy” lên đầu trong các thứ họa trên đời là hoàn toàn đúng. Buổi sáng tôi còn đi chợ mua vài con cá, cảnh vật vẫn bình yên thì xế trưa nước đã từ phía bắc đổ về. Kê cái giường lên bàn cho cao còn để đồ đạc thì ngoảnh đi ngoảnh lại nước đã tràn lên giường. Phải phá trần nhà rút lên trần, kê giát giường mà ngồi. Mấy chục con người, đa số là phụ nữ và trẻ con phải sinh sống cả tháng trời trên cái trần nhà cấp 4 ọp ọp đó, nếu sập trần thì trẻ con chết hết. Cả tỉnh Hải Dương, gồm cả thị xã Hải Dương ngậm chìm trong nước. Suốt ngày tôi phải lội nước đến cổ đi kiếm buồng chuối xanh hoặc nín thở lặn xuống các ruộng rau muống quanh trường

để kiếm chút rau xanh cho vợ và hai đứa con nhỏ. Một đứa 2 tuổi, một mới sanh được đầy tháng. Ấn tượng sâu đậm nhất với tất cả chúng tôi là tiếng kêu tuyệt vọng của đàn trâu trong huyện. Chúng cứ bơi, cứ bơi, ngày này qua ngày khác đến khi kiệt sức thì chết nổi lên. Cả một vùng đồng bằng rộng lớn như Hải Dương lấy đầu ra một gò đất cao cho trâu trú chân. Đàn trâu cứ bơi, vừa bơi vừa kêu. trong đêm khuya thanh vắng tiếng kêu tuyệt vọng của bầy trâu mới bi oán làm sao. Ban đầu còn nghe thấy nhiều tiếng kêu, sau thưa dần, thưa dần rồi im hẳn. Chúng đã chết hết. Khi nước tràn về, nhưng con vật sống dưới lòng đất hoảng hốt bò lên. Mặt đường tàu hỏa thì chuột và rắn bò lên chạy lượn. Chưa bao giờ người ta thấy chuột và rắn nhiều như thế. Trong cơn hoảng hốt không bắt chuột nữa. Chúng “chung sống hòa bình”. Nhưng khi nước tràn lên mặt đường tàu thì số phận của chúng cũng như đàn trâu bò mà thôi. Chỉ còn có các cây cao là chỗ cuối để rắn cố thủ. Đó là những “cây rắn”. Có người trèo lên cây chạy lượn nhìn thấy rắn sợ quá ngã nhào xuống đất. Thiên tai địch họa thường đến với người nông dân Bắc Bộ như thế.

Những năm sống ở nông thôn miền Bắc, tôi còn cảm nhận được điều thứ hai là, thế hệ người già ở nông thôn, nhất là người có chút Nho học, họ bị ảnh hưởng sâu đậm của triết thuyết Khổng Mạnh. Khổng giáo thấm sâu đậm vào từng thớ thịt, từng mạch máu của lớp người này. Họ trọng nam khinh nữ, trọng văn khinh võ, thích những điều sao siêu trù tượng. Ông cụ Von, chủ nhà của tôi, có ngôi nhà ngói duy nhất trong cái xóm nhỏ đó. Nhà có một phòng riêng, lại có giếng nước xây. Các giáo viên sơ tán trong làng ai cũng muốn trọ ở nhà

cụ vì nó khang trang nhất. Nhưng cụ từ chối nhiều giáo viên xin ở trọ trước khi tôi đến. Người thứ nhất là một giáo viên dậy thể dục. Anh chàng này cao to, khỏe mạnh, đẹp trai nữa, nhưng cụ Vơn từ chối vì anh chàng này có vẻ vô biên! Người thứ hai bị cụ từ chối là một giáo viên dậy sử. Anh chàng này bé nhỏ, đầu hói, “mỗi thối lửa” (tức mồm bé, môi mỏng). Cụ Vơn xem tướng anh chàng một lúc rồi đi vô nhà, không nói không rằng. Tôi quyết định đến xin ở nhà cụ Vơn. Tôi bảo một cô giáo sinh (học sinh sư phạm) gánh một gánh sách của tôi đi sau, tôi đi trước. Đi từ tốn, đĩnh đạc. Thấy cụ đang quét sân, tôi đánh tiếng chào thật to và nói: cụ định đóng vai Lưu Bị quét sân để đánh lừa Tào Tháo phải không? Cụ Vơn dừng tay chổi, ngẩng lên nhìn tôi từ đầu đến chân rồi lại nhìn cô giáo sinh gánh một gánh sách nặng đi sau. Cô giáo cúi rạp đầu chào cụ chủ theo lời dặn từ trước của tôi. Bỗng cụ chủ cười khanh khách rồi cất lời mời tiên sinh vào nhà! Thế là tôi đã thắng lợi nhờ biết tâm lý của các cụ nhà ta, vốn “trọng văn khinh võ”. Ở nhà cụ Vơn, tôi không nói những chuyện cụ thể, toàn nói những chuyện cao siêu, trên trời dưới đất, chuyện Lã Vọng câu cá bằng lưỡi câu thẳng, chuyện Lưu Bị, Quan Công “tam anh chiến” Lã Bố, chuyện Từ Hải chết đứng... mà thôi! Cụ khen tôi, đúng là “người quân tử”. Một hôm tôi đi vắng, thấy hiệu trưởng nhà trường đến chơi, có ý thăm dò nhà chủ xem tôi ăn ở với dân có điều gì chê trách không. Vì lúc đó có nhiều thầy cô ở trọ nhà dân, có vài trường hợp không được lòng chủ nhà, bị chê trách, bắt lợi cho “công tác dân vận” của nhà trường. Sau khi biết chuyện thầy hiệu trưởng lại thăm nơi tôi trọ, lúc gặp ông, một cán bộ già dặn, tôi hỏi thẳng: cụ chủ

nhà có phê bình gì tôi không, thưa thầy? Thầy hiệu trưởng trả lời: ông cụ chỉ cười lớn và bảo với tôi, thầy giáo Khải trừu tượng lắm! Chỉ nhận xét anh “trừu tượng” thôi! Thực ra thì cụ Von không hiểu biết gì về thực tế cả, công việc làm ăn cụ đều giao khoán cho vợ chồng anh con cả. Cụ chỉ thích nói chuyện đời xưa với tôi. Mấy người em của cụ đều là những nông dân tháo vát, cần cù. Vậy mà tôi còn thấy cụ còn mắng các em là không biết hầu chuyện, “nhàn đàm” với cụ và tôi những lúc rảnh rỗi. Nhưng có điều lạ là, họ đều rất “phục” ông anh, cho ông anh của mình mới là người cao kiến! Có một câu chuyện khôi hài thế này, một hôm trời rét như cắt ruột. Tôi và cụ Von đang ngồi uống trà trong nhà. Bỗng cụ nhìn thấy một anh chàng đang phun thuốc trừ sâu ở cánh đồng trước nhà. Cụ ra lệnh cho chị con dâu đang ngồi sàng gạo ở trước thềm ra mời anh thanh niên đang phun thuốc vào nhà cho cụ gặp. Anh nhận lời và khi gặp cụ bảo anh gỡ cái loa kim (hệ thống loa phát thanh bằng dây dẫn), lật ngửa chiếc loa rồi phun thuốc trừ sâu vào đó. Như có phép thần, đến giờ phát thanh buổi chiều, chiếc loa đang im bất cả tuần bỗng nói oang oang. Chị con dâu khen: thầy em tinh thật, cái gì cũng biết! Thì ra cái loa kim bị sét rỉ, thuốc trừ sâu phun vào làm nó bị ăn mòn và trở nên dẫn điện tốt trở lại. Cụ Von có “uy tín” nhờ những “sáng kiến trừu tượng” như thế. Cả nhà, cả xóm rất coi trọng cụ. Chưa hết, một lần hợp tác xã mổ lợn, chia cho nhà cụ 1kg. Khi ngồi ăn cơm, cụ Von húp một thìa nước luộc thịt rồi lắc đầu chê: thiếu đạm là không ngọt. Tôi hỏi cụ: đạm là thứ gì mà thiếu? Cụ trả lời: đạm là mì chính (bột ngọt) ông giáo ạ! Anh con trai cũng húp thử một húp rồi

khen: thầy em tinh thật! Chưa hết, đúng năm đó Bác Hồ mất. Tôi về Hà Nội mấy hôm. Khi trở lại, tôi đem tặng cụ tấm ảnh chủ tịch nước mới là Tôn Đức Thắng để gia đình treo bên cạnh ảnh cụ Hồ. Xem xong, cụ đi đi lại lại, chấp tay ra sau rồi lại nhìn lên bức hình bác Tôn. Cụ có vẻ băn khoăn lắm. Tôi thấy vậy bèn hỏi: cụ thấy hình bác Tôn thế nào? Cụ khề lắc đầu, nhận xét: Hồ Chủ Tịch này cũng già lắm rồi!

Nông thôn miền Bắc xã hội chủ nghĩa cuối thập niên 1960 là như thế. Chỉ có trẻ em, phụ nữ, người già. Thanh niên đi “B” hết. Năm 1972, ở tuổi 30 tôi cũng được gọi đi nghĩa vụ quân sự theo giấy gọi của huyện. Nhà trường, học sinh lớp tôi chủ nhiệm cũng làm liên hoan tiễn thầy đi bộ đội long trọng lắm. Nhưng được có nửa tháng, lên đến tỉnh khám sức khỏe lại, tôi bị loại, lại khoác ba lô về lại trường cũ.

Hơn tám năm dạy học, tôi thấy rõ sự xuống cấp của giáo dục miền Bắc từ những năm đó. Hai yếu tố dạy và học làm nên quá trình giáo dục thì học là quyết định, dạy là quan trọng. Chưa bàn đến quá trình học, phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Tôi chỉ nói về quá trình dạy, liên quan trực tiếp đến người thầy. Bệnh hình thức, hay nói khác đi, gọi đúng tên của nó là giả dối đã ngự trị trong lao động dạy học. Điều đáng nói là, chính những người lãnh đạo giáo dục ở các cấp đã vì dốt nát và giả dối, chấp nhận chủ nghĩa hình thức. Đối với môn văn thì lại càng nguy hiểm. Học sinh ngày càng chán học môn văn, vì ngoài việc môn này bị chính trị hóa, còn một nguyên nhân rất quan trọng là sự lười biếng được khuyến khích ở thầy dạy văn. Văn học là “hiểu biết, khám phá và sáng tạo” về cuộc sống. Tác phẩm văn học được đưa vào sách giáo khoa,

được đem giảng dạy ở nhà trường, một lần nữa nó phải được thấy cô “khám phá” về cái đẹp để truyền thụ cho học sinh. Sự khám phá này được thấy cô nghiền ngẫm trong từng câu, từng chữ qua nhiều năm. Như người nghệ sĩ đánh đàn, càng lâu năm ngón đàn càng điêu luyện. Vì thế các cụ ta có câu: thấy đàn già, con hát trẻ. Một bài thơ hay như bài “thăm lúa” của Trần Hữu Thung, một thầy giáo dạy văn phải giảng bài thơ này năm này qua năm khác. Nhưng chưa phải là đã khám phá ra hết cái hay, cái đẹp của bài thơ. Vậy mà giáo án của tôi để dạy bài thơ đó được soạn năm trước, năm sau suy nghĩ, rút kinh nghiệm, thêm bớt một số ý, một số từ. Mỗi năm một lần giảng là một lần thêm bớt như thế vào giáo án cũ. Nhưng cán bộ chuyên trách bộ môn văn, một chuyên gia được xem là am hiểu của ty giáo dục về môn văn, về trường kiểm tra đã kịch liệt phê bình tôi không soạn giáo án mới, đem sử dụng giáo án cũ. Anh ta lại biểu dương một giáo án được chép lại thật sạch sẽ giáo án cũ, có gạch chân các phần bằng mực đỏ nhưng không được bổ sung thêm bớt gì. Anh ta biểu dương công chép lại một giáo án cũ mà phê phán sự trăn trở tìm tòi của người giảng dạy một bộ môn nghệ thuật đòi hỏi phải luôn sáng tạo và khám phá. Mặt khác, thấy giáo dạy văn phải là diễn viên có tài trên lớp, anh ta phải “thoát ly” được giáo án, phải thuộc “kịch bản” để bằng ngôn từ và ngoại hình cho học sinh “cảm thấy” được cuộc sống muôn màu muôn vẻ mà bài thơ, bài văn đó đã khám phá. Leonard de Vinci đã từng nói: “Họa thơ là nhìn thấy, thơ là họa cảm thấy” là gì. Học sinh của chúng ta rất chán học văn vì thấy cô chỉ cầm giáo án mà đọc từ năm này qua tháng khác. Tôi đã kịch liệt phản đối cách

kiểm tra, chấm điểm đánh giá giáo viên văn qua cách kiểm tra giáo án một cách hình thức như thế. Nhưng tôi đã thua cuộc vì người đánh giá mình là... cấp trên. Nhà trường cũng sợ cấp trên. Năm học đó tôi không được xếp hạng “lao động tiên tiến”, một danh hiệu cho tất cả các cán bộ công nhân viên nhà nước thời đó, trên danh hiệu đó là “chiến sĩ thi đua”.

Nhưng cuối niên học đó đã xảy ra một sự kiện “động trời” với ngành giáo dục của tỉnh. Số là, cuối năm khối lớp 10 trong cả tỉnh đều tổ chức thi thử các môn chính cho học sinh lớp 10 trước khi bước vào kỳ thi tốt nghiệp phổ thông hệ 10 năm. Thi thử là để đánh giá chất lượng dạy và học, và được tổ chức nghiêm túc như thi thật. Đề do Ty giáo dục ra, giờ thi thống nhất toàn tỉnh. Đầu đề môn văn năm đó là: các em hãy phân tích bài thơ *Từ ấy* của Tố Hữu.

*“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Tâm hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đượm hương và rất rộn tiếng chim”.*

Thời đó, trong nhiều năm dài, hễ thi văn dù tốt nghiệp phổ thông hay thi vào các trường đại học, đề thi quanh đi quẩn lại vẫn là thơ Hồ Chí Minh hoặc thơ Tố Hữu. Có lần, xem đề thi vào đại học, bộ trưởng Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp Tạ Quang Bửu đã phán một câu: đây là tà thuyết.

Khi kêng đã đánh, đề thi được chép lên bảng. Các lớp 10 khác của nhà trường đều im phăng phắc, các em cặm cụi làm bài thi. Riêng lớp tôi, theo lệnh của tôi, các em không phải làm bài, cứ ngồi yên. Khi thầy hiệu trưởng đến kiểm tra đã

vô cùng kinh ngạc. Ông kéo tôi ra hàng hiên, hỏi: tại sao lớp thấy học sinh không làm bài? Tôi trả lời: đề thi ra sai(!) Thầy hiệu trưởng càng kinh ngạc: sai cái gì? Tôi trả lời: bốn câu thơ trong đề thi chỉ là một khổ thơ trong bài “Từ ấy”. Còn tám câu của hai khổ nữa mới hoàn chỉnh bài. Nói xong tôi đọc tiếp bốn câu thơ tiếp theo của khổ thứ hai:

“Tôi buộc lòng tôi với mọi người

Để tình trang trải với trăm nơi

Để hồn tôi và bao hồn khổ

Gắn gũi nhau thêm mạnh khối đời”

Tôi nói tiếp, vậy mà đề thi lại yêu cầu phân tích cả bài thơ Từ ấy của Tố Hữu. Nếu học sinh của tôi, theo yêu cầu của đề thi phân tích xuống cả những câu tiếp theo thì sao? Thầy hiệu trưởng run lên bần bật vì tôi đã đúng. Nhưng nếu một lớp mà không thi với lý do truy ra đề sai thì... “to chuyện lắm”. Thầy hiệu trưởng năm nỉ tôi cứ cho học sinh làm bài. Tôi kiên quyết từ chối, cho học sinh giải tán ra về. Sự việc trên là một trái bom nổ trong ngành giáo dục Hải Hưng lúc đó. Người ra đề thi năm đó, dĩ nhiên phải là cán bộ chuyên trách bộ môn văn của Ty, ông chuyên viên đã từng kiểm tra giáo án của tôi trong đợt “thanh tra” hồi giữa năm! Ông ta bị cách chức “cán bộ chuyên trách” môn văn ngay sau đó.

Trong thời gian dạy học ở Cẩm Giàng, tôi tham gia sinh học và trở thành hội viên Hội văn nghệ tỉnh Hải Hưng, dự các trại sáng tác văn thơ do Hội tổ chức. Ngoài ra còn viết cho báo Văn Nghệ đề tài “Phương pháp luận giảng dạy văn học” trong nhà trường. Tôi còn viết cho báo “Người giáo viên nhân dân” của Bộ

Giáo dục cũng đề tài giảng dạy văn học... Chính vì tham gia các hoạt động văn học, tôi biết khá rành về nhà thơ tỵ hon lúc đó là Trần Đăng Khoa. Khoa sinh năm 1958 tại xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách tỉnh Hải Hưng. Tám tuổi cậu đã có thơ đăng báo. Tập thơ “*Góc sân và khoảng trời*” được tuyển chọn trong 200 bài thơ Khoa đã làm trong hai năm, được Khoa lấy tên chung là “Từ góc sân nhà em”, Ty giáo dục Hải Hưng xuất bản tháng 2 năm 1968, lúc tác giả vừa tròn 10 tuổi. Từ điển Wikipedia trên mạng Internat sau này đã nhầm lẫn khi giới thiệu “Từ góc sân nhà em” là tập thơ đầu tiên của Trần Đăng Khoa và tập tiếp theo là “*Góc sân và khoảng trời*” do nhà xuất bản Kim Đồng in ấn(!). Thực ra, tập thơ “*Góc sân và khoảng trời*” là do Ty Hải Hưng xuất bản dày 54 trang,, gồm 52 bài thơ. Một cậu học trò của tôi ở trường trung cấp sư phạm tỉnh, sau khi tốt nghiệp và quận Nam sách dạy học đã mua và đem tặng tôi. Tôi đã đọc rất kỹ tập thơ này. Tôi yêu nó đến mức, đi đâu dù phải dọn nhà nhiều lần vẫn mang nó đi theo. Năm 1981, chuyển công tác từ Hà Nội và Đồng bằng sông Cửu Long (Mỹ Tho), tôi đã chọn trong cả trăm cuốn sách của mình và chỉ mang theo ba cuốn, trong đó có tập “*Góc sân và khoảng trời*”. Tháng 6 năm 1981, tôi đã tặng nó cho thầy giáo Nguyễn Văn Quýt, một nhà chơi sách nổi tiếng ở Tiền Giang. Mỗi lần tỉnh tổ chức triển lãm sách quý, cuốn “*Góc sân và khoảng trời*” đều được đem ra trưng bày trước sự thích thú của độc giả. Năm 1992, khi chuyển công tác về Sài Gòn, tôi mượn lại cuốn đó của thầy Quý để photo lại. Đến hôm nay khi tôi viết những dòng chữ này, cuốn photo đó vẫn nằm trước mặt tôi. Thế là, tôi đã đem “*Góc sân và khoảng trời*” theo mình suốt 40 năm. Có thể vì “chơi” như thế nên tôi đã nghèo suốt đời

(giống như thầy giáo Quý, người chơi sách nổi tiếng ở Đồng bằng sông Cửu Long).

Với tâm hồn bay bổng, tình cảm chan chứa, bằng sự quan sát tinh tế và cách diễn đạt hồn nhiên của một cậu bé sinh ra và lớn lên ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, Trần Đăng Khoa đã làm kinh ngạc cả văn đàn miền Bắc thời đó. Những bài thơ như “Cây dừa”, “Đám ma bác giun”... tác giả đã trở thành một thi sĩ lớn ngay từ lúc tuổi còn nhỏ.

Một ngày nắng đẹp đầu thập kỷ 70, tôi đến thăm Trần Đăng Khoa. Tôi phải nhờ cậu học trò cũ của tôi ở trường sư phạm năm nào dẫn đường. Làng Trục Tri, xã Quốc Tuấn nơi sinh sống của cậu bé Khoa hiện ra trước mắt tôi, nhưng đến nơi thì buổi chiều đó cậu lại đang đi đơm cá. Chúng tôi tìm đến nhà thơ thiếu niên trên cánh đồng. Khoa từ dưới ruộng mò lên, quần áo ướt lướt thướt. Cậu học sinh của tôi (lại là thầy dạy của Khoa) cất tiếng hỏi: Khoa có bài thơ nào mới làm không đưa cho thầy Khải xem? Cậu bé Khoa đặt cái nơm xuống đám cỏ rồi ngả chiếc mũ lá rộng vành xuống, cẩn thận lấy từ trong mũ ra một tập giấy đưa cho tôi. Tôi không tin vào mắt mình nữa khi trước mắt tôi là bản “Trường ca giông bão”. Tôi ngồi xuống ngay vệ cỏ đọc một mạch cho đến hết. Nó chẳng kém gì Iliad, Odyssey của Homer! Hơn 40 năm rồi, tôi vẫn còn nhớ mấy câu cuối cùng của bản trường ca đó: “... *Ta nhất định thắng / vì đầu ta có nhiều lê phải / tay ta lấm láp phù sa*”

Ít lâu sau tôi về Hà Nội, đến báo *Nhân Dân* gặp nhà báo Quang Đạm. Ông là một trí thức tên tuổi của Hà Nội. Trong làng báo thời đó, có hai người biết nhiều ngoại ngữ nhất là Quang Đạm ở báo *Nhân Dân* và Lê Phú Hào ở Việt Nam

Thông tấn xã. Tôi “báo cáo” ông Quang Đạm về bản “*Trường ca giòng bão*” và được biết ông đã có đọc từ trước. Ông trầm lặng nói: thiên tài! Thiên tài! Rồi ông lại chậm rãi nói tiếp: nhưng Đảng ta tiết kiệm lắm! Tiết kiệm lắm! Tôi hiểu, ý ông muốn nói là không có chuyện khen ai, nhất lại là khen một cậu bé như Trần Đăng Khoa trên báo Đảng. Không thể lãng xê ai để người đó có thể qua mặt những người như XYZ. Sau đó không lâu tôi được thấy bài đó được in trên cáo báo nhưng tên bài đã được biên tập dưới cái tên rất ngô nghê và vớ vẩn. Người biên tập đã tầm thường hóa nó với cái tên mới là: “*Trường ca đi đánh thần hạn!*”

Cách biên tập, sửa chữa để các tác phẩm văn học thời đó trước khi ra mắt độc giả của các tòa soạn báo là không để ai “qua mặt” được các cây đa cây đề như Tố Hữu, Chế Lan Viên, Xuân Diệu... những người được Đảng và chính quyền đề cao. Tố Hữu khi còn nhỏ đã viết trường ca đầu mà một cậu bé con như Trần Đăng Khoa lại dám viết “*Trường ca giòng bão*”, nó chỉ có thể mang một cái tên như một bài vè nôm na, tầm thường là “*Trường ca đi đánh thần hạn*”, một kiểu kêu gọi người ta đi tát nước chống hạn mà thôi. Tôi nói điều này vì tôi đã được nhiều lần từng chứng kiến cái kiểu biên tập vô liêm sỉ ấy của báo chí ngay từ những năm 60-70 của thế kỷ trước. Bài thơ “*Hạt gạo làng ta*” nổi tiếng của Khoa được ca ngợi, được Xuân Diệu hiệu đính, nhạc sĩ Trần Khiết Bình phổ nhạc vào năm 1971, đã được “biên tập” hạ thấp nó xuống. Phải nói là cố tình hạ thấp nó cho dù người ta biết thừa nếu để nguyên văn thì tác giả lớn hơn nhiều. hạ thấp nó để đúng lập trường quan điểm của Đảng về văn nghệ xã hội chủ nghĩa

không có bi kịch, không có nỗi buồn, không có cái đau.

Khi bài “hạt gạo làng ta” đăng báo nó như sau:

*“Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa của sông Kinh Thầy
Có lời mẹ hát
ngọt bùi hôm nay...”*

Nhưng trước đó, khi tôi đọc bài này trong bản thảo của Khoa thì nó như sau:

*“Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa của sông Kinh Thầy
Có lời mẹ hát
Ngọt bùi, đắng cay...”*

Chữ “đắng cay” đã được biên tập thành chữ “hôm nay”. Vậy là đã giết chết tác giả của bài thơ rồi. Từ một nghệ sĩ đích thực, kẻ phát ngôn của tâm hồn nhân dân, Khoa đã trở thành một kẻ minh họa tầm thường, một kẻ bồi bút chỉ biết véo von ca ngợi và ca ngợi... Lời mẹ hát “ngọt bùi hôm nay” thì nhạt nhẽo quá. Câu thơ vừa ngớ ngẩn, vừa tầm thường lại đối trá nữa. Người mẹ nghèo ở quê hương của chúng ta vất vả, đắng cay từ ngàn xưa, nay còn “đắng cay” hơn vì đi làm hợp tác xã, một ngày công chỉ được mấy lạng thóc mà lời hát thì chỉ có “ngọt bùi” thôi ư? Trần Đăng Khoa đã không viết thế, nhưng người ta có quyền đăng và có quyền “giết” tác giả như thế. Tiếp theo các “biên tập” sửa chữa tác phẩm vô tội vạ kiểu đó, người ta còn làm một việc áp đặt là mời nhà thơ chuyên viết thơ thiếu nhi là Phạm Hồ về tình để “đỡ đầu” cho Trần

Đăng Khoa. Phạm Hồ là nhà thơ mà chẳng ai nhớ một câu nào của ông ta, lại được mời về “đờ đầu” cho một người làm thơ đã nổi tiếng cả nước. Trong cuộc gặp mặt của Hội Văn nghệ tỉnh với nhà thơ Phạm Hồ được xem như là cái lễ ra mắt chứng nhận sự đờ đầu của Phạm Hồ đối với Trần Đăng Khoa, có cả phó bí thư tỉnh ủy Lê Quý Quỳnh dự, tôi đã nói đùa với ông Quỳnh: nên để ông Phạm Hồ đờ cái khác của Trần Đăng Khoa hơn là đờ đầu nó, vì cái đầu “có nhiều lẽ phải” của nó nặng lắm, sức Phạm Hồ không đờ nổi đầu. Phó bí thư Quỳnh đã mắng tôi “cậu chỉ nói linh tinh” (ông Quỳnh trước là bí thư hải Hưng, sau vì hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên nhập một, mất đoàn kết nên trung ương mới điều ông Ngô Duy Đông về là bí thư và ông Quỳnh làm phó).

Sau này Khoa còn bị cử đi học viết văn, học lý luận viết văn bên... Liên Xô thì nực cười quá! Ông Anh Đức sau này có tâm sự với tôi, ông đã từng được cử đi học viết văn ở Liên Xô, nhưng theo ông, mình là người Việt Nam thì học viết văn kiểu Liên Xô làm gì? Thay vì đi Liên Xô học viết văn, ông đã đi B (vô Nam) để thâm nhập thực tế Việt Nam, để viết văn cho dân mình đọc.

Trần Mạnh Hảo có lần bảo với tôi: Trần Đăng Khoa về hưu từ lúc còn nhỏ(!). Đúng vậy. Nếu đứng từ góc độ một nhà văn, một nhà thơ thì với cách “biên tập” văn thơ như tôi kể ở trên, với cách cử đi Liên Xô học viết văn nên Trần Đăng Khoa đã không viết được gì nữa. Coi như về hưu nghề văn. Và anh ta đã trở thành một ông quan tâm thường hơn cả sự tâm thường ở Đài tiếng nói Việt Nam.

CHƯƠNG BẢY

BA MƯƠI TÁM NĂM LÀM BÁO “LỄ PHẢI” VÀ “LỄ TRÁI”

Trong thời gian từ 1969 đến 1974 dạy học ở Cẩm Giàng, tôi tham gia hội Văn nghệ tỉnh, lại viết bài cho các báo ở Hà Nội nên tôi có quen biết một số nhà văn, nhà báo. Đó là cái cầu để tôi, từ một thầy giáo làng bước sang một sân chơi rộng hơn là làm báo ở cơ quan báo chí thuộc trung ương.

Có lần, nhà thơ Thanh Thảo từ chiến trường ra Bắc điều dưỡng ở trại điều dưỡng Nam Sách, Hải Dương, không biết ai giới thiệu, anh Thảo đã “trốn trại” về Cẩm Giàng chơi với tôi. Anh đem theo một tập bản thảo thơ còn chưa in ấn ở đâu. Tôi đã được đọc bài thơ “*Dấu chân trên trắng cỏ*” của anh trước khi nó nổi tiếng trên cả nước. Nhưng Thảo cũng có những ý thơ “khác thường” nên không được giới chính thống ưa. Tôi nhớ một câu “khác thường” ấy trong tập thơ chép tay của anh:

*thế hệ tôi bùng cháy ngọn lửa của chính mình/
không dựa dẫm những hào quang có sẵn...*

Ai cho phép nhà thơ “bùng cháy ngọn lửa của chính mình”? Chữ “dựa dẫm” nhằm mỉa mai ai? “Hào quang có

sẵn” nhằm ám chỉ cái gì?... Cứ thế người ta đặt câu hỏi với tác giả. Câu chuyện về Thanh Thảo có liên quan đến câu chuyện của Chế Lan Viên mà tôi sẽ kể ở những phần sau.

Một lần khác, vào năm 1974, nhà thơ Trúc Thông ở Ban miền Nam của Đài Tiếng nói Việt Nam về Hải Hưng công tác. Anh Thông có hỏi nhà thơ Mai Thanh Chương ở tỉnh rằng, ở đây có ai “chơi được”, có thể “chứa chấp” anh trong vài ngày? Mai Thanh Chương giới thiệu tôi, giáo viên dạy văn ở trường cấp 3 huyện Cẩm Giàng, hội viên Hội Văn nghệ tỉnh. Trúc Thông là nhà thơ đã có danh ở Hà Nội nhưng anh chưa được in một tập thơ riêng nào cho mình ngoài những bài thơ đã đăng đây đó trên báo, đọc trên đài... Hối ấy in được một tập thơ lớn chuyện lắm, không như bây giờ (2013), có tiền triệu rồi mua cái giấy phép xuất bản là in được ngay một hoặc vài ba tập thơ một lúc. Thậm chí ai có tiền, nhất là các đại gia, còn có thể thuê người khác làm vài chục bài thơ rồi xuất bản lấy tên mình! Nếu sang hơn, sau khi thơ in rồi, có thể mở cuộc hội thảo mời ông Hữu Thịnh chủ tịch Hội nhà văn về dự, miễn là tác giả chuẩn bị vài cái bao thơ cho nặng nặng một chút. Thơ muốn nói gì thì nói miễn là không nói đến những đề tài “nhạy cảm” như nỗi đau của nông dân bị cướp đất hay nói chuyện dân chủ, bảo vệ chủ quyền đất nước là được.

Anh Trúc Thông được in tập thơ đầu tay vào năm 1985, do nhà xuất bản Tác Phẩm Mới hội Nhà văn ấn hành, số lượng 5.000 cuốn, giá 4 đồng. Nhưng là in chung với anh Đào Cảnh ở Hải Phòng. Bia tập thơ phải chia làm hai. Phần trên, tên tác giả Đào Cảnh với tên tập thơ “Thời yêu thương”. Phần dưới

là của Trúc Thông với tên tập thơ “Chậm chậm tới mình”. Có 98 trang sách mà phải chia hai, thật khổn khổ! Có ai hỏi vì sao lại đặt tên là “Chậm chậm tới mình”, thì anh giải thích, chậm chậm rồi cũng đến lượt mình được in thơ!

Trúc Thông đến Cẩm Giàng ở chơi với tôi gần cả tuần lễ. Hồi ấy tôi có khẩu súng hơi Tiệp Khắc, mua lại của ông Nguyễn Đình Thiên, anh ruột của nhà khoa học Nguyễn Đình Tứ nên ngày nào cũng bắn được chim về đãi khách. Sau những ngày “nhàn đàm”, trước khi về Hà Nội anh Trúc Thông bảo với tôi: làm một cái đơn xin về Ban miền Nam của Đài Tiếng nói Việt Nam. Theo anh Thông, Ban đang cần người, tìm chưa được. Tôi có khả năng về Ban miền Nam của Đài, vì anh thấy tôi tỏ ra có kiến thức, nhạy cảm, có khả năng viết lách... Tôi nghe lời Trúc Thông và làm đơn. Mấy tuần sau anh Thông nhắn tôi về Đài ở 58 Quán Sứ Hà Nội để lãnh đạo “sát hạch”!

Tại cơ quan Đài Tiếng nói Việt Nam, phó Ban miền Nam Mai Thúc Long yêu cầu tôi viết một bài với đề tài: Kỷ niệm ngày Nam Bộ kháng chiến 23/9 trong bối cảnh chính sự miền Nam năm ấy (1974). Anh Long bảo tôi, cậu về viết rồi gửi lên cho Đài. Nếu đúng ngày 23/9 theo dõi Đài Tiếng nói Việt Nam, thấy phát bài ấy vào ngày... giờ... thì coi như Đài nhận cậu về làm phóng viên. Khi tôi định ra về thì Trúc Thông bảo tôi: ông Long này thích nhanh, anh nên quay lại bảo ông ấy cho anh được ngồi viết ngay tại Đài, viết xong nộp cho ông ấy. Như thế ông ấy khoái lại khỏi nghi ngờ anh về nhờ người khác viết hộ.

Tôi làm như lời Trúc Thông, Phó ban bảo tôi ngồi ngay bàn

của ông ấy mà viết. Đi đâu đó độ hai giờ đồng hồ, ông Long quay lại pha cho tôi một ly nước chanh rồi lại đi. Khoảng 12 giờ ông quay về thì tôi vừa viết xong bài, độ ba trang giấy học trò loại “5 hào 2”. Đó là thứ giấy trắng khổ to giá 5 hào 2 phổ biến và sang trọng thời ấy, tương đương khổ giấy A4 bây giờ. Tôi ra về nhưng không hy vọng lắm về cuộc “sát hạch” này, vì trợ lý của Ban là anh Hữu Tính cho biết Ban đã đặt bài nhà báo Lưu Quý Kỳ viết bài với nội dung như thế để phát vào ngày 23/9 sắp tới. Nhưng thật không ngờ, bài của tôi được phát sóng trên đài đúng ngày giờ như ông Long đã nói. Tôi còn nghe được bài của nhà báo Lưu Quý Kỳ phát trên đài cũng vào dịp đó. Chỉ một tuần sau tôi nhận được công văn tiếp nhận về Đài Tiếng nói Việt Nam do bà phó Ban tổ chức Đài đem xuống tận trường.

Việc chuyển công tác của tôi rất chặt vật vì ty Giáo Dục Hải Hưng không đồng ý. Ty Giáo dục lấy lý do giáo viên cấp 3 do bộ Giáo dục đào tạo và chỉ phân về các địa phương. Ủy ban nhân dân các tỉnh không được chuyển giáo viên cấp 3 ra khỏi ngành. Đó là quy định của Bộ. Tôi lại phải dùng đến thế lực của tướng Qua mới có được quyết định về Đài do chủ tịch UBND tỉnh Hải Hưng Nguyễn Bắc ký.

***Những năm ở Đài Tiếng nói Việt Nam và
Đài Truyền hình Trung ương***

Về Đài tôi được phân công vào tổ “Thành thị miền Nam” nơi làm các chương trình phát thanh cho đô thị miền Nam. Ban khi đó tập trung những cây bút xuất sắc của Đài vì lúc đó ưu tiên số 1 là công tác tuyên truyền đấu tranh thống nhất đất

nước. Suốt một thời kỳ dài, báo viết hiếm hoi, lại vận chuyển khó khăn, truyền hình chưa có nên tất cả thông tin đều trông vào làn sóng của Đài (kể cả ca nhạc, sân khấu). Thể tài sân khấu truyền thanh, đặc biệt là “câu chuyện truyền thanh” và “tiếng thơ” là những thể tài chỉ phát triển ở ngành phát thanh Việt Nam do những đặc điểm lịch sử, kinh tế xã hội ở Việt Nam. 40% dân số Pháp biết chơi một nhạc cụ, người nông dân Pháp có thể tự biểu diễn và thưởng thức văn nghệ trong làng quê của mình khi có thời gian nghỉ ngơi hoặc hội hè. Nhu cầu tin tức và nhu cầu thưởng thức văn học nghệ thuật của dân ta trong một thời kỳ dài chỉ có thể trông vào Đài phát thanh và hệ thống loa công cộng, loa kim dẫn đến từng nhà trong thời kỳ của hai cuộc kháng chiến. Hình ảnh nhiều người tập trung để nghe một vở sân khấu truyền thanh dưới một cái loa là hình ảnh chỉ có ở Việt Nam.

Tôi về công tác ở Đài Tiếng nói Việt Nam trong thời kỳ mà nhu cầu nghe đài của nhân dân lớn hơn bao giờ hết. Đó là thời gian cuối 1974, đầu 1975 chiến sự ở miền Nam diễn biến dồn dập, công việc ở Ban miền Nam của Đài cũng dồn dập, tất bật theo với diễn tiến của chiến trường, chính trường miền Nam. Từ sáng sớm, những cây bút lão luyện của Ban như Trung Ngôn, Viễn Kinh, Phan Đắc Lập... vừa bốc xôi (hay gặm bánh mì), vừa liếc mắt trên những trang báo xuất bản ở Sài Gòn như: *Tiền Tuyến*, *Đại Dân Tộc*, *Chính Luận*, *Điện Tin*... do một đường dây đặc biệt chuyển ra. Khoảng 9-10 giờ, các anh xoay trần trên máy chữ gõ bài rồi chuyển ngay đi thu âm, phát sóng. Những tin bài nóng hổi tính thời sự như thế là không thể thiếu được với bạn nghe đài cả nước,

cả ở miền Nam nữa. Tôi nhìn các anh làm việc mà thần phục. Nghĩ rằng mình không biết đến bao giờ mới trở thành một nhà báo lão luyện và hiện đại như thế. Nhưng rồi tôi hòa nhập cũng nhanh. Tin, bài tôi viết đều được lãnh đạo Ban sử dụng. Với một người mới tập việc như thế xem như là được.

Một sự việc mà tôi nhớ mãi là cuối tháng ba, khi ta đánh vào thành phố Huế, ông Trường Chinh gọi điện qua lãnh đạo Đài, yêu cầu cử phóng viên sang bệnh viện Việt-Đức, thu thanh lời nói của giáo sư Tôn Thất Tùng, người Huế... kêu gọi trí thức Huế ở lại với cách mạng, đừng hốt hoảng bỏ chạy theo “địch”. (Tôi viết chữ “địch” trong ngoặc, bởi thời điểm tôi viết hồi ký này là 2013, còn dùng chữ “địch” để chỉ chế độ Việt Nam Cộng hòa e rằng không công bằng. Hôm nay, những kẻ đi cướp đất của Đoàn Văn Vươn, cướp đất ở Văn Giang, ở Vụ Bản... bây giờ có khác gì “địch” mà ta gọi ngày ấy!) Là phóng viên của tổ Đô thị miền Nam, tôi được cử đi gặp giáo sư Tùng. Sau câu chào hỏi và biết rõ lý do, ông nhìn tôi một cách vô tư rồi gật đầu, ngồi xuống bàn, lấy một tờ giấy “5 hào 2”, dùng bút chấm mực và hý hoáy viết. Tôi ngồi ngắm giáo sư Tùng, ông rất đẹp tướng, tóc bạc trắng hơi dài chấm ngang vai, da dẻ hồng hào. Trông ông vừa có vẻ một chính khách phương Tây lại pha chút đạo cốt tiên phong của phương Đông dễ làm người ta thấp thỏm. Nghe nói ông nóng tính khi đang mổ cho bệnh nhân, hề người phụ mổ chậm đưa dao kéo là ông lấy chân đá ngay người ta, dù người “ét” đó là vợ ông cũng thế. Thấy ông hý hoáy viết là tôi mừng. Viết xong, giáo sư Tùng đưa bản thảo cho tôi. Ông viết rất ngắn, chữ xấu như chữ học trò lớp ba, lại to như con gà mái. Tôi vẫn

giữ bút tích của ông đến tận bây giờ để làm kỷ niệm (dù nhiều lần dọn nhà). Một đồng chí lãnh đạo của tôi ở cấp phòng đã viết thêm một đoạn nữa vào bản thảo của ông rồi đánh máy để đem lên cấp Ban duyệt. Tôi cầm bản đánh máy đã được duyệt chạy ngay sang bệnh viện Việt-Đức để thu thanh lời kêu gọi của giáo sư Tùng. Tôi cẩn thận nhờ thêm anh Hữu Tính cùng đi, vì anh thông thạo thu thanh, phòng có gì bất trắc sẽ có người hỗ trợ.

Giáo sư Tùng chăm chú xem bản thảo đã đánh máy và được duyệt, có thêm bớt ở đầu và cuối bài. Đọc xong chẳng nói chẳng rằng, ông xé tờ giấy đánh máy làm đôi và vứt xuống đất, còn dậm chân lên rồi mắng hai đứa tôi: đồ ngu! Tôi giận run cả người, nhưng vẫn giữ được bình tĩnh và cúi xuống nhặt mảnh giấy đã bị xé làm đôi. Tôi hỏi giáo sư Tùng: xin giáo sư cho biết chúng tôi ngu ở điểm nào? Ông trợn mắt quát: tại sao các anh lại viết thêm vào “nhân dịp này xin chúc đồng bào nhân dịp gì? Cái gì cũng nhân dịp, người ta đang cực kỳ hoang mang thì mình lại “nhân dịp”. Ngu nó vừa vừa thôi chứ!

Ngu thật rồi, cái đoạn ông phó phòng của tôi thêm vào cuối bài kêu gọi của giáo sư Tùng rất trơ trẽn, vô duyên, không ăn nhập gì với lời lẽ ở trên của giáo sư. Một người làm báo phải biết nghe người ta chửi mình là ngu, nếu chửi đúng. Tôi nghĩ vậy nên xin giáo sư được sửa lại đoạn cuối. Ông đồng ý. Tôi cẩn thận cầm cả hai tay đưa lại hai mảnh giấy giáo sư vừa xé có phần cuối bài do tôi vừa sửa lại. Đọc xong ông gập đầu và ra hiệu cho chúng tôi đưa máy lại thu thanh. Đến lúc đó, Hữu Tính vẫn ngồi ung dung như không

có gì xảy ra, anh giúp tôi thu thanh. Phòng mổ và phòng kế bên nơi ông làm việc máy lạnh chạy đều đều. Đây là nơi hiếm hoi ở Hà Nội được sử dụng máy lạnh ngày ấy, vậy mà tôi và mổ hôi do lo sợ không hoàn thành nhiệm vụ. Chỉ khi xong mọi việc tôi mới biết mình... đã toát mổ hôi. Thấy thế, giáo sư bảo hai đứa: không nên viết dài, viết ngắn thôi, nhưng phát thanh nhiều lần, phát để người ta ngồi ỉa cũng nghe được thì mới tốt. Từ đó trở đi, khi cầm bút đi lang thang trên mọi nẻo đường tươi đẹp và đau khổ của đất nước, bên tai tôi luôn vang vẳng giọng Huế của giáo sư Tùng: đồ ngu, viết ngắn thôi! Sau này khi giảng dạy ở những lớp nghiệp vụ báo chí, về phần phát thanh tôi không quên đưa ý kiến của giáo sư Tùng vào giáo án của mình: viết ngắn, phát nhiều lần.

Vậy rõ ràng là, cứ theo lời kêu gọi trí thức Huế ở lại với cách mạng của giáo sư Tùng, được đích thân đồng chí Trường Chinh chỉ đạo cho Đài thực hiện thì đến lúc ta đánh vào Huế, trung ương vẫn chưa có ý định đánh vô Sài Gòn. Nhưng diễn biến tình hình quá nhanh, và chiến dịch Hồ Chí Minh chỉ được quyết định sau đó. Hàng loạt tỉnh từ Đà Nẵng trở vào lần lượt được giải phóng. Do đất nước bị chia cắt lâu, các tỉnh miền Trung và Nam trung bộ ít được dân miền Bắc biết tới. Tôi được Ban chỉ thị phải giới thiệu về từng tỉnh mới được giải phóng trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam. Công việc này dễ mà khó. Dễ vì không cần phải đi đâu, ngồi nhà viết cũng được. Khó vì nếu không có tư liệu thì không thể viết được. Nhờ có tủ sách phong phú mà tôi đã góp nhặt được trong tám năm dạy học nên các tỉnh chạy dài suốt mảnh đất miền Trung đã được tôi giới thiệu về địa lý, văn hóa, kinh tế một cách tóm

tất nhưng khá đầy đủ khi nó lần lượt được giải phóng.

Ngày 30/4/1975 là một ngày đáng ghi nhớ ở Hà Nội. Với cơ quan Đài Tiếng nói Việt Nam thì càng nhộn nhịp. Các phóng viên, biên tập viên, lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của Đài là dân miền Nam tập kết đều được mọi người chúc mừng. Câu nói cửa miệng của người Hà Nội mỗi khi nhắc đến cái gì đó xa xôi là “chờ đến ngày thống nhất”, thì ngày ấy đã tới. Niềm vui vỡ òa trên đường phố. Ngày ấy không ai ở nhà cả, người ta cứ ra phố. Dù không biết đi đâu nhưng nhất định là không ở nhà. Cứ đi, cứ đi, gặp chỗ nào có người quen là xà vào. Ngày ấy, tôi cứ nghĩ là nhà nước sẽ mở kho, khao dân chúng “hòa nước sông chén rượu ngọt ngào” như các vua chúa ngày xưa mỗi khi thắng trận, nhưng không hề có. Chỉ có các quan là có vật chất mà thôi. Tướng Qua, từ khi lên cấp tướng, tuy chức vụ vẫn là Cục trưởng nhưng hàm ngang với thứ trưởng nên được cấp xe Lada đi riêng, được cấp sổ mua hàng ở cửa hàng cao cấp Tôn Đản. Thời đó có câu ca dao: *Tôn Đản là chợ của vua quan / Nhà thờ là chợ của trung gian nịnh thần / Đồng Xuân là chợ của tư nhân / vỉa hè là chợ của nhân dân anh hùng!*

Tôi đến nhà tướng Qua với hy vọng là được uống bia và hút thuốc lá Điện Biên bao bạc, và quả đúng như tôi dự đoán. Lúc đó, ông còn ở khu tập thể ngõ Văn Chương. Hàng xóm của ông là trung tá nhà thơ trào phúng Lê Kim làm ở báo *Quân Đội Nhân Dân*. Hai vị đang liên hoan bên nhà tướng Qua lúc tôi đến. Chính tại bữa bia bọt đó, tôi được biết trung tá Lê Kim hôm sau sẽ lên đường vô Nam công tác. Ông được phát cho một khẩu súng lục mà theo tướng Qua nhận xét: tay

này chưa biết bắn súng thế nào. Và, tôi cũng được biết, Bộ Công an sẽ cử một đoàn đi Nam để tìm kiếm Nguyễn Công Tài, người hùng của Bộ.



Phòng vấn ông Nguyễn Hữu Khiếu, ủy viên Trung ương Đảng tại HTX Định Công Thanh Hóa 1978. Ông Khiếu là cha của Nguyễn Hữu Vinh, tức anh Ba Sàm chủ nhân của trang web *Nhật báo Ba Sàm* - basam.info.

Sau 30/4, không chỉ ở Đài tôi mà ở bất kỳ đơn vị nào, cán bộ tập kết là dân Nam bộ đều xin về quê sạch hết. Chỉ có cán bộ là dân miền Trung và khu 5 thì đa phần là ở lại. Và lúc này, Ban miền Nam của Đài Tiếng nói Việt Nam giải thể vì đã hoàn thành nhiệm vụ. Phóng viên, biên tập viên, người thì xin về Nam, người thì sang các bộ phận khác của Đài. Tôi được phân về chương trình phát thanh “Trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa”, một chương trình phát thanh “nối tiếp” các chương trình phát thanh vào Nam của Ban miền Nam trước đây, nhằm giới thiệu các “thành tựu” xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cho

đồng bào miền Nam mới được giải phóng!).

Đề tài thật là rộng lớn, đủ mọi lãnh vực. Các phóng viên của chương trình thỏa sức vẫy vùng. Mới ngoài 30, đang sức lực trẻ, tôi hăm hở đi mọi nơi, mọi vùng trên miền Bắc, từ vùng than Quảng Ninh đến miền núi, miền xuôi. Ngoài viết cho Đài tôi còn viết cho báo *Nhân Dân* mục “Nông thôn mới”, do nhà báo Trần Minh Tân ở Ban nông nghiệp báo phụ trách. Rồi còn viết cho mục “Đó đây cuộc sống con người” của báo *Văn Nghệ* hội Nhà văn do nhà văn Trần Hoài Dương phụ trách. Tôi còn viết cho cả báo *Quân Đội Nhân Dân* do các anh Thụy Vũ, Trịnh Tường của báo đặt bài. Được các đồng nghiệp ở báo *Nhân Dân* động viên là người “đi đâu viết đó, viết đâu ra đó”, tôi càng hăng say có mặt “trên từng cây số”. Bây giờ, “những chiều gió tím mây xanh” rảnh rỗi ngồi đọc những bài báo còn giữ được, nhớ lại những nơi mình đã đi, đã đến, tiếp xúc với bà con cô bác để lấy tin, viết bài... sao tôi nhớ những ngày ấy quá. Những ngày đó tôi vô tư, tin tưởng vào hy vọng cuộc sống sẽ ngày một tốt đẹp hơn. Qua lao động say sưa và lăn lộn với cuộc sống nên tay nghề của tôi được nâng lên rõ rệt. Các bậc đàn anh cho tôi nhiều kinh nghiệm làm báo. Có lần, tôi đưa một bản thảo viết tay dập xóa nhiều lần cho trung tá Thụy Vũ ở báo *Quân Đội Nhân Dân* với bản khoản là bản thảo của mình dập xóa nhiều quá (tôi không biết đánh máy). Anh Thụy Vũ cười nói: mình lại thích những bản thảo viết tay dập xóa như thế. Nhìn vào, mình sẽ biết cậu đã nghĩ gì, rồi nghĩ lại mà xóa đi. Biết được dòng chảy tư duy của cậu. Nhìn một bản thảo đánh máy sạch sẽ, không thấy được điều đó. Cái thời ấy, các anh lớn tuổi ở

các tòa báo làm việc đầy trách nhiệm như thế, nâng niu cộng tác viên như thế. Tôi đã theo nhà báo đàn anh Trần Minh Tân trên mọi nẻo đường vất vả. Theo anh từ lúc đi lấy tài liệu, cách hỏi han đối tượng khai thác tin tức, rồi đọc bản thảo anh viết, đọc bài của anh khi đã đăng trên báo... và rút ra được nhiều điều bổ ích. Đặc biệt, tôi học tập được ở các nhà báo thế hệ đó đạo đức nghề nghiệp. Có lần, tôi đi với bác Minh Tân đến vùng trồng rau xanh của huyện Thanh Trì, vành đai cung cấp rau quả cho thủ đô Hà Nội. Trời rét như cắt ruột mà phải lội bộ hàng cây số ngoài đê sông Hồng. Đến trưa đói khát ruột mà bí thư huyện ủy chỉ đưa cho bác Minh Tân vài cái bánh quy rắn như đá. Vậy mà bác vừa đi vừa ăn trong gió rét. Đến chiều, chiếc xe com-măng-ca ọc ạch của báo *Nhân Dân* đưa bác về thẳng tòa soạn để bác làm việc ngay. Thế là sáng hôm sau tôi đã được đọc bài của bác trên báo. Bài viết nói về những vấn đề đặt ra cho vành đai rau xanh của Hà Nội, bài viết “đâu ra đó”!

Trong gần ba năm 76, 77 và đầu năm 78 làm việc ở chương trình này, tôi thâm nhập tầng lớp trí thức của Hà Nội để viết, quen biết nhiều vị trí thức danh tiếng bấy giờ. Một lần tôi đến gặp giáo sư bác sĩ Hồ Đắc Di tại nhà riêng của ông là một biệt thự ở đường Lý Thái Tổ. Ông là hiệu trưởng đầu tiên của trường Đại học Y khoa. Nhà giáo sư Di ở dưới, tầng trên là bác sĩ Tôn Thất Tùng ở. Nghe nói vợ bác sĩ Tùng gọi vợ giáo sư Di là cô ruột và cùng là người Huế. Tôi muốn phỏng vấn giáo sư bác sĩ Hồ Đắc Di về sự lãnh đạo của Đảng đối với trí thức. Giáo sư người nhỏ bé, ăn nói nhỏ nhẹ, ông nhìn tôi từ tốn nói: cậu cứ viết về câu hỏi, rồi tự viết câu trả lời, muốn

viết gì thì viết, rồi đem máy ghi âm đến đây, tôi đọc vào rồi đem về đài phát. Tôi bẽ bàng quá, không ngờ nhận được kết quả như thế với một vị giáo sư điểm đậm như ông Hồ Đắc Di. Tôi ra về lòng buồn rười rượi, thà cứ quát mắng chúng tôi như giáo sư Tùng còn hơn là nhận được một lời nhã nhặn mà đau như thế. Tôi đem câu chuyện này kể cho một đồng nghiệp lớn tuổi ở báo *Đại Đoàn Kết*. Nhà báo lão thành này nói với tôi: là vì cậu chưa hiểu giáo sư Di đấy thôi. Hồi mới giải phóng thủ đô 1954, khi đó ông là hiệu trưởng trường Đại học Y. Có người đến xin gặp chính quyền nhà trường. Giáo sư Di đã trả lời: chính là tôi, còn quyền là vị bí thư Đảng ủy ngồi ở phòng bên cạnh! Bà bí thư đó là một cán bộ xã mới học hết lớp 2 trường làng cậu có biết không. Kể xong câu chuyện đó cho tôi nghe, vị nhà báo lão thành kia vỗ vai tôi bảo: buồn làm gì, chúng tao nhiều tuổi hơn nên hiểu chế độ này hơn mày!

Trong khi các vị trí thức miền Bắc đã chán chường sự lãnh đạo của Đảng như giáo sư Di thì thời điểm mới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đó, các vị trí thức Sài Gòn lại rất hồ hởi, tin tưởng ở tương lai của đất nước. Ngày ấy, tôi được phân công một công việc khá nặng nề là làm cuộc tọa đàm thu thanh với các vị trí thức miền Nam là đại biểu quốc hội thống nhất khóa đầu tiên. Buổi tối, từ làng Hoàng Mai cuối thành phố, tôi chạy cái xe mobilette màu xám, còn gọi là xe “cá xám” lên tận khách sạn Thắng Lợi ở Hồ Tây, nơi các đại biểu miền Nam ra ở tại đó trong thời gian quốc hội họp. Tôi đưa thẻ nhà báo, xưng danh là của Đài Tiếng nói Việt Nam xin được gặp giáo sư Lý Chánh Trung. Công an gác cửa gọi điện vào và tôi nhận được lời từ chối của ông. Hai ngày

sau, tôi lại chạy xe lên khách sạn Thắng Lợi, lần này tôi yêu cầu cảnh vệ cho tôi được nói chuyện qua điện thoại trực tiếp với giáo sư Lý Chánh Trung. Tôi nói rõ yêu cầu của Đài và tha thiết xin ông cho gặp. Nhưng từ đầu giây bên kia giáo sư Trung kiên quyết từ chối với lý do ông đang rất bận, phải viết tham luận thay mặt trí thức miền Nam đọc trước quốc hội trong những ngày tới. Tôi vô cùng buồn bã. Khách sạn Thắng Lợi ở bên hồ Tây rộng mênh mông. Buổi tối, khi có ánh đèn, côn trùng từ không gian Hồ Tây bay về nơi có ánh sáng đã trở thành một vấn nạn cho khách sạn lúc đó. Vậy mà muỗi mòng hay rầy (còn gọi là thiêu thân) bay vô mặt tôi mà tôi cũng không buồn muốn đuổi... Về đến nhà, tôi nằm vật ra giường, người như lên cơn sốt. Với một phóng viên mới vào nghề, thử thách này quả là lớn đối với tôi. Nếu không làm được cuộc tọa đàm phỏng vấn này với các đại biểu quốc hội là trí thức miền Nam thì tôi còn “mặt mũi nào” mà vác mặt về Đài. Nhưng trò đời “cùng tắc biến”, tôi đã nghĩ ra một “mẹo” để có thể tiếp cận giáo sư Trung. Tối hôm sau, tôi lại phóng xe lên khách sạn Thắng Lợi. Lần này tôi nói với giáo sư Trung qua điện thoại: tôi bỏ ý định phỏng vấn giáo sư mà chỉ muốn gặp ông để nói những nhận xét, ý kiến độc giả, trí thức miền Bắc về các bài viết của giáo sư đăng trên văn đàn Sài Gòn và đặc biệt là bài viết về Hồ Chí Minh của giáo sư khi Bác Hồ mất trên báo chí Sài Gòn năm 1969.

Quả là tôi đã “thắng lợi”. Có người cầm bút nào lại nỡ từ chối một lời đề nghị như thế của độc giả về những tác phẩm của mình. Nhất là những độc giả ở trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt hai miền như hai nước khác nhau? Giáo sư Trung

đã đồng ý tiếp tôi. Trước khi vào câu chuyện, tôi còn giả bộ xem đồng hồ và nói: để khỏi làm mất thì giờ của giáo sư, tôi chỉ trình bày ý kiến trong 30 phút. Tôi nêu những nhận xét của bạn đọc miền Bắc về những bài giáo sư Trung đã viết ở Sài Gòn. Tôi đi sâu nhận xét về cuối “Những ngày buồn nôn”. Đây là tập hợp những bài giáo sư đã viết trong một năm, mỗi tuần một bài, khi giáo sư ngồi chờ máy bay trong mỗi lần lên giảng bài ở đại học Đà Lạt. giáo sư Trung không ngờ tôi lại đọc kỹ cuốn sách này như thế. Đây là điều rất bất ngờ đối với ông, một giáo sư ở tận Sài Gòn lại có đọc giả như thế ở Hà Nội. Tôi có được những tác phẩm đó nhờ công tác ở Ban miền Nam của Đài Tiếng nói Việt Nam, có đường dây đặc biệt mang sách báo Sài Gòn ra Bắc. Khi chiếm được cảm tình của giáo sư rồi, tôi lại giả bộ xem đồng hồ và nói: đã hết 30 phút, xin phép giáo sư. Nghe vậy, ông ngăn tôi lại và nói: cứ tiếp tục đi, tôi lại nói về bài viết của ông về Hồ Chí Minh năm 1969 khi ông Hồ qua đời. Bài báo đó được đăng và đọc trên đài, báo Sài Gòn sau ngày 3/9/1969. Trong bài đó, giáo sư Trung đã ca ngợi chủ tịch Hồ Chí Minh và cuối cùng ông kết luận: chỉ tiếc là ông Hồ Chí Minh lại là cộng sản mà thôi! Chính cái kết luận này đã gây tranh cãi trong giới làm tuyên giáo, làm tuyên truyền ở Hà Nội. Có người khen, có người chê. Cuối cùng thì ông Trường Chinh kết luận, đại ý nói, người ta phải viết thế thì mới đăng được trên các báo ở Sài Gòn chứ. Đó là nghệ thuật của người ta, mình phải phục chứ!

Tôi kể những chi tiết về “vụ” ấy cho giáo sư Lý Chánh Trung nghe, ông vô cùng thích thú. Cuối cùng tôi chân thành nhờ giáo sư giúp tôi làm một cuộc tọa đàm với anh em trí

thức miền Nam là đại biểu quốc hội. Giáo sư đã vui vẻ đi các phòng gọi các anh: Nguyễn Long, Lê Văn Nuôi, Huỳnh Tấn Mẫm... để cho tôi làm một cuộc tọa đàm thật vui vẻ. Máy ghi âm của tôi chạy ro ro... Tôi vui mừng được thấy những con người rất nổi tiếng như anh Nuôi, anh Mẫm... của phong trào sinh viên đấu tranh chống Mỹ Thiệu ở Sài Gòn trước 1975. Thật bất ngờ đến ngạc nhiên là hôm nay, 36 năm sau, trong cuộc biểu tình chống Trung Quốc xâm lược biển đảo Việt Nam ngày 9/12/2012 tại TP. HCM tôi lại đứng cạnh anh Huỳnh Tấn Mẫm trên thềm nhà hát lớn thành phố, nơi cách đây 40 năm anh đã xuất phát để dẫn đầu đoàn sinh viên năm xưa. Trái đất quả là tròn!

Cuộc tọa đàm này đã cho tôi một kinh nghiệm quý, bổ sung vào bài học “phỏng vấn-tọa đàm” mà các giáo trình báo chí chỉ dạy lý thuyết, chỉ nêu yêu cầu nội dung của một cuộc phỏng vấn hoặc tọa đàm mà không ai dạy, không ai nêu câu hỏi và trả lời cho các sinh viên đại học báo chí rằng: làm thế nào để gặp được người mình muốn phỏng vấn... khi họ đều là VIP, những người nổi tiếng, rất khó gặp. Nếu không tiếp xúc được với họ, nếu họ từ chối, hoặc có gặp được nhưng họ không “mở miệng” thì phỏng vấn cái gì? Chính vì thế mà các trường đại học báo chí trên thế giới họ không mời các giáo sư mà chỉ mời các phóng viên nổi tiếng đến giảng cho các lớp báo chí của họ. Còn ở ta, giảng dạy ở các trường tuyên huấn, báo chí, người dạy nếu không phải là một giáo sư văn học thì lại là một cán bộ chính trị, tuyên huấn chưa từng là ký giả bao giờ(!).

Nghĩ lại cuộc tọa đàm, tôi quá hài lòng nhưng vẫn thấy

tiêng tiếc vì không gặp được một gương mặt cũng rất tiêu biểu nữa là bà Ngô Bá Thành. Trước khi đem băng ghi âm về Đài và viết lời giới thiệu cuộc tọa đàm, tôi quyết định đến Quốc hội, tìm gặp bà. Tôi nói (và cũng để là xin phép) là xin bà cho tôi “ăn gian” ghi tên bà vào lời giới thiệu cuộc tọa đàm “Trí thức Nam Bộ” tại Quốc hội thống nhất, vì bà là một trí thức rất nổi tiếng. Bà Ngô Bá Thành đã cười ngặt nghèo rồi nói: tôi là con mẹ Bắc kỳ, sinh ra ở phố Nhà thương chó Hà Nội chứ Nam Bộ cái nổi gì! Anh muốn giới thiệu tôi vào đâu cũng được. Nghe xong, tôi mừng quá, vậy là cuộc tọa đàm của tôi thật “hoành tráng”. Báo *Hà Nội Mới* ngày ấy đã đăng bài tường thuật của tôi về cuộc tọa đàm này. Cũng xin mở ngoặc nói dông dài một chút. Phố “nhà thương chó” là phố Yersin ở gần vườn hoa Pasteur Hà Nội. Xưa kia thời Pháp là nơi nhốt chó dại để nghiên cứu. Dân mình gọi là “phố nhà thương chó” rồi chết tên luôn. Cũng như phố “Cây đa nhà bò” ở gần ô Đống Mác, như “Ngã Năm Chuồng Chó” ở Gò Vấp TP. HCM, như ngõ “Cô Ba Chia” ở Hải Phòng, hay như phố “Lò Bánh Mì”, phố “Cửa Hàng Thịt” ở Paris mà tôi đã biết. Trên thế gian này, ở đâu cũng có những cái tên “bình dân” như thế bên cạnh tên những anh hùng hào kiệt.

Cũng tại Quốc hội thống nhất, lần đầu tiên tôi được nhìn tận mắt bà Nguyễn Thị Định. Trước đây chỉ thấy bà trên phim, ảnh. Bà Định hôm ấy mặc chiếc áo bà ba màu trắng, cổ quàng chiếc khăn rằn Nam Bộ. Bà đẹp lạ lùng, một vẻ đẹp phúc hậu, nền nếp giản dị mà kiêu sa dũng mãnh. Chỉ có phụ nữ Nam Bộ mới có vẻ đẹp lạ lùng đến thế.

Kết thúc đợt tuyên truyền về Quốc Hội thống nhất, trong

một cuộc giao Ban của Đài, tôi được tuyên dương về cuộc tọa đàm phỏng vấn trí thức Nam Bộ, còn chị Thanh Hương đồng nghiệp của tôi thì bị phê bình vì không hoàn thành nhiệm vụ. Thật oan uổng cho chị Hương. Chị được phân công phỏng vấn một đại biểu Quốc hội là chị công nhân quét rác trong đoàn đại biểu TP. HCM. Ngày ấy, mỗi đại biểu Quốc hội đều được phát một cái phiếu để đi mua hàng cung cấp. Thời bao cấp, “bán như cho, mua như cướp”. Cái phiếu ấy mua được nhiều hàng quý, có cả áo len nữa, Chị công nhân kia tất bật đi mua hàng trong các giờ giải lao, tối về lại đi chơi phố phường Hà Nội nên chị Hương không sao gấp để phỏng vấn được. Còn các vị trí thức thì họ không quan tâm mua bán như chị công nhân và cũng không thiết đi xem “Hàng Đào không lựa.” của Hà Nội vì thế gấp trí thức dễ hơn gấp chị quét rác nhiều! Nhưng có một chuyện không dễ quên đó là, không hiểu vì lý do gì hay sơ xuất mà trong khi mỗi nhân viên phục vụ ở Quốc hội lại được phát một phiếu mua hàng, còn ba nhà báo mới được một phiếu nên phải bốc thăm để loại nhau! Một đồng nghiệp của tôi ở Thông tấn xã Việt Nam mới phán một câu xanh rờn: thì ra ba thằng bồi bút mới bằng một con bồi bàn! Câu nói đó đến tai chủ tịch Quốc hội Trường Chinh. Ông lập tức họp báo vào cuối giờ phiên họp đó để xin lỗi các nhà báo. Ngày ấy văn hóa xin lỗi còn giữ được, chứ như ngày nay thì dễ gì anh hỏi, chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng xin lỗi ai!

Cuối năm 1976, cũng trong không khí hồ hởi thống nhất đất nước, Việt Nam đã tổ chức một hội nghị toán học lớn, có rất nhiều nhà toán học giỏi gốc Việt các nước về dự. Tôi phải

ra tận sân bay để đón các trí thức Việt Kiều về dự hội nghị. Tôi nhớ đã đón tiến sĩ toán học Lê Dũng Tráng, 29 tuổi người Thanh Hóa, giáo sư Federic Phạm, cha là nhà toán học Việt Nam mẹ là người Pháp. Giáo sư Phạm sinh ra ở Pháp nên nói tiếng Việt rất khó khăn, chỉ nói được từng từ một, không thành câu. Đa số các vị là những nhà toán học lý thuyết. Một nữ giáo sư toán học ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội dự hội nghị đó, bà là một người rất nổi tiếng, rất tâm huyết với nền toán học của nước nhà rất được mọi người kính trọng vì tính tình thẳng thắn cương trực. Bà đã nói với tôi: toán lý thuyết rất quan trọng, rất vĩ đại nhưng với nước ta thì chẳng có tác dụng thiết thực là bao, thế cho nên ngày nào tôi cũng phải xếp hàng mua bắp cải để ăn! Rồi bà hỏi tôi: anh có biết trường phái “Toán học kỳ dị” là thế nào không, anh có biết thế nào là “Bài toán bốn màu không”? Rồi bà giải thích “Bài toán bốn màu là, tôi cho anh bốn màu khác nhau anh phải tô được bản đồ thế giới mà các nước ở xung quanh một nước lại không trùng màu nhau. Nhưng trên thực tế, có nước giáp ranh tới 5-6 nước thì làm sao mà tô được bản đồ thế giới, khi trong tay chỉ có bốn màu! Ấy vậy mà trên lý thuyết bài toán đó lại giải được. Thế nên giới toán học lý thuyết gọi bài toán đó là “Bài toán bốn màu”! Toán lý thuyết là thế đấy anh ạ! Nó chỉ làm người nghiên cứu nó vinh thân phì gia, với một nước nghèo và lạc hậu như nước ta thì vô ích.

Được vị giáo sư đáng kính này giảng giải tôi mới vỡ lẽ, tại làm sao trong hội nghị đó, đại tướng Võ Nguyên Giáp, lúc đó là Phó thủ tướng, phụ trách công tác khoa học đã kêu gọi các nhà toán học Việt Nam mà tuyệt đại là toán học lý thuyết

chuyển sang nghiên cứu toán học ứng dụng cho đất nước được nhờ. Nhưng chẳng ai làm theo lời khuyên của tướng Giáp(!). Vì thế sau này, người ta làm rùm beng việc đón giáo sư Ngô Bảo Châu, hòng lừa mị lớp trẻ, xem như cái lý thuyết “Bổ đề” là tất cả, toán lý thuyết là tất cả, họ quên mất rằng ở cái nước Việt Nam nghèo đói này, cơm áo, ruộng đất của nông dân, dân chủ với nhân dân còn cần gấp triệu lần cái “Bổ đề” kia. Vì thế, nhà văn Đào Hiếu mới lên tiếng. Và, tôi đã viết bài trên mạng internet với đầu đề: “Trí thức, trí ngu và trí trá” với cái kết luận: “Toán học rất vĩ đại. Viện nghiên cứu toán học cao cấp mà giáo sư Ngô Bảo Châu đang làm viện trưởng rất sang trọng. Nhưng các bệnh viện nhi đồng ở nước ta các cháu thiếu nhi phải nằm chung 2-3 cháu một giường, các bà mẹ phải nằm dưới đất. Khi một em bé bị đau ruột thừa, mẹ em vừa khóc vừa bế em đến bệnh viện, van lạy các bác sĩ cứu nhân độ thế. Nhưng bệnh viện còn chờ bố em đi bán bò có tiền nộp viện phí thì mới mổ ruột thừa cứu em... thì mọi sự sang trọng phải xem lại, mọi vật trang trí phải xem lại”! Bài viết trên mạng tháng 4/2011 này của tôi đã gây nhiều tranh cãi.

Cuối năm 1976, sau đại hội Đảng lần thứ 4, nhiều nhân vật bị loại dần khỏi chính trường. Giáo sư Tạ Quang Bửu là một điển hình. Ông Bửu là một người có cá tính mạnh và thuộc loại “cứng đầu”. Ông là tác giả của những câu nói nổi tiếng một thời. Ông tuyên bố: tôi là một nhà toán học, tiếp xúc nhiều với khái niệm trừu tượng, nhưng tôi chưa thấy cái gì trừu tượng bằng khái niệm “làm chủ tập thể”! (tác giả của “làm chủ tập thể” là Tổng bí thư Lê Duẩn). Về cá nhân, tôi

có may mắn được gặp giáo sư Bửu trong nhiệm vụ đi làm thu thanh cuộc bảo vệ luận án Ph.D lần đầu tiên trong nước. Trước đó học vị này là đem từ nước ngoài về. Đề tài bảo vệ thuộc chuyên ngành toán nên giáo sư Bửu nằm trong ban giám khảo. Khi ông xuất hiện, cả hội trường đã đứng lên vỗ tay theo kiểu “đại hội”. Có nghĩa là vỗ tay theo kiểu đồng loạt theo nhịp, cách vỗ tay trong chế độ toàn trị chỉ dành riêng cho các vị lãnh tụ tối cao của Đảng và nhà nước. Tiếng vỗ tay kéo dài không dứt đến nỗi giáo sư Bửu phải ra hiệu nhiều lần xin ngừng. Sau khi hội trường im lặng, ông Bửu tiến đến chiếc micro và nói: tôi có gì oan ức mà các anh các chị phải làm như vậy(!). Số là, lúc đó giáo sư Tạ Quang Bửu vừa mất chức Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Mọi người đã vỗ tay như thế để biểu thị thái độ “phản kháng” việc cách chức giáo sư! Một cách thức mà ngày nay người ta gọi là đấu tranh bất bạo động hợp pháp. Đến giờ giải lao, mọi người quây lấy giáo sư Bửu, vòng trong vòng ngoài. Có người hỏi: thưa giáo sư, vì sao giáo sư lại thôi giữ chức Bộ trưởng? Trả lời: vì lý do sức khỏe, nhưng người thay tôi thì đang nằm bệnh viện! Mọi người đã cười ồ! lại có người hỏi: thưa giáo sư, hiện nay giáo sư làm gì? Trả lời: tôi làm chồng bà Bửu! Mọi người lại cười ồ.

Tôi đã tường thuật thu thanh tạo chỗ cuộc bảo vệ luận án Ph.D đầu tiên này và cố tình để rất lâu tiếng “vỗ tay đại hội” khi làm hậu kỳ để phát sóng. Ngày ấy, phát thanh có vai trò chủ lực trong hệ thống thông tin đại chúng khi báo viết còn hạn chế, truyền hình mới ra đời và rất ít người có TV, còn internet thì chưa có. Vì thế, không phải vô tình mà trang bìa

tập 1 cuốn “*Bên thắng cuộc*” của Huy Đức lại in hình cái cột điện có gắn loa phóng thanh. Tôi được thỉnh giả của Đài biết danh nhờ những chương trình phát thanh như các tường thuật thu thanh kể trên, vì trước khi phát bài đều có giới thiệu tên phóng viên thực hiện. Thật trớ trêu, ngay sau đó tôi lại bị phân công đi phỏng vấn vị bộ trưởng mới lên thay giáo sư Bửu là giáo sư phó tiến sĩ vật lý hạt nhân Nguyễn Đình Tứ. Vì ông Tứ mới lên bộ trưởng nên nhà ông còn ở gác 5 của khu tập thể Kim Liên Hà Nội. Tôi leo lên được gác 5 mệt muốn chết! Nhưng tôi hoàn toàn thất bại. Vì tất cả các câu hỏi được soạn sẵn ở nhà đại loại như bộ trưởng có dự định gì để khắc phục những tồn tại của ngành đại học và trung học hiện nay... đều bị tân bộ trưởng từ chối. Hầu như ông không trả lời gì cả (bất cứ một câu hỏi nào) và còn né tránh mọi lý do vì sao không trả lời. Ở một nền báo chí tự do thì nhà Đài có thể công bố tất cả những câu hỏi và công bố sự từ chối của vị tân bộ trưởng đối với những câu được hỏi. Như thế cũng là một chương trình phát thanh hay. Hay theo một nghĩa là nó đa dạng và tôi cũng vẫn được trả nhuận bút về cái chương trình đó. Nếu công bằng mà nói cho dù Đài Tiếng nói Việt Nam tuy không chấp nhận quan điểm báo chí tự do nên không thể phát sóng thì Đài vẫn phải tính công lao động cho tôi, vẫn phải tính buổi làm việc đó vào số lượng tin bài đã được giao khoán cho phóng viên hàng tháng. Đằng này không. Tôi mất trắng chuyến đi phỏng vấn phải leo gác 5 và phải soạn câu hỏi cả buổi. Khi được lãnh đạo Đài hỏi về cuộc phỏng vấn, do bức tức, tôi đã trả lời không chút do dự: tôi vừa đi phỏng vấn một anh học trò giỏi, không phải đi phỏng vấn một ông

bộ trưởng!

Với một phóng viên mới vô nghề được một, hai năm mà dám trả lời cấp trên như thế là chỉ có “tự sát” và khỏi mong tiến thân vào con đường hoạn lộ, hay muốn vô Đảng, muốn được cất nhắc lên phó, trưởng phòng, phó Ban, trưởng Ban biên tập của cái cơ quan đầy quyền lực này. Nhưng tôi tự xét mình không có “khả năng” đi lên bằng con đường làm quan trong nghề báo, tôi chỉ muốn cầm bút suốt đời, làm phóng viên suốt đời nên tôi đã trả lời rất bình thản những câu hỏi của cấp trên theo suy nghĩ của mình, kể cả với những người có thiên ý muốn nâng đỡ, cất nhắc tôi... cho đến ngày về hưu từ cơ quan của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Tôi gọi giáo sư Nguyễn Đình Tứ là anh học trò giỏi vì biết rõ ông từng học thủy lợi ở Trung Quốc, học và làm việc ở Liên Xô. Ông được công nhận đậu Ph.D vật lý hạt nhân cùng một lúc với 7 nhà khoa học người Hungary nhờ cùng với bảy người này chụp được một “bụi phóng xạ lạ” trong một bức ảnh tại cơ quan Viện Dubna Liên Xô. Vậy thôi! Ông chỉ là một nhà khoa học thuần túy, không có tư chất một chính khách, một bộ trưởng như giáo sư Bửu. Dưới chế độ cộng sản, những trí thức như Tạ Quang Bửu chỉ được dùng trong giai đoạn đầu. Khi đã “toàn thắng” rồi thì người ta dùng những trí thức xã hội chủ nghĩa như Nguyễn Đình Tứ, dễ bảo hơn. Cái chết bí ẩn của ông khi ông được bầu vào Bộ Chính trị tại đại hội VIII là một câu chuyện khá... ly kỳ! Tôi sẽ nói ở phần sau tập hồi ký này.

Chương trình phát thanh “Trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa” đã đưa tôi đến nhiều nơi ở phía Bắc vì tuyến 17. Từ

vùng vàng đen Đông Bắc của tổ quốc đến đồng bằng Bắc bộ, miền núi phía Bắc... Tôi nhớ mãi chuyến đi viết phóng sự dài ngày ở Lạng Sơn. Nếu miền Tây Bắc “vời vợi nghìn trùng”, vùng núi Cao bằng hùng vĩ, miền cao nguyên đá Hà Giang cheo leo hiểm trở thì miền núi xứ Lạng là một “bình nguyên” của núi đồi, được hình thành bởi những tầng địa chất của tâm linh, của ca dao và cổ tích:

“Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh

Ai lên xứ Lạng cùng anh

Bồ công bác mẹ sinh thành ra em...”

Quả thật là chúng tôi cũng không bồ công lên xứ Lạng. Tôi viết được những phóng sự thu thanh có tiếng nói của bà con Tày, Nùng rất thiết thực cho đại quốc gia. Bà con dân tộc ở quanh thị xã Lạng Sơn đã trồng được đậu tương với năng suất cao hơn miền xuôi nhiều. Rồi, một hợp tác xã nhỏ trong mấy tháng đã bán cho nhà nước hàng chục tấn thuốc lá Lạng Sơn thái mỏng vàng ươm, thứ nguyên liệu rất cần cho nhà máy thuốc lá Thăng Long ở Hà Nội. Lạng Sơn là tỉnh miền núi có giao lưu với bên ngoài từ lâu đời nên con người ở đây lịch lãm. Tôi và anh bạn đồng nghiệp ngủ trên gác nhà công quán, nguyên là nhà cổ từ thời Pháp mới sang ta đặt nền cai trị. Sàn nhà bằng gỗ, chỉ khi nào khách thức giấc, nện gót giấy lên sàn gỗ cộp cộp... thì cô phục vụ mới mang bình thủy nước nóng lên, đặt trước cửa ra vào gõ nhẹ vào cửa báo cho khách biết. Ở nơi này, từ cô nhân viên phục vụ đến người đứng đầu thị xã đều tỏ ra là những nhà ngoại giao từng trải

mà chân thành. Buổi làm việc với bí thư thị xã cũng đầy ấn tượng, ông đứng hẳn dậy để nói lời “thay mặt nhân dân” cảm ơn hai nhà báo, rồi lại ngồi xuống ghế. Cách tiếp khách của ông thật giản dị và chu đáo, là món quà tinh thần theo mãi chúng tôi về xuôi. Đó là hai gói xôi đậu đen nóng gói trong lá chuối tươi buộc lạt rom cẩn thận. Ông nói: chúng tôi tặng hai nhà báo đi tàu về xuôi ăn đường. Dao ấy tàu Lạng Sơn-Hà Nội chạy mất cả ngày. Đến trưa chúng tôi giờ ra ăn thấy cả gói muối vừng... Sau chuyến đi ấy, ngoài những bài phát trên đài, tôi đã viết cho báo *Nhân Dân* số ra ngày 28/12/1977 ở mục “Hình ảnh nông thôn mới”, bào “Đồng rau Khôn Thác” có ảnh kèm theo.

Chỉ hơn sau hai năm công tác ở Đài Tiếng nói Việt Nam, tôi đã nhận được sự đánh giá tốt của lãnh đạo Đài. Một hôm, trưởng phòng biên tập chương trình “Trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa” bảo tôi: cậu mới về Đài mà đã được Tổng biên tập Trần Lâm khen bài viết trong một cuộc giao ban. Ít khi ông Lâm khen cụ thể một bài viết. Tôi sẽ đề bạt cậu lên phó phòng và chắc chắn lãnh đạo sẽ ủng hộ. Nghe xong ý kiến của ông trưởng phòng tôi đã bỏ đi chơi suốt một tuần. Nghe Đào Cánh đọc thơ, nghe Vân Long tán hươu tán vượn trên đất Cánh! Khi về cơ quan, trưởng phòng tôi là anh VB, người rất hóm hỉnh đã lắc đầu nói: Ông vô kỷ luật quá, không làm lãnh đạo được!

Sở dĩ tôi cố tình bỏ đi chơi một tuần lễ như thế để gián tiếp nói với ông trưởng phòng là tôi không hám gì chức vụ, đừng bao giờ đặt vấn đề đó với tôi - một người chỉ thích cầm bút. Đây cũng chính là vấn đề then chốt của báo chí, của

văn học. Nó chứng tỏ rằng ở Việt Nam và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác, không có báo chí, văn học đích thực. Ở các nước có tự do báo chí, tờ báo, đài phát thanh, truyền hình do tư nhân quản lý. Tổng biên tập, chủ báo cần bán được báo, cần người xem đài, nghe đài để có nhiều quảng cáo... nên người ta cần các ký giả, các cây bút có tiếng tăm, “sản xuất” ra nhiều bài vở hay, chương trình hay cho họ. Các nhà báo nổi tiếng như Burchett hay Jean Lacouture... suốt đời làm phóng viên. Burchett từng có mặt ở Hiroshima khi Mỹ ném bom nguyên tử, từng đến vùng giải phóng ở miền Nam trong chiến tranh chống Mỹ. Jean Lacouture làm phóng viên cho tờ nhật báo “*Combat*” do văn hào từng đoạt giải Nobel Albert Camus làm chủ bút và ông từng làm phóng viên cho tờ báo nổi tiếng “*Le Monde*”. Khi cuộc xung đột ở kênh đào Suez nổ ra, ông làm phóng viên thường trú cho báo “*France Soir*” tại Ai Cập (1953-1956). Về Pháp ông làm bình luận viên, phóng viên cao cấp cho tờ tuần báo “*Le Nouvel Observateur*”... Ông được xem là nhà sử học lớn, chuyên viết tiểu sử các danh nhân (trong đó có cuốn về Hồ Chí Minh, xuất bản 1967). Ông là tác giả của trên 60 đầu sách có danh mục các tác phẩm của mình trên các mạng điện tử.

Cả Burchett và Jean Lacouture chưa bao giờ làm phóng viên hay trưởng phòng biên tập như ở nước ta cả. Ở nước ta báo chí chỉ có một thang bậc giá trị là chức vụ hành chính. Và thực chất, các nhà báo của chúng ta là những ông công chức trong cơ quan nhà nước. Họ chỉ có thể tiến thân bằng con đường quan chức báo chí. Vì thế, có thể nói nước ta chưa có báo chí, chưa có “nhà báo” đúng nghĩa vì chỉ có báo quốc

doanh. Thậm chí, có nơi chẳng “doanh” gì cả. Họ lấy tiền công quỹ ra để in báo rồi biểu không cũng chẳng ai đọc. Một phóng viên dù tài giỏi đến đâu nếu không có một chức sắc gì trong cơ quan, thì cũng chỉ là nhân viên hạng... chót! Tôi còn nhớ, năm 1998 tôi được giải B (không có giải A) của giải báo chí toàn quốc. Tôi được huy chương vàng trong liên hoan phát thanh toàn quốc, được cơ quan thường trú tại TP. HCM cử ra Hà Nội nhận giải. Khi đi, ông cán bộ trưởng phòng cùng đi thì được cơ quan mua vé cho đi máy bay. Còn tôi, nhân vật chính trong đoàn đi nhận giải phải đi xe lửa... vì không có tiêu chuẩn đi công tác bằng máy bay (tôi chỉ là anh phóng viên, không phải cán bộ cấp phòng(!)). Mặc dù sống trong một cơ chế đầy rẫy sự vô lý và bất công, biết vậy nhưng tôi vẫn muốn làm phóng viên suốt đời, vì tôi thích đi và thích viết. Tôi cũng thừa hiểu, là anh cán bộ quen thì “khổ” suốt đời (như phải đi xe lửa suốt đời). Nhưng điều băn khoăn nhất của tôi là báo chí nước ta không thể có những Burchett, những Lacouture được, vì ở cơ quan báo chí của ta, chỉ có một thang bậc giá trị là cấp bậc hành chính, chức vụ. Nói rộng sang lĩnh vực khác như ngành Y chẳng hạn, cũng khốn nạn không kém. Một vị bác sĩ giỏi có khi phải rời phòng mổ, rời phòng khám để... phấn đấu làm chủ nhiệm khoa, làm phó giám đốc, rồi giám đốc bệnh viện thì mới “khá” được! Có một chuyện đáng buồn như thế này, khi chiến sự ở Iraq nổ ra, một tờ báo ở TP. HCM năng nổ cử phóng viên thạo tiếng Anh đi Iraq viết tin, bài... thì lập tức bị cấp trên phê phán là chưa báo cáo xin phép!

Những năm về sau này, mỗi khi diễn ra đại hội nhà báo thì

nhìn vào thành phần tham dự là 100% tổng biên tập các báo, các đài phát thanh và truyền hình trung ương và địa phương, không hề có một phóng viên, một nhà báo có tên tuổi nào, một cây bút được giải báo chí nào được cử đi đại hội. Các vị Tổng biên tập xúng xính complet, cravate đi Hà Nội dự đại hội. Độc giả, thính giả trên cả nước chẳng hề biết họ là ai, chẳng nghe thấy tên tuổi họ trên các bài báo, các chương trình phát thanh truyền hình nào. Đến nỗi, báo Tuổi Trẻ ở TP. HCM có lần phải viết bài chỉ trích là đại hội các tổng biên tập, không phải đại hội nhà báo!

Đầu năm 1978 tôi được điều động sang Đài Truyền hình trung ương (truyền hình Việt Nam sau này) ở Giảng Võ. Truyền hình nước ta được làm thí điểm, phát sóng từ Đài Tiếng nói Việt Nam trước 1975 sau tách thành một đài riêng lấy tên là Đài truyền hình trung ương. Ủy ban phát thanh và truyền hình Việt Nam được thành lập bao gồm hai Đài, phát thanh và truyền hình do ông Trần Lâm làm chủ nhiệm. Đa số cán bộ phóng viên của truyền hình trung ương là của Đài Tiếng nói Việt Nam điều động sang. Tôi và một số đồng nghiệp được đưa sang truyền hình trung ương để “tăng cường” chất lượng cho truyền hình. Thật là khôi hài, không được học hành một ngày nào về nghiệp vụ truyền hình vậy mà lại được đưa sang đó để “tăng cường”. Sau buổi tiếp xúc đầu tiên, phó Tổng biên tập Đài Truyền hình trung ương là Nguyễn Văn Hán, một con người từng trải, nhiều mưu lược được mệnh danh là “Hán Cao Tổ” tuyên bố với chúng tôi: các cậu là những thằng không biết bơi, nhưng tớ cứ đập các cậu xuống sông, bơi kiểu gì cũng được, miễn là sang được bờ bên

kia, thằng nào không bơi được thì... chết đuối!

Chúng tôi, trong đó có nhà báo Trường Phước, một phóng viên truyền hình rất nổi tiếng sau này, đã bước vào lãnh vực truyền hình bằng những lời giáo huấn đầy chất humour (khôì hài) của “Hán Cao Tổ” như thế. Xét cho cùng thì, như nhà báo Phan Quang viết: “... Đến thời đại tin học, thông tin bùng nổ, báo chí ngày càng đa dạng, vậy mà cho đến ngày hôm nay chưa một loại hình truyền thông nào dám tuyệt đối không sử dụng đến ngôn từ”. (*Tầm nhìn*. NXB Lao Động, 2013. Tr. 98). Đó là một nhận xét rất căn cơ. Làm báo viết cũng như làm báo nói phát thanh - cái cốt lõi vẫn là nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Truyền hình là hình ảnh động, nhưng muốn có một tác phẩm truyền hình chất lượng thì phóng viên vẫn phải sử dụng đến ngôn từ trong khi viết kịch bản và vẫn rất cần đến lời (ngôn từ) thuyết minh cho hình ảnh một cách khúc chiết, sáng sủa, đánh thép, sinh động. Đó là gì, nếu không phải là nghệ thuật của ngôn từ. Những phóng viên “cứng tay” trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ phát thanh sẽ mau chóng biết làm truyền hình. Nếu để ý, người ta sẽ thấy hai phóng viên truyền hình nổi tiếng ở miền Bắc là Trường Phước và ở miền Nam là chị Minh Thu Đài Truyền hình TP. HCM đều rất thành công cho các chương trình truyền hình của mình, dù là phim tài liệu hay phóng sự... Khi tôi rời Đài Truyền hình trung ương, vô Nam làm ở Đài phát thanh tỉnh Tiền Giang, rồi lại trở về Đài Tiếng nói Việt Nam ở cơ quan thường trú tại TP. HCM, tôi thường được các phóng viên Đài Truyền hình Việt Nam “thuê” viết lời thuyết minh cho các chương trình truyền hình họ vừa dàn dựng xong phần hình ảnh. Tôi hỏi nữ phóng viên

quay phim gạo cội Bạch Vân của cơ quan thường trú Đài Truyền hình Việt Nam tại TP. HCM: vì sao các vị đi quay về, dàn dựng xong, nắm vấn đề từ khi viết kịch bản, chỉ còn khâu cuối cùng là thuyết minh lại phải kêu tôi làm...? Chị trả lời: viết thuyết minh là khâu chúng tôi ngại nhất! Rõ ràng là động tới ngôn từ. Lời thuyết minh phải ăn nhập với hình ảnh truyền hình, ngắn gọn và dễ hiểu, nâng chất lượng thông tin của hình ảnh lên, làm nổi bật chủ đề của kịch bản. Người Pháp có câu ngạn ngữ: “Không gì khó bằng viết cho dễ hiểu” là vậy. (Rien n’est plus difficile que d’écrire facile).

Khi giảng dạy ở trường trung học phát thanh truyền hình trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam tại TP. HCM tôi đã đưa ra câu hỏi như sau: cho các em xem một bản tin truyền hình, nhưng chỉ được xem hình mà không được nghe phát tiếng hoặc không cho xem hình (che màn hình lại) chỉ cho nghe tiếng... rồi các em phải cho biết nội dung của bản tin truyền hình đó, các em chọn hình thức nào? Tất cả đều chọn không xem hình mà được nghe tiếng. Rõ ràng ngôn từ có một vai trò đặc biệt trong các loại hình thông tin đại chúng, cho dù đó là loại hình lấy hình ảnh làm ngôn ngữ chính như truyền hình.

Các cụ ta xưa kia dạy: “Học thầy không tày học bạn”. Tôi đã chọn cách “học bạn” để làm truyền hình. Tôi đi theo đạo diễn kiêm biên tập viên Trần Cương để học nghề. Trần Cương học hành bài bản về báo chí từ Liên Xô về, anh rất giỏi tiếng Nga. Tôi đi theo Trần Cương từ lúc anh đi thu thập tài liệu để viết kịch bản rồi đọc kịch bản anh viết, rồi theo ê kíp làm phim của anh (thường là ba người: biên tập viên viết kịch bản - biên tập viên, đạo diễn và quay phim) cho đến khi

quay ở hiện trường xong, lại theo anh vào phòng dựng phim để làm hậu kỳ. Khi phim được dựng xong, xem cách các anh lồng nhạc và đọc kỹ lời thuyết minh cho phim do biên tập viên viết. Theo từ đầu đến cuối một chu kỳ làm phim cho đến khi chương trình được duyệt và phát sóng, tôi đã nắm được cách làm phim truyền hình. Có thể tự độc lập làm một chương trình cho mình. Cái khó nhất vẫn là tìm kiếm được đề tài, chủ đề hay “ăn khách” cho một tiết mục truyền hình để thực hiện. Riêng khâu viết kịch bản là cả một vấn đề được trao đổi, tranh cãi. Kịch bản cho một phim truyền hình chỉ là một đề cương hay một phân cảnh cụ thể, chi tiết? Rất nhiều ý kiến khác nhau. Riêng “Hán Cao Tổ” thì lại phán một câu xanh rờn: chúng mày muốn viết cái gì thì viết nhưng đừng gọi nó là “kịch bản” để đưa tao duyệt! Làm riết rồi chúng tôi rút ra một kết luận: phải ăn ý nhau trong một ê kíp làm phim. Ý đồ của biên tập viên phải được cả nhóm (đạo diễn và quay phim) hiểu và thực hiện một cách sáng tạo. Tác phẩm truyền hình bao giờ cũng là một sản phẩm của tập thể, mang tính tập thể. Sau này, có tác giả viết kịch bản rồi tự đạo diễn rồi cầm máy quay luôn. Đó là trường hợp hiếm. Tôi đã xa truyền hình ba chục năm nay, không biết hiện nay các đồng nghiệp của mình tác nghiệp ra sao, nhưng cái thời tôi làm truyền hình thì như thế. Thời đó chưa có camera quay băng nhựa video, chưa có kỹ thuật số, phải quay bằng phim nhựa 16 ly. Có chương trình quay cả tháng trời mới xong, đến khi đem phim nhựa về in tráng thì cả đêm, cả nhóm làm phim không ai ngủ được. Mong đến sáng để đến Đài xem kết quả tráng phim thế nào. Đi quay phim việc đầu tiên trước khi về cơ quan là lo mua

quà cho chị em ở bộ phận tráng phim. Chỉ sợ chị em “mất lòng”, pha thuốc hiện hình không cẩn thận rồi đổ lỗi cho quay phim thiếu sáng thừa sáng là... đi đứt cả tháng trời lao động!

Với cái lý lịch từng là thầy giáo chín năm, khi sang làm việc ở Đài truyền hình tôi được phân công về Ban Khoa giáo, để làm phim về các đề tài giáo dục và khoa học. Tôi chọn một đề tài khá hấp dẫn là làm một phim khoa học có tên là “Con rắn hổ mang”. Do quen biết với Ph.D Trần Kiên, chủ nhiệm khoa Sinh học trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tôi chọn một đề tài làm phim khoa học từ bản báo cáo khoa học của Trần Kiên: “Nghiên cứu sinh học rắn hổ mang để chăn nuôi lấy nọc làm thuốc và xuất khẩu”. Đây là một đề tài khoa học lý thú vì từ xưa đến nay, con người ác cảm với con rắn, đặc biệt là rắn độc. Ca dao ta có câu: “Rắn đến nhà không đánh cũng quái, gái đến nhà không chơi cũng kỳ!” Trần Kiên đã nói với tôi một câu rất hình ảnh và sâu sắc: con người thật sai lầm khi gọi kẻ thù nguy hiểm nhất của mình là rắn độc. Con rắn chỉ độc khi người ta không biết gì về nó, không tranh thủ được gì ở nó mà thôi. Chúng ta phải thay đổi tư duy về loài rắn.

Đọc bản báo cáo khoa học của Trần Kiên tôi mới vỡ lẽ ra rằng, mỗi con rắn độc một khác. Rắn lục độc vào máu. Rắn hổ mang độc vào hệ thần kinh. Khi bị rắn hổ mang cắn, chỉ sau vài phút nạn nhân bị nhiễm độc vào hệ thần kinh đau quần quại và chết. Chỉ cần một gam nọc độc của rắn hổ đủ làm chết 1.000 con thỏ nặng 2.000 kg, một số ngựa nặng 20.000kg, 160 người trung bình mỗi người nặng 60 kg. Vì thế hổ mang được xem là vua của các loài rắn độc. Hai cái túi không khí ở hai bên cổ của nó bành ra làm tăng thêm vẻ

hung tợn khi cần áp đảo đối phương. Người ta thống kê ở Úc từ năm 1910 đến 1926 có 195 người chết vì rắn độc. Ở Ấn Độ con số này còn lớn hơn nhiều.

Ngày nay y học hiện đại đã dựa vào tính độc thần kinh của rắn hổ để chế thuốc giảm đau trong bệnh ung thư, viêm khớp, đau thắt lưng ngực. Gần đây người ta còn tách từ nọc rắn hổ một chất có tác dụng ức chế sự phát triển của tế bào ung thư. Nọc rắn hổ trở thành một dược liệu quý có giá trị xuất khẩu cao. Giá rắn hổ sống trên thị trường quốc tế là 16 Mỹ kim 1kg và 1 gram nọc rắn tương đương 23 gram vàng.

Rắn hổ ở nước ta nhiều hơn ở bất kỳ một nước nào trên thế giới vì thế anh Trần Kiên đã chọn đề tài nghiên cứu để bảo tồn loại sinh vật quý này, cảnh báo xu hướng săn bắt bừa bãi có nguy cơ làm diệt chủng loài hổ mang. Từ khi tốt nghiệp về nước, Trần Kiên đã hơn 20 năm cùng học trò của mình tìm kiếm, đào bới hang ổ, nghiên cứu con rắn từ hình thức nuôi tại nhà đến phẫu thuật trong phòng thí nghiệm để phân tích máu. Bản báo cáo của anh đã chỉ rõ những quy luật sống, tập tính tập quán của loài rắn hổ và đề xuất một phương pháp chăn nuôi con vật hoang dã này. Từ công trình nghiên cứu của Trần Kiên một loạt xí nghiệp dược phẩm ở Hà Sơn Bình, Quảng Nam-Đà Nẵng, ở xã Vĩnh Sơn huyện Vĩnh Lạc tỉnh Vĩnh Phú đã ra đời.

Theo kịch bản của tôi, tốp làm phim của Ban khoa giáo Đài đã theo chân Trần Kiên từ Hà Sơn Bình vào xứ Quảng quay các cảnh đào bới, chăn nuôi, lấy nọc... và cả những điệu múa rắn nghệ thuật của các cô y tá ở trại rắn của xí nghiệp dược Quảng Nam với bảy rắn hổ mang... bành cổ

khieu vũ. Có lần chúng tôi phải nằm chờ cả tuần ở xã Vinh Sơn để quay cảnh con rắn hổ mới nở, chui từ trong trứng ra. Nó chỉ bé bằng que đưa mà đã bạnh cổ phun phì phì! Có cả cảnh quay trong phòng ngủ của Trần Kiên, thúc dẩy việc đầu tiên là anh quờ trong gầm giường để nâng niu con rắn hổ lên. Anh tuyên bố: nó hiền như đất... nếu ta không tấn công nó. Năm 1986, bản luận án về rắn hổ mang ở đồng bằng Bắc Bộ của anh được công nhận loại ưu ở Moscow. Một giáo sư Mỹ trong hội đồng chấm đã cho rằng, nghiên cứu loài bò sát thì nhiều, nhưng riêng con rắn hổ (cobra) hung dữ thì phải cấp thêm một bằng tiến sĩ nữa về lòng dũng cảm cho Trần Kiên.

Sau phim đầu tay “*Con rắn hổ mang*” khá thành công, tôi viết kịch bản phim tài liệu “*Nghề nuôi cá ở nước ta*”. Lúc đó, đang có phong trào “Ao cá Bác Hồ” rất rầm rộ. Nghề nuôi cá phát triển mạnh sau khi những loài cá mới ở miền Nam như cá rô phi được chuyển cá giống ra Bắc, cá bột mè giống được chuyển vô Nam bằng máy bay vận tải DC. Tôi đã được Bộ Thủy sản mời đi những chuyến chuyển cá giống vào Nam ra Bắc bằng những chuyến bay như thế. Máy bay cánh quạt DC bay bốn giờ đồng hồ từ Gia Lâm mới vô đến Tân Sơn Nhất. Rất vất vả vì phải ngồi chung với những bao nylon bơm ôxy chở cá giống, ướt át, tanh tươi. Để thực hiện được phim tài liệu 20 phút này, chúng tôi phải quay được các hình thức nuôi cá. Từ cách nuôi cá hồ chứa ở miền núi phía Bắc, nuôi trong ao hồ ở các hợp tác xã đồng bằng Bắc Bộ và cả hình ảnh nuôi cá bè ở Châu Đốc-An Giang, v.v. Khi phát sóng, lần đầu tiên khán giả miền Bắc được thấy hình ảnh nuôi cá bè ở miền Nam trên sông Hậu rất hấp dẫn. Minh Đại, phóng viên quay

phim của ê kíp chúng tôi đã reo lên khi anh quay cận cảnh hàng trăm con cá nhao lên đón mỗi khi các chủ bè cá cho chúng ăn... Cũng trong chuyến đi này, chúng tôi được sang thăm cù lao Mỹ Hòa Hưng, quê hương Bác Tôn và quay được những thước phim tư liệu giá trị. Khi Bác Tôn qua đời, Đài truyền hình trung ương có ngay được những thước phim về quê hương của ông do chúng tôi cung cấp để phát sóng vào chương trình thời sự ngày đưa tiễn bác.

Khi phát sóng phim “Nghề nuôi cá ở nước ta”, có một chuyện đáng nhớ với một người làm báo như tôi. Và, có lẽ cả cho các đồng nghiệp của tôi nữa. Đó là, trước giờ phát sóng chừng vài tiếng, bỗng Tổng biên tập Đài là anh Lý Văn Sáu kêu tôi lên hỏi: con cá tra viết “ch” hay “tr”? Tôi hoảng quá, vì lúc đi làm phim, lúc viết kịch bản tôi không để ý đến chi tiết “nhỏ” này! Lần đầu tiên đồng bào miền Bắc biết đến con cá tra ở Nam Bộ. Phát âm “cá tra” như thế nào? (ch hay tr không ai biết cả). Kể cả Tổng biên tập Lý Văn Sáu người Nghệ Tĩnh cũng không biết. Anh Sáu là một nhà báo dày dạn kinh nghiệm, từng đi học báo chí bài bản ở Liên Xô. Anh thông thạo nhiều ngoại ngữ, nói được tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha. Nghe nói khi anh là phát ngôn viên cho đoàn Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ở hội nghị Paris, khi họp báo anh nói rất mạch lạc, từ tốn, dễ nghe, dễ hiểu những vấn đề phức tạp nhất nên các nhà báo phương Tây rất thích. Anh bảo tôi: phải xác minh được từ “tra” có uốn lưỡi hay không uốn lưỡi để phát thanh viên phát âm cho chuẩn. Anh còn nhấn mạnh: cậu nhớ Đài ta là Đài Truyền hình trung ương cơ mà. Trung ương phải làm gương cho các Đài địa

phương phát âm cho đúng từ ngữ tiếng Việt. Tôi xin phép anh Sáu một giờ để đi xác minh từ “cá tra”. Anh Sáu lại nói: nếu một giờ cậu không trả lời được, tôi sẽ cho thay chương trình khác. Nghe vậy tôi lo cuống cuống vì đã trót khoe khoang và báo cho nhiều người biết giờ phát sóng chương trình, kể cả báo cho thứ trưởng Bộ Thủy sản Nguyễn Tấn Trịnh biết để xem, vậy mà chương trình bị cắt thì... còn mặt mũi nào! Tôi chạy băng qua ruộng rau muống rất rộng để đi tắt sang Bộ Thủy sản ở ngay khu Giảng Võ, sau lưng Đài Truyền hình. Nếu đi cổng chính thì xa hàng cây số vì “gần nhà xa ngõ”. Nhớ lại, lúc đó tôi quần áo lấm lem đứng bên hàng rào gọi vọng vô tên anh Ánh, vụ trường vụ nuôi cá của Bộ. Phòng anh Ánh ở ngay cạnh hàng rào nên anh ra ngay. Anh mời tôi trèo qua hàng rào vô nhà anh uống trà. Thường ngày thì tôi hưởng ứng ngay nhưng hôm nay tôi không còn bụng dạ nào để trà lá nữa. Tôi chỉ hỏi anh về cách viết từ “cá tra” dùng “ch” hay “tr”. Anh cười và bảo: có thể mà cũng phải hỏi, viết “tr” nhà báo ạ. Nghe xong tôi mừng rơn, không kịp chào anh, cứ thế cắm đầu chạy về Đài (chắc là anh Ánh lúc đó cứ tưởng tôi bị lên cơn thần kinh!) Vẫn quần áo lấm lem vì bùn, tôi lên gặp ông Sáu để báo cáo cách phát âm cho con cá là “tr”. Ông Sáu nhìn tôi cười tươi!

Khỏi phải bình luận nhiều. Người làm báo phải có tinh thần trách nhiệm trước cộng đồng dân tộc trong sự “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”. Đó là câu chuyện của “ngôn từ” như nhà báo Phan Quang đã viết. Các nhà báo thế hệ trước tôi, các anh đã nêu một tấm gương sáng về sự nghiêm túc của nghề cầm bút. Tôi không “thù” gì anh Sáu cả, trái lại

mỗi lần đi qua một hồ nuôi cá tra, được xem là mặt hàng thủy sản xuất khẩu quan trọng sau lúa gạo ở Nam bộ ngày nay, tôi lại bất giác nhớ đến Tổng biên tập Lý Văn Sáu (giờ này ông đang ở đâu?).

Sau phim tài liệu nghề nuôi cá, tôi viết kịch bản “Cây hỏi Lạng Sơn”. Với truyền hình - hình ảnh động - thì làm phim về động vật dễ hơn làm phim về thế giới thực vật (vì khó tạo nên hình ảnh sinh động như con rắn hổ mang múa, con cá quẫy từng đàn). Vì thế, kịch bản phải chuẩn bị kỹ về nội dung khoa học và cảnh quay phải đa dạng phong phú. Chúng tôi phải thuê xe com-măng-ca của Đoàn 12 để đi dài ngày. Để quay được toàn cảnh rừng hỏi Lạng Sơn, trời rét như cắt ruột, chúng tôi phải vác máy leo lên tận đỉnh của những quả núi cao. Khi bắt đầu leo núi thì rét run, nhưng khi leo lên đến đỉnh thì phải cởi bớt quần áo ấm vì mồ hôi vã ra như tắm. Nhưng ngồi đợi suốt cả ngày vẫn không quay được thước phim nào vì trời âm u không đủ sáng. Quay phim nhựa là như thế. Cứ thế, mấy ngày trời leo núi mới quay được một cảnh vài giây. Vì vậy khi đi đường số 4 sang Cao Bằng để phỏng vấn ghi hình lãnh đạo tỉnh Cao lạng về chương trình phát triển rừng hỏi thì đồng chí chủ tịch tỉnh nói ngay: mấy ngày các anh leo lên núi quay phim, bộ đội biên phòng đều theo dõi và báo cáo chúng tôi, biết các anh vất vả lắm!

Xin mở ngoặc nói thêm, khi hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng sát nhập thành tỉnh Cao Lạng theo ý đồ của Tổng bí thư Lê Duẩn thì dân tình khốn khổ vô cùng. Thủ phủ của tỉnh mới Cao Lạng đóng ở Cao Bằng nên người dân muốn xin giấy tờ phải đi đường núi số 4 cheo leo vực sâu, vách đá từ Lạng Sơn

sang Cao Bằng và phải ngủ lại vì không thể về ngay trong ngày. Thằng thực dân Pháp đều cáng là thế, nhưng chúng có khoa học cai trị. Các tỉnh lỵ trên toàn cõi Đông Dương chỉ cách nhau 60 km. Người dân ở nơi giáp ranh có đi xin giấy tờ cũng chỉ phải đi 30 km là cùng và có thể về ngay trong ngày. Cả nước Việt Nam chúng ta, dưới thời thực dân Pháp, chỉ có hai tỉnh lỵ là Mỹ Tho và Bến Tre là cách nhau hơn 10 km vì cách con sông Tiền rộng lớn. Nay có cầu Rạch Miễu rồi thì hai trung tâm Mỹ Tho và Bến Tre chỉ nửa tiếng xe máy là có thể gặp nhau. Về phương diện địa lý, thổ nhưỡng, tập quán canh tác... người Tây khi lập tỉnh họ cũng tính kỹ. Tỉnh Gò Công là vùng nhiễm mặn, tỉnh Mỹ Tho là vùng nước ngọt. Hệ canh tác của hai vùng này khác nhau. Khi vô cớ sáp nhập hai tỉnh này thành tỉnh Tiền Giang thì mỗi lần tỉnh họp để chỉ đạo canh tác, cán bộ Mỹ Tho cũ phải nghe cả phần chỉ đạo về vùng mặn Gò Công. Cuối cùng phải triệu tập hai cuộc họp khác nhau để chỉ đạo hai vùng mặn-ngọt khác nhau...

Có xe hơi mà chúng tôi đi từ Lạng Sơn sang Cao Bằng để gặp lãnh đạo Cao Lạng phải toát mồ hôi hột thì nhân dân, cán bộ trong tỉnh miền núi này đi lại vất vả biết nhường nào. Chỉ sau một giấc ngủ, các nhà lãnh đạo trong thể chế toàn trị độc tài hứng chí lên là có thể sát nhập các tỉnh trong cả nước một cách vô lối và điên rồ như thế. Sau đó thấy tai hại quá lại chia tỉnh về như cũ, như thời Tây đã làm. Tốn kém nhân dân chịu!

Về chuyện đi từ Lạng Sơn sang Cao Bằng, ba anh em trong ê kíp làm phim chúng tôi đã quyết định đi từ sớm, nhưng cậu lái xe của Đoàn 12 mà chúng tôi đã thuê lại bảo để đến tối mới đi. Trời đất thiên địa ơi, đi cả trăm cây số đường

núi vòng vèo cheo leo vách đá vực sâu mà ban ngày ban mặt lại không đi, phải đợi đến tối mới đi thì ra làm sao? Chúng tôi vận hỏi cậu lái xe, cậu ta bảo: các anh là nhà báo thì biết gì, lái xe là việc của em để em lo, khi nào đi thì em sẽ nói. Giục mãi, xế chiều cậu ta mới cho xe lăn bánh. Đi được vài chục cây số thì một chiếc xe tải chở gỗ lao ầm ầm vào chúng tôi khiến xe phải nép sát vào vách đá. Tài xế cho xe đỗ lại và chờ đến tối mịt mới đi. Cậu ta giải thích cho lũ chúng tôi - “các nhà báo thì biết gì” - rằng: ở trên này, các lái xe người dân tộc đi chở gỗ cho lâm trường, uống rượu xong rồi lên ca bin cầm vô lăng chạy như bay. Xe của họ chở gỗ nặng lấn đường của xe con, hất xe bọn chúng em xuống vực là chuyện thường. Tai nạn xảy ra thường xuyên, bị hất xuống vực là chuyện cơm bữa. Người miền xuôi không ai chịu lên lái xe ở đây cả, nên lâm trường vẫn phải mượn người dân tộc lái vì thế cánh lái xe con chúng em phải đợi ban đêm mới dám đi đường này, khi các xe tải lâm trường nghỉ hết đã mới dám đi. Thì ra là vậy.

Xe chúng tôi bật đèn sáng quắc, dò dẫm đi trên con đường quanh co vòng vèo, có chỗ vừa đi qua lại như vòng lại chỗ cũ vì đường phải men theo các triền núi. Từ ánh đèn của xe, trong đêm tối chúng tôi nhìn thấy nhiều biển chỉ dẫn có dấu chấm than(!), cậu tài xế giải thích đó là những chỗ rất nguy hiểm. Đá từ trên núi có thể lăn xuống bất kỳ lúc nào. Khi xe vào một hang đá, cậu lái xe nhá còi thì một tiếng vang như sét đánh ngang tai làm chúng tôi giật bắn. Cậu ta cười rồi nói, đó là tiếng dội lại của vách đá. Có điều lạ là, tiếng vọng ấy vang lên đủ ba lần mới thôi. Cậu lại cho biết, chỉ có núi đá ở đây mới có tiếng vọng ba lần như thế.

Đi suốt đêm, gần sáng chúng tôi mới đến được thị xã Cao Bằng còn đắm đìa trong sương đêm. Chúng tôi phải ngủ gục trên xe chờ đến giờ hành chính mới vào trong Ủy ban nhân dân tỉnh xin làm việc. Chánh văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh tiếp chúng tôi rất niềm nở. Tôi nhìn thấy trên bàn của ông có tờ tạp chí “*Thời mới*” của Liên Xô bằng tiếng Pháp. Tôi cảm lên khen: đồng chí chánh văn phòng đọc được “*Temps Nouveaux*” thì giỏi quá rồi. Ông kể với tôi, xưa kia nhà cũng khá giả nên được gia đình cho về Hà Nội học trường Bưởi cạnh Hồ Tây. Tôi nói: vậy là đồng chí cũng học một trường với bố tôi rồi. Chúng tôi trở nên thân mật và chính ông đã bố trí lịch để chúng tôi được gặp, ghi hình, cảnh (dừng lại) Ban thường vụ tỉnh ủy Cao Lạng họp để bàn về việc duy trì và phát triển rừng hồi ở Lạng Sơn. Cũng chính ông là người đã lục lại văn bản từ thời Pháp về quyết định trồng cây hồi ở Lạng Sơn để chúng tôi ghi hình. Nếu hình ảnh con hổ mang bành cổ múa điệu nghệ thường với cô y tá mặc blouse trắng, đàn cá ba sa hàng trăm con lao lên đớp mồi ở bè cá Châu Đốc... làm nên sự sinh động hấp dẫn cho phim truyền hình thì những văn bản được giới thiệu trên màn ảnh nhỏ về cây hồi Lạng Sơn tăng thêm chất lượng thông tin cho phim tài liệu mà chúng tôi làm.

Trước khi về, tôi thấy cậu lái xe Đoàn 12 vay được 100 lít xăng của văn phòng ủy ban tỉnh Cao Lạng một cách ngon ơ. Tôi hỏi cậu ta: xa xôi thế này biết đến bao giờ Đoàn 12 các cậu trả được xăng cho người ta? Cậu giải thích: cán bộ các tỉnh miền núi về Hà Nội họp phải chờ theo xăng trên xe, có lần do đường xóc, phi xăng đã nổ tung, gây tai nạn chết

người. Vì thế họ đã nghĩ ra cách khi về Hà Nội thì vay xăng của chúng tôi để đi, khi nào chúng tôi chở khách thuê lên làm việc ở trên này thì họ trả lại. Lợi cả đôi đường nên đã thành lệ như thế lâu rồi. Cậu còn phán: “Các anh nhà báo thì biết gì” mà hỏi về chuyện xăng dầu!

Kết thúc công việc, cậu lái xe về Hà Nội bằng đường Thái Nguyên cho gần hơn. Chúng tôi mừng rơn vì không phải quay lại đường 4, phải đi đêm. Nhưng có một sự việc làm chúng tôi nhớ đời: vừa rời thị xã Cao bằng được chục cây số thì thấy một cảnh rợn người. Một chiếc xe tải bị lật xuống ruộng, bốn bánh chống lên trời. Tài xế và lơ xe mặt mày dính đầy dầu mỡ chỉ còn thấy 2 con mắt. Họ ngồi bên chiếc xe bị lật ngược như 2 pho tượng. Chúng tôi xuống xe và hỏi thăm nhưng không ai trả lời, rồi một người chỉ tay ra mé bờ ruộng. Tôi thất kinh thấy bốn cái xác chết xếp liền nhau. Mặt các nạn nhân được úp cái nón lên. Tôi lần lượt nhấc nón lên thì được biết ba người phụ nữ, một đàn ông, Mặt mũi họ đều lạnh lặn không chút xây xức. Cả đoàn quay phim chúng tôi đứng cúi đầu một phút mặc niệm họ, sau đó tôi bảo Minh Đại quay toàn cảnh tai nạn này để làm tư liệu. Người tài xế thấy chúng tôi có thiện ý như vậy nên bây giờ anh mới kể: một chiếc xe tải chở gỗ chạy ngược chiều, lấn đường lao rất nhanh về phía xe chúng tôi. Vì vội tránh dạt sang bên, nên bánh xe lọt khỏi mặt đường, xe lật ngược... Bốn người dân tộc đi nhờ xe họ ngồi trên các bao xi măng chất đầy thùng xe ở phía sau. Khi xe lật, cả bốn người bị xi măng đè lên. Lúc đó, tài xế và lơ xe bị choáng ngất đi ít lâu. Khi tỉnh lại cả hai vác xi măng ra để cứu họ nhưng vì va đập mạnh và ngộp thở lâu nên đã tắt thở

hết. Tôi hỏi: “Cái xe gây tai nạn đâu rồi?” Người tài xế không nhìn rõ mặt chỉ thấy hai con mắt than phiền: tài xế gây tai nạn bỏ chạy rồi! Họ đã nhờ người đi đường chạy xe về phía thị xã Cao Bằng báo công an đến làm biên bản nhưng công an chưa tới(!). Tới lúc này thì chúng tôi tin tưởng tuyệt đối vào vốn sống của cậu lái xe.

Chúng tôi đã chia tay các nạn nhân trong buổi sáng ảm đạm đó. Nhưng điều đau xót nhất với chúng tôi là khi phim tài liệu khoa giáo “Cây hồi Lạng Sơn” được phát sóng thì ngày 17/2 năm 1979 bọn Trung Quốc xâm lược tràn sang đã cướp phá, đã san bằng nhà máy tinh dầu hồi Lạng Sơn của ta nhập toàn bộ thiết bị hiện đại từ Pháp vừa mới được xây dựng xong. Cái nhà máy xinh đẹp mà từ xa chúng tôi đã ngửi thấy hương hoa hồi thơm nức cả núi rừng khi đến ghi hình nó. Cả ngôi trường phổ thông cấp 3 Việt Bắc, ngôi trường trung học lâu đời nhất của chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa vừa mới xây dựng xong, chờ năm học mới cũng bị san phẳng. Tôi đã chụp được hình ngôi trường này và viết một bài đăng trên báo “*Người giáo viên nhân dân*” sẽ ra ngày 15/8/1978. Bài có ảnh minh họa ấy, tôi còn giữ đến hôm nay, vừa tròn 34 năm khi tôi viết những dòng hồi ký này (17/2/2013). Bài viết có tên là: Ngôi trường nhiều tuổi nhất và “mới” nhất.

Ngôi trường như tôi viết trong bài: tên trường do bác Hồ đặt cho trong lễ khai giảng năm học 1946-1947 tại Kéo Kong. Đó là trường cấp 3 đầu tiên của nước Việt Nam mới. Hồi đó trường nhận học sinh của 6 tỉnh chiến khu Cao, Bắc, Lạng, Hà Tuyên, Thái và cả Quảng Ninh, Hải Phòng. Trong kháng chiến chống Mỹ lại dời đi Cao Lộc... Năm 1973 về

lại thị xã lạng Sơn. Yêu mến ngôi trường đầu tiên do Bác Hồ đặt tên, nhân dân thị xã Lạng Sơn đã cử cán bộ đi nhiều nơi để nghiên cứu mẫu trường đẹp. Đoàn đã chọn trường cấp 3 Hồng Quang thị xã Hải Dương. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng đã cử một đoàn cán bộ xây dựng gồm 45 người lên giúp thị xã Lạng Sơn xây trường. Năm học 1978-1979 này, học sinh các dân tộc thị xã Lạng Sơn sẽ chính thức làm lễ khai giảng ngôi trường to và đẹp, vừa được xây dựng xong.

Vậy mà, sau ngày 17/2/1979 ngôi trường vừa xây xong còn thom mùi vôi vừa đã bị quân Tàu san phẳng. Có lẽ đây là bài viết mang kỷ niệm buồn nhất trong đời làm báo của tôi. Ít lâu sau ngày 17/2 quân Trung Quốc thua trận rút khỏi các tỉnh vùng núi phía Bắc của ta, “sếp” Hán đưa tôi một truyện ngắn mang tên *“Người con gái bản Nà Lầu”* của nhà văn Hoàng Quốc Hải đăng trên báo *Văn Nghệ* hội Nhà văn, ông bảo tôi; may chuyển thể cái truyện ngắn này sang kịch truyền hình để dựng. Tôi đọc kỹ và thấy đây là một truyện ngắn hay, mang tính nhân văn sâu sắc. Câu chuyện về bi kịch của một cặp vợ chồng trẻ, vợ người dân tộc, chồng là người gốc Hoa sống ở một làng biên giới hai nước Việt-Trung. Cặp vợ chồng này đã trở thành nạn nhân rất bị thương khi hai nhà nước có chiến tranh với nhau. Đầu năm 1979, Đài truyền hình trung ương nhập thiết bị truyền hình màu đầu tiên và làm thử chương trình màu. Lúc này Ban khoa giáo Đài truyền hình đã được “sếp” Hán tổ chức thành Trung tâm nghe nhìn trực thuộc Đài, chuyên sản xuất các chương trình văn hóa-xã hội-văn nghệ cho Đài. Chính nó là tiền thân của VTV3 sau này. Vợ kịch *“Người con gái bản Nà Lầu”* được trung tâm nghe nhìn sản

xuất. Đây là một trong những chương trình màu đầu tiên của Đài. Khi ghi hình vở kịch này trong trường quay, các chuyên gia kỹ thuật truyền hình màu Cộng hòa Dân chủ Đức - nước giúp ta thiết bị này - cũng có mặt. Vở kịch diễn ra khá sinh động. Đạo diễn Trần Đức, sắm vai tên sĩ quan Trung Quốc xâm lược rút súng bắn đoàn đoàn trên sân khấu... Một vị chuyên gia hỏi “sếp” Hán, ai là tác giả kịch bản này? “Sếp” Hán trở tay vào tôi, gã đàn ông gầy còm ốm yếu chưa đến 40 tuổi đang đứng ở một góc trường quay. Vị chuyên gia lại gần, bắt tay tôi, rồi nói (qua phiên dịch): ở đất nước chúng tôi, viết kịch cho Đài truyền hình quốc gia phải là những nhà văn nổi tiếng và đã lớn tuổi. Tôi giải thích: tôi chỉ là tác giả chuyển thể một truyện ngắn cùng tên của một nhà văn cùng tuổi với tôi. Nghe xong ông tỏ ý rất vui và kéo tôi ra hành lang trường quay chụp hình.

Nói đến cái gọi là trường quay của Đài truyền hình trung ương, tôi không thể không nhắc đến một nhân vật “độc đáo” của truyền hình Việt Nam là đạo diễn Khải Hưng. Số là, Ban khoa giáo của Đài không có riêng một trường quay để thực hiện các chương trình của Ban như: dạy ngoại ngữ trên Đài, tọa đàm, phỏng vấn những nhân vật nổi tiếng, thực hiện các tiết mục văn nghệ, v.v. Mỗi lần ghi hình phải đăng ký trường quay. Đa số các biên tập viên, biên kịch của khoa giáo là những người tốt nghiệp khoa học xã hội, không thạo về kỹ thuật điện đóm, ánh sáng, âm thanh... Vì thế, mỗi lần thu hình đầu bị các kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật ở trường quay làm khó dễ, “bắt nạt”. Sở dĩ tôi thích đi làm phim ngoài trời từ khi sang truyền hình vì không muốn các nhân viên trường

quay, vốn là các “con ông cháu cha” được tuyển vô truyền hình hạnh học mình. Tình trạng hay cãi lộn thường xảy ra ở trường quay và cuối cùng thì các biên tập viên đều thua vì bị “úm ba la” về kỹ thuật. Trong hoàn cảnh đó của Ban khoa giáo, tôi nghĩ đến Khải Hưng. Anh là giáo viên dạy vật lý ở trường cấp 3 Cẩm Giàng tỉnh Hải Hưng cùng với tôi. Khải Hưng đẹp trai, thông minh, dạy giỏi, và đặc biệt là tính tình của anh rất “du côn”, cuồng loạn. Anh được mệnh danh là “Hưng cuồng” thời còn dạy học cùng tôi. Lúc Khải Hưng bỏ biên chế dạy học về Hà Nội, sống lang thang và chưa có việc làm ổn định. Tôi đề xuất “sếp” Hán nhận Khải Hưng về Ban khoa giáo. Với lý lịch giáo viên cấp 3, anh làm khoa giáo là hợp lý. Với trình độ chuyên môn vật lý (điện, ánh sáng, tiếng động...) của anh, thì các biên tập viên không ai còn bị lo “bất nạt” khi Khải Hưng có mặt trong trường quay. Rất may là “sếp” Hán nghe bùi tai nên nhận anh về Ban. Nhưng khi nghe tin Khải Hưng sắp được nhận về truyền hình thì chính người cậu của anh là Ph.D Ngoạn, cục trưởng Cục kỹ thuật của Đài lại nói với ông Hán: thằng Khải Hưng mất dạy lắm, không nhận nó về Đài được. Nghe vậy, “sếp” Hán giận lắm, ông gọi tôi lên phòng và nói lại lời của Ph.D Ngoạn. ông còn đay nghiến: mày giới thiệu cho tao một thằng mất dạy đến nỗi chính cậu nó cũng không muốn nhận. Tôi bình tĩnh nói với thủ trưởng của mình: chúng ta đang rất cần một thằng mất dạy để trị những thằng mất dạy trong trường quay là gì? Tôi đã tìm được đúng người, đúng việc cho Ban ta còn gì nữa. Sau đó “sếp” Hán xuôi tai liền nhận Khải Hưng về Đài.

Y như rằng, từ khi có Khải Hưng, trường quay không còn

cảnh cải lộn. Không ai qua mặt được anh về khâu điện, ánh sáng, âm thanh... mà trước đây các biên tập Ban Khoa giáo bị bịp, bị bắt nạt. Thấy Khải Hưng có khả năng, Đài cho anh đi học một khóa đạo diễn.

Học xong về Đài anh làm được một phim truyện nổi tiếng, đó là phim *“Lời nguyện của dòng sông”*, chuyển thể từ truyện ngắn *“Mùa hoa cải bên sông”*. Công bằng mà nói, công của nghệ sĩ nhân dân Trịnh Thịnh sắm vai ông lão thuyền chài trong phim này rất lớn. Trịnh Thịnh lớn tuổi nên ông hiểu được tâm lý, tác phong của người già nên vào vai diễn rất đạt. Nhờ có diễn viên gạo cội Trịnh Thịnh góp sức mà Khải Hưng làm được phim truyện nổi tiếng này.

Khi đã trở thành một đạo diễn nổi tiếng, Khải Hưng vào Đảng và trở thành giám đốc của Hãng phim truyền hình Việt Nam (thuộc Đài Truyền hình Việt Nam). Anh ta vẫn “cuồng” như xưa. Khi làm phim, Khải Hưng luôn mồm chửi diễn viên: địt mẹ con đi... mày diễn thế à! Có lần gặp một đoàn phóng viên truyền hình Việt Nam tại Cần Thơ, tôi hỏi chị em: thằng Khải Hưng dạo này còn chửi bởi luôn mồm không? Chị em ngạc nhiên quá. Sao ở tận Cần Thơ mà anh rành Khải Hưng thế? Vợ tôi mỗi lần xem truyền hình thấy Khải Hưng phát biểu, lại bảo tôi: chú Hưng lại ba hoa anh ạ! (chả là khi còn dạy chung ở trường cấp 3 cùng tôi, vợ tôi vẫn gọi Hưng là chú vì y ít tuổi hơn tôi nhiều). Anh Ngô Như Hà, giáo viên dạy hóa cùng trường với chúng tôi, vì bị bệnh phổi, không dạy học được nữa nên anh xin nghỉ và về Hà Nội. Để kiếm sống, anh ngồi sửa xe ở trước cửa nhà mình (số 102 đường Minh Khai). Nhà Khải Hưng ở làng Quỳnh Lôi, hàng ngày

anh đi làm phải qua Minh Khai. Có lần tôi từ Sài Gòn ra Hà Nội có đến chơi thăm Hà. Vợ anh bảo: chú Hưng ngày nào cũng đi qua đây, nhưng thấy anh Hà nhà em thì quay mặt đi. Người phụ nữ miền Bắc gọi bạn của chồng mình bằng “chú” là thân tình lắm. Tức là có một thời gian dài họ đến nhà nhau chơi, đến mức vợ có thể xưng hô với bạn của chồng một cách thân mật bằng chú! Báo chí “lề phải” nhất là tạp chí truyền hình VTV, nhiều khi “bốc” Khải Hưng đến mức tôi đọc thấy phát ngượng cho cả người viết và người được viết về mình. Một thiết chế đặc quyền phương tiện thông tin thì “bốc” ai lên mà chả được. Nhân cách cứ thế mà xuống thấp dần, tha hóa dần vì không có thông tin đa chiều.

Nói đến truyền hình Việt Nam mà không nói đến Tổng giám đốc Vũ Văn Hiến thì thật là thiếu sót. Hiến học ở Ba Lan về. Khi tôi về Ban miền Nam của Đài cuối năm 1974 thì Hiến đang là phóng viên của Ban. So với các cây bút như Trung Ngôn, Viễn Kính, Phan Đắc Lập, Trúc Thông, Nguyễn Thị Quý, ... thì Hiến là một phóng viên mờ nhạt. Sau 1975, Ban miền Nam giải tán, Hiến lại về làm việc cùng phòng với tôi ở chương trình phát thanh “Trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa”. Hiến là đề tài cho cả phòng bình luận về sự ngô nghê, ngờ ngẩn của anh. Vợ đẻ con so, anh hỏi tôi: vợ tôi có ăn cà chua được không? Tôi trả lời: có! Vài bữa sau anh lại hỏi tôi, vì biết tôi đã có hai con: vợ tôi có ăn cá mè được không? Tôi giả vờ suy nghĩ ít phút rồi vỗ trán trả lời: được! Phòng tôi được phân phối một cái giấy đi viếng lăng Bác. Trong giấy cho phép đi bốn người. Tôi và anh Hiến cầm giấy phép đi lên lăng Bác. Khi vô cửa, công an gác cửa xem giấy hỏi: sao giấy bốn

người lại đi có hai người. Hiến mau miệng trả lời: một đồng chí vì đi ỉa chảy! Viên công an tròn mắt quát: vô ý thức với Bác! Tôi thấy vậy kéo Hiến lại rồi cả hai ra về. Nhất định tôi lời anh phải đi về. Đi được một đoạn xa tôi mới bảo Hiến: sao mày ngu thế, mình là nhà báo, chỉ cần nói là hai đồng chí đi tháp tùng các vị lãnh đạo có phải êm không. Thằng công an kia, mình vô ý thức với nó đã đủ chết, đảng này nó lại nâng quan điểm lên là “vô ý thức với Bác” thì chỉ có nước đi tù một gông. Tao phải kéo mày về vội là vì thế. Hiến vừa đi vừa lâu bầu: hồi ở Liên Xô chính tôi đã dẫn các ông lãnh đạo Việt Nam đi viếng lăng Lenin. Vậy mà về nước, viếng lăng Bác cũng không được. Ngẫm nghĩ một lát, Hiến than phiền: hể đi viếng lăng là thế nào cũng có giai thoại, rồi Hiến kể cho tôi nghe câu chuyện đi viếng lăng Lenin. Kể: ở Liên Xô hồi đó, thanh niên Nga bắt chước bọn hippy phương Tây để tóc dài, râu dài... lệnh trên xuống là ai tóc dài râu dài không được vô viếng lăng. Thế là một hôm Lenin bật nắp quan tài kính dày, đi ra cửa lăng, tát cho tên thiếu tá chỉ huy canh gác lăng một cái nổ đom đóm mắt. Rồi mắng rằng: từ nay những đứa tóc dài cũng phải cho vào viếng, có phải đứa nào cũng đầu hói như tao đâu(!).

Tôi đem câu chuyện đi viếng lăng Bác với Hiến kể cho anh em trong Đài nghe. Ai cũng ôm bụng cười. Chưa hết, khi đoàn nhà báo ở Đài truyền hình Ba Lan sang ta đi thực tế để quay phim về nhà ổ chuột ở Sài Gòn (để tố cáo xã hội Mỹ ngụy), Hiến được cử đi phiên dịch. Quay phim xong, xe chạy ngày đêm từ Sài Gòn ra đến Hà Nội thì trời đã tối không thuê được khách sạn. Một vị trong đoàn Ba Lan đề nghị: về

nhà thằng Hiến ngủ tạm một đêm. Hiến nghe thấy thế sợ quá, bỏ luôn các bạn đồng nghiệp trên xe... rồi biến mất. Hôm sau anh đến cơ quan kể lại sự việc này với chúng tôi rồi kết luận: nhà tôi trong khu tập thể ở Đại La còn... hơn cái khu ổ chuột ở Sài Gòn(!). Chưa hết, khu tập thể của Đài “còn hơn cái ổ chuột” bị cháy. Hiến lao về... thì thấy bà mẹ anh đã chạy được hộp đựng tem phiếu ra sân và đang ngồi thở. Anh hỏi: cháu đâu (tức thằng con anh). Bà mẹ mới hoảng hồn chỉ vào trong nhà. Hiến lao vào bê thằng con ra khi lửa đã bén vào gần đến chiếc nôi. Kể lại câu chuyện này cho mọi người nghe, tôi vẫn còn nhớ một lời “bình luận” đau đینگ thế này: bà mẹ này thật là thông minh khi cứu hộp tem phiếu trước, vì nếu cháy hết tem phiếu thì sẽ chết cả nhà! Có câu chuyện nào tố cáo thời bao cấp lại hay hơn chuyện này? Xin bạn đọc chép lại cho đời sau để con cháu chúng ta biết về một thời xã hội chủ nghĩa!

Khi tôi rời Đài truyền hình trung ương vô Nam đầu năm 1981 thì Hiến vẫn còn là phóng viên ở Đài Truyền hình Việt Nam. Vậy mà không biết bằng con đường nào mà Vũ Văn Hiến trở thành ủy viên trung ương Đảng, Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam nhanh như thế! Khi là ông ủy viên trung ương rồi, một lần Hiến vô Sài Gòn, Hữu Tính xưa kia là trợ lý của trưởng Ban miền Nam Đài tiếng nói Việt Nam, người đã cùng tôi đi phỏng vấn giáo sư Tôn Thất Tùng như đã kể ở phần trên, bảo với Hiến: anh Thái Bảo thủ trưởng của tớ và cậu ở Ban miền Nam trước kia hiện đang bệnh nặng bây giờ cậu là ủy viên trung ương rồi, tớ biết nhà anh Thái Bảo để tớ đưa cậu đến thăm động viên anh thì tốt biết mấy... nhưng

Hiến lờ đi. Chỉ ít lâu sau, anh Thái Bảo, vị thủ trưởng đáng kính của chúng tôi qua đời. Hôm tiễn đưa anh, Hữu Tinh vẫn nhắc đến chuyện “thằng Hiến nhiều lần tôi đã bảo nó đến thăm anh Thái Bảo mà nó cứ lờ đi!” Hiến nổi tiếng là người hay đi thăm hỏi và quà cáp cho cấp trên từ lâu rồi, nhưng chỉ là người còn chức quyền thôi, không phải là người đã nghỉ hưu như anh Thái Bảo (mà anh em ở Đài tiếng nói Việt Nam rất yêu quý, kính trọng). Anh Thái Bảo còn là thư ký riêng cho tướng Nguyễn Bình và là một cán bộ lãnh đạo mẫu mực.

Trong các phương tiện truyền thông thì truyền hình phải đầu tư cơ sở vật chất tốn kém nhất. Hiến vướng vào những vụ tham nhũng khi xây dựng các công trình ở Đài Truyền hình. Dư luận đã ầm ĩ một thời gian, nhưng giống như hàng ngàn ông quan tham khác, y vẫn hạ cánh an toàn. “Triều đại” của Hiến đã để lại cho Đài truyền hình một lớp cán bộ thật “ấn tượng”. Điển hình là Lại Văn Sâm. Một Việt Kiều ở Pháp vô tình biết tôi từng làm phát thanh và truyền hình đã kể rằng, khi Lại Văn Sâm qua Pháp làm việc, đồng bào yêu quý các nhà báo của quê hương nên đã tổ chức nhau mời Lại Văn Sâm một bữa cơm. Thấy các món ăn sơ sài quá, Lại Văn Sâm đã trùng mắt nói: mời Lại Văn Sâm mà thế này à? Nghe xong tất cả mọi người kinh ngạc về nhân cách văn hóa thấp kém của Sâm. Theo tôi, có lẽ Lại Văn Sâm quen đi các địa phương ở trong nước được các quan chức lấy tiền thuế của dân ra đãi những bữa tiệc vừa ăn vừa đổ đi nên quen thói rồi. Anh chàng MC mồm mép như anh bán thuốc dạo trên tàu điện ở Hà Nội ngày xưa, có hay đâu đồng bào xa xứ của mình phải vất vả mới kiếm được miếng ăn ở xứ người, vì yêu mến quê

hương mà gom tiền lại đãi đảng nhà báo Việt Nam. Đồng bào đã bắt ngờ khi thấy thái độ của Sâm như thế - một nhà báo xã hội chủ nghĩa! Khi tôi viết báo “lẻ trái” trên mạng, đôi lần có nhắc đến “Lại Văn Sâm khua môi múa mép trên truyền hình” thì lập tức có nhiều comment hưởng ứng ngay. Thì ra người xem truyền hình ở Việt Nam rất ghét khi thấy Lại Văn Sâm xuất hiện. Ở các nước văn minh MC truyền hình phải được khán giả ưa thích, không thì phải thay ngay, vì người ta luôn luôn thăm dò ý kiến khán giả qua các hình thức trưng cầu dân ý. Ở ta, cứ Đảng phân công là người ta cứ nhâng nháo vác mặt lên truyền hình quốc gia!

Trong thời gian công tác ở Đài truyền hình trung ương, có một sự cố lớn ảnh hưởng đến tư tưởng và dẫn đến quyết định sự ra đi của tôi khỏi “miền Bắc xã hội chủ nghĩa”, khỏi Hà Nội nơi tôi sinh ra. Đó là vào cuối năm 1978, tại nhà hát lớn Hà Nội diễn ra hội nghị khoa học toàn quốc. Tôi đến dự, nói đúng hơn là đến hành nghề. Trí thức cả hai miền Nam Bắc về dự hội nghị quan trọng này. Khi thủ tướng Phạm Văn Đồng đến, cả đại hội đã vỗ tay kiểu “đại hội” như tôi đã giới thiệu kiểu vỗ tay này ở đầu sách. Người trong ban tổ chức giới thiệu: người anh cả của khoa học đã đến dự với chúng ta. Lại vỗ tay. Tôi nói với vị trí thức ngồi cạnh tôi: giả sử lát nữa có đồng chí Lê Duẩn đến thì không biết người ta sẽ giới thiệu thế nào? Không lẽ phải giới thiệu là “người anh cả đồ đã đến”. Vị đại biểu này không nói gì.

Khi tham luận có một nữ đại biểu ở Tổng cục khai hoang nêu khó khăn không thể khai hoang 50 vạn héc ta trong một thời gian như chính phủ lên kế hoạch. Phạm Văn Đồng rung

chuông đuổi xuống. Chị ta cứ nói: khai hoang 50 vạn héc ta thì xin phép phải được nói dài. Lại rung chuông. Vẫn nói. Lại rung chuông... Khi giải lao, các vị đại biểu vây quanh người phụ nữ rần rỏi này. Có người nói: chị gan quá. Thủ tướng rung chuông nhiều lần mà cứ nói không chịu xuống. Chị trả lời: các anh là đàn ông, nhiều tham vọng. Tôi là phụ nữ, tôi không có tham vọng nên tôi nói thật(!). Ai cũng hiểu chị ta muốn nói đàn ông các anh hèn lắm. Vì tham quyền cao chức trọng, bồng lộc nên ngậm miệng ăn tiền. Viết đến đây tôi nhớ bài thơ mới đọc hôm 18/2/2013 của tướng Phạm Chuyên mang tên “Người hèn”, đăng trên trang mạng Ba Sàm. Vừa mới đọc có đôi lần mà đã thuộc vì nó hay quá:

*“Đất nước ngàn năm / hiếm kẻ bán nước / có nhiều nhận
gì đâu / một Trần Ích Tắc / một Lê Chiêu Thống / một Hoàng
Văn Hoan / đất nước ngàn năm / quá lắm người hèn / hèn
vì quyền cao chức trọng / hèn vì nhà cao cửa rộng / hèn vì
miếng cơm manh áo / hèn vì vợ đại con thơ / hèn vì danh hào
danh hờ / hèn mà còn nhận ra / mình là thằng hèn / là hèn tử
tế / hèn ngậm miệng ăn tiền / hèn như bần / hèn ... / hèn bất
nhân / hèn bán đất bán nước / trời tru đất diệt / hèn ơi! Đất
nước ơi!”*

... Thấy đại biểu túm tụm, Phạm Văn Đồng đến. Ông hỏi một trí thức ở Sài Gòn ra họp: trong ấy tình hình nghiên cứu khoa học thế nào? Vị này thưa: trong phòng thí nghiệm đến H₂O cũng không có! Ông hỏi vị trí thức thứ hai, vị này thưa: chúng tôi phải tẩy xóa bằng cái nút lọ penicillin thay cho cục gôm! Thế là thủ tướng cười: ha ha ha! Cái cười rất Phạm Văn Đồng. Thế là mọi người cười theo. Phóng viên Thông tấn

xã Việt Nam là anh Hà Việt đã nhanh tay bấm máy được cái hình mọi người cười rất tươi, cười hết cỡ. Cuối hội nghị, thủ tướng chỉ đạo. Ông ta nói: chúng ta làm khoa học kỹ thuật theo cách của Việt Nam, như Cù Chính Lan chạy tắt rừng để đón đầu đánh xe tăng. Chúng ta phải đi tắt, đón đầu, đuổi kịp và vượt phương Tây trong vòng mười, mười lăm, hai mươi năm... Lại vỗ tay!

Tôi muốn dừng ít phút ở đây để nói về phương Tây. Tôi vừa đi theo một chuyến máy bay DC chở cá mè bột (cá giống) vào Nam và theo máy bay chở cá giống bố mẹ rô phi ra Bắc cùng mấy anh em cán bộ kỹ thuật của Bộ Thủy Sản và các bác nông dân nuôi cá ở một hợp tác xã của huyện Thanh Trì ngoại thành Hà Nội. Lúc lên máy bay, phi công xem giấy tờ thấy tôi là nhà báo. Anh ta không cho đi. Lý do: máy bay cất cánh những giờ cuối cùng rồi cho vào nghĩa địa vì “hết đất”. Tôi là nhà báo, phải bảo vệ tính mạng cho tôi. Tôi cự lại: Đảng và nhà nước đào tạo một phi công như đồng chí tốn kém gấp 10 lần một anh phóng viên ốm yếu như tôi. Các đồng chí quý giá hơn tôi 10 lần, cả về thể chất con người nữa, mà đi được thì sao tôi không đi được? Anh chàng phi công phát cáu: ông nhà báo lắm lý sự quá. Thôi mời ông lên. Thế là tôi được đi những giờ phút cuối cùng của loại máy bay mang mác DC ở Việt Nam. Lên máy bay rồi, tôi lại còn đòi ngồi ở cabin để còn... quan sát. Cabin máy bay DC chỉ ngồi được ba người. Phi công, thợ máy và dẫn đường. Vì máy bay bay ở độ cao 300 mét nên người dẫn đường cầm một xấp bản đồ, nhìn xuống thấy rõ môn một từng địa phận máy bay bay qua. Máy bay chỉ bay tốc độ 300 km/h nên quan sát rất

dễ. Tôi ngồi bệt xuống chân, giữa hai người thợ máy và dẫn đường. Lúc bay đến Nam Định, anh thợ máy nói: lúc này nói chơi vậy thôi, chứ máy bay có tới 56 cái đồng hồ trực trực cái gì là báo ngay để xử lý. Đi máy bay là an toàn nhất. Tôi nhìn theo ngón tay của người thợ máy và đếm đủ 56 cái đồng hồ trên tableau trước mặt. Cái máy bay như thế mà đã vút vào nghĩa địa vì nó được bay hết giờ quy định của hãng chế tạo ra nó. Phương Tây là như thế. Tôi nghĩ, 100 năm nữa chưa chắc nước ta đã làm nổi một chiếc máy bay từ A tới Z như cái DC tôi vừa đi. Tôi chưa thấy ai bốc phét như ông Phạm Văn Đồng “đuổi kịp và vượt phương Tây trong vòng mười, mười lăm, hai mươi năm nữa!”

Một đất nước được lãnh đạo bởi những con người hoang tưởng và lối bịch như thế thì đất nước sẽ đi về đâu? Nhân dân sẽ sống thế nào? Còn đám trí thức kia thì chỉ ngậm miệng ăn tiền mà thôi. Chỉ có phụ nữ là dám nói sự thật. Ôi, phụ nữ Việt Nam anh hùng quá. Đất nước đáng tự hào về họ quá. Họ chính là con cháu Bà Trưng, Bà Triệu...

Ngày hôm sau của cuộc hội nghị quan trọng đó, cô nhân vật đánh máy của cơ quan tôi cầm tờ báo Tiền Phong có tấm hình phóng viên Hà Việt chụp đến khoe với tôi: anh Phú Khải có cái hình đẹp quá, đứng cạnh thủ tướng và đại tướng. Tôi cầm bức hình mà hôm qua “bị” chụp xem. Rồi nói rõ xuất xứ của những cái cười hết cỡ trong ảnh và kết luận: như thế mà cười được thì là vô liêm sỉ, chỉ có tôi là còn chút liêm sỉ nên không cười(!). Mọi người đứng quanh tôi không ai nói gì cả. Vài ngày sau vợ tướng Qua nhấc vợ tôi lên nhà bà gắp. Bà cho hay những gì tôi nói về bức ảnh chụp Phạm Văn Đồng đã

đăng báo... đã được phản ánh về Bộ Công an. Bà nói: thằng Thanh, chồng con Tuyết nó đến tận nhà báo cáo với chú chi mà nó vừa nói, vừa thở, vừa run... “thằng Thanh” như lời bà thím tôi là Nguyễn Thanh, cục trưởng Cục xử lý tin tức Bộ Công an. Còn “con Tuyết” là con ông chú thứ hai của tôi, cô đang làm phó Ban tài chính và quản trị trung ương.

Nguyễn Thanh phải gọi tướng Qua là bác, (bác vợ). Sự thể là như thế. Bà thím tôi còn nói: mày về bảo chồng mày ăn nói phải giữ mồm giữ miệng không thì mang họa vào thân. Ông Qua ông ấy giận thằng cháu đích tôn lắm. Lúc thằng Thanh báo cáo xong, ông ấy đập tay xuống bàn! Cái hỏi tôi đi làm nhà nước hỏi đó, lý lịch là số 1. Lý lịch phải khai đầy đủ cả họ nội, họ ngoại. Nên việc tôi là cháu ruột của tướng Qua, bên an ninh họ đều biết (nhất là an ninh được “cài” vào một cơ quan như Đài Truyền hình trung ương). Vì thế tướng Qua bực mình là phải. Chủ nhật tuần lễ đó, ông xuống tận nhà tôi ở Hoàng Mai mắng tôi một chập. Tôi cãi “đuổi kịp và vượt phương Tây trong vòng 20 năm thì rõ là hoang đường rồi còn gì?” Nghe xong ông nói: “Đúng thế, nhưng người phát ngôn không phải là cháu!”

Trời đất thiên địa ơi! Chân lý thì ai nói ra mà chẳng được. Từ trước công nguyên Aristote đã từng nói “Platon là thầy tôi, nhưng chân lý còn quý hơn thầy!” Phương Tây là như vậy nên họ mới có máy bay DC. Còn phương Đông thì chỉ thầy mới đúng, còn trò thì không bao giờ được cãi thầy... Thì ra ông chú yêu quý của tôi cũng có một ông Khổng Tử ở trong đầu. Các cụ ta bảo, học nói chỉ mất ba năm, nhưng học im lặng phải mất 60 năm. Nếu phải như bây giờ thì tôi không cãi,

tôi im lặng nhận lỗi thì chú Qua tôi vui lòng ngay. Nhưng tuổi trẻ là thế, tôi cãi. Tướng Qua giận lắm. Sau đó ông còn đến cả Đài Truyền hình gặp lãnh đạo Đài. Khi ông đeo lon tướng vỗ cửa, đồng chí công an gác đài đã đứng nghiêm chào, không dám hỏi giấy tờ. Sau buổi ông đến Đài, “sếp” Hán vỗ vai tôi cười nói: ông chú mày dọa “bắt” mày đó!... vậy thôi... không nói gì nữa... đúng là “Hán Cao Tổ”!

Đúng 18 năm sau, năm 1996, tôi gặp ông Phạm Văn Đồng ở tỉnh ủy Cần Thơ, ông đang ngồi nói chuyện với ông Sáu Phan (Nguyễn Hà Phan). Ông đeo một cái kính râm rất to. Lúc đó cả nước đã bước vào thời kỳ đổi mới sau đại hội VI. Các sách vở “lề phải” đều nói đến vấn đề Việt Nam có thể bị tụt hậu so với các nước trong khu vực(!). Vậy là đã gần hết hạn 20 năm để đuổi kịp và vượt phương tây như chỉ đạo của thủ tướng. Vậy tôi có nên vào báo cáo với thủ tướng là ta có khả năng tụt hậu so với các nước láng giềng hơn là “đuổi kịp và vượt phương Tây” như thủ tướng chỉ đạo cách đây vừa đúng 20 năm! Tôi sức nhớ đến đạo ở Hà Nội, mỗi lần thủ tướng đến thăm nơi nào người thư ký đều đến trước dặn mọi người không nên nói điều gì... làm ảnh hưởng đến sức khỏe của ông, nên tôi thôi. Ông Đồng mất vào năm 2000. Tướng Qua, người sĩ quan cận vệ của ông ở hội nghị Genève năm xưa mất vào năm 2001. Tất cả đã đi vào quá khứ, và kể đang viết những dòng này cũng đang trên đường đến... nghĩa trang. Nhưng sự thật lịch sử thì phải rõ ràng công bằng. Chân lý phải quý hơn thầy. Vậy thôi.

Lại kể tiếp về những năm tháng cuối cùng của tôi ở Đài Truyền hình. Tôi tiếp tục làm những phim ở ngoài trời để

tránh phải vào đấu đá ở trường quay. Nhưng với chính sách hoang tưởng của những người kiêu căng sau chiến thắng 1975 như cải tạo tư sản Sài Gòn, tiến nhanh tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội, sát nhập tỉnh, xây dựng các huyện trong cả nước thành 500 pháo đài xã hội chủ nghĩa, kể cả tham vọng làm bom nguyên tử, đòi thủ đô lên Tây Nguyên làm bá chủ vùng Đông Nam Á của Tổng bí thư Lê Duẩn, v.v. đất nước đã đi vào ngõ cụt. Chưa bao giờ cán bộ và nhân dân Hà Nội khốn khổ như thế. Và tất nhiên là các địa phương còn khốn khổ hơn. Viết cuốn sách 1.000 trang cũng không thể nói hết về sự đói khát của nhân dân thời đó, tức từ năm 1975 đến cuối năm 1980, đến 1981 khi tôi rời Hà Nội vô Nam. Nghe nói sau đó còn tệ hơn.

Một buổi sáng, tôi đeo cái can nhựa sau xe máy đi mua dầu hỏa theo tem phiếu để nấu ăn bằng bếp dầu (thứ bếp thịnh hành thời đó). Khi tôi dừng xe ở chợ Mơ để mua gói thuốc lá chợ đen giá cao, tôi thấy một chị công nhân nhà máy dệt 8/3 mặt xanh xao, người gầy ốm đang ngồi sụt sịt khóc. Lúc đó chị đi làm ca đêm về, tôi hỏi: “Sao chị không về nhà đi?” Chị không trả lời ngay mà vẫn khóc, gặng hỏi mãi chị mới kể cho biết người chồng đã ốm suốt cả tuần nay, anh chỉ thèm có một bát cháo thịt. Cho thuốc gì anh cũng không uống, chỉ nói: cho bát cháo thịt là khỏi ngay! Chị không đủ tiền mua 1kg thịt của “con phe” (thời đó những người bán thịt rong bị gọi là con phe). Chị năn nỉ một “con phe” bán cho 100 gram vì không đủ tiền mua cả 1 kg, và chị sẽ trả cao hơn giá bán (chẳng hạn 10 đồng/kg, chị trả 11 đồng). Nhưng con phe đã không bán mà còn chửi té tát vào mặt chị: không

có tiền thì ăn máu L... đừng hỏi mua thịt! Chị tủi thân quá, thương chồng nên khóc...

Thời đó những công nhân đi làm ca đêm và những người không có thời gian đi xếp hàng phải bán tem phiếu cho “con phe”. Con phe móc ngoặc với mậu dịch viên để mua được thịt ngon bằng tem phiếu, sau ra ngoài bán lại cho người dân giá cao kiếm chênh lệch. Và đó là nguồn sống của chính họ. Nghe chuyện chị kể, tôi an ủi chị đừng khóc nữa và cứ ngồi yên đó, tôi sẽ đem về cho 100 gram thịt. Nói xong tôi phóng xe lên cửa hàng thực phẩm tận chợ Cửa Nam, nơi bà chị gái thứ hai làm cán bộ mậu dịch ở đó để có được 100 gram thịt nạc. Tôi vẫn còn nhớ rõ sự sung sướng của chị ngày ấy và đó là việc có ích nhất là tôi làm được trong cả đời cầm bút của mình. Có phải thế không, hỡi bạn đọc vĩ đại của tôi!

Tình hình kinh tế đất nước ngày một bi đát vào những năm 1978-1979-1980... trong khi đó hai đứa con trai của tôi đang độ tuổi lớn. Một đứa 7 tuổi, một đứa 9 tuổi. Vợ tôi lương giáo viên cấp 2 ít ỏi. Tôi lương phóng viên bậc thấp, không chức không quyền chẳng có bổng lộc gì nên gia đình càng ngày càng túng thiếu. Vợ tôi ngày nghỉ phải nhảy tàu về Cẩm Giàng, nơi cô ta dạy học trước đây để đem mì sợi, thứ bột mì được kéo thành sợi bán vào tiêu chuẩn lương thực hàng tháng của cán bộ công nhân viên nhà nước để đổi lấy gạo ở các chợ quê. Đổi như thế lợi hơn nhiều, vì ở nhà quê bà con mò được con cua con ốc, nấu thành canh ăn với mì sợi thay bún rất lạ miệng, rất ngon. Hàng ngày vợ tôi ngoài công việc ở cơ quan là cầm đầu vào đàn len thuê để kiếm thêm chút tiền mua gạo cho hai thằng con đang tuổi ăn, tuổi lớn. Tương Qua từ ngày

được đeo lon tướng, tuy chức vụ vẫn là cục trưởng nhưng hàm thì ngang thứ trưởng nên có xe riêng, được lãnh sổ mua hàng ở cửa hàng cao cấp Tôn Đản. Bà thím tôi vì thương vợ chồng tôi lương ít nên mỗi lần đi mua sắm ở Tôn Đản đều hện vợ tôi lên nhà và cho đi theo. Cái gì bà mua thì mua, còn lại cho vợ tôi mua. Vợ tôi mua những thứ linh tinh ở cái “chợ của vua quan” đó, đem ra “chợ của nhân dân anh hùng” là via hè bán kiếm chút chênh lệch, thêm thắt vào cuộc sống khó khăn của gia đình. Nhìn vợ tôi ngồi ở via hè, bán những thứ mà “bọn tư bản giãy chết” vứt đi không hết ấy mà phải “ăn huệ” lắm mới được bước chân vào “chợ vua quan” Tôn Đản mua ra... tôi ngán đến tận cổ cái chủ nghĩa xã hội ưu việt mà tôi đang phải sống. Tôi bắt đầu nảy sinh ra tư tưởng rời bỏ Hà Nội, nơi tôi sinh ra và lớn lên để vào Nam. Cụ thể hơn là vào Đồng bằng sông Cửu Long mà những lần tôi đi công tác đã được thấy tận mắt cảnh trên bến dưới thuyền, “gạo trắng nước trong” và tính tình cởi mở, vô tư của đồng bào Nam Bộ. Một lần, đi máy bay từ Sài Gòn ra Hà Nội, tôi phải dành suất ăn nhẹ được phát trên máy bay (có một khúc bánh mì kẹp thịt, một cái bánh ngọt, một gói đường nhỏ để uống trà...) mang về làm quà của bố sau một chuyến đi công tác dài ngày cho hai thằng con trai đang đói khát ở nhà. Nhìn hai thằng chia nhau mẩu bánh mì và cái bánh ngọt, còn gói đường nhỏ cũng chia nhau... tôi không còn do dự gì nữa cho sự ra đi của mình.

Hồi đó, Hà Nội cũng nổi rộ chuyện tiểu lâm. Ở các quán nước, được gọi là quán “trà xup” ở via hè, đâu đâu cũng được nghe tiểu lâm. Chuyện tiểu lâm chủ yếu mang chủ đề chính

trị-xã hội. Những chuyện thời đó mà ai cũng biết như: nhà năm tầng không hố xí, bạn học của anh Ba (Lê Duẩn)... Có điều đáng chú ý là chuyện về Tổng bí thư Lê Duẩn chiếm vị trí số 1. Có lẽ vì dân Hà Nội quá đói khổ lúc đó, lại luôn phải nghe những lý thuyết hoang đường như “làm chủ tập thể” và những lời hứa hão huyền “mỗi nhà đều có TV, tủ lạnh” của TBT từ sau cơn bốc đồng chiến thắng 30/4/1975 nên các “sĩ phu Bắc Hà” tập trung sáng tác giai thoại về ông ta. Tạm kể mấy giai thoại “ai cũng biết” thời đó, để đời sau... biết những câu chuyện không “chính sử” này.

Chuyện kể rằng: có một ngôi nhà tập thể ở Hà Nội được xây tới năm tầng lầu. Khi xây xong công ty xây dựng mời khách đến khánh thành và tham quan. Quan khách thắc mắc: vì sao tầng 1 lại không có hố xí? Giải thích: vì tầng 1 bố trí làm nhà trẻ cho các cháu mẫu giáo, các cháu ỉa bỏ không cần hố xí. Đến tầng 2 khách lại thắc mắc vì sao không có hố xí? Giải thích: tầng 2 giành cho sinh viên ở, sinh viên nó ăn gì mà ỉa! Tầng 3 được giải thích là để bố trí cho các nhà văn, nhà báo ở. Họ quen ỉa vào mồm nhau rồi nên không cần hố xí. Tầng 4 được giải thích là bố trí cho các hộ độc thân, và họ ỉa ở cơ quan rồi. Tầng 5 là để bố trí cho các vị lãnh đạo Đảng và nhà nước ở, họ quen ỉa lên đầu nhân dân rồi nên cũng không cần đến hố xí.

Chuyện thứ hai: có một hôm, một anh chàng đến số 6 phố Hoàng Diệu (nhà riêng Lê Duẩn), xin gặp đồng chí Tổng bí thư. Bảo vệ hỏi: anh quan hệ với Tổng bí thư như thế nào? Anh chàng kia trả lời: Bạn học cũ! Anh ta liền bị còng tay ngay vì đồng chí Lê Duẩn có đi học bao giờ đâu mà có bạn học!

Chuyện thứ ba: có một nhóm phản động, hàng đêm đem cả

bị vút vào số 6 Hoàng Diệu. Công an mang về điều tra thì thấy toàn là sâm nhung quế phụ. Dem xét nghiệm thì thấy đây là thuốc bổ thứ thiệt không phải hàng giả. Công an bố trí bắt được nhóm người vút đồ vào nhà Tổng bí thư, tra hỏi mãi chúng mới nói thật là, tổ chức phản động nước ngoài cốt làm thế để Tổng bí thư Lê Duẩn sống mãi, để phá hoại đất nước Việt Nam!

Tôi từng đọc sách Marx thấy ông ta nói: giai đoạn cuối cùng của mỗi một hình thái xã hội bao giờ cũng là những tấn hài kịch của nó. Người ta cười để vui về già từ quá khứ. Tôi càng nghe nhiều giai thoại ở Hà Nội lúc đó, ý chí đi Nam của tôi càng tăng. Cảnh túng bấn đói khổ của thời bao cấp lúc đó không riêng gì của gia đình tôi. Nhưng với tôi còn cộng thêm những mâu thuẫn về cách sống, lối sống của tôi với ông bố tôi. Những phát biểu về các vấn đề chính trị của tôi khác với quan điểm của nhiều người trong gia tộc nên tôi thấy quyết định ra đi là đúng nhất. Thấy tôi làm đơn đi khỏi Đài truyền hình trung ương, lại đi về một nơi là Đài phát thanh tỉnh Tiền Giang mà không phải là TP. HCM, các bạn bè và đồng nghiệp ở Hà Nội đều rất ngạc nhiên. Vì lúc đó Đài truyền hình trung ương là một cơ quan sáng giá vào loại bậc nhất ở Hà Nội. Truyền hình là phương tiện truyền thông hấp dẫn và thời thượng lúc đó. Các bà vợ, cô chiêu cậu ấm, các ông lớn ở Hà Nội lúc đó đều mê truyền hình. Ông Trần Lâm, chủ nhiệm Ủy ban phát thanh và Truyền hình Việt Nam luôn nhận được điện thoại từ các vị Bộ chính trị, Ban bí thư... là truyền hình ở nhà họ bị trục trặc, cần phải sửa chữa ngay. Chả thế mà Đài Truyền hình có cả một đội ngũ kỹ sư giỏi, đứng đầu là ông Trịnh Lý Thản luôn tất bật đi xử lý các sự cố kỹ thuật

ở các nhà quan lớn. Phóng viên, biên tập viên của Đài Truyền hình trung ương lúc đó có giá lắm. Hội nghị nào mà truyền hình chưa đến thì dù báo chí đã đến đủ nhưng vẫn chưa khai mạc được. Ai cũng muốn lên truyền hình. Vấn nạn xin xỏ, mè nheo, làm tiền của các nhà báo truyền hình đã nảy nở từ những ngày đó, mở đầu cho sự tha hóa của báo chí quốc doanh cho đến bây giờ. Đang làm việc ở cơ quan sáng giá như thế giữa thủ đô mà tôi lại xin về một tỉnh lẻ thì bạn bè thắc mắc là phải. Có người bạn thân hỏi tôi đã nghĩ kỹ chưa? Tôi đã trả lời anh bạn tôi là đã nghĩ kỹ lắm rồi. Tôi đã thấy có bệnh viện ở Hà Nội còn đem cả xe cứu thương gắn chữ thập đỏ chạy vào Nam mua gạo... thì còn gì để nói! Thấy ông viện trưởng Viện Bảo vệ thực vật Đường Hồng Dật phải nuôi lợn trên căn nhà tận gác tư chật hẹp của gia đình ông thì có gì để mà nói nữa! Cái thìa trong cửa hàng café mậu dịch phải đục thủng lỗ để khách hàng khỏi lấy cắp thì có gì mà luyến tiếc nữa! Chỉ có một người ủng hộ việc ra đi của tôi là nhà báo Trần Minh Tân. Anh nói: cậu vô Đồng bằng sông Cửu Long là đúng lắm. Đó là vùng trọng điểm nông nghiệp của cả nước. Nước này muốn sống được phải dựa vào đồng bằng Nam Bộ. Đó là vùng đất mới, còn nhiều vấn đề phải viết, có rất nhiều đề tài để viết. Chúng ta là người cầm bút thì nơi nào có đề tài, nơi đó là nơi phải đến. Anh còn gợi ý tôi cụ thể: người ta có bài hát “Dáng đứng Bến Tre” nổi tiếng. Vậy thì bây giờ “Dáng đi Bến Tre” là gì? Phải trả lời câu hỏi đó. Phải viết một bài với cái “tít” như thế. Anh Tân quả là một nhà báo bậc thầy. Sau này, nhân kỷ niệm 10 năm đất nước thống nhất 1985, tôi đã viết bài báo nhan đề như thế, đăng trang nhất báo

Đại Đoàn Kết, được đồng chí bí thư tỉnh ủy Hai Trung đem bài đó ra đọc trong một phiên họp toàn thể của Đảng bộ Bến Tre. Lúc đó, đồng chí Hai Trung chưa biết tác giả là ai.

Lúc tôi lên đường anh Minh Tân lại vỗ vai tôi dặn: ở nước ta ở nơi đâu cũng có nạn cục bộ địa phương, điển hình là tỉnh Hải Hưng của tôi. Hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên khi sát nhập lại đánh nhau quanh năm. Vì thế mà bây giờ mới có tên là tỉnh “Hải Hưng”! Cậu vô trong đó, chỉ làm khách, không làm chủ, tập trung viết (ý anh nói không nên tham gia tranh chấp gì). Tôi đã làm theo đúng lời căn dặn của người bạn vong niên Trần Minh Tân suốt hơn 30 năm sống ở đất Nam Bộ.

Tuy nhiên cuộc ra đi của gia đình tôi vẫn gây bất ngờ, gây một cú sốc cho cả dòng họ, vì tôi là “đích tôn”. Bà thím thứ ba của tôi (bà Ba) người mà tôi rất kính trọng về tư duy chính trị (mà lại không phải là nhà chính trị), lúc chia tay đã nắm lấy tay vợ tôi căn dặn rất thiết tha: chị nhớ chị là dâu trưởng, lại có hai đứa con trai, đi đâu thì đi nhưng phải nhớ dắt con về! Thì ra bà đã nhìn thấy trước sự phá sản của chủ nghĩa xã hội, sự phá sản của cái gọi là “*ngày mai đây tất cả sẽ chung, tất cả sẽ là vui và ánh sáng*” (Tố Hữu). Bà đã nhìn thấy trước sự tranh chấp gia sản ở chính gia đình tôi và dòng họ của tôi về cái gia tài gần 2.000 mét vuông đất và ngôi nhà ngói vào loại to nhất làng Hoàng Mai, nay là quận Hoàng Mai, nội thành Hà Nội!

Khi tiễn gia đình tôi lên tàu ở ga Hàng Cỏ để vô nam, cả tướng Qua và nhiều người đã có mặt. Đó là một buổi sáng u ám trong cuộc đời tôi.

Ba năm ở Đài Phát thanh Tiền Giang

Khi vô tới TP. HCM, tôi vào cơ quan thường trú của Đài Truyền hình Việt Nam, giám đốc Nguyễn Thành, nguyên là giám đốc của Đài Giải Phóng trước 1975, phó chủ nhiệm Ủy ban Phát thanh và Truyền hình Việt Nam xem quyết định về Đài phát thanh Tiền Giang của tôi rồi nói: Vũng Tàu mới thành lập Đài phát thanh, rất cần cán bộ, họ vừa có công văn xin Đài Truyền hình Việt Nam một phó giám đốc phụ trách nội dung, nếu cậu đồng ý, tôi sẽ hủy quyết định về Tiền Giang của cậu và viết quyết định cho cậu ra làm phó Đài Vũng Tàu. Tôi cảm ơn sự tín nhiệm của ông Thành rồi nói mục đích của tôi là vào Đồng bằng sông Cửu Long để viết, tôi không thể về Vũng Tàu được. Giám đốc Thành lại nói: Vũng Tàu là địa bàn quan trọng, ở đó đang khai thác dầu khí, đây là nhiệm vụ, tôi viết quyết định cậu phải đi. Giám đốc Thành là một người quyết đoán và trên cương vị là phó chủ nhiệm Ủy ban Phát thanh và Truyền hình Việt Nam, ông có toàn quyền để làm việc đó. Nhưng tôi có một “bảo bối” để chống lại mọi quyết định của lãnh đạo trong một thể chế Đảng trị. Tôi ý thức rất rõ điều này. Nhưng dù sao tôi cũng phải cảm ơn thâm trong bụng vì sự tín nhiệm của ông Thành với tôi. Cuối cùng thì tôi vô đầu vô tai, nói ra về muốn đi lắm mà không thể được! Tôi còn đề phòng, nếu giám đốc Thành nói “tôi sẽ kết nạp cậu vào Đảng” như đã có lần mà Đài Truyền hình trung ương giao nhiệm vụ mà tôi không nhận với lý do “không phải Đảng viên”, người ta đã nói với tôi như thế. Nhưng giám đốc Thành là một người nguyên tắc cao, nghe thấy tôi nói như thế ông không nói gì nữa. Nhưng cũng chính giám đốc Thành,

đúng ba năm sau, ông đã xin chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cho tôi về lại Đài Tiếng nói Việt Nam, biên chế tại cơ quan thường trú của Đài tại TP. HCM, dưới quyền của ông. Nhưng ông đặt tôi thường trú tại Đồng bằng sông Cửu Long, ở tại Tiền Giang. Đây là lần đầu tiên một cơ quan báo chí của trung ương có đặt phóng viên thường trú ở Đồng bằng sông Cửu Long. Sau này, báo *Nhân Dân* có đặt phóng viên thường trú ở một số tỉnh như Minh Hải, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cần Thơ... Nhưng các vị thường trú này, có người làm việc hiệu quả, được địa phương quý mến như nhà báo Kiến Phước thường trú ở Cần Thơ; Cũng có người nổi tiếng mượn danh báo *Nhân Dân* để đi tổng tiền, đi vơ vét khắp nơi như ông Phan Huy (người thay ông Kiến Phước ở Cần Thơ). Ông Phan Huy được mệnh danh là “Huy cá vồ” vì ông ăn tạp và ăn bẩn. Chuyện về ông đi ăn xin như thế nào, ăn xin kiểu nhà báo dưới chế độ độc Đảng, lại là đại diện cho tờ báo của trung ương Đảng tại địa phương nên nó ly kỳ lắm. Tôi có thể viết thành một cuốn sách dày, xin để phần tiếp sau sẽ nói.

Đang là phóng viên của Đài phát thanh quốc gia, rồi Đài truyền hình trung ương, địa bàn hoạt động cả nước, công việc khá phức tạp, tôi về làm phóng viên của một đài phát thanh tỉnh lẻ vừa mới thành lập, một ngày chỉ phát sóng vài tiếng kể cả tiếp âm đài trung ương rồi ca nhạc, cải lương là chính... nên rất nhàn nhã. Việc đầu tiên là tôi đi sưu tầm sách vở, tài liệu về Đồng bằng sông Cửu Long để đọc. Người ta giới thiệu với tôi một người có nhiều sách nhất là thầy giáo Nguyễn Văn Quý, vốn là giáo viên dạy Pháp văn trước 30/4/1975. Tôi tìm đến nhà thầy Quý ở một con hẻm nhỏ đường Trần

Hưng Đạo TP. Mỹ Tho. Quả thật nhà thầy Quý là một cái thư viện nhỏ. Nhưng thầy giáo Quý không chỉ là một người đọc sách, sưu tầm sách mà thầy còn là một người chơi sách - theo đúng nghĩa của chữ “chơi”. Thầy có thể đem cho khách ở xa tới xem một lúc sáu cuốn *“Vàng bóng một thời”* của Nguyễn Tuân qua bảy lần tái bản từ khi tác phẩm này ra đời trước năm 1945! Thầy còn “dọa” nếu mai mốt tái bản *“Vàng bóng một thời”* thì còn mua nữa. Thầy giải thích, vì mỗi lần tái bản, cuốn sách lại được viết lời tựa, thay co chữ, trình bày bìa... và cả chất liệu giấy cũng khác nhau! Một lần nhà văn Tô Hoài, sau 1975 về thăm Hội Văn Nghệ tỉnh Tiền Giang, được bạn văn ở Mỹ Tho dẫn đến nhà thầy Quý chơi. Thầy đã đem cho nhà văn xem tất cả các sách của Tô Hoài đã xuất bản từ trước đến đó. Trong đó có cuốn xuất bản trước Cách mạng Tháng Tám mà Tô Hoài cũng không giữ được, như các cuốn: *Xóm giềng ngày xưa, Nhà nghèo, O chuột...* Tô Hoài đã rung rung nước mắt vì cảm động.

Như thế không phải “chơi sách” thì là gì! Vì “chơi” cho nên mới nghèo! Trò đời xưa nay vẫn thế, phàm đã “chơi” cái gì đến độ đam mê thì rồi rốt cuộc cũng nghèo! Thầy Quý không ra ngoài quy luật đó. Nghèo đến mức thầy không có tiền để sắm thêm giá sách. Có lần đến thăm thầy, tôi phải chứng kiến cảnh mỗi xong, “xoi” của thầy cả một đống sách “cất” dưới gầm giường! Thầy Quý đã phải lấy xẻng hốt mỗi ra sân... và bấy giờ hàng xóm được một bữa tiệc mỗi... mệt nghỉ. Có người đã bàn với thầy, hay là, bán bớt một bộ tự điển Encyclopédie cho thư viện để lấy tiền mua giá sách, vì thầy có đến hai bộ Encyclopédie... Nhưng thầy lại... tiếc! Lần

đến chơi thầy Quý, chứng kiến cảnh mỗi “xoi” sách của thầy, buồn quá tôi đã viết một bài về “thảm cảnh” mỗi ăn sách của một “nhà chơi sách” cho một tờ báo của TP. HCM.

Nam Bộ vốn là đất của những Mạnh Thường Quân... Chỉ ít lâu sau, một ông chủ xưởng gỗ ở Mỹ Tho đọc báo, đã tặng thầy Quý giá sách. Từ đó, căn “phòng khách” của thầy trở thành một cái thư viện nhỏ. Bốn mặt tường đều là giá sách. Từ điển để riêng một giá, văn học một giá, chính trị một giá. Riêng sách tiếng Pháp một giá, vẫn không đủ, sách còn được đưa vào phòng ngủ... ở phía sau, nhưng được kê kích đànghoàng, không phải trải vải nhựa để dưới gầm giường làm môi cho mối như khi xưa...

Tôi mê mẩn những sách nghiên cứu về Nam Bộ của thầy như cuốn *“Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười”* của học giả Nguyễn Hiến Lê, của nhà văn nổi tiếng Sơn Nam như các cuốn: *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, *Đồng bằng sông Cửu Long* hay là *Văn Minh Miệt Vườn*, *Cá Tinh Miền Nam*, *Hương Rừng Cà Mau*... Nhưng thầy Quý không cho mượn sách đem về nhà đọc. Thầy chỉ cho xem hoặc đọc tại chỗ. Tôi bèn nghĩ ra một cách, đem tất cả những cuốn sách quý được tôi chọn lọc để đem theo vào Nam tặng thầy Quý. Tôi biết chắc chắn rằng những sách này thầy Quý không thể có, vì nó được xuất bản ở miền Bắc trước 1975. Trong đó có bộ sách *“Lịch sử văn học Trung Quốc”* ba tập dày cộm do Quách Mặc Nhược, học giả hàng đầu của Trung Quốc biên soạn. Và, tập thơ mỏng dính *“Góc sân và khoảng trời”* của nhà thơ tý hon Trần Đăng Khoa do ty giáo dục Hải Hưng xuất bản năm 1968. Với một người chơi sách như thầy Quý thì còn gì hơn những thứ hàng

quý hiếm đó. Thầy Quý nhận các cuốn sách từ tôi và từ đó thầy sẵn sàng cho tôi mượn sách đem về nhà đọc (chắc là thầy sẽ không nghi ngờ gì là tôi sẽ “chôm” các sách quý của thầy, vì thầy thấy tôi đem sách quý đi biểu thi chắc chắn không phải là tay chơi sách như mình rồi).

Tôi đã được “vỡ lòng” về đất Nam Bộ từ kho sách quý của thầy. Tôi có thể viết những bài về Nam Bộ trên cơ sở quan sát thực tế và những kiến thức có chiều sâu từ sách vở để lại của người đi trước. Khi viết về vùng đất đang được khai hoang nhiễm phèn nặng của tỉnh Tiền Giang trong vùng Đồng Tháp Mười, tôi đã đọc kỹ cuốn “Những vấn đề về đất phèn Nam Bộ” của Lê Huy Ba (NXB TP. HCM năm 1982). Việt Nam là “cường quốc đất phèn”, đứng thứ ba trên thế giới sau Hà Lan và Indonesia theo kết luận của hội nghị đất phèn thế giới lần thứ nhất và lần thứ hai, đều gọi nó bằng cái tên chung là “Acid sulphate soil” là thứ đất và thứ nước không con gì sống được trong đất và trong nước của nó. Những kiến thức mà tôi có được từ sách vở đã giúp cho các bài viết của tôi có chiều sâu, có căn cứ khoa học để đưa ra được những nhận định có căn cứ và dĩ nhiên, báo chí trung ương, đặc biệt là báo *Nhân Dân* lúc đó đang cần những bài về Nam Bộ như thế. Hàng loạt những bài tôi gửi ra với các chủ đề như Tiền Giang xây dựng vùng lúa năng suất cao; Cây khóm (dừa) trên đất phèn Đồng Tháp Mười; Giao thông nông thôn trên các xã cù lao; Nghề nuôi rắn ở Đồng Tâm... Đặc biệt là phóng sự “*Đám cưới to nhất tỉnh*” đăng trên báo *Sài Gòn Giải Phóng*, sau đó báo *Nhân Dân* biên tập lại với các “tít” khá “ăn khách”. “*Đám cưới “to” nhất nước*” (Báo *Nhân Dân*

số ra ngày 27/3/1983) đã gây được dư luận trong tỉnh. Phóng sự phản ánh việc Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang mà đứng đầu là ông chủ tịch Nguyễn Công Bình làm chủ hôn cho một đám cưới tập thể 21 cặp trai gái. Các cô gái xuất thân là “gái lơ lảm”, như cách gọi rất nhân văn của chủ tịch Sáu Bình, được đưa vào nông trường khai hoang của tỉnh trong vùng Đồng Tháp Mười thuộc địa phận Tiền Giang để lao động cải tạo. Qua lao động, các chị đã bén duyên với 21 chàng trai của nông trường trồng khóm. Và, chủ tịch Sáu Bình đại diện nhà trai, bà trưởng ty thương binh xã hội tỉnh đại diện nhà gái đã đứng ra tổ chức lễ cưới tập thể cho 21 cặp trai gái này. Mừng nông trường khai hoang của tỉnh trồng khóm trên đất phèn nặng thành công, lại mừng cho 21 cặp trai gái của nông trường đón hạnh phúc trên miền đất mới được khẩn hoang, các công ty, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh gửi quà mừng đến rất nhiều. Có bác nông dân trong tỉnh nghe tin vui cũng gửi thư và tiền mừng đến đám cưới tập thể. Bài phát biểu của ông chủ hôn mà chủ tịch Sáu Bình bảo tôi soạn thảo cho ông đã được vỗ tay nhiệt liệt. Trong đó có câu: “Chỉ có cách mạng mới có được niềm vui như thế này”.

Sau đám cưới mọi người ra về hết, tôi còn ở lại nông trường khai hoang Tân Lập cả tuần lễ để hoàn thành bài phóng sự nhiều kỳ này. Vì thế, càng có dịp để hiểu thế nào là đất phèn nước phèn. Ban đêm ở vùng Tân Lập, dù trời mưa to gió lớn không có tiếng ếch nhái kêu vì nó không sống nổi ở vùng đất này. Nước thì trong vắt mà không có một loài thủy sản nào sống được. Áo trắng lớp mà đem giặt trong dòng nước trong vắt này lại vàng khè và mau rách. Nếu ai ăn trâu,

nhỏ một miếng nước bã trầu xuống dòng kinh thì nước bã trầu đó sẽ biến thành màu trắng... như phản ứng hóa học trong phòng thí nghiệm(!). Cánh đồng năn, cỏ lác chạy tít tắp đến tận chân trời. Vì thế thời xưa, người Pháp mới gọi Đồng Tháp Mười là “đồng cỏ lác” (plaine de joncs). Bàn chân con người vẫn chạm đất, mắt vẫn nhìn thấy màu xanh của cỏ, nhưng lặng thinh không có tiếng chim kêu, không tiếng một con cá quẫy. Nó không phải là sự vắng vẻ âm u của núi rừng, cũng không phải sự vẻ cô đơn của biển cả. Đây là biển trên đất liền. Là cái vắng lặng mênh mông kiểu Đồng Tháp Mười. Ca lên một câu vọng cổ trên đất này thì nó vang xa lắm. Như cửa vào chỗ da non nhất của con người... đi khai hoang lập nghiệp. Tôi đã hiểu vì sao những câu ca cổ lại buồn đến thế. Nhưng đó là nỗi buồn có cung bậc, có gam màu không bi lụy là ẩn chứa một niềm tin khắc khoải đến mai sau. Tôi càng mến yêu những cặp vợ chồng mới, dám trụ lại đất này để tính chuyện tương lai.

Một sự việc có liên quan đến tôi trong những năm làm việc ở Đài Phát thanh tỉnh là việc Đài mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho phóng viên và biên tập viên của mình.

Là một đài phát thanh của tỉnh thành lập sau 30/4/1975, lại được thành lập muộn so với các tỉnh láng giềng nên lực lượng phóng viên, biên tập viên còn rất mỏng. Vì thế, Đài Tiền Giang mở lớp huấn luyện và mời một trưởng phòng biên tập của Đài Phát thanh Hải Phòng, một đài địa phương lâu năm của miền Bắc vào làm giảng viên cho lớp. Với tư cách là phóng viên của Đài Tiền Giang, tôi cũng là học viên của lớp. Khi anh trưởng phòng biên tập của Đài Hải Phòng trong

buổi khai mạc thấy tôi ngồi lù lù trong lớp thì anh ta bất ngờ quá. Anh ta thốt lên với lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo Đài Tiền Giang: có anh Lê Phú Khải ở đây rồi thì còn mời tôi vô làm gì nữa! Chẳng là, khi còn ở Đài Tiếng nói Việt Nam, tôi đã từng về Hải Phòng nhiều lần, cùng anh bạn này đi ra vùng mở Quảng Ninh công tác. Bài vở của tôi đăng tải khắp các báo miền Bắc như *Nhân Dân*, *Quân Đội nhân dân*, *Văn Nghệ*... anh đều đọc cả. Tôi còn cùng Ban địa phương của Đài tiếng nói Việt Nam xuống Hải Phòng mở những lớp tập huấn như Đài Tiền Giang đang làm... Vì thế, sau lớp học đó, khi các đài truyền thanh các huyện mới thành lập, Đài phát thanh tỉnh đều cử tôi đi xuống các huyện để hướng dẫn các lớp học dài ngày đào tạo biên tập viên, phóng viên, cộng tác viên cho đài huyện. Với chiếc xe đạp cộc cạch và giỏ quần áo, tài liệu đeo bên mình, tôi đi xuống các huyện công tác cả tháng mới về.

Từ phóng viên của Đài phát thanh quốc gia, rồi Đài truyền hình trung ương... đi công tác bằng máy bay, bằng xe con, đến các địa phương thì ở nhà khách của ủy ban, nhà khách tỉnh ủy, huyện ủy, làm việc với các lãnh đạo địa phương là quan đầu tỉnh, đầu huyện... nay về địa phương, đi xuống huyện công tác hàng chục cây số, tối ngủ lại các Đài huyện có khi là một góc đình làng dột nát, vì đài huyện mới thành lập chưa có trụ sở. Đêm nằm chuột chạy lao cả vào mùng! Trưa ra sông tắm giữa trời. Học viên thì có em còn đi chân đất vì là thanh niên của xã lên dự tập huấn ở đài huyện, để về làm truyền thanh ở xã... Nếu xét về sự sang trọng, sung sướng thì thật là tôi “đang ở bể lại vào ngòi”! Nhưng tôi lại thấy thích thú. Sáng ra chợ huyện ăn tô bánh canh, tôi nghe được

đủ chuyện trên đời. Nhà văn Nga Tchekhov từng khuyên các nhà văn đi tàu nên mua vé hạng bát đồ sao!

Có lần lên lớp, tôi thấy có em để dưới chân mình một cái bị, ở trong luôn có con gì ngo ngoáy. Đến cuối giờ, các em rũ thầy ra quán lẩu rần nhậu. Thì ra em học sinh đó về nhà bắt được một bị rần để hôm sau đến lớp thết thầy. Em đem bị rần đó ra quán, chia đôi, cho chủ quán một nửa, còn nửa kia thì chủ quán có nhiệm vụ nấu nôi lẩu rần cho thầy trò tôi nhậu. Em khỏi phải trả tiền bữa nhậu đó. Cuối khóa học, em cũng tặng tôi một bị rần tươi sống như thế để làm quà đem về Mỹ Tho.

Trước khi vô Nam, tôi có đem theo nhiều tài liệu về nghiệp vụ báo chí, trong đó có cả tài liệu của Tân Hoa xã do người chú tôi là Lê Phú Hào, là nhà báo miền Bắc đầu tiên đi thường trú ở Bắc Kinh sau hòa bình 1954 đem về Hà Nội. Tôi còn đem theo các tài liệu của Việt Tấn xã, cơ quan thông tấn của chế độ Sài Gòn cũ khi tôi vô Nam lần đầu, đến Việt Tấn xã thu lượm được, trong đó có cuốn “săn tin” bằng song ngữ Anh-Việt. Sau này tôi mới biết đó là cuốn sách nghiệp vụ nổi tiếng ở Sài Gòn trước 1975, do chính điệp viên Phạm Xuân Ẩn đóng vai nhà báo biên soạn. Ngoài ra tôi còn có cả những giáo trình của các giáo sư đại học báo chí Colombia, như cuốn “Ký giả chuyên nghiệp” của John Hohenberg, bản dịch của Lê Thái Bằng và Lê Đình Điều in ở Sài Gòn 1974. Đem những cuốn sách đó đi theo, tôi tự nhủ với mình như người thợ đem theo đồ nghề để kiếm sống ở phương xa. Và quả thật, những tài liệu huấn luyện báo chí đó cộng với kinh nghiệm năm năm làm phóng viên phát thanh và truyền hình

ở miền Bắc đã cho tôi nhiều lợi thế khi phải làm giảng viên ở các lớp đào tạo phóng viên như tôi đã làm ở các huyện trong tỉnh Tiền Giang, cũng như ở các lớp nghiệp vụ, các khoa báo chí ở các trường đại học tại TP. HCM sau này.

Có lần, giảng về công việc truyền thanh trực tiếp (đọc và truyền thanh trực tiếp) ở đài phát thanh huyện thì phải hết sức cẩn trọng, sai một ly đi một dặm. Tôi đã dẫn ví dụ ở một huyện ở miền Bắc, đài truyền thanh ở huyện đó đã bị bà con nghe đài gọi là Đài truyền thanh “buông tay em ra”! Chuyện kể rằng, hôm đó đã vào phòng bá âm rồi (phòng đọc và phát). Khi cô phát thanh viên xướng lên: đây là đài truyền thanh... thì vừa lúc đó anh biên tập viên lợi dụng phòng bá âm luôn phải đóng kín cửa nên đã cầm tay cô ta... Do quên mất mình đang phát thanh, cô phát thanh viên kêu lên “buông tay em ra”! Thế là cả huyện đã nghe được câu: “đây là đài truyền thanh... buông tay em ra!”

Những bài giảng của tôi như thế luôn được các em hưởng ứng, không em nào bỏ học giữa chừng. Cuối khóa học đều có phát chứng chỉ tốt nghiệp lớp nghiệp vụ phát thanh, truyền thanh cho Đài tỉnh cấp nên các em rất phấn khởi.

Sống hòa mình với xã hội, tôi thu lượm được nhiều kiến thức thực tế, đặc biệt là lời ăn tiếng nói, ngôn ngữ của người dân Nam Bộ. Điều này rất cần cho một người cầm bút. Đặc biệt là viết “Câu chuyện truyền thanh” cho đài phát thanh, một thể tài hấp dẫn nhưng khó viết nhất. Vì, câu chuyện truyền thanh là một vở kịch của báo nói. Nó vừa phải truyền tải những vấn đề thời sự nóng hổi của cuộc sống, vừa có tính văn nghệ của một vở kịch nhỏ. Các nhân vật của câu chuyện

truyền thanh phải nói tiếng nói của tác giả. Vì vậy tác giả phải có vốn sống. Cuốn sổ tay của tôi luôn được giở ra để ghi chép “lời lẽ các nhân vật”. Nhà báo Phan Quang trong cuốn “Đồng bằng sông Cửu Long”, xuất bản sau năm 1975 được tái bản nhiều lần đã có một nhận xét tinh tế: người Việt Nam từ đầu đến cuối đất nước, sống cách xa nhau hai nghìn cây số, nhưng Bắc Nam thoát gặp đã dễ dàng nghe tiếng nói của nhau. Cùng một cội nguồn, cùng một ngôn ngữ dân tộc như vậy là lẽ đương nhiên. Không những ngữ pháp không thay đổi, từ vị thống nhất mà tôi còn ghi nhận một chi tiết hay hay: người Bắc và người Nam chia nhau hai phần của một từ kép, khi thì phần trước, khi thì phần sau. Chẳng hạn: dơ bẩn, dư thừa, kêu gọi, sợ hãi, chà xát, hay biết... người Nam dùng phần đầu. Ngược lại trong thóc lúa, lạnh lẽ, nóng nực, dầm dấp, đón rước, lừa gạt... người Nam lại linh phần sau (*Đồng bằng sông Cửu Long*. Nhà xuất bản Trẻ, tr. 412).

Trong những năm tháng rong ruổi ở Đồng bằng sông Cửu Long, tôi đã ghi thêm được nhiều ví dụ về sự “chia nhau” một từ kép như thế. Năm ông Phan Quang tròn 85 tuổi, tôi đã gửi ra Hà Nội “mừng thọ” ông 100 từ kép được “chia nhau” như thế. Mời bạn đọc... xem chơi!

Tôi xếp các từ kép này theo thứ tự abc (chữ đầu) của từ: buồn rầu, bơi lội, bóc lột, cố gắng, co kéo, chọc ghẹo, chán ngán, chặt đốn, cung chiêu, chén bát, chờ đợi, chửi rủa, chậm trễ, cần thiết, cạn kiệt, chia xớt, đưa rước, dạy bảo, dòm ngó, dọn dẹp, dụ dỗ, đùa giỡn, đui vế, đau ốm, đi điếm, khờ dại, điên khùng, dư thừa, giỡn chơi, đui mù, dòm ngó, dọa nạt, đe dọa, hư hỏng, hao tổn, hăm dọa, hối thúc, hù dọa, hung

dữ, ham thích, hoảng sợ, hèn nhát, hư hao, ham muốn, lợm nhật, nhờ cậy, kiểm điểm, khỏe mạnh, kêu xin, kỳ lạ, khờ dại, lựa chọn, lời lải, lười biếng, mau lẹ, mồm miệng, may rủi, nôn nóng, mai mốt, ngăn ngừa, ngăn chặn, nón mũ, ngất xỉu, nhìn ngó, quây phá, rơi rớt, rảnh rỗi, rượt đuổi, rầy la, ô dù, ốm đau, tập dượt, thuê mướn, thay thế, tiêm chích, thừa kiện, tìm kiếm, trưng bày, tồi tệ, to lớn, trêu chọc, tuyển mộ, trông chờ, tránh né, thương yêu, trông coi, uống phí, ưa thích, vâng dạ, vay mượn, rượt đuổi, sáng tỏ, sửa chữa, giúp đỡ, giành giật, gầy ốm, già cỗi, ghê sợ, say xỉn, phòng ngừa... hơn 100 từ ghép kể trên đều như nhận xét của Phan Quang. Ví dụ như đui mù thì người Nam nói đui, người Bắc nói mù. Câu thơ của Nguyễn Đình Chiểu: *“Thà đui mà giữ đạo nhà / còn hơn sáng mắt ông cha không thờ”*.

Có một nhận xét của nhà văn Nam bộ cũng tinh tế chẳng kém gì Phan Quang là ông Sơn Nam. Đó là như tôi đã viết hàng trăm bài phát thanh, bài báo, bài bút ký trên các phương tiện thông tin đại chúng từ Nam chí Bắc và cho ra đời đến 5-6 đầu sách về Đồng bằng sông Cửu Long. Một lần gặp Sơn Nam ở Sài Gòn, ông biểu tôi: ban đầu tao cứ tưởng mày là một thằng Nam bộ, nhưng đọc kỹ, tao biết mày là một thằng Bắc kỳ thứ thiệt. Tôi ngạc nhiên quá, hỏi lại ông: vì sao thầy lại nhận xét thế? Ông già hóm hỉnh nói: mày viết hay dẫn chứng, hay đưa con số để chứng minh điều này điều kia... thằng Nam bộ nó không thế. Thì ra là vậy. Do tôi cố gắng dùng ngôn ngữ của người dân Nam để viết, như ghi chép cả trăm từ kép để học cách nói của dân Nam bộ nên ban đầu Sơn Nam tưởng tôi là Nam bộ. Nhưng sự hay dẫn chứng, chứng

minh của tôi khiến Sơn Nam phát hiện ra tôi là dân Bắc kỳ! Và chính ông đã viết lời bạt cho cuốn “*Hồ sơ đồng bằng sông Cửu Long*” gần 400 trang của tôi do Nhà xuất bản Thanh Niên ấn hành năm 2000. Báo *Nhân Dân* số ra ngày 9.5.2000 đã đăng bài viết đó của Sơn Nam.

Nếu những năm dạy học ở nông thôn miền Bắc đã cho tôi hiểu phần nào về cuộc sống và xã hội Việt Nam ở đồng bằng Bắc bộ thì những năm “dấn thân” ở Đồng bằng sông Cửu Long đã cho tôi hiểu tính cách con người Nam bộ. Là người Việt Nam, người dân Nam bộ có tất cả những ưu điểm và khuyết tật của người Việt nói chung, nhưng điều kiện địa lý, thiên nhiên, vị trí của mảnh đất Nam Bộ (xa phương Bắc) đã tạo nên những tính cách rất đặc trưng của người dân. Từ công chức, cán bộ trong bộ máy công quyền (xưa và nay) cũng như người dân nói chung họ có tính cởi mở, thẳng thắn, dễ tin người, ham vui trọng nghĩa, hồn nhiên đến hoang sơ... và đối với họ, không có nguyên tắc nào cả!

Tôi không phải nhà lý luận, nhà nghiên cứu, tôi chỉ là nhà quan sát nên dẫn ra đây vài ví dụ điển hình để góp phần cung cấp tư liệu cho các nhà xã hội học. Vào đất Tiền Giang, tôi công tác ở Đài Phát thanh của tỉnh còn vợ tôi công tác ở công ty ngoại thương Tiền Giang. Ba năm liền, vợ tôi năm nào cũng được tăng lương, trong khi đó các người khác 3-4 năm còn phải xét. Khi họp chi bộ, có người thắc mắc với giám đốc công ty ngoại thương là ông Nguyễn Văn Khang (tức Ba Khang): cô Thuận (tên vợ tôi) mỗi năm mỗi tăng lương, anh em người ta thắc mắc nhiều lắm? Giám đốc Ba Khang mắng: chúng mày ngu vừa phải thôi... chú Khải, chồng cô Thuận

ở bên Đài phát thanh, chú ấy có công với tỉnh, viết bao nhiêu bài giới thiệu Tiền Giang ra cả nước, bên ấy chúng nó ngu, không tăng lương cho chú ấy... thì bên này mình tăng lương cho vợ chú ấy cùng thế... thắc mắc cái gì! Không ở đâu có cái logic tăng lương như thế. Chỉ có các anh Hai Nam Bộ mới có cái tư duy logic kiểu đó. Nhưng xét ra... cũng không sai!

Để nói về tính cương trực thẳng thắn của dân Nam Bộ, tôi xin dẫn ra một ví dụ cũng khá điển hình. Những năm đầu thập kỷ 80 (thế kỷ 20) còn chế độ bao cấp, phân phối đều. Tỉnh Minh Hải, vùng mặn nuôi tôm cũng được trung ương phân phối một lượng phân bón nhập ngoại như các tỉnh khác. Trong khi đó, Tiền Giang xây dựng vùng lúa năng suất cao cần nhiều phân bón nên phải xuống Minh Hải mua phân dư thừa. Thời đó mua bán ngoài kế hoạch được cấp là một sai phạm nghiêm trọng. Khi đoàn của thủ tướng Phạm Văn Đồng vào kiểm tra, ông hỏi: vì sao lại mua bán phân bón, phải đình chỉ ngay. Chủ tịch Tiền Giang lúc đó là ông Sáu Bình trả lời: chúng tôi chẳng những không đình chỉ mà còn tiếp tục mua nữa vì dưới đó trung ương phân cho họ, họ không trồng lúa, thừa phân, trên này chúng tôi trồng lúa thiếu phân nên còn phải tiếp tục mua nữa. Có cho ăn kẹo thì một ông chủ tịch tỉnh ở miền Bắc cũng không dám cãi lại Thủ tướng như thế.

Người Nam Bộ hay nói thẳng. Vì thế, trước đây tương Qua về nhà tôi, đã hai lần “than phiền” với ông bố tôi về tính nói thẳng của dân Nam bộ. Một lần ông nói về ông Bảy Trân. Ông Bảy Trân như tôi đã nói ở đầu sách, ra Hà Nội để “nằm chờ” bố trí công tác quan trọng. Nghe đâu thời học trường Đảng cao cấp ở Moscow cùng với ông Trần Văn Giàu

và ông Mười Giáo, ông đã có lần lấy vợ người Nga. Vì thế sau năm 1954, trung ương dự định bố trí đi làm đại sứ ở Liên Xô và cử ông đi học trường Đảng Nguyễn Ái Quốc. Khi ông Trường Chinh vào giảng bài về lịch sử Đảng ông có nói, tổ chức thanh niên tiên phong ở Nam Bộ trước kia là tổ chức phản động thân Nhật. Học viên Nguyễn Văn Trân đứng dậy nói: thanh niên tiên phong ở Nam Bộ lúc đó do tôi cử Trần Văn Giàu đi gặp Phạm Ngọc Thạch để tổ chức ra nó. Tuy cái vỏ bên ngoài là của Nhật, nhưng cái ruột bên trong là của ta. Đồng chí không biết lịch sử Nam Bộ thì đừng nên giảng như thế! Tướng Qua kể lại cho ông bố tôi sự việc trên rồi kết luận: mấy ông Nam Bộ tập kết ra Bắc thẳng quá nên sẽ rước họa vào thân. Ông Bảy nhà ta (vì lúc đó Bảy Trân là sui gia với bố mẹ tôi) sẽ gặp nạn mất thôi. Chỉ ít lâu sau Bảy Trân nhận được quyết định về hưu lúc mới ngoài 50 tuổi.

Trường hợp thứ hai là nhà trí thức Dương Bạch Mai. Cùng một lần, tướng Qua về nhà nói với ông bố tôi: trong một hội nghị trung ương, ông Dương Bạch Mai tuyên bố Mao Trạch Đông là tên thổ phi, không thể nghe ông ta được. Ông Nam Bộ này liều quá, rồi lại mang họa vào thân!

Hồi đó Mao Trạch Đông được xem như ông thần, ông thánh, lần đầu tiên tôi được nghe có người phê phán ông Mao là “thổ phi”. Sau này, tôi còn được nghe một người nữa, vào những năm đó, đã dám phê phán Mao Trạch Đông là thầy Nguyễn Văn Hạnh của tôi. Đó là năm thứ 2 của khóa Đại học Sư phạm Văn (1963-1966) sơ tán tại Đại Từ, Bắc Thái, trong một giờ lên lớp về lý luận văn học, thầy Hạnh khi nói đến bài phát biểu của Mao trong “*Cuộc tọa đàm văn nghệ Diên*

An” đã phê phán “Mao Trạch Đông không có hệ thống, vì thế những bài phát biểu của ông không thể lấy làm căn cứ được”! Lập tức bài giảng của thầy Hạnh đã bị chi bộ lớp (gồm một số giáo viên cấp 2 được cử đi học để lên dạy cấp 3) báo cáo lên Đảng ủy của khoa! (khoa văn).

Nói về tính “hoang sơ” của dân Nam Bộ, tôi có một kỷ niệm rất vui. Đó là kỳ đại hội Đảng bộ huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang, tôi với tư cách là nhà báo được mời đến dự. Khi tôi đến thì đại hội đã khai mạc, cờ quạt uy nghiêm. Ông trưởng ban tổ chức đại hội giới thiệu tôi như sau: xin giới thiệu có nhà văn Nguyễn Khải đến dự với đại hội chúng ta. Tiếng vỗ tay rào rào... Tôi hoảng quá, nói với vị trưởng ban tổ chức: xin anh cải chính cho, tôi không phải là nhà văn Nguyễn Khải, ông ấy lớn lắm, mang tiếng cho tôi. Vị đó nhất định không cải chính. Tôi năn nỉ thì vị ấy lấy tay gạt vào không khí, nói: Khải nào không là Khải! Thế là suốt ngày hôm ấy, tôi mang danh nhà văn Nguyễn Khải để nâng ly, chúc tụng. Có vị đến cùng ly với tôi nói: tôi đã đọc tác phẩm “Cù Lao Tràm” của đồng chí rồi, hay lắm(!), mọi người lại cùng ly chúc mừng tôi! Thật là tung bừng rôm rả!

Nói về tính phóng khoáng của dân Nam Bộ, tôi lại có ví dụ. Đó là vào năm 1994, Đồng bằng sông Cửu Long đang có dịch tôm chết rất lớn, thiệt hại nặng. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đi kiểm tra vùng nuôi tôm lớn ở Cà Mau. Khi ông Kiệt hỏi vị chủ tịch Cà Mau: vì sao tôm chết? Ông chủ tịch tỉnh trả lời “vô tư”: thưa thủ tướng tôm nó chết vì nó không thể... sống được! Mọi người đã cười rần! Tôi nghĩ chắc ông thủ tướng tức giận lắm. Nhưng không thấy ông nói gì... vậy mà đến

hội nghị khoa học để bàn về vấn đề tôm chết năm ấy, ông Võ Văn Kiệt còn đem câu chuyện “tôm chết vì nó không thể sống được” ra kể để mọi người cười một mẻ nữa! Tôi có cảm giác ông Kiệt “thích” câu trả lời đó của chủ tịch Cà Mau. Sau hội nghị này, tôi có viết một câu chuyện truyền thanh nhan đề: “*Vì sao tôm chết*” để hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm. Mở đầu câu chuyện truyền thanh là đoạn thủ tướng đến kiểm tra vùng nuôi tôm... Câu chuyện truyền thanh này đã được phát trên đài Tiếng nói Việt Nam và sau đó nhiều đài phát thanh ở Nam Bộ đã phát lại.

Khi ông Võ Văn Kiệt qua đời, báo Cà Mau có bài “khóc” ông đăng đến chín số báo liên (từ số ra ngày 16/6/2008 đến số 11/7/2008). Trong chín số báo ấy có đoạn tôi đọc được như sau, đại ý nói có lần thủ tướng đi công cán đến một địa phương ở Nam Bộ. Một người bạn chiến đấu cũ của ông đến thăm và đưa theo một người thanh niên. Người bạn cũ nói với vị thủ tướng đương kim: tôi đưa cậu này đến để nó nhìn mặt cha nó, vì lúc mẹ nó chết đi dặn nó là phải đi tìm cha, cha nó tên là Võ Văn Kiệt. Nó chỉ yêu cầu thế thôi, không đòi hỏi gì nữa. Ông Kiệt đã vui vẻ tiếp cậu thanh niên này. Và còn giữ cậu ở lại chơi, cho coi TV. Ba ngày sau ông nói với cậu ta: bác đã nghĩ kỹ lại rồi, khi bác hành quân qua làng mẹ cháu, bác không có bạn gái nào ở đó cả, vì thế cháu không phải là con của bác. Nhưng bác nhận cháu là con nuôi, cháu về đi khi nào muốn gặp bác thì cứ lại. Cậu thanh niên kia cảm ơn thủ tướng rồi ra về. Ít lâu sau cậu đến gặp để xin lỗi thủ tướng vì cậu ta đã tìm thấy cha của mình là Võ Văn Kiệt trong một nghĩa trang liệt sĩ. (Tên thật của thủ tướng Võ Văn Kiệt là

Phan Văn Hòa).

Trên đời này ít có vị thủ tướng được kim nào lại gặp câu chuyện éo le như thế, và cũng hiếm có vị thủ tướng nào lại ứng xử một cách bình tĩnh và bình thân như thế, nếu không phải là một “anh Hai Nam Bộ”? Tôi cho là vậy. Vậy mà khi thủ tướng qua đời (ở tuổi 85) năm 2008, tôi có chủ biên một cuốn sách xuất bản đúng dịp kỷ niệm lần thứ 86 ngày sinh của ông, trong cuốn sách đó có bảy bài tôi viết về ông lúc còn sống cũng như sau khi ông mất. Ngoài ra còn có nhiều bài viết khác của giáo sư Trương Lai, tiến sỹ Nguyễn Xuân oánh, tiến sỹ Tô Văn Trường (nguyên phó thủ tướng chế độ Sài Gòn cũ) và Nguyên chủ tịch tỉnh An Giang Nguyễn Minh Nhị... Tôi có đưa câu chuyện kể trên vào một bài viết của tôi như Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM khi duyệt đã cắt bỏ đoạn đó. Cả cái tên sách do tôi đặt: “hào Kiệt của Dân”, chữ “hào” và chữ “của” viết thường, chữ Kiệt và chữ Dân viết hoa, để... chơi chữ! (ông Võ Văn Kiệt là hào kiệt của dân. Kiệt và Dân cũng là tên ông - Sáu Dân). Nhưng khi Nhà xuất bản đem bìa sách lên thành ủy để duyệt, trưởng Ban tuyên huấn là ông Phan Xuân Biên lúc đó nhất định không đồng ý cái tên sách như thế. Tôi hiểu ông trưởng Ban tuyên huấn quê ở miền Trung này muốn giữ “chén cơm” của mình thật cẩn trọng. Vì lơ ra có người ở trên hỏi: vậy chúng tao là hào kiệt của ai? Không lẽ chúng tao là hào kiệt của quan à?

Cải lý mãi, cuối cùng tôi vẫn thua vì người ta có quyền “xét duyệt”. Thấy tôi có ý định không in cuốn sách đó nữa vì không được chấp nhận tên sách do mình đặt ra, chị Thanh Hương lúc đó là giám đốc Nhà xuất bản tổng hợp TP. HCM

“thương lượng” với tôi, hay là đổi tên sách là: “Hào kiệt Đồng bằng sông Cửu Long”! Tôi đem việc này kể với nhà thơ Thái Thăng Long, anh Long chửi thề: đủ mẹ, thế thì chỉ bằng thằng Bảy Nhị thôi à?! (Bảy Nhị là Nguyễn Minh Nhì, nguyên chủ tịch tỉnh An Giang, một người nổi tiếng ở Đồng bằng sông Cửu Long).

Cái sự kiểm duyệt ở chế độ độc trị nó kinh khủng như thế. Vì thế, có một nhà văn ở một nước xã hội chủ nghĩa bên Đông Âu trước đây đã có lần phải thốt lên: chúng tôi không có kẻ hở để suy nghĩ! (nous n'avons pas l'escape de penser).

Nói về sự cởi mở của “anh Hai Nam Bộ” tôi phải dẫn thêm trường hợp tiến sỹ Võ Tòng Xuân phản đối làm cầu Mỹ Thuận!

Tôi hỏi giáo sư Võ Tòng Xuân: tôi nghe nói hồi sắp làm cầu Mỹ Thuận qua sông Tiền, ông phản đối? Giáo sư trả lời vô tư: đúng thế. Tôi bảo ông: vậy là ông điên rồi. Võ Tòng Xuân cãi: làm cầu thì mấy anh đi, tôi đi chứ nông dân có đi đâu! Thay vì dành tiền ấy thay các cầu khỉ cho nông dân đi, để bà con làm ăn khấm khá rồi thu thuế làm cầu cũng chưa muộn. Ngẫm nghĩ một lát rồi ông lại cười nói tiếp: tôi còn viết bài phân tích rõ lợi hại nói trên, vì thế lúc đó thủ tướng Võ Văn Kiệt mới la lên “Võ Tòng Xuân nó phá tôi!” “Không chịu nổi”, tôi bảo giáo sư Xuân: may đời cho anh, phải ông thủ tướng khác thì gặp nạn rồi(!). Giáo sư Xuân vẫn hồn nhiên: nhưng thủ tướng lúc đó bảo tôi: thư thả làm xong cầu, chính phủ sẽ thu thuế qua cầu, lấy tiền làm cầu thay cầu khỉ cho nông dân... vì câu nói đó của thủ tướng mà báo Thanh Niên theo dõi việc thu thuế cầu để làm cầu... dài dài sau này.

Thì ra chuyện phản đối làm cầu Mỹ Thuận của Võ Tòng Xuân là có thiệt! Quả thật lúc này, tôi không còn thời gian để “*chất vấn*” Giáo sư Xuân về vụ nuôi tôm hay trồng lúa, “*cứ có lợi là làm*” của ông, mà nhiều nông dân đã cắt bài báo đó để trong túi làm “bùa hộ mệnh” để nuôi tôm... bạt mạng, bất kể phân biệt vùng quy hoạch mặn hay ngọt(!)

Võ Tòng Xuân là vậy. Nghĩ thế nào nói thế, chỉ tính hơn-thua cho nông dân, không tính lợi-hại cho mình hay bất cứ ai. Vì thế ông được nông dân Đồng bằng sông Cửu Long rất yêu quý, đồng thời cũng bị người có trách nhiệm quản lý toàn diện đòi lần nổi giận. Nhưng “*giận mà thương*”!

Nói về cái khuynh hướng tình cảm trong ứng xử, trong đời sống hàng ngày, tôi có ví dụ khá điển hình về một “anh Hai Nam Bộ” là Ba Tạo ở Cần Thơ. Năm 1985 sau khi trở về cơ quan thường trú của Đài Tiếng nói Việt Nam tại TP. HCM từ Đài phát thanh tỉnh Tiền Giang, nhưng vẫn “trụ” lại Mỹ Tho để thực hiện ý đồ “có người luôn có mặt, thường trú tại Đồng bằng sông Cửu Long” của giám đốc Nguyễn Thành, tôi tiến hành một cuộc đi khảo sát nhiều mặt, nhiều lĩnh vực của Đồng bằng sông Cửu Long. Tôi đi Cần Thơ. Với giấy giới thiệu của Đài tiếng nói Việt Nam, tôi trình chánh văn phòng Sở quản lý nhà đất TP. Cần Thơ xin gặp ông giám đốc. Sau ít phút, chánh văn phòng trở ra cho biết giám đốc từ chối không tiếp nhà báo. Cũng không nói lý do gì cả. Đây là một trường hợp “hơi bị hiếm” với một cơ quan một tỉnh lẻ, từ chối không tiếp người đại diện cho cơ quan ngôn luận cấp quốc gia. Tôi kiên trì thuyết phục vị chánh văn phòng sở báo cáo lại ông giám đốc là tôi chỉ xin gặp trong ít phút, không làm mất thời

gian của ông nhưng kết quả là vẫn bị từ chối. Đây là một việc làm trái nguyên tắc, vì theo quy định nhà nước, được in ngay phía sau thẻ nhà báo thời đó (sau bị bỏ) là các cơ quan, đơn vị... phải có nhiệm vụ cung cấp tư liệu, thông tin cho báo chí. Nhưng tôi đành quay ra và tự đi tìm kiếm tư liệu trong một tuần lễ. Trước khi về, tôi quay lại Sở nhà đất Cần Thơ, nói với vị Chánh văn phòng sở bữa trước rằng, tôi đã làm việc cả tuần lễ tại thành phố “Tây đô”, trước khi ra về, chỉ xin phép vào chào đồng chí giám đốc sở một câu cho phải phép. Tôi làm thế để muốn nhìn tận mắt xem ông giám đốc quan liêu và hách dịch này mặt mũi ngang dọc ra sao! Quả nhiên giám đốc cho vào. Trước mặt tôi lúc đó là một người đàn ông cao, gầy, da đen sạm và mất một tay đến sát vai. Tôi được ông mời nước, mời thuốc. Đúng như đã hứa với vị chánh văn phòng, tôi nói: thưa đồng chí giám đốc, tôi đã tìm hiểu về quản lý đô thị ở thành phố ta, tôi đến chào giám đốc, chúc sức khỏe và xin phép ra về. Nói xong tôi đứng dậy. Vị giám đốc vỗ vai tôi bằng cánh tay còn lại và mời tôi cứ ngồi, có cần gì cứ hỏi... Sau một lúc trò chuyện tôi được biết ông là Ba Tạo, từng là chiến sĩ giải phóng quân đánh trận Mậu Thân ở Cần Thơ “rút vào, rút ra”. Chuyện trò giữa tôi và Ba Tạo càng lúc càng tâm đầu ý hợp. Cuối cùng, hết giờ làm việc, Ba Tạo không cho tôi về, bảo tôi về nhà ông chơi, nhậu một bữa, tâm sự một đêm, sáng mai mới được về. Ông chở tôi bằng cái xe honda màu đen cũ kỹ, điều khiển xe bằng cánh tay còn lại ra tận ngoại ô Cần Thơ, nơi ông có căn nhà cấp 4 đơn sơ nhưng vườn khá rộng. Ông giới thiệu tôi với bà vợ rất nhiệt tình như gặp lại bạn cũ lâu ngày. Tối hôm đó chúng tôi nhậu lai rai bên hè nhà

gió lộng. Ông kể cho tôi nghe, vì sao là giám đốc Sở nhà đất nhưng lại ở cái nhà xập xệ thế này, lý do là vì ông thích vườn rộng. Lúc mới giải phóng chỗ này còn hoang vu lắm. Muốn ở bao nhiêu tùy sức. Đêm đó hầu như chúng tôi rất ít ngủ, lúc tỉnh giấc lại chuyện. Tôi được nghe về cuộc đời chinh chiến của ông, vì sao lại mất mát một tay, mất tay trong trường hợp nào. Và, đặc biệt ông kể về những khó khăn trong quản lý đô thị ở miền Nam, điều tôi rất cần nghe.

Khi mới giải phóng miền Nam, từ chiến khu, các cơ quan của ta vào thành phố và cứ theo sự đồng dạng về tên gọi của hai chính quyền cũ và mới để tiếp thu các công sở. Ta cứ tiếp quản “nguyên canh nguyên cư” như thế nên bây giờ mới có cảnh trái đờn. Một tỉnh nông nghiệp lớn mà cơ quan nông nghiệp và thủy lợi lại bé như cái lỗ mũi. Nhốt hàng trăm nhân viên trong một căn nhà hẹp trong khi ở ngay cách đó, một phòng cảnh sát lại chiếm cái nhà to đùng. Chỉ một Hội Chữ Thập Đỏ thì phải mua thêm thật nhiều khóa để khóa các phòng không khi nào có người bước chân vào cả. Sở quản lý nhà đất và công trình đô thị của Ba Tào đã “sút đầu mẻ trán” vì đứng ra chia lại, khi có những người thế lực đẩy mình chống lại. Ba Tào là con người như thế. Ông đã tâm sự với tôi về cuộc đụng độ của ông để tiết kiệm cho ngân sách và để quản lý cái đô thị có 5 triệu mét vuông nhà.

Sáng hôm sau, Ba Tào chở tôi đi uống café, ăn hủ tiếu rồi đưa tôi ra thẳng bến xe, nơi có ông trưởng bến là “quân cũ” của ông. Dặn trưởng bến cho tôi lên cabin ngồi, lúc tiễn tôi lên cabin cái xe đồ sắp chạy, ông còn móc túi cho tôi ít tiền... trước mặt tất cả các hành khách trên xe. Ông còn dặn khi nào

về Cần Thơ phải ghé. Anh Hai Nam Bộ là như thế, không thích thì không tiếp, không cần “luật lệ”, dù là luật lệ được in trên thẻ nhà báo do chính phủ cấp đảng hoàng. Nhưng một khi đã có tình cảm rồi thì... “vô tư”!

Cùng trong năm 1985, tôi tiến hành đi khảo sát về nông thôn vùng sâu của đồng bằng ở tỉnh Kiên Giang nằm trong vùng Tứ giác Long Xuyên còn nhiều đất hoang. Với một cái túi trên vai đựng ít quần áo và cái máy ảnh giấu trong đó, tôi xuống một bến đò dọc ở huyện Hòn Đất. Cứ đi, khi nào người đi ghe lên hết thì mình lên. Tôi đến một xã, sau này biết là xã An Thái Sơn. Vừa lên khỏi bến đã thấy tiếng cười nói ồn ào. Biết là nhà có giỗ, tôi cứ đi vô. Chủ nhân chẳng cần biết tôi là ai, kéo ngời xuống cái chiếu đang có đông người đang ăn uống ngay giữa nhà. Chiếc ly rượu quay được vài vòng thì có người trở tay vào người đàn ông ngồi bên tôi, nói: hôm nay ông được ngồi cạnh Vua Hòn! Người được suy tôn là “Vua Hòn” cùng ly với tôi. Xế chiều, vì quá say tôi phải nằm ngay xuống xái chiếu đang ngồi ngủ một giấc. Ở Nam Bộ, người đến ăn giỗ “chết” tại chỗ như thế, chủ nhà rất thích. Khi tỉnh dậy, tôi được biết “Vua Hòn” là bí thư huyện Hòn Đất. Sau khi biết tôi là nhà báo, “Vua Hòn” tức Sáu Chắp mời tôi ở lại để hôm sau đi thăm vùng trồng mè (vùng) thí nghiệm trong vùng đất hoang của huyện. Tối đến tôi thấy Sáu Chắp lấy khẩu súng lục to dùng giắt ở trong người ra, gối đầu lên súng ngủ! Sáng hôm sau chúng tôi đi bộ một đoàn gần chục người vào vùng trồng mè. Đi đến 6-7 km mà chưa tới nơi. Trời nắng khát quá mà chỉ gặp những hố chân trâu đọng nước mưa nên đành phải vốc lên mà uống. Nhưng tôi chưa bao giờ uống

nước là mà thấy ngon như thế. Chiều tối, Sáu Chắp rủ tôi về huyện ủy ngủ, nhưng tôi về để còn đi tiếp. Sáu chắp viết cho tôi một mảnh giấy giới thiệu với các xã để tôi đi tiếp. Nhưng tôi chẳng cần đến giấy của anh làm gì. Tôi cứ đi, gặp nhà nào có đám giỗ là vô, tối ngủ lại đó với những người “chết” sau trận cụng ly trong đám giỗ!

Một tuần lễ sau, tôi về lại Rạch Giá, thủ phủ của tỉnh Kiên Giang. Ngủ nhà khách tỉnh ủy để chờ gặp lãnh đạo. Tiếp tôi là phó bí thư thường trực tỉnh ủy, tên Tám Quýt, nhân vật ngoài đời được nhà văn Anh Đức lấy làm hình mẫu để xây dựng hình tượng anh Hai Thép trong tiểu thuyết “Hòn Đất”. Khi tôi nói về đồng chí phó bí thư tỉnh ủy về chuyến đi thực tế của mình một tuần qua, trước khi về, xin phép hỏi lãnh đạo tỉnh một số điều. Phó bí thư thường trực Tám Quýt trả lời tôi một câu đầy ẩn tượng: đồng chí nhà báo đã đi như thế thì tôi phải hỏi đồng chí chứ sao đồng chí lại phải hỏi tôi!

Khi nói về chuyện chiến tranh năm xưa, “Anh Hai Thép” đã làm tôi ngạc nhiên một lần nữa. Theo Tám Quýt thì cuộc chiến đấu ở Hòn Đất không thấm gì với cuộc chiến ở đồi Tức Dụp bên An Giang, nhưng vì nhà văn Anh Đức viết về Hòn Đất nên địa danh này trở nên nổi tiếng, vậy thôi! Sau này tôi có dịp đến Tức Dụp, được nghe kể về cuộc chiến, được đọc tài liệu về Tức Dụp mới thấy điều “Anh Hai Thép” nói là sự thực. Các “anh Hai Nam Bộ” hồn nhiên và vô tư như thế đó.

Đọc đến đây sẽ có bạn đọc cười thắm và đặt câu hỏi: thế “đồng chí X” thì sao đây? Tôi xin nhường lời cho bác sĩ Huỳnh Tấn Mẫm, người sinh ra (1943) ở Tân Sơn Nhì Sài Gòn, người được mệnh danh là “chuyên gia biểu tình”

như nhận xét của ông Trương Tấn Sang, nói về “đồng chí X”. Cách đây vài tuần, sau Tết Nguyên đán Quý Tỵ (2013), trong một cuộc gặp gỡ khá bất ngờ tại một quán café ở Sài Gòn, gồm có nhà văn Hoàng Minh Tường (tác giả của tiểu thuyết “*Thời của thánh thần*”) ở Hà Nội vào, PGS TS Vũ Trọng Khải, nhà thơ Hoàng Hưng, Nguyễn Thị Khánh Trâm, bác sĩ Mắm và tôi. Anh Mắm kể cho chúng tôi nghe về cuộc gặp gỡ mới đây của ông với chủ tịch nước Trương Tấn Sang, ông Nguyễn Bá Thanh... Khi nói về “đồng chí X”, anh Mắm nhận xét: Tôi chưa thấy tay Nam Bộ nào nham hiểm, tàn độc như “đồng chí X”!

Trường hợp của “đồng chí X” là cá biệt, “chưa thấy” như anh Mắm nói là đúng, tôi nghĩ vậy với tư cách một dân “Bắc kỳ thứ thiệt” đã sống lang thang hơn 30 năm ở đất Nam Bộ, gặp gỡ và trò chuyện với các chức sắc của giới thượng lưu cho đến giới bình dân ở xứ này. Các “anh Hai Nam Bộ” dù có địa vị cao, vẫn có tác phong bình dân, ít quan cách hơn các quan cộng sản ở các miền khác của đất nước. Có lẽ do họ đều có “xuất xứ” bình dân. Trong 10 năm sống và làm việc ở Đồng bằng sông Cửu Long, tôi có biết một trường hợp khá thú vị. Đó là trường hợp của ông Sáu Cao, thường vụ tỉnh ủy Tiền Giang. Từng là ủy viên Ban Tuyên huấn trung ương Cục trong chiến tranh, sau 30-4 ông về quê công tác. Một lần ra Hà Nội làm việc, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện hỏi tôi: ở tỉnh cậu đang làm phóng viên thường trú, có lãnh đạo nào đọc được tiếng Pháp không? Tôi trả lời ông Viện: chỉ có ông Sáu Cao, đậu diplome. Ông Viện mừng lắm, đưa cho tôi cuốn “Delta du Mekong” (Đồng bằng sông Mekong) rồi bảo: về tặng cho

Sáu Cao. Ông Sáu Cao cũng là người duy nhất ở Mỹ Tho đặt mua 2 tờ “Nouvell de Moscow” và “Temps Nouveaux” ở bưu điện tỉnh. Ông giữ rất nhiều chức trong tỉnh, giám đốc đài phát thanh, giám đốc báo Ấp Bắc, giám đốc bảo tàng tỉnh, chủ tịch Hội văn nghệ tỉnh, giám đốc trường Đảng tỉnh... Nhưng ông ít đến các cơ quan đó, giao cho chức phó điều hành, nếu có đến thì chỉ nói chuyện “trên trời” là chính... vì thế anh em văn nghệ trong tỉnh gọi là “ông Sáu tào lao”! Tuy là thường vụ tỉnh ủy nhưng ông Sáu sống rất bình dân, áo bỏ ngoài quần, hút thuốc rê quanh năm. Một lần tôi đi ra quán cắt tóc gần nhà ông Sáu (cũng gần nhà tôi) để cắt tóc. Biết tôi quen với ông Sáu nên anh thợ vốn mau mồm mau miệng - mà thợ cắt tóc nào từ Bắc chí Nam mà chẳng thế - bảo với tôi: tôi phục ông Sáu Cao là “một người quân tử”! Tôi hỏi lại anh ta: quân tử thế nào nói tôi nghe? Anh thợ cắt tóc kể rất say sưa: hôm trước ông Sáu ra đây cắt tóc. Tôi hỏi, lâu lắm không thấy ông Sáu cắt tóc. Ông Sáu bảo: mình đi Liên Xô. Thế là có một tay ngồi chờ cắt tóc nhìn ông Sáu từ đầu đến chân, có lẽ hẳn thấy ông Sáu mặc bộ đồ pajama nhàu nhò, chân đi dép lê, người lại đen như nông dân, miệng hút thuốc rê vắn sâu kèn... nên tay này bảo: thôi đi cha nội, nói dóc nó vừa phải thôi, còn để người khác nói dóc với chứ... thứ ông ai người ta cho đi Liên Xô... Ông Sáu không nói gì, ngồi xuống ghế tiếp tục “kéo” thuốc rê. Được thể, tay này lại lớn tiếng: nói dóc vừa phải thôi, không có ngày công an bắt đó! (ở tỉnh lẻ, nhất là ở Nam Bộ, đi Liên Xô là lớn chuyện lắm, phải là bí thư hay chủ tịch). Tôi hỏi anh thợ cắt tóc: thế ông Sáu vẫn không nói gì à? Anh ta cười lớn, nói: thế mới bảo ông Sáu là người quân tử!

Thật hiếm ở nơi nào trên đất nước ta thời cộng sản, lại có một ông quan thường vụ tỉnh ủy “quân tử” như thế, nếu không phải là ở Đồng bằng sông Cửu Long(!) Về tính cách ham vui của người dân Nam Bộ, tôi có nhiều kỷ niệm đáng nhớ. Ở cùng phố với tôi, có anh bạn một hôm đến rủ tôi đến nhà anh ăn mừng sinh nhật Bác Hồ ngày 19-5. Đương nhiên là tôi đi. Đúng một tháng sau, anh lại đến rủ tôi đi liên hoan. Tôi hỏi, dịp gì thế? Anh ta bảo, hôm nay “đầy tháng” Bác Hồ! Chưa hết, anh rủ tôi đến nhà ăn giỗ bà già. Đúng một tháng sau anh lại đến rủ tôi, nói: hôm nay giỗ bà già tôi! Nghe vậy tôi ngạc nhiên quá, vì vừa ăn giỗ tháng trước. Anh hiểu sự ngạc nhiên này nên giải thích ngay: năm nay nhuận hai tháng tám phải giỗ hai lần! Vẫn chưa hết. Ngày Phật Đản, anh rủ tôi rồi đến ngày Noel mừng Thiên Chúa Giáng Sinh anh cũng đến mời tôi đi ăn mừng. Tôi thắc mắc vì anh theo đạo Phật cơ mà, anh cười, nói tôi đa tôn giáo! Thế nên hèn chi, ca dao Nam Bộ mới có câu:

“Ra đường thấy vịt cùng lùa

Thấy duyên cũng kết, thấy chùa cũng tu”!

Với dân Nam Bộ, cái gì cũng có thể đem ra vui đùa được, không có vùng cấm kỵ. Có lần bác sĩ Tư Dược, giám đốc xí nghiệp dược liệu quân khu 9 trong đó có trại rắn Đồng Tâm nổi tiếng, mời tôi ăn cơm. Khi gấp cho tôi một cái đuôi rắn hổ vào bát, ông bảo tôi ăn đi, bổ lắm, trong thịt rắn hổ có tới 18 loại axit amin! Rồi ông đổ tôi: đổ nhà báo, ở Nam Bộ cái gì ngon nhất? Tất nhiên là tôi chịu thua. Ông cười nói: rắn chi sui là ngon nhất. Nói rồi ông đọc cho tôi nghe một câu phương ngôn

Nam Bộ: *“Thứ nhất là rốn chị sui, thứ nhì là đuôi rắn hổ”.*

Chuyện tiểu lâm ở Nam Bộ cũng lạ lắm. Chuyện kể rằng ở Cà Mau có bốn bác nông dân ngồi nhậu. Một bác đề xuất phải họa thơ. Mọi người hưởng ứng. Bác chủ nhà đọc câu đầu:

Trước cửa nhà tôi có bụi môn! (khoai môn)

Bác thứ hai họa tiếp: Cái lá nghiêng nghiêng tựa cái lồn

Bác thứ ba họa tiếp: Cái củ xồm xoàm như con cặc

Bác thứ tư kết: Thế mà nấu chín lại ăn ngon!

Dân Nam Bộ là thế, chỉ thích vui “vì cuộc đời họ buồn lắm rồi, heo hút cô đơn lắm rồi...” Tôi rất thích đoạn văn đó của nhà văn Nguyễn Văn Bổng. Một người đã sống nhiều năm ở Nam Bộ, tác giả của tiểu thuyết *“Rừng U Minh”* và tập ký *“Cửu Long cuộn sóng”*. Tôi đã đọc nhiều lần đoạn văn đó của ông đến mức không cần ghi sách cũng có thể chép nguyên văn: *“Đất nước ta càng về phương Nam càng là đất mới, đất của những người không có quyền sống trên những mảnh đất đã được khai phá, vì vậy càng là đất của những người nổi dậy! Miền Tây Nam Bộ là mảnh đất lưu đầy và nổi dậy cuối cùng của tổ quốc. Đến đây là sơn cùng thủy tận rồi. Đến đây là đến trên bờ Thái Bình Dương, Vịnh Xiêm La mịt mù rồi. Đến đây chỉ còn hai con đường, một là không đủ nghị lực sống nữa thì đâm đầu xuống biển mà chết, hai là cố bám lại đấu tranh để sống. Con người đến đây là con người liều, con người ngang tàng, nghĩa khí, tính mạng coi nhẹ tựa lông hồng, tiền tài coi khinh như rơm rác. Đối với họ, chỉ nghĩa khí là trọng. Họ không cần có nhà đẹp, vì xưa nay có ở đâu được lâu. Nhà của họ là “nhà đá”, “nhà đập”, dựng lên đó, ở lại đó nhưng nếu không chịu nổi áp bức thì lại đập đi, đá đi, đến chỗ khác*

mà ở. Họ chẳng cần mặc sang, và có thì ăn, cũng không cần lo cho ngày mai lắm. Vì trước đây chắc gì họ được sống đến ngày mai, còn miễn sống được thì ngày mai ở trên hai cánh tay mình, dưới sông, trên rạch, trong rừng kia! Họ vô vấp hiếu khách vì cuộc đời họ đã buồn lắm rồi, heo hút, cô đơn lắm rồi. Họ chỉ còn có tình nghĩa là đậm đà với nhau. Họ sẵn sàng nhường áo, xẻ cơm, vì họ đã từng biết cái cực, cái nhục của đói khổ là thế nào. Và trên hết, họ rất căm thù. Đừng động đến họ” (Sau một cuốn sách - Nguyễn Văn Bổng).

Chính kẻ viết những dòng này cũng là kẻ “không có quyền sống trên những mảnh đất đã được khai phá”! Không sống được trên mảnh đất và ngôi nhà đẹp vào loại nhất làng Hoàng Mai giàu có giữa thủ đô Hà Nội vì “không có một kẻ hờ để suy nghĩ” trong chính ngôi nhà đó, không thể sống được trong cái xã hội XHCN ở miền Bắc lúc đó, một thứ chủ nghĩa xã hội nhà nước, tất cả phải làm cho cơ quan nhà nước. Và đã ở trong cơ quan nhà nước thì nhất thiết phải chui vào Đảng mới có địa vị và quyền hành, có bổng lộc để sống dễ thở hơn trong cái xã hội “xếp hàng cả ngày đó”! Không phải ai vào Đảng cái thời tôi ở Hà Nội cũng vì động cơ đó. Có người đã tâm sự với tôi, phải vào Đảng để có quyền, và chỉ có quyền mới có thể làm điều tốt nhiều hơn. Những người như thế có, nhưng ít lắm. Còn đa số chui vào Đảng để dễ đục khoét, dễ giàu có hơn người, nhất là ở cái thời “kinh tế thị trường định hướng XHCN” này khi “đều cẳng đã lên ngôi”! (Bùi Minh Quốc) thì vào Đảng 99,99% là để kiếm xôi thịt.

Tôi nhớ năm 1991, tôi sang Liên Xô. Một nhà tư bản Mỹ khi tới thăm Liên Xô lúc đó phát biểu: Ở nước Mỹ chúng tôi,

có tiền là có hết, còn ở nước các ông có quyền là có hết! Vì thế, chưa có ở đâu người ta tranh quyền quyết liệt bằng ở các nước XHCN. Cuộc đấu đá “ghế ít đít nhiều” luôn diễn ra khốc liệt ở mọi cơ quan nhà nước. Tôi có anh bạn ở báo Nhân Dân kể với tôi rằng, trong phòng anh làm việc, tất cả mọi người đều ngồi chung với nhau một một gian phòng rộng, nhưng riêng ông trưởng phòng thì được ngồi một cái ghế to hơn, cái bàn rộng hơn có ngăn kéo ở hai bên. Có lần một phóng viên chua chát nói: tôi đã đi mọi nẻo đường, đã vào Nam ra Bắc trong chiến tranh, vậy mà chỉ đi từ cái ghế này (anh chỉ tay vào cái ghế của mình) sang cái ghế này (anh chỉ tay vào cái ghế trưởng phòng) rồi kết luận: nhiều năm rồi mà không đi được một đoạn vài bước chân này! Thật là khốn nạn, khốn nạn!

Cũng cần phải nói cho rõ vì sẽ có người sẽ ngộ nhận. Ở Mỹ, để làm người có tiền không dễ vì luật pháp nghiêm minh, mọi thứ minh bạch. Muốn có tiền để có hết phải buôn bán làm ăn tử tế, làm việc tử tế và có tài. Còn ở nước ta, muốn có tiền trước hết phải biết buôn vua, buôn quan, buôn bán làm ăn dối trá làm đầu. Như nhà nghiên cứu xã hội Nguyễn Trần Bạt đã “phát hiện”, trốn thuế là sức mạnh cạnh tranh hàng đầu của các doanh nghiệp Việt Nam.

Những thế hệ người đi mở cõi phương Nam của đất nước ta thì anh dũng và cần cù, nhưng khi mảnh đất đã được khai phá quá màu mỡ, dễ sống nên các “anh Hai Nam Bộ” sau này ăn nhậu la đà, còn “suy tôn” cả những tay bợm nhậu bằng ca dao tục ngữ.

“Con chín khôn tìm cành đùm mà đậu

Con gái ngoan tìm thằng ăn nhậu mà nhờ

Mai kia nó chết bụi, chết bờ... đồ chôn!”

Cảnh ăn nhậu, say xỉn của đám mây râu ở Nam Bộ sau này đã gây ra nhiều thảm cảnh gia đình, xã hội. Vì thế, tôi đã viết bài báo nhan đề: “Rượu - Thảm họa ở đồng bằng sông Cửu Long” trên báo Lao Động chủ nhật số ra ngày 10-6-1990. Nói về rượu, tôi ghi được ở tỉnh Kiên Giang một bài hát về rượu như sau: *“Một ly nhâm nhi tình bạn / Hai ly giải hạn cơn sầu / ba ly cắt mùi đầy râu / bốn ly ngồi đầu nói đỏ / năm ly cho chó ăn chè / sáu ly ai nói nấy nghe / bảy ly làm xe lội nước / tám ly chân bước chân quỳ / chín ly còn gì mà kể / mười ly khiến đổ xuống xuống”*.

Những năm 1980 là những năm diễn ra cảnh “ngăn sông cấm chợ” khủng khiếp nhất ở nước ta. Ở ĐBSCL, nơi có nhiều hàng hóa nông sản nhất nước, cảnh ngăn sông cấm chợ càng tệ hại nhất. Trạm thuế Tân Hương, vị trí giáp ranh của tỉnh Tiền Giang với Long An là địa danh khét tiếng một thời. Xe cộ từ các tỉnh miền Tây lên đến đây bị ùn tắc vì phải đỗ lại để quản lý thị trường khám xét. Khách hàng phải xuống hết để nhân viên quản lý thị trường lên xe kiểm soát từng cái găm ghế. Một kg gạo, một trái dừa khô, một kg đường cũng bị tra hỏi. Có anh bộ đội về phép thăm nhà, đem 10 kg gạo, khi bị quản lý thị trường giữ, anh ta nói: có giấy phép của ông Đỗ Mười, quản lý thị trường quát: Đỗ mười một cũng tịch thu nửa là đồ mười! Cái giai thoại trên ra đời ở cái vùng nhiều lúa gạo nhất ở nước này là ĐBSCL.

Tôi đã có lần đi qua trạm Tân Hương, lấy máy ảnh chụp đoàn xe nối đuôi nhau cả cây số để chờ khám xét, đã bị quản

lý thị trường trạm này bắt, nhốt vào cái phòng tối om cả nửa ngày, mặc dù trước đó tôi đã trình thẻ nhà báo nhưng vẫn bị họ tịch thu cuộn phim trong máy ảnh. Khi về cơ quan thường trú ở TP. HCM báo cáo việc này, giám đốc Nguyễn Thành bảo tôi viết một bài ghi nhanh ở Tân Hương, nhưng khi thu băng rồi, gửi ra Hà Nội, Đài TNVN cũng không dám phát, vì lúc đó quản lý thị trường là một “chủ trương lớn của Đảng và nhà nước”! Nhưng nói đến chuyện ngăn sông cấm chợ ở ĐBSCL thời thập niên 1980 của thế kỷ 20 thì phải kể đến chuyện đường sông mới là đáng nói. Vì đa số hàng hóa ở vùng này đều do đường sông đảm nhiệm việc chuyên chở. Sông Tiền và Sông Hậu rộng mênh mông nối với mạng lưới kinh rạch chằng chịt ở đồng bằng, có nhiều nơi hẻo lánh và đặc điểm của vận tải sông là ghe thuyền chạy suốt đêm ngày (động cơ của nó có cấu tạo để luôn có nước sông làm mát máy không như ô tô chạy trên bộ). Các trạm thuế vụ, trạm quản lý thị trường lại đều được trang bị súng... nên họ lộng hành và dân vận tải sông “rên xiết dưới sự kiểm soát của họ”. Một cái ghe chở hàng nặng mấy chục tấn, đang chạy giữa sông Tiền sông Hậu rộng mênh mông, chỉ cần nghe một tiếng súng nổ trên bờ là phải quay vào để thuế vụ, quản lý thị trường kiểm tra giấy tờ, khám xét hàng hóa. Nếu đủ giấy tờ và không chở hàng “lậu” thì cũng phải nộp tiền chi phí phát đạn. Giá tiền một phát đạn như thế muốn tính bao nhiêu cũng phải chịu. Trên thế giới này có lẽ không đâu có cách phạt vạ người dân kỳ lạ và tàn bạo như thế. Người ta đua nhau vượt biên, bắt chấp sống chết vì lỗi cai trị và cách phạt vạ người dân kiểu Việt cộng như thế! Tôi đã đi theo một đoàn ghe 5 chiếc, mỗi

chiếc có trọng tải 25 tấn của hợp tác xã vận tải đường sông Rạch Gầm tỉnh Tiền Giang chở gạo thuê cho nhà nước từ các kho của tỉnh Kiên Giang lên kho của Tổng công ty lương thực miền nam ở TP. HCM. Cả đi lẫn về 11 ngày liền nên tôi được chứng kiến tận mắt cảnh các trạm kiểm soát dọc đường sông ở Đồng bằng sông Cửu Long đã hành hạ các chủ ghe và thủy thủ của họ như thế nào. Có chủ ghe nói thẳng với tôi là sẽ tu sửa ghe cho thật tốt rồi đưa cả gia đình, vô con đi vượt biên không thể sống với các ông cộng sản được! Sau chuyến đi đó, tôi đã viết bài điều tra mang tên “Đi theo những con thuyền mang tên Rạch Gầm”, báo Sài Gòn giải phóng đầu năm đó (1986) đã đăng bài phóng sự này. Chính đại tá Hoàng Cuông, trưởng ty Công an Hải Hưng năm xưa, người được tướng Qua nhắc đến như một điển hình tốt của Bộ Công an đã đọc được bài báo đó khi ông nhận chức cục phó một cục của Bộ có cơ quan tại phía Nam. Đại tá Hoàng Cuông đã đi xe com-măng-ca nhưng đỗ ở đầu đường, đi bộ đến số nhà 30 Thạch Thị Thanh ở Q1 TP. HCM để gặp tôi, theo hẹn, ông luôn “giữ bí mật” theo tác phong của ông. Gặp tôi ông hỏi chuyện về bài phóng sự đó. Tôi nói thẳng với vị đại tá công an này, là người ta sẽ bỏ nước đi hết nếu Đảng không thay đổi đường lối lãnh đạo, vẫn ngăn sông cấm chợ kiểu dã man trung cổ này!

Đó là chuyện tôi viết báo công khai, tôi còn làm “báo cáo mật” cho chủ tịch Tiền Giang Nguyễn Công Bình về việc các trạm thuế trên các đường sông. Đó là một lần tôi đi lang thang bên rạch Bảo Định ở Mỹ Tho, tôi nghe thấy một bà chủ ghe dưới rạch lớn tiếng than: kỳ này về tôi sẽ đốt ghe, không đi buôn nữa! Tôi vội lao xuống xem sự tình thế nào. Thấy chiếc

ghe khác lớn mang biển số KG, tôi biết là ghe của tỉnh Kiên Giang. Bà chủ ghe cho tôi hay, ghe của bà có trọng tải 21 tấn, bà chở đủ 21 tấn khoai mì (sắn) lên thành phố bán, nhưng đi qua các tỉnh, các trạm thuế đều bắt đóng thuế “bổ sung”, lấy lý do bà chở quá 21 tấn quy định. Nếu không đóng thuế “bổ sung” thì phải dỡ khoai mì lên cân lại. Bà than: bốc đủ 21 tấn lên cân lại thì bằng thất cổ tôi cho xong! Đó là cách bắt chẹt, bóp cổ dân của các trạm thuế. Một điều thật kinh hoàng là, ghe của bà sau khi cộng hết số hóa đơn “bổ sung” của các trạm thuế đường sông (trong đó có trạm Kinh Nước Mặn tỉnh Long An không thua gì trạm Tân Hương trên đường bộ) đã lên đến 20 tấn, xấp xỉ trọng tải chiếc ghe 21 tấn của bà. Đến Kinh Nước Mặn, chồng bà phải tháo chiếc đồng hồ senko đeo tay để trạm thuế “cắm”, như người ta “cắm đồ”, đợi khi nào lên TP. HCM bán được khoai mì, lúc trở về sẽ “chuộc”(!) Cũng còn may là lên đến TP, bà không phải đóng thuế nhờ chính sách miễn thuế cho các ghe chở lương thực (như khoai mì) cứu đói cho thành phố. Nơi đây muốn có khoai mì để cán bộ công nhân viên và nhân dân TP ăn sáng. Đó cũng là chính sách “xé rào” của TP. HCM một thời. Tôi hỏi bà chủ ghe cho biết tên những trạm thu thuế bổ sung, thì được biết đó là các trạm: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành ... Tôi xin bà các hóa đơn đỏ, bà cho ngay (trong đó có cả giấy biên nhận giữ đồng hồ của chồng bà ở trạm thuế Kinh Nước Mặn, khi bà quay về chuộc lại họ quên không đòi lại giấy để hủy). Với đầy đủ chứng cứ trong tay, suốt đêm tôi viết “báo cáo mật” về vụ đánh thuế chiếc ghe biển số Kiên Giang đầy oan nghiệt... (có kèm theo đầy đủ hóa đơn thu thuế bổ sung). Sáng hôm

sau tôi đem đến báo cáo chủ tịch tỉnh Nguyễn Công Bình. Xem xong “báo cáo mật” của tôi, ông chủ tịch đập tay xuống bàn rất mạnh và không nói câu nào cả. Đến kỳ họp giao ban hàng tuần, có đầy đủ các ty, ban, ngành trong sở, chủ tịch Sáu Bình đã phê phán gay gắt ngành tài chính và các trạm thuế. Ông đập tay xuống bàn rồi giơ tập hóa đơn thuế bổ sung lên nói to trước cuộc họp: thế này thì chúng ta trở thành kẻ cướp rồi, đâu phải chính quyền cách mạng!

Một ông trưởng ty ngồi cạnh tôi, ghé vào tai tôi nói nhỏ: đây là bọn công an kinh tế tỉnh nó “chơi” bọn tài chính thuế vụ đấy! (không ai biết là tôi đã “báo cáo mật” bằng văn bản cho chủ tịch Sáu Bình). Đến buổi chiều, chủ tịch cho gọi tôi đến, bảo tôi viết thay ông lá thư xin lỗi bà chủ ghe ở Kiên Giang. Ông cho tôi hay: sẽ theo địa chỉ ghi tên bảng hiệu của ghe và tên bà chủ để cử cán bộ xuống Kiên Giang xin lỗi bà, bồi hoàn số tiền mà tỉnh Tiền Giang đã 9ánh thuế oan với bà.

Chủ tịch tỉnh Tiền Giang là một người như thế, ông nổi tiếng là sáng suốt, cương trực và liêm chính. Nhiệm kỳ chủ tịch tỉnh của ông, tỉnh Tiền Giang đứng đầu ĐBSCL về nhiều mặt. Tôi có nhiều kỷ niệm với ông khi làm việc tại Đài Phát thanh Tiền Giang. Có lần ông kêu tôi đi cùng đoàn làm việc của tỉnh vào nông trường khai hoang Tân Lập trong Đồng Tháp Mười làm việc liền ba ngày. Buổi sáng cuối cùng, trước khi về ông hỏi tôi, ba ngày qua đi xuống các đội sản xuất rồi làm việc với Ban lãnh đạo nông trường, với công đoàn nông trường... “nhà báo thấy có gì cần phải trao đổi không?” Tôi thưa với ông, mọi chỉ đạo của chủ tịch tôi thấy đều đúng, duy chỉ việc trồng cây dọc các bờ vùng bờ thửa của cái nông

trường hơn 3000 ha này thì tôi thấy phải suy nghĩ lại. Tôi kể câu chuyện ông nội tôi làm thư ký cho Toàn Quyền Đông Dương, đi kinh lý các địa phương, khi cần làm việc gì, Toàn quyền đều giao cho chuyên gia, không bao giờ chỉ đạo cụ thể. Vì thế việc chủ tịch chỉ đạo trồng điều lộn hột, giao cho Sở Nông nghiệp nghiên cứu trồng cây gì thích hợp. Sau này bạch đàn lên tốt, cao vút, đường kính mỗi cây hai, ba tấc, ông Sáu đã chỉ đạo nông trường phải thưởng người kỹ sư đã tham mưu đúng (và cho cả tôi nữa).

Một kỷ niệm khác, trong chuyến đi Campuchia, thăm và đem quà tết của tỉnh Kiên Giang cho các bạn ở tỉnh kết nghĩa Puasat, khi đoàn dân-quân-chính của tỉnh về nước rồi, là người có mặt trong đoàn đi, tôi làm một bản báo cáo có số liệu về địa lý, kinh tế, văn hóa của tỉnh bạn (có so sánh với số liệu của Tiền Giang) trình chủ tịch Sáu Bình để sau tết ông đi thăm tỉnh kết nghĩa này. Chuyến đi của ông sang thăm tỉnh bạn kết nghĩa đó ngay sau tết 1982 rất thành công. Nhưng không ngờ cuối năm đó, chủ tịch lại có cuộc viếng thăm nước bạn XHCN Bungari, ông đến tận nhà tôi, đề nghị tôi soạn giúp một văn bản giống như đã làm với chuyến thăm Campuchia trước đây để ông tham khảo cho chuyến đi Bun sắp tới. Tôi hoảng quá, báo cáo. thưa ông Sáu, tôi chưa đi Bun lần nào ạ. Ông chủ tịch vốn nghiêm nghị này nghiêm nét mặt bảo tôi: đồng chí không được... khiếm tốn! Rồi ông ra về. Sở dĩ ông có thái độ nghiêm nghị và dứt khoát như thế vì mấy hôm trước có đoàn nhà bào ở TTX Novoti Liên Xô đến thăm tỉnh, ông cũng đến vào tôi: đồng chí đi nhiều nước rồi, có kinh nghiệm, ngày mai đồng chí cùng các nhà báo của

tỉnh tiếp khách cùng tôi. Tôi giao cho đồng chí việc đó. Tôi nói: Thưa ông Sáu tôi chưa đi nước ngoài bao giờ, trừ chuyến đi Campuchia năm ngoái. Ông Sáu nghiêm nét mặt bảo tôi: Đồng chí không được... khiêm tốn! Tôi đành sang Hội hữu nghị Việt-Xô của tỉnh mượn tất cả các số tạp chí của TTX Novoti phát cho anh em đọc và dặn anh em ngày mai đem các số báo ấy đi, đặt lên bàn cho khách người ta trông thấy và phát biểu nhận xét về tạp chí này. Khi thấy chúng tôi đều có tạp chí Novoti in bằng tiếng Việt đặt trước mặt và phát biểu rôm rả, đương nhiên là tôi phát biểu trước... bạn rất hài lòng. Cuộc đón tiếp đạt kết quả tốt nên mới có chuyện ông chủ tịch giao cho tôi soạn thảo tài liệu đi Bun và ông đinh ninh là tôi đi nhiều nước rồi sau cái vụ tiếp đoàn thông tấn Novoti(!)

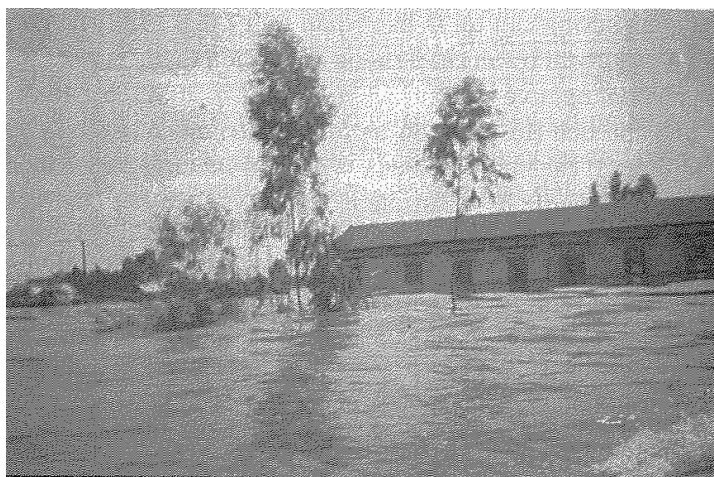
Cùng tắc biển! Tôi lên TP. HCM đến Hội trí thức thành phố và may mắn kiếm được cuốn “Bungari tự giới thiệu” bằng tiếng Pháp. Tôi đem về nhờ “thầy Quý chơi sách” dịch tóm tắt hộ về soạn thành tài liệu đưa trình chủ tịch sáu Bình. Tôi không quên ghi chú trong tài liệu rằng, trước khi chủ tịch về, nếu còn thời gian xin bạn cho đi dâng hoa viếng mộ nhà thơ X, thi hào của nước Bun như trong sách “Bungari tự giới thiệu” đã viết. Sau chuyến đi đó, chánh văn phòng ủy ban Sáu Kỳ, người tháp tùng chủ tịch đi Bun đem một cái khăn quàng phụ nữ rất đẹp, nói là quà của “chú Sáu” đi Bun tặng cho bà xã tôi. Sáu Kỳ cũng cho tôi hay, bạn rất phấn khởi khi nghe “chú Sáu” yêu cầu cho đi viếng mộ thi hào của nước Bun. Vì chưa có đoàn khách nào của Việt Nam, nhất là của một tỉnh mới giải phóng ở miền Nam lại có cử chỉ đẹp như thế.

Chưa hết. Tôi còn một kỷ niệm khó quên với chủ tịch Sáu

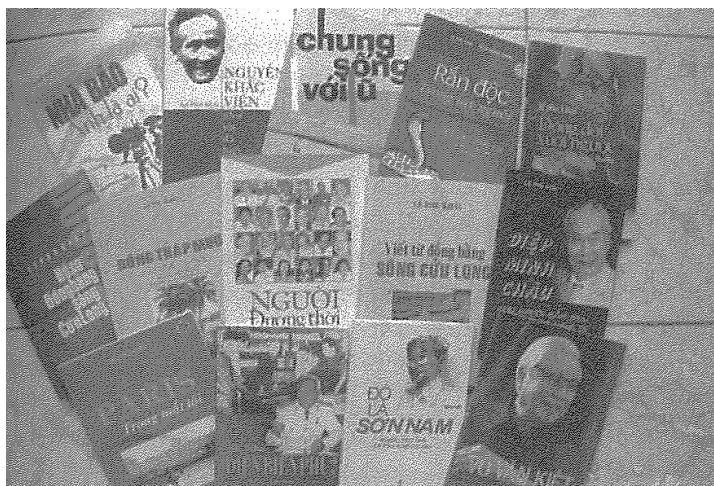
Bình khi cùng ông đi khánh thành một cây cầu mới trong một xã vùng sâu ở huyện Cai Lậy. Cát băng khánh thành xong, ông chủ tịch còn nán lại dặn dò cán bộ xã phải bảo quản cây cầu như thế nào. Lúc quay ra thì cậu lái xe (tên là Vũ) đi đâu mất. Xã phải cho người đi kiếm (miễn Bắc gọi là đi tìm). Thì ra có một đám giỗ, Vũ bị bắt vào nhậu. Thấy có người đến kiếm, nói “chú Sáu” giận lắm, Vũ hoảng quá lái xe như bay về. Nào ngờ cái cầu mới khánh thành, bề ngang hẹp, Vũ tông ngay xe vào thành cầu. Cánh cửa xe Lada của chủ tịch bẹp dúm, thành cầu cũng bị “tổn thương”. Ông Sáu giận lắm. Lúc ngồi trên xe trở về Mỹ Tho ông không ngớt lời mắng Vũ, dọa sẽ kỷ luật. Xong rồi việc cũng đâu vào đấy. Vũ vẫn lái xe cho chủ tịch. Nhưng việc đáng ghi nhận là từ đó, cây cầu mới chưa kịp đặt tên ấy, đã “chết” tên là “Cầu ông Vũ”. Bà con cái ấp ấy vẫn gọi là “Cầu ông Vũ” cho đến tận ngày nay. Trong văn bản địa đồ của huyện cũng chính thức ghi “Cầu ông Vũ”! Bởi có thể người ta mới biết mà hỏi đường. Và, nếu bạn đi lang thang ở Nam Bộ, nếu thấy một địa danh như Ấp Bà Bèo, cầu Bà Rượu, cầu Cái Vồn, cửa Sông Đốc, cửa Ông Trang, quận Cái Răng, cầu ông Tành, cầu Tắc ông Thục, xóm Kiến Vàng... thì đừng vội kết luận ngay đó là tên những danh nhân, địa danh nơi xảy ra những sự kiện lịch sử như Rạch Gầm. Có thể đó là tên một vị anh hùng hào kiệt nào đó có công lập ấp, lập làng, đánh đuổi trộm cướp, cá sấu, hùm beo khi ông bà ta đến mảnh đất này “mở cõi”, cũng có thể là một người bình dân như ông Vũ nhưng đã để lại cho xóm ấp những kỷ niệm đời thường, có thể vui, có thể buồn và đáng nhớ. Vậy thôi!



Bà Kiều ở xã Diên Hy huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang bị xã bắt trói trong một vụ tranh chấp ruộng đất. Ảnh: Huỳnh Công Bá



Cảnh lũ lụt năm 2000 ở Vĩnh Hưng Long An trong vùng Đồng Tháp Mười. Ảnh: LPK



Những cuốn sách đã in (1989-2008) của tác giả.

Trở về Đài Tiếng nói Việt Nam

Sau ba năm làm việc ở Đài Phát thanh tỉnh Tiền Giang mà chủ yếu thời gian dùng để đọc sách của các tác giả như Hồ Biểu Chánh, Phi Vân (giải thưởng văn học Cẩn Thơ 1943), Sơn Nam, Nguyễn Hiến Lê... đi dạy viết tin viết bài cho các đài truyền thanh các huyện và viết cho các báo như *Nhân Dân*, *Văn Nghệ*... Các đề tài tôi viết lúc đó rất cần cho đài, báo miền Bắc, vì đã gần 10 năm thống nhất đất nước các đài báo miền Bắc vẫn chỉ quanh quẩn các vấn đề của các tỉnh miền Bắc; luôn bị Ban bí thư phê phán là báo đài của “Thung lũng sông Hồng”! Đất nước ta tuy bé nhưng lại dài, từ Bắc vào Nam cả ngàn cây số, từ TP. HCM xuống Cẩn Thơ trước đây phải qua hai con phà đã mất cả ngày đường. Dân trí thấp đã đành, “báo trí” của các nhà báo nước ta cũng đáng ngại vô cùng. Sự hiểu biết của các

vị đó về Đồng bằng sông Cửu Long, vùng trọng điểm nông nghiệp rộng lớn của cả nước rất mơ hồ. Có vị ở báo *Nhân Dân* đi từ miệt dưới lên, đến Mỹ Tho ghé tôi chơi, sau vài câu hỏi thăm sức khỏe ông nói: tôi mới ở Đồng Tháp Mười lên, ở dưới ấy vui lắm. Tôi hỏi Đồng Tháp Mười nào? Vị ấy trả lời: ở dưới Cà Mau ấy! Kể cứ nói đến vùng đất hoang Đồng Tháp Mười là người ta hình dung nó ở xa lắm. Mà đã ở xa là phải ở tận Cà Mau! Người ta không hay trung tâm Đồng Tháp Mười là Mộc Hóa chỉ cách TP. HCM đường chim bay 60-70 km. Kể nói đến một vùng cây trái tập trung ở Nam Bộ là các vị ấy nghĩ ngay đến cây dừa ở Bến Tre!

Một lần, tôi viết về vùng chuyên canh cây khóm (dứa) ở tỉnh Kiên Giang có diện tích lớn nhất đồng bằng Nam Bộ. Khi viết tôi đã chú thích rất rõ là cây khóm Nam Bộ, miền Bắc gọi là cây dứa. Thế mà vị biên tập ở báo *Nhân Dân* đã gạch tuốt đi, chữa chữ “dứa” thành chữ “dừa”. Vậy là vùng dừa lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long không phải ở Bến Tre mà ở tận Kiên Giang! Một lần, tôi viết cái tin, một năm cồn Tân Long thuộc Mỹ Tho xuất khẩu được ba tấn vi cá. Có nghĩa là chỉ lấy cái vây con cá để xuất khẩu. Vậy là, phải đánh bắt được nhiều tấn cá quý mới lấy được ba tấn vi cá. Đến khi cái tin ấy được đăng trên trang nhất ở báo *Nhân Dân*, người ta đã “biên tập” lại, xóa chữ vi cá đi, chỉ là là “xuất khẩu ba tấn cá”. Có ai đời, một cái cồn giữa sông Tiền, biên chế một xã mà một năm chỉ xuất khẩu có ba tấn cá mà cũng đưa lên trang nhất báo *Nhân Dân*! Thời đó, báo *Nhân Dân* quan trọng lắm, cán bộ lãnh đạo các tỉnh thành, huyện, xã đều đọc hàng ngày. Vì thế ở Mỹ Tho, các vị lãnh đạo bảo nhau, có lẽ thằng

Phú Khải nó ăn tiền của bọn côn Tân Long nên mới đăng tin xuất khẩu ba tấn cá, trong khi đó có đơn vị hàng năm xuất khẩu hàng ngàn tấn cá mà nó không đưa tin! Ra đến Hà Nội thì có người lại chửi (rủa) tôi: Mày cậy quen biết Hữu Thọ, Minh Tân ở báo *Nhân Dân* nên muốn viết gì thì viết à? Thật là “oan thị Kính”! Nhưng chưa oan uống bằng vụ “Cầu Mộc Hóa bắc qua sông Vàm Cỏ Tây”. Đó là nguyên văn đầu đề bài ghi nhanh tôi gửi ra báo *Nhân Dân* năm 1985, vào một dịp kỷ niệm một ngày lễ lớn trong năm (2/9). Vậy mà 8g sáng, trưởng Ban tuyên huấn tỉnh ủy Sáu Cao cầm tờ báo trong tay đến nhà tôi ở 316 Trần Hưng Đạo, TP. Mỹ Tho rủa: cầu mới bắc qua Sông Tiền từ bao giờ thế Phú Khải? Tôi giở tờ báo ra xem, suýt ngất xỉu vì cái tí bài báo là: “Cầu mới bắc qua sông Tiền”! Đến 3g chiều ngày hôm đó thì tôi nhận được tin ông Hai Văn, phó chủ tịch tỉnh Long An nhắn: Phú Khải đừng qua Long An nữa, ông Tư Thân dọa gặp cậu sẽ bắn đó! Thì ra ông Tư Thân vốn là thiếu tướng quân đội, người dẫn đầu mũi tấn công thứ 5 từ miền Tây lên Sài Gòn vào ngày 30/4/1975. Tính nóng như lửa, khi đọc được bài báo đó, ông đã nói thế. Chả là trước đó vài ngày, ông có cho xe đón tôi từ Mỹ Tho qua Long An để dự lễ khánh thành cây cầu bê tông tiền áp dài 229,35 mét lớn nhất từ trước đến nay kể từ 1975, bắc qua sông Vàm Cỏ Tây ở địa phận Mộc Hóa nhằm phát triển kinh tế xã hội vùng Đồng Tháp Mười rộng lớn thuộc Long An. Báo viết như thế nên ông nổi nóng dọa bắn là phải! Tôi phải “bí mật” sang Long An gặp phó chủ tịch Hai Văn, đưa các bản lưu bài ghi nhanh cho Hai Văn xem, để “chạy tội”! Giữ lại bản lưu bài viết đó là kinh nghiệm xương máu của tôi,

nhờ đó mà tôi “thoát nạn” nhiều lần sau này. Tôi không có máy chữ, viết bài trên giấy pơ-luya rồi đặt tờ giấy than bên dưới (như cô kế toán viết hóa đơn). Bao giờ cũng vậy, tôi gửi bản chính đi, giữ bản phụ lại. Hai Văn xem xong vui vẻ hứa “sẽ báo cáo lại Tư Thân”! Xin mở ngoặc nói ít chuyện về cái vùng Mộc Hóa lắm chuyện vui và ông chủ tịch tỉnh Tư Thân nóng tính như lửa. Ở Mộc Hóa có ông chủ tịch quê ở Cà Mau là Năm Tâm. Ông có một bản báo cáo hàng năm của huyện bằng 100 chữ mà chữ nào cũng bắt đầu bằng vần “L”!

Năm nào cũng bản báo cáo đó, chỉ đổi con số mà thôi. Có lần anh Hữu Thọ về Mộc Hóa thăm anh hùng lao động nông nghiệp Võ Thị Hồng, tôi dẫn anh đến nghe ông Năm Tâm đọc bản báo cáo đó để “cười bò ra”! Vậy mà trong một lần chủ tịch tỉnh Tư Thân dẫn các ban, ngành đi kiểm tra vùng Đồng Tháp Mười cả tuần lễ, chủ tịch huyện Năm Tâm dám đem bài báo 100 chữ L ấy ra đọc. Tư Thân nổi giận... Năm Tâm sau đó phải “trốn” không dám lộ mặt. Chủ tịch Tư Thân cấm cả đoàn không ai được nhắc đến vần L của Năm Tâm làm mất tư thế đoàn kiểm tra! Đi trong vùng Đồng Tháp Mười chỉ có toàn nước phèn nên cả tuần nam giới chẳng ai dám tắm rửa, nước ngọt ở nhà khách ủy ban huyện phải để dành cho mấy chị trong đoàn, trong đó có bà Chín, trưởng Ty Y tế. Vậy mà bà Chín lại vô tình chê ông Tư ở dơ (bẩn). Vốn tính nóng như lửa, ông Tư quát: có ít nước ngọt dành cho chị rửa L hết rồi, còn chê bai tôi ở dơ nổi gì! Thế là chính Tư Thân đã phá lệ, nhắc đến vần L! Cả đoàn lại lăn ra cười và báo cho Năm Tâm không phải lánh mặt nữa. Hình như ở cái vùng đất hoang vu này, con người phải biết cười vui để sống: vì đã “*buồn lắm*

rồi, heo hút cô đơn lắm rồi...”

Lại nói về cây cầu Mộc Hóa bắc qua sông Vàm Cỏ Tây. Hai Văn vốn là bạn với Hữu Thọ nên gọi điện mời Hữu Thọ vào Long An chơi. Ông đưa Hữu Thọ lên cầu Mộc Hóa, chỉ xuống sông hỏi Hữu Thọ: Sông này là sông gì? Trả lời: Sông Vàm Cỏ Tây! Hai Văn lại nói: thế sao báo Nhân Dân lại báo cầu Mộc Hóa bắc qua sông Tiền? Hữu Thọ lại bảo: mình tưởng nó là một nhánh của sông Tiền! Đến một nhà báo nổi tiếng như Hữu Thọ mà còn lơ mơ về địa lý Nam Bộ như thế thì còn trách gì ai. Báo *Nhân Dân* năm 1985 còn đủ 365 số lưu trữ trong thư viện quốc gia, tôi đâu dám bịa chuyện nhầm lẫn “động trời” này!

Cái thời điểm đó chưa có một cơ quan đài báo nào ở trung ương đặt phóng viên thường trú ở Đồng bằng sông Cửu Long nhưng ở miền Bắc thì tỉnh nào cũng có thường trú. Giám đốc Nguyễn Thành sốt ruột cũng phải. Ông làm công văn xin Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cho tôi được trở về Đài tiếng nói Việt Nam nhưng vẫn “đóng quân” ở Mỹ Tho. Chủ tịch Tiền Giang Nguyễn Công Bình đồng ý. Thế là tôi trở thành phóng viên thường trú đầu tiên của báo, đài trung ương tại Đồng bằng sông Cửu Long. Trong quyết định, giám đốc Nguyễn Thành giao cho tôi viết tin, bài ở ba tỉnh Tiền Giang, Bến Tre và Đồng Tháp. Ông nói miệng: Có sức thì Phú Khải cứ đi cả đồng bằng thì càng tốt!

Thực trạng thông tin về Đồng bằng sông Cửu Long như thế nên tôi có tham vọng tìm hiểu toàn diện về đồng bằng để trước hết là thông tin chính xác, làm cơ sở cho các đồng nghiệp của mình. Tôi kiếm được cái bản đồ đường sông và đường bộ Đồng bằng sông Cửu Long tỷ lệ 1:500.000 của Cục

đường sông Bộ Giao thông vận tải in. Tôi bắt đầu đi khảo sát đồng bằng từ sáu vùng sinh thái (vùng phù sa nước ngọt ven sông Tiền, sông Hậu, vùng nhiễm mặn ven biển, vùng tây sông Hậu, vùng bán đảo Cà Mau, vùng tứ giác Long Xuyên, vùng Đồng Tháp Mười) của đồng bằng cho đến các vấn đề then chốt như hệ thống đường sông, tiềm năng giao thông đường sông, tiềm năng thủy lợi, du lịch, văn hóa Khơ me... Có lần đi cả tháng liền, đi đâu cũng mang bản đồ theo, đến chỗ nào thì đánh dấu vào bản đồ hoặc vẽ thêm vào những con đường, dòng kinh mới xuất hiện. Thời điểm đó (1985-1995) công cuộc khai hoang Đồng Tháp Mười rầm rộ nên tôi chú ý đến vùng này. Tầm bản đồ của tôi về vùng Đồng Tháp Mười dày đặc những nét vẽ mới, nó rách bươm đến nỗi phải “vá vúi” chẳng đụp. Sai hai năm mãi miết đi khảo sát như thế, tôi có thể tin rằng mình đã nắm sơ bộ về Đồng bằng sông Cửu Long. Nơi đây là một vùng nông nghiệp đa dạng, phong phú, có vùng rất trù phú như vùng phù sa nước ngọt ven sông Tiền, sông Hậu, ở đó có lúa một năm 2-3 vụ, có vườn cây trái tốt tươi, quanh năm có phù sa nước ngọt. Đời sống vật chất ở vùng này rất cao như có khách du lịch đã ghi cảm tưởng trong một nhà vườn: đây là một “thiên đường nhỏ” (petit paradise). Nhưng cũng có những vùng vô cùng khắc nghiệt vì xa nguồn nước ngọt, đất trũng, mùa lũ thì bị ngập tràn cả tháng nhưng mùa khô lại như sa mạc, đất phèn nặng... đó là các vùng Đồng Tháp Mười và tứ giác Long Xuyên.

Đến năm 1988, tôi đã hoàn thành bản thảo cuốn “*Đồng Tháp Mười hôm nay*”. Trong một lần đi tháp tùng phó chủ tịch hội đồng bộ trưởng Võ Văn Kiệt đi khảo sát, kiểm tra vùng

Đồng Tháp Mười, tối ngủ lại ở nông trường khai hoang trồng khóm Tân Lập tỉnh Tiền Giang. Sáng hôm sau, lúc ngồi ăn điểm tâm tôi có nói với ông Kiệt: cuốn sách viết về Đồng Tháp Mười của tôi đã xong, nhưng bản thảo nằm ở một nhà xuất bản trên TP. HCM cả năm nay mà chưa được in. Ông Kiệt nhìn tôi cười hóm hỉnh: Phú Khải cứ đặt tên cho nó là “hoa hậu Đồng Tháp Mười” tôi đảm bảo là được in liền! Mọi người có mặt ăn sáng lúc đó đều tán đồng. Sau này tôi có viết một bài ký dự thi cuộc thi viết ký văn học của báo Sài Gòn giải phóng năm 2005 với cái đầu đề: “Hoa hậu Đồng Tháp Mười” viết về một nữ doanh nhân ở TP. HCM thuê 2.000 ha đất trong vùng hoang Đồng Tháp Mười của tỉnh Long an mà trước đó các nông trường quốc doanh khai hoang đều thất bại, nhưng chị Bé Hai (tên doanh nhân) lại thành công. Bài ký đó tôi đã nhận được giải thưởng 6 triệu (5 triệu giải thưởng + 1 triệu nhuận bút đăng báo), hơn cả nhuận bút cuốn “*Đồng Tháp Mười hôm nay*”. Cuốn sách này do nhà xuất bản tổng hợp TP. HCM xuất bản (1989) có cả bản đồ Đồng Tháp Mười in năm 1939 lấy từ sách “*Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*” của Nguyễn Hiến Lê, và một số ảnh về Đồng Tháp Mười hôm nay do tôi chụp. Đó là cuốn sách thứ 2 tôi xuất bản về Đồng bằng sông Cửu Long sau cuốn đầu tiên “*Rắn độc trong tay người*” viết chung với Trần Đồng Minh về trại nuôi rắn Đồng Tâm của bác sĩ Tư Dục ở Xí nghiệp dược liệu quân khu 9 đóng tại Tiền Giang – một cuốn sách thiếu nhi do nhà xuất bản Trẻ ấn hành.

Cho đến bây giờ vẫn có ý kiến tranh luận về vấn đề khai hoang ở Đồng Tháp Mười. Có lập luận rằng khai hoang là phá môi trường sinh thái do tự nhiên sắp đặt. Thì ngay từ ban

đầu, sau 1975 chuyên gia Liên Xô cũng khuyên ta không nên khai phá Đồng Tháp Mười, để đó làm du lịch. Đây là vùng đầm lầy ngập nước rộng lớn nhất ở Đông Nam Á, để nguyên nó sẽ thu hút chim chóc cả vùng về đây sẽ thành điểm du lịch quốc tế lý tưởng (nay ta còn khoảng 7.000 ha ở Tam Nông Đồng Tháp cho loài sếu đầu đỏ đi về). Nhưng do sức ép về lương thực thời đó, nên buộc ta phải khai hoang Đồng Tháp Mười để trồng lúa. Nhưng những người đưa ý kiến không nên khai phá Đồng Tháp Mười lại phản biện rằng, vì chính sách hợp tác hóa nông nghiệp sai lầm nên ta mới thiếu lương thực. Nay bỏ hợp tác hóa thì ngay cả đồng bằng Bắc Bộ cũng thừa gạo ăn cho miền Bắc, có năm còn xuất khẩu thì cần gì phải khai thác Đồng Tháp Mười. Lịch sử trớ trêu là vậy. Nếu còn nguyên Đồng Tháp Mười hoang vu thì quý hóa biết mấy. Có nhà khoa học đã nói: một đất nước không ra đất nước nếu không có những vùng đất hoang. Một nhà thơ Pháp André Theuriot đã viết: “Hồn tổ quốc ngự nơi rừng sâu thẳm”! Nếu để vùng Đồng Tháp Mười là sân chim của cả vùng Đông Nam Á như chuyên gia Liên Xô đã từng khuyên ta thì bây giờ tiền thu được từ dịch vụ du lịch còn lớn hơn nhiều tiền xuất khẩu gạo trầy trật. Nhưng lịch sử không có chữ “nếu”! Người Pháp có câu ngạn ngữ rằng. “Với một chữ nếu, tôi có thể bỏ cả cái thành Paris vào trong một cái lọ!” Than ôi!

Sau cuốn Đồng Tháp Mười, tôi lần lượt cho xuất bản tập bút ký *“Viết về Đồng bằng sông Cửu Long”* (NXB Tổng hợp TP. HCM 1998) *“Dòng đời xuôi ngược”* (NXB Công an nhân dân 1998); *“Hồ sơ Đồng bằng sông Cửu Long”* (NXB Thanh Niên 2000); *“Chung sống với lũ”* (NXB Thanh Niên 2001).

Các sách trên đều đã được tái bản.

Viết những cuốn sách đó, tôi chỉ hy vọng cung cấp ít nhiều tư liệu chính xác cho các bạn đồng nghiệp của mình về vùng đất mà cả nước quan tâm là vùng Đồng bằng sông Cửu Long mà thôi. Cùng với việc cho ra đời các cuốn sách, hầu như tháng nào tôi cũng có bài phát trên Đài tiếng nói Việt Nam và báo *Sài Gòn Giải Phóng* về Đồng bằng sông Cửu Long. Đôi khi còn viết ký cho báo *Văn Nghệ* Hội nhà văn. Những bài nào theo suy nghĩ của tôi là có “nhận định”, có đề xuất vấn đề ở tầm vĩ mô với Đồng bằng sông Cửu Long thì tôi gửi cho báo *Nhân Dân*, và hầu hết được đăng, như các bài: *Tiền Giang từ khi có nghị quyết lần thứ V của Đảng* (báo ND 19.11.1982); *Nhìn lại vận tải đường sông ở Đồng bằng sông Cửu Long* (báo ND 24.4.90). Nhà văn Mai Văn Tạo quê ở An Giang đã đọc kỹ cuốn “*Đồng Tháp Mười hôm nay*” của tôi và bản thảo tập ký “*Viết từ Đồng bằng sông Cửu Long*” và ông đã viết lời giới thiệu cho tập ký này của tôi với tất cả tình cảm của người đi trước để động viên một nhà báo quê ở miền Bắc đã có công lặn lội để viết về miền Nam quê hương ông.

Quả thật, trong suốt thời gian làm phóng viên thường trú của Đài tiếng nói Việt Nam tại Đồng bằng sông Cửu Long (từ 1984-1992) rồi lên TP. HCM, tôi vẫn đi, vẫn viết về Đồng bằng sông Cửu Long cho đến năm về hưu (2002), và cả khi hưu rồi, vẫn đi vẫn viết về đồng bằng... Tôi đã không tiếc mồ hôi để hy vọng góp một chút sức lực của mình cho sự phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, vựa lúa của cả nước, mà chỉ có Đồng bằng sông Cửu Long mới có thể cứu nguy cho nhiều vùng đói khổ của đất nước. Đúng như nhà thơ Bùi

Minh Quốc đã viết:

*“Cả tuổi xuân ta hiến dâng cuồng nhiệt
Để đúc nên chính cổ máy này”*

Thật là chua chát! Cho đến nay khi Việt Nam đã xuất khẩu gạo vào hàng nhất nhì thế giới, nhưng càng xuất nông dân Đồng bằng sông Cửu Long càng nghèo và các nhóm lợi ích càng giàu. Người làm ra hạt lúa thì nghèo, kẻ đi buôn gạo được lấy tiền ngân hàng lãi xuất thấp đi buôn, buôn độc quyền thì phê phỡn. Tham nhũng thành quốc nạn, lãnh thổ bị gặm dần bởi anh bạn 16 chữ vàng, đất nước đứng bên bờ vực thẳm. Đó là kết quả của đại hội VI, chỉ cải cách kinh tế mà không cải cách chính trị, dẫn đến một nền kinh tế của bọn mafia. Tôi chỉ còn một con đường là cầm bút viết cho báo “lề trái”, viết cho mạng Internet tự do!

Cũng cần phải nói rõ thêm về khẩu hiệu “chung sống với lũ” mà tôi là người đầu tiên đưa nó lên phương tiện thông tin, báo chí. Tháng 10/1997, anh Lê Huy Ngọ lên làm bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Lần đầu tiên vô Sài Gòn, anh kêu chuyên gia thủy lợi Nguyễn Nhiệm đang công tác tại văn phòng II của Bộ ở đường Pasteur đến giao nhiệm vụ: cậu tìm xem ai là người đầu tiên nêu khẩu hiệu “chung sống với lũ” để tôi thưởng. Anh Nhiệm mời tôi đến văn phòng II chơi, rồi đưa tôi đi nhà hàng ăn trưa. Anh kể lại nhiệm vụ bộ trưởng Ngọ mới giao và nhờ tôi, một người hay viết về Đồng bằng sông Cửu Long tìm hộ tác giả đó. Anh còn nói: Bộ trưởng mới giao việc cho tôi, anh Phú Khải cố giúp tôi việc này. Tôi bảo với anh Nhiệm: cứ yên tâm, mai tôi sẽ

trả lời anh ngay. Anh Nhiệm mừng lắm.

Hôm sau tôi mang đến cho anh Nhiệm bản photo ba bài viết của tôi trên báo. Bài thứ nhất: *Ồi! Đồng bằng sông Cửu Long Báo xuân Sài Gòn Giải Phóng* Nhân Thân 1992; Bài thứ hai nhan đề: *Chung sống với thiên nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long* (đăng liền hai số báo *Sài Gòn Giải Phóng* từ số 21/10/94 đến 1/11/94 và số tiếp theo). Bài thứ ba: *Né lũ* (báo *Văn Nghệ* Hội nhà văn VN 5/11/1994).

Tôi nói với anh Nhiệm: anh đọc kỹ ba bài báo này theo thứ tự thời gian đăng. Nếu anh không tìm thấy văn bản nào, bài báo, cuốn sách hay quyết định công văn nào trước đó đã nêu khẩu hiệu “chung sống với lũ” thì tôi là tác giả của khẩu hiệu này. Anh Nhiệm mừng lắm, cảm ơn tôi. Ba ngày sau anh điện cho tôi lên văn phòng II dùng cơm với anh Ngọ, để anh Ngọ thưởng tôi. Bữa cơm có cả chị Năm Triều, Tổng giám đốc công ty lương thực miền Nam và một vài nhà bào khác. Lúc đã ngà ngà say, anh Ngọ nói: giá bây giờ có cái chiếu giải xuống đất ngồi mà nhậu thì hay quá! Tôi nhớ mãi câu này vì ai đời đang ngồi bàn có ghế tựa lưng để ăn nhậu rất sang trọng lại ước ngồi chiếu ở dưới đất. Ông Ngọ đúng là một “Bộ trưởng của nông dân”! Tiệc xong, cậu Nhận thư ký của anh Ngọ đưa cho tôi một chai rượu Hennessy và nói: Bộ trưởng tặng thưởng nhà báo! Tôi đem chai rượu về khoe với bà xã. Bà bảo tôi: Bộ trưởng thưởng công mà chỉ có một chai rượu thôi à? Sau đó tôi có việc phải đi Hà Nội. Tôi kể cho chú em họ tôi là Lê Phú Hoành đương kim vụ trưởng Vụ Quan hệ Quốc tế Bộ Tài chính nghe câu chuyện “chung sống với lũ” và phần thưởng của Bộ trưởng Ngọ cho tôi. Chú em tôi nói: mồm anh bé mà nói một câu lớn

như thế người ta không cắt lưỡi là may lắm rồi(!) còn đòi gì nữa. May cho họ Lê Phú nhà ta không có người bị cắt lưỡi! Tôi là một nhà báo, mà nhà báo thì là người làm chính trị mà không mưu đồ quyền lực nên đã “ngây thơ” chăng?

Viết lại câu chuyện tôi chỉ muốn nói rõ một điều là, trên thực tế nông dân Đồng bằng sông Cửu Long vẫn chung sống với lũ từ xưa đến nay. Bà con gọi là “mùa nước nổi”, là “lũ lành”. Khi chúng ta khai hoang những vùng đất xưa kia, bà con chỉ vào thu hoạch lúa nổi, lúa trời chứ không ở lại đó. Nay làm lúa 2 vụ ở những vùng đó, xây nhà, xây trường học ở những vùng xưa kia không ai ở, chỉ đến xâm canh mà thôi. Vì thế, mới thiệt hại và chưa có biện pháp chung sống với lũ ở các vùng mới định cư đó. Và, nhà nước vội vàng hô “chống lũ”, báo chí hòa theo viết bài “chống lũ”! Ông Đỗ Mười còn dọa sẽ “huy động toàn Đảng, toàn dân đắp đê cho Đồng bằng sông Cửu Long”! Khi ông ở ngoài Bắc vào Nam để triển khai tư tưởng này, thứ trưởng Bộ Thủy lợi là ông Nguyễn Giới đã phải đem cả một tổ chuyên gia thủy lợi đến thuyết phục, may quá ông Đỗ Mười đã nghe ra và bỏ ý định “huy động toàn Đảng toàn dân” đắp đê cho Đồng bằng sông Cửu Long.

Ngay cả bà con đang sống trong vùng kinh tế mới giữa Đồng Tháp Mười đã khẩn hoang, họ vẫn có cách “né lũ” để sống chứ không phải họ chống lũ. Vì thế tôi chỉ là người có công gọi đúng tên sự vật khách quan là nhân dân đang “chung sống với lũ” chứ tôi không phát kiến ra cái gì mới lạ cả. Có điều là, nhà báo phải sát dân, không ngồi trong phòng lạnh để chờ ăn theo, nói leo các ông lớn. Tôi nẩy ra ý định viết hàng loạt bài cổ vũ cho khẩu hiệu “chung sống với lũ” trong một

chuyến đi thực tế quan sát lũ. Hôm đó là một buổi chiều cuối năm 1991, phó giám đốc Sở Nông nghiệp Tiền Giang là anh Nguyễn Văn Khang hiện nay (2013) đang là chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh. Anh Khang đến rủ tôi và nhà báo Hải Bình, trưởng cơ quan Thông tấn xã Việt Nam tại Tiền Giang đi Cái Bè gặp với anh. Anh nói: lũ miệt trên (tức An Giang-Đồng Tháp) đã về đến xã Hậu Mỹ Bắc A của Cái Bè Tiền Giang rồi, tôi sốt ruột lắm, mời hai anh đi với tôi, các anh “la lên” cho mọi người biết lũ năm nay to lắm, chuẩn bị mà đối phó. Thế là chúng tôi đi. Đến xã Hậu Mỹ Bắc thì cánh đồng còn khô ráo, bà con đang gặt lúa gấp để né lũ. Lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long là lũ chảy tràn trên một mặt bằng rất rộng lớn nên nó bò từ từ, qua rất nhiều chướng ngại vật là bờ ruộng, bờ kênh, nhà cửa, vườn tược. Nước lên nhích dần từng centimet. Chiều tối hôm ấy chúng tôi quyết định ngủ lại một nhà dân đang gặt lúa chạy lũ. Mâm rượu được dọn ra đãi khách. Lúc chúng tôi cởi dép lên giường ngồi nhậu thì sàn nhà còn khô ráo. Một lúc sau quờ chân xuống đất tìm đôi dép thì đã chạm chân vào nước. Nước đã vô nền nhà và đôi dép chui vô gầm giường. Sáng hôm sau thì cả vùng đất rộng lớn là huyện Cái Bè của tỉnh Tiền Giang, vùng giáp ranh với Đồng Tháp Mười đã mênh mông nước. Những gia đình nào chưa kịp thu hoạch lúa thì đang gặt mò! Gia đình nào đã thu hoạch xong thì lo chở lúa lên lộ cao phơi. Bấy giờ mọi người đi lại bằng chiếc xuống ba lá bé nhỏ. Tôi đứng nhìn cánh đồng ngập nước mênh mông... cảnh sắc giống hệt vùng chiêm trũng Hà Nam-Phủ Lý mùa mưa bão ngoài Bắc. Nhưng nên nhớ rằng, nước đồng chiêm trũng ngoài Bắc là thứ nước chua có hại

cho lúa mà bà con gọi là vùng “chiêm Khê mùa thối”. Còn “nước nổi” mà chúng tôi đang cời quần dài vắt lên cổ để lội ở Cái Bè này là nước ngọt phù sa, rất tốt cho cây lúa. Nó là thứ phân bón hảo hạng nhất cho đồng ruộng luôn “trẻ” lại. Nó còn diệt cỏ, diệt hết chuột bọ trên cánh đồng để bà con làm vụ lúa sau khỏi phải phun thuốc trừ sâu, trừ cỏ. Nó còn đem tôm cá vô tận sản nhà cho bà con. Cảnh vây quanh tôi lúc đó vẫn yên tĩnh, êm ả, có hơi buồn một chút vì ai đó ngôi nhà, có việc mới chống xuống “đi công chuyện”. Tôi nghĩ ra cái chủ đề phải “chung sống với lũ” từ cái đầu đang cuốn chiếc quần dài để “né lũ” và đôi chân đang ngâm dưới biển nước phù sa mát rượi ở huyện Cái Bè hôm đó. Những bài báo với chủ đề “chung sống với lũ” của tôi đã ra đời như thế, may mà không bị “cắt lưỡi”! Sau này khi cuốn “*Chung sống với lũ*” của tôi ra đời, sách viết chung với tiến sỹ Tô Văn trường (NXB Thanh Niên 2001), thì có nhiều báo viết về tác giả của khẩu hiệu “chung sống với lũ” như bài “*Người đầu tiên nêu khẩu hiệu ‘chung sống với lũ’*” của nhà báo Nguyễn Thị Kỳ, phóng viên báo *Sài Gòn Giải Phóng* đăng trên tạp chí Văn Hiến số 11/2006, hay bài “*Người đầu tiên chung sống với lũ*” đăng trên báo *Văn Nghệ Trẻ* số ra ngày chủ nhật 2/11/2008... của luật sư Bùi Mạnh Hảo. Thủ tướng Võ Văn Kiệt là người đọc rất kỹ những bài báo viết về Đồng bằng sông Cửu Long, về lũ. Có lần ông hỏi tôi: Vợ chồng Phú Khải sống với nhau thế nào? Câu hỏi đột ngột quá khiến tôi chưa biết trả lời ra sao thì ông nói: phải sống hòa thuận chứ như chung sống với lũ mà Phú Khải viết thì không ổn! Và sau đó, hàng loạt những chương trình để chung sống với lũ như khu dân cư vùng lũ,

cơ cấu lại thời gian gieo, sạ hè thu để né lũ, thời gian học của học sinh vùng lũ được khai giảng sớm hơn và kết thúc năm học sớm hơn các vùng khác... đã được chính phủ dưới thời ông Võ Văn Kiệt làm thủ tướng tiến hành có hiệu quả. Năm 1998, Đồng bằng sông Cửu Long lũ rất thấp, sâu bệnh hoành hành, thất mùa lúa, mùa cá. Ông Võ Văn Kiệt lúc đó là cố vấn Ban chấp hành trung ương Đảng trong một cuộc họp đã nói một câu bất hủ mà tôi chưa nghe thấy bao giờ! Không có lũ là thiên tai với Đồng bằng sông Cửu Long!

Chúng ta hôm nay lên án mạnh mẽ những kẻ đang xây đập trên thượng nguồn sông Mekong làm ảnh hưởng đến dòng chảy, làm khô cạn nguồn lũ về vùng hạ lưu... càng thấm thía lời nói, càng thấy sự sáng suốt Võ Văn Kiệt - con người sinh ra từ phù sa nước ngọt, từ nắng mưa hào phóng của Đồng bằng sông Cửu Long!

Cuối những năm 1980, một cuộc tranh chấp ruộng đất làm rung chuyển Đồng bằng sông Cửu Long. Khi các hợp tác xã và tập đoàn lần lượt tan rã, rồi khoán 100, khoán 10 ra đời... Sản xuất được phục hồi thì đất đai có giá. Cuộc tranh chấp đất đai tự phát bùng nổ. Nguyên nhân là khi xây dựng hợp tác xã và tập đoàn sản xuất chúng đã cào bằng để chia lại ruộng đất theo bình quân nhân khẩu. Những hộ thừa đất tính theo bình quân thì phải “nhường cơm xẻ áo” cho hội thiếu đất. Khi chia lại như thế có tình trạng hộ A thừa đất phải cắt cho hộ B. Nhưng ngay cả diện tích đất của hộ A được giữ lại nhưng không được canh tác trên đất cũ của mình mà phải đi nhận ruộng ở chỗ khác. Sau này, người chủ cũ về đòi lại ruộng của hộ A, mà hộ A không đòi được ruộng gốc cũ của mình thì

hộ A đó coi như trắng tay. Người nông dân chỉ có ruộng để sinh sống, vì vậy, sau câu chuyện “nhường cơm xẻ áo” kia là sự tranh đấu vô cùng khốc liệt. Cả nông thôn đồng bằng nào loạn: cướp phá, đốt nhà, đánh nhau, kéo nhau lên tỉnh, lên thị xã biểu tình rầm rầm, chính quyền không biết đường nào mà giải quyết. Chính sách hợp tác hóa của Đảng là nguyên nhân của tội ác này. Và nói thật công bằng, giới báo chí cũng phải chịu trách nhiệm về tội ác này vì đã cổ vũ cho phong trào “hợp tác hóa”. Trong những tội ác mà báo chí đã gây ra, có tôi - kẻ viết những dòng chữ này cũng nhúng tay vào tội ác đó. Chính tôi đã viết không biết bao nhiêu tin, bài cho đài cho báo để cổ vũ cho hợp tác hóa vì sự ngu dốt, ngộ nhận của mình. Đài phát thì gió bay đi, còn báo in thì còn đó. Những bài tôi viết trên báo *Nhân Dân* vẫn còn đó. Tôi có muốn chối cũng không được. Thế mới biết các cụ ta ngày xưa thâm thật, các cụ dạy: “Khôn thì viết văn tế, dại mới viết văn bia”!

Trước tình hình đó, tôi muốn chuộc tội của mình bằng các thu thập tài liệu để dự báo cho cả nước biết tình hình tranh chấp ruộng đất đang nhen nhúm và có khả năng bùng phát lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng tôi lại ngu một lần nữa, vì báo chí dưới sự lãnh đạo của Đảng chỉ để ca ngợi, để minh họa đường lối của Đảng, để “đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống”. Báo chí không can dự báo, không được “bôi đen” chính sách của Đảng và không can đưa cuộc sống vào nghị quyết Đảng! Bài viết “*Tranh chấp ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long*” của tôi gửi ra, Đài Tiếng nói Việt Nam không chịu phát, báo *Nhân Dân* không dám đăng. Cuối cùng, tổng biên tập báo *Quân Đội Nhân Dân*, thiếu tướng Trần

Công Mân vào Tiền Giang, đích thân ông đã đem bài báo đó ra để báo Quân đội đăng. “Tai hại” nhất cho tôi và phóng viên nhiếp ảnh Nguyễn Bá là bài báo có kèm bức ảnh bà Kiều ở xã Diên Hy huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang bị xả trói giật cánh khuỷu bằng một sợi dây rất to do Nguyễn Bá chụp để minh họa về tình trạng cường hào mới ở nông thôn. Bức ảnh một bà già gầy yếu, bị trói giật hai tay ra sau lưng đó đã gây xúc động, gây tiếng vang. Báo chí Phương Tây có đăng lại. Thế là người ta đặt câu hỏi có bàn tay của CIA không? Nguyễn Bá bị điều tra lý lịch, còn tôi thì bị nghi đã “vẽ” cái dây trói ấy vào tay bà Kiều? May đời, Nguyễn Bá còn giữ được phim gốc (và được báo *Áp Bắc* bênh vực), tôi còn giữ một ảnh lưu nên mới thoát nạn. Vì thế tôi mới cho rằng, giữ bản lưu là chuyện sống còn với các nhà báo viết phóng sự điều tra.

Nguy hại nhất là người ta không dám nhìn thẳng vào sự thật là nguyên nhân tranh chấp ruộng đất do chính đường lối cải tạo nông nghiệp sinh ra, là mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không có bàn tay CIA nào cả. Chính quyền không giải quyết các vụ tranh chấp ruộng đất vì không biết giải quyết theo luật nào khi các hợp tác xã và tập đoàn đã tan rã, trung ương thì chưa có ý kiến gì. Một số nơi, cán bộ xã vì tư lợi đã đứng về một phía để làm càn. Một buổi sáng còn chưa rõ mặt người, các anh Quốc Thái và Dũng ở Phân xã Tiền Giang thuộc Thông tấn xã Việt Nam đến kêu tôi đi điều tra về một tranh chấp quyết liệt và sùng nổ ở huyện Châu Thành do người nhà của nạn nhân đến cầu cứu báo chí. Các anh mặc áo mưa, che kín mặt chờ tôi đi... như đi hoạt động bí mật. Chúng tôi đến nơi thì ruộng lúa đến ngày thu hoạch bị

phá nát. Đầu đuôi là một thanh niên trong xã phải đi nghĩa vụ quân sự. Diện tích ruộng của anh phải điều hòa cho người khác. Khi hết hạn nghĩa vụ, theo đúng luật nhà nước để ra thì anh phải được trả lại ruộng để canh tác. Nhưng người làm mảnh ruộng đó cậy có người nhà làm cán bộ lãnh đạo xã nên không chịu trả. Anh thanh niên đó cứ cày bừa, gieo sạ trên mảnh đất của mình đã được cấp trước khi đi nghĩa vụ. Đến khi anh thu hoạch thì xã điều du kích đến đàn áp, phá ruộng lúa của anh ta. Súng đã nổ để thị uy nhưng người thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự đó vẫn không buông con dao trên tay mình để tự vệ. Sau đó nhà anh bị quân đội bao vây, vì xã báo lên huyện đội là anh có vũ khí, lựu đạn. Nhưng quân đội chỉ bao vây mà không đột nhập vào nhà rồi rút lui. Tôi phỏng vấn người thanh niên dùng cảm bảo vệ ruộng đất của mình: vì sao súng nổ quanh người mà chú vẫn không hạ dao? Anh ta trả lời một cách xanh rờn: người lính hạ vũ khí là tự sát! Rồi anh giải thích: tôi biết thừa du kích không dám nã súng vào tôi. Ai lại dại gì giết người để giữ ruộng cho người khác. Còn nếu tôi hạ vũ khí, bị bắt trời giam trong ủy ban xã, thì ngay đêm ấy ăn một trận đòn hội chợ là tiêu mạng! Anh cầm con dao rửa dài giờ lên trước mặt tôi: vũ khí phải cầm chắc. Anh còn dẫn chúng tôi đi xem con đường từ ruộng về nhà, lối anh đi bị đạn bắn cây hai bên nhưng anh vẫn đi bình tĩnh. Chúng tôi phỏng vấn ghi âm chụp hình hiện trường thì có người báo, phải rút ngay (vì xã đã báo công an huyện về bắt các nhà báo). Quốc Thái và Dũng là những nhà báo đã từng cầm máy ảnh lăn lộn chiến trường miền Nam năm xưa trong đội quân thông tấn xã nên kinh nghiệm đầy mình. Các

anh hóa trang cho tôi và rút về Mỹ Tho theo một đường khác. Vừa rời hiện trường được một đoạn thì Quốc Thái dừng xe lại, chỉ cho tôi và Dũng chiếc xe jeep chở công an huyện về bắt chúng tôi đang chạy trên con đường vào xã mà sáng nay chúng tôi vừa đi. Thái chửi thề: đù mẹ! Mấy thằng con nít kia thì làm gì được mấy cựu chiến binh chúng tao. Tầm hình Quốc Thái chụp tôi đội nón phớt đứng giữa thửa ruộng đã bị phá nát đã được tờ Tuần Tin Tức của Thông tấn xã Việt Nam đăng để minh họa cho một bài viết có chủ đề về tranh chấp ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long lúc đó. Tờ này tôi còn giữ được cho đến bây giờ.

Chúng tôi đã làm nhiều cuộc điều tra “bí mật” như thế trong những trường hợp gây cản không kém, phải ngủ bờ, ngủ bụi... để nắm rõ các nguyên nhân tranh chấp ruộng đất. Để chứng minh mình là không có “địch”! Tờ báo tuần “*An ninh Tiền Giang*” của Sở Công An Tiền Giang do thiếu tá Võ Thị Cẩm Hồng phụ trách sau đó đã đăng bài nhan đề: “*10 nguyên nhân tranh chấp ruộng đất*” của tôi. Khi tình hình đã chín mùi khiến trung ương phải giải quyết, anh Hữu Thọ đã vào miền Nam để nắm tình hình. Và, thật sung sướng cho tôi là báo *Nhân Dân* (15/8/1988) đã đăng bài viết về đề tài tranh chấp ruộng đất ở Tiền Giang của tôi. Sau đó cuộc hội nghị về tranh chấp ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long ở Cần Thơ do phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng chủ trì đã có kết luận gần tương tự với các nhận định của báo *Nhân Dân* ngày 15/8/1988. Những người ủng hộ quan điểm “không có bàn tay của địch” trong các vụ tranh chấp ruộng đất đã chúc mừng các nhà báo chúng tôi.

**Moscow không tin vào nước mắt
(tên một bộ phim Liên Xô)**

Anh TX, phóng viên Đài Tiếng nói Việt Nam tại cơ quan thường trú ở TP. HCM nói với phó Tổng giám đốc đài Mai Thúc Long: phóng viên lâu năm của đài ta ai cũng được đi nước ngoài ít nhất một lần, tội nghiệp anh Phú Khải, quanh năm lúi húi dưới Đồng bằng sông Cửu Long, bài gửi ra thì đài phát ngay mà chẳng được đi đâu bao giờ!

Thế là tôi được đi công tác ở Liên Xô. Nói là đi công tác cho oai, vì Đài các nước xã hội chủ nghĩa hàng năm đều có trao đổi cán bộ nhưng thực chất là đi chơi. Từ Mỹ Tho, tôi lên TP. HCM rồi đi xe lửa ra Hà Nội, vợ tôi cũng đi tiễn chân tôi tiện thể về quê ở Đồ Sơn luôn. Tôi phải đi xe lửa, vì như đã nói ở đầu sách, nếu không phải là trưởng phó phòng biên tập trở lên thì không có tiêu chuẩn đi bằng máy bay! Mặc dù nếu phải đi gặp thủ tướng để phỏng vấn thì ở cơ quan thường trú của Đài tại TP. HCM chỉ có thể là tôi mà thôi. Là nhà báo đúng nghĩa của nó, phải là người “trình thám” cuộc sống, là cầm bút suốt đời, không làm “lãnh đạo” ngôi nhà. Tôi có đủ kinh nghiệm để gặp thủ tướng, vì tôi đã xây dựng được một quan hệ xã hội, để khi cần vẫn có thể gặp được thủ tướng, vì tôi biết chắc chắn sẽ có lúc phải đi gặp Thủ Tướng mà “chưa được bên an ninh duyệt”. Lấy trường hợp năm 1997, thủ tướng Phan Văn Khải đi dự hội nghị thượng đỉnh khối ASEAN và lúc về lại xuống ngay TP. HCM là một ví dụ. Chuyến đi ấy của ông Khải, mà sau này tôi biết, chỉ có biên tập viên xinh đẹp Thu Uyên của Đài Truyền hình Việt Nam là được đi tháp tùng. Nhưng Đài Tiếng nói Việt Nam lại muốn

có ngay tin phỏng vấn thu thanh ông thủ tướng sau chuyến đi quan trọng này để phát ngay chương trình thời sự chiều tối hôm đó. Đây là thế mạnh tuyệt đối của phát thanh so với các phương tiện thông tin khác là báo viết, truyền hình... Hà Nội điện vào cho cơ quan thường trú tại TP. HCM yêu cầu có tin phỏng vấn thu thanh thủ tướng, ngay lúc ông xuống máy bay. Giám đốc thường trú là Đào Quang Cường giao nhiệm vụ này cho tôi. Bình thường các cơ quan báo chí loại A như báo *Nhân Dân*, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam có một phóng viên chuyên trách được cử và được bên an ninh người ta chấp thuận để đi tháp tùng thủ tướng trong những chuyến đi công cán trong và ngoài nước. Những phóng viên này có phù hiệu đóng dấu của Cục Bảo Vệ để tiện ra vào đi lại qua các hàng rào an ninh trong mỗi chuyến công tác. Tôi hoàn toàn không có những thứ đó. Cho dù tôi quen biết anh Phan Văn Khải trước 1975 trong thời gian ở ngoài Bắc, nhưng khi ông đã là thủ tướng thì tôi không có cách gì gọi điện thoại trực tiếp cho ông mà không phải thông qua thư ký riêng hoặc bảo vệ của ông. Đó là cách “quản lý” người, các nhân vật lớn của chế độ. Tôi cũng có dẫn chứng cụ thể về việc “quản lý thông tin” này. Đó là trường hợp bác sĩ Ngô Văn Quỹ, một trí thức nổi tiếng ở TP. HCM, bạn với ông Võ Văn Kiệt. Khi bác sĩ Quỹ qua đời, bốn cô con gái của ông khóc lóc với tôi rằng, trước khi cha cô mất chỉ dặn lại một điều là vào nghĩa trang thành phố để được nằm cạnh mẹ các cô đã nằm trong đó. Nhưng gia đình đã làm đơn, quản lý nghĩa trang trả lời rằng, bố các cô còn thiếu ba tháng nữa mới đủ tiêu chuẩn là cán bộ lão

thành hoạt động trước cách mạng để được vô nghĩa trang thành phố. Chỉ còn có tôi là có thể giúp các cô việc này. Nói rồi họ lại thút thít khóc, nài nỉ: “Chú giúp các con”. Tuy gọi tôi bằng chú, xưng “con”, nhưng các cô chỉ kém tôi ít tuổi (vì bác sĩ Quý hơn tôi 20 tuổi). Tôi rất ngạc nhiên về việc họ tin cậy này, các cô giải thích: chú xin với ông Võ Văn Kiệt là được. Tôi băn khoăn quá, nhưng đánh liều gọi điện đến nhà riêng của ông. Ở đầu dây bên kia, tôi nghe rõ giọng Bắc của người trung niên bảo vệ của thủ tướng (tôi “phát hiện” ra từ lâu các chú bảo vệ Sáu Kiệt, Sáu Phan, Sáu Khải phải là dân Bắc... kể cả khi các vị đó về Nam ăn Tết thì các chú bảo vệ này cũng phải theo thủ trưởng về Nam ăn Tết!). Nghe được tin bác sĩ Quý mất, người bảo vệ vốn biết bác sĩ Quý từng đến nhà ông Sáu nhiều lần nên hỏi tôi rất kỹ số nhà để “chú Sáu” gửi vòng hoa đến phúng. Nhưng khi tôi đề nghị xin cho bác sĩ Quý vô nghĩa trang thành phố, thì anh bảo tôi “tắt máy” rồi gọi vào điện thoại di động của anh ta. Sau khi tôi làm theo chỉ dẫn, tôi nghe rõ tiếng anh bật máy rồi bảo tôi cứ giữ di động... rồi tôi nghe rõ tiếng giày của anh đi lộp cộp lên thang gác gỗ... cho đến khi anh nói: thưa chú Sáu, có nhà báo Phú Khải muốn gặp. Vậy là ông Sáu không có điện thoại bàn, hay di động, mọi thông tin đến ông đều phải qua bảo vệ! Nếu ông gọi cho ai thì cũng phải qua “bảo vệ”(!) Một lần khoảng 6 giờ chiều tôi đang ăn cơm, điện thoại bàn reo, nghe rõ tiếng ông Sáu Phan ủy viên Bộ chính trị mà không qua “bảo vệ”, ông nhắn tôi lên T 78 có việc muốn nói. Hôm đó là áp Tết, ông về quê ăn Tết. Vậy mà khi tôi lên đến T 78, muốn vào gặp ông, người bảo vệ nói giọng Bắc (theo ông về Nam) mắng

tôi ngay: thủ tướng trực tiếp gọi cho anh thì anh cứ việc lên lầu, không phải hỏi tôi nữa(!) Về mặt anh hăm hăm có vẻ tức giận lắm. Không biết anh tức giận tôi hay thủ tướng của anh “vô nguyên tắc”?

Trở lại chuyện bác sĩ Quý, sau khi nghe tôi trình bày, ông Kiệt từ tốn nói: để tôi bảo với Ba Đua việc này cho. (Ba Đua, tức Nguyễn Văn Đua, phó bí thư thành ủy). Thế là chỉ ít phút sau, gia đình bác sĩ Quý nhận được tin từ giám đốc nghĩa trang báo cho biết “cứ đưa bác sĩ Quý vô nghĩa trang, không cần cả giấy quyết định nữa”!

Với ông Phan Văn Khải, tôi vẫn thực hiện được cuộc phỏng vấn chuyển đi của phái đoàn thủ tướng dự thượng đỉnh ASEAN. Tôi gọi điện đến 24 Tú Xương, nhà riêng của ông từ khi ông còn là chủ tịch TP. HCM. Tôi xin gặp bác Tám, gia nhân và là người quản gia thân tín của gia đình. Cách gọi điện đến nhà các VIP cũng là một “nghịệp vụ” của người làm báo. Đừng bao giờ gọi điện đến mà chỉ xin gặp ông này, bà kia. Người ta có thể tự ái mà trả lời “ông chủ đi vắng” ai làm gì được người ta. Còn chủ nhân của người ta thì rất khó cho nhà báo tiếp cận trực tiếp (mà không qua họ). Ở một nước không có dân chủ thì điều này trở nên tuyệt đối. Bác Tám biết là tôi gọi. Vì dịp tết nhất tôi đã nhiều lần gọi điện hỏi thăm bác và không hề thăm hỏi ai nữa, ngoài bác ra. Bác Tám cho tôi hay, Thủ tướng xuống máy bay giờ nào là bí mật, nhưng bác bày vẽ cho tôi cách gặp, bác cho tôi số điện thoại di động của nhân viên an ninh sẽ đến đón Thủ tướng tận chân cầu thang máy bay lúc ông xuống. Bác còn dặn tôi cứ nói rõ lý do biết tên anh ta và số điện thoại là do bác cung cấp. Từ đó

tôi biết giờ máy bay đáp và sẽ đi cùng đồng chí an ninh bảo vệ Thủ tướng. Khi Thủ tướng Phan Văn Khải xuống máy bay, tôi trông rõ biên tập viên Thu Uyên cùng bước xuống, nhưng ông được một chiếc xe du lịch đón ngay ở chân cầu thang và đi luôn. Sau này tôi được biết là các bà ở Hội cầu lông đã đón ông đi đánh cầu lông ngay (ông Khải là chủ tịch Hội cầu lông Việt Nam). Thế là phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cẩm vào phòng VIP của Tân Sơn Nhất trả lời phỏng vấn của các nhà báo. Nhưng rất ít báo chí thành phố biết giờ ông xuống nên chỉ có nữ phóng viên Mai Hoa, giám đốc Cường cử đi cùng tôi để phụ trách máy ghi âm, còn tôi thì phỏng vấn thủ tướng. Nhưng khi nhìn thấy cái ông phó thủ tướng có bộ mặt hăm tãi kia thì tôi không phỏng vấn nữa và giao cho cô Mai Hoa... “muốn làm gì thì làm”. Tôi ngồi quan sát, thấy ông Nguyễn Mạnh Cẩm vừa trả lời phỏng vấn của Đài Tiếng nói Việt Nam vừa nhìn sang phía quầy bán hàng phục vụ khách VIP, nơi cô Thu Uyên đang nhóm người lên để lộ cả quần xi líp màu hồng bên trong(!). Lúc về cơ quan, tôi báo với sếp Cường là tôi sẽ viết lại giáo trình bài “phỏng vấn”, rằng mỗi khi một cơ quan báo chí cử phóng viên đi phỏng vấn các VIP, thì nên cử nữ phóng viên xinh đẹp, mặc váy ngắn, xi líp màu hồng! Từ đó trở đi hề có đài, báo địa phương nào mời Đài Tiếng nói Việt Nam đi giảng các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho phóng viên của họ... sếp Cường càng bắt tôi đi bằng được. Lý do: tôi đã “viết lại giáo trình” thì phải đi giảng, tôi có đi giảng thì uy tín của cơ quan mới được nâng cao! Chẳng biết ông nói thật hay nói đùa!

Ngày ngày hôm sau, ông Phan Văn Khải phải đi xuống Cà

Mau để chỉ đạo khắc phục cơn bão số 5 chưa từng có ở Nam Bộ, gây thiệt hại ghê gớm cho nghề cá ở hai tỉnh Cà Mau và Kiên Giang. Đương nhiên là ông Cường lại cử tôi đi viết tin, vì Hà Nội bảo “không có không được”! Tối hôm đó, tôi phải viết một lá thư cho anh Khải, đến đưa trực tiếp cho bác Tám, xin tháp tùng đi Cà Mau với Thủ tướng “vì nhiệm vụ trên giao”!

Khoảng 5g sáng hôm sau, điện thoại bàn reo. Vợ tôi hoảng hốt nhồm dậy. Tôi phải trấn an bà, bảo đừng lo, đó là điện thoại “lạnh” thôi (vì thông thường điện thoại vào giờ đó thường là tin “dữ” như gia đình có người chết, hay bệnh nặng phải đi cấp cứu...). Ở đầu dây bên kia, giọng Nam Bộ của bác Tám quát gia cho biết Thủ tướng gửi lời thăm hỏi tôi, nhưng vì máy bay hết chỗ nên không thể bố trí cho nhà báo cùng đi. Tôi vội đến cơ quan ngay, định bụng sẽ xin xe đi Cà Mau đến tối sẽ tới nơi nhưng nghĩ đến hai cái phà thì ngán quá nên lại đổi kế hoạch. Tôi liền gọi điện cho các học trò của tôi ở các lớp nghiệp vụ báo chí hiện đang làm việc ở Đài, báo Cà Mau, chuyển gấp tin thu thanh Thủ tướng đi chỉ đạo khắc phục bão số 5 cho tôi, để gửi ra Hà Nội. Làm báo cũng phải “thiên biến vạn hóa” như cụ Hồ dặn tướng Giáp khi đi trận Điện Biên! Biết vậy nhưng tôi vẫn tức, vì sao Thu Uyên thì đi máy bay trực thăng được, sao tôi lại không có chỗ (lại hết chỗ!) hay là tôi phải mặc váy ngắn như Thu Uyên! Sau này, tôi nói thẳng với Bộ trưởng thủy sản Tạ quang Ngọc cái ý đó. Vì tôi biết ông có mặt trên chuyến máy bay trực thăng đó để đi giải quyết hậu quả của nghề cá hai tỉnh Cà Mau, Kiên Giang cùng ông Sáu Khải. Anh Ngọc phân trần thẳng

phi công lái trực thăng nó kiêng kỵ lắm, nhất định không chịu chở 13 người. Chủ tịch tỉnh Cà Mau muốn lên máy bay sang Kiên Giang sau đó, đã xin phép thủ tướng, nhưng thẳng phi công không cho lên, Thủ tướng cũng chịu. Nó còn coi giờ tốt mới bay. Nghe vậy tôi nói với ông Ngọc: vậy mà các ông còn định “công nghiệp hóa đất nước” cái nổi gì!

Nói tiếp về chuyện đi Liên Xô. Ra đến Hà Nội có người bạn bảo tôi: thấy ông ở trong ấy viết lách cũng được, vậy mà làm sao bị đi đày ở Liên Xô? Thì ra, ở Hà Nội thời điểm đó ai đi công tác Liên Xô coi như bị “đi đày”. Người đi Liên Xô về cho hay, bất cứ mua cái gì cũng phải xếp hàng rồng rắn. Thiếu thốn đủ thứ. Trước đây đi Liên Xô là để mua quạt tai voi, nồi áp suất, bàn là... (những thứ như người Hà Nội nói là “dùng cả đời không hỏng”) để dùng, để bán lấy lời. Bây giờ ngược lại, ai đi thì mang quần xịp (quần lót), quần jean Thái Lan, đồng hồ điện tử... sang Liên Xô bán. Người ta lên những thứ đó trong va li mỗi khi lên đường. Tôi lại nghĩ khác. Tôi nghĩ đến lời chủ tịch Sáu Bình ở Tiền Giang “đồng chí đã đi nhiều nước”! Vậy tôi phải đi Liên Xô là nước thứ hai sau Campuchia để nâng con số 1 lên thành số nhiều, là số 2. Hơn nữa, tôi đâu có đi buôn. Tôi muốn đi để được nhìn tận mắt “thành tri của hòa bình thế giới” đang lung lay. Thời điểm tôi đi là tháng 3/1991. Chỉ cuối năm đó là Liên Xô tan rã.

Tuy vậy mà cũng có vẻ quan trọng. Tôi và anh Trần Kiên, trưởng phòng phụ trách chương trình phát thanh nông thôn của Đài Tiếng nói Việt Nam phải lên gặp phó tổng biên tập Mai Luân để nghe ông dặn dò trước khi đi. Ông nói nhiều điều, trong đó có vụ cô Irina, trưởng ban Việt ngữ của Đài

phát thanh đối ngoại Moscow, đang “chống Việt Nam” phải cảnh giác(!). Ông càng nói, trưởng đoàn Trần Kiêm càng ghi và càng ghi ông càng nói... Sốt ruột quá, tôi lấy cái mũ phớt đội lên đầu. Thấy thế ông Mai Luân nói: thôi, thằng Khải nó không muốn nghe, tao cũng đeo nói nữa. Chúng mày về đi. Ông Luân là người hiền hậu, có chuyên môn, đi từ phóng viên lên lãnh đạo cấp cao của Đài nên rất thông cảm với anh em phóng viên... Ông vắng tục như thế là để thể hiện việc xuể xòa của mình chứ không có ác ý gì. Biết tính ông nên tôi mới dám đội mũ lên đầu để... chấm dứt cuộc họp. Vậy mà đến chiều, khi tôi đang ngồi uống trà tại nhà chú em họ tôi ở đường Lý Nam Đế, một cán bộ tổ chức của Đài lại đến gõ cửa hỏi tên tôi, rồi anh ta bảo tôi: sáng mai anh lên Vụ tổ chức để nghe các anh ở tổ chức dặn dò trước lúc lên đường. Tôi “điên” quá và tôi còn lạ gì cái Vụ tổ chức của Đài, toàn mấy ông người dân tộc ở Cao Bằng, Lạng Sơn về làm “cán bộ tổ chức” suốt ngày ngồi uống trà vật, còn ông vụ trưởng béo ị thì là vua quan trọng hóa các vấn đề... Tôi mời cậu cán bộ tổ chức vào nhà “uống nước đá”! Tôi nói với cậu ta: cậu về nói với các anh ở Ban tổ chức rằng anh Lê Phú Khải nói năm nay anh ấy đã 50 tuổi rồi. Một thằng đàn ông đã 50 tuổi thì không cần ai dặn dò nó cả, thế thôi. Cậu ta bề mặt quá, về ngay. Cô em dâu tôi đang lúi húi dọn dẹp trong buồng nghe thấy tôi nói thế, hoảng quá, chạy ra nói: sao bác lại nói thế, họ không cho đi nữa thì sao? Tôi bảo “nếu không cho đi thì anh lại về Đồng bằng sông Cửu Long, đi Campuchia vậy”!

Vậy mà lúc đi, cái vali to đựng của tôi cũng xếp kín hàng hóa. ÔngTrình, đã làm bộ trưởng đến nhiệm kỳ hai ở bộ

Thủy sản, cho tôi mười chai rượu Lúa Mới và năm cây thuốc Vinataba. Lúc đó Gorbachev đang cấm rượu, nên đem rượu đi tặng bạn là quý nhất. Vợ tôi mua cho tôi đồ trang điểm phụ nữ, phấn son, nước hoa và mười cái hộp quẹt ga... để tôi tặng nữ nhà báo Irina. Cô em dâu mua cho tôi mười cái đồng hồ điện tử “để bác bán đi lấy tiền tiêu”... Tôi mua hai cái lọ hoa sơn mài để tặng Ban Việt ngữ. Đặc biệt, tiến sỹ Nguyễn Tấn Trinh còn viết một bức thư bằng tiếng Nga cho Bộ trưởng Bộ Nghề cá của Liên Xô, giới thiệu tôi và yêu cầu bộ trưởng giúp đỡ tôi khi cần thiết. Phát thanh viên Trần Phương, công tác ở Liên Xô mới về cho tôi năm rúp. Trần Kiên thì chủ yếu anh ta mang quần xịp, quần jeans theo thư dặn của vợ anh ấy đang lao động xuất khẩu ở Liên Xô.

Chúng tôi đi máy bay IL86-350 chỗ ngồi loại lớn của hàng Aeroflot của Liên Xô. Các cô tiếp viên Nga đẹp như sao trên trời! Sau ba giờ bay, trạm dừng chân đầu tiên của chúng tôi là thành phố Calcutta Ấn Độ. Mọi người vào nhà ga sân bay nghỉ ngơi còn tôi vẫn đứng dưới trời nóng như thiêu để quan sát. Sân bay Calcutta nông dân Ấn vào canh tác ở những thửa ruộng sát ngay đường băng bê tông, không có rào cản nào cả. Họ lao động lặng lẽ dưới nắng. Mấy khi được đặt chân đất nước của Tagore, “*Đất nước từng đau như chiếc kèn đồng vùi trong cát bụi*”! Nên tôi đi ra tận các thửa ruộng xem họ làm việc. Những nông dân Ấn này gầy gò, bé nhỏ, có vẻ họ rất nghèo và gương mặt rất buồn. Trái lại, khi vào trong nhà ga, những nhân viên mặc đồng phục như bảo vệ sân bay, cảnh sát, sĩ quan... tên nào cũng cao to lực lưỡng, oai vệ, râu để cong lên trông rất hãnh tiến. Chỉ cần quan sát vẻ bề ngoài

như thế thôi, người ta cũng thấy xã hội Ấn Độ khoảng cách giàu nghèo phân chia đẳng cấp rất rõ nét(!).

Rời Calcutta bay một hồi dài nửa ngang qua nước Ấn Độ, chúng tôi đến sân bay Karachi thuộc Pakistan. Tại đây hành khách không được ra khỏi máy bay, ngồi chờ tại chỗ trong khi chờ tiếp nhiên liệu. Từ Karachi, chiếc IL86 bay ngược lên phía Bắc, cho chúng tôi xuống sân bay Tashken, thủ đô của nước cộng hòa Uzbekistan. Tashken là một thành phố đẹp nhất của vùng Trung Á thuộc Liên Xô. Các cuộc liên hoan điện ảnh quốc tế do Liên Xô đăng cai đều diễn ra ở Tashken.

Từ trên máy bay nhìn xuống, Tashken rực rỡ trong ánh điện vàng, đó là dấu hiệu của các thành phố ở xứ lạnh. Trời rét run, cảm đầu chạy vào nhà ga có hệ thống sưởi nóng. Cũng là một nước thuộc vùng Trung Á, có cái đuôi “stan” như Kazakhstan, Tajikistan, Afghanistan, Turmenistan, Pakistan... luôn xáo động vì bạo lực, luôn được phương tiện thông tin thế giới nhắc đến, nhưng cộng hòa Uzbekistan chưa thấy ai nhắc đến bao giờ. Những nhân viên ở nhà ga Tashken mà tôi gặp rất đẹp trai, nước da ngăm đen, mặt trái xoan, mũi dọc dừa, hầu hết đều để ria mép... rất phong độ. Phụ nữ thì nhỏ nhắn, xinh đẹp, vui vẻ.

Từ Tashken phải bay 5g nữa mới đến Moskow. Lúc đó theo giờ địa phương là 9g tối. Cô Irina đón chúng tôi ở sân bay. Chị nói tiếng Việt hay đến nỗi, các bạn Việt Nam ra đón người nhà, bạn bè qua Mat (tiếng gọi tắt của Moskow) đều quay lại nghe. Irina đẹp, mũi cao, mắt biếc xanh, tóc màu hung... Câu đầu tiên chị hỏi: Anh Kiên, anh Khải đi đường có mệt không? Rồi hỏi thăm “anh ba Trần Phương dạo này

thế nào, đã có tin vui gì chưa?” Trần Phương là phát thanh viên giọng Nam Bộ nổi tiếng của Đài tiếng nói Việt Nam, được cử sang đài phát thanh đối ngoại Moscow là phát thanh viên giọng nam cho đài còn Irina là phát thanh viên tiếng Việt giọng nữ. Hai người làm việc với nhau đã năm năm. Anh Phương mới về nước. Nhưng trong cách hỏi thăm, Irina dùng cụm từ “anh ba Trần Phương” vì anh là dân Nam Bộ, quê ở An Giang. Irina nói tiếng Việt giọng Hà Nội, nói rành rẽ, chính xác, dùng từ rất chuẩn và am tường phong tục Việt Nam. Sở dĩ chị hỏi anh ba “có tin vui gì chưa” vì anh Ba Nam bộ này chưa có vợ và còn đang “kén”.

Tôi đưa tặng quà của vợ tôi cho Irina ngay trên chuyến xe đi về nhà khách của các chuyên gia nước ngoài làm việc cho Ban đối ngoại Đài Mat. Dẫn chúng tôi lên căn hộ khép kín ở tầng 11 (của một “ốp” 18 tầng). “Ốp” là tiếng Nga gọi nhà chung cư cao tầng. Căn hộ nhỏ, chỉ có một phòng ngủ chừng hơn 10m² và một phòng ăn chừng 6m². Irina chỉ tay vào hai cái giường cá nhân kê cách xa nhau ở phòng ngủ, bảo tôi và Trần Kiên: hai anh ở với nhau sướng nhé! Tôi kéo tay Irina ngồi xuống ghế và nói: em là chuyên gia về Việt Nam mà nói thế à? Anh ngủ với anh Kiên thì làm sao mà “sướng” được. Em đã nghe câu ca dao tục ngữ Việt Nam này bao giờ chưa:

“Đàn ông ngủ với đàn ông, như gậy như gộc như chông như chà

Đàn ông ngủ với đàn bà, như lụa như là, như gấm như nhung”.

Irina nghe xong, bất ngờ quá. Chị vội lấy giấy bút ra để ghi ngay câu đó lại. Chị bảo: anh Khải đọc lại để cho em ghi.

Ghi xong chị còn đọc lại, thích thú lắm rồi chúc chúng tôi ngủ ngon trước khi ra về. Thật trớ trêu, vợ Kiên sau khi đón chồng ở sân bay cũng về nhà khách này để nghỉ lại. Vợ chồng họ xa nhau cả năm trời, nay gặp nhau lại phải ngủ chung với một người lạ trong cùng một căn phòng chật hẹp thì thật bất tiện cho cả tôi và họ. Cả đêm đó tôi trần trọc, phần vì chệch múi giờ (cảm giác đêm không ra đêm, ngày không ra ngày), phần thì vợ chồng Kiên lục xục soạn đồ, soạn hàng và căn nhần nhau vì hàng hóa đem sang nhiều, ít! Tôi nằm suy nghĩ, sẽ nhường lại cho vợ chồng bạn căn phòng này, ngay ngày mai tôi sẽ liên hệ với phóng viên ảnh Dương Minh Long để Long đưa tôi sang Trường viết văn, nơi nhà thơ Trần Đăng Khoa đang học ở đó (vì lúc đi, Trần Mạnh Hảo có nhờ tôi đem cho Khoa 2kg mực khô). Tôi sẽ nói và nhờ Khoa cho tôi tá túc nơi cậu (và nằm dưới sàn cũng được). Suy nghĩ miên man, chớp mắt lúc nào không hay. Lúc tỉnh dậy thấy vợ chồng Kiên đã đi, đem hết hàng hóa theo, có lẽ đi giao hàng cho khách, chỉ để lại đồ dùng cá nhân...

Ngày đầu tiên trên nước Nga mệnh mông. Từ lâu 11 chung cư tôi nhìn xuống bốn bề thấy một màu trắng băng tuyết bao phủ. Bây giờ mới là tháng Ba, chưa phải mùa băng tan. Tôi thấy nao nao trong lòng bèn lấy ba nén nhang ra đốt. Mùi nhang thêm ngào ngạt căn phòng, tự dưng thấy ấm cúng như đang ở quê nhà... Bỗng có tiếng đập cửa rất mạnh. Một bà bảo vệ già, mập vẻ hốt hoảng chỉ tay vào các cây nhang đang cháy ra hiệu cho tôi dập tắt. Bà ta phát hiện ra mùi lạ, sợ cháy nhà. Tôi xin lỗi bà ta, rồi tạ lỗi bằng cách tặng bà một cái khăn quàng Thái Lan màu đỏ. Thứ khăn quàng mà tôi thấy

các bà Liên Xô hay mua ở chợ Mỹ Tho. Bà ta mừng lắm rồi ra hiệu bảo tôi đi ăn sáng. Tôi theo bà xuống một tầng lầu có căn tin của “ốp”. Phòng ăn rộng này lúc đó có nhiều người đang ăn điểm tâm, đủ mọi màu da sắc tộc vì đây là “ốp” của chuyên gia tất cả các nước mà Đài đối ngoại Moskôv phát tiếng nước họ. Tôi đưa một rúp ra để mua một phần ăn sáng và còn được trả lại mấy đồng kopek bằng đồng mỏng dính to chỉ bằng cái cúc áo sơ mi. Đây là đơn vị tiền tệ nhỏ nhất của Liên Xô lúc bấy giờ. Đồng rúp thời kỳ này còn cao giá lắm. Một rúp ăn hơn 1USD. Để bạn đọc dễ hiểu, có thể hình dung, trước 1975 Mỹ giúp ông Thiệu ở miền Nam một tỷ đô la để duy trì chiến tranh. Liên Xô giúp cho miền Bắc 800 triệu rúp để “chống Mỹ”! Họ giúp hai miền Việt Nam để đánh nhau (cho họ!). Có lần bộ trưởng N tâm sự với tôi, người ta thấy Việt Nam có “năng khiếu” đánh nhau nên mượn máu mình để đánh nhau. Chí lý quá!

... Tôi được người phục vụ đem cho một đĩa gồm một khúc bánh mì, hai cái xúc xích nhỏ, một quả trứng vịt luộc và một ly café đen nóng khá lớn có sẵn đường dưới đáy ly. Một bữa ăn sáng như thế thật ngon và đủ chất. Uống hết ly café nóng, tôi thấy người khỏe lại.

Tôi về phòng thì đã thấy phát thanh viên Văn Khoa dân Sông Bé, làm việc trong Ban tiếng Việt Đài Mat đứng chờ ở trước cửa phòng. Anh bảo với tôi: trưởng ban Irina khen anh lắm. Bọn tôi rất mừng vì như thế có lợi cho các chuyên gia Việt Nam đang làm việc tại đây. Rồi anh bảo tôi dọn đồ đạc lên phòng anh ở lầu 13, trên đó có hai phòng. Tôi lên đến nơi thì anh giới thiệu chị vợ và đưa con trai 3 tuổi. Vợ Khoa là

dân buôn bán lật vật ở vỉa hè, phố Bạch Mai. Chị là dân Hà Nội theo chồng sang đây đã năm năm. Chị trông béo trắng, ăn mặc váy áo lòe loẹt như một bà đầm Nga. Chị nhanh nhẩu, vui tính. Căn hộ Khoa ở là căn hộ làm cho một gia đình Nga đã có con: một phòng ngủ và một phòng khách. Tối đến kéo cái đi văng ra thành cái giường. Khoa bảo tôi ở phòng đó. Phòng treo quần áo, phòng vệ sinh và nhà bếp ở đối diện phía bên kia, có lối đi ở giữa. Vậy là tôi có thể ở đây cho đến lúc về khỏi phải đi xin ngủ nhờ.

Ngày hôm sau Khoa đưa tôi và Kiên đến Ban tiếng Việt “làm việc”! Lần đầu tiên tôi đi tàu điện ngầm thấy hệ thống giao thông này sang quá. Có ga xuống sâu đến hàng mấy chục mét. Tôi đưa năm chai Lúa Mới, hai cây Vinataba và hai cái lọ sơn mài bảo Kiên thay mặt đoàn Việt Nam tặng các bạn Ban Việt ngữ Đài Mat. Ban khá rộng, có treo một cái bản đồ Việt Nam rất to ngay giữa phòng, tự nhiên tôi thấy gần gũi như ở nhà. Đến cả chị Tania, bố là người Nga, đi lính lê dương cho Pháp, rồi chạy sang theo Việt Minh lấy vợ Bến Tre rồi sinh ra Tania ở Việt Nam, năm 18 tuổi cô mới về Nga vậy mà nói tiếng Việt còn thua Irina. Sau những thủ tục xã giao có tính hình thức, Irina lấy bút ra ghi. Nàng hỏi anh Kiên sang làm việc có yêu cầu những gì? Kiên đưa ra nhiều yêu cầu lắm, nào đi thăm chỗ này, tìm hiểu cái kia... Irina ghi chép rất cẩn thận. Đến lượt tôi, tôi trả lời: chẳng có yêu cầu gì cả. Mọi người ngạc nhiên. Irina hỏi lại, vậy anh Khải không có yêu cầu gì thật à? Tôi trả lời: tôi sang đây được đi máy bay IL 86-350 chỗ ngồi to đùng, thấy các cô tiếp viên Nga đẹp như sao trên trời. Đến Moscow thấy nhà cao ngất, đường phố

thăng bằng, tàu điện ngầm thật hiện đại và sang trọng, thấy được các bạn Nga nói tiếng Việt như thế này thì thỏa mãn yêu cầu rồi còn gì nữa... Thế là mọi người đều cười rất vui vẻ. Lúc về nhà, Khoa bảo với tôi, anh rất khôn. Họ bảo yêu cầu thể thôi chứ biết rõ Việt Nam sang đây đi mua quạt tai voi là chính, còn biết gì mà tìm hiểu... Irina bảo với tôi, chưa thấy tay phóng viên nào sắc sảo như anh! Irina đã đọc được mấy trang cuốn “*Đông Tháp Mười hôm nay*” của anh tặng nàng lúc sáng. Cô ta nói rất thích, có tư liệu để nghiên cứu về Nam bộ Việt Nam, lại do phóng viên của Đài Tiếng nói Việt Nam viết thì càng quý.

Từ lầu 13 căn hộ của Khoa, tôi ngắm nhìn một góc Moscow. Thành phố được quy hoạch rất nghiêm chỉnh. Các khối nhà chung cư thường chỉ cao 20 tầng trở xuống, mỗi ốp cách nhau rất xa, giữa là cây. Mùa này, cây trút hết lá nhưng đến hè, cây ra lộc ra lá thì cả Moscow là một rừng cây. Các khối nhà ẩn trong rừng cây. Bây giờ đã là cuối đông nên cảnh vật buồn tẻ. Chỉ thấy các con quạ đen đậu trên các cành cây khô. Thịnh thoảng dưới ghế đá, có những ông già ngồi như tượng trong tuyết rơi, bên cạnh là một chú chó làm bạn. Trẻ con vẫn mặc áo ấm chơi đùa trong băng tuyết. Chúng chơi cầu trượt hay bốc tuyết ném nhau. Tuyết phủ đầy trên mặt đất. Khi nhiệt độ xuống thấp nữa thì đông băng. Trời khô ráo nhưng rất lạnh vì nhiệt độ đã xuống dưới độ âm. Có thể nói mùa này cả Moscow là một cái tủ cấp đông. Trong nhà vẫn ấm áp, có thể mặc quần áo mỏng. Các khối nhà đều có hệ thống dẫn nước nóng đến từng căn hộ. Các ống nước nóng đó chạy nối chung quanh tường. Cả thành phố có hai hệ thống dẫn nước.

Một hệ thống ống nước sinh hoạt lạnh và một hệ thống dẫn nước nóng để sưởi. Thỉnh thoảng nhiệt độ trong nhà lên cao thì người ta lại hé cửa sổ để cái “tủ cấp đông” khổng lồ bên ngoài phả hơi lạnh vào nhà. Khi ra khỏi nhà phải mặc quần áo, đi giày, đội mũ, ít nhất phải mất 15-20 phút. Về nhà cởi ra lại mất thời gian như thế. Khi chúng tôi đến Đài phát thanh đối ngoại Moscow làm việc, vào nhà rồi phải cởi quần áo ra, gửi vào một cái ngăn tủ rồi nhân thể gửi quần áo rồi mới lên phòng làm việc. Khoản biên chế nhân viên cho việc này khá lớn. Xứ lạnh phức tạp, khó khăn cho con người tồn tại như thế. Nếu cứ mặc nguyên quần áo đi ngoài trời thì không cự quây được khi ngồi trong nhà để làm việc.

Sáng hôm sau thì Dương Minh Long xuất hiện ở nhà Khoa. Long trẻ trung, đẹp trai, nhanh nhẹn. Vốn xuất thân là một lao động hợp tác, nhưng từ ngày còn đi học, Long đã mê chụp ảnh. Sang Nga, trước thiên nhiên kỳ vĩ của đất nước này, với năng khiếu bẩm sinh, Long đã phát hiện ra vẻ đẹp thiên nhiên Nga mà nhiều tay nhiếp ảnh sùng sỏ của xứ sở này phải sững sốt. Anh được nhiều giải thưởng nhiếp ảnh nghệ thuật và trở nên nổi tiếng. Ảnh của Long được trưng bày ở Hà Nội, TP. HCM do sự giúp đỡ của bè bạn. Anh trở thành nhà báo nghiệp dư, cộng tác viên của báo *Lao Động* Việt Nam tại Liên Xô. Long rủ tôi đi theo anh để “thăm nhập” Moscow. Vợ chồng Khoa đều khuyên tôi nên đi theo Long, vì Long là “con ma” của thành phố này!

Trước tiên, Long đưa tôi đi thăm phố Arbat, một phố nằm trong khu phố cổ của Moscow. Thời đó, nếu ai đến Mat mà chưa thăm khu phố Arbat thì coi như chưa đến Mat. Nếu nhìn

vào bản đồ, thị khu phố cổ nằm ở trung tâm thành phố, thành một cái vòng tròn nhỏ gồm những phố ngắn, hình chân chim, bao quanh là những con đường dài, thẳng tắp của thành phố hiện đại rộng mênh mông.

Tôi có một cái thú là bất kỳ đi đâu, việc đầu tiên là ra nhà sách mua một cái bản đồ hay xin các quan chức một cái bản đồ địa phương của họ. Có bản đồ rồi, đi đâu tôi cũng đánh dấu nơi mình đã đến. Nhìn vào bản đồ rất dễ dàng hình dung ra mọi sự kiện, sự việc, rất dễ giải thích các mối quan hệ. Khi viết bài, viết tin sẽ dễ dàng hơn nhiều. Trong “kho” tư liệu của tôi thì bản đồ được xếp hàng đầu. Hiện tôi đang có hầu hết các bản đồ của tỉnh, huyện của Nam Bộ. Tôi cũng có bản đồ của Moscow, Paris, Quảng Châu, Thẩm Quyển, Hồng Kông. Môn địa chính trị ngày xưa ít được quan tâm, ngày nay càng thấy quan trọng. (Giá như Việt Nam đừng ở cạnh Trung Quốc thì phúc cho dân tộc biết bao nhiêu!). Kinh nghiệm viết báo của tôi là nhìn bản đồ mà suy nghĩ, nhìn bản đồ mà viết.

Phố Arbat là một trung tâm mà “đời thường” của Moscow cổ được phục hồi trong công cuộc cải tổ của Liên Xô lúc đó. Các nghệ sĩ kéo violon, đánh đàn bên hè phố, ai hảo tâm thì cho tiền vào cái mũ đặt dưới chân họ. Tôi say sưa nghe một ca sĩ vừa đàn vừa hát những bài mà dân Mat yêu thích. Một vài thứ đồ cổ cũng được bán ở đây. Nói chung người ta đã làm lại những gì mà người ta đã xóa đi trên hè phố cổ này thời Xô Viết. Có điều là sự “phục hưng” này náo nức, rộn ràng hơn bao giờ hết. Tôi cũng đã nhìn thấy cái thùng kính to để giữ phố để nhân dân quyền góp tiền xây dựng lại các nhà thờ Nga mà trước đây đã bị hủy hoại hoặc xóa bỏ đi. Nhìn qua kính,

tiền đẩy áp trong thùng!

Long còn đưa tôi đi thăm Điện Kremli bên Quảng trường đỏ, lăng Lenin, nhà thờ củ hành. Đài liệt sĩ luôn có lửa cháy ngày đêm. Anh chụp cho tôi những tấm hình có “Ngôi sao điện tháp Kremli” làm nền. Anh mua vé cho tôi vào nghe ca nhạc tại cái hội trường lớn trong khu vực Kremli mà trước đây thời Xô Viết cũ là nơi thâm cung bí sử, dân thường không được bước chân vào. Tôi được xem một tốp chơi đàn accordion mà chỉ có dân Nga mới chơi “bạo” như thế. Khi cao trào, các nghệ sĩ giữ chặt một bên có phím đàn rồi buông tay phía bên kéo đàn, ném mạnh cây đàn ra không gian để nó “bung” hết cỡ... tạo nên một vụ “nổ” âm thanh... Tiếng vỗ tay như sấm. Tiết mục tiếp theo vừa kéo màn lên là Long đã kéo tôi ra khỏi nhà hát. Tôi ngạc nhiên quá, hỏi Long vé vào cửa đất thế mà chỉ xem có thể đã thôi à? Long trả lời: mua vé cho anh vào cửa là để anh xem cái hội trường Điện Kremli nó vĩ đại thế nào, để anh thấy thời Xô Viết nó thế, đâu phải để xem ca nhạc. Tôi không ngờ Long chơi sang như thế. Đang ở trong nhà hát ấm áp, ra ngoài lại rét run. Phải vừa đi vừa chạy tôi mới đuổi kịp Long. Có lúc thấy cự ly đã xa quá, tôi gọi Long, cậu ta quay lại bảo tôi: bên này không ai gọi to ngoài đường. Người ta nhìn mình đấy. Tôi đành lặng lẽ chạy gần theo Long. Qua mấy lần lên xuống xe buýt, Long dẫn tôi đến nơi đặt tượng Hồ Chí Minh. Trước mắt tôi là một cái phù điêu, một cái vòng tròn bằng chất liệu gì tôi không rõ, to hơn cái nong ở quê nhà. Ở giữa là chân dung Hồ Chí Minh đắp nổi có lẽ bằng chất liệu đồng. Cả khối phù điêu đó được đặt ngay trên lề hè phố, không có chân đế xây cao nên rất đơn sơ.

Long giải thích, trước đây họ định xây một cái tượng đài Hồ Chí Minh tại khu đất này, Long chỉ tay vào phía trong, nhưng bị phản đối nên cuối cùng chỉ làm thế này thôi.

Đây chính là điểm nhấn của chuyến đi “công tác” Liên Xô của tôi. Irina đã trở nên “chống Việt Nam” như người ta đã dặn dò tôi trước lúc đi là ở cái chuyện xây dựng tượng đài này. Tôi định sẽ làm việc với chị để “tìm hiểu” trong chuyến đi này như chính từ “tìm hiểu” mà Irina đã đặt ra trong cuộc làm việc ngày đầu tiên. Long đã “bật mí” cho tôi trước thi càng hay. Đến trưa, Long đưa tôi về ốp Zil để chiều đài tôi... bánh cuốn nóng! Ốp Zil là một chung cư 20 tầng như bất cứ chung cư nào ở Mat. Vì nó được phân cho công nhân làm ở nhà máy ô tô Zil ở nên gọi là “ốp Zil”. Lao động Việt Nam ở ốp này cũng nổi tiếng ở cộng đồng người Việt lao động hợp tác, và cũng tai tiếng nhất về sự bệ rạc của người Việt. Từ xa người ta đã thấy cái thùng rác rất lớn bằng sắt có quai ở bên trên để hàng ngày xe thu gom rác đến để cầu đi, đặt cái thùng rác mới thay vào... ruổi nhanh bay lên rào rào! Trước cửa ốp Zil luôn có những chiếc xe du lịch bẹp rúm, của những kẻ say rượu người Nga đến đây ăn nhậu trong ốp Zil. Vừa đến nơi tôi đã thấy một cái xe Lada lao tới, cái xe mất một cánh cửa. Đó là lần đầu tiên tôi trông thấy một cái xe du lịch mác Lada (mà ở Việt Nam phải hàm thử trưởng mới được đi) đã mất một cửa mà người ta vẫn đi. Tay lái xe người Nga đầu tóc bù xù rời khỏi xe, lên ốp Zil. Long tỉnh queo dắt tôi vô thang máy. Thang máy chật ních người lên, xuống. Người ta khiêng cả một bao gạo lớn vô, thang máy chạy rùng rùng vì quá tải, trên tường trong và ngoài thang dán kín các tờ quảng cáo,

mỗi cái chỉ to bằng bề mặt vỏ bao thuốc lá, rao bán đủ các thứ trên đời từ quạt tai voi, nồi áp suất, đầu máy khâu cũ đến áo vét tông cũ, giấy da có lông bên trong cho mùa đông... bản thủ nhem nhuốc như đi vô một cái chợ nông thôn nước ta. Long sẵn sàng lấy tay “chém” mạnh vào các cánh tay giơ lên bấm nút thang máy nếu trái ý cậu ta. Thái độ của Long rất “anh chị”. Cuối cùng thì chúng tôi vô một “gian hàng” bán bánh cuốn nóng. Tôi nhìn kỹ thì nó là một gian hộ như gia đình Khoa đang ở, nhưng chủ nhân thu lại một góc để nằm và chứa hàng hóa, còn lại là “nhà hàng”. Người ta biến cả cái ộp Zil 20 tầng này thành một “lâu đài” ăn uống có cơm, phở, xôi vò, bánh cuốn... Người ta còn mổ cả lợn trong cái ộp này nữa để nấu nước (nên cái thùng rác ngoài cửa ộp mới đầy ruồi nhặng như thế), mặc dù ai cũng biết ở cái xứ rét thì rất hiếm ruồi nhặng như vậy. Rượu quốc lủi của Việt Nam ở đây có thể uống tràn cung mây nên thu hút đám bợm nhậu người Nga dưới thời Gorbachev cấm rượu nên mới đến đông như thế. Phải công nhận ở xứ rét, được đĩa bánh cuốn nóng ăn với giò chả (cũng nóng) và ly rượu quốc lủi thì tỉnh người. Ăn xong tôi vô nhà vệ sinh thì suýt nữa phải vô bệnh viện vì tối om, tôi trượt chân đập cả trán vào bồn tắm, choáng váng đứng dậy, cố gắng tìm cái quạt ga. Trong thứ ánh sáng lơ mơ, tôi không thể tưởng tượng nổi cái bồn to đùng ấy đang được ngâm đầy gạo nếp trong nước nóng. Nếu tôi ngã sấp mặt vào bồn thì dính bông là cái chắc. Quên cả đi vệ sinh, tôi kéo Long về ngay. Tôi kể lại câu chuyện trong buồng tắm, cậu ta nói tỉnh queo “anh chẳng hiểu gì cả” (câu này tôi nghe lần đầu từ cậu lái xe Đoàn 12 ngày đi Lạng Sơn năm nào, bây giờ nó lại được tuôn

ra từ Long). Cậu giải thích: người ta ngâm gạo nếp vô nước sôi thì khi đồ nó mau chín hơn. Nói xong lại đệm câu “anh chẳng hiểu gì cả”!

Về đến nhà Long ở cách xa khu trung tâm Mat thì đã xế chiều. Căn hộ của gia đình Long ở lầu thứ 10, giống y chang căn hộ dành cho tôi và Kiên ở nhà khách ban đối ngoại. Vợ Long tên là Minh, một phụ nữ đẹp đảm thắm và có ánh mắt hơi buồn. Chị Minh tốt nghiệp đại học trong nước và làm ăn ở Nga đã 8-9 năm. Tối hôm đó Long chui vào buồng tối in, tráng phim cả đêm. Có lẽ vợ chồng Khoa gọi Long là “con ma” vì thế. Anh ta để cho tôi ngủ ở một giường cá nhân, góc bên kia cũng là một giường cá nhân. Chị Minh ngồi làm việc trước cái máy khâu, lâu lâu điện thoại réo, tôi lại thấy chị cầm máy lên như cãi nhau với một người Nga ở đầu dây đằng kia... Tôi nằm trần trọc mãi rồi vớ tay lấy chiếc máy ảnh chụp một kiểu chị Minh ngồi làm việc với cái máy khâu trong đêm khuya, bức hình này hiện tôi vẫn còn giữ, mỗi lần giờ ra xem lại, hình dung ra căn phòng nhỏ trên lầu cao giữa Moscow lạnh lẽo mênh mông, có một đôi vợ chồng trẻ người Việt cặm cụi làm việc thâu đêm suốt sáng mà suy nghĩ về thân phận con người Việt Nam đi tha phương xứ người. Vậy mà nghe đâu vợ chồng chị cũng không khá được. Hai người dẫn nhau về nước. Cả hai đến thăm tôi tại Sài Gòn. Minh cho biết chị đã xin được vào làm ở Đài Truyền hình Việt Nam, làm phim về du lịch. Tôi hỏi Minh: thằng Khải Hưng dạo này còn chữi bới chị em nữa không? Minh hoảng hốt, sao anh rành Đài truyền hình của chúng em thế? Rành Khải Hưng thế? Tôi cười rồi bảo: anh từ cái tổ con tò vò đó

chui ra thì làm gì không biết trong tổ tò vò có gì! Có điều là sau này khi Minh đi làm phim về Đồng bằng sông Cửu Long, tổ làm phim của chị lại không đem máy quay phim đi theo (có lẽ là Đài đã hạch toán về máy móc như thế nào đó, tôi không hiểu). Minh nhờ tôi mượn máy của các tỉnh mà chị đến làm việc. Tôi gọi điện đến giám đốc các đài, nhận Minh là em. Chị còn cẩn thận nhắn tôi nhớ nói là “em vợ” (vì chị không cùng họ với tôi). Nhưng với các “anh Hai Nam Bộ” thì chuyện đó là chuyện nhỏ: em nào chẳng là em, “Khải nào chẳng là Khải”!

Viết đến đây tôi lại nhớ đến chuyện “em vợ”. Một lần tôi nói với ông Sáu Kiệt rằng, Bảy Nhị ở An Giang hẳn thông minh lắm, vậy mà làm phó chủ tịch tỉnh đến 9 năm, lên được chủ tịch có 1-2 năm đã đến tuổi hưu uống quá (người Bắc nói phí quá!). Ông Sáu nghe xong chẳng nói gì cả. Mấy tháng sau, tôi gặp ông trong một cuộc họp, ông vỗ vai tôi nói: thằng Bảy Nhị nó thông minh thật, tôi hỏi nó con cá tra với cá basa (đều là loài cá da trơn), vậy nó giống nhau ở chỗ nào? Nó nói ngay: giống như vợ với em vợ đó!

... Chợp mắt được ít phút thì trời sáng hẳn. Tôi nhìn ra ngoài thấy trời nắng ửng ửng, mừng quá reo lên: hôm nay trời ấm rồi. Vợ Long nói: anh không nhìn thấy các đám tuyết đã đóng băng hết à, trời nắng mà băng đóng hết mặt đất như thế kia thì còn lạnh gấp 10 lần trời có tuyết. Chị khuyên tôi nên ở nhà. Tôi đòi nào chịu, nhất định đòi đi. Long đã chuẩn bị xong máy móc, chỉ còn có chờ tôi mặc quần áo. Lúc tôi đi giày, thấy tôi đi đôi tất mỏng, Minh kêu lên: ở đây mà đi tất mỏng thế kia thì lạnh buốt chân không đi nổi đâu. Chị lục trong tủ, đưa

tôi một đôi tất bằng len to xù. Giày thì nhỏ mà tất thì to nên tôi cố len chân sao cho vừa. Đến khi xuống đường, đi được một quãng thì tức chân không sao đi nổi. Tôi phải cởi tất ra để đi giày không. Quả thật như Minh nói, tôi thấy trời lạnh đến mức vừa nhức chân, vừa nhức đầu. Long lại đưa tôi lên đồi Lenin để thăm trường Đại học Lomonosov nên càng lạnh. Từ trên đồi cao, tôi ngắm toàn cảnh Moscow... chìm trong giá buốt. Long còn đưa tôi đến sứ quán Việt Nam ở Liên Xô “cho biết”. Cuối cùng chúng tôi đến quảng trường Đỏ để chứng kiến một cuộc biểu tình. Đa số người biểu tình là người già. Một ông râu dài đến rốn, đứng như trời trồng trong giá lạnh, với tấm biển có ghi dòng chữ (mà Long dịch cho tôi). Yeltsin là nước Nga! Lúc đó Gorbachev đã mất uy tín vì đời sống dân Nga ngày càng khó khăn. Dân chúng ủng hộ Yeltsin. Dư luận về một sự tan rã liên bang Xô Viết lan rộng. Tôi đi trên đường phố, lên xe buýt, xuống tàu điện ngầm... thấy một bầu không khí rất trầm uất. Người Nga nào mặt mũi cũng đăm chiêu, hình như trong đầu họ chứa chấp nung nấu, đang dồn lên một cái gì ghê gớm lắm. Không ai nói với ai một câu nào, không nhìn thấy một nụ cười nào ngoại trừ những nụ hôn say đắm của những cặp trai gái siết chặt lấy nhau dưới các ga tàu điện ngầm! Không khí xã hội oi bức như đêm trước của một ngày giông bão lớn hôm sau. Tôi học thuộc mấy câu tiếng Nga, đứng trên xe buýt nói lớn: tôi là nhà báo Việt Nam. Xin hỏi quý vị, Gorbachev? Tất cả mọi người lắc đầu. Yeltsin? Tất cả mọi người gật đầu.

Chiều tối hôm đó Long đưa trả tôi về nhà Khoa để sáng hôm sau anh còn đi gấp một nước cộng hòa vùng Baltic của

Liên Xô cũ sẽ nổ ra một cuộc biểu tình lớn đòi giải tán liên bang. Long là phóng viên nhiếp ảnh xông xáo một cách kỳ lạ. Tôi đã chứng kiến anh chụp hình trong lần đón diễn viên Nhật Bản đóng vai Ô-sin (thủ vai Ô-sin lúc bé) ở sân bay Tân Sơn Nhất năm nào. Trong đám phóng viên chen chúc, anh nhảy vào giữa và nằm ngửa người bấm máy lia lịa rồi sau đó ngã đè lên những người khác ở sau lưng mình giữa tiếng la ó...

Tôi kể lại những nơi đã đi với Long thì vợ chồng Khoa đều nói, ở Mat năm năm rồi nhưng chúng tôi cũng chưa đặt chân đến ốp Zil, chưa đến những chỗ Long và tôi đi. Một cô nàng Việt đến nhà vợ chồng Khoa chơi, thấy tôi có hộ chiếu công vụ thì nhiệt tình rủ tôi đi Ba Lan. Cô nói có hộ chiếu công vụ thì đi lại dễ dàng lắm. Cô hứa sẽ mua vé tàu nằm một khoang riêng hai người. Sang Ba Lan cô sẽ thuê khách sạn. Vợ Khoa cho tôi biết, cô là giáo viên cấp 2 ở nhà và đã có một con gái đang học lớp 1. Gia đình túng bấn quá, cô sang đây chủ yếu buôn mỹ phẩm để kiếm chút vốn, cô rất muốn đi Ba Lan vì bên đó nhiều mỹ phẩm. Vợ Khoa bảo tôi “chả mấy khi có dịp” anh cứ đi đi. Đi quá hạn về cũng chẳng sao, có Irina lo hết. Tôi trong bụng rất muốn đi vì tiện thể qua Pháp luôn, thăm ông chú ruột tôi là Lê Phú Hào đã định cư ở Paris từ 1980. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi chỉ ngại một điều, nhà báo Bùi Tín vừa đi Pháp và không về hồi đầu năm, âm ỉ cả nước. Nếu tôi đi quá hạn, mặc dù không có ý định ở lại, thì cũng bị phao tin đồn âm ỉ làm ảnh hưởng đến anh Mai Thúc Long là người cho tôi đi Liên Xô chuyến này. Làm ảnh hưởng đến một người tốt với mình thì tôi không dám làm. Cuối cùng

tôi đành từ chối nàng y. Cô nàng có vẻ rất buồn. Phụ nữ Việt Nam qua làm hợp tác lao động ở các nước Âu châu, xa nhà, cô đơn, cuộc sống bên trời Âu lại hoàn toàn tự do nên việc quan hệ nam nữ coi như không ai bàn đến. Có bà cán bộ phụ nữ Việt Nam qua Liên Xô, thấy tới đến nam nữ thuê phòng ngủ chung, ban đầu bà tưởng là vợ chồng, sau biết không phải, bà la trời đất, làm trò cười cho mọi người... Tôi phải an ủi nàng y bằng cách nói với nàng, tôi không mua gì về Việt Nam cả, va li tôi rộng dành chỗ mang đồ về cho cô.

Khi về cô gửi tôi một cái cặp da đẹp, nhiều đồ chơi và kẹo sô cô la cho cô con gái. Ôi tấm lòng các bà mẹ Việt Nam, ở phương trời nào cũng ấm áp.

Sáng hôm sau, Ban đối ngoại đài mát bố trí một phóng viên nam lái xe cho tôi và Kiên đi thăm các địa điểm đáng phải thăm ở Moscow, trong đó có tượng đài Lenin và tượng đài Gargarin - phi công vũ trụ đầu tiên của thế giới. Lúc về, Irina hỏi tôi: các anh thấy Moscow thế nào? Tôi bảo Irina: Liên Xô khủng hoảng là tất yếu. Cô hỏi: tại sao? tôi rút bài thơ ngắn mới làm lúc xem tượng Lenin ra, đưa cho Irina coi:

TƯỢNG

Dẫn lên khối phù điêu lúc nhúc nhân dân

Tượng Lenin hoành tráng

Nghệ thuật thế này ư?

Sao khinh bỉ con người?

Đọc xong Irina hỏi tôi: còn gì nữa không anh Khải? Tôi nói tiếp: tượng Gargarin thì là hình tượng ông này đang bay vút lên trời, đạp dưới chân ông là quả địa cầu thế giới nhỏ xíu. Cả nhân loại này như bị người Nga đạp dưới chân mình.

Tôi thấy nó hãnh tiến, khoa trương một cách vô lối. Cái đáng buồn là chính các nghệ sĩ Nga, bộ phận tinh hoa nhất của dân tộc Nga lại suy nghĩ như thế thì còn gì để nói! Irina nghe nhưng không nói gì cả. Khi ăn trưa, tôi hỏi thẳng cô một câu chuyện khác: khi ở Việt Nam, anh được người ta nói là em chống Việt Nam. Vậy Irina đã “chống Việt Nam” thế nào, nói thử anh nghe? Cô bảo tôi: anh Khải cứ ăn trưa cho ngon miệng đi, rồi em sẽ trả lời anh...

Hôm sau, Irina đưa tặng tôi tập san “*Lửa ấm*”, một tập san xuất bản bằng tiếng Việt, Ban Việt ngữ in ấn lấy nên giấy đen không được đẹp lắm. Đối tượng của tập san là các lao động Việt Nam đang làm việc ở Liên Xô. Bài vở do các bạn Nga viết bằng tiếng Việt. Tôi thấy trong tập san này có nhiều hình chụp minh họa cho bài viết của Dương Minh Long và bài thơ “*Nhìn từ xa... Tổ Quốc*” nổi tiếng của Nguyễn Duy. Sau này về nước tôi có đưa Nguyễn Duy xem tập san này, anh rất thích thú vì đó là bài thơ của anh lần đầu tiên được in trên báo ngay sau khi anh sáng tác trong chuyến đi Liên Xô năm đó mà anh cũng không hay. Bên cạnh bài thơ có hình Nguyễn Duy do Dương Minh Long chụp. Theo Duy đó là tấm hình mà anh rất thích.

Đưa tập san “*Lửa Ấm*” tặng tôi, đó là Irina muốn trả lời câu hỏi của tôi, vì trong tập san đó có bài tường thuật của chị về cuộc biểu tình của học sinh trường trung học số 45 và các cụ phụ lão khu phố nơi dự định khởi công dựng tượng đài Hồ Chí Minh vào dịp sinh nhật của Người 19 tháng 5. Irina nói: anh đọc bài em viết thì sẽ rõ. Chị nói thêm: quyết định xây dựng tượng đài Hồ Chí Minh của thành ủy Moscow cách

đây đã 10 năm. Đó là thời kỳ khoa trương, nay tình hình đã đổi khác. Hơn nữa muốn xây dựng tượng đài Bác Hồ ở đó thì phải chặt đi cả một rừng cây, không đúng với lời dặn phải trồng cây của Bác, lại tốn một khoản tiền bằng xây một cao ốc 18 tầng trong lúc Moscow đang thiếu nhà ở cho nhân dân và cán bộ, Irina dừng lại, ánh mắt xanh biếc của chị nhìn... xa xăm. Bất ngờ chị nói một câu mà khó có nhà văn nào nói được, khó có ai hiểu chủ tịch Hồ Chí Minh như thế, ít nhất là sự đồng cảm của tôi với lời của chị. Chị nói: kỷ niệm ngày sinh nhật của Bác Hồ ư? Đợi đến ngày 19/5 này, hãy cùng nhau dắt tay vào rừng Nga mà nghe chim hót!

Vậy là tôi đã rõ. Hề ai nghĩ khác những nhà lãnh đạo Việt Nam thì là “chống Việt nam”! Chúng ta đã sống ngoài nhân loại đã quá lâu rồi, kể từ khi những người cộng sản dấn dặt dân tộc này “đi từ thảm họa này đến thảm họa khác” (Phạm Đình Trọng). Tự dung lúc đó tôi thấy buồn vô hạn. Những người như Irina là bạn tốt của nhân dân Việt Nam, là cái cầu nối giữa hai dân tộc. Chị đã bỏ cả đời để học tiếng Việt, nói tiếng Việt giỏi đến mức người Việt phải ngạc nhiên. Có lần tôi than: Việt Nam vì theo Liên Xô nên bây giờ rất khổ. Irina ngắt lời tôi: thì nước Nga chúng tôi cũng đang rên siết đây này! Chao ôi, một người Nga chính cống mà biết dùng từ “rên siết” để mô tả cái tình thế của dân tộc mình lúc này thì một người Việt bình thường cũng chưa chắc chọn được từ ngữ đắt thế. Phải yêu Việt Nam lắm chị mới gian khổ để học tiếng Việt đến trình độ đó. Tôi có cảm giác chị đã đánh cược cả cuộc đời mình vào tiếng Việt. Một lần tôi khen: Irina nói tiếng Việt giỏi quá. Chị cười nói: thông cảm đi anh, “cần câu

cơm mà”! Chị được trí thức Nga mệnh danh là nhà “Đông phương học”! Chị đã 17 lần sang Việt Nam đa số là do bạn nghe đài Moscow tiếng Việt ở Chợ Lớn mời vì mê giọng đọc của chị và anh Trần Phương giọng Nam bộ trên đài Mat. Chị am hiểu văn hóa Việt Nam và tình hình chính trị ở Việt Nam. Chị nói với tôi, Việt Nam có đội ngũ trí thức sáng giá. Lấy đâu ra một trí thức như Nguyễn Khắc Viện ở các nước ASEAN? Lúc đó, ông Bùi Tín mới qua Pháp, đang phát biểu trên các đài Phương Tây kiến nghị Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh thay đổi nhận thức, thực hiện những cải cách triệt để về chính trị... Irina bảo với tôi: ông Bùi Tín ngây thơ quá, ai mà khuyên các nhà lãnh đạo cộng sản thay đổi được. Phát biểu như ông Nguyễn Khắc Viện còn dễ nghe hơn. Lúc đó, ông Nguyễn Khắc Viện cũng đang bị các nhà lãnh đạo Việt Nam phê phán rất nặng, tưởng là đi tù đến nơi. Trước lúc tôi đi Liên Xô, tôi được mời dự một cuộc họp giao ban của Đài, Tổng giám đốc Phan Quang còn căn dặn: việc phê phán trên đài thì giữa Dương Thu Hương và Nguyễn Khắc Viện ta phải cân nhắc không thể đánh đồng được(!).

Irina lại là người có uy tín trong giới trí thức Nga khi bàn đến vấn đề Việt Nam. Dương Minh Long nói với tôi: chị Irina ghê gớm lắm, đến chủ nhiệm Ủy ban phát thanh truyền hình toàn Liên Xô phải nể nang chị. Khi ông này nhờ chị phiên dịch cho ông trong dịp tiếp bà Nguyễn Thị Bình sang Liên Xô công tác. Chị ra giá ngay phải mời ca sĩ Trần Tiến, bạn của chị sang hát trên truyền hình Liên Xô chị mới đồng ý phiên dịch giúp. Ông chủ nhiệm phải chịu. Vì thế Trần Tiến mới được qua Liên Xô. Giấy mời do đích thân Chủ nhiệm

phát thanh truyền hình Liên Xô ký. Chương trình ca nhạc trên Đài truyền hình toàn Liên bang đã đăng báo trước cả tháng vậy mà phải chen vào sáu phút để Trần Tiến hát. Long hỏi tôi: anh thấy chị Irina có ghê gớm không?

Một người như Irina là một bạn tốt của Việt Nam, vậy mà dùng một cái, chị trở thành kẻ “chống Việt Nam”. Mà chị đã chống Việt Nam thật sau khi chúng ta tuyên bố “Irina chống Việt Nam”. Đài phát thanh cá nhân mang tên Radio Irina đã ra đời sau khi Liên Xô tan rã. Tất cả các buổi phát thanh của Đài này buộc Đài Tiếng nói Việt Nam phải thu băng lại, và gỡ băng ra in thành văn bản đưa cho lãnh đạo đọc để tìm cách đối phó. Bài phát thanh mang tên “*bài học Dương Thu Hương*” đã làm lãnh đạo Việt Nam đau đầu. Tôi được một vị lãnh đạo của Đài đưa cho đọc bài này và nhớ như in từng đoạn văn viết khi nói về đảng Cộng sản Việt Nam và đội ngũ trí thức Việt Nam. Nói về Đảng chị viết: Đảng cộng sản Việt Nam có một vốn chính trị giàu có là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ nhưng với chuyên chính vô sản và tập trung dân chủ, Đảng đã mau chóng tiêu hết cái vốn đó. Về đội ngũ trí thức, chị viết: Đảng không mong muốn gì hơn là có một đội ngũ trí thức thông minh, béo tốt và... dễ bảo! Vì thế cứ mỗi lần tôi thấy có hội nghị gì quan trọng tập trung nhiều trí thức, tôi thấy các vị giáo sư, tiến sỹ, viện trưởng này, vụ trưởng kia... complet cravate sang trọng, nhưng đi rón rén, nói thì thảo trước mặt thủ tướng thì đúng là: “Thông minh, béo tốt và dễ bảo”! Radio Irina gây khó khăn cho Việt Nam đến mức khi phó thủ tướng Nga sang thăm và làm việc với Việt Nam, trong chương trình nghị sự ký kết giữa thủ

tướng Phan Văn Khải và phó thủ tướng Nga có riêng một mục là Nga phải dẹp bỏ Radio Irina!

Chiều hôm đó Irina mời tôi và Trần Kiên phát biểu cảm tưởng trên Đài phát thanh đối ngoại Moscow. Trưởng đoàn Kiên được mời vào phòng thu trước. Kiên yêu cầu tôi phát biểu trước để anh còn chuẩn bị. Tôi nghe theo lệnh của trưởng đoàn. Phòng thu bằng pha lê, ngồi trong nhìn rõ bên ngoài. Irina hỏi: xin nhà báo Phú Khải cho biết cảm tưởng lần đầu tiên đến thăm thủ đô Moscow? Trả lời: thưa các bạn thính giả Đài Moscow, thưa các bạn Nga, ở nước Việt Nam tôi có câu chuyện cổ tích thế này: một bác nông dân bị lạc vào rừng, bác ta gặp một con hổ. Con hổ định ăn thịt bác. Bác nông dân bình tĩnh nói: sau khi ăn thịt tôi, hổ phải phát biểu cảm tưởng! Thế là hổ cúp đuôi chạy mất (ở ngoài phòng thu tôi thấy mọi người ngồi nghe há mồm cười, vỗ tay). Tôi bình tĩnh trả lời tiếp: vậy là ở nước tôi, phát biểu cảm tưởng là điều mà hổ còn phải sợ, nhưng tôi hôm nay cứ liều phát biểu một vài cảm nhận của mình khi lần đầu tiên được may mắn đến thăm thủ đô của Liên Xô vĩ đại. Tôi đi máy bay từ Hà Nội của hãng Aeroflot có hàng trăm ghế ngồi, các tiếp viên của hãng đẹp như sao trên trời, sang đây nhìn thấy cái gì cũng to lớn, nhà cao, tàu điện ngầm thật là một công trình kỳ vĩ. Các bạn Nga đón tiếp chúng tôi rất nhiệt tình. Tôi đã thấy tận mắt thành tựu vĩ đại của Liên Xô. Nhưng tôi cũng thấy các bạn tôi - cả người Việt lẫn người Nga đều xếp vào va li từ cái quần lót phụ nữ để sang Moscow bán. Vậy là Liên Xô chỉ chú ý đến cái vĩ mô, bỏ quên mất cái vi mô (ngoài phòng thu mọi người gât gù tán đồng). Tôi lại mạnh dạn nói tiếp: tôi tin là công

cuộc cải tổ ở Liên Xô hiện nay là sự điều chỉnh cái mâu thuẫn đó (thấy vỗ tay bên ngoài). Tôi nói tiếp: tôi tin là, những nguyên tắc leninist của chủ nghĩa xã hội sẽ được phục hồi từ công cuộc cải tổ này (bên ngoài lắc đầu, có người nhún vai tỏ thái độ chê bai, có người còn xua tay). Hoảng quá, nhưng tôi vẫn bình tĩnh “cảm ơn và chào thính giả nghe đài”...

Ra khỏi phòng thu tôi phải chạy vô nhà vệ sinh để hút thuốc cho giảm căng thẳng. Vậy là tôi đã hiểu, người Nga biết rõ không thể cải tổ được xã hội Xô Viết mà cái xã hội ấy chỉ có tan rã thôi. Tôi còn ngây thơ quá nên bị họ cười! Ở Đài phát thanh đối ngoại Moscow kỷ luật nghiêm lắm. Hút thuốc phải vô phòng vệ sinh, đừng hút thuốc bên cạnh những người đang tiểu tiện. Thế mà nhà vệ sinh mịt mù khói thuốc. Một bạn người Nga đã lớn tuổi nói với tôi: bỏ thuốc lá có gì khó đâu, tôi đã bỏ ba trăm lần rồi!

Hút xong điếu thuốc, tôi quay vào thì Trần Kiên cũng vừa phát biểu thu thanh xong. Irina đưa tôi và Kiên ký vào biên nhận để mỗi người nhận một bao thơ nhuận bút. Thì ra, đây là thiện ý của các bạn Ban Tiếng Việt, mời chúng tôi phát biểu để có cơ chi tiền cho chúng tôi. Tôi cảm ơn Irina và mở phong bì thơ ra coi, có 25 rúp trong đó. Tôi và Kiên đều mừng. Bài của tôi được phát sóng ngay tối hôm đó. Khoa bảo với tôi: bài của anh được phát, bài của anh Kiên không được phát. Tôi hỏi lý do vì sao, Khoa nói: Irina bảo, anh Kiên quên không chào thính giả nên bài không phát!

Không hiểu Trần Kiên đi với Irina “tìm hiểu” được những gì ở Moscow? Còn tôi thì hết lang thang với Dương Minh Long rồi lại theo vợ Khoa đi xếp hàng mua đồ ở chợ Nông

Trường. Đứng xếp hàng tôi thấy rất buồn. Những người đàn ông Nga cao lớn phải xếp hàng rỗng rảnh chỉ để mỗi người mua được một cục pin nhỏ xíu cho cái đồng hồ điện tử mà nước ngoài mới được nhập vào Liên Xô. Ôi, một đất nước làm ra cả tên lửa vượt đại dương, đất nước có người bay lên vũ trụ đầu tiên mà cuộc sống đời thường cho nhân dân thì lại thua cả cái anh Thái Lan, Philippines thì giải thích thế nào đây? Hay là bị Mỹ nó lừa trong cuộc chạy đua vũ trang mà cái tượng Gargarin kiêu ngạo kia là một bằng chứng? Người Nga xếp hàng yên lặng và trật tự. Còn đám dân Việt đầu đen, đồng bào của tôi, người thì thấp bé, lưng thùng trong chiếc áo Nato cười nói bô bô huyền não cả một khu chợ. Người ta nhìn những cái đầu đen đang huyền não kia như nhìn những người từ hành tinh khác vừa mới đến! Một bà già vừa mới mua được ký dừa chuột muối còn cầm trên tay loay hoay chưa biết xếp vào cái giỏ nào dưới chân, tôi vội nâng cái túi của bà lên, mở rộng miệng túi để bà bỏ dừa chuột vào. Bà nhìn tôi cảm ơn rồi hỏi bằng một từ: Corée? (Người Triều Tiên – Hàn Quốc). Thật buồn!

Mua được hàng, buổi tối chúng tôi kéo xuống tầng 11 nhà vợ chồng Kiên đang ở để liên hoan nhẹ. Một anh chàng người Nga cao to, bạn hàng của vợ Kiên cũng đang ở đó. Vợ Kiên cho biết anh ta vừa đi khám bệnh về, bị viêm phế quản. Vậy mà khi tôi mời anh ly rượu Lúa Mới, anh làm hết cái ly cối trong một hơi. Uống xong, anh lấy tay áo chùi rìa mép, rồi ba hoa. Tôi nghe được câu ba hoa ấy qua lời dịch của vợ Kiên: nước Nga của chúng tao luôn là một cái làng lớn đầy hủ tục! (Người Nga thật thà như một tảng đá, không che giấu cái sức

ỳ của chính mình).

Sáng hôm sau, Khoa chờ tôi đến Đài từ sớm. Đây là ngày thứ 10, ngày cuối cùng của chuyến đi theo quyết định đã ký. Tôi gặp Irina ngay ở phòng thay quần áo ở tầng trệt của ngôi nhà lớn 7 tầng lầu này. Irina hỏi tôi rất nghiêm túc: thế anh Khải định không tìm hiểu gì thật trong chuyến đi này à? Tôi trả lời nghiêm túc: có định tìm hiểu nhưng khó lắm. Chị tiếp lời: thì anh cứ nói đi. Tôi trình bày rằng, thì là tôi một gặp một trí thức hàng đầu của nước Nga để tìm hiểu về công cuộc cải tổ đang diễn ra đầy kịch tính hiện nay ở Liên Xô, mà người phiên dịch phải là Irina! Tôi không ngờ chị cười và nói ngay: dễ thôi, đi ngay bây giờ. Thế là Irina kéo tôi ra cửa, đi luôn. Rất may là chúng tôi chưa kịp gửi quần áo, còn mặc nguyên bộ đồ đi trong băng tuyết...

Lên xe điện rồi, Irina bảo với tôi: em đưa anh đi gặp viện sĩ, giáo sư X, người đang là trưởng Ban cải cách Hiến pháp Liên Xô. Tôi không ngờ Irina quen biết ghê gớm đến thế. Tôi mừng thầm là chuyến đi này đã đạt được mục đích ở ngày cuối cùng. Tôi chào ông viện sĩ có vẻ bề ngoài rất quắc thước này bằng tiếng Pháp. Ông ta đứng dậy bắt tay tôi rồi lại ngồi xuống cái ghế bành to đùng. Irina giới thiệu tôi một hồi với ngài viện sĩ mà tôi không biết nàng đã nói những gì. Sau đó nàng giục tôi: anh hỏi đi. Tôi hỏi: Thưa ông viện sĩ, chúng tôi từng đọc sách thấy Lenin nói, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô gặp triệu lần nền dân chủ ở những nước tư bản chủ nghĩa. Vậy bây giờ Liên Xô cải cách Hiến Pháp là dựa trên nguyên tắc, nguyên lý nào? Irina dịch và ngài viện sĩ trả lời tôi qua lời dịch của chị: chúng tôi đang nghiên cứu

Montesquieu... Tôi nghe xong câu ấy thì đứng lên cúi đầu rất thấp chào ngài viện sĩ và nói với Irina: thôi, thế là đủ rồi. Chúng ta về thôi...

Ra đến cửa, tôi bảo Irina: vậy là quay lại thế kỷ 18 để thực hiện tam quyền phân lập. Và như vậy là Việt Nam chúng ta đã đi lộn đường hơn hai thế kỷ rồi! Irina không nói gì cả. Nhưng nàng lại đưa tôi đi tiếp. Đến một ngôi nhà cao tầng ở một phố không có vẻ gì là sang trọng, nàng bảo tôi: em đưa anh đi gặp tổng bí thư của một đảng đối lập, tầng lầu mà ta sắp lên là chính đảng cộng sản thuê cho đảng đối lập này làm trụ sở. Vậy là tôi lại hiểu thêm một “kênh” chính trị nữa ở Liên Xô lúc đó.

Tổng bí thư đảng đối lập là một người đàn ông trung niên tầm thước, gương mặt trông hiền hòa nhưng có đôi mắt rất sáng. Trong cuộc trao đổi với ông, tôi nhớ không bao giờ quên hai câu nói đầy ẩn tượng của ông. Câu thứ nhất nói về Liên Xô: Liên Xô của chúng tôi là một cái chiến hạm mắc cạn còn Việt Nam là một chiếc thuyền thúng không biết nó trôi dạt đi đâu(!). Câu thứ hai nói về xã hội Xô Viết: thằng Ivan nó không có gì cả thì nó không thể nên người được. Nó phải có gia sản thì mới nên người! (Ivan là cách nói tượng trưng chỉ một người đàn ông Nga; như người Việt nói anh Ất, Anh Giáp). Ra về, khi chỉ có tôi và Irina trong thang máy, nàng lấy tay gỡ cái huy hiệu biểu tượng của đảng đối lập mà ông Tổng bí thư vừa gắn lên ngực áo tôi để làm kỷ niệm ra, gắn lên áo của mình, mỉm cười: em tịch thu cái huy hiệu này của anh!

Hôm nay, khi tôi đang viết những dòng chữ này, tức là hơn

20 năm sau khi Liên Xô lúc đó phải đọc lại Montesquieu thì Việt Nam đang trưng cầu ý kiến nhân dân về sửa đổi Hiến Pháp. Ông Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng vẫn kiên quyết bác bỏ “tam quyền phân lập”! Tôi bỗng nhớ đến câu nói nổi tiếng của Lenin: “Nước Nga luôn đội trên đầu mình cái mũ mà cả loài người tiến bộ đã vứt bỏ”. Vậy mà Việt Nam vẫn quyết đội trên đầu mình cái mũ mà cả loài người tiến bộ đã vứt bỏ. Cái mũ độc đảng! Cũng hơn 20 năm sau, cái chiến hạm Liên Xô đã thoát cảnh mắc cạn, nhưng cái chiến hạm ấy do anh chàng KGB Putin cầm lái chưa biết nó sẽ đi về đâu... Còn con thuyền thúng Việt Nam thì đang trôi dạt vào một vùng sóng to gió lớn. Chắc chắn nó sẽ bị lật úp nếu những người trên con thuyền thúng đó không dám can đảm nhảy xuống nước mà bơi vào bờ, cứ khur khur ôm lấy con thuyền đó.

... Trưa hôm đó Irina đãi tôi ở căn tin của Đài. Nàng nói: cái gì ăn không thấy ngon thì thôi ngay nhé. Tôi thấy nàng gọi nhiều món lắm, nhưng ăn chẳng thấy thứ gì ngon cả. Có thứ chỉ là khoai tây nghiền nát pha thêm chút bơ vào, ăn nhạt nhẽo vô cùng. Khoa đến chỗ chúng tôi ngồi ăn. Anh ghé vào tai tôi nói đủ nghe... Thì ra chúng tôi sẽ phải về nhà sớm để chiều tối hôm ấy Irina đến nhà anh liên hoan, tiễn chúng tôi về nước trưa ngày hôm sau.

Vợ chồng Khoa phấn khởi lắm. Anh nói: đây là lần đầu tiên trưởng ban Việt ngữ Irina đến thăm và ăn tối tại nhà riêng một cán bộ Việt Nam tại chung cư dành cho các chuyên gia nước ngoài. Anh còn biểu dương tôi: nhờ có anh mà Irina mới tới đó. Đây là vinh dự cho vợ chồng tôi. Anh cũng mời cả Dương Minh Long, anh Hùng (cũng là phát thanh viên đã

hết hạn hợp đồng làm việc đang chờ vé máy bay về nước) và một người bạn của anh đang làm luận án tiến sĩ ở trường Đảng cao cấp Liên Xô... và dĩ nhiên có cả Trần Kiên.

Tôi thấy vợ Khoa lấy ra một cái riu, đúng là riu bồ cùi bên ta, nhưng cán riu sơn màu đỏ rất đẹp. Tôi không biết cái riu ấy dùng vào việc gì? Một lúc sau vợ Khoa bật nắp tủ cấp đông khiêng ra từng tảng nước đá và sai chồng bỏ nước đá để lấy ra những cái đùi gà lớn được dự trữ trong tủ... không biết từ bao giờ! Khoa giải thích: đây là gà công nghiệp Mỹ mà Liên Xô phải nhập về để cứu nguy cho tình trạng thực phẩm khan hiếm chưa từng có ở Moscow! Vợ chồng Khoa dùng những cái đùi gà ấy để làm nem, món ăn truyền thống Việt Nam mà các bạn Nga rất thích.

Xế chiều thì mọi người đã đến đông đủ. Dương Minh Long bảo tôi để cho Kiên về trước, tôi cố ở đây đến tháng 5, mùa hè các cây khô kia đâm chồi ra lộc. Con gái Nga sau những tháng mùa đông, hè đến các cô còi tung ra, mặc váy ngắn khoe các cặp đùi non... thì lúc đó mới đúng là Moscow! Tôi biết thế nhưng đành chịu. Dương Minh Long đã bán hộ tôi cái máy chụp hình của Nhật đã cũ nhưng dân Nga lại rất thích, để mua hộ tôi cái máy chụp hình Zenith mới toanh to đúng mà tôi cũng rất thích. Đúng 6 giờ chiều thì Irina đến. Nàng ăn mặc rất đẹp, môi son má phấn đang hồng. Thằng bé con Khoa nhảy ra trước đón khách. Irina reo lên: ối giời ơi! Nó lớn nhanh quá! Tôi đảm bảo 100% nếu nghe câu nói này mà không nhìn thấy người nói thì người ta sẽ nghĩ rằng đó là một phụ nữ Hà Nội (vì không phải là “ối trời ơi”, mà là “ối giời ơi”).

Chúng tôi đã ngồi xuống sàn ăn nhậu như ở Việt Nam và Irina rất thuần thục với lối ăn ngồi dưới chiếu trải trên nền nhà. Nàng thu váy vào lòng và ngồi xếp bằng. Khi mỗi lại đổi tư thế ngồi nghiêng quẹo chân sang một bên rồi cầm đũa gắp nem chấm nước mắm pha ăn ngon lành. Đôi lúc còn đưa cả bát lên húp nước chấm còn dư trong bát, xuýt xoa khen ngon! Một phụ nữ Nga như thế thì làm sao mà “chống Việt Nam” được? Sứ quán của ta, cán bộ chỉ quen đi buôn nôi áp suất, quạt tai voi nên đã báo cáo về Việt Nam là “Irina chống Việt Nam”.

9 giờ tối trước khi ra về, Irina còn dặn kỹ chúng tôi là không đem thuốc tây trong hành lý về nước. Đó là thứ quốc cấm ở Liên Xô. Nếu đem trong va li, hải quan khám thấy sẽ phạt rất nặng, có khi còn làm nhỡ cả chuyến bay (lúc đó mua vé rất khó, phát thanh viên Hùng nằm chờ cả tháng nay chưa có vé). Tôi và Khoa phải mặc quần áo rồi tiễn chân Irina ra đường vẫy taxi (cách chung cư cả mấy trăm mét). Ngoài trời là âm 10 độ. Tôi vừa đi vừa nhảy lên cho khỏi rét. Thấy thế, Irina nói: Napoléon Bonaparte xưa kia thua trận cũng vì cái rét của nước Nga đấy các nhà báo ạ. Khoa đã ôm hôn Irina để chia tay nàng.

Đêm hôm ấy chúng tôi thức rất khuya để đóng hàng. Khoa lấy thang để trèo lên cái kho khui ra biết bao nhiêu thứ. Lúc này tôi mới quan sát kỹ. Căn hộ tuy nhỏ nhưng được các nhà kiến trúc thiết kế rất hợp lý. Cái hành lang chạy dọc chia căn hộ ra làm từng khu vực. Một bên là phòng khách, phòng ngủ. Một bên là nhà vệ sinh, nhà bếp thì cái trần trên hành lang được hạ thấp sát với đầu người, trên đó trở thành một cái kho

chạy dài như cái toa tàu để chứa đồ. Vì theo quy luật, không ai dừng lại ở hành lang lâu, đó chỉ là lối đi nên trần rất thấp. Trong khi các phòng khác, trần nhà rất cao, không gây ức chế cho người luôn nằm ngối ở đó. Các nhà kiến trúc Việt Nam đi Liên Xô như đi chợ sao họ chẳng học được cách xây các chung cư kiểu đó!

Ngày thường căn hộ của Khoa rất gọn gàng, vậy mà bây giờ anh khai từ trên cái “kho” đó ra bao nhiêu là thứ. Lúc đi vợ tôi chỉ dặn mua một bộ sấy tóc Liên Xô thì Khoa đã cho tôi rồi, vì thế toàn bộ chiếc va li của tôi để dành cho Khoa xếp đồ gửi về Hà Nội. Anh bạn đang làm luận văn tiến sĩ về Đảng của Khoa vừa xếp đồ vừa tuyên bố: trình độ tiến sĩ thì xếp đồ cũng trình độ tiến sĩ. Mà anh ta xếp hay thật. Bất cứ một kê hờ nào trong valy cũng được nhét vào đó một thứ gì đó có khối lượng vừa vặn khoảng trống ấy. Cái valy của tôi nặng còn hơn cái cùm. Xếp xong đồ thì trời đã gần sáng. Đêm cuối cùng chúng tôi thức uống trà đặc để chia tay nhau. Tôi nhớ mãi câu tâm sự của anh chàng đang thi tiến sĩ: một tháng tôi ở trường Đảng cao cấp ở đây thì được ăn một lượng thịt bằng ở nhà được ăn trong một năm. Ba năm tôi ở đây thì bằng cả đời ở Việt Nam! Chỉ thương vợ con ở nhà khổ quá! (nếu Nam Cao sống lại thì ông sẽ viết được cuốn tiểu thuyết hay hơn cuốn “*Sống mòn*” về anh bạn tiến sĩ tương lai, bạn thân của Khoa).

Sân bay quốc tế Mat hỗn loạn như một cái chợ. Các mẹ đi buôn lậu từ Bun, từ Ba Lan sang Nga sẵn sàng trèo lên quầy bán vé, các hàng rào bằng ống sắt để người xếp hàng đứng ở giữa chờ vào phòng làm thủ tục đi máy bay... Các mẹ này



РАДИО МОСКВА
RADIO MOSCOW

Anh Khải à! Em nhớ anh
chuyến máy thư này như anh
đã hứa, nhưng em không biết
sau này có cần nào cảm tạ
anh về chuyến đi? Cháu bà
em phải truyền cho con cháu em
xây dựng đi theo anh bao đời
sau! Đúng không, anh?

Còn em chúc anh đi đường
may mắn, vô sự, cái gì đó thì
cô quên đi ngay, anh hứa với
em đi! Em xin gửi anh máy
cái hôn lý biệt và nhớ. Chị em

Thủ bút của Irina



Biểu tình ở Moscow (3/1991). Ảnh: LPK

bước cả qua đầu những người đang xếp hàng ở dưới vô tư! Irina không đưa chúng tôi ra sân bay được. Một bạn nam trong Ban Tiếng Việt lái xe và cầm giấy tờ, vé máy bay của chúng tôi đi làm mọi thủ tục ở sân bay. Anh ta chờ cho chúng tôi vào lọt phòng đợi lên máy bay rồi mới dám quay về. Vậy mà suýt nữa phải ở lại vì Kiên có đem theo một gói to thuốc kháng sinh của Liên Xô sản xuất trong va li của mình về Việt Nam. May quá, chỉ bị tịch thu không bị giữ người.

Irina không tiễn chúng tôi được. Nàng gửi tôi một lá thư

chữ rất đẹp. Tôi còn giữ lá thư này đến ngày hôm nay để làm kỷ niệm. Nguyên văn: *“Anh Khải ạ! Em nhờ anh chuyển mấy thư này như anh đã hứa, nhưng em không biết sau này có cách nào cảm tạ anh về chuyện đó? Chắc là em phải truyền cho con cháu xây đền thờ để thờ anh bao đời sau. Đúng không anh? Còn em chúc anh đi đường may mắn, vô sự, cái gì dở thì cố quên đi ngay, anh hứa với em đi. Em xin gửi anh mấy cái hôn ly biệt và nhớ. Ký tên Irina.”* Một lá thư khác được dán kín. Nàng gửi cho nữ nhà văn Dương Thu Hương, có địa chỉ ở đường Ngôi Thời Nhậm Hà Nội. Nhờ tôi đem về đưa tận tay cho Hương, như lời anh bạn Nga nói lại lúc trao thư.

Thật may cho tôi, khi tôi đến phố Ngô Thì Nhậm trao thư cho chị Hương ngày hôm trước thì hôm sau anh Hà Sĩ Phu – tức Nguyễn Xuân Tụ – đến thăm mẹ chị Hương bị ốm giữa lúc chị đang bị công an khám nhà. Anh Hà Sĩ Phu bị câu lưu 10 ngày để hỏi cung. Sau này chính anh nói với tôi, tay sĩ quan an ninh hỏi cung anh là Lê Hoài Nguyên. Tay này nói với anh là, tôi làm việc với anh là đỡ cho anh, nếu không phải là tôi, anh còn mệt mỏi nhiều hơn. Hà Sĩ Phu còn khen Lê Hoài Nguyên sau này có viết lại vụ án “Nhân Văn Giai Phẩm” khá trung thực và anh khen Lê Hoài Nguyên làm thơ nữa.

Anh than: thật là những người anh em máu đỏ da vàng với nhau mà vì những chuyện chẳng đi đến đâu mà có thời gian phải làm khó cho nhau. Cuối cùng nghĩ lại cả đôi bên đều thấy rất buồn! Anh Hà Sĩ Phu nói thế là thực lòng. Tôi biết anh từ năm 1988 khi anh viết *“Dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ”*. Tôi đã lên Đà Lạt thăm anh năm đó. Hai anh em nói chuyện với nhau suốt ngày. Tính anh hiền

hậu, dễ thương dễ mến. Tôi chụp cho anh tấm hình ngồi bên cửa sổ, lúc đó râu tóc còn đen láy. Vậy mà bây giờ (2013) râu tóc đã bạc trắng. Tấm hình đó anh vẫn giữ, thỉnh thoảng còn đem khoe với bạn bè.

Khoản tiền 25 rúp Ban Tiếng Việt trả nhuận bút cho tôi, khi về đến Tashken, tôi mua 10 rúp cam đựng trong một cái giỏ to đem về Hà Nội làm quà đi Liên Xô, ai ăn cũng khen ngon. Nhà lý luận nổi tiếng Nguyễn Kiến Giang (người mà bác sĩ Nguyễn Khắc Viện gọi là “nhà Xô Viết học”) khi giới thiệu với tôi lần đầu gặp nhau, nghe được bài phát biểu cảm tưởng của tôi trên Đài phát thanh đối ngoại Liên Xô đã khen là “được”! Lúc đó trí thức Việt Nam, những người quan tâm đến thời cuộc đều nghe đài Moscow tiếng Việt. Về đến Mỹ Tho, anh Kim Tinh phó tổng biên tập báo *Ấp Bắc* Tiền Giang gặp tôi cũng nói là có nghe được bài đó. Duy chỉ có anh Hữu Thọ báo *Nhân Dân*, khi tôi đến thăm bạn bè ở báo, anh có lời khuyên tôi. Anh nói đại ý là anh vừa đi Bắc Triều Tiên cùng với Kim Hạnh Tổng biên tập báo *Tuổi Trẻ*. Kim Hạnh về viết bài trên *Tuổi Trẻ* phê phán Bắc Triều Tiên là một quốc gia bí mật, dân làm nhà phải quay mặt vào phía trong... Anh cũng thấy như thế, nhưng người ta là nước có quan hệ ngoại giao với mình nên sứ quán họ vừa có công hàm phản đối với Bộ Ngoại Giao ta (về bài báo đó). Tôi mới đi Liên Xô về, đừng phê phán gì Gorbachev cả, vì người ta là nguyên thủ quốc gia, phê Gorbachev thì không có lợi về ngoại giao với ta. Anh Hữu Thọ còn bảo tôi, có viết cái gì cũng không ai đăng cho cậu đâu!

Như vậy là tôi và Trần Kiên đã “kết thúc tốt đẹp” chuyến

đi “công tác” 10 ngày tại Liên Xô. Nếu có ai hỏi tôi, anh đã thu được cái “khôn” nào trong 10 “ngày đảng” đi xa đó như ông bà ta đã nói “đi một ngày đảng học một sàng khôn” thì tôi xin thưa, tôi đã ngộ ra hai điều. Một là, Liên Xô không thể cải tổ được mà nhất định sẽ sụp đổ, vì chính người Liên Xô đã nhìn ra điều đó. Các bạn Nga đã cười, lắc đầu khi tôi nói công cuộc cải tổ ở Liên Xô là để “phục hồi những nguyên tắc leninist của chủ nghĩa xã hội!” Hai là, cũng như nhiều người hay đọc sách ở Việt Nam tin rằng chỉ có Staline độc tài, còn Lenin là dân chủ! Nhưng đó là sự ngộ nhận của những người không “nằm trong chăn”. Tôi đã được nghe hai câu chuyện do chính các bạn Nga ở Ban Tiếng Việt của Đài Moscow kể. Một là: bạn có biết vì sao Lenin là người nói về dân chủ nhiều nhất ở Liên Xô không? Vì nếu có người thứ hai nói về chữ “dân chủ” thì đã bị ông đập đầu chết rồi(!). Câu chuyện tiểu lâm thứ hai là, một anh cán bộ làm việc ở Moscow, thứ bảy chủ nhật không về với vợ ở tỉnh. Lần sau anh ta về, chị vợ hỏi tại sao lần trước không về? Anh ta nói: còn đi viếng lăng Lenin. Chị vợ nổi xung quát: sao ngu thế, không viếng cái lăng này thì viếng cái lăng khác chứ lo gì(!).

Chính người Liên Xô đã thù ghét ông ta như thế cơ mà. Có lẽ tôi là một trong những nhà báo Việt Nam cuối cùng đến thăm Liên Xô trước khi “đế quốc” này tan rã vào cuối năm 1991.

Ba ông họ Võ:

Võ Nguyên Giáp - Võ Văn Kiệt - Võ Việt Thanh

Giữa năm 1991, sau khi tôi đi Liên Xô về, Tuất Việt, Tổng Biên tập báo *Sài Gòn Giải Phóng* nhờ tôi làm một cuộc họp mặt, mời các cây bút của đồng bằng để mở mục “Đồng bằng Sông Cửu Long” trên báo *Sài Gòn Giải Phóng*. Theo anh Tuất Việt thì các tỉnh đồng bằng, đặc biệt là các cơ quan chính quyền, đoàn thể... đều mua *Sài Gòn Giải Phóng*. Vậy mình phải nói gì về người ta thì mới có sự gắn bó giữa người đọc đồng bằng và tờ báo của TP. HCM.

Tuất Việt là một Tổng biên tập tận tụy với nghề báo, có kiến thức và tâm huyết với bạn đọc. Sau Tô Hòa, ông là Tổng biên tập sáng giá của tờ *Sài Gòn Giải Phóng*. Tôi đã cộng tác với nhiều tờ báo trong cả nước nhưng chưa thấy Tổng biên tập nào tận tụy như anh. Có lần tôi đang ở tận Năm Căn - Đất Mũi, có một cái tin về xuất khẩu tôm đáng đưa lên mạng thông tin đại chúng cấp quốc gia. Tôi đọc tin qua điện thoại ra Hà Nội để Đài Tiếng nói Việt Nam phát ngay buổi thời sự chiều. Về đến nhà nghỉ, tôi nghỉ đến Tuất Việt và gọi về nhà riêng cho anh, bảo anh cầm bút ghi cái tin tôi đọc. Tuất Việt ghi và anh bảo tôi, sẽ sang ngay tòa soạn để đưa cái tin đó cho báo vào sáng hôm sau.

Chiều hôm sau, khi tôi về đến Cà Mau và đến làm việc với các cán bộ của ngành thủy sản ở thị xã, đến 4 giờ chiều ai cũng vui mừng là đã đọc được cái tin của *Sài Gòn Giải Phóng* về xuất khẩu tôm ở Năm Căn, khen *Sài Gòn Giải Phóng* đưa tin nhanh quá. Thời đó chưa có điện thoại di động, chưa có internet, chưa có báo mạng, chưa xây dựng được hai cây cầu

qua sông Tiền, sông Hậu, các báo ở Sài Gòn phát hành lúc 4 giờ sáng, xe đồ nhận báo rồi chạy miết thì 4-5 giờ chiều Thị xã Cà Mau mới được đọc báo xuất bản ở TP. HCM trong ngày. Chỉ có Tổng biên tập như Tuất Việt mới chịu khó chép tin như thế để tạo nên “sự gắn bó” với bạn đọc của mình, như anh đã tâm sự với tôi.

Đầu năm 1994, tôi đang làm giảng viên cho một lớp bồi dưỡng nghiệp vụ của Đài Phát thanh tỉnh Sóc Trăng thì Tuất Việt lại nhắn tôi cố về sớm để giúp anh đi Điện Biên, chuẩn bị bài vở cho số báo ngày và tuần san *Sài Gòn Giải Phóng* thứ 7, nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (1954-1994).

Tôi nhận lời và chuẩn bị lên đường vào trung tuần tháng 3/1994. Tuất Việt cấp thẻ đặc phái viên báo *Sài Gòn Giải Phóng* cho tôi, đồng thời anh thảo hai lá thư gửi Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, hai lá thư gửi huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên giới thiệu tôi, nhờ địa phương giúp đỡ để lấy tài liệu viết bài. Nhưng có một điều trớ trêu là anh không cấp cho tôi một xu nào lộ phí đi đường và ăn ở những ngày ở Điện Biên. Anh chỉ hứa sẽ “trả nhuận bút xứng đáng”(!). Đây chính là đề tài để tôi “nghiên cứu” về chế độ nhuận bút của các báo ở Việt Nam sau chuyến đi Điện Biên Phủ năm ấy và chuyến đi Hong Kong, Macau của tôi sau này, đi để thu thập tài liệu, tin tức cho ngày Hong Kong, Macau trở về với Trung Quốc năm 1997(!).

Tôi sẽ viết về đề tài này ở phần sau.

Lại nói về chuyến đi ĐBP. Cẩm tấm thẻ “đặc phái viên” *Sài Gòn Giải Phóng* và bốn tờ giấy giới thiệu, viết rất tỉ mỉ

của Tuất Việt, tôi rất băn khoăn... lấy tiền đâu mua vé máy bay từ TP. HCM ra Hà Nội. Rồi từ Hà Nội đi Điện Biên và cả tuần lễ sống ở trên đó. Rồi còn khứ hồi nữa?

Tôi nhớ đến một bài bút ký của nhà văn xứ Huế Hoàng Phủ Ngọc Tường. Khi anh đến được Đất Mũi Cà Mau, trong bài ký của anh, nhà văn đã cho rằng anh đã đến được “một cái đích” của đời mình. Vậy Điện Biên không phải là “một cái đích” của đời tôi hay sao? Tôi phải đến được cái đích đó! Dù bất kỳ khó khăn nào. Thế là tôi lên đường. Sáng hôm tôi đi, vợ tôi tiễn tôi ra tận chỗ hẹn với anh bạn chờ để chở tôi ra sân bay.

Cả cuộc đời phóng viên của tôi có biết bao nhiêu chuyến đi, vậy mà sao sáng hôm đó vợ tôi lại phải tiễn? Chả là, mấy ngày trước đó, báo đài cả nước đều đưa tin về một vụ máy bay đi Điện Biên, cả phi công và máy bay đều tan xác vì máy bay trực thăng đâm thẳng vào núi! Vợ tôi lo! Tôi phải bảo bà quay về vì “người ta chết có số!” Vất vả nhất cho tôi chuyến đi này là Tuất Việt còn tặng báo Lai Châu một bức trưởng của báo *Sài Gòn Giải Phóng* rất công kênh! Nhưng tôi đã “tương kế tựu kế” bóc bỏ đi bao bì của bức trưởng đó, để lộ dòng chữ “Báo *Sài Gòn Giải Phóng* tặng Báo Lai Châu nhân kỷ niệm 40 năm chiến thắng ĐBP”. Nhờ vậy tôi được mọi người “chiếu cố” khi lên xuống các phương tiện giao thông, vì là người Việt Nam ai cũng yêu mến Điện Biên Phủ.

Khi tôi xếp hàng mua vé thì cô bán vé hàng không trả lời: hết vé! Đây là những chuyến bay đầu tiên được nối lại giữa Hà Nội và Điện Biên sau nhiều năm chuyến bay này bị hủy bỏ. Tôi năn nỉ cô nhân viên bán vé “chiếu cố” tôi là nhà

báo, từ Miền Nam ra, đi Điện Biên Phủ chuyến này để viết về Điện Biên Phủ nhân kỷ niệm 40 năm... cô nhân viên gọi điện vào bên trong, không biết họ trao đổi với nhau cái gì rồi bán vé cho tôi.

Lúc tôi đứng chờ làm thủ tục để ra sân bay, có tiếng một người đàn ông đứng sau hỏi:

Anh cũng biết đại tướng đi chuyến này à?

Tôi quay lại thì thấy một người đàn ông đeo lon thiếu tướng và sau ông là mấy vị đeo lon đại tá, cuối cùng là một cô đầm trẻ rất đẹp, mắt xanh biếc. Thấy vị thiếu tướng mặt khó đăm đăm, nhìn tôi vẻ soi mói, tôi trả lời ông nửa đùa nửa thật: có lẽ đại tướng thấy tôi đi chuyến này nên ông cũng đi(!). Sau câu trả lời của tôi, mấy vị quân nhân đứng đó đều tỏ ra bất bình. Có lẽ mấy vị ấy cho tôi là “phạm thượng”! Sau này tôi mới biết, vị đeo lon thiếu tướng đó là ông Cao Pha, Cục phó Cục Quân báo, đã cùng Đại tướng chiến đấu trong chiến dịch Điện Biên năm xưa. Các vị Đại tá kia đều là các cựu chiến binh Điện Biên Phủ. Cô đầm xinh đẹp kia là Catherine, phóng viên nhiếp ảnh nổi tiếng Mỹ, tất cả đều đi tháp tùng Đại tướng trong chuyến máy bay lên thăm Điện Biên nhân sắp kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

Lúc lên máy bay thì rộng thênh thang. Chiếc Airbus hơn 70 chỗ ngồi này chỉ chở có vợ chồng Đại tướng Võ Nguyên Giáp, mấy vị tôi vừa gặp, ngoài ra còn mấy người khác là đạo diễn Trí Việt, quê Bến Tre, một trong ba người Nam bộ dự trận Điện Biên năm xưa, nhà văn Triều Dương ở báo *Văn Nghệ Hội Nhà văn* và hai bố con một ông già. Đây là chuyến chuyên cơ đặc biệt do chính Tổng cục trưởng Hàng không

Việt Nam Nguyễn Hồng Nhị lái chở vợ chồng Đại tướng lên thăm lại chiến trường xưa sau 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ. Những người đi tháp tùng là quân nhân và nhà báo thì không có gì đáng ngạc nhiên. Còn ông già để râu dài, đeo kính râm và người thanh niên đi cùng là ai khiến tôi phải đến hỏi. Ông cụ hóm hỉnh nói, tôi là Dư Văn Tư, đã 76 tuổi, là “tư lệnh một khẩu pháo” trong chiến dịch Điện Biên Phủ (khẩu đội trưởng một khẩu pháo). Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, cụ Tư ở lại làm công nhân nông trường Điện Biên và định cư ở chiến trường cũ này. Nay cụ về Hà Nội mổ mắt nên có anh con rể đi theo. Vì là chiến sỹ Điện Biên năm xưa nên cụ được ưu tiên mua vé để đi chuyến chuyên cơ đặc biệt này, nếu không phải nằm chờ ở Hà Nội ba ngày nữa vì lúc đó hàng tuần chỉ có hai chuyến bay dân dụng Hà Nội - Điện Biên Phủ. Vậy là tôi cũng là người được “ưu tiên” mua vé đi chuyên cơ này. Và một điều thú vị là trên máy bay hôm đó có đến hai vị tư lệnh, một Tổng Tư lệnh của cả chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ và một “tư lệnh một khẩu pháo”! Còn gì thú vị hơn cho một nhà báo mà trên máy bay được gặp hai vị tư lệnh cùng một lúc như thế. Sau khi phỏng vấn “tư lệnh một khẩu pháo”, chụp hình vị tư lệnh râu dài, đeo kính đen và cậu con rể đi tháp tùng, tôi còn được biết địa chỉ của người cựu chiến binh này ở Phường Him Lam để “đến chơi làm ly quốc lủi” như lời mời của chủ nhân. Rời hàng ghế của “tư lệnh một khẩu pháo” tôi đến chào Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và phu nhân Đặng Thị Hà. Sau khi trình Đại tướng thẻ đặc phái viên báo *Sài Gòn Giải Phóng*, tôi nói: thay mặt Tổng biên tập *Sài Gòn Giải Phóng* Vũ Tuất Việt, tôi kính mời Võ Đại tướng đến

thăm tòa soạn báo dịp 40 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ. Đại tướng niềm nở cười. Tôi không ngờ lại thực hiện được lời mời của Tổng biên tập Vũ Tuất Việt sớm như thế. Theo lời dặn của ông, sau chuyến đi Điện Biên tôi phải đến nhà riêng Đại Tướng để mời dùm ông. Nhưng câu trả lời của Đại tướng phu nhân hôm đó làm tôi rất bất ngờ và suy nghĩ. Bà Hà nói: “Đã là báo Đảng mời thì nhất định anh Văn phải tới!”

Tôi rất bất ngờ về chữ “phải”. Sao lại có sự khiêm tốn đến quá mức như thế? Sao lại “phải” tới đối với một vị tướng lừng danh thế gian này! Và quả thật sau đó Đại tướng có vô TP. HCM, thăm tòa soạn báo *Sài Gòn Giải Phóng* khiến Tuấn Việt rất phấn khởi (nhưng không vì thế mà ông tặng nhuận bút các bài viết về Điện Biên Phủ năm đó cho tôi như đã hứa!).

Rời hàng ghế của Đại tướng, tôi đến ngồi bên cạnh cô đầm xinh đẹp. Cô này nói được tiếng Pháp bập bẹ như tôi. Qua cuộc đối thoại có sự “giúp đỡ” của tay chân, điệu bộ, tôi được biết cô là một phóng viên nhiếp ảnh tự do của Mỹ và vừa nhận 100 cuộn phim để sẽ chụp trong một ngày! Thời kỳ đó có một hãng phim ảnh quảng cáo, tiếp thị bằng cách biểu các phóng viên nhiếp ảnh nổi tiếng các nước 100 cuộn phim và phải chụp hết trong một ngày về bất cứ đề tài gì và gửi về cho họ. Sau đó họ sẽ tùy ý sử dụng những tấm ảnh đó và trả công cho các phóng viên. Catherine là một phóng viên đã nhận 100 cuộn phim như thế. Và, cô ta sang Việt Nam, chọn đề tài Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Sau này, các bức hình về Đại tướng được đăng trên các báo Phương Tây, kể cả ở Việt Nam, tôi đọc thấy tên Catherine ở bên dưới và nhận ra là các tấm hình ấy cô đã chụp trong chuyến đi đó. Cũng không ngờ

tôi trở thành “địch thủ” của Catherine trong những ngày sau. Đó là ngày đầu tiên ở Điện Biên Phủ, các nhà báo chúng tôi đi theo tướng Giáp thăm lại chiến trường xưa. Khi thăm và làm việc với Bảo tàng Điện Biên, tướng Giáp ngồi nói chuyện với cán bộ bảo tàng, có cả Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu dự. Ngày hôm đó cũng là ngày Catherine thực hiện chụp 100 cuộn phim, có nghĩa là phải bấm máy 3.600 lần trong ngày. Vì thế cô bấm máy liên tục. Tướng Giáp chỉ đi ba bước là cô bấm một kiểu ảnh. Có lẽ tướng Giáp biết chuyện này nên ông luôn miệng hỏi: “quelle couronne?” (bao nhiêu cuộn rồi?). Khi tướng Giáp ngồi nói chuyện với cán bộ công nhân viên bảo tàng, tôi đứng sau, luồn tay đưa cái máy ghi âm ra phía trước để ghi âm lời ông nói, Catherine xông lên, giằng tay tôi ra để cô chụp cho đẹp. Tôi đâu có chịu, khi Catherine chạy lại phía trước thì tôi lại luồn tay đưa cái máy ghi âm ra. Cô ta lại chạy tới hất tay tôi ra. Chuyện giằng co như thế làm mọi người rất khó chịu, kể cả tướng Giáp. Tôi quyết định phải “dạy cho Catherine một bài học”, và cũng để chấm dứt cảnh giằng co này. Vì thế, lần thứ ba cô chạy tới giờ tay định làm như lần trước, tôi giờ thẳng tay, đánh mạnh vào cánh tay của cô, khiến cô kêu á một tiếng rồi lùi lại. Sự việc diễn ra quá nhanh và bất ngờ khiến mọi người sửng sốt, nhưng sau đó lại đâu vào đấy. Từ đó, các cú bấm máy của Catherine đều có hình tôi đứng sau, luồn tay ra phía trước cầm cái máy ghi âm đưa ra trước mặt đại tướng.

Tối hôm đó, chúng tôi lại sang nhà khách mà Tướng Giáp nghỉ để hàn huyên vì khách sạn các nhà báo chúng tôi thuê đối diện ngay với nhà khách Tướng Giáp ở. Đúng như tôi đã

dự đoán, Tướng Giáp hỏi tôi: “sao lại xử sự như vậy lúc ban chiều?”. Tôi trả lời vị tướng tài ba này rất “đúng lập trường”: thừa anh Văn - tôi bắt chước các tướng lĩnh đi thám tùm Đại tướng, gọi ông là “anh Văn” - Catherine là phóng viên một nước tư bản, cô ta chụp ảnh để bán lấy tiền, tôi là phóng viên Đài Tiếng nói Việt Nam, tôi ghi âm để phát cho đồng bào cả nước nghe đài biết là Đại tướng nói gì về việc gìn giữ di tích Điện Biên Phủ. Tôi và Catherine égaux (bình đẳng) trong việc hành nghề, cô ta làm như thế là coi thường người khác, tôi phải dạy cho cô ta một bài học. Hơn nữa, tôi cũng muốn nói với các đồng nghiệp Việt Nam của mình là không việc gì phải sợ phóng viên nước ngoài cả. Tất cả đều bình đẳng! Tướng Giáp vỗ vai tôi nói: “Très bien!” (rất tốt).

Từ hôm đó trở đi, mỗi khi gặp tôi ở hành lang khách sạn mà chúng tôi thuê, Catherine đều đi né sang một bên tránh đối diện với tôi. Kể cũng tội nghiệp cho cô, một cô gái đẹp(!). Tắm hình Trí Việt chụp cho tôi và Catherine khi ngồi trên máy bay chuyện trò vui vẻ tôi vẫn còn giữ đến bây giờ để “nhớ” một kỷ niệm không vui trong đời làm báo.

Thế là trong suốt ba, bốn ngày ở Điện Biên, tôi và các đồng nghiệp luôn ở bên Tướng Giáp, từ sớm cho đến chiều tối để đi thăm các chiến địa xưa: đồi Him Lam, đồi D1, đồi A1, nghĩa trang liệt sĩ dưới chân đồi A1, các tượng đài mới dựng lên ở Điện Biên, v.v., tối về lại quay quần bên ông ở nhà khách để hỏi han ghi chép. Có một sự kiện như là một điểm nhấn của chuyến đi năm đó là khi Tướng Giáp và chúng tôi vào thăm lại hầm De Castries, Đại tướng xem rất kỹ di tích này. Bất chợt ông chỉ tay vào sát bức tường của một ngách

hầm và hỏi: “cái étagère lớn của De Castries ở chỗ này đâu rồi?” Không ai trả lời. Đại tướng hỏi lại lần nữa, nói gần như quát(!). Tôi vội đỡ lời: Đại tướng hỏi cái giá sách của De Castries ở đây bây giờ đâu rồi? Có tiếng đáp ngập ngừng: thưa... đốt rồi ạ! Tất cả lại lặng im. Đại Tướng căn dặn phải giữ gìn tất cả những hiện vật của trận Điện Biên năm xưa. Nhưng “điểm nhấn” là câu hỏi cuối cùng của ông: “Hầm tướng giặc thì được ta tạo làm di tích lịch sử để tham quan, còn hầm của tướng ta thì bây giờ ra sao? Nhân dân sẽ hỏi các đồng chí, hầm của tướng ta đâu, không lẽ chỉ có hầm tướng giặc thôi à?” Tất cả mọi người có mặt trong hầm De Castries hôm đó đều lặng đi. Mọi người thấy đại tướng nói đúng quá, có lý quá!

Sáng hôm sau, người ta tổ chức để Đại tướng đi thăm lại hầm Tổng Tư lệnh chiến dịch Điện Biên Phủ ở Mường Phăng, cách thung lũng Điện Biên 10km đường chim bay, đi đường bộ mất 25km, nhưng đường bộ đã bị “lãng quên”, hư hại, xe ô tô đi rất khó khăn. Nghe tin Đại tướng đi Mường Phăng, sáng sớm hôm sau hai phóng viên hãng Truyền hình Nhật Bản đã thuê một xe Uaz lên đường từ sớm. Catherine cũng đã thuê được một xe đi từ sớm. Tôi không có tiền thuê xe đành bám theo Đại Tướng để xin đi trực thăng. Nhưng thật “đau khổ”, trực thăng của quân khu nổ máy mấy lần mà cánh quạt vẫn đứng yên. Người ta phải đem kim búa ra chữa. Tiếng búa đập vang dội cả một góc rừng, vậy mà máy bay trực thăng vẫn ì ra, không chịu nhúc nhích cánh quạt(!). Đến quá trưa vẫn chưa chữa xong máy bay, trong khi đó thì đồng bào Mường Phăng đã dậy từ sớm chờ Đại tướng lên thăm! Nản quá, tôi về

khách sạn nằm, đọc tiếp cuốn “*Lịch sử Đảng bộ Điện Biên*” do Phó Ban Tuyên huấn Huyện Ủy Ngô Phong, người biên soạn cuốn sách tặng tôi hôm trước.

Đến 2 giờ chiều thì máy bay trực thăng của không quân từ Hà Nội bay lên, và đến 4 giờ chiều hôm đó thì đồng bào Mường Phăng hân hoan đón Đại tướng.

Nguyễn Trí Việt, dân Bến Tre dự trận Điện Biên Phủ, anh là Chính trị viên Đại đội xung kích 245, Tiểu đoàn 11 Phủ Thông, Trung đoàn 141 Ba Vì, Đại đoàn 312, từng chỉ huy kéo pháo vào kéo pháo ra ở Điện Biên Phủ năm đó. Từ sớm hôm đó anh đã thuê được một chiếc mô tô Minsk, thứ xe mô tô do Liên Xô sản xuất leo đồi rất tốt để lên Mường Phăng. Anh kể, từ sáng sớm đồng bào Mường Phăng đã tập hợp trên một bãi đất rộng mà xưa kia Đại tướng từng duyệt binh sau chiến thắng Điện Biên để đón Đại tướng. Nhiều người mang theo trứng gà và mật ong để biếu Đại Tướng. Đồng bào đã kiên trì đứng từ sáng tới 4 giờ chiều dưới nắng để chờ, ai cũng sợ bỏ đi thì không kịp quay lại để nhìn thấy Đại Tướng. Hai phóng viên truyền hình Nhật Bản đã đứng cả ngày, cởi áo để che nắng cho máy quay phim chờ Đại tướng đến là bấm máy. Trí Việt nói một hơi rồi anh vén quần lên, chỉ vào vết thương ở đầu gối nói: tao ngồi sau xe Minsk, gặp cái ổ gà lớn quá, xe sóc, văng tao té xuống đất, đầu gối va vào cục đá, máu tứa ra. vậy là hai lần tao bị thương trong đời đều ở Điện Biên, cách nhau 40 năm, trước là ở đồi Him Lam, sau là trên đường vào Mường Phăng!

Trí Việt là người vui tính, hay nói. Bữa trước anh vừa làm chúng tôi cười nôn ruột! Số là, Trí Việt và một cựu chiến binh

ngày xưa là dân Nam bộ nên được một hãng phim ở Sài Gòn mời ra dịp kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên để làm phim tài liệu. Khi được phỏng vấn “vì sao đồng chí lại có mặt trong trận Điện Biên?”, Trí Việt thật thà nói: “Tôi đi nhận vũ khí, rồi kháng chiến bùng nổ, không về Nam được nên nhập vào một đơn vị bộ đội miền Bắc rồi đi đánh giặc mọt mùa cho đến trận Điện Biên! Đến khi người ta phỏng vấn ông kia, ông ta nói: tôi đi đánh trận Điện Biên là do “Trung ương điều”! Nghe chương tai quá, Trí Việt nổi khùng quát: thôi đi cha nội, nói dóc vừa thôi, Trung ương điều cái con cặc! Thế là cái cụm từ “Trung ương điều cái con cặc” được thu vào tất cả các máy ghi âm của bọn nhà báo chúng tôi đang “ăn theo” cuộc phỏng vấn đó!

Khi về tới khách sạn, khi bật máy ghi âm lên, nghe lại cuộc phỏng vấn, đến đoạn Trí Việt quát “trung ương điều... là lẩn ra cười!

Vậy là cho đến năm 1994, khi bước lên chiếc chuyên cơ đi Điện Biên, thấy vợ chồng Tướng Giáp ngồi thủ thủ nói chuyện với nhau ở hàng ghế giữa máy bay, người am hiểu chính trường ở Việt Nam mới hết lo cho số phận của ông tướng nổi danh cả thế giới này.

Vì, các đối thủ nổi danh của ông đã chết hết, hoặc còn sống thì cũng không còn đủ thế lực để tác oai, tác quái với ông nữa. Những người yêu mến ông trong bộ máy quyền lực đã hết sợ “mang vạ” vào thân nên đã mỉm cười với ông. Hiển nhiên là ông đang ngồi trên chuyến chuyên cơ này để về thăm lại chiến trường xưa.

Kể từ sau 1975, khi Lê Duẩn, Lê Đức Thọ nắm toàn bộ

quyền lực trong tay thì số phận của “Vainqueur de Điện Biên Phủ” (người chiến thắng ở Điện Biên Phủ) như báo chí Phương tây thường gọi là vô cùng cay nghiệt. Nhất là từ sau Đại hội Đảng lần thứ V, ông bị loại hẳn ra khỏi Bộ Chính trị, cho đến năm 1983 được Hội đồng Bộ trưởng phân làm “Chủ nhiệm ủy ban Quốc gia Dân số và Sinh đẻ có kế hoạch”, thì sự cay đắng đã được đẩy đến tận cùng. Dân gian có câu:

“Ngày xưa Đại Tướng cầm quân

Ngày nay Đại Tướng tụt quần chị em!”

Nhưng ông đã tôn thờ chữ “nhẫn” để tồn tại và thời gian đã ủng hộ ông. Tôi nhớ, vào đầu năm 1991, một nhân vật của kịch Lưu Quang Vũ trên sân khấu nói một câu rất bình thường: - vậy là những kẻ khốn nạn cuối cùng cũng phải chết! Cả rạp đã vỗ tay rần rần. Đó là khán giả Hà Nội đã vỗ tay mừng cho Tướng Giáp và năm 1990 “kẻ khốn nạn” luôn hăm hại Tướng Giáp vừa qua đời.

Trong suốt một thời gian dài tôi đã đọc biết bao thông tin về sự trù úm, hăm hại Tướng Giáp. Người ta hăm hại ông không phải vì sợ ông tranh quyền, cướp vị mà vì sự tồn tại của ông làm lu mờ họ. Khi ông là Đại tướng thì có kẻ mới là viên đại tá vô danh. Vì thế, dù có mưu mô cơ cấu cấp dưới của ông lên đến vị trí cao ngất thì cũng không thể vì thế mà tỏa hào quang. Thôi thì, bôi đen hào quang đi vậy! Vụ án “Bà Sáu Sứ” do Tổng cục II dựng lên là một âm mưu bôi đen không thành đối với Tướng Giáp. Nhờ một ông họ Võ khác là Võ Viết Thanh đã hành động theo lẽ phải và đạo lý. Sẽ còn nhiều bút mực đổ ra để các nhà sử học sau này bàn luận về

cuộc đời và sự nghiệp của Võ Nguyên Giáp.

Tiến sỹ Nguyễn Xuân Tú, hiệu là Hà Sĩ Phu đã có bài thơ tặng Đại Tướng nhan đề “*Trăm năm nguyên giáp*”

Tinh số trời cho đã bách niên

Thử cân hạnh phúc với ưu phiền

Tiệc trang độc lập còn dang dở

Thương chữ quyền dân chưa đáp đền

Một đời ái quốc vẫn thành vô

Chưa cời chiến bào giáp vẫn nguyên

Nhưng cũng có người đưa ra ý kiến rằng, với Võ Nguyên Giáp thì lịch sử có những “tiêu chuẩn riêng của nó”. Tôi hiểu tác giả viết trên trang mạng Bauxite này muốn nói, độc lập phải đi liền với tự do và dân chủ.

Riêng tôi, chỉ muốn cung cấp cho bạn đọc những điều mắt thấy tai nghe về những điều trảng trợn đến vô lý mà người ta đã đối xử với Đại tướng. Những điều mà chỉ có thể xảy ra trong một thể chế độc tài, chuyên chế của một vài cá nhân mà thôi. Và, trong một thể chế độc tài như thế thì dù một người có tài, có đức, hào quang cùng mình như Võ Nguyên Giáp vẫn không thoát được hiểm họa. Một thể chế đem đến bi kịch cho tất cả mọi người.

Vào những năm tám mươi ở Tiền Giang, Giám đốc xí nghiệp được liệu Quân khu 9, trong đó có Trại nuôi rắn Đồng Tâm nổi tiếng khắp vùng là Trần Văn Dục, tức Tư Dục. Một lần Đại tướng đến thăm Trại rắn Đồng Tâm, phóng viên nhiếp ảnh của Phân xã Tiền Giang là anh Thái, sau cuộc viếng thăm của Đại Tướng, có đem một tấm hình Đại Tướng

và Tư Dục phóng to để biểu trại Đồng Tâm làm kỷ niệm. Tư Dục đem tấm hình ấy trưng bày ở phòng khách của trại. Cái tin này đã được báo về Quân khu 9. Lệnh của quân khu đưa về là Tư Dục phải cất gỡ cái hình đó xuống(!). Tư Dục gỡ xuống và đem về phòng làm việc riêng của mình treo. Ông tuyên bố: “Đưa nào vào phòng ông gỡ tấm hình này xuống thì ông nổ súng liền!” Khi tôi đưa nhà báo Hữu Thọ - báo Nhân Dân và nhà báo Thái Duy - báo Đại Đoàn Kết đến Trại rắn tham quan, Tư Dục kể lại chuyện này với hai nhà báo ở trung ương. Thái Duy, tức nhà văn Trần Đình Văn, tác giả cuốn sách “*Sống như Anh*” viết về anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi - đã nổi nóng đập bàn quát: “Đưa nào ra cái lệnh ấy, anh nói tên nó cho tôi, tôi sẽ đưa nó lên mặt báo!”

Khi tôi đưa đoàn cán bộ biên tập của Nhà xuất bản Trẻ Thành phố HCM xuống tham quan Trại rắn nhân dịp cuốn sách “*Rắn độc trong tay người*” của tôi viết chung với một người bạn, được Nhà xuất bản Trẻ phát hành viết về người giám đốc tài ba này thì ông vừa bị cách chức. Tôi kể lại câu chuyện tấm hình có hình Đại Tướng mọi người khuyên tôi: là một nhà báo anh phải ghi chép để viết về câu chuyện bản thủ này! Trước lúc ra đi, Tư Dục có nhắn tôi và nhà báo Hải Bình của Phân xã Tiền Giang đến gặp ông để trăng trối về tấm lòng của một chiến sỹ với Tổng Tư lệnh của mình.

Ở tận phía Nam của đất nước thì câu chuyện về Tướng Giáp là thế. Còn ở miền núi xa xôi Tây Bắc thì Ngô Phong tâm sự với tôi, dịp kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên, anh nhận được chỉ thị là không được đón Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên Điện Biên. Anh và các cán bộ lãnh đạo của

huyện Điện Biên buồn lắm nhưng không biết làm sao cả. Vì thế, đợt kỷ niệm 40 này, không thấy có chỉ thị đó nên anh, với tư cách là Ban Tuyên huấn huyện Điện Biên đã về tận Hà Nội, đến tận nhà riêng Đại Tướng để mời ông lên thăm lại chiến trường xưa. Ngô Phong là người rất “dễ thương” theo cách nói của Nam bộ. Anh chính là con đẻ của chiến thắng Điện Biên Phủ theo đúng nghĩa “con đẻ”. Bố anh là bộ đội đánh trận Điện Biên sau đó ở lại xây dựng Nông trường Điện Biên và lấy mẹ anh là người Thái. Anh ra đời sau 1954. Đến dịp kỷ niệm này, anh cũng tròn 40 tuổi mụ! Anh cũng chính là người chấp bút cuốn “*Lịch sử Đảng bộ Điện Biên*” vừa mới phát hành nhân dịp 40 năm. Anh dẫn tôi đi nhiều nơi quanh huyện Điện Biên. Anh tâm sự, cán bộ tuyên huấn ở huyện vất vả lắm. Địa bàn của huyện còn rộng hơn một tỉnh dưới xuôi. Có xã như xã Háng Lìa chót đầu huyện, cách Mường Thanh, trung tâm của Điện Biên đến 93km, và chỉ có thể đến đó bằng ngựa. Vậy mà anh vẫn phải tháng nào cũng đến thăm cán bộ, đồng bào ở một xã như thế. Anh cho tôi hay, các giáo sĩ đạo Tin Lành đã đến ở đó và giảng đạo thì cán bộ tuyên huấn phải đến tận nơi là đương nhiên. Anh rủ tôi ở lại để cùng anh lên thăm Háng Lìa, nhưng phải mất ba ngày đi bộ ròng rã! Ngô Phong còn kể cho tôi nghe nhiều chuyện cảm động ở Điện Biên. Như ở Mường Phăng, tuy là nhà nước không có chủ trương (hay nói đúng hơn là những người ở trên cấp cao muốn xóa đi mọi dấu tích về tướng Giáp), vậy mà nhân dân Mường Phăng vẫn tự giác giữ gìn di tích lịch sử này. Có cụ già đã 40 năm nay tình nguyện trông coi hầm chỉ huy của Đại Tướng, hàng ngày quét dọn, chăm sóc như nhà của mình.

Viết đến đây tôi nhớ đến mấy ngày trước đến thăm nhạc sĩ Tô Hải nay đã 86 tuổi, nhân nhắc đến nhạc sĩ Huy Du, Tô Hải kể, dịp 50 năm Hội nhạc sĩ Việt Nam, ông được mời ra Bắc thì Huy Du vừa mất. Anh em nhạc sĩ Hà Nội kéo ông lên Nghĩa trang Mai Dịch viếng mộ Huy Du, nhân đó ông có tò mò đến thăm mộ ông Lê Đức Thọ vì có tin đồn từ lâu hàng ngày vẫn có người đem cút trét lên mộ ông Thọ. Đến nơi ông mục sở thị mộ Lê Đức Thọ vừa mới được gia đình dọn đi, các vết đào bới rõ rành rành trên các phiến đá litho đã bị nạy phá!

Các nhà độc tài lúc còn sống có bao giờ nghĩ đến cõi đời “tạm bợ” này như Tagore từng viết.

“Tôi để lại đây chìa khóa ngôi nhà tôi ở

Ngón ngang qua tạm cuộc đời!”

Sau chuyến đi Điện Biên mùa xuân 1994, về đến Hà Nội, tôi có viết một cái tin cho Đài Tiếng nói Việt Nam về chuyến trở lại Mừng Phăng của Đại Tướng, nhưng Đài không phát. Và tôi còn được biết không có một đài báo của trung ương nào ở Hà Nội, kể cả báo *Quân Đội Nhân Dân* cử phóng viên đi chuyến ấy. Vậy là còn thua cả tờ “*Mục Tim*” chuyên viết cho thiếu nhi ở TP. HCM cũng cử phóng viên lên tận Điện Biên dịp đó.

Tôi đến tá túc ở cơ quan đại diện báo *Sài Gòn Giải Phóng* ở Hà Nội tại đường Lê Văn Hữu và viết ngay tin bài gửi về TP. HCM như chỉ đạo của Tổng Biên tập Tuất Việt là “làm một vệt dài” về Điện Biên Phủ cho tới ngày kỷ niệm chính 7/5/1994. Tối hôm ấy thì nhà văn Triều Dương lò dò tới. Anh nói với tôi với vẻ mặt rất nghiêm túc: ông Văn - tức Đại tướng

- bảo tôi đến dặn anh rằng, Đại tướng rút lui ý kiến hôm chỉ đạo về cái tượng hai người phụ nữ ở Điện Biên. Anh về Sài Gòn khi viết nhớ là không đưa ý kiến đó của Đại tướng vào bài viết. Tôi hỏi Triều Dương vì sao vậy, hôm đó Đại Tướng nói rất mạnh mẽ, quyết liệt cơ mà! Triều Dương nói: nhưng về đến Hà Nội ông Văn biết được rằng Bộ Chính trị đã duyệt cái tượng đó rồi, nên ông rút lui ý kiến đó. Ông Văn dặn tôi, nhớ dặn kỹ cậu Phú Khải để nó đừng viết cái ý đó. Trước khi ra về, Triều Dương còn bảo tôi: tôi đi đến đây chỉ có mỗi việc đó, anh nhớ đừng quên.

Tôi nhớ lại, lúc đứng trước cái tượng đài khá lớn, dựng hình tượng hai người phụ nữ, một người mặc áo cánh, búi tóc, tượng trưng cho phụ nữ Đồng bằng Bắc Bộ, đứng sát là một phụ nữ chít khăn phiêu, mặc áo của phụ nữ dân tộc Thái, tượng trưng cho đồng bào các dân tộc tây bắc Đại tướng giận dữ nói: tôi đã chỉ đạo các anh rằng, chiến thắng Điện Biên Phủ là công lao của cả nước. Cả nước chia lửa với Điện Biên Phủ, cả nước căng địch ra mà đánh nên chúng không thể điều quân đến cứu nguy cho Điện Biên Phủ. Vì thế khi dựng tượng đài ở Điện Biên Phủ, phải có hình ảnh của ba miền Trung - Nam - Bắc. Mai kia đồng bào khu 5, đồng bào Nam Bộ ra đây thăm Điện Biên, người ta hỏi hình ảnh của chúng tôi đâu trong chiến thắng này thì các anh sẽ trả lời làm sao? Điện Biên Phủ chỉ có công của Bắc Bộ và Tây bắc thôi à?

Đại Tướng đã nói rất gay gắt: tôi đã dặn kỹ các anh rồi sao không thực hiện, sao lại làm thế này? Tất cả các bộ ngành bảo tàng ở Điện Biên lúc đó đều có mặt nhưng không ai nói gì cả(!), không một lời giải thích, vì thế Đại tướng càng tỏ ra

giận dữ, xem như mọi người chống lại ông.

Vậy mà bây giờ Triều Dương lại nói thế?

Đêm hôm đó tôi nằm thao thức mãi nghĩ về sự cẩn trọng của Đại tướng! Bộ Chính trị là cái gì? Đại Tướng chỉ đạo như vậy là quá đúng với sự thật về chiến thắng Điện Biên Phủ, là công bằng lịch sử. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy Tướng Giáp có lý! Ông đã chịu quá nhiều những âm mưu thủ đoạn chia vào ông trong nhiều năm qua từ những “đồng chí” của mình. Chỉ một sơ suất nhỏ, người ta có thể vin vào đó để vu cho ông là chống lại tập thể Bộ Chính trị, chống đảng... và... và...

Nhờ có sự cẩn trọng đến từng chi tiết của đời sống mà ông mới tồn tại được đến cái ngày gặp lại đồng bào, đồng chí của ông ở Điện Biên Phủ như tôi đã thấy. Kể từ sau vinh quang chói lọi “lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu”, ông sống trong thiên la địa võng của những hiểm tị và mưu mô. Trên đỉnh cao thì bao giờ dưới chân nó cũng là vực thẳm. Đỉnh càng cao thì vực dưới chân càng sâu. Tướng Giáp đã đứng bên bờ vực thẳm đó biết bao tháng năm mà không bị nạn nhờ ông biết cẩn trọng. Ngay khi các đối thủ của ông không còn trên cõi đời này, nhưng ông hiểu rằng tay chân của họ còn đó. Ông thận trọng là có lý. Các cụ ta xưa nói “anh hùng đa nạn” là như thế. Tôi càng nhận ra điều này về sau khi kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ tôi lại từ Sài Gòn ra Hà Nội, được ông tiếp tại nhà riêng gần một tiếng đồng hồ, sau đó tôi lại lên Điện Biên. Nhưng bài tôi viết về ông và trận Điện Biên để kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, tờ báo đáng phải đăng nhất là là *Quân Đội Nhân Dân* mà tôi gửi tới thì lại từ chối không đăng(?!). Báo *Cần Thơ* số ra ngày 6/5/2004 đã

đăng bài đó. Đó là bài báo tôi viết mất nhiều công sức nhất sau hai lần lên Điện Biên, hai lần gặp Đại tướng, sau nhiều thời gian đọc hàng chục cuốn sách do ta và tây viết về trận Điện Biên Phủ, sau nhiều lần gặp nhà văn Hữu Mai, người chấp bút các hồi ký của Tướng Giáp để hỏi chuyện. Tôi phải cảm ơn Báo Cần Thơ và Tổng Biên tập Trần Huy đã đăng bài báo nhan đề “*Võ công Điện Biên Phủ và thiên tài quân sự Võ Nguyên Giáp*”. Đó là lần đầu tiên cụm từ “thiên tài quân sự” được gắn với tên tuổi Võ Nguyên Giáp mà đài báo, sách vở của chế độ từ trước đến nay vẫn “thực hành tiết kiệm” với Đại tướng.

Trong bài đó tôi viết: “... Công bằng mà nói, Tướng Giáp được chỉ huy một quân đội cách mạng sẵn sàng quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. Sức mạnh vô địch của đội quân đó là lòng yêu nước nồng nàn và rực lửa căm thù. Căm thù bọn người đã đốt nhà, giết vợ con, cha mẹ họ, đã đầy đọa của dân tộc họ trong một thế kỷ ô nhục mỗi hận là, dân nô lệ, làm kẻ mất nước... Vì thế khi có thời cơ họ đã chiến đấu không tiếc xương máu để rửa mối hận đó! Và, người chỉ huy đội quân không tiếc xương máu đó là người biết tiết kiệm từng giọt máu của đồng đội, biết nuôi dưỡng sức mạnh từ việc chăm sóc bát cơm nóng cho quân lính dưới chiến hào. Những giọt máu hào hùng và những giọt máu được tiết kiệm... đã làm nên màu đỏ rực ánh mặt trời chiến thắng chiều 7/5/1954 ở Điện Biên Phủ.

Tướng Giáp đã thành công ở Điện Biên Phủ. Đó là những sư đoàn chân đất, như cách nói của giặc Pháp, biết dấu mình trong chiến hào đánh lẩn, nương mình vào lòng đất mẹ quê

huơng để đương đầu với bom đạn sắt thép bạo tàn của kẻ thù mà đánh “trận địa chiến hào tấn công” chưa hề có trong lịch sử quân sự. Đó là sáng tạo của những người du kích Đồng bằng Bắc bộ có kinh nghiệm đào hầm bí mật chống càn giữ làng, là cách đánh du kích chỉ Việt Nam mới có; người chỉ huy đề ra phương châm chiến lược, người lính đề xuất cách đánh đào xuyên hàng rào kẽm gai. Đó là dân chủ Điện Biên Phủ! “Trận đại chiến hào xiết vòng vây lửa” ở Điện Biên Phủ là võ công hiển hách của quân dân ta ở thế kỷ 20, là một cống hiến cho khoa học lịch sử quân sự thế giới, là thiên tài quân sự Võ Nguyên Giáp.

Thông thường trong chiến tranh, phía tấn công phải có lực lượng gấp năm lần trở lên so với phía phòng ngự. Nhưng so sánh lực lượng hai bên ở Điện Biên Phủ thì thấy: ban đầu địch có 12 tiểu đoàn và 7 đại đội bộ binh, gồm phần lớn những đơn vị tinh nhuệ nhất. Địch còn có hai tiểu đoàn pháo 105 ly 24 khẩu, 2 tiểu đoàn súng cối 120 ly 20 khẩu, 1 đại đội pháo 155 ly 4 khẩu, 1 đại đội xe tăng 18 tấn 10 chiếc. Không quân thường trực tại sân bay có 7 khu trục, 5 trinh sát, 4 vận tải và 1 trực thăng. Ngoài ra 2/3 lực lượng máy bay ném bom tiêm kích và 100% máy bay vận tải toàn Đông Dương yểm trợ cho Điện Biên Phủ. Tổng quân địch ở Điện Biên Phủ là 12.000 người. Lực lượng ta có 9 trung đoàn bộ binh (27 tiểu đoàn), 1 trung đoàn sơn pháo 24 khẩu, 2 tiểu đoàn lựu pháo 105 ly 24 khẩu, 4 đại đội súng cối 120 ly 16 khẩu, 1 trung đoàn cao xạ pháo 37 ly 24 khẩu, 2 tiểu đoàn công binh. Ta hơn địch về số tiểu đoàn (27/12) nhưng quân số mỗi tiểu đoàn ta chỉ bằng 2/3 mỗi tiểu đoàn địch. Ta cũng hơn địch về số lượng pháo

(64/48) nhưng đạn pháo dự bị của ta lại rất hạn chế. Ta không có xe tăng và chỉ có một trung đoàn pháo cao xạ 37 ly để đối phó với toàn bộ không quân địch ở Đông Dương. Xét toàn cảnh ta vẫn ở vào thế yếu đánh mạnh.

Nhưng ta chủ động tấn công, tự quyết định đánh hay không đánh, chủ động lựa chọn điểm đánh và thời gian đánh. Đánh hay không đánh đều có lợi cho ta vì đương nhiên ta đã kim chân được một lực lượng lớn địch ở đây để giành được thắng lợi trên nhiều chiến trường Đông Xuân 53-54. Địch ở Điện Biên Phủ tuy mạnh, nhưng bị nhốt trong các cũi thép gai và hầm hố một cách thụ động, không thể đem toàn bộ sức mạnh để đánh trả, cứu nguy cho một cứ điểm bị tấn công. Ta đem toàn bộ sức mạnh để đánh một điểm ta bao vây chia cắt địch ra mà đánh dần, linh hoạt và cơ động hoàn toàn. Như vậy nếu xét trong một trận đánh vào một vị trí nhất định, trong một thời điểm quyết định, thì ta vẫn mạnh hơn địch. Mạnh sẽ thắng yếu. Tài thao lược của Tướng Giáp là ở chỗ phân tích sắc bén thế là lực trong những tình huống cụ thể ở Điện Biên Phủ để tìm ra cách đánh thích hợp, “đánh chắc tiến chắc” để đi đến đại thắng! Đó là gì nếu không phải là biện chứng pháp quân sự marxist.

Một Việt kiều ở Pháp tâm sự với người viết bài này. Ông ta được một sử gia Mỹ cho hay: ngay cả Napoléon khi bước vào đường binh nghiệp thì đã có sẵn một đội quân để chỉ huy. Tướng Giáp phải xây dựng quân đội từ mấy chục người thành những binh đoàn để lần lượt đánh thắng nhiều danh tướng của cường quốc Pháp như de Lattre, Salan cho đến Navarre ở Điện Biên Phủ, điều đó chưa thấy trong lịch sử quân sự thế

giới. Và đây cũng là lần đầu tiên một nước nhỏ đã đánh thắng một đế quốc hùng mạnh, mở đường vùng lên cho các dân tộc đang bị nô lệ”.

... Kể từ lúc Triều Dương ra về, tôi không sao ngủ được. Nằm nghĩ miên man về số phận của Tướng Giáp, hồi tưởng lại những gì tôi đã biết về ông và nhớ tới lời ông trong vụ cái chết bất đắc kỳ tử của Nguyễn Đình Tứ. Con người tinh khôn đến như Nguyễn Đình Tứ cũng không thoát được cạm bẫy và cái chết khi bước chân vào chính trường. Trong một lần xuống Mỹ Tho chơi lúc tôi còn thường trú ở Đồng bằng Sông Cửu Long, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đã kể về ông tiến sỹ khôn ngoan này, đó là sau năm 1975, trong cơn say chiến thắng, Tổng Bí thư Lê Duẩn nghĩ đến “một Việt Nam cường quốc ở khu vực” nên nảy ra ý định làm bom nguyên tử. Đầu tiên ông Lê Duẩn cho gọi nhà khoa học danh tiếng Trần Đại Nghĩa lên hỏi, có làm được bom nguyên tử không? Ông Nghĩa trả lời là không. Ông bị Tổng bí thư đuổi về và mắng là đồ ngu, trí thức gì mà ngu vậy. Sau ngày ông Nghĩa qua đời, tiến sỹ Nguyễn Văn Hiệu có viết bài ca ngợi ông Nghĩa là một người trung thực, có nhân cách nhưng không nói cụ thể trung thực như thế nào. Chỉ ai biết việc ông từ chối Tổng bí thư Lê Duẩn về vụ làm bom nguyên tử mới hiểu tiến sỹ vật lý hạt nhân Nguyễn Văn Hiệu muốn nói gì. Ông Viện kể tiếp, sau ông Nghĩa đến lượt ông Viện được ông Lê Duẩn gọi lên hỏi về vụ làm bom nguyên tử, ông Viện nói: làm được! Tổng bí thư nói tiếp: tiếp tục đi. Tôi thưa: “Làm được một quả thôi, sau đó phải thử, và không còn vốn liếng để làm quả thứ hai!” Thế là ông Viện cũng bị đuổi về như ông Nghĩa!

Người thứ ba được gọi lên hỏi là phó tiến sỹ Nguyễn Đình Tứ, từng làm việc nhiều năm ở Viện Dubna, cơ quan nguyên tử hạt nhân hàng đầu của Liên Xô. Ông Tứ còn đưa cả vợ là bác sĩ sang làm bác sĩ của Viện. Khi được Tổng bí thư Lê Duẩn hỏi, ông Tứ không nói gì cả. Tổng bí thư lại hỏi, ông Tứ vẫn ngồi yên. Lại hỏi, lại ngồi yên... cứ như thế cho đến lúc ông được ra về(!). Nhờ biết im lặng mà ông Tứ được vô trung ương và làm bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp thay ông Tạ Quang Bửu. Tại Đại hội Đảng lần thứ VIII, trong phiên họp trừ bị ngày 27/6/1996 ông được bầu vào Bộ Chính trị. Ngày 28/6/1996 Đại hội chính thức khai mạc thì tối 28/6 lúc 20 giờ ông chết. Ngày 30/6 ông vẫn được đại hội chính thức bầu vào Bộ Chính trị sau đó mới phát tang. Vì thế mới có dư luận Đại hội VIII bầu cả người đã chết vào Bộ Chính trị. Ông Đỗ Mười phải trấn an là “ai chả biết bầu ở phiên chính thức là...” Nhưng nếu câu chuyện chỉ có thế thì cũng chẳng có gì đáng nói, vì đã sống trong chế độ cộng sản, ai chả biết cách bầu bán ở các đại hội Đảng, bầu ở phiên chính thức chỉ là để quay phim, chụp ảnh. Cái đáng nói là, một phóng viên của hãng tin Pháp, sau phiên họp trừ bị 27/6/1996 đã điện về Paris cái tin có nội dung: ông Nguyễn Đình Tứ đã được bầu vào Bộ Chính trị, nhưng lại thông cái đuôi “nhưng chưa chắc” ở cuối tin! Lãnh đạo của hãng tin ở Paris lấy làm lạ, không biết ra thế nào nên điện hỏi ông Bùi Tín ở Paris. Ông Bùi Tín cũng không hiểu thế nào, lại điện hỏi ông Nguyễn Đình Thiên, anh ruột của ông Nguyễn Đình Tứ, hai vợ chồng đang định cư ở Ba Lan. Ông Thiên cũng không hiểu thế nào và tối hôm đó ông điện về nhà hỏi ông bố đẻ của mình xem tình hình ra sao thì nhận được tin:

“Em con vừa mất!”

Gia đình ông Tứ có tất cả sáu anh em trai, được cha mẹ đặt tên là Thiên, Tứ, Lương, Đống, Nhân, Nghĩa, toàn những cái tên hay (Thiên-Tứ, Lương-Đống, Nhân-Nghĩa). Và cả thầy sáu anh em đều học cao, đỗ đạt cao. Người anh cả Nguyễn Đình Thiên là thầy giáo cấp 3, dạy cùng trường Trung cấp Sư phạm Xã hội tỉnh Hải Hưng với tôi ba năm liền (1967-1970). Khi ở Ba Lan về thăm quê nhà, anh đã kể cho tôi và bạn bè nghe câu chuyện trên. Anh cho biết khi Đại Tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm gia đình sau cái chết của anh Tứ, ông đã mắng vợ Tứ: “Cô là bác sĩ mà sao dốt thế, không biết bảo vệ chồng. Nếu tôi để người ta đưa đi kiểm tra sức khỏe thì tôi đã chết từ lâu rồi!” (Chả là, sau bữa cơm tối, người ta đem xe đến nhà ông, bảo ông Tứ đi kiểm tra sức khỏe và ông đã chết đột ngột tại bệnh viện!).

Võ Nguyên Giáp là người lẽ ra “đã chết từ lâu rồi” với những hiểm tị, ganh ghét của các “đồng chí” của ông. Nhờ ông biết tôn thờ chữ “nhẫn”, nói đúng hơn là “nhẫn nhục” để sống đến hôm nay. Nhà văn Trần Đình Hiến, từng mười năm làm tham tán văn hóa tại Đại sứ quán ta tại Trung Quốc, dịch giả hàng đầu các tác phẩm văn học Trung Quốc đương đại sang Tiếng Việt của các tác giả như Mạc Ngôn, Giả Bình Ao, Vệ Tuệ, v.v. trong một quán cà phê gần trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam ở đường Nguyễn Đình Chiểu, Hà Nội, sáng ngày 16/4/2013 vừa qua, có cả bác sĩ, tù nhân lương tâm Phạm Hồng Sơn và tôi cùng ngồi đàm đạo, ông kể:

- Sau chiến tranh biên giới với Trung Quốc 1979, tên Trọng Hy Đông ở ủy ban Kiều vụ, Quốc vụ viện Trung Quốc,

hàm ngang bộ trưởng, sang Việt Nam để giải quyết các vấn đề hậu chiến tranh như tù binh, v.v., ông được mời đến để phiên dịch cho cuộc làm việc giữa hai bên. Khi xe của Đại Tướng Võ Nguyên Giáp vừa đến cũng là lúc xe của Lê Duẩn vừa tới, Lê Duẩn chỉ vào mặt Võ Đại Tướng và nói như quát: - Cuộc họp không có anh! Võ Nguyên Giáp nói: - Vậy tôi về. Thế là cụ Võ lùi thủi lên xe ra về. Kể đến đây nhà văn Trần Đình Hiến kết luận: tôi không thể ngờ những người lãnh đạo tối cao của đất nước lại đối xử với nhau như xã hội đen như thế! Nhất là lại công khai trước mặt tất cả mọi người!

Vô sản gắn liền với vô học là ở chỗ đó!

Đánh giá về cuộc đời và sự nghiệp của Võ Nguyên Giáp là một việc lớn, sẽ còn tốn nhiều giấy mực của các sử gia Việt Nam và thế giới. Việc đó dành cho các cây bút lớn! Riêng với tôi, một nhà báo nhiều lần được gặp Võ Đại tướng, trong nhiều trường hợp, kể cả gặp riêng tại nhà riêng của ông ở 30 Hoàng Diệu, Hà Nội, gặp một thời gian dài trong chuyến ông lên thăm Điện Biên Phủ sau 40 năm chiến thắng (1994) rồi lại đọc kỹ các hồi ký của ông do nhà văn Hữu Mai chấp bút, đàm đạo với Hữu Mai, đọc kỹ các tác giả nước ngoài viết về Điện Biên Phủ, tôi có nhận xét rằng, ông là một vị tướng biết *tiết kiệm từng giọt máu của đồng đội* để làm nên chiến thắng, chăm lo cho binh lính của mình từng miếng cơm nóng trong bữa ăn ngay giữa chiến trường máu lửa. Ông là con người *vô mà vẫn - vẫn mà vô!*

Về tác phong, cái con người được báo chí Phương Tây gọi bằng cái tên “Vainqueur de Điện Biên Phủ” (kẻ chiến thắng ở Điện Biên Phủ) lại là một con người có tác phong rất Tây,

nói rất Tây, ăn rất Tây. Những ngày tháp tùng ông năm 1994 đi thăm lại chiến trường xưa sau 40 năm, lâu lâu tôi lại thấy người sỹ quan tùy tùng của ông đưa cho ông một quả chuối và một hộp phô mai, ông điềm tĩnh bóc chuối và lấy khoanh phô mai ra ăn trước đông đủ cử tọa rồi lại tiếp tục làm việc. Tắm chụp chụp Đại tướng đang ăn chuối với phô mai trước mọi cử tọa, tôi vẫn còn giữ đến bây giờ, xem nó như một cú bấm máy “đáng tiền” trong đời làm báo của tôi! Ăn chuối với phô mai cho người già sức khỏe tốt, có lẽ vì thế mà Đại tướng sống đến trăm tuổi. Tôi xin mở ngoặc ở đây để chứng minh điều tôi nói. Một lần, trong một ngày hội đua ghe ngo truyền thống của đồng bào Khmer ở Sóc Trăng, trước cuộc đua có tổ chức biểu diễn lướt ván của vận động viên từ TP. HCM xuống góp vui. Người ta giới thiệu có một vận động viên đã trên 70 tuổi tham dự. Mọi người sững sốt về tài nghệ lướt ván của vận động viên U80 này. Tôi phải len xuống sông để gặp ông, ông cho biết, nhờ ăn chuối với phô mai trừ bữa nên “khỏe là vậy”!

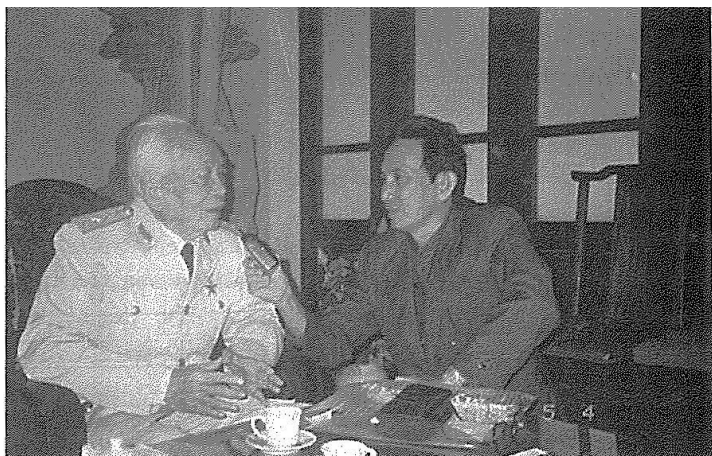
Lại nói về tác phong “rất Tây” của Đại Tướng, khi giao tiếp, để phụ trợ cho lời nói, ông thường nheo mắt, nhún vai, khoác tay, khi cần chọn một từ dùng cho thật chính xác, ông thường dừng lại, suy nghĩ ít giây, và chen vào đó một từ tiếng Pháp(!). Người Pháp có câu ngạn ngữ tự hào về tiếng nói của mình: “Cái gì không trong sáng không phải là tiếng Pháp”! Có lẽ ông bị “ảnh hưởng” về sự trong sáng ấy của tiếng Pháp chăng? Nhưng người có tác phong rất Tây ấy lại là người Việt Nam đánh Tây cấp đại tướng. Nếu cứ xét, cứ nhìn theo “con mắt giai cấp” thì ông Giáp là người có vấn đề. Và buồn thay, người ta đã lợi dụng sự ngu ngơ này của số đông để có lần,

ở Đại hội Đảng lần thứ VI, tung ra tin “ông Giáp là con nuôi của một tên thực dân Pháp”!

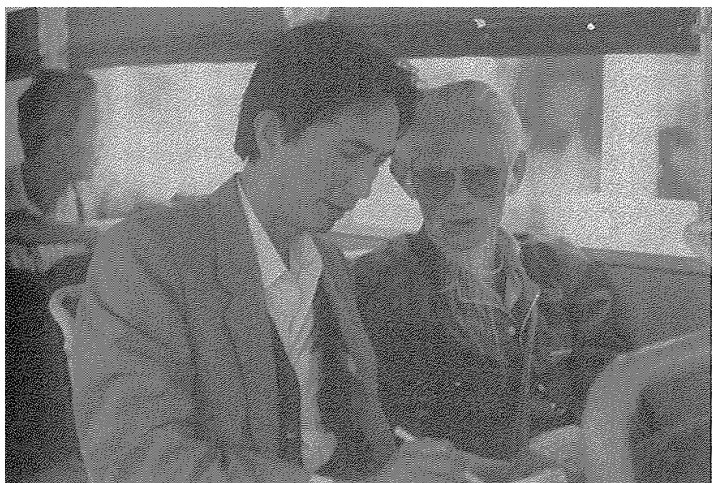
Về tướng Giáp, tôi cũng có nhận xét, thử nêu ra để bạn đọc tham khảo: ông Giáp “có đóng góp riêng một môn ngôn ngữ học”! Tôi nghĩ vậy. Ông đã biến một danh từ chung của Việt Nam thành một danh từ riêng. Hiển nhiên là ở Việt Nam, nếu một ai đó nói: tôi vừa được gặp đại tướng, thì người ta hiểu rằng người đó vừa gặp ông Võ Nguyên Giáp, chứ không ai lại hiểu rằng anh ta vừa khoe được gặp ông Lê Đức Anh, ông Mai Chí Thọ, ông Lê Hồng Anh mặc dù các ông ấy đều là đại tướng. “Đại tướng” từ một danh từ chung, đã trở thành một danh từ riêng trong ngôn ngữ người Việt đương đại, chỉ để dành cho Võ Nguyên Giáp. Những ý kiến cho rằng, phải phong cho ông Giáp là Nguyên soái chỉ là những suy nghĩ chưa chín. Chỉ có nhân dân mới là người sáng suốt nhất khi đã biến một danh từ chung thành một danh từ riêng: “*Đại tướng*”. Với người Pháp thì danh từ riêng “Điện Biên Phủ” lại được người ta biến thành một động từ chỉ hành động “đánh mạnh”, “đánh thật mạnh”, “đánh cho không còn mảnh giáp”, v.v. và v.v. Danh từ Điện Biên Phủ biến thành động từ “*dienbienphuer*“. Cái đuôi “er” của tiếng Pháp gắn vào chữ Điện Biên Phủ viết liền trở thành “đánh mạnh”! Nếu một vị sỹ quan Pháp ra lệnh: - *Dienbienphuer*, có nghĩa là tấn công mãnh liệt vào đối phương! Có lẽ chính vì thế mà nhân kỷ niệm 50 năm chiến dịch Điện Biên Phủ, ở Paris đã có một cuộc hội thảo lớn, có mời nhiều nhà sử học, quân sự, ngoại giao tên tuổi từ nhiều nước đến dự. Cuộc hội thảo đó có tên là “Chia sẻ hồi ức Điện Biên Phủ”. Người Pháp có mời Việt

Nam. Nhưng tôi xem trong danh sách đi dự cuộc hội thảo năm đó ở Paris (2004) của Việt Nam thì toàn là những nhân vật “vô danh tiểu tốt”, và không có Đại tướng!

Nhân chuyến đi thăm lại Điện Biên Phủ vừa qua (tháng 4/2013), để chuẩn bị tái bản cuốn “*Tại sao Điện Biên Phủ?*” của tôi đã xuất bản năm 2004 do NXB Thanh Niên ấn hành, dạo chơi trên đường phố Điện Biên Phủ hôm nay, tôi thấy các tên đường như Bế Văn Đàn, Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, v.v. Tôi trộm nghĩ, nếu có một tên đường mang tên tướng De Castries để “chia sẻ hồi ức Điện Biên Phủ” thì cũng không có gì là quá đáng, nó chỉ là để hai dân tộc Việt-Pháp làm lành với nhau (réconciliés) sau những “sự hàm hồ của lịch sử” như một trung sĩ Pháp từng dự trận Điện Biên, rồi quay lại Điện Biên sau 40 năm đã nói với Trí Việt, trên đồi Him Lam mà tôi đã nghe được hôm đó!



**Tác giả phỏng vấn Đại Tướng tại nhà riêng của ông tại 30
Hoàng Diệu Hà nội (2004)**



Phòng vấn “Tư lệnh một khẩu pháo” Dư Văn Tư.



**Nữ phóng viên nhiếp ảnh Mỹ Catherine và tác giả
trên chuyến chuyên cơ đi Điện Biên Phủ tháng 4/1994.**



**Đại tướng đang ăn chuối và pho mai... rất đúng giờ
(Điện Biên Phủ 4/1994). Ảnh LPK**

Vô Văn Kiệt

Ông Vô Văn Kiệt tên thật là Phan Văn Hòa, là con út trong một gia đình nông dân không ruộng đất ở xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long. Ở quê, ông thường được gọi là Chín Hòa, theo cách gọi của Nam Bộ. Ở ấp Bình Phụng làng Trung Lương (nay là xã Trung Hiệp) ai cũng biết ông Phan Văn Dừa và bà Vô Thị Quế là gia đình nghèo, không ruộng đất, không có cả đất thổ cư, chỉ có đôi bàn tay lao động làm mướn, hoặc mướn ruộng để làm. Nhà có tám người con, sáu trai, hai gái. Năm 1922, hạn hán mất mùa, người làm mướn nhiều, người thuê mướn thì ít, cuộc sống gia đình ông Phan Văn Dừa càng khốn khó. Một người bà con xa để hoang đến nhờ bà Quế nuôi vú đưa trẻ, vừa để tránh tai tiếng, vừa để

giúp bà Quế một số tiền nuôi con trong lúc ngặt nghèo. Thấy tình cảnh đó, ông chú họ Phan Văn Chi không có con nên xin Chín Hòa về nuôi. Chín Hòa ở với ông già nuôi phải đi bú thép, tức bú chực, bú nhờ dòng sữa tình thương của bà con làng xóm. Lớn lên Chín Hòa chỉ học bập bôm với ông giáo dạy trong xóm. Mười hai tuổi Chín Hòa đi làm mướn, gánh nước, coi trâu. Mười bốn tuổi Chín Hòa đi ở đợ cho gia đình bà Sáu Hộ trong làng, xay lúa, giã gạo... quần quật suốt ngày. Mười lăm tuổi Chín Hòa đã đi ở đợ cho một chủ khác, làm vườn, chăn gà, giặt giũ quần áo cho chủ. Năm 1938 mẹ mất, Chín Hòa về chịu tang. Tại đám tang, người thanh niên Chín Hòa có dịp gặp ông Hà Văn Út đến chia buồn. Ông Út đã cảm hóa và giác ngộ được nhiều thanh niên về “quốc sự” trong đó có Chín Hòa. từ đó, Chín Hòa thấy trong lòng có một cái gì đó gọi mở, vươn tới. Vừa lúc đó “Hội Tương tế ái hữu” ra đời, tổ chức giúp đỡ người nghèo khó, bệnh hoạn, tang tể. Chín Hòa cũng một người ở mướn là chị Năm Mão tích cực tham gia hoạt động trong Hội tương tế rồi tìm thấy học văn hòa, học võ, tìm học nhiều việc, nhiều nghề.

Chín Hòa sau đó đã bàn với ông chú cho anh đi thoát ly để hoạt động như các anh chị hoạt động cách mạng thường lui tới nhà vận động. Ông chú đồng ý cho Chín Hòa đi ở đợ một mùa (sáu tháng) để lấy tiền nuôi gia đình, thời gian còn lại đi hoạt động. Từ đó, anh có quan hệ rộng rãi ngoài xã hội, hoạt động theo yêu cầu của tổ chức, đi giao liên, chuyển tài liệu bí mật. Anh hoạt động tích cực, được sự tin nhiệm của cán bộ huyện, tỉnh. Chín Hòa được đồng chí Châu Xương (tức Tạ Uyên) kết nạp vào Đảng. Gần ngày khởi nghĩa Nam Kỳ

(1940) anh được cử làm bí thư xã Trung Hiệp.

Pháp thất thế, rồi Pháp-Xiêm đánh nhau, cả Lục tỉnh Nam kỳ rạo rục.

Đêm 22/11/1940, khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, Chín Hòa lúc đó 18 tuổi, là người dẫn đầu quân khởi nghĩa của hai xã đánh đồn Nước Xoáy. Nhà văn Thép Mới đã ghi lại lời Võ Văn Kiệt kể: “Tôi được mang lực lượng hai xã đi làm nhiệm vụ chiếm bắc Nước Xoáy. Đến 23 tháng 11 trước nửa đêm, chúng tôi từ quê nhà mình xuất phát, khoảng một trăm anh em, phần lớn là thanh niên trong tay chỉ có giáo mác, gậy gộc, hành quân lộ bộ 10 kilômét, cứ thẳng đường cái mà đi. Chúng tôi, ngoài cây mác còn có một ống loa làm bằng sắt thùng, trong đầu chỉ có một phương án tác chiến thô sơ, hết sức ấu trĩ vì chỉ tính có một tình huống là thắng mà thôi.”

“Lúa mùa lên đã hơi cao. Đoàn quân đi cướp đồn lòng vui như lúa vậy. Con sông Mang Thít xanh đen. Đồn lính bên kia sông thuộc quận Tam Bình, phải qua bắc (phà) mới sang được. Vừa lúc đó, có một chiếc xe hơi du lịch từ Vũng Liêm lên. Đó là xe của một tên cai tổng trong vùng, chỉ có lái xe, không có chủ ngồi. Chúng tôi chặn xe lại, bắt xe gọi bắc qua rước. Xe rọi đèn, bắt phải chèo qua ngay. Cả một trăm người theo chiếc xe con xuống bắc hết. Công nhân bắc thấy lạ, chúng tôi trấn tĩnh họ ngay, ra lệnh cứ chở sang đến bờ bên kia, xe bò lên rọi đèn thấy rõ đồn, lính ngủ trong mùng, nằm la liệt trước đồn, vài tên lính gác đứng lơ ngơ chừng như buồn ngủ rừ.

Xe tới ngang đồn, chúng tôi cho người giữ xe đứng lại, còn toàn bộ lực lượng ráp vô đồn. Lính đang ngủ trở tay không kịp, chạy toán loạn. Chúng tôi vây bắt lại tước hết súng, rồi theo

kế hoạch đã định, phân công người mang đục, búa xuống đục chìm phà thả theo nước lớn. Một số anh em khác leo lên dùng giáo, mác chặt đứt hết dây thép cắt đường thông tin liên lạc. Xong xuôi tất cả, tôi mới leo lên cổng đồn bắc loa kêu gọi đồng bào nổi dậy đánh đổ ách thống trị của thực dân để quốc phong kiến. Lấy xong đồn Nước Xoáy chúng tôi ung dung lắm, phần khởi lắm, đỉnh ninh là giờ này Sài Gòn với thị xã Vĩnh Long cũng nổi dậy xong. (Trích *Khởi nghĩa Nam kỳ ở Vĩnh Long* - Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Vĩnh Long xuất bản).

Vì không nhớ ngày sinh nên ông Kiệt lấy ngày Nam kỳ khởi nghĩa làm ngày sinh nhật của mình: 23 tháng 11. Cũng vì thế mà đến năm ông tròn 85 tuổi, theo gợi ý của tiến sỹ Tô Văn Trường, tôi đã viết một bài mừng thọ ông trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* số ra ngày 23/11/2007, bài báo đó có nhan đề “phong độ, bản lĩnh và sáng tạo”. Kết thúc bài báo tôi nhớ đến hình ảnh người thanh niên 18 tuổi Chín Hòa dẫn đầu đoàn khởi nghĩa đi cướp đồn giặc năm xưa nên đã để tặng ông một câu đối:

Áo vải cờ đào, thời thanh xuân là anh hùng cứu nước

Giấy trắng mực đen, tuổi tám lăm thành hào Kiệt của Dân.

Chữ “Kiệt” và chữ “Dân” tôi viết hoa là có ý “chơi chữ” vì Kiệt và Dân đều là tên của ông: Sáu Kiệt, Sáu Dân!

Ngày 11/6/2008 ông ra đi. Để kỷ niệm lần thứ 86 ngày sinh của ông, tôi đã tập hợp bảy bài viết của mình khi ông còn sống cũng như sau ngày mất và nhiều bài của các tác giả khác để cho in cuốn sách nhan đề: “hào Kiệt của Dân”. Chữ “hào” và chữ “của” viết thường, chữ “Kiệt” và chữ “Dân” viết hoa để “chơi chữ”. Nhưng ông trưởng ban Tuyên huấn Thành ủy

Phan Xuân Biên kiên quyết không cho lấy tên sách như thế. Ông ta sợ... ông ta để phòng... ông ta lo xa... như tôi đã nói ở đầu sách. Cuối cùng sách phải lấy tên là Võ Văn Kiệt, một cái đề sách rất “trung bình”, do Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM in năm 2008(!). Có người đã mắng tôi:

- Sao anh ngu thế! Sao không đem sách về tỉnh Vĩnh Long mà in! Có lẽ tôi ngu thật. Nghĩ đến bây giờ vẫn tiếc.

Lần đầu tiên tôi gặp ông Võ Văn Kiệt là vào năm 1988, khi đó ông là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đi khảo sát kiểm tra vùng khai hoang Đồng Tháp Mười ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Đêm đoàn ngủ lại ở nông trường khai hoang trồng khóm (dừa) Tân Lập thuộc tỉnh Tiền Giang, tỉnh có 90.000 hecta thuộc Đồng Tháp Mười.

Tôi đã nhận ra ngay từ phút đầu gặp gỡ, Võ Văn Kiệt là một con người hóm hỉnh, humour (khôì hài). Từ đó về sau, tôi không nhớ đã gặp ông bao nhiêu lần “trên từng cây số” ở Đồng bằng Sông Cửu Long, ở các hội nghị hay ở nhà riêng 16 Tú Xương của ông. Trong suốt cuộc đời làm báo quốc doanh gần 30 năm cho đến lúc về hưu (2002), tôi đã trực tiếp tháp tùng, ghi âm, đưa tin, viết bài về hoạt động của năm đời thủ tướng, từ Phạm Văn Đồng đến Phan Văn Khải nhưng chỉ có Võ Văn Kiệt là để lại dấu ấn tốt đẹp trong lòng tôi. Cũng xin mở ngoặc nói thêm, như đã nói ở phần trên, các phóng viên ở nước ta chỉ cần làm báo được dăm năm là phấn đấu vào Đảng, tìm một ghế phó phòng, trưởng phòng biên tập để tiến thân bằng con đường quan chức trong nghề báo. Có ghế rồi, họ ngồi ở tòa soạn, có phòng lạnh, xa long, tiêu chuẩn này, tiêu chuẩn nọ, sai phải phóng viên đi viết tin này, bài kia, và họ chỉ biết có bốn bức

tường. Tôi làm phóng viên suốt đời, lúc về hưu hưởng lương phóng viên bậc 10/10, rất thấp, được có 850.000 đồng vào năm 2002. Nhưng tôi rất bằng lòng với công việc mình lựa chọn vì tôi được trực tiếp làm việc, quan sát hoạt động của xã hội. Trong các đợt đi công tác, đến các điểm nóng của đất nước, đến các hội nghị, các cuộc họp báo, tôi luôn là anh phóng viên nhiều tuổi nhất và cũng là người quen biết nhiều, đó là lợi thế của một người cầm bút. Một quy định rất quái gở của nhà nước là, nếu một cuộc hội nghị có Thủ tướng Chính phủ chủ trì thì chỉ có báo, đài loại A gồm: Thông tấn xã Việt Nam, Báo *Nhân Dân*, Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam là được dự, các báo ngành, báo địa phương không được dự. Tôi thuộc loại báo A nên luôn được tiếp cận các cuộc họp do Thủ tướng chủ trì (ở phía Nam).

Thủ tướng Võ Văn Kiệt, người mà tôi may mắn nhiều lần được tiếp xúc, làm việc do ở vị trí người lính “xung kích” của nghề báo, đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng đẹp, trước hết là ở thái độ lắng nghe, dám nghe, chấp nhận đối thoại với mọi tầng lớp, đặc biệt là giới trí thức, văn nghệ sĩ, báo chí. Anh em trí thức thành phố Sài Gòn lưu truyền một câu chuyện có thực là sau 30/4/1975 nhiều trí thức đã vượt biên và ông Kiệt là người đi đón các anh em trí thức đó về khi vượt biên không thành, bị giữ. Trong một cuộc họp với giới trí thức thành phố, ông nói đại khái: - Anh em cố nán lại, nếu trong vòng ba năm nữa mà tình hình không thay đổi thì anh em không cần phải vượt biên mà chính tôi sẽ là người tiễn anh em đi. Một vị trí thức có tên tuổi lúc đó đã đứng lên nói: - Nếu ba năm nữa mà tình hình không thay đổi thì người ra đi là chính các ông

chứ không phải chúng tôi! Không khí hội nghị trở nên căng thẳng, ai cũng lo cho số phận của ông trí thức “to gan” ấy. Nhưng sau đó đã không có gì xảy ra.

Nhà báo Lưu Trọng Văn, con trai nhà thơ nổi tiếng Lưu Trọng Lư có kể với tôi rằng, trong một cuộc gặp gỡ lãnh đạo báo chí, mọi người hòa theo, tăng bốc lời phát biểu của ông Võ Văn Kiệt nhưng Lưu Trọng Văn đã phản bác hoàn toàn ý kiến ông Kiệt, lời lẽ anh còn gay gắt nặng nề. Ông Kiệt đã nổi nóng.

Nhà báo Lưu Trọng Văn kể tiếp: - Tôi quan sát rất kỹ, ông ta giơ tay lên, định đập mạnh xuống bàn. Nhưng khi bàn tay sắp chạm mặt bàn thì... ông dừng tay lại... ôn tồn nói và sau đó còn gặp riêng tôi để trao đổi. Khi đã hiểu nhau rồi thì ông tỏ ra rất hài lòng với tôi.

Nhà thơ Nguyễn Duy có lần đến nhà tôi chơi, dự một bữa liên hoan vui vẻ cùng bạn bè, anh kể cho mọi người nghe, đại ý có lần tại nhà Nguyễn Quang Sáng, các anh liên hoan tiễn ông Sáu Kiệt đi ra trung ương nhận nhiệm vụ. Cao hứng, Duy có đọc cho ông Kiệt nghe bài thơ có tên là: “*Đánh thức tiềm lực*”. Đây là một trong những bài thơ nổi tiếng của Duy, phê phán gay gắt các nhà lãnh đạo đất nước thời đó (đầu thập kỷ 80) vì “*Tiềm lực còn ngủ yên trong bộ óc mang khối u tự mãn*”, vì “*Tiềm lực còn ngủ yên trong lỗ tai viêm chai màng nhĩ*”. Nhà thơ Nguyễn Duy kết luận: “Ông Kiệt ngồi yên lắng nghe, sau đó ông nói: - Nặng lắm nhưng chịu được!”

Võ Văn Kiệt là người chịu được những lời chỉ trích nặng nề của nhân dân đối với lãnh đạo. Đó là phẩm chất của một nhà lãnh đạo có bản lĩnh và trung thực. Viết đến đây tôi lại nhớ đến ông Phạm Văn Đồng. Anh bạn tôi là một giáo viên của trường

trung học Chu Văn An, tức trường Bưởi cũ, nơi ông Đồng đã từng học. Khi ông là Thủ tướng, nhà trường kỷ niệm ngày thành lập trường, có mời Thủ tướng, học sinh cũ của trường Bưởi về dự. Trước buổi Thủ tướng đến, anh thư ký của Thủ tướng đến trước, họp với Ban giám hiệu và giáo viên, dặn dò rằng: đừng nói gì những chuyện gay gắt, tiêu cực trong xã hội làm ảnh hưởng đến sức khỏe Thủ tướng! Các nhà lãnh đạo của ta là rứa! Chỉ thích nghe tăng bốc, nịnh bợ!

Riêng với tôi, may mắn được nhiều lần trò chuyện tâm tình với ông Kiệt (khi ông đã thôi làm Thủ tướng, có thời gian rảnh rỗi...), tôi ghi nhận được nhiều điều. Lần tôi thay mặt tạp chí “*Nghề báo*” của Hội nhà báo thành phố Hồ Chí Minh, phỏng vấn ông những vấn đề xoay quanh quan hệ giữa báo chí và chính trị, đi sâu vào những chuyện góc ngách của nghề báo của một tạp chí chuyên ngành, chuyên sâu về báo chí này. Ông cho thư ký kêu tôi lên vào buổi tối để có nhiều thời gian làm việc. Tại buổi tối làm việc đó ở 16 Tú Xương, ông Kiệt kể cho tôi nghe sự gần bó của ông với báo chí từ những ngày chống Pháp xa xưa. Ông “khoe”: “Thời chống Pháp lúc tôi phụ trách huyện rồi lên tỉnh, cơ quan của huyện và cơ quan của tờ báo “*Tiếng Súng Kháng Địch*” của Quân khu 9 đều ở trong tỉnh Rạch Giá. Tôi quan hệ thân thiết với các nhà báo và được biết sớm các thông tin, nhất là tin chiến trường. Tôi thường xuyên liên hệ và cùng trao đổi tình hình với anh em ở báo *Tiếng Súng Kháng Địch* của Quân khu 9 như: Rum Bảo Việt, Lê Minh Hiền, Ung Văn Khương. Đó là thời kỳ kháng chiến chống Pháp, sau này, trong kháng chiến chống Mỹ thì tôi thường liên hệ với anh em báo *Giải Phóng* của R (Trung ương Cục) và anh em đặc trách báo chí công khai ở Sài

Gòn”. Ông cũng cho tôi cái nhìn toàn cảnh và công bằng về báo chí TP. HCM sau 1975: “Sau ngày giải phóng ta tiếp quản đài truyền hình, đài phát thanh và phát sóng sớm nhất. Còn báo viết thì mất mấy ngày sau mới có báo *Sài Gòn Giải Phóng*. Thành phố cũng nhanh chóng tiếp nhận báo *Nhân Dân*, báo *Quân Đội Nhân Dân* nhưng số lượng không nhiều và thông tin chưa thật sát với bà con thành phố. Đối với dân Sài Gòn, từ lâu đọc báo như một nhu cầu thành thói quen không thể thiếu vào buổi sáng. Việc thay đổi và thiếu báo như thế làm bà con có phần hụt hẫng. Vì vậy chúng tôi cùng với anh em tuyên huấn tập trung lo cho báo chí rất nhiều, nhanh chóng cho xuất bản các tờ *Tuổi Trẻ*, *Phụ Nữ*, *Công Nhân Giải Phóng*... Thành ủy còn có chủ trương rất sớm cho tờ *Tin Sáng* - tờ báo của anh em đối lập với chính quyền Sài Gòn trong kháng chiến chống Mỹ tiếp tục xuất bản hàng ngày. Vài tháng sau, tờ *Công Giáo và Dân Tộc* được ra mắt bạn đọc. Rồi tiếp đến thêm tờ *Giác Ngộ* của Phật giáo phát hành. Lực lượng báo chí hợp lại ngày càng mạnh. Nhưng phải đánh giá công bằng rằng, bên cạnh các tờ báo của Đảng, của các đoàn thể, vai trò của báo *Tin Sáng*, báo *Công Giáo và Dân Tộc*, báo *Giác Ngộ* đã góp phần tích cực trong những năm đầu giải phóng, đúng như chủ trương của Thành ủy và ủy ban lúc bấy giờ. Chính thói quen tốt - đọc báo - của Sài Gòn giúp họ biết các chủ trương của chính quyền những ngày đầu giải phóng. Vì thế lúc bấy giờ, chúng tôi quan tâm chăm sóc và góp sức nhiều với anh em làm báo...” Khi bàn đến quan hệ giữa người lãnh đạo và báo chí, ông khẳng định: “Báo chí là một kênh thông tin rất quan trọng, không thể thiếu được với lãnh đạo và điều hành đất nước. Khi tôi điều hành chính phủ, ngoài trực tiếp đọc, nghe

một số thông tin cần thiết, hàng tuần anh em Thông tấn xã Việt Nam còn đến báo cáo tổng hợp. Văn phòng chính phủ có một Vụ theo dõi báo chí, điểm báo hàng ngày, tóm lược những thông tin trên báo chí những bài có liên quan đến công việc điều hành của Chính phủ, giúp cho sự chỉ đạo, khẳng định cái đúng cũng như giải quyết những việc chưa phù hợp, qua đó biết những mặt tích cực và tiêu cực của xã hội, cũng như trong bộ máy nhà nước, những trì trệ, cửa quyền, v.v. Điều này rất có lợi vì ta truyền tải thông tin qua thông tin đại chúng, đại chúng cũng qua báo chí phản ánh tình hình trở lại với Đảng, với nhà nước. Qua thông tin trên báo chí, người điều hành có thể giải quyết, xử lý, phát hiện những cái mà bên dưới chưa kịp báo cáo hoặc không đi vào góc ngách như báo chí. Có nhiều trường hợp, ví dụ như qua nghe đài, xem báo và điểm báo, có vấn đề gì liên quan đến các Bộ, Ngành, địa phương thì kiểm tra lại thông tin hoặc trích chuyển bên dưới trực tiếp giải quyết, thấy cần thì cho người kiểm tra trực tiếp hoặc giao cho cơ quan thanh tra xác minh những sự việc thông tin trên báo chí.”

Ông cũng phản đối việc phân báo chí ra thành loại A, loại B như tôi đã kể ở trên. Ông mạnh mẽ khẳng định: “Chúng ta có hàng chục nghìn nhà báo đang có mặt ở khắp mọi miền đất nước, am hiểu thực tế và có thể nắm bắt kịp thời mọi diễn biến xã hội. Nếu chỉ sử dụng báo chí nói một chiều theo ý mình, sẽ không phát huy được tính năng động sáng tạo của đội ngũ nhà báo đông đảo đó. Báo chí “một chiều” chỉ có thể trở thành những công cụ dễ dàng làm vừa lòng mình nhưng không thực sự giúp được gì cho mình. Trong điều kiện một Đảng lãnh đạo, báo chí càng cần phải trở thành một kênh

thông tin từ nhân dân, một công cụ giám sát quyền lực. Nhà nước của nhân dân, vừa phát hiện và vừa đóng vai trò phản biện. Nếu báo chí thụ động, các nhà báo cứ quen chờ đợi sự chỉ đạo, chúng ta sẽ thường xuyên bị động trên mặt trận thông tin. Về kinh tế, Việt Nam đã từng bước hội nhập. Về phương diện thông tin, Việt Nam càng không thể biệt lập với bên ngoài. Trong thời đại ngày nay, nếu báo chí trong nước tạo ra bất cứ khoảng trống nào về thông tin, báo chí bên ngoài sẽ ngay lập tức chiếm chỗ. “Bức tường” tốt nhất để ngăn cản các thông tin xấu là chủ động thông tin và tạo ra không khí đối thoại cởi mở trong xã hội.

Báo chí cũng đang đứng trước không ít cám dỗ. Nếu coi báo chí như là một thứ quyền lực đứng trên Pháp luật thì nhà báo cũng rất dễ bị tha hóa. Các nhà báo và các hoạt động báo chí cũng rất dễ bị tha hóa. Các nhà báo và các hoạt động báo chí cũng phải được đặt dưới sự chế tài của luật pháp. Ngược lại, xử lý những sai sót của báo chí và của các nhà báo cũng phải căn cứ vào pháp luật. Tôi tin rằng, các nhà báo chân chính, dám nói tiếng nói của đông đảo quần chúng nhân dân, không cầu an khi dấn thân vào nghề này. Nhưng sẽ không công bằng khi những nhà báo thật sự dũng cảm, dám đương đầu với tham nhũng, chống lại cái xấu và cổ động cho cái mới, tốt đẹp lại phải chịu nhiều “bầm dập”.

Cuối cùng, điều mà tôi cho là then chốt nhất với báo chí là phản ánh sự thật. Trong vấn đề này, tôi không ngờ ông Võ Văn Kiệt “dám” trả lời công khai với một tờ báo “lẻ phải” rằng: “Trên tinh thần cầu thị, chúng ta sẵn sàng nghe những ý kiến phản ánh sai sót, khuyết điểm của mình nếu đó là sự

thật, không phân biệt ý kiến đó là của ai, với động cơ gì!”

Tôi thực sự xúc động khi nghe ông trả lời như thế: “Nếu đó là sự thật!”, và không phân biệt lời nói đó “là của ai, với động cơ gì”!

Một chế độ độc tài toàn trị bao giờ cũng tồn tại trên sự dối trá, lừa mị nhân dân. Người ta đã chế tạo ra cả điều 88 của bộ luật này nọ để sẵn sàng còng tay bất cứ ai nói lên sự thật, và sẵn sàng vu khống cho người đó là “lợi dụng dân chủ để chống phá nhà nước”, v.v. và v.v.

Chỉ có những người cách mạng chân chính mới dám chấp nhận nghe sự thật. Tôi không đồng ý với những người chống cộng cực đoan: - Hễ là “cộng sản” thì không chơi được! Ông Kiệt là một người cộng sản “chơi được” theo tôi nghĩ. Chỉ cần tiêu diệt, lật đổ một thể chế sinh ra cái xấu, cái ác. Không bao giờ tiêu diệt con người. Ngay cả chế độ phong kiến thối nát, lạc hậu là thế, nhưng cũng có những ông vua sáng, những ông quan thanh liêm. Họ có vai trò nhất định của họ trong lịch sử. Và, lịch sử là sự nối tiếp, kế thừa. Phải nghĩ như vậy và phải làm như vậy, nhất là đối với hoàn cảnh của Việt Nam. Có lẽ, nói về sự tôn trọng ý kiến đối lập của ông Võ Văn Kiệt thì không gì hơn là câu chuyện của nhà bất đồng chính kiến nổi tiếng - tiến sỹ Nguyễn Xuân Tú, bút hiệu là Hà Sĩ Phu. Năm 1988, anh Phu viết bài *“Đắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ”* xôn xao dư luận cả nước. Ông Nguyễn Văn Linh rất thù ghét bài viết này. Thời ông làm Tổng bí thư đã có chỉ đạo cho giới cầm bút, đúng hơn là giới bồi bút, phải “đánh” bài đó. Đầu năm 1989, tôi từ Mỹ Tho lên Đà Lạt thăm anh Phu, anh Phu kể: - Tôi là “anh hùng bất buộc” vì tôi

viết “chơi” thế thôi, ai dè chị Đặng Thị Nga, con gái của cụ Trường Chinh đã gửi cho các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị mỗi người một bản. Tôi lại hỏi anh Phú: - Thế ý kiến của Bộ Chính trị thế nào? Anh Phú trả lời: - Chỉ có ông Kiệt nói rằng: “Người ta viết ra, nếu mình thấy không chấp nhận thì thôi...”

Nếu mỗi người lãnh đạo Việt Nam đều nghĩ được như ông Võ Văn Kiệt thì “Đảng ta” không đến nông nổi như ngày nay!

Cuộc phỏng vấn của tôi tối hôm đó với ông Kiệt kết thúc tốt đẹp. Lúc chia tay, ông vỗ vai tôi nói: - Tôi nghĩ, phần lớn các nhà báo không chọn báo chí như là một nghề chỉ để kiếm sống, có phải không nhà báo?

Còn có gì hạnh phúc hơn với một nhà báo khi được người ta nghĩ về nghề nghiệp của mình như thế.



**Cố vấn Võ Văn Kiệt và tác giả tại nhà riêng của ông 16 Tú
Xương TP. HCM. (4/2003)**



Thủ tướng Võ Văn Kiệt hóa trang đi “vi hành” kiểm tra dê Yên Phụ bị lấn chiếm khu vực bảo vệ dê năm 1996 sau đó đi chơi phố Hàng Đào. Ảnh Minh Đạo - TTXVN

Võ Viết Thanh

Một buổi sáng đẹp trời năm 2008, Võ Viết Thanh đem xe đến rước tôi đi Bến Tre với anh. Thanh sinh năm 1943, kém tôi một tuổi, anh khiêm tốn gọi tôi là anh và xưng em. Tôi không hình dung nổi, một con người từng vào sinh ra tử, 17 tuổi đã ngồi tù, dày dạn trên chính trường, bất khuất và gang thép như Võ Viết Thanh lại có dáng vẻ nho nhã, ăn nói từ tốn khiêm nhường như thế. Hôm đó anh nói với tôi, anh vừa xin được một người bạn ngoại quốc trong lúc đánh golf một số tiền để làm “xóa đói giảm nghèo” cho quê Bến Tre của mình. Anh còn than: “Em đại quá, người bạn này hỏi cần bao nhiêu. Em nói 90.000 đô, anh ta gật liền. Bây giờ thấy tiếc, biết thế nói 200.000 có hơn không!” Tôi bảo Võ Viết Thanh: - Ông tham quá, thế là tốt rồi. Trên xe hôm đó còn có một anh chàng Singapore gốc Hoa, nói tiếng Việt bập bẹ vì đã ở Việt Nam

lâu năm. Anh chàng này chừng ngoài 50 tuổi, luôn mồm than “nước Singapore chúng tôi hẹp! Việt Nam lớn quá!”. Quả thật sau này tôi có đi Singapore và thấy cái nước này không rộng bằng huyện Giồng Trôm quê Võ Viết Thanh.

... Sau khi làm việc với huyện, với xã, Thanh đưa tôi về nhà anh ở xã Lương Phú. Cảnh sắc quê anh rất thanh bình, êm ả. Mỗi nhà ở trong một vườn dừa rộng mênh mông, mát rượi. Có những cây dừa già nằm ngả xuống đất, muốn đi qua phải bước qua thân dừa mà chủ nhà cũng không muốn chặt. Có lẽ vì nhiều dừa quá. Ở miền Bắc ít đất, vườn nhà thường hẹp, vì thế mỗi lần vô một miệt vườn như ở Bến Tre, tôi cứ thơ thẩn ngắm vườn.

Điểm nhất của chuyến đi này mà tôi không bao giờ quên là trước khi vô nhà ăn cơm, Võ Viết Thanh đưa tôi ra viếng mộ ông bà già anh. Mộ chí được xây cất ngay trong vườn. Võ Viết Thanh thành kính thấp nhang cúi lạy cha mẹ. Tôi đọc rất kỹ trên bia, hai cụ Võ Văn Nhuận và Phạm Thị Giang đều chết cùng ngày, cùng giờ, 20 giờ ngày 26/8/1962. Thanh nhìn tôi, nói trong uất ức: một toán lính của chế độ Ngô Đình Diệm, đứng đầu là tên Tổng Giám đồn Long Phú đã giết cha mẹ tôi trên đất này, phía bờ sông kia, ai cũng biết, cả xã, cả huyện này đều biết. Vậy mà “bọn họ” lại bảo là cha mẹ tôi bị cách mạng giết.

Tôi không quên nhờ anh bạn Singapore đi cùng chụp cho tôi và Võ Viết Thanh một tấm hình hai người ngồi bên mộ chí của các cụ thân sinh ra Võ Viết Thanh. Bức hình tôi đội mũ nôi, Võ Viết Thanh để đầu trần, vầng trán rộng mênh mông tôi còn giữ làm kỷ niệm.

“Bọn họ” mà Võ Viết Thanh nói ở đây chính là Lê Đức Anh, Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Đức Tâm, Đoàn Khuê trước Đại hội Đảng lần thứ VII, lập án giả định hại Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong vụ án “Bà Sáu Sứ” tai tiếng cả nước, được giao cho Võ Viết Thanh với tư cách là Thứ trưởng Bộ Công an lúc đó đi điều tra và kết luận theo “hướng của trên”, nhưng Võ Viết Thanh đã không làm theo ý họ. Thanh đã điều tra đúng người, đúng tội, tôn trọng luật pháp nên sau đó họ không làm gì được Võ Viết Thanh, bèn nghĩ ra cái “vô” điều tra lại lý lịch của Thanh theo đơn tố cáo và gạt Thanh ra khỏi chính trường. Võ Viết Thanh còn nói cho tôi rõ, theo nguyên tắc thì anh đã là Ủy viên Trung ương nên khóa Đại hội 7 đương nhiên anh được dự. Thanh còn cho biết, khi được phát phiếu bầu ủy viên trung ương khóa mới (VII), cái phiếu ghi tên anh chỉ để trắng, không kèm theo chức vụ ủy viên trung ương khóa VI, như mọi ủy viên trung ương khác tái cử. Anh thắc mắc thì Ban tổ chức nói là: - Lỗi in ấn! Thanh nói: tôi định cầm cái lá phiếu ghi tên mình xông thẳng lên diễn đàn và giơ lá phiếu ấy lên để tố cáo sự gian lận này trước toàn thể đại hội, nhưng nghĩ lại nếu làm thế là tôi đã phá cả đại hội, nên tôi thôi!

Cô Võ Thị Cẩm Hồng, em ruột của Võ Viết Thanh, khi còn ở Sở Công an Tiền Giang, đã nói với tôi ngay từ năm 1991, lúc đó tôi cũng còn đang thường trú tại Mỹ Tho rằng: khi là Thứ trưởng Bộ Công an, lúc lấy phiếu tín nhiệm, anh Bảy Thanh được phiếu cao nhất, vậy mà trước Đại hội VII, em thấy anh Tư Bốn (tức trung tướng Nguyễn Việt Thành sau này), Giám đốc Sở gọi em lên bảo khai lại lý lịch thì em biết ngay anh Bảy Thanh của em ở Bộ Công an ngoài Hà Nội

đang gặp nạn rồi. Em còn lạ gì cái trò bày đặt đơn tố cáo để bắt khai lại lý lịch, kiểm tra tư cách đại biểu trước Đại Hội, để tri hoãn, để loại trừ nhau trước một Đại hội Đảng.

Sau một ngày về Bến Tre, lúc đó cầu Rạch Miễu qua sông Tiền sang Bến Tre còn chưa được bắc nên lúc về đến Sài Gòn đã tối lại kẹt đường, ngồi trên xe buồn quá Võ Viết Thanh còn đọc cho tôi nghe mấy câu thơ của Verlaine. Tôi hỏi: ông cũng đọc được tiếng Pháp à? Thanh kể: anh có xem phim “*Ván bài lật ngửa chưa?*” Trong phim có đoạn tình trường Bến Tre lúc đó là Phạm Ngọc Thảo có gọi một thanh niên 17 tuổi đang ở tù ra hỏi cung, ông tỉnh trưởng chỉ hỏi vài câu lấy lệ rồi sau đó thả người thanh niên này ra. Người đó chính là em. Lúc đó em vừa học xong trung học ở Bến Tre.



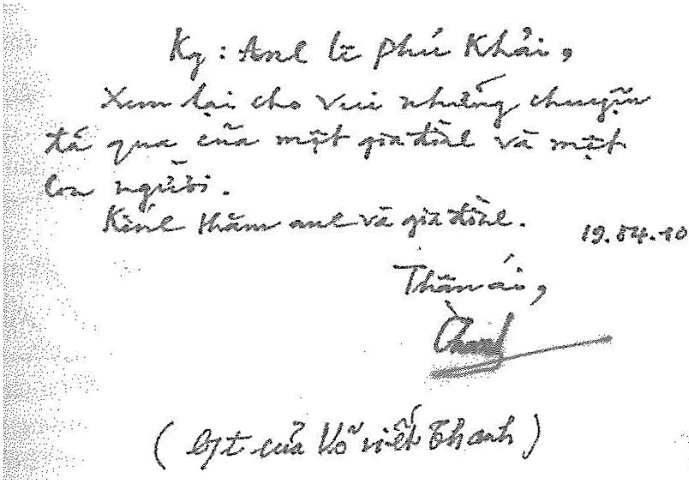
Mộ Song thân của Võ Viết Thanh tại xã Phú Lương Giồng Trôm Bến Tre: Hai ông bà Võ Văn Nhuận và Phạm Thị Giang bị giết hại dã man chặt đầu mổ bụng... cùng ngày cùng giờ (20h ngày 26/08/1962). Ảnh LPK.

Hai năm sau cái ngày anh đưa tôi về Bến Tre, Võ Viết Thanh sai cô em Võ Thị Cẩm Hồng lúc này đã lên Sài Gòn làm ở báo *Công an TP. HCM* đến đưa cho tôi một cuốn sách dày, khổ lớn, bìa cứng do Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân, xuất bản 2010 có tên là “*Bến Tre đồng khởi anh hùng*”. Cùng với cuốn sách đó là một cái đĩa ghi và một lá thư ngắn. Nguyên văn lá thư đó như sau:

“*Kính gửi anh Lê Phú Khải, xem lại cho vui những chuyện đã qua của một gia đình và con người.*

Kính thăm anh và gia đình. 19/4/2010. Thân ái (ký tên Thanh)”.

Bức thư tôi còn giữ làm kỷ niệm.



Ky: Anh Lê Phú Khải,
Xem lại cho vui những chuyện
đã qua của một gia đình và một
con người.
Kính thăm anh và gia đình. 19.04.10
Thân ái,
Thanh
(Dyt của Võ viết Thanh)

Thủ bút của Võ Viết Thanh.

Tôi đọc sách, xem đĩa ghi hình, tìm hiểu về gia đình Võ Viết Thanh mà bàng hoàng. Có lẽ trên thế gian này chưa có

gia đình nào hy sinh mất mát cho một cuộc cách mạng như gia đình Võ Viết Thanh, sau đó lại chịu những oan khuất, cay nghiệt như gia đình anh. Cả hai vợ chồng ông Võ Văn Nhuận và và Phạm Thị Giang đều là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương từ những năm 30 của thế kỷ trước, đấu tranh trong Công hội Đỏ ở Ba Son chống Pháp cùng lứa với Tôn Đức Thắng, Dương Quang Đông. Suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ông bà đều là cán bộ nòng cốt. Ông làm quân giới tận U Minh. Năm 1958, ông bà bị bắt, bị đánh đập tra tấn dã man mà không hề khai báo gì. Sau ba năm tù ông bà lại được tổ chức đưa về Bến Tre hoạt động bí mật. Đến năm 1962, cả hai vợ chồng người cán bộ kháng chiến này đều bị giết hại thảm khốc cùng một lúc.

Cô Hồng đã kể với tôi, lúc chúng xông vào nhà bắt bố mẹ đi thì cô còn bé quá, ngồi ở thềm nhà chúng không để ý nên thoát chết. Chị cô bụng đang mang thai cũng bị bắt đi nhưng vùng chạy thoát.

Võ Viết Thanh mới 18 tuổi đầu đã mang nặng thù nhà, nợ nước, cha mẹ bị giết, chị em gái và em trai cũng hy sinh. Sau 1975, Võ Viết Thanh về quê tìm bắt được Tổng Gốm, kẻ đã giết cha mẹ anh. Nó quì lạy và anh đã tha cho nó. Anh xông pha lửa đạn, chỉ huy một xưởng quân giới chế tạo ra nhiều vũ khí để diệt tàu Mỹ trên dòng sông quê hương. Trận đánh cầu Cá Lóc của anh được ghi chép trong lịch sử của Bến Tre. Anh từng được phong anh hùng lực lượng vũ trang. Vậy mà chính các “đồng chí” cao cấp của anh lại lập mưu vu khống cha mẹ anh, những người đã yên nghỉ nơi tuổi vàng, là kẻ phản bội. Còn gì đau xót hơn cho một người Việt Nam là cha

mẹ mình đã mất mà còn bị vu oan, vu oan một cách bỉ ổi. Cái thiêng liêng nhất đối với Võ Viết Thanh là linh hồn của cha mẹ mình lại bị đồng chí của mình đem ra bôi nhọ để lấy cớ cho những âm mưu đấu đá quyền lực bẩn thỉu nhất. Nếu Võ Viết Thanh cúi đầu nghe theo bọn họ thì anh sẽ lên quan to hơn, lên làm Bộ trưởng Bộ Công an, vào Bộ Chính trị. Nhưng anh đã chấp nhận bị vu dập để đứng thẳng làm một con người chân chính, lương thiện và tử tế. Gia đình Võ Viết Thanh đủ để Shakespeare viết một bi kịch về một cuộc cách mạng ở xứ châu Á xa xôi và hoang dại (sauvage) trong thế kỷ 20! Vậy mà trong thư anh viết cho tôi chỉ nói: “xem lại cho vui, những chuyện đã qua của một gia đình”.

Tôi biết tâm hồn anh đã rã rời với một cuộc cách mạng đang bị phản bội. Anh thấy bề bàng cho nó và cho cả những gì mà anh đã cống hiến cho nó với tất cả sự trong trắng của tâm hồn mình. Anh đang nhìn xã hội quay cuồng xung quanh bằng con mắt của kẻ chỉ thấy đời như một giấc mộng phù du của “những chuyện đã qua”.

Gần đây, tôi có gặp anh trong đám cưới con trai của cô em Võ Thị Cẩm Hồng của anh. Vẫn dáng vẻ nho nhã, vẫn giọng nói ấm áp, khiêm nhường, và trên vầng trán mệnh mông của anh, tôi như thấy những đám mây buồn đang lửng lơ trôi.

Nguyễn Hà Phan - Bi hay hài!?

Đầu năm 1994, sau chuyến đi Điện Biên Phủ đầu tiên để giúp anh Tuất Việt làm sổ báo “*Sài Gòn Giải Phóng* - 40 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ”, tôi về Hà Nội và đến báo *Nhân Dân* gặp Mai Phong, trưởng ban bạn đọc của báo. Tôi bảo với Mai Phong, vừa đi Điện Biên Phủ về, có chai rượu hồ cốt, muốn rủ ông lên chỗ ông Nguyễn Hà Phan ở Ban Kinh tế chơi, ga ông ấy kiếm ít môi để nhậu. Anh cho tôi mượn cái điện thoại bàn của anh để gọi cho ông ấy... Mai Phong nhìn chai rượu của tôi, tuy có dán cái “mác” Lai Châu ở vỏ nhưng giá chỉ có 14.000 đồng. Phong nói: ông có đùa không thế, đang giờ làm việc mà đòi lên gặp Bộ Chính trị để nhậu!

Không cần Mai Phong đồng ý, tôi nhấc điện thoại bàn của anh lên (hồi đó chưa có di động phổ biến như bây giờ) gọi cho ông Sáu Phan. Từ đầu giây đặng kia, ông Sáu Phan kêu tôi “lên ngay!” Thế là tôi kéo Mai Phong lên số 10 Nguyễn Cảnh Chân, khu Ba Đình. Chỗ Sáu Phan ngồi làm việc là trường Albert Sarraut cũ thời Tây.

Quen biết với ông Nguyễn Hà Phan từ lúc ông còn là Chủ tịch tỉnh Hậu Giang cũ, tôi từng được Tổng biên tập Tuất Việt ủy nhiệm làm đặc phái viên của báo *Sài Gòn Giải Phóng* để phỏng vấn ông nhiều lần. Và, tôi cũng hết sức ủng hộ tỉnh Hậu Giang về mặt thông tin tuyên truyền những chủ trương rất đúng đắn của tỉnh dưới thời ông Hà Phan. Vì thế, việc ông Sáu Phan gặp tôi ở Hà Nội là việc vui đối với ông. Khi chúng tôi lọc cọc chờ nhau bằng xe đạp đến nơi thì đã thấy Sáu Phan bày ra vài thứ đồ nhậu khô. Được vài tuần rượu, Sáu Phan rút thuốc ra hút. Đặc điểm lớn nhất, dễ nhận ra ở Sáu Phan

là, ông hút thuốc liên tục, hết điều này nối điều kia. Sáu Phan mời tôi và Mai Phong hút thuốc. Thấy ông đưa thuốc “mác” “Con ngựa trắng” mời khác thì tôi lấy làm lạ nên hỏi: khi xưa ông là quan đầu tỉnh mà hút toàn ba số (555) inter, nay lên quan nhất phẩm triều đình lại hút thuốc này sao? Sáu Phan than phiền: - Ra đây Ban Tài chính quản trị trung ương nó cho hút thuốc gì thì được hút thuốc đó. Tiếp khách cũng thế, đâu có được như ở nhà.

Thấy thế, tôi bảo với anh Y, thư ký riêng của Sáu Phan đang ngồi gần đó: nhờ anh bảo cô Tuyết ở Ban Tài chính qua đây tôi gặp. Y nói: - Ở Ban Tài chính có đến ba cô Tuyết, nhà báo muốn gặp cô Tuyết nào? Tôi nói: muốn gặp cô Tuyết có chồng là ông Nguyễn Thanh làm bên Hải quan. Anh Y lập tức xua tay nói: - Cô Tuyết ấy là cấp trên của tôi, tôi không dám gọi. Tôi nói: - Thì anh cứ bảo cô ấy, có anh Lê Phú Khải ở miền Nam ra, muốn gặp cô ấy. Lát sau cô Tuyết xuất hiện. Cô em tôi (Tuyết là em họ tôi, con người chú thứ ba của tôi, là Lê Phú Ninh, quyền Chánh văn phòng Bộ Công an) rất vui vẻ: - Em chào bác! Bác mới ở miền Nam ra? Sao không báo em để em đem xe ra sân bay đón bác! Tôi cười nói: - Ra chơi với ông Sáu đây thôi có gì mà phải đón với rước! Sau đó tôi nói: sao Ban quản trị lại bắt ông Sáu hút thuốc “Con ngựa trắng” thế này? Xưa kia ở Cần Thơ ông ấy toàn tiếp tôi bằng ba số cơ mà? Cô Tuyết phân trần: - Ban Tài chính quản trị chúng em liên kết với tỉnh Khánh Hòa sản xuất kinh doanh loại thuốc này, rồi bán lại cho Văn phòng trung ương. Văn phòng phân phối cho các bác ấy tiếp khách. Bác thông cảm! Cô Tuyết chỉ nói có thế rồi chào ông Hà Phan. Trước khi về,

cô còn dặn tôi khi nào ra Bắc thăm bác Sáu, nhớ gọi điện để cô cho xe ra đón.

Sở dĩ tôi đề nghị anh Y kêu cô Tuyết sang là có ý muốn giới thiệu với cô quan hệ thân mật của tôi với ông Hà Phan, để cô ấy “ưu tiên” cho “ông bạn” già của tôi. Vì tôi biết các vị như Hà Phan ở địa phương còn sừng hơn cả vua chúa ngày xưa. Nay ra triều đình xa vợ con, nước lợ, cơm niêu là khổ lắm, lại không quen biết ai. Các quan chức ở Hà Nội hết giờ làm việc là về trình diện các quan bà hết, không như ở miền Nam hết giờ là đi nhậu. Cờ như Sáu Phan, ở Hà Nội lại càng cô đơn(!).

Tuyết về rồi... Sáu Phan bảo tôi:

- Biết đâu cô Tuyết là em ông. Ở đây cô ấy quan trọng lắm, tay hòm chìa khóa của trung ương là ở tay cô ấy!

Lê Thị Tuyết sinh năm 1942, cùng tuổi với tôi. Cô sinh ra trong một gia đình đông con. Ông chú tôi có tới bảy người con, cô là thứ 2. Hồi nhỏ trong gia đình Lê Phú của tôi chỉ có tôi là cháu đích tôn là được cưng chiều từ nhỏ, còn các cháu nội của ông bà tôi từ bé đã rất vất vả vì các chú tôi đi cách mạng quanh năm! Gia đình phó thác cho các bà vợ. Cô Tuyết học hành chẳng được là bao, mười mấy tuổi cô đã phải đi gánh nước gạo cho mẹ nuôi lợn ở Bãi Giữa (Bãi Phúc Xá). Cô vào làm nhà nước, được vô nơi kín cổng cao tường này có lẽ là nhờ cái lý lịch “con nhà nòi”. Nhưng cô là người thông minh, có bản lĩnh và rất nhân hậu. Ở địa vị cao (Phó Ban Tài chính quản trị trung ương Đảng), nắm vật chất của Đảng trong tay nhưng cô thẳng thắn, khiêm nhường, tận tụy với công việc, và rất công bằng trong mọi sự phân chia của cải

nên được cán bộ công nhân viên của Ban Tài chính quản trị trung ương và Văn phòng trung ương Đảng quý mến. Ngày cô mất, Đại Tướng Võ Nguyên Giáp đã gửi một bức thư dài, chia buồn với gia đình cô. Bức thư ấy tôi đã được đọc. Những lời của Đại Tướng thật chân tình, những đánh giá của Đại Tướng về cô không công thức, giáo điều như mọi nghi thức với một người đã chết mà người ta thường thấy. Những điều ông viết làm người ta phải ngạc nhiên về nhận xét của một nhân vật lớn của đất nước đối với một cán bộ nhân viên bình thường: *“Chị Tuyết ra đi để lại một tấm gương sáng của một người cán bộ hết lòng làm tròn nhiệm vụ, một người phụ nữ mẫu mực về lối sống và đạo đức cách mạng. Ký tên Võ Nguyên Giáp”*. Lá thư đề ngày 22/2/1999 - Hà Nội.

Riêng đối với tôi, tuy chúng tôi là anh em cùng dòng tộc nhưng ở xa, ít tiếp xúc. Tuy vậy, cô Tuyết có cách cư xử mà tôi cho là chính xác, thông tuệ. Cô biết thừa tư tưởng “bất đồng chính kiến” của tôi với chế độ mà cô là một quan chức có hạng. Có lần tôi từ miền Nam ra Bắc, đến thăm nhà đấu tranh dân chủ nổi tiếng Nguyễn Kiến Giang nào ngờ lại gặp đúng lúc nhân viên an ninh chuyên theo dõi Nguyễn Kiến Giang đang ngồi ở nhà ông. Anh Kiến Giang liền giới thiệu: - Đây là nhà báo Lê Phú Khải, thường trú của Đài Tiếng nói Việt Nam ở miền Nam ra chơi. Tay an ninh này vốn có tính đa nghi cố hữu của nghề nghiệp nên nghi ngờ tôi ra Bắc để móc nối với Kiến Giang, mời Kiến Giang vào Sài Gòn dự một cuộc hội thảo về dân chủ do một nhóm trí thức Sài Gòn sắp tổ chức. Thế là họ đã lần ra quan hệ họ hàng từ hai chữ “Lê Phú”. Họ đến gặp Lê Quân, em họ, con ông chú thứ 3 của tôi

là Lê Phú An, cậu ta là công an an ninh văn hóa để xác minh về nhân thân của tôi. Sau đó, gặp cô Lê Thị Tuyết để nhờ cô khuyên giải tôi đừng quan hệ với “phần tử xấu” Nguyễn Kiến Giang - người từng là cán bộ lãnh đạo của Nhà xuất bản Sự Thật(!). Nhưng cô Tuyết là một người phụ nữ thông minh, hiểu nghề đời, cô không hề nói gì với tôi cả, vì biết rõ nói tôi cũng chẳng nghe. Và cũng biết rõ tôi chẳng có gì xấu cho dù là chơi với ông Kiến Giang. Vài năm sau, gặp vợ tôi ra Hà Nội chơi, cô mới kể lại câu chuyện cậu công an gặp cô nói về tôi mấy năm trước. Cô cũng chẳng có lời khuyên nào với tôi nhắn qua vợ tôi, trái lại khi vợ tôi than: - Ở địa phương, cán bộ lãnh đạo khốn nạn lắm, chỉ lo đấu đá quanh năm thì cô nói: - Chỉ cứ nhân lên 1.000 lần sự khốn nạn của địa phương, nó sẽ là trung ương!

Cô em tôi là như thế. Với những người như ông anh họ của cô là tôi, cô “chơi bài ngửa”!, không nói thì ông anh cũng biết, nên cô không cần giấu. Và cô cũng biết, chẳng ai giấu gì được lịch sử! Trong một xã hội như thế, cô phải sống và cô sống tử tế, chân thực với mọi người. Với địa vị ấy, cô phải lo bố trí nhà ở, xe cộ đi về, đến cả chăn mền quần áo cho các vị quan to ở trung ương. Có lẽ vì thế mà cô biết rõ nhân cách của từng vị trong Bộ Chính trị qua những việc cụ thể, đời thường. Khi tôi còn làm phóng viên của Đài Truyền hình Việt Nam, có lần gặp tôi, cô nói: - Em thấy các phóng viên của Đài Truyền hình hay sang Văn phòng trung ương nhờ bọn em gọi điện từ Văn phòng trung ương qua đài, đề nghị với giám đốc Đài cử họ đi tháp tùng thủ tướng đi nước này, nước nọ. Em chẳng thấy bác sang bên chúng em bao giờ! Tôi nói ngay:

- Tôi rất sợ phải đi tháp tùng một vị Thủ tướng vô tích sự như ông Phạm Văn Đồng!

Cô em tôi cười rất tươi khi nghe tôi nói thế!

Lúc ông Hoàng Văn Hoan bỏ trốn, tôi cũng đang công tác ở Đài Truyền hình. Báo đài lúc đó la ầm lên là ông Hoàng Văn Hoan phản bội, dấu hiệu phản bội đã thấy rõ từ lâu(!). Gặp tôi cô Tuyết nói ngay Bác Hoan chẳng phản động gì cả. Khi họp Bộ Chính trị, bác Lê Duẩn nói thì các bác Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp cứ cầm đầu xuống mà nghe, không dám ngẩng đầu lên, không ai dám nói nửa lời, chỉ có bác Hoan làm dám đập bàn cãi lại, cãi nhau tay đôi.

Về trường hợp Hoàng Văn Hoan, tôi cũng được một lần tướng Qua kể như sau:

- Ở Hội nghị Genève, khi Phạm Văn Đồng kêu ai làm việc thì người đó run lăm, lo chuẩn bị tối ngày, chỉ có ông Hoan là ung dung tự tại hai tay đút túi quần, ra sân đá banh cho đến lúc gặp Phạm Văn Đồng!

Về cái chuyện các phiên họp của Bộ Chính trị thì rất khôi hài. Cô Tuyết kể với vợ tôi:

- Đến em cũng không được vào phục vụ mà chỉ có quyền chỉ huy các nhân viên vào phòng họp phục vụ bưng bê, Các nhân viên đó phải được tuyển lựa từ Cao Bằng, Lạng Sơn về, toàn dân tộc thiểu số để họ không quen biết ai ở Hà Nội, biết gì họ cũng không có ai để mà nói.

Cô Tuyết hóm hỉnh nói với vợ tôi:

- Nhưng chị lạ gì, con gái thì nó phải hành kinh hàng tháng. Khi hành kinh đưa nào cũng muốn thủ trưởng cho nghỉ nhiều, thế là nó phải nịnh em. Mà muốn nịnh em thì chỉ

có cách nghe được cái gì trong cuộc họp Bộ Chính trị thì ghé tai em nói nhỏ để làm quà! Đứa nào cũng thế. Vì thế họp gì, nói gì em đều biết hết. Thời Lê Duẩn thì Lê Duẩn mắng mỏ người khác như mắng gia nhân, đầy tớ, đến sau này thì cả mẹ một lứa, Phan Văn Khải thì bảo Trần Đức Lương nên trả lại những quả đồi mà ông ta đã chiếm để làm villa, biệt thự. Trần Đức Lương thì mắng lại Phan Văn Khải rằng, mày hãy về bảo thằng con mày đừng giết người nữa rồi hãy bảo tao trả lại mấy quả đồi. Họ mắng chửi nhau còn hơn hàng tôm, hàng cá rồi lại khuyên nhau “vì sự ổn định đất nước”, “vì sự nghiệp lớn”, nên gác lại mọi chuyện, rồi lại hỷ hả với nhau, đầu lại vào đó!

Cái thời ông Trần Xuân Bách đưa ra lý thuyết đa nguyên, cô Tuyết còn kể với vợ tôi: - Trong Bộ Chính trị lúc đó chia rẽ và nghi kỵ nhau lắm, đi họp ai cũng được vợ chuẩn bị một chai nước riêng, để trong túi, khi khát thì lên quay đi, rót uống. Bánh kẹo, nước ngọt bày la liệt nhưng chẳng ai dám đụng vô một miếng. Thế là bọn nhân viên của em nó tha hồ bóc ra để cuối cuộc họp chia nhau vui như tết!

Có lần cô Tuyết kể trực tiếp cho tôi nghe, khi cần vụ của Lê Đức Thọ đem một cái chăn bông rách nát đến đổi chăn bông mới, cô nói với chủ cần vụ: - Thủ trưởng của cậu tiết kiệm quá, chăn rách cả mền, lòi cả bông ra thế này mới chịu đem đổi. Cậu ta cười nói: - Tiết kiệm cái con tiểu! Tối nào trước lúc đi ngủ ông ta cũng nắn bóp cái chăn đến nửa tiếng đồng hồ, chỉ sợ người ta gài mìn thôi nên chăn mới rách bươm ra như thế. Tối qua, bông nó xổ ra, bay tứ tung làm ông ấy ho suốt đêm nên sáng nay mới bảo tôi đem đổi!

Chẳng những lo nhà, lo xe, cô còn lo chia quà Tết cho trung ương nữa. Số là, những năm bao cấp, mỗi lần ra họp trung ương, các tỉnh phía Nam còn đem cả tấn gạo ngon, hàng tạ tôm, cá khô ra biếu trung ương ăn Tết. Thế là cô phải thức cả trưa, cả tối để lo chia quà và đem đến từng nhà các vị trung ương.

Lo vật chất, cô Tuyết còn phải lo cả chuyện “tình cảm” cho các vị đó. Cô kể: - Khi bà vợ hai của Lê Duẩn báo sẽ ra Bắc, thì lập tức cô phải điều bác sĩ đến khám sức khỏe cho bà cả. Rồi theo kịch bản, bác sĩ la lối lên “sức khỏe chị Cả kém lắm rồi, phải đi Tam Đảo nghỉ ngơi! Khi bác sĩ đến khám, có cả hai nữ công an mặc quân phục, đeo súng bên hông rất oai để “bảo vệ” chị Cả đi Tam Đảo an dưỡng. Thấy mình oai quá, chị Cả đi liền. Thế là tối đó, đưa Tổng bí thư lên biệt thự ở Hồ Tây, chị Hai từ Sài Gòn ra, xuống sân bay là đưa thẳng tới biệt thự! Có lần cô còn tố cáo với vợ tôi: Lê Duẩn tàn độc lắm, có lần ngủ với cô y tá được cử tới để đấm bóp cho ông ta. Sau khi ngủ xong với cô y tá này, ông ta ra hiệu phải. Cô Tuyết nói nguyên văn với vợ tôi: - Em là phụ nữ, có chồng có con, lại theo đạo Phật, không bao giờ em làm điều thất đức.

Lê Duẩn là như vậy. Cuộc tắm máu đồng đội của Lê Duẩn ở Tết Mậu Thân là tội ác trời không dung, đất không tha. Biết là lộ, là thua rồi vẫn cứ lừa quân đi vào chỗ chết. Nhiều chiến binh ở Nam bộ còn sống sót trong Tết Mậu Thân kể với tôi, quân ta đi đánh thì máy bay do thám của địch bay trên đầu, địch biết hết nên đánh đợt hai đi 100 về chỉ còn 1, 2. Nếu chỉ đánh để làm tan rã ý chí xâm lược của Mỹ, để Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán như bọn bồi bút văn hô hoán về trận Mậu

Thân 68 thì chỉ cần một mũi tấn công thọc sâu vào Sứ quán Mỹ như ý kiến của Tướng Giáp là đủ.

Hơn ai hết, cô Tuyết ở nơi kín cổng cao tường này nên biết rõ mọi chuyện.

Có lần Nguyễn Văn Linh thấy cô tận tụy với công việc phục vụ đã định đề bạt cô làm Trưởng ban Tài chính quản trị trung ương, nhưng cô từ chối với lý do là phụ nữ, không đủ năng lực làm lớn(!). Khi ông chú ruột tôi là Lê Phú Hào, đại diện Thông tấn xã Việt Nam tại Paris, từng phục vụ Lê Đức Thọ - phiên dịch tiếng Anh - tại hòa đàm Paris, đầu năm 1980 ly khai, cư trú chính trị tại Pháp, thì lập tức ông Trần Xuân Bách, Chánh văn phòng trung ương Đảng, đưa vấn đề lý lịch của cô Tuyết ra xét, định vu cho cô là khai man lý lịch vì Lê Phú Hào cũng là chú ruột của Lê Thị Tuyết. Nhưng nằm trong cái “tổ con tò vò” nên cô “rất thuộc bài” và “cao tay ấn”. Ngay ngày đầu tiên được tin chú mình trở thành “kẻ phản Đảng”, cô đã khai bổ sung lý lịch và nộp ngay cho tổ chức Đảng nên ông Trần Xuân Bách chẳng làm gì được cô! Cán bộ ở Ban Tài chính quản trị bình luận về sự việc này là vì cô Tuyết đã có lần dám phê phán cô Thịnh - là vợ trẻ mới cưới của ông Bách, do cô này cậy thế chồng là ông lớn, lộng hành, vô kỷ luật(!). KGB của Liên Xô lúc đó đã gọi Thịnh là Giang Thanh của Việt Nam. Ông Bách trước kia cũng mù mờ như mọi ông trung ương, Bộ Chính trị khác, nhưng từ sau khi ông được trung ương giao cho nghiên cứu tình hình thế giới đang biến động, ông lập một đơn vị chuyên nghiên cứu, dịch sách báo tài liệu nước ngoài cho ông đọc. Đọc rồi ông thấy hoảng quá, tư tưởng ông có chuyển biến nên mới đề xuất đa

nguyên, chỉ đa nguyên trong đời sống xã hội, trong tư duy thôi, chưa nói gì đến đa Đảng. Vậy mà ông đã bị khai trừ ra khỏi trung ương!).

Cô Tuyết cũng có lần kể cho tôi nghe những chuyện thật cảm động, như chuyện ông Hoàng Quốc Việt khi về hưu rồi, theo tiêu chuẩn vẫn được đi nghỉ mát Vũng Tàu (Cơ sở của Ban Tài chính Quản trị trung ương có ở tất cả mọi nơi trên đất nước). Nhưng tuổi già, đi một mình thì buồn lắm, nên ông Hoàng Quốc Việt đã đến xin với cô cho thêm một suất nữa cho ông bạn già của ông là cán bộ thường, không có tiêu chuẩn đi nghỉ Vũng Tàu từ Hà Nội cùng đi. Kể đến đây cô dừng lại rồi chép miệng nói: - Một vị khai quốc công thần như bác Hoàng Quốc Việt mà phải đến tận nơi, xin một cán bộ vô danh tiểu tốt so với công trạng của các bác như em thì buồn quá! Em giải quyết liền. Và từ đó, mỗi lần có bác cán bộ cách mạng lão thành nào đủ tiêu chuẩn đi nghỉ hàng năm, em đều hỏi bác có cần rủ một người bạn già nào nữa cùng đi cho vui không, để cháu giải quyết(!). Nhiều bác mừng lắm, vui như trẻ em. Cô Tuyết cũng nói với tôi về khó khăn trong việc thu hồi nhà công vụ và đồ đạc của Nhà nước khi các cán bộ cao cấp đã thôi làm việc. Cô ca ngợi, chỉ có bác Huỳnh Tấn Phát là ngay sau lúc nghỉ hưu đã gọi cô đến để trả lại ngôi biệt thự số 9, đường Nguyễn Đình Chiểu (nay là trụ sở Hội nhà văn). Bác Phát còn dẫn cô đi từng phòng, kiểm tra từng thứ đồ đạc của Nhà nước còn đầy đủ, nguyên vẹn như lúc nhận nhà sau đó mới trao chìa khóa ngôi biệt thự này cho ban Tài chính quản trị trung ương.

Nhớ lại chuyện cô Tuyết kể về bác Huỳnh Tấn Phát, tôi

lại liên hệ đến lời ông Kiệt nói về lòng yêu nước của trí thức Nam Bộ “họ hy sinh cả một sự nghiệp, một điền trang lớn, vinh hoa phú quý” để đi kháng chiến vì yêu nước. Những người như Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Hữu Thọ, Lương Định Của, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Khắc Viện đi theo cách mạng không vì tài sản, vì xe hơi nhà lầu mà vì lý tưởng yêu nước cao cả. Còn kẻ khố rách áo ôm đi theo cách mạng thì sau khi cách mạng thành công, họ say sưa cấu xé nhau để tranh giành của cải, tiền bạc, say sưa tham nhũng rồi chính họ lại chết vì cuộc tranh giành đó. Xã hội Việt Nam hôm nay là dẫn chứng hùng hồn điều đó. Cách mạng Pháp 1789 nổ ra khi giai cấp tư sản đang lên, chính nhà vua Louis XVI đã phải vay tiền của các chủ nhà băng để trang trải nợ nần cho triều đình. Giai cấp tư sản chỉ dựa vào sức mạnh bạo lực của đông đảo nông dân đói khổ để lật đổ bọn phong kiến và tăng lữ, sau đó nắm lấy chính quyền, nâng cấp xã hội Pháp từ phong kiến lạc hậu lên xã hội công nghiệp tiên tiến. Bi kịch của cách mạng vô sản là kẻ khố rách áo ôm, đốt nát lại lên nắm quyền. Để che đậy cho sự đốt nát đó, Việt Nam hiện nay có biết bao ông tiến sỹ, giáo sư đã được học tât, học “đón đầu”, mua bằng giả. Sự đốt nát của đám “trí thức” cận thần này đang làm trò cười cho cả thế giới đã internet hóa mà trường hợp của đại tá giáo sư tiến sỹ Trần Đăng Thanh là một điển hình chẳng kém gì các nhân vật điển hình trong văn học như Chí Phèo, Thị Nở!

Lại nói về bữa nhậu với ông Sáu Phan tại Ban Kinh tế trung ương ở Hà Nội năm đó. Chúng tôi lai rai cho đến xế chiều. Trước khi chia tay, Sáu Phan bảo tôi: - Muốn nhờ Phú Khải một việc! Tôi nghe lạ tai quá nên vặn lại: - Ai đòi một

ủy viên Bộ Chính trị lại phải đi nhờ một công dân hạng hai ngoài Đảng bao giờ? Nhưng Sáu Phan quả quyết: - Việc này phải nhờ Phú Khải mới xong!

Đại để là Sáu Phan nhờ tôi nói với Tổng Biên tập *Sài Gòn Giải Phóng* Vũ Tuất Việt xóa nợ cho nhà thơ Nguyễn Bá ở Cà Mau vì vay tiền của báo *Sài Gòn Giải Phóng* mở xưởng làm giấy rồi vỡ nợ, không trả được phải đi tù.

Sáu Phan nhấn mạnh, ông thân với Tuất Việt, nói với nó xóa nợ cho Nguyễn Bá. Ông còn nói: - Ai lại bỏ tù một nhà thơ bao giờ. Thả Nguyễn bá ra để nó đi làm ăn mới có tiền mà trả nợ chứ...

Tôi nghe Sáu Phan nói thấy rầu quá! Rõ ràng tư duy của ông là tư duy tình cảm, tư duy đức trị giữa lúc người ta thực thi Pháp trị (tất nhiên là chỉ thực thi Pháp trị với những người như Nguyễn Bá và với dân đen). Tuất Việt đâu phải là tòa án mà tha bổng cho Nguyễn Bá được. Với lại báo *Sài Gòn Giải Phóng* là báo quốc doanh, đâu phải báo tư nhân của riêng Tuất Việt mà Tuất Việt có thể xóa nợ để cứu Nguyễn Bá khỏi tù tội.

Chính cái tư duy đức trị bảo thủ này đã làm hại Sáu Phan. Khi ở Cần Thơ, Hậu Giang, Sáu Phan là một “anh Hai Nam Bộ” thú thật, cởi mở, phóng khoáng, tư duy tân tiến. Ông nổi tiếng là một người giản dị, dễ gần. Ông có thể tì giấy lên đùi để ký vào một văn bản cho một cán bộ cấp dưới ngay trên hè phố để giải quyết một công việc gấp. Ấn tượng rất mạnh của tôi lần đầu tiên gặp Sáu Phan là, ông chủ tịch một tỉnh lớn nhất đồng bằng này đạp xe đạp vào một tận một ngõ hẻm để thăm tôi tại Cần Thơ. Ngay tại buổi gặp đầu tiên ấy, ông bàn với tôi là phát động một cuộc tuyên truyền trên báo chí cho một năm lấy tên

là “Năm văn hóa xã hội” của Hậu Giang. Trong năm văn hóa xã hội đó, sẽ vận động các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu lương thực dành một phần tiền trong quỹ giao tiếp được nhà nước cho phép, chỉ vài phần trăm nhưng rất lớn để xây trường học, trạm xá, làm đường cho vùng sâu, vùng xa của Hậu Giang. Trong cuộc họp báo có mời cả các nhà báo và văn nghệ sĩ ở TP. HCM xuống để tuyên bố mở đầu năm Năm văn hóa xã hội. Đêm hôm trước, ông còn bàn riêng và hỏi tôi, để thực hiện tiết kiệm, mỗi người dự tiệc chỉ một lon bia thôi có được không? Tôi bảo: - Nên ba lon, thằng nào không uống được thì thằng khác nó gánh, thế cho vui vẻ, không nên tiết kiệm quá, nhất là có anh em từ xa đến. Ông đồng ý ngay, còn khen tôi là “sâu sắc”!

Về việc đi tù của nhà thơ nổi tiếng của Miền Tây Nam Bộ một thời là Nguyễn Bá, vì vay tiền tỷ để mở xưởng kinh doanh làm giấy, nhưng báo nào năn nỉ xin mua chịu giấy, Nguyễn Bá cũng cho chịu nên vỡ nợ, phải đi tù. Chuyện ông nhà thơ mở xưởng làm giấy này ở Việt Nam chẳng khác nào chuyện ông nhà văn Balzac ở bên Tây năm xưa, cũng mở xưởng in, kinh doanh được ít lâu là vỡ nợ, phải đi trốn nợ ở lâu 5 một căn nhà phố xép tại Paris. Sau này, chính quyền Paris có mua lại cả căn nhà có phòng Balzac đã trốn nợ ở đó để làm bảo tàng Balzac! Còn ở nước ta thì hai ông Ủy viên Bộ Chính trị đều tìm cách can thiệp cho một nhà thơ nổi tiếng vì kinh doanh thua lỗ mà phải đi tù. Nhưng ông Sáu Kiệt thì khôn ngoan hơn ông Sáu Phan nhiều. Ông đã đến thăm tù nhân Nguyễn Bá với tư cách một công dân nhưng đang “mặc áo” thủ tướng, chỉ thăm thôi, không can thiệp gì cả. Vậy mà

ít lâu sau, Nguyễn Bá được ra tù với nhiều lý do, trong đó lý do chủ yếu là “đã cải tạo” tốt!

Kể từ khi Sáu Phan ra Bắc làm quan to, tôi được nghe nhiều thông tin rằng, ông được các vị ở Hà Nội quý mến lắm vì tính tình giản dị, cần kiệm, chan hòa với mọi người, đặc biệt ông Tổng Bí thư Đỗ Mười rất tin nhiệm.

Từ khi biết tôi có quan hệ thân tình với Sáu Phan, cô Tuyết mỗi lần có dịp gặp đều thông tin cho tôi về Sáu Phan. Có lần cô nói, bác Đỗ Mười nhận xét: - Thằng Sáu Phan cho vào cối giã nó cũng không chết! Một lần khác cô lại nói, bác Đỗ Mười bảo: - Kỳ này để thằng Sáu Phan làm Tổng bí thư để khỏi mang tiếng là cứ cái chức Tổng bí thư phải do thằng Bắc Kỳ nắm.

Tôi còn được nghe cố vấn Nguyễn Văn Linh luôn đi vận động cho Sáu Phan lên làm Thủ Tướng. Nghe được những chuyện như thế, tôi thấy lo. Được những ông đại bảo thủ, giáo điều, u mê, lú lẫn như thế mà khen thì chắc là Sáu Phan hỏng rồi(!). Đúng là “gần mực thì đen” như các cụ ta nói! Nhưng đó là suy luận theo logic, còn biến động của tư duy lại phức tạp. Engels từng nói, mọi sự vật đều biến động liên tục và vận động trong thời gian và không gian, trong các vận động đó, vận động của tư duy là phức tạp nhất.

Nếu ông Sáu Phan lên nắm các chức vụ chủ chốt trong Đảng như người ta dự đoán thì chưa biết là rủi hay may cho đất nước này, cho Đảng Cộng sản này. Tôi nói vậy vì trước Đại hội VIII tôi có ra Hà Nội. Mỗi năm tôi thường ra một lần như thường lệ. Trước khi về tôi có đến thăm Sáu Phan, tôi nói: - Ra Hà Nội lâu rồi, trước khi về đến thăm ông Sáu. Sáu Phan nói: - Tôi biết ông ra lâu rồi và toàn đến chơi các “thứ

dữ”, giờ mới đến chơi tôi. Thì ra Sáu Phan đã biết tôi ra Hà Nội và đi những đâu. Tôi đành “thú nhận”: - Tôi vừa đến chơi Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Kiến Giang, Dương Thu Hương. Sáu Phan nói: - Thế là tốt. Mai mốt tôi làm việc (ý nói làm lớn hơn) phải nhờ ông làm cầu nối để tôi gặp các vị đó, đối thoại với anh chị em. Ông còn khoe: - Tôi là người bảo lãnh để anh Phan Đình Diệu tham gia Mặt trận Tổ quốc, trong khi các vị khác phản đối âm thầm.

Sáu Phan đã nghĩ đến đối thoại với những người tôi vừa kể trên từ những năm đó thì không thể xem thường ông ta được (Sáu Phan còn sống đó). Trên chính trường, sự im lặng chờ đợi đôi khi cần thiết hơn là sự bộc lộ quan điểm rõ ràng mà sớm quá. Người Phương Tây có câu ngạn ngữ: “Ai nói đúng sớm quá là sai lầm” (Ceux qui ont raison trop tôt, ont tort).

Khi ông Sáu Phan thất sủng, bị khai trừ ra khỏi Đảng vì lý do như thông báo của Đảng Cộng sản Việt Nam đến từng chi bộ, tôi là một trong những người đến thăm ông sớm nhất tại số nhà 14, đường Nguyễn Trãi, Cần Thơ. Ông rất cảm động và còn đưa tôi vào buồng, giới thiệu tôi với bà vợ đang bị bệnh nằm đó: - Đây là anh Khải ở báo *Nhân Dân* đến thăm tôi!

Sáu Phan ít nghe đài, đọc báo là chủ yếu nên cũng như nhiều người, vẫn đinh ninh tôi ở báo *Nhân Dân*. Và chính vì sự nhầm lẫn này đang gây cho tôi nhiều chuyện rất vớ vẩn. Một lần chín giờ đêm rồi, tôi còn được cơ quan mang đến cho một bao thư to, để ngoài người gửi là Văn phòng Chính phủ, người nhận là Lê Phú Khải, địa chỉ báo *Nhân Dân*. Thấy đúng tên mình, tôi bóc thư ra xem thì nội dung đại ý Văn phòng chính phủ đã nhận được đơn của nhà báo Lê Phú Khải,

kiện ông Trương Tấn Sang đã bắt con ông đi nghĩa vụ quân sự không đúng luật, v.v. Tôi biết ngay là người ta lộn tôi với ông Trần Quốc Khải ở báo *Nhân Dân* nên sáng hôm sau tôi phải phóng xe tới 40 Phạm Ngọc Thạch trao trả lại thư cho báo *Nhân Dân*. Đến dịp 30/4/1995, sắp kỷ niệm 20 năm ngày thống nhất đất nước, tôi được cử đi phỏng vấn Chủ tịch TP. HCM Trương Tấn Sang. Cuộc phỏng vấn xong, ông Sang vỗ vai tôi bảo: - Thôi chuyện cũ kiện cáo nhau, bỏ qua nhé! Tôi ngạc nhiên quá và vụt nhớ ra là vụ kiện ông Sang của ông Trần Quốc Khải ở báo *Nhân Dân* mấy năm trước. Vậy là Văn phòng chính phủ cũng gửi cả công văn thông báo vụ kiện cáo đó cho Chủ tịch TP. HCM Trương Tấn Sang. Tôi phải giải thích sự nhầm lẫn này cho ông Sang hay. Cả hai chúng tôi đều cười! Công bằng mà nói, ông Sang là một người tử tế. Nếu ông nhỏ nhen mà thù ghét tôi thì thiếu gì cách để ông “trị” tôi! Chưa hết, một lần tôi xuống một huyện xa của Sóc Trăng công tác, tối đêm rồi còn có người gõ cửa phòng, yêu cầu tôi hoàn trả lại số tiền tạm ứng nhận viết một cuốn tiểu thuyết cho huyện mà đã mấy năm không thấy tiểu thuyết ra đời! Tôi lại biết ngay là nhầm tôi với ông Trần Quốc Khải.

Còn nhiều chuyện rắc rối do ông Trần Quốc Khải, nổi tiếng là “hâm” trong làng báo Việt Nam này gây cho tôi.

Chuyến thăm Sáu Phan vừa bị “tai nạn” chính trị đó, tôi thấy ông tỏ ra không buồn rầu, bi quan gì cả, ông chỉ than phiền: - Tôi chẳng khai báo gì cả, nó vạ cả rằng tôi đây này - ông chỉ vào hàm răng của mình. Nhà thơ Viễn Phương và nhà văn Sơn Nam bị tù và giam cùng xà lim với tôi hai vị đó đều là bạn của Phú Khải, thử hỏi hai người đó xem tôi có

khai không? Viễn Phương viết thư cho anh Mười (Đỗ Mười - LPK) minh oan cho tôi, thư của hắn còn đem ra phường công chứng chữ ký nữa, trước khi gửi đi Hà Nội.

Tôi suýt bật cười khi nghe Sáu Phan nói “đem ra phường công chứng chữ ký”. Ở cái thời buổi “kim tiền” này, người ta đi công chứng chữ ký của các đại ca, đại gia ai mà đi công chứng chữ ký của nhà thơ, vậy nhà thơ có giá thế sao?

Về Sài Gòn rồi, tôi nhận danh chuyên viên của cơ quan, làm giấy mời nhà thơ Viễn Phương đến số 7 Nguyễn Thị Minh Khai, nơi cơ quan tôi đóng để phỏng vấn nhà thơ về tình hình thơ ca miền Nam. Tôi phải “mở ngoặc” nói rõ về cái chức danh “chuyên viên” của tôi. Không hề có chức danh này ở cơ quan báo chí, chỉ có phóng viên, biên tập viên mà thôi. Nhưng vì lúc đó tôi đã 55-56 tuổi, có tên trên nhiều tờ báo của cả nước, là tác giả của hàng chục đầu sách, được mời đi giảng ở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí, lớp trung học, đại học báo chí mà ở cơ quan thì viết một cái tin ngắn cũng phải trình cho cấp phó phòng, trưởng phòng duyệt theo qui chế. Kể ngổ duyệt được thiên hạ bình luận là trình độ “dân phòng”, nên nó chướng quá. Giám đốc cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam tại TP. HCM là Đào Quang Cường lúc đó liền sáng kiến ra chức danh “chuyên viên”. Ông tuyên bố với cơ quan tôi là chuyên viên, làm việc trực tiếp với giám đốc, khi nào giám đốc yêu cầu thì đến, không phải làm việc tám tiếng ở cơ quan. Thế là tôi được ở nhà để “nghiên cứu”!

Phỏng vấn qua loa nhà thơ Viễn Phương, và sau đó không quên gửi ông cái nhuận bút ở mức cao nhất của qui định trả nhuận bút nhà nước ban hành, tôi mới hỏi nhà thơ rất đáng

kính này: - Tôi nghe nói cái thư anh minh oan cho anh Sáu Phan gửi cho ông Đỗ Mười, anh còn cẩn thận đi công chứng chữ ký Viễn Phương phải không? Viễn Phương trừng mắt qua cặp kính trắng nói gọn lỏn: - Có chứ! Có chứ!

Sở dĩ những người như tôi, còn dám "... nán lại cái phút giây cực lực, để sống thêm ít phút nhọc nhằn trên cõi đời ô trọc này..." (Shakespeare) là vì còn những người "ngây thơ" như nhà thơ Viễn Phương. Chắc chắn ông Viễn Phương mà đi buôn bán, kinh doanh thì lại vỡ nợ, vô tù hoặc phải đi trốn nợ như ông Nguyễn Bá và ông Balzac mà thôi!

Từ khi Sáu Phan "về vườn" ở Cần Thơ, tôi thường hay lui tới chơi với ông. Vì thế có lần ông bảo tôi: - Ở cái tỉnh Cần Thơ này, nhiều cán bộ bảo tôi chơi thân với Phú Khải, tôi bảo chúng nó "thì hai thằng ngoài Đảng chơi với nhau là đương nhiên"! (Sáu Phan lúc đó đã bị khai trừ Đảng).

Vậy mà ngày Mừng Hai Tết Quý Tỵ 2013 vừa qua, tôi đến chúc Tết... ông còn than với mọi người có mặt lúc đó tại nhà ông: - Lúc tôi là Ủy viên Bộ Chính trị, tôi bảo Phú Khải để tôi giới thiệu Phú Khải vào Đảng, tôi mà giới thiệu thì chi bộ nào nó chả kết nạp, vậy mà Phú Khải không nghe. Bây giờ vẫn là người ngoài Đảng(!).

Thế đó. Sáu Phan là bi hay hài xin bạn đọc suy xét hộ tôi. Chuyện về Sáu Phan còn dài dòng lắm, nếu tôi là một tiểu thuyết gia, có thể có cả một cuốn truyện bi hài về ông và cả tôi nữa. Ví như cái thư ông gửi cho tôi năm 1995, được đạo diễn Trần Cương ở Đài Truyền hình Việt Nam tự tiện bóc ra, rồi đem đọc cho mọi người nghe, rồi anh ta rêu rao rằng: - Ai đời một ủy viên Bộ Chính trị đương kim mà lại đi nhờ một

thằng ngoài Đảng, ba lằng nhằng như thằng Phú Khải góp ý “nhiều mặt khác cho Đảng”! Cái Đảng này nó đến ngày mặt rỗi. Đi rêu rao chán, rồi anh mới đem lá thư đã bóc trả cho tôi. Tôi bảo anh: - Theo luật thư từ, nếu tôi kiện, anh phải sáu tháng tù giam! Trần Cương lại nhe răng cười! Trong làng báo ở Sài Gòn ai cũng biết, Trần Cương là anh chàng suốt đời bông phèng như thế, dù anh được đào tạo căn cơ ở Liên Xô về báo chí, nói Tiếng Nga như gió. Anh hơn tôi hai tuổi.

Cái thư Sáu Phan gửi cho tôi từ Hà Nội, đầu bưu điện trên bao bì thư đề ngày 15/4/1995 - 10000A, nguyên văn như sau:

“Được anh gửi cho bài nói về 20 năm Đồng bằng Sông Cửu Long, tôi xem thấy hay, chụp gửi cho các anh lãnh đạo và Tiểu ban chuẩn bị văn kiện đại hội 8.

Rất cần được anh góp ý nhiều mặt khác cho Đảng.

Chúc anh, gia đình, bạn bè khỏe mạnh. Thân mến.”

Ký tên Sáu Phan.

Cái bài nói về “20 năm Đồng bằng sông Cửu Long” như Sáu Phan nhắc đến nó trong thư, tôi đã đưa báo *Sài Gòn Giải Phóng* đăng dịp 30/4/1995 trong hai số báo ngày 18/4/1995 và 19/4/1995.

Cũng như quan hệ với ông Sáu Kiệt, tôi đi lại với Sáu Phan là nhằm tìm hiểu những vấn đề của Đồng bằng sông Cửu Long mà hai ông đều là những cuốn từ điển sống về vùng quê sông nước này.

Vời đại đa số nhân dân và những người ngoài Đảng như tôi thì những đấu đá quyền lực nội bộ trong Đảng, người ta ít quan tâm. Vấn đề tôi quan tâm là những người lãnh đạo của

đảng cầm quyền khi ở vị trí cao nhất, họ có quan điểm thế nào? Sẽ dẫn dắt đất nước đi về đâu? Nhân dân sẽ được lợi gì trong những chính sách họ ban hành ra? Xét từ tiêu chí đó thì việc đánh giá cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Hà Phan còn bỏ ngỏ. Vì ông chưa được “làm việc” như ông đã nói với tôi. Còn những người đã được đảng cầm quyền giao việc, giao nhiệm vụ thì nhân dân đã rõ(!).

Nguyễn Hà Phan
Hà Nội, ngày 15/4/1995
Kính gửi: Ông Lê Phú Thái²
Số 7 Ngõ 141 Khe Xá
Q. 1 TP HCM
Được anh gọi cho buổi nói về 20 năm
ĐBSCH, tác xam thay lạy, chắp gối
cho các anh luôn đơm và trái bom chấu
bì và luôn trỗi dậy.
Rồi còn được anh gọi 1 chiếc máy
khác cho tăng.
Chúc anh, gia đình; hạnh phúc và
Thân mến
6Phan

Thủ bút của Nguyễn Hà Phan

Quảng Châu - Thâm Quyển - Hong Kong - Macau... và cuộc thử nghiệm về tiền nhuận bút cho một chuyến đi

Ngày 1/7/1997, Hong Kong sẽ được trao trả về cho Trung Quốc. Đây là một đề tài hấp dẫn mà báo chí ở TP. HCM rất đỗi tin tức, bài vở, hình ảnh... thời sự về Hong Kong (nơi được coi là nhiều đầu mối tin tức nhất thế giới). Đã hơn mười năm từ ngày “đổi mới” (1986), trên thực tế Việt Nam chỉ đổi mới một phần về kinh tế như cho các thành phần kinh tế tư nhân được hoạt động, kinh tế quốc doanh vẫn nắm cái chủ chốt... còn các mặt khác của đời sống xã hội vẫn như cũ. Với báo chí thì là số không. Không hề có báo tư nhân. Báo quốc doanh thì các nhà báo chỉ là một anh viên chức ăn lương tháng để viết tin, bài. Một sự kiện như Hong Kong được giao về cho Trung Quốc thì các báo chỉ chờ dịch tin, bài của báo chí nước ngoài (biên tập lại). Hầu như không có báo, đài nào cử phóng viên tận nơi quan sát để viết tin bài. Chế độ trả nhuận bút của các báo, đài chỉ có tính chất tượng trưng, và trả theo... số lượng chữ của bài báo, không trả theo chất lượng tin, bài. Nếu có ông to, bà lớn nào viết bài cho đài báo thì các Tổng Biên tập nịnh khéo quan trên, sẽ trả một số tiền lớn hơn nhiều so với các bài khác. Vì thế, có ông cứ tưởng nhuận bút như thế thì các nhà báo sống khỏe. Có lần Thứ trưởng Bộ Thủy lợi Nguyễn Giới viết một bài cho một tờ tạp chí trong ngành của ông, lúc lãnh nhuận bút ông thấy những một triệu đồng (vào đầu những năm 90), lớn quá, ông không nhận. Sau này ông tâm sự với tôi: - Mình nghĩ là họ hối lộ một cách tế nhị nên từ chối! Nhưng ông thứ trưởng như Nguyễn Giới tôi biết là có thật và chỉ có vào thời điểm ấy. Bây giờ, chạy một

chân Thứ trưởng phải cả chục tỷ đồng thì có trả nhuận bút bằng một cái xe Toyota đời mới họ vẫn chê ít(!).

Xét một cách toàn diện, kể cả chế độ trả nhuận bút, Việt Nam vẫn chưa có báo chí đúng nghĩa của nó. Năm 1994, tôi bỏ tiền túi ra đi Điện Biên Phủ, lúc về viết hàng chục cái tin, bài, phóng sự ảnh... cho nhiều số báo của báo *Sài Gòn Giải Phóng* ra hàng ngày và Tuần san *Sài Gòn Giải Phóng Thứ 7* cùng nhiều báo khác nữa ở Đồng bằng sông Cửu Long... nhưng nhuận bút lãnh về cũng chưa đủ chi phí cho chuyến đi Điện Biên Phủ. Tiền vé máy bay từ Sài Gòn ra Hà Nội, rồi từ Hà Nội lên Điện Biên, tiền ăn ở khách sạn, mua phim ảnh, rồi quay về lại Sài Gòn.

Vậy mà đầu năm 1997, tôi lại quyết định bỏ tiền túi để đi Hong Kong với tham vọng viết được những tin, bài, ảnh nóng hổi cho báo chí thành phố sôi động này nhưng lại đói tin tức dịp Hong Kong được trả về Trung Quốc.

Tôi đi theo tour của Công ty Du lịch V.Y.C (Travel Company TPHCM). Lịch trình của tour này là từ Sài Gòn đi Quảng Châu, Thẩm Quyển, Hong Kong, Macau rồi lại trở về Quảng Châu, Sài Gòn. Tất cả là tám ngày. Những ngày ở Trung Quốc tôi dưỡng sức, nằm nhà nghỉ, dành toàn bộ sức lực để làm việc trong hai ngày ở Hong Kong. Tôi tách đoàn, đi chụp hình ở các chợ, đường phố, tìm gặp Việt Kiều để hỏi chuyện, phỏng vấn các nhân viên ở khách sạn qua phiên dịch là anh hướng dẫn viên của VYC. Chuyến đi này thấy tôi là nhà báo nên đoàn bầu làm trưởng đoàn, được ngủ cùng phòng với hướng dẫn viên nên cũng thuận tiện khai thác tư liệu. Tôi gom tất cả các báo hàng ngày bằng Tiếng Hoa và Tiếng Anh

ở khách sạn được phát không...để về nhà nhờ bạn bè dịch, khai thác tư liệu...

Kể từ đầu năm 1997, nhất là gần đến ngày 1/7 năm đó, tin bài, phóng sự, phóng sự ảnh của tôi về Trung Quốc và Hong Kong liên tục xuất hiện trên các báo... vậy mà, tiền nhuận bút thu về cũng không đủ chi phí cho chuyến đi hơn một ngàn đôla Mỹ. Có thể nói tôi là nhà báo đầu tiên ở Việt Nam đã làm một cuộc thử nghiệm điều tra về chế độ nhuận bút hiện hành ở Việt Nam lúc đó với bài toán “tự đầu tư - tự trang trải”. Và, tôi đi đến kết luận: nhà báo Việt Nam không thể sống bằng nhuận bút như nhà báo ở các nước tự do khác. Nhà báo ở Việt Nam vẫn là các công chức ăn lương tháng, đi đâu thì ăn nhờ ở đậu nhà khách các địa phương, viết theo lời cán bộ địa phương nói. Rời cái bầu vú bao cấp ấy ra là chết liền. Sau này, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh thì cái quái thai này sinh ra các tờ báo sống chủ yếu bằng quảng cáo, đi chạy quảng cáo để ăn phần trăm. Một số nhà báo giàu tấn lên, tậu được xe hơi, nhà lầu thì chủ yếu là đi dọa dẫm các doanh nghiệp, tổng tiền các đại gia vì họ sợ bị vu khống, bị bôi mớ các bí mật trốn thuế của họ. Nếu họ bị vu oan thì không được dính chính. Nếu buộc phải dính chính thì chỉ được vài dòng lí nhí ở trang tư, còn khi vu cáo họ thì đem lên trang nhất. Tôi sẽ còn nói nhiều về thực trạng này ở phần sau. Hiện tôi còn giữ đến 3kg biên lai nhuận bút (dù chỉ là một phần nhỏ lưu giữ được) của gần 30 năm làm báo “lề phải”. Ví dụ: phiếu trả nhuận bút của báo *Lao Động*, bài và ảnh 15.000 đồng, đề ngày 15/5/1990. Báo *Tuổi Tr* : 20.000 đồng, đề ngày 4/8/1990. Báo *Nhân Dân* đăng bài và ảnh về

huyện Cao Lãnh: 150.000 đồng, đề ngày 5/1/1999. Báo *Sài Gòn Giải Phóng*: 700.000 đồng , ngày 28/11/2004 nhưng phải trừ thuế thu nhập cá nhân 10%, còn 630.000 đồng. Nếu bạn sinh viên khoa báo chí nào cần viết luận văn về đề tài nhuận bút báo chí ở Việt Nam qua các thời kỳ, tôi xin tặng 3kg hóa đơn chi trả nhuận bút này làm tài liệu nghiên cứu. Nhưng tất cả các nhuận bút đó cũng không “cứu” được tôi nếu không được lãnh lương tháng ở Cơ quan Đài Tiếng nói Việt Nam. Đó mới là thực chất bi hài của cái gọi là nhà báo ở Việt Nam: nhà báo ăn lương của Đảng.

Của đáng tội bù lại chuyển đi viết về một sự kiện mà nhuận bút không bù được chi phí cho chuyến đi đó, tôi được “lời” là được “cưỡi ngựa xem hoa” , được tận mắt xem hai bông hoa của tư bản “giấy chết” là Hong Kong thuộc Anh và Macau thuộc Bồ Đào Nha.

Từ lục địa Trung Hoa, qua Hong Kong và từ Macau về lại Quảng Đông (Trung Quốc) đều phải làm thủ tục xuất nhập cảnh vì Hong Kong là của Anh, Macau là của Bồ Đào Nha như đã nói ở trên. Chỉ riêng làm thủ tục xuất nhập cảnh ở các cửa khẩu thôi cũng thấy được sự thối nát, trì trệ của bộ máy nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Nó không khác gì ở Việt Nam. Các nhân viên an ninh và hải quan của Trung Quốc như những con quái vật. Họ vừa làm việc vừa nói chuyện bả lả với nhau, nhìn khách du lịch như muốn ăn thịt người ta. Khi từ sân bay Bạch Vân xuống, đóng dấu vào hộ chiếu của tôi thì vì vừa nói chuyện riêng vừa làm việc nên họ đóng nhầm dấu... Qua trạm thứ hai thì cậu hướng dẫn viên của VYC phải đưa tôi quay lại để đóng dấu lại và họ

phải đóng dấu áp lai vào giữa hai dấu đã đóng đó. Nhưng đã có dấu áp lai rồi tôi vẫn luôn bị hoanh hộc khi qua các cửa khẩu. Chưa hết, khi từ Macau về lại Quảng Đông, qua cửa khẩu của thành phố Chu Hải, hướng dẫn viên VYC cầm một xấp 12 cái hộ chiếu để đóng dấu nhập cảnh, nhưng vừa làm việc vừa nói chuyện riêng với người ngồi bên cạnh, cô nhân viên an ninh bỏ sót hộ chiếu của tôi không đóng dấu. Thế là đến ngày về tôi bị gạt lại không cho ra sân bay vì thiếu một cái dấu nhập cảnh từ Macau vào lại Quảng Đông. Cô nhân viên du lịch TP Quảng Châu, công ty liên kết với du lịch VYC trình bày đến rõ bọt mép với công an cửa khẩu là chúng tôi đi một đoàn du lịch, có danh sách đoàn đi do tôi là trưởng đoàn, yêu cầu họ chỉ gọi một cú điện thoại về cửa khẩu Chu Hải để xác minh là đoàn đã vào lại lục địa ngày giờ ấy... Nhưng bọn công an cửa khẩu chỉ đứng cười... Cuối cùng là tôi và cả anh nhân viên của VYC và cô nhân viên du lịch của Quảng Châu phải thuê xe đi hàng trăm cây số về lại Chu Hải để xin một cái dấu. Đến nơi, bật vi tính lên, họ thấy tôi có tên trong danh sách nhập lại Chu Hải nhưng... quên chưa đóng dấu vào hộ chiếu. Họ đóng dấu lại và thản nhiên không một lời xin lỗi. Chúng tôi phải tá túc lại Quảng Châu ba ngày nữa để chờ máy bay về. Khi về, qua cửa khẩu, lại bị họ hoanh hộc vì sao hộ chiếu nhiều dấu đóng thế? Ngày về sao lại không đúng với giấy phép của chuyến đi du lịch? V.v. và v.v.

Nhìn những gương mặt của công an cửa khẩu, nhân viên hải quan Trung Quốc, tôi thấm thía đến từng lỗ chân lông sự “ưu việt” của chính quyền công-nông, của Đảng Công sản Trung Quốc. Trái lại, từ lúc đặt chân lên Hong Kong thì mọi

sự khác hẳn, các nhân viên khách sạn nơi chúng tôi ở đưa hành lý cho khách đến từng phòng, lễ độ và vui vẻ hết sức. Phỏng vấn ai họ cũng vui vẻ trả lời. Cuốn sổ tay của tôi ghi kín hai ngày ở Hong Kong.

Hong Kong là trung tâm giao dịch tài chính lớn của thế giới thì ai cũng biết, nhưng đây còn là một thị trường thông tin, tin tức lớn nhất thế giới. Ở đây, mỗi buổi sáng ngủ dậy anh có thể biết ngay những gì mới xảy ra trong đêm hôm qua cho đến lúc anh tỉnh dậy. Những cuốn sách lớn mới ra lò, kể cả những cuốn tiểu thuyết ăn khách nhất thế giới cũng được người ta tóm tắt ngay nội dung để chào bán cho anh. Nếu có tiền ở Hong Kong người ta có thể mua được tất cả mọi tin tức trên thế giới. Có cả những “hãng” sản xuất ra thứ hàng hóa thông tin này để bán cho anh đặt mua hàng tháng hay hàng ngày. Vì thế các hãng thông tấn lớn trên thế giới đều đặt phóng viên thường trú tại đây. Mật độ nhà báo thế giới ở đây thuộc vào loại cao nhất. Chính người chú ruột của tôi là nhà báo Lê Phú Hào đã chờ đợi nhiều thời gian để Thông tấn xã Việt Nam xin đặt ông thường trú tại đây nhưng không được. Cuối cùng, vào những năm 60, ông phải từ Bắc Kinh qua Alger (Algeria) để thường trú và sau đó qua Paris làm phiên dịch Tiếng Anh cho Lê Đức Thọ tại hòa đàm Paris.

Nếu ai hỏi tôi ấn tượng nào mạnh nhất khi ở Hong Kong thì tôi nói ngay là dịch vụ ăn uống. Buổi sáng, cả Hong Kong ăn sáng rào rào. Có nhà hàng nổi ở Hong Kong có thể tiếp 3.000 thực khách một lúc. Vào một cửa hàng ăn sáng ở Hong Kong thấy nó rộng như một sân vận động và được giăng đèn, kết hoa đỏ đến nhức mắt. Các nhân viên chạy bàn 100% là

thanh niên. Phụ nữ không đủ sức làm công việc nặng nhọc này. Tôi vừa thấy một tốp khách chừng hơn mười người ăn sáng xong đứng dậy thì lập tức bốn nhân viên chạy bàn lao tới cầm bốn góc khăn trải bàn nhấc bổng lên rồi túm 4 đầu khăn lại, bát đĩa kêu loảng xoảng bên trong... Họ vứt cái đồng bát đĩa ấy lên một cái xe đẩy và lập tức trải ngay khăn trải bàn mới, bát đĩa mới được bày ra, xe đẩy thức ăn lăn tới... Thế là bắt đầu cho một tốp ăn khác... Nhanh như điện. Tính chuyên nghiệp của các dịch vụ ở Hong Kong thật cao.

Ở Macau thì mỗi khách sạn đều để lầu 1 làm sòng bạc (casino). Chiều Thứ 7, dân Hong Kong lũ lượt đi phà qua một eo biển rộng 70km để sang Macau đánh bạc. Tiếng là đi phà nhưng cái phà này còn sang hơn cả máy bay. Nhưng vì nó chạy tốc độ quá nhanh và biển lại sóng lớn nên nhiều hành khách nôn mửa vì say sóng. Có điều lạ, các sòng bạc ở Macau đa số là phụ nữ chơi bạc. Các bà, các cô sát phạt nhau trong những căn phòng rất rộng và im lặng trật tự. Tôi đã đổi 100 đôla Mỹ để thử vận hội nhưng chỉ biết quay lô tô, và... thua sạch. Các hình thức chơi bạc rất đa dạng. Tôi đã ghi chép đủ các loại hình này để viết được một phóng sự “đánh bạc ở Macau” sau này. Có điều là, tuyệt đối người ta không cho chụp hình trong các sòng bạc. Các cô gái Đông Âu, Ba Lan, Tiệp Khắc, Bulgaria dạt sang Macau làm nghề mại dâm và múa sexy thời điểm đó rất nhộn nhịp... Trò đời, cái rủi bao giờ cũng đi liền với cái may. Nhờ phải ở lại Lãnh sự quán ta tại Quảng Châu, tôi lại làm quen được với ông Tổng Lãnh sự. Ông là người Thái Bình, từng học ở Trung Quốc, có máu mê văn nghệ. Trên bàn của ông có hàng xấp báo *Văn Ngh*

của Hội Nhà văn. Khi biết tôi là nhà báo, lại biết được tên... ông vui vẻ bắt tay tác giả của nhiều bài bút ký về Đồng bằng sông Cửu Long ký tên tôi. Ba ngày ở lại Quảng Châu thật không uống. Tôi thu thập được nhiều thông tin về thành phố này và Hong Kong qua ông Tổng Lãnh sự. Tôi còn lê la gặp được nhiều Việt Kiều đến xin giấy tờ tại Lãnh sự quán ta. Có một “cặp” nam nữ Việt Kiều trên 50 tuổi. Ngày nào tôi cũng thấy họ đến rửa tách chén, lau nhà cho tòa Lãnh sự. Hỏi ra mới biết đó là hai anh em ruột lưu lạc sang Quảng Châu đã mấy chục năm. Cả anh và em đều lấy chồng lấy vợ người bản xứ, nhưng vì nhớ quê hương nên ngày nào cũng đến Lãnh sự quán Việt Nam lau sàn, dọn dẹp... như làm việc nhà. Tôi lần la hỏi, được biết con cái họ đã lớn, không nói sõi Tiếng Việt, nhưng chúng đã từng về Quảng Ninh tìm họ hàng, dầu chưa gặp. Có đưa còn vào tận Sài Gòn để tìm. Thế mới biết, cái tình quê hương xứ sở của người Việt ta thật sâu nặng...

Người kéo nhị ở quận 19 thành Paris

Chiếc máy bay hành khách cỡ lớn số hiệu AF255 sau 12 giờ bay liên tục từ Singapore nặng nề hạ cánh xuống sân bay Charles De Gaulle. Đồng hồ chỉ 6 giờ 20 phút sáng (9.2.2001). Mưa nặng hạt. Nước chảy ròng ròng bên ngoài mặt kính ô cửa sổ máy bay. Hành khách được thông báo ngoài trời lúc này là 5độ C. Lấy được hành lý rồi, tôi ngồi ngay lên hành lý của mình để nghỉ sau chuyến bay dài mệt nhọc. Ngồi nghỉ ngay giữa những dòng người tay xách, nách mang, đi lại tất bật trước mặt mình, bỗng dưng tôi nghĩ đến cái ông tướng được lấy tên đặt cho đến hai cái sân bay vào loại lớn nhất thế giới (Charles De Gaulle I và II). Với người Pháp, tướng De Gaulle và sau này là Tổng thống De Gaulle (1958-1969) là bậc anh hùng cái thế. Các sử gia Pháp không ngần ngại gọi ông là “con người chói lọi nhất nước Pháp”. Ông có tính kiêu ngạo bẩm sinh. Cái “đức tính” đó được nhân lên cùng với thời gian của một con người ý thức được khả năng, vai trò cũng như cống hiến của mình đối với đất nước (Phan Quang). Người Pháp luôn nhớ những câu nói kiêu hùng của ông: “Tôi được sự ủy nhiệm của nước Pháp”, “Tôi căng đáng nước Pháp”, “Tôi là nước Pháp”, “nước Pháp ấy là tôi”!... Nhưng lịch sử thật trớ trêu. Một con người có thể là anh hùng cái thế với dân tộc này, lại có thể là kẻ thù của một dân tộc khác. Đối với tôi chẳng hạn, kẻ đang ngồi suy tưởng lúc này thì De Gaulle chỉ là một tên thực dân ngoan cố không hơn không kém. Vì sao vậy? Đơn giản vì tôi là một người Việt Nam. Trong Thế chiến II, Pháp thua Đức ngay từ đầu. Mùa hè năm 1940, quân Đức kéo vào, Paris bỏ ngõ.

Tổng thống Albert Lebrun trao quyền cho Thống chế Pétain, ông này đầu hàng Đức. De Gaulle bay sang Anh kêu gọi kháng chiến qua đài BBC. Ấy vậy mà khi Thế chiến II còn chưa kết thúc, chính De Gaulle đã chỉ thị phải chuẩn bị những con tàu đem quân viễn chinh sang tái chiếm Việt Nam kịp thời! Chính vì thế mà Tết Giáp Thân 1944 cụ Hồ đã công bố bức thư ngỏ: *Trả lời cho bọn De Gaulle!*... Mãi suy nghĩ, tôi không hay những người ra đón đang đứng trước mặt tôi. Bầu trời xám xịt, mưa tầm tã và rét đến buốt xương. Trên đường vào Paris, xe hơi phủ kín mặt lộ...

Vậy là tôi đang đi giữa Paris, cái thành phố mà từ tuổi nhỏ đã được nghe ông nội tôi kể về nó, khi cụ cùng phái đoàn của Vua Khải Định sang Pháp dự Hội chợ Triển lãm Thuộc địa Marseille năm 1922.

Sở dĩ tôi có được chuyến đi này là do sự can thiệp của Cố vấn Ban Chấp hành trung ương Võ Văn Kiệt, một việc có tính ngẫu nhiên. Mà xét ra thì cuộc đời con người ta đa phần là do sự ngẫu nhiên tạo nên. Hôm đó, tôi đang ngồi nhà “nghiên cứu” theo chức năng “chuyên viên”, bỗng nhận được điện thoại (bàn) của giám đốc Cường, mời lên cơ quan có “việc gấp”! Tôi định không đi vì ông này hay kêu tôi lên cơ quan để nhậu buổi trưa cho vui, với những cú điện “lên gấp” có việc! Nhưng linh tính báo cho tôi hôm ấy phải đi. Lên đến nơi, ông đưa cho tôi một số điện thoại di động ghi trên một mẫu giấy nhỏ, bảo tôi liên hệ với số điện thoại đó để hẹn gặp Cố vấn Võ Văn Kiệt, vì ông Sáu Dân (tức ông Kiệt) vừa gọi điện ra Hà Nội, bảo với Trần Mai Hạnh (Tổng giám đốc Đài), muốn gặp Lê Phú Khải. Sau đó tôi được biết số điện thoại di động đó là

của Vũ Đức Đàm, trợ lý của ông Sáu Kiệt lúc đó. Tôi bảo với “sếp” Cường: - Chẳng cần liên hệ, hẹn hò gì, đầu giờ chiều nay, trên đường về nhà tôi sẽ ghé ông Sáu.

Đúng 2 giờ chiều hôm đó, tôi có mặt ở 16 Tú Xương. Thấy tôi ông Kiệt nói: - Nghe Phú Khải nhiều rồi, hôm nay muốn Phú Khải nghe tôi có được không? (nghe trên Đài - LPK). Tôi vui vẻ nói: - “Sếp” đã nói thế thì còn cách nào hơn! Sau đó tôi lấy giấy bút ra... và cuộc làm việc kéo dài một tiếng đồng hồ bắt đầu... Đại để là, sau một đêm ông Sáu Kiệt ngủ lại trang trại nông dân Võ Quang Huy ở Đức Hòa, Long An, ven cùng Đồng Tháp Mười, anh Huy đã đại diện cho sáu hộ nông dân nhận đất để khai hoang 200ha với thời hạn 20 năm. Các hộ đã đào kênh, đắp đê bao chống lũ, lên liếp rửa phèn và trồng được 113ha mía... Sáng sớm hôm sau trên đường về TP. HCM, ông nghe radio trên xe hơi thấy có phát bài viết của tôi trên buổi Thời sự sáng của Đài Tiếng nói Việt Nam (16/9/1998). Bài đó có nhan đề “Kinh tế Trang trại ở ĐBSCL”, trong bài có nói đến trang trại của nông dân Quang Huy đang trồng 113ha mía, vì thế ông muốn gặp tác giả của bài viết để trao đổi (bài viết này cuối năm 1998 tôi đã được giải Báo chí toàn quốc). Số là, năm 1998, đang có một cuộc tranh luận sôi nổi về kinh tế trang trại ở Việt Nam, nhất là vấn đề hạn điền. Trong lúc cố vấn Lê Đức Anh phê phán nặng nề tỉnh Long An cho tư nhân thuê hàng ngàn hecta trong vùng hoang hóa thuộc huyện Thủ Thừa vùng Đồng Tháp Mười thì cố vấn Võ Văn Kiệt lại vào tận nơi thăm trang trại Tân Thanh của bà Bé Hai, tức Nguyễn Thị Thiển ở 164 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, quận 7, TP. HCM. Bà đang thuê 2.000ha

đất của Long An để khai phá. Cố vấn Võ Văn Kiệt tán thành bài viết về trang trại ở Đồng bằng sông Cửu Long vừa mới phát hôm đó trên Đài Tiếng nói Việt Nam. Và, trong buổi làm việc này, ý kiến của ông là, xưa kia ruộng đất là lá bùa hộ mệnh của cách mạng đối với nông dân, nay tình thế đã thay đổi, có ruộng mà không đủ vốn, đủ trình độ canh tác thì lỗ vốn, đói nghèo vẫn hoàn đói nghèo. Nay đã là kinh tế thị trường thì tích tụ ruộng đất là điều tất yếu, nông dân có thể làm thuê cho chủ trang trại mà vẫn có ăn là được. Ông còn nói giỡn: - Tôi có hai thằng cháu ở quê, lần nào về quê cũng đi tìm thằng bóc lột hộ nó mà chẳng ai bóc lột cho... vẫn thất nghiệp dài dài...

Kêu tôi đến để ông “thuyết giáo” tư tưởng đó của mình và động viên tôi vào tìm hiểu nông trại Tân Thanh... Ông còn nói vui: - Phú Khải nên đi, bà Bé Hai đang cô đơn trong đó (sau này tôi mới biết chị Bé Hai lúc đó chưa có gia đình). Làm việc xong, uống trà, trước khi tôi về, ông Sáu còn hỏi tôi: - Phú Khải có nguyện vọng gì không? Tôi đắn đo rồi nói: - Tôi có ông chú ruột là nhà báo Lê Phú Hào ở Paris, chuyện về ông ấy ông Sáu cũng biết cả! Nay chú tôi đã 80 tuổi, gần đất xa trời, chú tôi chỉ muốn gặp tôi, thằng cháu đích tôn của dòng họ, và tôi cũng muốn gặp chú tôi trước lúc ông ấy đi xa, vì hiện ông đang đau yếu lắm! Nghe tôi nói, ông Sáu Kiệt bảo: - Lúc tôi là Thủ tướng, sao Phú Khải không nói, tôi cho đi cùng... Tôi nói, lúc ông Sáu làm Thủ tướng thì đâu có thời gian rảnh rồi ngồi đàm đạo thế này mà tôi được trình bày nguyện vọng. Nghe xong ông Sáu Kiệt nói: - Thôi, để tôi nói với Trần Mai Hạnh, xếp Phú Khải trong đoàn đi công tác...

Vài ngày sau, “sếp” Cường nói với tôi, ông Hạnh điện vô, nói đã nhận được điện của ông Sáu Dân, Hạnh hứa thế nào cũng để ông đi Pháp một chuyến thăm ông chú...

Đợi đến hai năm, có biết bao nhiêu đoàn đi Pháp của Đài nhưng Hạnh chỉ xếp tay chân của y đi tháp tùng để hầu hạ... không hề có tên tôi. Đợi khi Hạnh vô Sài Gòn, tôi đến tận khách sạn ông ta ở và nói: - Anh có trăm công ngàn việc, làm sao nhớ được lời ông Sáu Dân, vậy tôi có đơn đây, anh ký cho tôi đi Pháp tự túc để thăm ông chú tôi, ông ấy yếu lắm rồi! Hạnh nói: - Vấn đề nhân văn! Đưa đơn đây cho tôi. Vậy mà đơn của tôi lại được chuyển cho phó tổng giám đốc Đài là bà Kim Cúc ký... chuyển qua A 18 Bộ Công an duyệt... Mãi đến đầu năm 2001 tôi mới đi Paris được.

Đón tôi tại sân bay Charles De Gaulle có hai phóng viên của Đài Tiếng nói Việt Nam thường trú tại Paris, một là anh Thâu, thực chất là người của bên công an đưa sang làm trưởng và anh Hải ở Ban Đối ngoại của Đài sang làm thường trú. Cả hai anh đều thạo Tiếng Pháp. Ra sân bay còn có ông chú tôi nữa.

Lúc đi, cơ quan bảo tôi tới Paris thì về cơ quan thường trú, đi đâu xe đưa đi, anh em sẽ đưa tôi đến gặp ông chú tôi. Tôi cứ gật đầu. Nhưng khi có cả ba người đến đón, tôi tuyên bố ngay: - Về nhà ông chú tôi ở, không về cơ quan. Cực chẳng đã, anh Thâu phải đưa tôi về nhà ông chú tôi ở 5 Passa de Thionville, quận 19. Các anh Thâu và Hải đều rất hòa nhã, lịch sự. Khi về đến căn hộ chung cư ở đường Thionville, bà thím tôi, người vợ ngoài giá thú của chú tôi ở Paris đã ôm lấy tôi, nói trong nghẹn ngào: - Chú Hào anh mong anh sang lắm,

ông ấy đi xin giấy bảo lãnh cho anh tới lui cả tháng nay...

Có thể nói, cuộc đời Lê Phú Hào, chú ruột của tôi, là một điển hình bi kịch của lớp thanh niên trí thức, xuất thân trong gia đình tầng lớp trung lưu của đất Hà Thành, đi theo cách mạng và nếm trải tất cả những cay đắng của một cuộc cách mạng được nhân danh của giai cấp vô sản!

Ông nội tôi sinh được năm người con trai, bố tôi là trưởng, Lê Phú Hào là út. Trong năm người con trai và một bà chị cả, chỉ có Lê Phú Hào là đỗ được bằng tú tài toàn phần trước cách mạng Tháng Tám và làm thư ký ở Phủ Toàn quyền Đông Dương nơi ông bố từng làm. Là một thanh niên Hà Nội, hào hoa phong nhã, chơi được nhiều môn thể thao, kể cả đấu võ, chơi được nhiều nhạc cụ đến trình độ làm chef d'orchestre cho các bar nhảy đầm vào các tối để lấy tiền ăn học thời kinh tế khủng hoảng.

Ông lọt vào mắt xanh một cô đầm lai bố Pháp, mẹ Việt ở cùng phố, có tên là Clément. Đó cũng là tên của ông sau này nhập quốc tịch Pháp - Clément Phu. Họ yêu nhau đến mức sắp thành hôn thì cách mạng bùng nổ. Theo tiếng gọi của núi sông, Lê Phú Hào lao vào cuộc kháng chiến chống Pháp tái chiếm Việt Nam “người ra đi đầu không ngoảnh lại” (Nguyễn Đình Thi)... với cô người yêu mang dòng máu kẻ thù xâm lược! Ông theo người anh của mình là tướng Lê Hữu Qua, làm trong ngành an ninh của chính phủ kháng chiến.

Có lần ông kể, lúc mới ra đi chú còn xách theo cả cây đàn violon đựng trong cái vỏ gỗ sơn đen to kênh cang. Du kích chặn đường, tưởng cái hộp đựng đàn là hộp đựng súng nên bắt giữ, chú nói là hộp đàn, họ trừng mắt bắt mở hộp gỗ ra

cho xem. Mở hộp rồi, thấy cây đàn violon họ vẫn tưởng là thứ vũ khí gì đó... vì chưa nhìn thấy thứ này bao giờ. Có người còn quát: - Có chối nữa không! Nhanh trí, chú lấy cây đàn ra kéo bài Quốc ca “Đoàn quân Việt Nam đi...c hung lòng cứu quốc...”, thế họ mới tin, cho đi. Có anh còn mắng, đi kháng chiến mà còn đàn với sáo!

Như có linh tính cho cuộc đời mình, có lần ở Bắc Kinh về phép, lúc đó tôi cũng vừa tốt nghiệp lớp 10 phổ thông, ông đưa tôi đi bơi thuyền trên Hồ Tây và tâm sự: - Tên chú có ba chữ Lê Phú Hào thì người ta đã “đào tận gốc, chóc tận rễ” mất hai chữ rồi còn gì nữa! (tức chữ “Phú” và chữ “Hào” trong khẩu hiệu: “Trí phú đại hào, đào tận gốc, chóc tận rễ”). Quả sau này không sai!

Năm 1950, ở Chí Chủ, Phú Thọ, nơi gia đình tôi tản cư kháng chiến chống Pháp, một hôm ông về nhà thăm ông bà nội tôi, rồi hỏi vay mẹ tôi một chỉ vàng, ông nói là để bán đi lấy tiền theo một khóa học dài. Sau này mẹ tôi kể lại: - Khi đưa cho chú Năm (tức Hào) cái nhẫn một chỉ vàng, tao nói, tôi biếu chú để chú theo học cho thành tài, sau này chú giúp đỡ cho thằng Khải, đưa con trai duy nhất của tôi. Sở dĩ mẹ tôi nói thế vì biết bố tôi là người ăn chơi, có đồng nào ăn hết đồng đó, không thể là chỗ dựa cho tương lai của tôi. Lúc đó, mẹ tôi là chủ một hãng thuốc lá bán rất chạy và có tiền. Lúc lên đường, mẹ tôi còn làm cho ông (Hào) 1 ký ruốc (miền Nam gọi là chà bông) để ăn đường. Mẹ tôi kể, ruốc làm rất mặn nhưng chú ấy còn bốc một nắm muối to bỏ vào chảo ruốc tao đang xào, rõ thật khổ!

Quả thật sau này chú Năm rất thương tôi, mỗi lần ở Trung

Quốc về nghỉ phép, ông đều đem cho tôi một bị quần áo cũ. Có những bộ quần áo đại cán may theo kiểu Tôn Trung Sơn, túi dưới may lộ ra bên ngoài, người ta gọi là “túi bị”. Khi tôi mặc đi dạy học, học trò kêu là thầy mặc áo trái!

Về cái lớp mà chú tôi theo học, đầu đuôi thế này, đến năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đã qua giai đoạn phòng ngự - cầm cự. Cụ Hồ và trung ương Đảng muốn “dứt điểm” quân Pháp bằng thế phản công. Nhưng muốn phản công phải có súng lớn. Liên Xô, thông qua Trung Quốc giúp ta súng lớn như pháo, cao xạ pháo, nhưng muốn bắn được pháo theo đường vòng cung (parabole) thì phải sang Trung Quốc học. Muốn sang Trung Quốc học bắn pháo thì phải biết tiếng Trung. Một vị giáo sư Trung Quốc được cử sang Việt Nam dạy các sỹ quan ta học tiếng Trung nhưng ông ta lại chỉ biết tiếng Anh. Vậy là phải cần những cán bộ Việt Nam biết tiếng Anh để học tiếng Trung qua tiếng Anh. Chính phủ kháng chiến đã phải tìm kiếm vất vả, và người biết tiếng Anh thành thạo có thể học tiếng Trung bằng cách ấy chính là Lê Phú Hào. Trước khi đi học ông đã về Chí Chủ nhờ mẹ tôi giúp ít tiền để đi học lớp dài hạn này là vậy.

Sau một thời gian học, Lê Phú Hào trở thành Hiệu trưởng trường Hoa Văn ở Việt Bắc, chuyên dạy các sỹ quan tiếng Trung để sang Trung Quốc học bắn pháo và nhận pháo về.

Ông kể: - Trong kháng chiến chống Pháp, hai phần ba thời gian là dành để đi bộ. Chú đã nhiều lần gặp ông Hồ nhưng trong những hoàn cảnh thật bất ngờ và chỉ gặp, không nói được câu gì. Một lần chú đang đeo ba lô nặng, đi trên một bờ ruộng nhỏ để băng qua một cánh đồng. Đang đi, ngừng mặt

lên thấy một người đang cười ngửa, đi ngược chiều với mình. Chú nghĩ trong bụng, mình thì đeo ba lô đi bộ, tay kia thì cười ngửa, biết ai sẽ phải nhường ai đi đây?... Đi được một lúc, ngược lên thấy người đi ngửa kia đã rẽ sang một bờ ruộng bên để nhường đường. Chú lại nghĩ, tay này cũng biết điều đấy. Đến khi giáp mặt, chú nhìn thì hóa ra ông Hồ. Ông ta lên tiếng: - Chú đeo ba lô có nặng không? Bất ngờ quá, chú chỉ kịp gật đầu rồi đi tiếp, không nói được câu gì... Một lần khác, khi đang dạy học trong lớp Hoa văn, đi xuống cuối lớp, bỗng thấy ông Hồ ngồi dự ở cuối lớp từ bao giờ không hay. Đến hết giờ, ông ấy nói: - Chú dạy tốt đấy... rồi ra về... Lại có lần, chú đang tập thể dục ở sân trường, khi quay lại, thấy ông Hồ đứng đằng sau. Ông ấy nói: - Chú dậy sớm đấy... rồi đi mất. Chú biết ông ấy nóng lòng có pháo để phản công quân Pháp.

Sau hòa bình 1954, Lê Phú Hào là nhà báo Việt Nam đi thường trú nước ngoài đầu tiên tại Bắc Kinh. Ông cũng là người đầu tiên giới thiệu phong trào “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” trên báo *Nhân Dân*, cổ vũ cho phong trào này ở Bắc Kinh lúc đó mà không hay đây là cái bẫy của Mao Trạch Đông để lừa các trí thức có tư tưởng tự do ở Trung Quốc.

Sau nhiều lần Thông tấn xã Việt Nam điều đình để ông được thường trú tại Hong Kong nhưng không thành, từ Bắc Kinh ông đi Alger thường trú. Khi hòa đàm Paris nhóm họp, phiên dịch tiếng Anh của Lê Đức Thọ không nghe nổi tiếng Anh do Kissinger nói tiếng Anh giọng Mỹ, phải điều ông từ Alger qua Paris để vừa làm báo, vừa phiên dịch cho các phiên họp kín, họp hở giữa Thọ và Kis.

Suốt một tháng ở Paris, tôi ít đi lại, chỉ ngồi ở nhà đàm

đạo việc nhà và thế sự với ông chú. Thấy thế bà thím tôi bảo, ai sang đây cũng đi tham quan tối ngày các danh lam thắng cảnh ở Paris, sao cháu cứ ngồi nhà? Tôi bảo bà, họ chỉ nhìn thấy tháp Eiffel bên ngoài thôi, còn thì cháu có thể làm hướng dẫn viên cho chính người Pháp đến thăm cái tháp này. Bà tỏ ra không tin, tôi nói cho bà hay cái tháp này xây từ năm nào, vì sao lại xây nó và có bao nhiêu vụ tự tử nhảy từ trên tháp xuống, có bao nhiêu vụ thoát chết khi tự tử nhảy tháp, bốn chân đế của tháp được đặt trên bốn cái phao khổng lồ trên bốn cái hồ nước ngầm ở dưới nên khi có gió to, tháp chỉ chao đảo, nghiêng ngả mà không bao giờ gãy, đổ. Nhưng đến Paris mà chỉ thăm Nhà thờ Đức bà, Bảo tàng Louvre, tháp Eiffel thì chẳng hiểu gì nước Pháp và Paris cả. Bà ngạc nhiên hỏi tôi, vậy phải thăm cái gì? Tôi trả lời: - Phải đi cầu Concorde, vì nó là cây cầu được xây bằng đá ngục Bastille, khi nhân dân Paris phá ngục Bastille trong Cách mạng Pháp 1789, đã không quên lấy đá của ngục tù này để xây dựng cây cầu mang tên *hòa giải (Concorde)*, để nhớ về sự nhục nhã của một thời, để muôn đời nhân dân Pháp đập lên bóng tối Bastille. Chỉ có nước Pháp với khát vọng là “hiện thân của tự do” mới có những cây cầu như Concorde(!). Ông chú tôi rất vui vì tôi đã nói được những điều như thế về Paris, về nước Pháp.

Suốt một tháng trời ở Paris, đàm đạo với ông, tôi thấy chú tôi tỏ ra rất thất vọng về các nhà lãnh đạo Việt Nam. Ông kể, một lần ông về nước báo cáo với ông Trường Chinh về tình hình thế giới. Khi ông cho biết Hungary đã tiến hành mở cửa kinh tế, một mặt hàng mà công nhân Pháp đình công không chịu làm vì công giá rẻ, tư bản Pháp chuyển cho Hung và

được nước này hồ hởi nhận ngay. Như vậy là giai cấp vô sản trên thế giới đã buông nhau ra rồi, không còn liên hiệp đấu tranh nữa. Ta phải biết để mà tính kế... Nghe đến đây, ông Trường Chinh đập bàn phán: - Cho anh đi để... anh phát biểu như thế à? Theo chủ tôi thì vì không thích nghe những thông tin trái với ý nghĩ của mình nên các nhà lãnh đạo Việt Nam luôn đứng ngoài nhân loại trong mọi suy nghĩ và việc làm. Ông kể về Lê Đức Thọ: khi mới sang, một buổi chiều, đang ngồi làm việc thì Nguyễn Thành Lê ở báo *Nhân Dân*, đến gặp ông nói: - Anh Thọ bảo tối nay họp. Chú trả lời: - Tôi không họp! Thành Lê trợn mắt hỏi: - Anh nói chơi đấy chứ. Chú lại bảo: - Tôi nói thật mà. Lê hỏi: - Vì sao? Chú giải thích: - Tối nay chung kết Cúp Châu Âu, cả Paris không ai họp cả, họp người ta cười cho. Sáng hôm sau, ông Thọ gặp chú nói: - Minh xin lỗi, mới sang, không thuộc Paris, có gì cậu phải mách nước cho.

Tiếng Anh cho người Mỹ ở hòa đàm Paris là cả một vấn đề. Người Mỹ nói tiếng Anh giọng Mỹ với ngôn ngữ hiện đại nên các phiên dịch tiếng Anh của ta được đào tạo ở nhà không dùng được. Ông kể, khi ta đem một bộ phim truyện Việt Nam là phim “Nổi gió” sang để chiếu chiêu đãi khách trong những ngày hội nghị bị đình trệ. Tối hôm trước, ông ngồi đọc bản thuyết minh tiếng Anh của phim thấy buồn cười quá. Nó là thứ tiếng Anh cổ lỗ, ngô nghê, nếu đem thuyết minh thì chắc chắn người ta sẽ cười và không hiểu. Thế là cả tối và suốt cả ngày hôm sau ông phải ngồi viết lại bản thuyết minh để kịp chiếu vào tối hôm đó. Vì cái chuyện tiếng Anh mà Lê Đức Thọ nhiều khi làm ông khốn khổ. Có lần ông ốm,

lại bị cúm, theo nguyên tắc bệnh viện bắt phải cách ly. Lê Đức Thọ đến thăm, bệnh viện không cho gặp. Lừa lúc vắng, Thọ nhét vào khe cửa một mảnh giấy, trong giấy ra lệnh “trốn ngay”, ký tên Thọ. Thế là Lê Phú Hào phải tìm mọi cách trốn ngay khỏi bệnh viện, trốn trong lúc đang lên cơn sốt. Ông bảo với tôi, chú phải “vượt ngục” trong lúc đang bệnh, khổ quá!

Cái uy của Lê Đức Thọ ghê gớm lắm, hơn cả thời vua chúa ngày xưa. Chú tôi kể: tên sỹ quan phụ trách bảo vệ đoàn đàm phán của ta tại Paris là X, hấn sợ Thọ như cọp. Tư cách của tay này cũng kém lắm, sang đây chỉ kiếm cơ “đi thăm đồng bào” để được ăn nhậu và nhận quà, chú phải nhân danh đảng ủy viên của Hội nghị, cấm hấn không được đi nữa. Chú nói với y: - Các anh sang đây như thế thì chúng tôi ở đây sau này không làm việc được nữa. Có lần Hội nghị Phụ nữ Quốc tế họp, tuyên bố ủng hộ Việt Nam tại hòa đàm Paris, họp xong, 12 giờ đêm chú phải lao về cơ quan để đưa tin về Hà Nội. Vừa bước vào phòng, tên X đã xua tay, nói nhỏ vào tai chú: - Anh Thọ đang ngủ. Chú tức điên, quát: - Nhưng anh Hào đang làm việc, thế hấn mới thôi. Thọ ở căn biệt thự cổ, căn nhà này gác gỗ, lên xuống cầu thang kêu cọt kẹt, mỗi lần lên xuống hấn phải bò bằng hai tay và hai chân cho cầu thang đỡ kêu, trông thảm cảnh lắm!

Về ông nhà báo Hồng Hà của báo *Nhân Dân* thì chú tôi kể câu chuyện nực cười. Có lần đoàn Việt Nam Cộng Hòa họp báo. Về nguyên tắc thì nhà báo của ta cũng có quyền dự. Lê Phú Hào và Hồng Hà cùng đi. Khi đi tới một hành lang hút sâu để tiến vào phòng họp ở cuối hành lang, tự dưng thấy Hồng Hà tụt lại, hỏi ra thì hóa ra ông ta sợ vào sâu sẽ bị... đánh! Chú tôi

nói: - Đây là Paris chứ có phải Sài Gòn đâu mà ông sợ, vậy mà ông ta vẫn quay đầu về. Nói tới đây, chú tôi buồn rầu nhận xét: - Một tay bản lĩnh như thế mà sau này lại vào tới trung ương thì thật buồn quá! Chú tôi còn kể về “thành tích” viết báo của Hồng Hà. Ông Thọ ở biệt thự nên xung quanh có vườn, hàng ngày bà lao công dọn dẹp vườn là một bà lao công yêu nước. Yêu quý đoàn Việt Nam, bà ta hái những chùm hoa trong vườn ném vào bên trong nhà qua cửa sổ... Thế là lập tức Hồng Hà sáng tác ra chuyện Việt kiều yêu quý Lê Đức Thọ... ném hoa vào phòng ngủ của ông. Bài báo đăng trong nước rồi, thế là xảy ra một cuộc cãi lộn giữa tên sỹ quan trưởng đoàn bảo vệ với nhà báo Hồng Hà. Tay X nói, anh viết như thế thì người ta chửi tôi là bố trí phòng anh Thọ ở có thể người đi ngoài phố ném cả lựu đạn vào à? Thế là cãi nhau to. Chú tôi than, chú lại phải nhân danh đảng ủy viên của Hội nghị can thiệp, nói: - Các anh sang đây, cãi nhau thế này thì khi các anh về, chúng tôi còn làm sao mà tồn tại được ở cái đất Paris này! Thế mới yên.

Sau này, tôi đem những chuyện như thế kể lại cho bạn bè nghe sau chuyến đi Paris, một anh bạn tôi nói: - Anh ngu bỏ mẹ. Những chuyện như thế thì nhớ vanh vách, vậy sao không khai thác các phiên họp mật của Lê Đức Thọ và Kissinger do ông chú anh phiên dịch. Đó là những tư liệu quý giá mà nhà báo lại không khai thác. Ngu quá! Ngu quá!

Quả là tôi ngu thật. Vì tôi không có ý thức sẽ “viết sử” như nhà báo Huy Đức.

Còn về chuyện ông Hồng Hà, sau này làm đến chức Tổng biên tập báo *Nhân Dân* thì tôi không lạ gì. Từ năm 1981 đến 1986, trước Đại hội Đảng lần thứ VI, bài của tôi viết về

các vấn đề thời sự của Đồng bằng Sông Cửu Long như khai hoang Đồng Tháp Mười, xây dựng vùng lúa năng suất cao, vận tải đường sông, v.v. và v.v. thì báo *Nhân Dân* đã đăng tải trang trọng, liên tục. Nhưng trước Đại hội VI thì nhà báo Trần Minh Tân cho tôi hay, Tổng biên tập Hồng Hà đã nói trong cuộc họp giao ban toàn cơ quan là từ nay không được đăng bài của Lê Phú Khải nữa. Có người thắc mắc, vì sao? Y trả lời: - Vì chú nó là Lê Phú Hào đã tị nạn chính trị tại Pháp! Thật là vớ vẩn, chú tôi tị nạn từ năm 1980, từ đó đến năm 1986 bài vở tôi viết cho các báo “lề phải”, kể cả báo *Nhân Dân* vẫn đăng hoài hoài, vậy sao bây giờ lại có lệnh cấm? Tôi hỏi anh Minh Tân, anh có dám đối chứng ba mặt một lời giữa tôi, anh và Hồng Hà về lời tuyên bố đó của y hay không? Minh Tân bảo tôi: - Tao sợ gì thằng ấy mà phải chối. Thế là tôi ra Hà Nội. Trước khi đi gặp Hồng Hà, tôi còn đến xin ý kiến Tướng Qua (lúc đó đã nghỉ hưu) về việc đến báo *Nhân Dân* để “xạc” cho Hồng Hà một trận. Tôi nói với tướng Qua, cháu sẽ mắng Hồng Hà trước mặt mọi người rằng, ai làm người ấy chịu, Đảng ta quang minh chính đại, không làm như anh, báo *Nhân Dân* đâu phải tờ báo riêng của anh mà anh ra lệnh cấm đăng bài của tôi, nếu tôi viết đúng đắn. Tướng Qua bảo tôi: - Cháu cứ cho hấn một mẻ, chú sẽ hỗ trợ cháu, người của chú còn nằm đầy ở Bộ Công an kia!

Nhưng thật bất ngờ, khi tôi đến báo *Nhân Dân* xin gặp Tổng biên tập Hồng Hà, cô thư ký của ông ta nói với tôi qua điện thoại từ trong nhà ra trạm thường trực ở cổng: - Chú Hồng Hà đang ở bệnh viện 108, chăm sóc vợ ốm, để tôi gọi điện xin ý kiến chú ấy! Lát sau, tôi nhận được thông tin: - Chú Hồng

Hà mời anh đến bệnh viện 108, phòng X, nhà Y để gặp chú.

Tôi đến 108. Câu đầu tiên Hồng Hà nói với tôi là: - Lê Phú Khải đây à! Giờ tôi mới gặp. Ông có nhiều đóng góp với báo *Nhân Dân* lắm, quà của báo cho ông tôi còn giữ đây! Ông ta đưa một cái cặp nhỏ, một cuốn lịch in thành sổ tay mà báo *Nhân Dân* vẫn tặng cộng tác viên hàng năm cho tôi. Thái độ của ông ta rất vui vẻ, còn nói: - Viết tiếp cho báo *Nhân Dân* nhé!

Thế là tôi đi về, rất băn khoăn. Gặp Minh Tân, tôi thuật lại chuyện. Minh Tân cười bảo tôi: - Y cáo lắm, trước Đại hội, để giữ cho thật an toàn, y phải đề phòng mọi đối thủ sẽ bới móc các chuyện, trong đó có chuyện đăng bài của Lê Phú Khải, cháu ruột nhà báo Lê Phú Hào đã “phản Đảng”. Giờ thì Đại hội vừa xong, y lại trúng Trung ương thì còn lo gì nữa. Cậu lại ra sức mà lặn lội Đồng Tháp Mười để viết cho tờ báo của y có chất lượng! *C'est la vie!* Minh Tân lại nói câu ngạn ngữ Pháp mà tướng Qua hay nói.

Tôi đã kể câu chuyện này ở Paris cho chú Hào tôi nghe. Bà thím tôi xen vào: - Chính vì thế mà chú anh từ chối mọi tổ chức, mọi trả lời phỏng vấn, chỉ thương con cháu ở nhà bị chính quyền trả thù!

Có một chi tiết mà chú tôi kể trong lúc hàn huyên, rất có giá trị về tư liệu lịch sử, đó là, khi cuộc Tổng tấn công trong chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra vào đợt cuối, chú tôi phải trực ở sân bay quốc tế Paris để hỏi Việt kiều từ Mỹ sang, rằng, liệu Mỹ có quay lại can thiệp vào Việt Nam không? Cứ 15 phút - một chuyến bay từ Mỹ sang, thì lại phải điện về Hà Nội trả lời câu hỏi này. Ông phân tích, nếu Mỹ quay lại thì tình hình đảo ngược hoàn toàn vì thế Hà Nội cần biết tình

hình từng phút để đối phó... Lúc đó chú làm việc căng thẳng lắm, mất ăn, mất ngủ, người gầy rộc đi.

Người cán bộ đảng viên Lê Phú Hào từng dạy các cán bộ sỹ quan tiếng Trung năm nào để đi nhận pháo đánh Điện Biên Phủ, nay lại trực từng phút để “canh” cho trận Tổng tấn công 1975. Vậy mà chỉ vì Đảng nghi ngờ kiểu Tào Tháo, mà số phận hẩm hiu lúc cuối đời. Đúng như ông từng nói với tôi mấy chục năm trước: - Tên có ba chữ thì bị “chốc” mất hai, còn gì nữa. Cái kết thúc “phản đảng” của Lê Phú Hào tôi sẽ kể tiếp. Nay nói về cái cơ quan thường trú tại Paris của Đài. Tôi đã kêu anh Thâu sang đón về cơ quan ở một tuần lễ. Nó ở số nhà 5, Rue du Temple Villeneuve la Garremme 923.90, ngoại vi Paris. Đó là một cái biệt thự xinh xắn, sang trọng, có vườn ở đằng sau mà Trần Mai Hạnh đã mua với giá 230.000 francs (tương đương 80.000 đôla Mỹ).

Paris có một đường *ceinture* dài 35 km bao bọc lấy nội ô Paris. Đường này phải thi công tới 17 năm mới xong. Con đường vòng tròn khép kín Paris ấy là để khi nào kẹt đường trong nội ô, người lái xe có thể chạy ra đường vòng cung để thoát... và lại tiếp tục vào nội ô nơi không kẹt đường. Ngoài vòng tròn 35 km đó là ngoại ô Paris. Vãn nhà cửa san sát nối liền với nội ô làm nên vùng *Ile de France* tới 11 triệu dân mà ta quen gọi là vùng Paris. Nhưng ở ngoài vòng 35 cây số đó thì vùng ngoại vi Paris thuộc các đơn vị hành chính khác, thuộc tỉnh khác. Trong nội ô chỉ có hơn hai triệu dân. Như thế quản lý mới dễ. Thủ đô của một nước lớn như nước Pháp cũng chỉ quản lý hơn hai triệu dân trong vòng 35 km. Thủ đô Hà Nội của ta mở rộng đến tận huyện Thạch Thất, Hà Tây,

chùa Tây Phương ở trên núi cũng thuộc Hà Nội, Mê Linh quê hương Hai Bà Trưng ngày nay cũng thuộc Hà Nội thì đó là một ý tưởng quái thai. Quốc hội đều cũng thông qua qui hoạch ấy vì quốc hội Việt Nam thực chất là tên đầy tớ đê tiện nhất của đảng độc tài. Con cháu chúng ta sau này sẽ nguyện rửa việc mở rộng Hà Nội một cách lưu manh như thế vì các lợi ích nhóm trong Đảng. Chắc chắn sau này Thạch Thất, Mê Linh lại trở về với Hà Tây. Tôi tin là như thế. Lúc còn sống ông Kiệt cũng kịch liệt phản đối việc này.

Nhà báo Thâu và Hải, chủ nhân tạm bợ của ngôi nhà số 5, Rue du Temple Villeneuve la Garremme đã sống buồn tẻ trong ngôi biệt thự này. Hàng ngày các anh phải nấu lấy để ăn uống, sinh hoạt. Anh Thâu vừa nấu ăn vừa chữa cái bếp điện, vừa chửi: - Ở Paris, người mua nhà thì bắt chủ cũ phải vứt hết các cái bếp này đi, vậy mà bọn tài vụ của ông Hạnh lại phải trả tiền cả những cái bếp vứt đi này. Giá tính lại cao hơn giá mua mua bếp mới! Chúng nó ăn cũng phải vừa phải thôi chứ, phải nghĩ đến người khác chứ, ai mà đun nấu nổi bằng cái thứ bếp đã nát hỏng giữa Paris giá lạnh thế này!

Thực chất như anh Thâu nói thì không cần đến cái Cơ quan Thường trú với cái villa này, chỉ cần một phóng viên thường trú của Đài, ở bên Sứ quán ta như thường trú báo *Nhân Dân* là đủ.

Anh Thâu nói rất đúng. Nhưng Trần Mai Hạnh và bầu xậu của y phải về ra mua nhà, sắm xe, mua cả máy móc như thu thanh, phát thanh như một cái đài phát thanh thì chúng mới lấy được tiền nhà nước và ăn chia với nhau được. Thấy nhà sang quá, tôi hỏi Thâu, sếp Hạnh sang đây ở phòng nào?

Thâu bĩu môi nói: “Chưa bao giờ ở đây cả, hẳn thuê khách sạn 5 sao trong nội ô Paris ở!

Đúng là cái anh nhà quê mắt toét, nghèo đói, khi được làm quan (Ủy viên trung ương) thì tìm mọi cách để vơ vét và hưởng thụ là thế! Những điều mỹ miều bọn chúng nói trên diễn đàn chỉ là bịp bợm mà thôi. Nhưng nguy hiểm nhất là chúng luôn luôn dọa Nhà nước rằng: “Phải phát triển cơ quan ngôn luận để đối phó với các thế lực thù địch trên mặt trận thông tin, để giữ vững chế độ, bảo vệ chế độ...” Nói đến việc “bảo vệ chế độ”, thì bao nhiêu mồ hôi, nước mắt của dân đóng thuế cũng đem ra tiêu xài không thương tiếc. Thời Trần Mai Hạnh, y đã mua nhà ở Paris, ở Bangkok, ở thủ Đô Ai Cập để lập cơ quan thường trú của Đài, những thứ hoàn toàn là bịp bợm. Chỉ có những người trong ngành phát thanh và truyền hình thì mới biết là nó vô tác dụng, chỉ để đốt tiền của dân. Những ngày ở ngôi biệt thự số 5, Rue du Temple Villeneuve, chúng tôi nhặt củi ở vườn sau nhà, đưa vào lò sưởi ngay trong nhà (kiểu lò sưởi ở các nhà cổ của Pháp ở Hà Nội cũng có) để đốt, vừa uống rượu, vừa ăn thịt cừu nướng, nói chuyện đến 1-2 giờ sáng mới ngủ. Sáng hôm sau, Thâu và Hải ngủ đến 9-10 giờ. Những đêm như thế, Thâu thường kể cho tôi nghe đủ chuyện ở Paris. Thâu biên chế bên Bộ Công an. Cơ quan báo chí nào đi thường trú thì “mượn” anh đi làm trưởng cơ quan đại diện ở nước đặt thường trú. Anh vui tính và lúc đó đã khoảng 40 mà chưa lập gia đình vì cứ phải đi “thường trú” xa. Thâu kể, Tổng bí thư Lê Khả Phiêu sang đây chả ai đón tiếp cả, xuống sân bay, cả bọn xậu phải về một khách sạn ở ngoại ô để ở. Vì Pháp là nước đa đảng, tổng bí thư một đảng

không phải là nguyên thủ quốc gia thì chẳng có lý do gì để người ta phải tiếp. Đồng bào ở Paris rất muốn coi mặt ông vua nước Nam mình mồm ngang, mũi dọc ra sao mà chẳng có báo chí truyền hình nào nó đưa một giọt tin. Năn nỉ mãi để Tổng thống Jacques Chirac tiếp, nể lắm mới được diện kiến 45 phút. Nhưng nguyên thủ nước người ta tiếp khách là chuyện lớn, phải có nội dung hai bên mua bán cái gì, ký kết hợp đồng làm ăn giữa hai quốc gia ra sao mà mình thì đòi tiếp xã giao. Ở nước Pháp không có chuyện một tổng thống lại tiếp xã giao ai bao giờ. Vì thế, cuộc đón tiếp rất khiên cưỡng và bề bàng. Vậy mà, với 45 phút đó, báo chí trong nước tung hô rầm rĩ là Phiêu được đón rước long trọng.

Thâu rất vui và rất trung thực. Có sáng tôi dậy sớm, thấy bát đĩa ăn hôm qua còn vớt ngổn ngang, tôi thu dọn đem rửa. Thâu dậy thấy thế nói ngay: - Anh là khách của tôi, đừng làm thế!

Hôm tôi về, cả hai anh Thâu và Hải đều đi tiễn. Cả hai đều khuyên tôi ở lại chơi thêm. Các anh đều muốn về nước sớm. Hải thì có vợ con ở Hà Nội, Thâu thì chưa vợ (mới đây tôi được tin Thâu đã lập gia đình, thật vui!).

Sau Hội nghị Paris, sau cả 30/4/1975, chú tôi vẫn chưa được về nước dù đi thường trú nước ngoài từ sau hòa bình 1954, vì chưa cử được người qua thay. Đến cuối 79 đầu 80, thì tai họa đến với ông. Một lá thư của ông Hoàng Văn Hoan gửi cho ông do biết nhau từ khi ông đi thường trú ở Bắc Kinh sau 1954. Chú Năm tôi nói: - Suy nghĩ mãi, chú đem bức thư đó trình với tổ chức, với ý nghĩ là mình trung thực, báo cáo mọi điều với Đảng, không dấu diếm điều gì. Không ngờ có người bạn thân, mặt báo với ông là ông sẽ được đưa sang điều trị bệnh tại Đông Đức,

nhưng đó là cái có. Chỉ cần tới Đông Đức là sẽ có an ninh kè ông về Hà Nội, và khi bước xuống sân bay sẽ bị còng tay ngay. Hết đường tiến thoái, ông xin tị nạn và ở lại Paris.

Khi Thông tấn xã Việt Nam tổ chức công bố kỷ luật ông, tôi còn ở Hà Nội và đến dự. Tội danh của ông là “phản quốc”.

Một lần ông dẫn tôi đi chơi tháp Eiffel, một tên police (cảnh sát) đến hỏi: - Ngài có phải là người Trung Quốc không? Ông đã nổi nóng, mắng tên police này và nói: “Tao là người Việt Nam”, “nhưng nếu mày cần dịch Tiếng Trung thì tao dịch hộ”. Tên police xin lỗi, nhưng nó vẫn nhờ ông dịch hộ vì nó vừa giữ một người Hoa, nghi là nhập cư trái phép. Dịch hộ thằng police mắc dịch này xong, ông bảo với tôi: - Chú cứ nói đại rằng tên người Hoa kia có nhà ở phố X, quận Y để cứu nó. Nhưng thực ra nó nhập cư trái phép, đi bán dạo mô hình tháp Eiffel.

Sau chuyến đi Paris, về Hà Nội, tôi đã tuyên bố với cả dòng họ, Lê Phú Hào không phản quốc, vì người ta hỏi ông có phải người Trung Quốc không, ông đã chửi và tự hào xưng là người Việt. Ông chỉ phản Đảng mà thôi. Vậy mà cái dòng họ Lê Phú của tôi, đa phần là đảng viên, lúc đó đã gạch tên Lê Phú Hào và Lê Phú Khải trong gia phả nhà họ Lê Phú. Đó có lẽ là cuốn gia phả duy nhất ở Việt Nam mà cháu đích tôn của dòng họ và chú ruột của nó bị gạch tên trong gia phả. Bây giờ, những người ở thế hệ trước đã ra đi tất cả, không ai biết là ai đã gạch tên Lê Phú Hào và Lê Phú Khải. Nhà văn Phạm Đình Trọng có nói trong một bài viết là “Đảng Cộng sản chia rẽ khối đoàn kết dân tộc”, tôi phải viết thêm là “chia rẽ đến cả các dòng họ, các gia đình...”, mà dòng họ Lê Phú của tôi

là một ví dụ! Bây giờ cái học thuyết đấu tranh giai cấp đã sụp đổ tan tành, xem ra dòng họ tôi lại hòa hợp!

Sau khi ở lại Paris, chú tôi sống trong nỗi buồn xa xứ. Bà Bích Ngọc, người vợ mới của ông đã chia sẻ với ông những ngày cuối đời. Bản thân bà cũng là một nỗi buồn mênh mông. Vốn là một cô gái nhan sắc nghiêng thành, con nhà giàu có ở Nam Định, thời quân Tưởng tràn sang ta, một tên sỹ quan cao cấp Tưởng Giới Thạch đã vu oan cho em bà ăn cắp súng và định đem xử bắn. Hắn chỉ tha tội chết cho em bà nếu bà chịu lấy hắn! Thương em, gia đình đã ép bà phải lấy tên sỹ quan này. Hắn đem bà về Trung Quốc, nhưng sau đó tên sỹ quan này lại theo Hồng quân Trung Hoa, làm đến cấp tướng nên sau hòa bình 1954 bà được sử quán ta ở Bắc Kinh cho vào làm việc ở sử quán. Bà quen biết chú tôi từ đó. Sau này bà được ông Phạm Văn Đồng bảo lãnh cho đi Paris để nhận gia tài của một người anh rể sắp mất. Trái đất tròn, bà lại gặp Lê Phú Hào ở Paris, và trong cơn hoạn nạn, họ lại tìm đến nhau.

Trong một loạt bài đăng trên báo *An Ninh Thế Giới* (1998), để phê phán các cán bộ cao cấp Việt Nam đã tị nạn tại Pháp như Vũ Hùng ở Bộ Văn hóa, Bùi Tín ở báo *Nhân Dân*, Lê Phú Hào ở Thông tấn xã Việt Nam, tác giả đã mượn câu chuyện éo le của bà Bích Ngọc để khai thác câu khách trong bài viết về Lê Phú Hào (không dám dùng tên, chỉ viết tắt là LPH), xin trích nguyên văn: “LPH là một phóng viên kỳ cựu, một cán bộ có trách nhiệm trong ngành thông tin tuyên truyền của Việt Nam, đã đào nhiệm năm 1979. LPH phụ trách bộ phận thông tin báo chí của Việt Nam tại Pháp. LPH có lẽ là một trong số những phóng viên Việt Nam đầu tiên được ra nước ngoài công

tác. Đó là vào những năm 50, khi Việt Nam mở Đại sứ quán ở Trung Quốc. LPH phụ trách báo chí tuyên truyền của Đại sứ quán. Công việc cũng tỏ ra rất hợp với một thanh niên trẻ, đẹp trai và nhiệt huyết. Đại sứ quán lúc đó chỉ có gần chục người nên công việc bề bộn, vất vả. Một thời gian sau trong Đại sứ quán xuất hiện một phụ nữ Việt Nam trẻ đẹp giúp việc. Chị có cái tên rất đẹp: Nam Hồng (bông hoa Hồng nước Việt Nam), được bạn giới thiệu vào làm việc giúp đại sứ quán. Chị kể, chị có một cuộc đời đắng cay, quê ở Nam Định, gia đình thuộc loại giàu có. Năm 1945, khi quân Tàu Tưởng tràn vào để giải giáp quân Nhật, chị mới 15 tuổi. Tên thiếu tá chỉ huy quân Tàu Tưởng gần nhà chị, thấy chị có nhan sắc liền tìm cách ép gia đình phải gả chị cho hắn làm vợ bé. Hắn vu cho em trai chị (13 tuổi) ăn cắp súng của quân Tàu Tưởng và dọa sẽ đưa ra xử bắn. Để cứu em và gia đình, chị buộc phải nhận lời. Năm 1946, khi quân Tưởng rút về nước, tên sỹ quan đưa chị về Trung Quốc. Do không chịu được sống chung, chị đã mang hai đứa con gái đi theo phục vụ (nấu ăn, văn nghệ) cho quân giải phóng quân Trung Quốc. Khi Trung Quốc và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao, chị được giới thiệu vào làm việc ở đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh. Tuy đã có hai con nhưng chị còn rất trẻ (ngoài 20 tuổi) và đẹp nên được nhiều cán bộ trong đại sứ quán ta có cảm tình. Với kinh nghiệm từng trải, chị đã dễ dàng chinh phục được LPH và hai người đã có những tháng năm hạnh phúc trên đất khách quê người. Họ dự tính sẽ đi đến hôn nhân. Đầu năm 1960, LPH hết nhiệm kỳ công tác, trở về nước, còn Nam Hồng tiếp tục ở lại làm việc trong đại sứ quán. Họ vẫn tiếp tục thư từ cho nhau. Nhưng gia đình LPH, một gia đình

danh giá, đã phản đối quyết liệt mối tình này và đã thu xếp để LPH lấy một cô gái khác...” (*An Ninh Thế Giới*, Số 83, Ngày 17/7/1998, trang 1 và 28). Tác giả N.D.C đã viết như thế. Có những chi tiết bịa đặt hoàn toàn như “thu xếp để LPH lấy một cô gái khác”. Trong khi Lê Phú Hào đã có vợ từ trong kháng chiến chống Pháp. Bà vợ tên là Hồng và đã có con gái tên là Thủy, lúc đó bà là cán bộ của Thông tấn xã Việt Nam tại Hà Nội! Báo chí cộng sản độc quyền nên tha hồ nói láo, không ai dám bắt bẻ, vì thế họ rất sợ tự do báo chí, sợ sẽ có kẻ vả vào mồm họ! Những ngày lưu vong buồn chán, chú tôi đã mượn âm nhạc để gửi gắm tâm tư. Nhà ông tôi thấy toàn nhạc cụ. Đàn organ, violon, guitar, mandolin, nhị, sáo, đàn bầu, trống. Ông chơi điêu luyện các nhạc cụ này. Ở nhà ông tôi thấy luôn có người đến nhờ lên dây đàn đủ loại. Ông kể, hồi thím ốm, nằm bệnh viện, chú đến thăm nuôi và đem cây đàn mandolin theo, đến giờ nghỉ trưa, đem ra chơi. Bọn tây đầm thấy chơi hay quá, chúng ôm nhau nhảy, có đứa còn bảo: - Tao mong vợ mày bệnh quanh năm!

Duy có một nhạc cụ, tôi phải “mách” để các nhà nghiên cứu âm nhạc Việt Nam chú ý, đó là cây nhị. Chuyện là thế này, một hôm ông chú tôi thấy cô đầm hàng xóm sang chơi, đem theo một hộp bánh. Ở Pháp không ai tự dung sang chơi nhà hàng xóm bao giờ. Nhà nào biết nhà nấy. Biết là có chuyện nên ông chú tôi nhận quà và chờ đợi. Sau một hồi nói chuyện không đâu vào đâu, cô đầm hàng xóm mới nói thật. Cô ta chỉ vào cây nhị treo trên tường và khấn khoản xin ông chú tôi đừng bao giờ kéo cây đàn ấy! Cô kể rằng, mỗi khi nghe tiếng ở cây đàn ấy phát ra âm thanh thì đứa con gái 5 tuổi của cô

đều khóc. Nó khóc thút thít rất tội nghiệp.

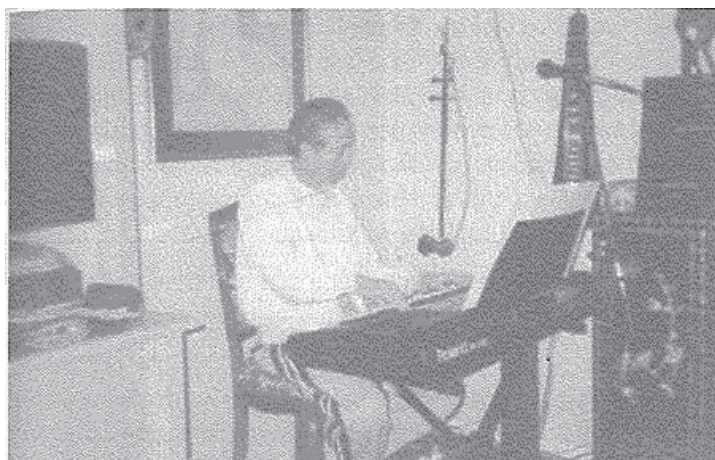
Vậy là “cái thú đau thương” (Phạm Duy) của một tâm hồn Việt Nam lưu lạc, mượn cây nhị để giải bày, của chú tôi cũng không còn nữa. Nước Pháp, một đất nước văn minh, có cuộc sống hạnh phúc, với khẩu hiệu: “Joie de vivre” hôm nay không có không gian nào cho cây đàn nhị Việt Nam rầu rĩ nữa.

Chú tôi đã sống những ngày cuối đời ở Paris hoa lệ trong cảnh nghèo mà không được buồn cùng cây nhị Việt Nam. Sở dĩ tôi nói chú tôi nghèo vì ngoài tiền trợ cấp cho người già, ông không còn khoản nào nữa trừ ít phụ cấp của bảo tàng Louvre do ông có vài năm làm giảng viên cho Trường Louvre. Bảo tàng Louvre có một trường đào tạo nhân viên riêng. Giảng viên của trường này là những trí thức tên tuổi của Paris. Chỉ có hai người Châu Á được nhận làm giảng viên ở đây, trong đó có một người Nhật bản và chú tôi, nhờ ông biết đến năm ngoại ngữ thành thạo. Với góc nhìn của người Pháp thì Lê Phú Hào là một công dân Pháp (quốc tịch Pháp) biết tới năm ngoại ngữ: Việt, Hoa, Anh, Tây Ban Nha, Nga. Chính diễn văn của Fidel năm 1959 được phổ biến ở Việt Nam là do Lê Phú Hào dịch từ tiếng Tây Ban Nha. Nhà báo Việt Nam đầu tiên đi thường trú nước ngoài và biết năm ngoại ngữ thành thạo đó đã yên nghỉ trong nghĩa trang Père Lachaise năm 2008 (nơi yên nghỉ của Chopin). Thấy tôi quan tâm đến vấn đề dân chủ hóa đất nước, trước lúc chia tay ông bảo tôi: “Cháu cứ yên tâm về nước, dân nào thì chính phủ đó, Internet sẽ dân chủ hóa đất nước”. Nghĩ đến tình hình đất nước hiện nay, tôi thấy lời ông thật chí lý.

Sau chuyến đi năm ấy (2001), về tới Sài Gòn, tôi đến cơ

quan, gặp giám đốc Đào Quang Cường và trả lại ông 100 đô la. Tôi nói, lúc đi ông tặng tôi 100 đô la, tôi nhận, nay đi về không tiêu đến đồng tiền của ông nên tôi trả lại, cảm ơn ông. Giám đốc Cường nói: - Có 100 đô la mà cũng trả lại. Tôi nói: - Ở bên ấy 100 đô cũng quý. Tôi đổi 200 đô la ra đồng franc, rủ ông chú tôi đi uống cà phê, lúc trả tiền, tính ra đến 30.000 đồng Việt Nam một ly! Chú tôi kêu “nó chém” quá (giá năm 2001). Trong khi đó thì đồng bào bên ấy lấy làm kinh ngạc người ở Việt Nam qua Paris “tiêu tiền như đốt pháo”!

Tôi kết thúc câu chuyện với giám đốc Cường bằng việc kể về con trai ông Trần Đức Lương qua Paris đốt tiền. Một hôm, bà thím tôi đi đâu về hốt hoảng nói: - Trần Đức Lương ở Việt Nam làm gì hả cháu? Tôi nói, làm chức như ông Jacques Chirac ở Pháp hiện nay. Bà thím tôi lắc đầu: hèn chi thằng con nó sang đây tiêu tiền đến triệu phú ở Paris cũng phải kinh hồn khiếp vía!



Lê Phú Hào với cây đàn nhị treo trên tường nhưng... không được kéo! (Paris 3/2001). Ảnh LPK.

Những người nông dân tiên tiến ở

Đồng bằng sông Cửu Long

Cũng như quan hệ với các VIP Sáu Kiệt, Sáu Phan... tôi cũng quan hệ thân thiết với nhiều nông dân ở Đồng bằng sông Cửu Long để tìm hiểu về vùng đất mà tôi yêu mến này. Do được thiên nhiên ưu đãi Đồng bằng sông Cửu Long đã sản sinh ra một đội ngũ nông dân tuy không nhiều, nhưng các vùng quê khác của đất nước không dễ gì xuất hiện những gương mặt như thế. Họ là sản phẩm của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đã hình thành nhiều năm ở đồng bằng này. Ba mươi năm lăn lộn với Đồng bằng sông Cửu Long, tôi đã may mắn được gặp gỡ, làm quen... và có người đã thành bạn tri kỷ. Tôi luôn giữ địa chỉ, số điện thoại của họ để thường xuyên liên lạc, hỏi han và nhờ họ chỉ bảo... Đó là những con người “cực kỳ bé nhỏ, nhỏ như một cái chấm, nhưng cực kỳ to lớn, tạo ra cả một miền trù phú của đất nước” (Băng Sơn). Đó là những nông dân Hai Chung làm lúa giống ở Chợ Gạo, Tiền Giang, là Ba Nở trồng bắp lai ở Tân Châu, An Giang, Tư Thành trồng sấu riêng hạt lép ở Cái Mơn, Bến Tre, Sáu Đức lập trang trại cả 100ha đất trồng lúa xuất khẩu cho Nhật Bản ở Tri Tôn; Lê Văn Lùng làm 20 mẫu lúa, nhưng để riêng ba mẫu làm từ thiện, cùng bà con góp tiền mua xe cấp cứu 600 triệu tặng Hội Chữ thập đỏ xã, ở Tịnh Biên, An Giang...

Đặc điểm nổi bật của những nông dân này là họ cực kỳ năng động, nhạy bén, luôn tiếp thu nhanh cái mới và sáng tạo, táo bạo trong lao động... Ngày mới hòa bình 1975, trong thiên tai lũ lụt khủng khiếp năm 1978, rồi nạn rầy nâu tàn phá đồng bằng, nông dân Hai Chung từ xã Lương Hòa Lạc, Chợ

Gạo, Tiền Giang đã phóng xe Honda 67 xuống tận Cần Thơ để gặp giáo sư Võ Tòng Xuân học cách nhân giống mới năng suất cao. Hơn 3ha ruộng của ông đã trở thành ruộng nhân giống cho cả vùng.

Năm 1985, người nông dân này đã cùng đoàn các nhà khoa học Việt Nam đi dự hội nghị khoa học tại Viện Lúa Quốc tế IRRI ở Philippines. Mỗi lần gặp Hai Chung tại trang trại theo mô hình R.V.A.C (ruộng, vườn, ao, chăn nuôi) của ông tôi không thể không ôm chầm lấy bờ vai chắc nịch, ướm đầm mồ hôi của ông. Đã ở tuổi “xưa nay hiếm” nhưng Hai Chung từ sớm tinh mơ đến chiều tối, lúc nào cũng tất bật đạp xe đạp đi kiểm tra đôn đốc nhân công của mình. Hết giờ chiều, Hai Chung lại đi nhặt nhanh dụng cụ lao động, đem những dụng cụ mới đến từng vị trí để sáng hôm sau nhân công của ông đến làm việc có thể bắt tay ngay vào công việc, không lãng phí thời gian đi tìm dụng cụ... Cách quản lý khoa học khiến trang trại của ông tồn tại gần 40 năm nay một cách bền vững, ngày càng phát triển đi lên. Nhưng không phải Hai Chung chỉ là ông chủ trang trại chỉ biết “đêm nằm nghĩ việc ra cho mà làm” (ca dao), mà còn là một nhà tâm lý học, một người nông dân có đạo lý của ông bà... Hãy nghe ông tâm sự: - Thuê nhân công bây giờ rất dễ vì quá dư thừa lao động, kiếm 10.000 đồng một ngày ở nông thôn bây giờ cũng khó, nhưng thuê người làm lâu dài với mình thì lại rất khó, vì phật ý là người ta có thể bỏ việc ngay lập tức. Vấn đề là phải gắn bó tình nghĩa với nhau. Nếu việc lớn trong đời người ta như cha mẹ qua đời, cưới hỏi cho con cái, giỗ tết... mình cũng chia sẻ với người ta như có thể ứng trước tiền, trả

lượng trước, v.v.và v.v. thì người ta gắn bó với trang trại của mình có khi cả đời. Lao động ở nông thôn là thế! Chú Hai còn giải thích cho tôi: - Nuôi con heo, con cá... không như làm việc với cỗ máy, hết giờ là đóng máy lại. Con heo đâu có đề đúng giờ!

Về điểm này thì Hai Chung có tầm hiểu biết ngang tầm... quốc tế. Vì có một thời gian trên thế giới, ở các nền nông nghiệp tiên tiến như Pháp, Ý, Nhật, người ta đã cho rằng các xí nghiệp nông nghiệp có vốn lớn, trang bị hiện đại, thuê hàng trăm công nhân, sản xuất trên một diện tích lớn sẽ triệt tiêu các trang trại nhỏ (gia đình). Nhưng thực tế đã chứng minh nhiều năm qua, các trang trại gia đình nhỏ 5-7ha ở Pháp, Ý, Nhật vẫn tồn tại và ngày một phát triển, Vì đối tượng sản xuất của trang trại nông nghiệp là cây, con, chúng cần được chăm sóc như con người với chủ nhân luôn ở bên chúng. Trang trại gia đình, lấy người trong gia đình làm lao động chính với việc thuê mướn thêm một số lao động sẽ tồn tại lâu dài. Một trang trại nhỏ ở Pháp chỉ nuôi trồng một vài loại cây, con... nhưng vẫn tồn tại từ đời ông đến đời cháu chắt... vì nó được những siêu thị, khách sạn nổi tiếng ở thủ đô và các thành phố lớn ký hợp đồng dài hạn mua nông sản để giữ tiếng, giữ khách sành ăn, quen dùng những món ăn mà chỉ có ở nông trại đó mới có những thực phẩm mang hương vị riêng ấy.

Là người nông dân sản xuất hàng hóa, Hai Chung rất nhạy bén với thị trường. Có thời gian trang trại của ông trồng một vườn mận Ấn Độ (miền Bắc kêu là quả gioi), bán rất có giá. Bà con huyện Chợ Gạo thấy vậy đua nhau trồng mận Ấn Độ. Đến khi mận Ấn Độ ở Chợ Gạo ra trái, Hai Chung xách

xe Honda chạy một vòng quanh huyện rồi về nhà ra lệnh cho nhân công của ông chặt hết vườn mận đang ra trái của mình... Thấy thế vợ ông kêu trời kêu đất. Ông chỉ cười... rồi bắt đầu trồng thứ khác. Mùa mận năm đó dỗi chợ, mất giá thê thảm, tiền thuê hái mận còn hơn tiền bán mận... Mọi người đều phục Hai Chung là “nhìn xa trông rộng”! Hai Chung cũng không ngừng cải tiến kỹ thuật, áp dụng tiến bộ khoa học. Năm 2009, 200 heo nái, 35 heo nọc, hơn 300 heo thịt... của trang trại được làm một cuộc cách mạng về chuồng trại, hoàn toàn theo hướng hiện đại: nhập thiết bị nước ngoài, khu chăn nuôi được cách ly tuyệt đối với bên ngoài để đề phòng bệnh tật. Nể tôi lắm, Hai Chung mới cho tôi vào chuồng heo chụp hình, nhưng... phải mặc blouse trắng, đi ủng lười qua một bể nước sát trùng! Nhưng cũng đừng tưởng Hai Chung chỉ biết làm mà còn biết chơi ra chơi. Đầu năm 2010, tôi về Mỹ Tho, gọi điện cho ông. Từ đầu dây đàng kia, tiếng ông sang sảng: - Ở đâu để tôi cho xe Jeep ra rước!

Thì ra Hai Chung mới tậu một cái xe Jeep còn “xịn”, giá một trăm triệu, có nguồn gốc từ chiến trường Iraq. Xe có đủ cả bộ vỏ (lốp) xơ cua, can xăng mới, xềng nhà binh cài cửa xe... chỉ còn “thiếu một khẩu trung liên đặt trước đầu xe” - như lời Hai Chung - là thành một ông quận trưởng! Hai Chung đón tôi bằng xe Jeep tại khách sạn. Đây là lần đầu tiên tôi được ngồi một chiếc Jeep lùn nên thú vị vô cùng. Xe chạy như bay, gió lùa vào từ bốn phía, mát rượi. Hai Chung hào hứng nói: - Hồi còn chế độ cũ, tôi mê cái xe Jeep của tay quận trưởng lắm, chỉ mong được đi một lần trong đời. Bây giờ mình làm ăn khá giả, lại già rồi, phải mua xe Jeep đi cho đã.

Xe tôi đi ăn cưới, chẳng xe đời mới nào dám đụng, đụng xe nhà binh thì chỉ có thiệt!

Khi tôi viết những dòng chữ này, không quên gọi điện cho Hai Chung hỏi thăm sức khỏe và tình hình sản xuất kinh doanh của ông trong lúc kinh tế đất nước đang rơi theo chiều thẳng đứng. Ông nói như reo trong máy, khoe: - Năm ngoái (2012 - LPK), tôi được ra Hà Nội nhận danh hiệu “tràng trại vàng” tại Nhà hát lớn. Nhưng nói về tràng trại hiện nay, ông cho biết rất khó khăn, thức ăn cho đầu heo thì luôn tăng, giá heo xuất chuồng thì luôn giảm. Khi tôi hỏi thăm về sức khỏe, Hai Chung lại cười vang và nghiêng rang ken két để tôi nghe thấy trong máy! Đó là cách quen thuộc của ông mỗi khi có ai hỏi thăm sức khỏe! Ông nghiêng hai hàm rang vào nhau cho phát ra tiếng kêu ken két nghe đến rợn người, để “khoe” sức mạnh của mình. Kể cũng lạ, các cụ ta xưa có câu “đầu bạc-răng long” để nói về tuổi già, sức yếu. Vậy mà ở tuổi 80, Hai Chung vẫn rắn chắc như một cây kơ nia của núi rừng Tây Nguyên, thứ cây có thớ gỗ vụn thừng, không dao, rìu nào chặt nổi. Khi cười, hai hàm răng của Hai Chung vẫn sáng lóa!

Kể về những người nông dân tiên tiến ở Đồng bằng sông Cửu Long thì luôn luôn có những chuyện lý thú. Tôi có thể viết một cuốn sách vài trăm trang để nói về họ, những người mà tôi đã đến tận nhà, ăn ngủ qua đêm, cùng họ ra ruộng, rẫy để “ba cùng”... Những điều mắt thấy tai nghe ấy tôi mới chỉ viết được những bài báo ngắn về họ (báo lẻ phải), và ngòi bút của tôi còn “nợ” họ, “nợ” bạn đọc rất nhiều...

Tư Thành với cây sầu riêng hạt lép ở Chợ Lách, Bến Tre cũng là một ví dụ. Những ai quan tâm đến Đồng bằng sông

Cửu Long đều hay rằng đồng bằng có đến 250.000ha vườn cây ăn trái, chiếm hai phần ba diện tích cây ăn trái của cả nước. Hàng năm Đồng bằng sông Cửu Long cung cấp khoảng 2 triệu tấn quả, đó là nguồn lợi thứ ba của đồng bằng sau cây lúa và tôm cá ở vùng trọng điểm nông nghiệp lớn nhất nước này. Nhưng hầu hết cây trái ở đây đang trồng giống cũ, cho năng suất thấp, sản phẩm trái không có độ đồng đều nên kém khả năng chế biến và cạnh tranh trên thị trường. Tính chất lạc hậu của đồng bằng này là chỉ độc canh cây lúa. Khi gạo đã đủ ăn, có dư xuất khẩu thì phải nghĩ đến đa dạng hóa vật nuôi, cây trồng, trước tiên phải nghĩ đến cây ăn trái. Nhưng khi trở tay thì mới thấy hụt hẫng. Tìm một kỹ sư trồng lúa thì dễ nhưng khi tìm một kỹ sư về cây ăn trái thì một tỉnh không kiếm nổi một người. Vì thế Thủ tướng Võ Văn Kiệt mới phải mời một đoàn kỹ sư cây ăn trái có múi từ Cuba sang giúp ta. Sau đó ông cho lập “Trung tâm Cây ăn trái” ở xã Long Định tỉnh Tiền Giang. Nhưng Long Định chỉ đáp ứng được 15.000 cây giống mỗi năm. Nhu cầu cây giống, đặc biệt là giống mới, giống nhập ngoại là rất bức xúc... Những nông dân như Chín Hóa, Tư Thành ở Bến Tre là những con người đi tiên phong trong việc tìm kiếm giống mới từ bên ngoài cho các vườn cây ăn trái của Đồng bằng sông Cửu Long.

... Năm 1998, tôi lần đến nhà Tư Thành (Nguyễn Công Thành) ở ấp Phụng Châu 2, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, Bến Tre. Từ bến đò lên, đi khá xa mới tới nhà anh. Vậy mà chưa kịp vô nhà, anh đã dẫn tôi ra vườn sầu riêng mẹ đang mang trái của anh... Ba năm về trước (1995), nghe được bên Thái Lan có giống sầu riêng Mon-thoong hạt lép, cơm vàng

rất nổi tiếng... Tư Thành đã nhờ người con rể làm việc ở ngoài đảo xa thuộc tỉnh Kiên Giang gửi các thủy thủ tàu Thái Lan hay qua lại, nhờ mua cho giống sấu riêng quý này. Phải năm tháng sau, mới nhận được cây giống chở qua, với bốn cây vàng cho 250 cây mẹ. Tư Thành đã ra tận đảo để nhận giống cây về. Những cây sấu riêng hạt lép này cho lúa quả đầu tiên sau ba năm, chỗ dầu cơm nhất của nó đến gần bốn phân (4cm), đường kính một múi tới bảy phân, hạt lép. Ban đầu Tư Thành chỉ định trồng lấy trái, sau thấy thị trường có nhu cầu nên chiết cây con bán giống. Các chuyên gia Thái Lan và cán bộ Trung tâm Long Định đã đến tận vườn của Tư Thành tham quan. Lúc ấy, Tư Thành đã định hái một trái để đãi khách, nhưng vị tiến sĩ người Thái đã ngăn lại, nói: - Phải năm ngày nữa mới chín. Đúng năm ngày sau, Trung Tâm Long Định đã cử người xuống chứng kiến Tư Thành khai trái sấu riêng đầu tiên đó và chụp hình. 100% là sấu riêng hạt lép giống Mon-thoong! Ngay vụ đầu đó, Tư Thành đã bán được 6.000 cây giống, với giá 15.000-20.000 đồng một cây (thời điểm 1998).

Sau chuyến đi đó, tôi đã viết một loạt tin bài cho Đài Tiếng nói Việt Nam, cho báo chí của thành phố có kèm theo băng ghi âm tiếng nói của Tư Thành (cho đài), và hình ảnh vườn sấu riêng hạt lép đang mang trái của Tư Thành (cho báo).

Vài tháng sau, tôi tổ chức cho anh chị em phóng viên ở Chi hội nhà báo của Cơ quan Thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam, mà tôi là thư ký của Chi hội, về thăm vườn sấu riêng hạt lép của Tư Thành. Lúc đi đường tôi nói, con gái vùng này đẹp nhất Đồng bằng sông Cửu Long vì đây là vùng phù

sa nước ngọt quanh năm, cây trái xum xuê, “con gái đỏ chót như trái mận trên cành”, như người ta đã ví. Lúc đến nơi, các bạn đồng nghiệp của tôi phải thừa nhận điều đó. Những phụ nữ bình thường bất chợt bắt gặp khi vô thăm một nhà vườn đều có vẻ đẹp bất ngờ. Không cần đến son, phấn, phụ nữ ở đây thắm đỏ phù sa sông mẹ... Sau này trong cuốn “*Hồ sơ Đồng bằng Sông Cửu long*”, xuất bản năm 2000 (NXB Thanh Niên), tôi còn công bố bức ảnh người đẹp Bến Tre Thân Thúy Hà với chú thích: cô gái miệt vườn Bến Tre này đã vượt lên 600 người đẹp khác trong cả nước để dành vương miện Hoa khôi thời trang 1995 của tạp chí *Thời Trang* tổ chức tại Hà Nội. Điều thú vị là, khi trả lời phỏng vấn báo chí, cô gái miệt vườn này đã hồn nhiên nói: - Khi biết tôi được nhận danh hiệu Hoa khôi, cả nhà đều ngạc nhiên vì tôi là cô bé xấu xí nhất trong các chị em tôi! Xứ miệt vườn Chợ Lách của Tư Thành là như thế! Khác với Sông Hậu được gọi là sông trẻ, chảy thẳng một mạch, Sông Tiền được gọi là sông già, chảy quanh co. Chính sự quanh co già nua đó mà phù sa đã đọng lại nơi đây, làm nên những hòn cù lao lung linh cây trái mà người ta gọi là vùng miệt vườn Chợ Lách, Bến Tre, Long Hồ- Vĩnh Long...

Vì có gọi điện báo trước nên hôm đó Tư Thành đón chúng tôi tại ngay bến đò. Khi về đến nhà vợ Tư Thành khoe ngay: - Nhờ có đăng báo mà nhiều công ty đã từ Sài Gòn đã xuống tận đây đặt mua cây giống của nhà em.

Thì ra đã có những công ty tư nhân ở Sài Gòn xem được bài tôi viết trên báo nên đã xuống đặt mua cây giống sầu riêng hạt lép của Tư Thành để mang lên Miền Đông đất đỏ

bán. Thế là Tư Thành lại mở ra được một “xưởng” chuyên chiết cây giống, thu hút hàng chục chị em lao động để đáp ứng những hợp đồng lớn, hàng chục ngàn cây giống. Mỗi cây giống của Tư Thành, gốc đều có túi nylon bao bên ngoài, có in nhãn hiệu và địa chỉ nơi sản xuất, cả số điện thoại đặt hàng... trông y như sản phẩm lấy ra từ tủ kính siêu thị!

Khi cuộc nhậu tung bừng hôm đó đang diễn ra ở ngoài, Tư Thành kéo tôi vào nhà trong, đưa tôi một cái bao thư, anh nói: - Nhờ các bài viết của anh mà vợ chồng tôi có những khách hàng lớn từ Sài Gòn... vợ chồng tôi chia sẻ với anh... Tôi không nhận bao thư, và nói với anh: - Bữa nhậu hôm nay là coi như đã trả công cho tôi rồi. Thay mặt anh chị em, tôi cảm ơn anh, đặc biệt là chị đã vất vả...

Nếu Tư Thành phải ra tận đảo xa để đi tìm giống mới thì Ba Nở ở Tân Châu, An Giang lại nhờ nghe đài mà tìm được ra giống mới. Vụ Xuân-Hè 1992, Ba Nở trồng bắp giống mới DK999. Nhờ nghe đài Tiếng nói nhân dân TP. HCM mà biết Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đem giống này từ Thái Lan về nước. Anh tìm mua bằng được và đến vụ Đông -Xuân 1994-1995, 3ha bắp lai giống mới của anh đã cho lời 30 triệu đồng. Sau cuộc họp báo “đầu bờ” năm ấy do Viện Khoa học Nông nghiệp Miền Nam tổ chức tại Tân Châu, bên ruộng bắp của Ba Nở, khi mọi người lên xe về hết, tôi đã ở lại luôn ba ngày với Ba Nở. Ở nhà Ba Nở tôi thấy nhà anh chẳng thiếu gì: tivi, cassette, đầu máy video, phim chương..., nhưng tôi để ý, những thứ đó đối với anh là chỉ sắm cho có mà thôi... Tất cả tâm hồn anh để vào ruộng bắp ngoài kia... nơi cánh đồng mênh mông nắng trải... Chính anh nói với tôi: “không

ra ruộng bắp nhớ lắm”! Thế là anh lại chở tôi bằng chiếc xe Dream mới cứng ra ruộng!

Len lỏi trong ruộng bắp, nghe Ba Nở nói về cách chăm sóc cây bắp, từ lúc cao bằng đầu gối đến lúc ra bông... tôi biết anh là con người của đất, của cây, của gió đồng nắng sớm... Cái thị trấn Tân Châu ồn ào suốt ngày kia, anh “không màng”!

Cũng như Ba Nở ở Tân Châu, Sáu Đức ở Tri Tôn, An Giang là ông chủ đang quản lý một cánh đồng lúa xuất khẩu trên 70ha đất. Anh đãi chúng tôi rượu Hennessy nhưng đồ nhậu toàn là những thứ bắt được từ trên trời và dưới đất quê anh. Đó là thịt chuột đồng luộc và chim cúm nùm nướng. Thịt chuột mềm và thơm, khi thái ra thớ thịt như ba chỉ, mỡ trắng phau, cho vào miệng mỡ như tan ra, không cần nhai... Thịt chuột đồng luộc và chim cúm nùm nướng, thêm mấy trái đậu rồng mọc hoang bên bờ ruộng chấm muối ớt... nhai cho đã rồi chiêu một ngụm nhỏ Hennessy thì... chao ôi, mọi bữa tiệc trong khách sạn 5 sao trên đời này coi như đổ bỏ! Chúng tôi đã lai rai với Sáu Đức như thế, trong trang trại của anh, nghe anh kể về câu chuyện tích tụ ruộng đất của mình và cung cách làm ăn với các nhà buôn Nhật Bản.

Còn bác Lê Văn Lùng làm 20ha lúa, để riêng 3ha làm từ thiện, sắm xe cấp cứu tặng Hội Chữ thập đỏ xã (Tân Lập, huyện Tịnh Biên, An Giang) thì vui vẻ nói với tôi: - Từ ngày có xe cấp cứu, xã tôi đã cấp cứu 20 bệnh nhân lên bệnh viện tuyến trên, cứu sống kịp thời trong đêm tối nhiều “ca” ở cái xã vùng sâu, vùng xa này.

Bác Lùng cười rung cả bộ râu để dài, đặc trưng của một tín đồ đạo Hòa Hảo, nói: - Xe này là xe cấp cứu cao cấp, Hàn

Quốc sản xuất bán cho Châu Âu, có thiết bị hiện đại, có bình oxy, lên xe là được thở bình oxy. Vậy muốn chết thì phải tới bệnh viện mới chết được!

Những người nông dân mà tôi kể trên, và còn nhiều nữa không thể kể hết trong giới hạn của một tập hồi ký... là điều mà tôi thấy tự hào vì đã viết về họ trên báo chí “lề phải” suốt nhiều năm thường trú ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nó làm vui đi những hối hận của mình mỗi khi đọc lại những gì mình đã viết về cải tạo nông nghiệp, cổ vũ cho phong trào hợp tác hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long của một thời mông muội đã qua...



Nông dân Hai Chung ở huyện Chợ Gạo với chiếc xe Jeep mới tậu. Ảnh LPK.

Mặt thật của các tổng biên tập

Đó là sau chuyến đi Paris năm 2001, vào khoảng cuối năm 2002, Đài Tiếng nói Việt Nam với một thể chế dân chủ thì báo chí luôn là tiếng còi cảnh báo, là một yếu tố quan trọng trong “bảo hiểm chính trị” của nhân dân đối với chính phủ, không thể có những hiện tượng như Vinashin, Vinalines, Bauxite rồi lại “tái cấu trúc” những tội ác đó, nếu có báo chí tự do, có tam quyền phân lập, có quốc hội thực sự do dân bầu ra.

Sau hòa bình 1975, tôi vô Sài Gòn, đến Việt Tấn Xã của chế độ cũ, “ôm” được một số tài liệu về báo chí, trong đó có những cuốn giá trị như cuốn: “*Ký giả chuyên nghiệp*” (The Professional Journalist) của John Hohenberg (bản dịch của Lê Thái Bằng và Lê Đình Điều) hơn 600 trang.

John Hohenberg là giáo sư báo chí học của trường cao học báo chí, Viện Đại học Columbia, New York. Ông là thư ký ủy ban cố vấn các giải thưởng Pulitzer do Viện Đại học này quản trị. Ông cũng là tác giả của nhiều cuốn sách chuyên về báo chí. Trước khi là giáo sư, John Hohenberg đã từng là ký giả hơn 25 năm hoạt động ở Hoa Kỳ và ngoại quốc, ông cũng từng qua nhiều thành phố ở Viễn Đông và Đông Nam Á.

Tôi đọc say mê cuốn sách này, dùng nó làm tài liệu tham khảo để giảng dạy và viết cuốn “*Nhà báo-Anh là ai?*” xuất bản năm 2004 (NXB Thanh Niên). Dĩ nhiên là chỉ dùng “*Ký giả chuyên nghiệp*” làm tham khảo, không thể bê nguyên văn vì các lớp báo chí đều có sự theo dõi của ngành an ninh.

Trong cuốn “*Ký giả chuyên nghiệp*”, John Hohenberg dẫn ra lời của Joseph Pulitzer, một trong những ký giả danh tiếng

nhất của làng báo chí Hoa Kỳ, như sau: “Thế nào là một ký giả? Đó không phải là một nhà quản lý kinh doanh hoặc một người xuất bản và cũng không phải là một sở hữu chủ trong ngành báo chí. Một ký giả là một người canh chừng trên chiếc cầu của con thuyền nhà nước. Anh ghi nhận mỗi cánh bướm lướt qua, những dấu hiệu nhỏ nhoi cần phải chú ý ở chân trời trong khi thời tiết còn tốt. Anh tường thuật những cái gì đang nổi lên bên bờ mà chiếc tàu có thể cứu vớt được. Anh xuất hiện qua sương mù và bão tố để dẫn đầu và báo trước những hiểm nguy. Anh không nghĩ đến tiền lương của anh hoặc đến số lời của ông chủ anh. Anh ở đó để coi chừng an ninh và hạnh phúc của nhân dân tín nhiệm ở nơi anh” (Trang 5 sách đã dẫn).

Nếu báo chí được làm cái việc “dẫn đầu trong việc báo trước những hiểm nguy như Pulitzer viết thì Việt Nam không có những Vinashin. Báo chí trong chế độ toàn trị, độc đảng chỉ là công cụ để minh họa cho đường lối của kẻ cầm quyền, nói đúng hơn là công cụ đắc lực để lừa mị dân. Vì thế, cứ nhìn vào cơ cấu quyền lực của Đảng cầm quyền thì thấy rõ, chỉ có hai ngành Công an và Tuyên huấn (để lãnh đạo báo chí, tư tưởng) là có ghế trong cơ quan quyền lực tối cao là Bộ Chính trị. Những người đứng đầu các ngành y tế, giáo dục, liên quan đến đời sống của nhân dân cả nước thì chưa bao giờ được bén mảng đến cái ghế Ủy viên Bộ Chính trị. Đàn áp và lừa dối, đó là nguyên tắc cai trị của chế độ toàn trị. Các chế độ toàn trị tồn tại được nhờ hai gọng kìm này, và bị loại bỏ cũng vì nguyên tắc cai trị này. Nếu muốn tồn tại, chỉ có cách thực sự đổi mới.

Trong xã hội toàn trị, các tổng biên tập đài báo là người được đảng cầm quyền giao cho việc cai quản các phương tiện truyền thông này ở các cấp, các ngành, để minh họa và đánh lạc hướng dư luận. Những chương trình như “*Ai là triệu phú*”, “*Trò chơi âm nhạc*” trên truyền hình Việt Nam hiện nay là để đánh lạc hướng thanh niên, để thanh niên quên đi Hoàng Sa, Trường Sa đang bị quân Tàu xâm lược, quên đi nạn tham nhũng đang tàn phá đất nước.

Khi cái quái thai “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” ra đời, thì các tổng biên tập vớ bẫm nhất. Họ vẫn dùng tờ báo để minh họa, để lừa mị, để giữ ghế, song bên cạnh đó họ còn lợi dụng vũ khí cực kỳ sắc bén này để kiếm ăn, để làm giàu. Các ông chủ quốc doanh muốn che giấu các phi vụ tham nhũng của mình phải tìm cách đấm mõm các Tổng biên tập để tránh bị khai ra các vụ bê bối.

Ngay từ năm 1994, tôi nhận được lá thư của anh Nguyễn Đình Ấm, một người tôi chưa quen biết bao giờ, làm việc ở ngành hàng không Việt Nam, tố cáo ông Nguyễn Hồng Nhị phụ trách ngành hàng không lúc đó đã truy bức anh chỉ vì anh dám viết bài phê bình các phóng viên Đài Truyền hình Việt Nam sang vùi tiền ngành hàng không. Ông Nhị truy bức anh vì chủ trương của ông Nhị là mua chuộc báo chí. Khi bị truy bức, anh đi gõ cửa các báo thì các tòa soạn báo chí ở Hà Nội đều làm ngơ, “vì các Tổng Biên tập ấy dù ít, dù nhiều đều đã mang ơn ông Nhị qua các xuất biên chế, đi Tây đi Tàu, phong bì quà cáp, vé máy bay...” Mười bảy năm sau tôi mới gặp người viết lá thư đề ngày 15/10/1994 đó tại Hà Nội. Anh Ấm bây giờ là một blogger “lẻ trái” có nhiều độc giả.

Khi các nhóm lợi ích trong đảng cầm quyền chia rẽ, đánh nhau thì họ lập tức nắm lấy một vài tờ báo, đài phát thanh truyền hình để công kích, hạ thủ nhau. Các Tổng biên tập là người hốt bạc trong các cuộc xung đột này. Kẻ bị đánh phải chạy vạy, đứt lót, người bật đèn xanh cho họ mùa may thì cung chiều họ, nâng đỡ họ.

Tổng Biên tập báo *Đại Đoàn Kết* Lê Quang Trang dùng tờ báo của mình để bênh vực, ăn chia với các quan tham ở Đồ Sơn trong vụ bê bối đất đai ở đây ồn ào dư luận cả nước một thời. Lê Quang Trang bị cách chức, về hưu. Hai vợ chồng anh ta ôm tiền vào Sài Gòn mua nhà ở Phú Mỹ Hưng và định cư ở Miền Nam. Vậy mà anh ta lại được cơ cấu làm Chủ tịch Hội Nhà văn TP. HCM, vì thế phải cơ cấu làm Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam. Đảng sẵn sàng “bỏ qua” tội lỗi của anh và cần một nhà văn ngoan ngoãn, “biết lỗi” và tận trung với Đảng trong lúc đang suy yếu và có rất nhiều “thế lực thù địch” xuất hiện ngay trong hàng ngũ các nhà văn quốc doanh.

Tôi gặp ông Tổng biên tập này tại Trường Đại học Văn Lang TP. HCM. Ông đến dạy ở khoa quan hệ công chúng ở trường cùng với tôi. Ông dạy môn chính trị để tiếp tục lừa bịp thế hệ trẻ. Thấy ông xúng xính quần là, áo lượt, giấy da bóng loáng, tôi phải tránh xa. Ít lâu sau, hết một hợp đồng, tôi bỏ không dạy nữa, mặc dù vẫn được nhà trường mời vì sợ bị “ngộ độc” khi gặp những nhà văn như Lê Quang Trang!

Phóng viên ảnh của Thông tấn xã Việt Nam là nhà báo HH, thường trú tại Moscow kể với tôi rằng, khi ông Hồng Vinh là phóng viên báo *Nhân Dân* sang Liên Xô học, đã đến gặp anh và đề nghị để anh ta bỏ tiền ra làm một bữa cơm, nhờ

HH mời Tổng Biên tập báo *Nhân Dân* Hồng Hà, đang công tác ở Liên Xô đến cùng ăn. Anh ta than phiền với HH: tuy ở báo *Nhân Dân* nhưng thân phận một phóng viên, anh chưa bao giờ được trực tiếp gặp Tổng biên tập Hồng Hà. Đây là dịp hiếm có để làm thân, nhờ HH giúp! HH nói với tôi: - Thăng cha này kỳ quá, việc gì phải thế. Bữa đó tôi bỏ tiền ra mời cả hai vị!

Do đã có dịp gặp gỡ Hồng Hà, khi về nước Hồng Vinh quà cáp thường xuyên và bám gấu Hồng Hà nên anh được cất nhắc lên trưởng ban. Nhà báo MTL, một cán bộ cấp cao của Đài Tiếng nói Việt Nam, có nghiệp vụ báo chí cao nên ông luôn được mời làm giám khảo các cuộc chấm giải báo chí toàn quốc hàng năm. Có lần anh MTL vô Sài Gòn than với tôi: Thăng Hồng Vinh tư cách kém lắm, kỳ chấm giải báo chí nào nó cũng gọi điện xin tao cho nó được giải để “kiếm ít vốn chính trị”!

Cái thăng “tư cách kém lắm” ấy đã lên Tổng Biên tập báo *Nhân Dân* và vô Trung ương lúc nào không hay, đến thấy của nó là nhà báo MTL cũng phải sừng sờ(!).

Lên Tổng Biên tập rồi, Hồng Vinh hăm hở vào TP. HCM mở cuộc họp cộng tác viên, mời cả Bí thư Thành ủy Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị dự. Tôi cũng được mời đến 40 Phạm Ngọc Thạch, trụ sở báo *Nhân Dân* lúc đó, với tư cách là cộng tác viên lâu năm của *Nhân Dân* và đang viết cho các báo về đề tài Đồng bằng sông Cửu Long. Tôi đến gặp anh em đông vui, trò chuyện cởi mở. Hồng Vinh khoe: - Tôi mời cả anh Tư Sang và hết cuộc họp mời cả anh Tư và các anh đến khách sạn liên hoan. Tôi can ngay: - Anh Tư với tư

cách là Bí thư Thành ủy, ủy viên Bộ Chính trị sẽ không bao giờ đến liên hoan ở khách sạn cả. Nếu anh muốn anh Tư dự cơm và có thời gian để trò chuyện với anh em cộng tác viên của báo *Nhân Dân* thì anh gọi điện nói khách sạn đưa thức ăn đến đây!

Hồng Vinh trợn mắt: - Tôi đã mời thì nhất định Bí thư Thành ủy sẽ đến!

Khi cuộc họp kết thúc, Hồng Vinh mới nói hết câu “mời anh Tư ra khách sạn liên hoan” thì Bí thư Trương Tấn Sang cáo bận và xách cặp đứng dậy ra về ngay....

Khi tới một khách sạn sang trọng ở Quận 1 Sài Gòn, mới bước vô, Hồng Vinh đã bị lóa mắt vì các em tiếp viên váy ngắn, chân dài. Anh ta sà vào đám tiếp viên, không thèm ngó ngang gì đến đám cộng tác viên cả. Tôi đến trước mặt anh và nói: -Anh mời chúng tôi đến đây để nghe-nhìn anh tán các em tiếp viên phải không?, sau đó tôi bỏ ra về.

Khi Hồng Vinh đi vận động tranh cử Quốc hội tại Cần Thơ đã cho Phan Huy, tức “Huy cá rô” đang làm Trưởng cơ quan đại diện của báo *Nhân Dân* tại đây đi tháp tùng và nhờ “Huy cá rô” lăng xê mình trước cử tri. Ông Sáu Phan nói với tôi: - Đồng bào Cần Thơ vốn rất ghét Phan Huy vì những “thành tích” của ông ta nên ghét luôn cả Hồng Vinh. Ảnh Hồng Vinh trong danh sách ứng cử viên quốc hội dán ở các nơi bị cử tri khoét mất! Sở dĩ ở Cần Thơ người ta ghét nhà báo Phan Huy vì ở chỗ nào có ăn là anh ta có mặt. Tôi đã chứng kiến một chuyện chết cười về “Huy cá rô”. Hôm đó, Đài Tiếng nói Việt Nam có tổ chức một cuộc họp quan trọng ở Cần Thơ, chủ trì là Tổng Giám đốc Trần Mai Hạnh, vừa trúng ủy viên trung

ương khóa VIII. Nghe hơi Hạnh mới lên quan to, Huy lần tới, với tư cách Trưởng đại diện báo *Nhân Dân* tại Cần Thơ, Huy mời Hạnh đi ăn tiệc. Cuộc đi có cả Đào Quang Cường, giám đốc cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam tại TP. HCM, Nguyễn Hồng Quang, Trưởng Đại diện Truyền hình Việt Nam tại Cần Thơ. Lúc đi, giám đốc Cường rủ tôi cùng đi, ông nói: hôm nay Phan Huy mời ông Hạnh, mời cả tôi, anh đi với tôi. Dĩ nhiên là tôi không bao giờ đi vì còn lạ gì Phan Huy. Sau bữa tiệc, về đến khách sạn, Cường chửi ầm lên: - Hôm nay bị một bữa xấu hổ muốn tạt sạt luôn! Tôi hỏi, vì sao? Cường kể với tôi và mọi người: Phan Huy dẫn cả bọn tới một nhà hàng tư nhân sang trọng, gọi đủ món, cả rượu Tây nữa. Lúc chủ quán tính tiền, Phan Huy giới thiệu: - Đây là anh Trần Mai Hạnh, Ủy viên trung ương Đảng, giới thiệu đến lần thứ hai mà chủ quán vẫn tính tiền. Tất cả hơn 2 triệu, mọi người phải gom tiền vào để trả. Thấy bẽ bàng quá, ông Hạnh phải rút một cọc tiền ra trả!

Mọi người đã lăn ra cười. Tôi hiểu Phan Huy muốn dùng cái chức Ủy viên trung ương Đảng của Hạnh để dọa tay chủ quán là tao chơi cả với trung ương, mày liệu hồn, đồng thời cũng muốn “ăn quyt” và ra oai với mọi người tao là “Anh Hai” ở cái đất Cần Thơ này. Nào ngờ!

Vậy mà về hưu rồi Phan Huy lại được cơ cấu làm Chủ tịch Hội văn nghệ TP. Cần Thơ. Với tư cách này, anh ta vừa đánh trượt bài thơ “*Trăng ghen*” của Hoài Tường Phong, đã được chọn là bài thơ hay nhất của Đồng bằng sông Cửu Long do Hội Văn nghệ Cần Thơ tổ chức và trao giải, gây bất bình trong giới văn nghệ Cần Thơ. Gần đây tôi gặp nhà thơ Lê Chí, cây bút nổi

tiếng của Đồng bằng: - Tỉnh Cần Thơ các anh hết người rồi hay sao mà lại phải để một nhà báo xứ Nghệ, chuyên đi ăn xin làm chủ tịch Hội Văn nghệ của thành phố trung tâm của cả đồng bằng? Lê Chí không nói gì, ánh mắt của ông như muốn trả lời, “chúng tao không thêm làm(!)”.

Phan Huy vẫn được đảng tin dùng như thế, còn Hồng Vinh thì hết nhiệm kỳ trung ương, anh ta lại vào Hội đồng lý luận trung ương!

Nhưng nếu phải chọn một ông tổng biên tập thật điển hình cho thời kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN thì phải chọn ông Nguyễn Công Khế, tổng biên tập báo *Thanh Niên*.

Tôi đã bị Nguyễn Công Khế lừa một vỏ đầu. Do là vào cuối năm 2002 Đài Tiếng nói Việt Nam có một bản tổng kết năm gửi cho cơ quan thường trú tại TP. HCM và các đơn vị trực thuộc Đài. Đọc bản tổng kết đó người ta thấy thành tích to lớn mở rộng cơ quan thường trú của Đài trên thế giới. Rồi còn có cả một công văn của Phó Tổng giám đốc Kim Cúc ca ngợi công lao của Tổng giám đốc Trần Mai Hạnh từ khi về Đài năm 1996 gửi đi khắp nơi.

Biết rõ mười mươi cái gọi là “mở rộng” cơ quan thường trú của Đài Tiếng nói Việt Nam nên tôi viết bài nhan đề “*Chuyện ông Trần Mai Hạnh ở Paris*”, gửi đích danh Nguyễn Công Khế, tổng biên tập báo *Thanh Niên*, một tờ báo mà một người ngu ngơ như tôi cho là tích cực chống tiêu cực. Một người bạn ở báo *Thanh Niên* cho tôi hay, Tổng biên tập Khế đã đọc bài đó và OK!

Bản thảo bài báo đó tôi còn giữ đến bây giờ, nguyên văn:

Chuyện ông Trần Mai Hạnh ở Paris

Vừa qua, tôi có đến Đài Phát thanh Truyền hình Bình Dương làm việc. Các anh trong Ban Lãnh đạo đài Bình Dương bảo tôi: Đài Tiếng nói Việt Nam có nhiều cán bộ tốt lắm. Chúng tôi ra làm việc với Đài, thấy nhiều cán bộ cấp trưởng ban (tương đương vụ trưởng) vẫn còn cộc cạch xe đạp đi làm, mà làm việc rất tận tâm, lại là nhà báo, nhà văn có tên tuổi nữa.

Là một phóng viên của Đài Tiếng nói Việt Nam 27 năm có lẽ, mới được nghỉ hưu từ 1/5/2002, nghe được những lời như thế của đồng nghiệp, tôi không khỏi vui trong lòng, nhất là trong lúc này. Tôi phải nói thêm rằng, chẳng những nhiều đồng chí trưởng ban của Đài Tiếng nói Việt Nam mà còn nhiều phóng viên, ở Hà Nội cũng như ở các cơ quan thường trú của Đài ở nhiều vùng trong cả nước, đã lặn lội ngày đêm để “canh sóng” cho Đài. Họ không quản bao tốn, lù lút để đến tận những nơi hang cùng, ngõ hẻm đưa một cái tin, viết một phóng sự nhằm nâng cao chất lượng phát thanh. Và, hàng tháng vẫn nhận một đồng lương rất khiêm tốn theo qui định của nhà nước, có người phải “viết thêm” cho các báo để tăng thu nhập! Thật là không công bằng với các cán bộ của Đài Tiếng nói Việt Nam như thế, bên cạnh sự chi tiêu tiền của từ ngân sách nhà nước một cách vô tội vạ của một số cán bộ lãnh đạo Đài mà điển hình là ông Trần Mai Hạnh và ê kíp, như các ông Vũ Văn Khánh, trưởng ban kế hoạch tài vụ của Đài, các ông ở văn phòng Đài, v.v. Những gì mà một phóng viên thường trú tận xa như tôi biết được, đủ nói lên điều đó. Đầu năm 2001, tôi có việc riêng qua Paris thăm người chú

ruột, tôi có đến Cơ quan Thường trú của Đài Tiếng nói Việt Nam tại Pháp ở 5, Rue de Temple Villeneuve la Garrenne 923.90, thuộc vùng ven Paris. Đó là một khu phố sang trọng của những người có tiền. Ngôi nhà mà cơ quan thường trú của Đài mới mua là một villa nhỏ, có sân trước và vườn sau rất đẹp. Thấy tôi khen nhà và xe con của cơ quan sang trọng, anh Trần Kim Thâu, Trưởng Cơ quan Thường trú nói ngay: “Không cần thiết, lãng phí ngân sách”. Thời buổi này thiếu gì những phương tiện lấy tin mà phải mua một cái nhà đến 230.000 đô la thế này! Còn mấy móc nữa. Có làm nhiều tin, bài cũng lấy chỗ đâu mà phát, v.v. và v.v...

Cả cơ quan chỉ có hai người, anh Thâu là trưởng, lái xe giỏi, nói tiếng Pháp khá giỏi, từng trải và đã công tác ở nước ngoài nhiều năm. Anh Thâu còn là người rất trung thực và thẳng thắn, anh sẵn sàng nói rõ suy nghĩ của mình. Buổi tối, anh xếp cho tôi ở riêng một phòng khá lịch sự, xưa nay vẫn bỏ không ở trên lầu 1. Tôi thật thà hỏi: - Chắc sếp Hạnh sang đây cũng ở phòng này? Anh lắc đầu, nói: -Sếp ở khách sạn sang trọng tại Paris chứ đâu có ở đây bao giờ(!) (Từ nơi cơ quan đóng vào Paris chừng 10 km). Sáng dậy, xuống tầng trệt nấu mì ăn sáng, tôi thấy cái bếp điện của cơ quan quá tồi tàn, lại thật thà hỏi: - Nhà ông chú tôi nghèo thế, ở tận quận 19 dành cho người nghèo mà tôi thấy cái bếp điện cũng không đến nỗi tồi tệ thế này! Sao cơ quan ta nhà đẹp, xe sang mà lại phải đun nấu bằng cái bếp thế này? Anh Thâu lại cau mặt nói: - Ở Pháp, người bán nhà phải thuê người đem bếp cũ vứt đi, vì chủ mới không ai lại xài bếp cũ, vậy mà ông Khánh (trưởng ban Kế hoạch-Tài vụ của Đài) thì lại mua lại của chủ

cũ với giá gấp hai lần cái bếp mới để chúng tôi dùng đó (!)
Anh tính có “giỏi” không? Tiền ngân sách mà!

Tôi về nước và tìm hiểu, được biết rằng từ khi ông Hạnh về làm Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, từ 1995, ông đã cùng ê kíp của mình còn mua và thuê nhà ở Băng Cốc, Bắc Kinh, Moskow và đang chuẩn bị để mua nhà ở Le Caire (Ai Cập) làm cơ quan thường trú một cách không cần thiết như chính người đi thường trú là anh Thâu đã nói. Và, tất nhiên là ê kíp của ông đã kéo nhau đi các nước mua và thuê nhà với giá như đã mua cái bếp điện ở Paris. Chỉ trong một thời gian ngắn, ê kíp của ông Hạnh đã giàu tấn lên. Ông Khánh, trưởng ban Tài vụ có hai con đi học ở nước ngoài!

Cách đây hơn một tuần, bà Kim Cúc, phó tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam còn ký hẳn một công văn gửi cán bộ công nhân viên của Đài từ Bắc chí Nam ca ngợi những đóng góp to lớn của ông Trần Mai Hạnh từ khi ông về Đài, trong việc “mở rộng” cơ quan và tăng giờ phát sóng. Toàn là những việc phải tiêu tiền tỷ của ngân sách nhà nước mà bất cứ ai cũng có thể làm được nếu được chi tiền còn chất lượng của phát thanh và nhà cửa khắp nơi được thuê và mua nhằm mục đích gì, có tác dụng như thế nào để nâng cao chất lượng phát thanh thì không hề được nói tới. Xưa nay, từ suốt 27 năm tôi làm việc ở Đài Tiếng nói Việt Nam, chưa hề có chuyện tự nhiên phó tổng giám đốc lại ký công văn “khen” tổng giám đốc như thế ở Đài Tiếng nói Việt Nam bao giờ. Điều đó làm dư luận toàn Đài Tiếng nói Việt Nam rất bất bình.

Tôi chỉ muốn nói một điều, rất nhiều đồng chí đã có công lớn với Đài, xây dựng nên uy tín cho Đài Tiếng nói Việt Nam

mấy chục năm qua như các anh Trần Lâm, Huỳnh Văn Tiểng, Mai Thúc Long, các nhà văn như Mai Văn Tạo, Phạm Tường Hạnh, Đoàn Minh Tuấn, nhạc sĩ Phan Nhân, nhạc sĩ Dương Hương Bang, nghệ sĩ ưu tú Trần Phương thì không bao giờ được ban lãnh đạo hiện nay của Đài nhắc nhở tới.

Giá thử công văn của bà Kim Cúc lúc này nhắc đến những người có công lao với Đài Tiếng nói Việt Nam, nhắc đến truyền thống tốt đẹp của Đài thì hay biết bao nhiêu!

Đợi mãi không thấy báo *Thanh Niên* đăng bài kể trên. Ít lâu sau, tôi nhận được thông tin của một cán bộ trong ban lãnh đạo Đài Tiếng nói Việt Nam cho hay, Nguyễn Công Khế đã gửi bài của tôi ra Hà Nội cho bên An ninh, với nhận xét bài viết không có gì sai, nhưng vì để “giữ uy tín” cho nhà nước nên không đăng. Gửi cho an ninh để biết. Một cán bộ an ninh đã cầm bài viết này qua Đài để tổng tiền Kim Cúc và Trần Mai Hạnh!

Hiện bài đó đã được rất nhiều cán bộ lãnh đạo của Đài chuyển tay nhau đọc.

Tôi rất hối hận về sự ngu ngơ của mình (từ ngu ngơ là từ của nhà văn Dương Thu Hương dùng để chỉ quần chúng ngu ngơ, bị lừa bịp)! Tôi cũng rất phẫn nộ với Nguyễn Công Khế khi được cán bộ lãnh đạo của Đài cho biết như thế. Tôi đem chuyện này than phiền với các đồng nghiệp báo chí ở Sài Gòn. Một người bạn tôi mắng tôi là thằng ngu vì không biết gì về Nguyễn Công Khế cả. Anh còn cho biết Khế luôn dùng tờ báo của mình để gây thanh thế, chẳng hạn y cho phóng viên của báo đi viết về tiêu cực, nhưng khi vụ việc có liên quan đến một ông lớn nào đó. Ví dụ, đồng chí X xưa kia ở tỉnh Y,

nay đã lên trung ương làm đến Bộ Chính trị mà bài viết có dính líu đến đồng chí đó khi còn ở địa phương thì Khế không đăng mà gửi bài cho đồng chí ấy biết “để giữ uy tín” cho lãnh đạo, thế là đồng chí X đã “mắc nợ” Khế. Khi báo *Thanh Niên* tổ chức một cuộc thi hoa hậu nào đó, Khế gửi giấy mời, thế là đồng chí ấy, dù là Chủ tịch nước cũng phải đến dự tận quê Khế ở Miền Trung xa xôi! Một tờ báo hạng B mà Bộ Chính trị phải đến dự thì uy tín của Khế lên như diều. Cứ thế mà Khế “ra roi”, cứ thế mà dọa nạt thiên hạ để tống tiền. Trong cái mớ bong bóng của một xã hội được gọi là “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, Khế cứ thế mà vơ vét. Anh bạn tôi kết luận: Nguyễn Công Khế là “tên lưu manh ngang tầm thời đại”! Nhà thơ L. đi viếng mẹ của Nguyễn Công Khế mất vào tháng 9 năm 2007 về, hốt hoảng nói với tôi, đám tang còn hơn cả tỷ phú bên Mỹ có mẹ mất. Giàu có không bút nào tả xiết, xe du lịch đời mới đồ dài cả cây số. Cái “cảm tạ” của báo *Thanh Niên* ra ngày 5/9/2007 của gia đình Khế về cái mất của cụ bà Lê Thị Liễu, 79 tuổi đã gây chấn động dư luận. Trang mạng của báo *Thanh Niên* đăng lên đã bị các trang “lề trái” ném đá dữ dội, vội vàng phải gỡ xuống, nhưng trang 10 báo in ngày 5/9/2007 kín cả trang còn đó. Xin bạn đọc hãy thử lướt qua danh sách gần 200 cá nhân và các đơn vị (được đăng gộp)... “đã đến thăm viếng, giúp đỡ, chia buồn và tiễn đưa linh cữu” như báo đã đưa gồm: ông Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ tướng Chính phủ, ông Nguyễn Minh Triết, Chủ tịch nước và gia đình, ông Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng Chính phủ và gia đình, bà Nguyễn Thị Bình, nguyên Phó Chủ tịch nước, ông Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ

nhệm Ủy ban kiểm tra trung ương, ông Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, trưởng ban Tổ chức trung ương, Đại tướng Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, ông Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư thành ủy TP. HCM và gia đình rồi còn cả ông Thống đốc Ngân hành nhà nước, các bí thư tỉnh, chủ tịch tỉnh, các cơ quan báo chí, các nghệ sĩ, các Hội v.v và v.v. Những người đứng đầu bộ máy cai trị đồ sộ của chế độ toàn trị đã đến “thăm viếng, chia buồn và tiễn đưa...” cụ bà Lê Thị Liễu. Ngay cả đến đương kim nguyên thủ một cường quốc trên thế giới mà bố mẹ mất cũng không được như thế.

Có thể nói, đây là đám tang mẹ một tổng biên tập một tờ báo ngành của một nước nhỏ nhưng “vĩ đại” nhất hành tinh, chưa hề thấy trong lịch sử báo chí nhân loại. Trong chế độ toàn trị, một tổng biên tập chỉ cần không chống chế độ, không nói ngược với đường lối của Đảng cầm quyền, biết luồn lách, biết dùng tờ báo của mình để nịnh bợ, dọa nạt và khống chế, biết tề nước theo mưa, biết gió chiều nào che chiều ấy, giả vờ chống tham nhũng thì anh ta kiếm bầm hơn bất cứ nhà buôn nào, có thể lực như một “ông vua không ngai”. Cứ xem danh sách những người đến viếng mẹ anh ta thì thấy. Nếu xét về mặt nào đó thì đây còn hơn quốc tang!

Tờ báo quốc doanh *Thanh Niên* đã trở thành tờ báo riêng của Khế trong một đất nước không có báo tư nhân! Đội ngũ tổng biên tập như thế thì đội ngũ phóng viên đương nhiên là như thế. Nói cho công bằng thì không phải tất cả anh em làm báo đều như Hồng Vinh, như Khế, như Phan Huy... Có rất nhiều anh em tâm huyết với đất nước, muốn dùng ngòi

bút của mình để “tải đạo”, nhưng số phận của các anh vô cùng hẩm hiu. Nhà báo Nguyễn Việt Chiến, Nguyễn Văn Hải, Hoàng Khương... là những ví dụ điển hình.

Báo chí ngày càng xuống cấp. Tàu của giặc Tàu đâm vỡ tan tàu của ngư dân ta, trong vùng biển của ta, nhưng báo chí của ta phải nhục nhã kêu là “tàu lạ”. Nỗi nhục này của báo chí Việt Nam “thời kỳ đồ đồng” này không thể nào rửa sạch trong lịch sử dân tộc.

Vì lẽ đó, tôi đã viết “Lời ai điều cho một nền báo chí nô bộc” trên trang mạng Bauxite năm 2011. Giáo sư Phạm Toàn cho biết, học trò của ông đã in bài này từ trên mạng xuống để đi phát cho bạn bè đang làm việc ở các tờ báo ở Hà Nội.

Người ta đều đọc và ngậm ngùi cho số phận của họ!

Lời ai điều cho một nền báo chí nô bộc

Theo Bauxite Việt Nam

Trích Luật Báo chí nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa

Việt Nam: *Báo chí ở nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là phương tiện thông tin đại chúng thiết yếu đối với đời sống xã hội; là cơ quan ngôn luận của các tổ chức của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội (dưới đây gọi chung là tổ chức); là diễn đàn của nhân dân.*

Tháng 7/2007. Những cơn mưa tầm tã vào lúc chập tối kéo dài tới khuya khiến nhiều đêm tôi không sao chợp mắt được. Hàng trăm nông dân từ các tỉnh miền Tây kéo lên biểu tình tại TP. HCM đêm nay làm gì dưới những cơn mưa tầm tã kéo dài đó? Đã cả tháng, đồng bào kéo nhau lên Văn phòng Quốc hội 2 tại đường Hoàng Văn Thụ TP. HCM để đòi lại

ruộng đất bị mất trắng, bị giải tỏa mà đền bù không thỏa đáng. Băng rôn, biểu ngữ, cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu viết trên giấy dán lên áo, ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh đồ rục cả dãy phố vòng từ đường Hoàng Văn Thụ sang đường Hồ Văn Huê. Đọc những khẩu hiệu trên băng rôn không khỏi thấy đau lòng: “Thủ Tướng ơi cứu lấy dân!”, “Đả đảo chính quyền tỉnh X đối Đảng lừa dân”, có khẩu hiệu còn trích cả lời ông Thứ trưởng Đặng Hùng Võ viết trên báo lễ phái: “Tham nhũng ruộng đất là tham nhũng xương máu của dân”. Dưới những khẩu hiệu đó là những gương mặt đen sạm, hốc hác, quắt queo, những hốc mắt sâu hoắm, buồn tủi và căm giận trôi dạt, lan tỏa từ những hốc mắt đó.

Trên đường phố, những chiếc xe hơi bóng loáng, những chiếc xe hai bánh đời mới chở những cặp đôi nòn nà lướt qua, phảng phất mùi nước hoa ngược gió bay lại, phả vào những gương mặt rúm ró đang trưng ảnh Bác Hồ! Có ai đó nghĩ hộ những người nông dân mất đất kia rằng, ruộng đất bị cướp giật của họ đã biến thành những chiếc xe bốn bánh, hai bánh bóng loáng kia, từ công cuộc “đổi mới” do Đảng cầm quyền phát động và lãnh đạo.

Cũng có những bà con dân phố nghĩ đến đồng bào đi biểu tình rời quê lên đây cả tháng trời, màn trời chiếu đất, đói khát nên đến tiếp nước, tiếp thức ăn cho họ. Có người khôn ngoan hơn, đã gọi một thanh niên chở sau xe đạp sọt bánh mì đầy, trả tiền hết cả sọt bánh rồi nhờ anh ta chở vào đám biểu tình phát cho bà con. Anh thanh niên này đã bị những người mặc thường phục bắt thần xông ra đánh túi bụi, trào cả máu mồm máu mũi lên những chiếc bánh mì anh đang phân phát.

Tôi có đủ kinh nghiệm của một người viết phóng sự điều tra về tranh chấp ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long những năm cuối thập kỷ 80, nên hiểu rõ những ai sẽ có mặt ở những cuộc biểu tình! Những người quay phim chụp ảnh mặc thường phục nhan nhản ở đường Hoàng Văn Thụ lúc này. Nhưng hễ có một “con nai vàng ngơ ngác” nào đó giờ máy chụp hình lên thì lập tức bị cướp máy ngay, bị kéo về đồn công an ngay! Cả tháng rồi, hàng trăm người biểu tình với cờ quạt rợp trời, căng lều, căng bạt, trải nylon nằm la liệt tại một ngã ba sầm uất ở trung tâm thành phố. Vậy mà, cả trăm tờ báo, của một thành phố được xem là cái nôi của báo chí Việt Nam, thậm chí tờ báo *Tuổi Trẻ* ở ngay liền đó vẫn im khe! Các đồng nghiệp của tôi vẫn ung dung ngồi trong phòng máy lạnh như không có gì xảy ra. Thậm chí, có báo còn đăng ảnh một cuộc biểu tình ở một nước Mỹ La Tinh xa xôi nào đó! Một số không nhỏ các đồng nghiệp của tôi đang bận rộn đến quay phim chụp ảnh, đưa tin về một công trình nào đó mới khỏi công để nhận những bao thư “nặng túi”! Các “bậc thầy” báo chí, các nhà báo lão thành lúc này vẫn đang được các trường tuyên huấn, các lớp đại học báo chí mời đến giảng bài, các đài truyền hình mời lên tivi và các vị đó đang lớn tiếng: nhà báo phải bám sát cuộc sống, phải trung thực, nhân dân cần được thông tin và có quyền được thông tin đầy đủ như luật báo chí đã ban hành, vân vân và vân vân. Tôi không ngờ các nhà báo lão thành mà xưa nay tôi từng ngưỡng mộ lại có thể vô cảm đến thế, dối trá đến thế, hèn hạ đến thế!

Đừng có ai nghĩ rằng nhà báo bây giờ còn nghèo như một câu “ngạn ngữ” thời bao cấp: “Nhà văn, nhà báo, nhà giáo

cộng lại thành nhà nghèo!” Không ít các đồng nghiệp của tôi như con cáo già đang ngồi co mình ở các tòa soạn, nhưng chỉ một tin tức lộ ra ở đâu đó, xí nghiệp này, công ty kia có chuyện tiêu cực, tham nhũng, được nội bộ tố giác là họ lao tới gặp lãnh đạo đơn vị, chí ít thì xin cái quảng cáo vài chục triệu để hưởng phần trăm (thường là 2-30%), nếu nắm đầy đủ chứng cứ tư liệu rồi, thì họ ra giá, tổng tiền lãnh đạo đơn vị. Những lần “đánh quả” như thế, họ có cả trăm triệu. Có vị Viện trưởng một viện khoa học lớn ở TP. HCM than phiền với tôi: mỗi lần có cuộc triệu tập ra Hà Nội họp hành gì đó thì một nhà báo của một cơ quan báo chí lớn bậc nhất của nước ta, đều đến xin Viện trưởng một cái vé máy bay để đi họp! Không cho thì sẽ bị moi móc, trả thù. Mà cho thì khó coi quá!

Tôi còn biết ở Cần Thơ có một ông cũng thường trú như thế, mỗi lần đi họp ở Hà Nội còn đi nhiều cơ quan, xuống cả các huyện để mỗi huyện “xin một cái vé máy bay” như thế! Đến nỗi người ta gọi ông “nhà báo cá rô”. Nghe đâu giờ ông ta có cả đồn điền trên Tây Nguyên để dưỡng già!

Có lần tôi đang đi chiếc xe cúp cà tàng trên đường phố, bỗng bị một chiếc xe phân khối lớn ép vào vỉa hè. Hoảng quá, tôi tưởng mình bị cướp! (Mà kẻ cướp nào lại thèm nhấm vào chiếc xe khốn khổ của tôi?). Lúc bình tĩnh được thì nhận ra một đồng nghiệp trẻ. Anh này là con trai một vị Giám đốc đài phát thanh và truyền hình lớn ở miền Trung. Anh ta tốt nghiệp ngành báo chí, nhưng vì người cha là một cán bộ cách mạng lão thành, liêm chính, không chấp nhận xin xỏ và hối lộ để con được làm việc ở một cơ quan báo chí ở TP. HCM anh ta phải đi làm cộng tác viên cho các báo ở thành phố. Quý

mến người bạn trẻ này, nhiều lần tôi đi công tác ở Đồng bằng sông Cửu Long có xe hơi đưa đi, tôi thường kêu anh đi cùng để có cơ hội hành nghề, kiếm sống ở cái thành phố ồn ào này. Nào ngờ hôm ấy anh là người ép xe tôi vào lề đường! Anh ta ôm lấy bờ vai gầy guộc của tôi cười nói: bây giờ em khá rồi! Liếc nhìn chiếc xe phân khối lớn của anh, tôi tin là anh ta nói thật. Tôi hỏi: - Làm gì mà khá? Trả lời: - Chạy quảng cáo cho các báo! Nói rồi, anh ta dúm bao thuốc ba số (555) đã hút dở vào túi áo tôi, bằng một giọng rất tự tin, nói: - Một nhà báo như bác thì không thể đi chiếc xe thế này được. Tết này bác đi với em, đến các cơ quan, xí nghiệp, công ty mà bác quen biết, không cần bác nói gì cả, chỉ cần bác đi cùng em đến đó thăm hỏi lãnh đạo, thế là đủ. Sau Tết em sẽ đổi xe cho bác. Tôi cảm ơn người bạn trẻ có lòng tốt với tôi, nhưng không dám nhận lời! Tôi buồn mất mấy ngày sau đó. Vừa thương một đồng nghiệp trẻ, ban đầu rất hăng hái, say sưa với nghề báo nhưng không được cuộc đời tiếp nhận, phải bỏ nghề. Lại thấy thật khôi hài cho cái thằng tôi! Đi cái xe tàn tạ nhất Sài Gòn hoa lệ, có khi khởi động đến toát mồ hôi mà xe không nổ máy. Chính cái xe này, có lần tôi đến họp báo ở “Nhà hàng nổi” trên sông Sài Gòn (nay không còn nữa), lúc dắt xe vô, người bảo vệ đã quát: - Đến giờ này mà chưa chở đá đến cho người ta! May quá, ông Ca Lê Thuần, Giám đốc Sở Văn hóa lúc đó, người chủ trì họp báo đã chạy lại nói: Mời anh PK vào, mọi người đã đến đông đủ (hôm đó xe tôi cũng không nổ được máy). Giám đốc Thuần đã cứu tôi một bàn thua trông thấy trước anh bảo vệ to lớn!

Nhưng câu chuyện trên không “đau” bằng một lần, chúng

tôi, các nhà báo thường trú của trung ương và TP. HCM đến dự lễ khánh thành một công trình được tài trợ nước ngoài của Hội người mù TP. HCM. Sau lễ khánh thành, ông chủ tịch Hội người mù thành phố là một người đàn ông rất đẹp trai, nói tiếng Anh với khách quốc tế rất lưu loát, cầm một tệp phong bì phát cho từng nhà báo, mỗi lần phát cho một phóng viên, ông ta có lời cảm ơn rất lịch thiệp. Nhìn một người mù tay run run phát “bao thư” cho các nhà báo sáng mắt, tôi thấy trái tim mình như đang rỉ máu! Đến phần tôi, tôi phải kéo ông Chủ tịch lại một góc và nói nhỏ vào tai ông: tôi đến đây tay không là đã thấy bản khoán lắm rồi, nhận quà của người mù nữa thì còn gì để nói.

Tôi có “phản bội” các đồng nghiệp của tôi không? Xin các nhà đạo đức học trên cõi đời này cho ý kiến.

Chuyện đồng bào miền Tây lên thành phố biểu tình đòi đất năm 2007 mà tôi đã nói ở trên phải được nói thêm là, tôi đã trà trộn vào đám biểu tình, hỏi và nghe được nhiều điều bổ ích về các nguyên nhân đi khiếu kiện ruộng đất. Có bà mất ruộng vì chủ tịch xã cướp ruộng của bà cho vợ bé của ông ta. Có nhiều nguyên nhân đi đòi đất mà tính chất, nội dung của việc đi đòi đất rất Nam Bộ! Đó là trường hợp bà cụ có 15 công ruộng (mỗi công 1000m²). Năm 1980 vô tập đoàn sản xuất, thực hiện lời kêu gọi của Đảng “nhường cơm xẻ áo”, cụ đã hiến 11 công đất, chỉ còn được giữ lại bốn công do nhà có bốn nhân khẩu. Những công đất đã hiến cho các hộ tiếp tục mần ruộng thì bà cụ không đòi. Duy chỉ có một hộ, nhận ruộng của bà, nhưng lại cho thuê “sổ đỏ” sở hữu ruộng, lấy tiền đi chơi đê, thì bà nhất định đi thưa kiện để đòi lại.

Lý do của bà cụ chỉ đơn giản vậy thôi. Theo cụ thì ruộng đất của ông bà để lại cho con cháu là để mần ăn. Đem ruộng của ông bà “nhường” cho kẻ chỉ quanh năm rong chơi, cờ bạc là trái đạo lý ông bà. Tôi bàng hoàng khi nhận ra “cái đạo lý ông bà” của người nông dân Nam Bộ cao hơn hẳn cái nền chính trị hoang đường mà các đảng Cộng sản trên thế giới đã áp đặt cho dân tộc của họ, trong đó có Việt Nam. Không phải ai cũng yêu quý ruộng đất mà đem cào bằng ruộng đất để đi tìm sự công bằng! Nhà văn Dương Thu Hương đã gọi cái sự thắng thế của những người Cộng sản một thời là “sự hàm hồ của lịch sử”! Bà cụ mà tôi đã gặp trong đám biểu tình này, đang làm một việc là đi chống lại sự hàm hồ của lịch sử! Đương nhiên là cực kỳ gian khó. Tôi đã thu thập tất cả những lý do, những tình huống đi khiếu kiện đòi ruộng đất trong cuộc biểu tình dài ngày đó của nông dân các tỉnh miền Tây năm 2007 ở Văn phòng Quốc hội 2 tại TP. HCM để viết một phóng sự điều tra. Kèm theo bài phóng sự là những hình ảnh mà tôi đã chụp được bằng phương Pháp nghiệp vụ, chụp toàn cảnh, cận cảnh, nội dung các khẩu hiệu được trương lên (không có khẩu hiệu nào chống chế độ cả). Không một báo lê phải nào dám đăng những phóng sự điều tra như thế cả. Nếu có đăng thì họ sẽ cắt xén, gọt dừa những sự thật gai góc, chỉ để lại những gì có thể vừa lòng, lọt tai cấp trên mà thôi! Cuối cùng tôi phải ra tận Hà Nội, đến tận Văn phòng Chính phủ ở số 2 đường Bách Thảo, đưa tận tay bài viết đó đến Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng, tại văn phòng Phó Thủ tướng phụ trách chống tham nhũng của ông. Phó Thủ tướng đã tiếp tôi một buổi chiều và xem kỹ những bức ảnh về cuộc biểu tình

mà tôi đã chụp. Nhưng đây là một bài báo thì nó phải được đưa lên phương tiện thông tin đại chúng, để tạo dư luận xã hội, cách làm đi bằng con đường “tiểu ngạch” của tôi như thế là “không giống ai”!

Cuộc biểu tình của nông dân miền Tây năm 2007 đó, đã được dọn dẹp vào ban đêm bằng cách các địa phương đưa xe lên rước về. Nếu “giải thích” mà ai không nghe thì được ném lên xe đưa về! Sáng hôm sau tất cả các báo ở TP. HCM đều đưa tin, nông dân miền Tây đã “vui vẻ” ra về!

Sau này, tôi đã nhờ nhà thơ Hoàng Hưng đưa bài viết đó lên mạng Talawas với nhan đề “*Thư ngỏ gửi Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng - cần có cuộc Hội thảo khoa học về khiếu kiện ruộng đất*”. Khi bài viết đã được tung lên mạng rồi, gặp một số quan chức ở Đồng bằng Cửu Long, nhiều người đọc được đã bảo tôi: bài của đồng chí rất trung thực, có thiện chí, có nhiều phát hiện vì sao không đưa các báo đăng!

Thế đó, các giáo trình báo chí ở các quốc gia dân chủ đều dạy rằng, nhà báo là người đứng trên cây cầu để canh chừng con tàu chính phủ. Nó báo cho con tàu đó thời tiết xấu hay tốt ở phía chân trời. Nhưng ở các quốc gia toàn trị thì báo chỉ để làm vừa lòng cấp trên, chỉ để làm cảnh và để “đưa nghị quyết Đảng vào cuộc sống” chứ không phải làm theo quy luật của nhận thức là đưa cuộc sống vào nghị quyết Đảng để rồi Nghị quyết Đảng sẽ tự nhiên đi vào cuộc sống!

Lỗi tư duy ngược này là thảm kịch của những nhà nước độc tài và sớm muộn sẽ dẫn đến sụp đổ. Hiện tượng Vinashin là một ví dụ rất điển hình. Không phải các nhà báo không biết đầu tư lớn cho ngành đóng tàu Việt Nam (thực chất là

đóng vỏ tàu) là phi hiệu quả. Giữa những năm 90, tôi đã được Tiến sĩ P.N.H, chuyên gia hàng đầu của Việt Nam về đóng tàu biển, ông tốt nghiệp hạng ưu ở Liên Xô về đưa cho một tập tài liệu phân biện về việc đầu tư cho ngành đóng tàu Việt Nam. Đưa cho tôi tài liệu, ông hy vọng là để một nhà báo lâu năm lên tiếng hộ cho quan điểm của các chuyên gia đóng tàu Việt Nam. Nhưng báo chí chỉ được phép minh họa đường lối của Đảng và nhà nước mà thôi! Cho ăn kẹo cũng không một tổng biên tập nào dám đăng bài của các nhà báo lúc đó phản đối đầu tư cho Vinashin. Chỉ đến khi chuyện vỡ lở thì nhân dân là người chịu thiệt thòi nhất, vì gánh chịu nợ nần chồng chất, nhưng các nhóm lợi ích thì đã no nê! Và chẳng ai bị kỷ luật về món nợ khổng lồ ấy!

Bây giờ thì rừng vàng đã bị phá gần hết, rừng đầu nguồn đã cho nước ngoài thuê, tài nguyên dưới lòng đất đã cạn kiệt, đến than cũng phải đi nhập về, bauxite cũng phải khai quật lên để bán cho người Tàu, chỉ còn biển bạc, đảo vàng ngoài khơi thì đường lưỡi bò đang lăm le liếm hết. Biển đảo thiêng liêng của Tổ Quốc mà ông bà ta gìn giữ bằng máu xương từ bao đời, nay đồng bào Quảng Ngãi, đồng bào miền Trung ra khơi đánh bắt tôm cá thì bị giặc Tàu bắn giết, cướp bóc bất kỳ lúc nào. Nhân dân Hà Nội, TP. HCM và các tỉnh phần nộ biểu tình khí thế bùng bùng mà 700 tờ báo, gần trăm đài phát thanh truyền hình trên cả nước vẫn im khe, không dám đăng một tấm hình, một dòng tin nào về những cuộc biểu tình yêu nước của nhân dân. Chỉ có Thông tấn xã Việt Nam đưa một cái tin về biểu tình ngày 5/6 vừa qua thì lại xuyên tạc trắng trợn sự thật: “một số người tự phát tụ tập đi ngang qua”. Viết

đến đây tôi bỗng nhớ đến lời nhà văn Nguyễn Khải trong tùy bút chính trị “*Đi tìm cái tôi đã mất*” của ông rằng, người ta đã “nói dối lem lém, nói dối li lợm, nói dối không biết xấu hổ, nói dối không biết khiếp sợ”! Các nhà báo nước ta từng có thời áo vá cơm khoai, cùng đồng cam cộng khổ với nhân dân, vác cây bút đi phụng sự chính nghĩa dân tộc, đánh Tây đuổi Nhật năm xưa. Nay báo chí nước ta vì miếng cơm manh áo, vì muốn yên thân “sống mòn” lại dễ dàng làm nô bộc cho các nhóm lợi ích, các nhóm quyền lực, quay lưng với vận mệnh của Tổ Quốc hay sao?

Nếu mai một bọn Tàu cộng với máu AQ (tên một tác phẩm của nhà văn Trung Quốc Lỗ Tấn) truyền kiếp, lại thêm bệnh “mọt” làm siêu cường thời đại, điên cuồng kéo dàn khoan khổng lồ của chúng ra khai thác dầu trên vùng biển đặc quyền của nước ta đã được luật Pháp quốc tế thừa nhận mà đội ngũ báo chí “hùng hậu” của ta vẫn im khe, chỉ “anh bán thuốc cao” Lại Văn Sâm khua môi múa mép trên tiết mục “Ai là triệu phú” của đài Truyền hình Quốc gia thì bài viết này của tôi xem như “Lời ai điều cho một nền báo chí nô bộc” đã tha hóa và thối rữa đến chân lòng.

Gần 40 năm viết báo từ Bắc chí Nam, làm cả báo nói, báo hình, báo viết, báo mạng đi từ minh họa đến phản biện, phải chăng số phận đã giao cho tôi viết lời ai điều này cho nền báo chí VN hôm nay. Tôi mượn chữ “Ai điều” của nhà văn quá cố Nguyễn Minh Châu để tưởng nhớ ông trong bài viết này.

Không phải không có lý do mà nhân loại đặt tự do ngôn luận, tự do báo chí lên hàng đầu trong những quyền về con người.

Tự do thông tin ở thời đại thông tin toàn cầu sẽ cứu các quốc gia nhỏ bé không bị các “siêu cường mới” nuốt chửng; sẽ cứu cả các đảng cầm quyền biết đứng về phía nhân dân, cùng nhân dân cứu đất nước khỏi bị các đế quốc mới xâm lược nếu không muốn tự sát.

Vai trò của các nhà báo vô cùng quan trọng trong thời khắc lịch sử này. Hỡi những người anh em báo chí đồng huyết, đồng bào, đồng chủng, đồng quốc của tôi.

Đôi bài “lê dân” -

Thư ngỏ của một công dân ngoài Đảng

Viết từ TP. HCM (BBC Vietnamene 18/03/2009)

Thưa Ông Tổng Bí thư,

Chủ trương khai thác bauxite gặp nhiều phản đối trong giới trí thức.

Tôi là Lê Phú Khải, một công dân ngoài Đảng. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng có một ngày cầm bút viết thư cho Ông Tổng Bí thư Đảng đọc tôn cầm quyền. Song, những gì diễn ra trên đất nước của chúng ta những ngày qua khiến tôi ăn không ngon, ngủ không yên, suy nghĩ đến thức trắng nhiều đêm.

Đó là cơn bão ô nhiễm môi trường do công ty Vedan gây ra còn nóng bỏng dư luận cả nước thì một tin kinh hoàng lại ập đến là khai thác bauxite ở Tây Nguyên trên diện rộng và thời gian lâu dài. Tôi càng đau đớn hơn khi được đọc các bài viết của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, nhà văn Nguyễn Ngọc, tiến sĩ Nguyễn Thanh Sơn và đặc biệt gần đây là bài của nhà văn Phạm Đình Trọng (gây tiếng vang lớn) về thảm họa khai thác bauxite ở Tây Nguyên.

Tôi được biết, từ xưa đến nay Đảng cầm quyền vẫn nêu khẩu hiệu: “Ý Đảng lòng Dân”. Nay những người được tuyệt đại đa số nhân dân rất yêu quý, kính trọng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhà văn Nguyễn Ngọc cả cuộc đời gắn bó với Tây Nguyên đều phản đối mạnh mẽ việc khai thác bauxite ở Tây Nguyên.

Rõ ràng trong việc này, ý Đảng không hợp với lòng Dân. Từ trước đến nay Đảng Cộng sản Việt Nam làm được điều gì đều là do được sự đồng lòng ủng hộ của nhân dân. Nay một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước là vấn đề khai thác bauxite ở Tây Nguyên có liên quan đến sinh mạng của đất nước, đến sự tồn vong của giống nòi, của dân tộc lại không được sự đồng thuận của nhân dân thì hậu quả sẽ rất nghiêm trọng đối với cả Đảng cầm quyền và đất nước.

Tôi nghĩ rằng trong quá khứ, lịch sử đã lựa chọn Đảng Cộng sản là chính đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nhưng với hiện tại và tương lai thì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản không phải là một định mệnh. Nếu một đường lối, chủ trương lớn của Đảng mà từ Đại tướng đại công thần của chế độ như Võ Nguyên Giáp đến người dân bình thường lại không đồng thuận thì dù có một ngàn lần đưa sự lãnh đạo của Đảng vào điều 4 Hiến pháp cũng vô nghĩa!

Trước đây, cải cách ruộng đất là một chủ trương lớn của Đảng nhưng khi thấy sai, Đảng đã sửa sai, được nhân dân tha thứ và đồng tình. Nay theo tôi, vấn đề bauxite còn nguy hại gấp trăm ngàn lần cải cách ruộng đất, vì nó hủy diệt cả dân tộc ta như các nhà khoa học đã dự báo.

Chính vì lẽ đó, với tư cách một công dân, một nhà báo

lâu năm, tôi kiến nghị lên Ông Tổng Bí thư, người có trách nhiệm cao nhất của Đảng cầm quyền: hãy đưa vấn đề khai thác bauxite ở Tây Nguyên ra bàn ở cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng, Quốc hội và Nhà nước để dừng lại dự án này khi chưa quá muộn.

Mười năm nữa sông Đồng Nai và những con sông khởi nguồn từ Tây Nguyên bị nhiễm bùn đỏ thì cả miền Trung, Đông Nam Bộ và TP. HCM lấy gì mà uống, những bà mẹ sẽ đẻ ra toàn quái thai. Vì sự tàn khốc đó mà Trung Quốc đã đóng cửa các mỏ bauxite của họ trên toàn quốc vào năm 2008. Vì nhân đạo mà Liên Xô trước đây đã khuyên ta không nên khai thác bauxite ở Tây Nguyên. Vậy mà...

Thưa Ông Tổng Bí thư, trong cuộc cách mạng Pháp năm 1789 có một câu nói nổi tiếng của Jean-Paul Marat được truyền tụng khắp châu Âu: Người ta lớn bởi vì anh quỳ xuống (On est grand, parce que vous vous mettez à genoux). Dân tộc chúng ta từ khi lập nước chưa bao giờ tự cho mình là bé nhỏ. Chính vì thế nước ta xưa kia mới có tên là nước Đại Việt và giữ được nước đến hôm nay. Khi thực dân Pháp cai trị nước ta, với dã tâm làm yếu hèn ý chí tự cường của thanh thiếu niên, chúng đã soạn sách giáo khoa dạy rằng: “Nước ta hình cong như chữ S, nằm khiêm tốn bên bờ biển Thái Bình Dương!” Nhưng trận Điện Biên Phủ năm 1954 đã chôn vùi thói tham tàn của thực dân Pháp xuống bùn đen vạn kiếp.

Tổ quốc Việt Nam vĩ đại của chúng ta đời đời bất diệt. Lịch sử đã chứng minh điều đó. Không kẻ nào có thể bắt Việt Nam phải “khiêm tốn” làm bãi thải rác cho họ!

Tôi có bấy nhiêu lời gan ruột của một công dân nước Việt

gửi đến Ông Tổng Bí thư. Kính chúc Ông sức khỏe.

Lê Phú Khải

Nước Việt của ai?

Posted by bvnpost on 14/09/2010

Sẽ có người phản nộ muốn mắng ngay vào mặt kẻ viết bài này khi đặt một vấn đề như thế! Nhưng xin quý vị hãy bình tĩnh để cho tôi “được mở mồm” (chữ dùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Dân chủ là để cho dân được mở mồm*”). Xin thưa: trong suốt chiều dài lịch sử, khi đất nước bị ngoại bang xâm lược, những kẻ cầm quyền đất nước đồng lòng với nhân dân đánh giặc giữ nước thì người Việt Nam là những thiên thần của lòng yêu nước. Lịch sử đã chứng minh điều này bằng những Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên Phủ. Nước Việt chúng ta ở ngay bên cạnh kẻ xâm lăng thường trực 4000 năm, còn được đến hôm nay là nhờ xương máu của những người yêu nước đó.

Nhưng khi giặc xâm lăng đã rút rồi thì với chủ thuyết Khổng giáo, nước là của vua, yêu nước là phải trung với vua (trung quân ái quốc) - dân ta cứ hồn nhiên nhiễm phải tà giáo này suốt chiều dài lịch sử. Tất nhiên vua chúa thì minh quân rất hiếm, đa số là hôn quân bạo chúa, có ông vua là thằng bé con mồm còn hôi sữa, mẹ nó buông mành nhiếp chính đằng sau, làm bao điều hại nước hại dân, thế thì nhân dân đâu có thể yêu cái nước của vua ấy được. Nhân dân phải đi tìm một con đường yêu nước kiểu khác cho mình. Kẻ sĩ có liêm sỉ thì đi ở ẩn! Còn dân thì “*quan có cần nhưng dân không vội, quan có vội quan lợi quan sang!*”

Nhà nước với nhân dân hiện thân trong câu ca dao như thế nên nước yếu! Nước yếu thì giặc ngoại xâm lại tới! “*Giặc đến nhà đàn bà phải đánh*”! Đó là lỗi tại vua chúa, vì chức năng của đàn bà là sinh con đẻ cái, không phải để đánh giặc! Giặc đã đến nhà rồi thì còn gì nữa, nó đốt phá giết chóc, cướp bóc tha hồ! Nếu nước mạnh thì phải đánh giặc khi nó mới lấp ló ở biên cương kia!

Đọc những câu ngạn ngữ như thế, chúng ta thấy thương người phụ nữ Việt Nam quá! Thấy đau cho dân tộc Việt Nam quá! Thấy bà mẹ Việt Nam trong lịch sử ngàn đời của đất nước vĩ đại quá, vừa làm lụng, vừa nuôi con và đánh giặc. Còn có phụ nữ nào trên trái đất này gian truân như các bà mẹ Việt Nam .

Trong dịp kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, một vị tướng ở Hà Nội đã nói với người viết bài này rằng: không phải chỉ có Bế Văn Đàn, Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện... là anh hùng, mà tất cả các chiến sĩ Điện Biên Phủ đều là anh hùng, vì họ đã xung trận mà không tiếc xương máu!

Nhưng sau trận đánh “không tiếc xương máu” đó, là đấu tranh giai cấp, là cải cách ruộng đất, là cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, là đấu tố Nhân văn Giai phẩm... từ đó đất nước là của Đảng, của Chủ nghĩa Xã hội. Cái chủ nghĩa xã hội phải xếp hàng cả ngày ấy, bắt nhân dân “*Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội*” thì nhân dân lảng tránh!

Ngày xưa vua chúa dạy dân “Trung quân ái quốc”. Vua ở trên nước. Nay khẩu hiệu của Cụ Hồ: “Quân đội ta trung với nước, hiếu với dân” người ta đổi là: “Trung với Đảng, hiếu với dân”, thì dân hiếu ngay nước bây giờ là của Đảng!

Cơ quan công an còn trưng khẩu hiệu “Công an nhân dân chỉ biết còn Đảng còn mình” thì sự trắng trợn đã lên đến tột đỉnh! Đảng đã thành vua, dân là đầy tớ cho Đảng! Đất nước lại suy vi! Sau năm 1975, hàng triệu người phải bỏ nước ra đi! Đất nước đứng bên bờ vực thẳm. Công cuộc đổi mới, mở cửa để Đảng tự cứu lấy mình đó, mở đầu bằng cải cách kinh tế. Đất nước như người bệnh được hồi sức. Nhưng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã dẫn đất nước đến tình trạng tiền mafia. Đất nước không còn là của nhân dân nữa. Đất nước bây giờ là của các nhóm lợi ích, của Tập đoàn Than và Khoáng sản để dẫn người Tàu vào khai thác Bauxite ở Tây Nguyên, của Tập đoàn Vinashin ném hàng núi tiền của dân xuống biển, của dự án đường sắt cao tốc toan bắt dân khoác lấy cả một hàng núi nợ nần... Trong lúc các bệnh viện hai, ba cháu thiếu nhi phải nằm một giường, các bà mẹ phải nằm dưới đất mà ông Phó thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng khoa tay, lớn tiếng trên diễn đàn Quốc hội rằng: “Không thể không làm đường sắt cao tốc” thì nhân dân biết rõ, đất nước này không phải là của mình nữa rồi. Vì thế, mạnh ai người ấy sống, mọi chính sách của Nhà nước họ bỏ ngoài tai. Vì thế người người trốn thuế, nhà nhà trốn thuế. Đến nỗi nhà xã hội học Nguyễn Trần Bạt phải đau xót thốt lên rằng, trốn thuế là “sức mạnh cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam!” Ở các nước văn minh, trốn thuế là một tội rất lớn, cầm chắc ra tòa và ngồi tù. Ở nước ta, lần đầu tiên có một người phải ra tòa vì tội trốn thuế là anh Điều Cày! Khi xử anh, công an gác bốn bề, khiến nhiều người rất ngạc nhiên! Vì tội chính của anh là “tội” biểu tình chống Trung Quốc xâm lấn Hoàng Sa, Trường Sa! Vì tội

chính của anh là “tội” yêu nước Việt Nam của mình! Lịch sử Việt Nam bây giờ lại có “tội danh yêu nước”!

Năm 2001, tôi có hỏi một thanh niên Pháp ở Paris rằng, vì sao một năm nay anh không về quê thăm bố mẹ? Anh ta trả lời rất tự tin: Tôi mãi làm ăn, và tôi đóng thuế rất đầy đủ cho Chính phủ, như thế là tôi có hiếu với cha mẹ tôi, tôi đã làm đầy đủ bổn phận của một người con!

Ở các nước dân chủ, người ta biết rằng, tiền thuế của mình đóng cho nhà nước thì quỹ phúc lợi xã hội sẽ chăm sóc người già yếu bệnh tật, chăm sóc cho chính gia đình, cho bố mẹ họ, nên họ không trốn thuế. Ở các nước đó, đóng thuế là biểu hiện rõ rệt nhất của lòng yêu nước.

Vậy dân ta trốn thuế thì phải nghĩ thế nào đây? Ai làm nên nông nỗi này với một dân tộc đã chiến thắng ở Điện Biên Phủ mở đường cho các dân tộc nô lệ vùng lên, chấm dứt một thời đại các dân tộc nhược tiểu còn bị nô dịch ở cuối thế kỷ XX. Đau xót quá! Chính vì biết rõ đất nước không phải của mình nên nhân dân lao động lầm lũi đi tìm con đường sống cho mình ở khắp nơi, kể cả đi lấy chồng, đi làm ô-sin ở ngoại quốc. Chỉ vì biết đất nước không phải của mình nên một số người tìm cách luồn lách, tìm một chỗ yên thân, thậm chí đi định cư ở nước ngoài. Nhưng khi “mất nước trong lòng”, khi nên “độc lập chẳng còn ý nghĩa gì” (lời Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Nước độc lập mà dân không được tự do, hạnh phúc thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì!*”) thì hạnh phúc của người Việt Nam không bao giờ trọn vẹn, nếu không muốn nói là bị kịch truyền kiếp! Tôi có một anh bạn, có con định cư và nhập quốc tịch nước sở tại. Anh tâm sự với tôi: “*Con tôi làm*

công cho một công ty nước ngoài, phải nhập quốc tịch nước đó để đi lại khắp nơi cho dễ, thế thôi. Chứ nó buồn lắm, và rất muốn về làm ăn tại quê nhà. Tôi cũng mong nó về lắm, và tôi chắc thế nào nó cũng đưa vợ con về nước.” Tôi có một ông bạn vong niên rất thân là nhà báo lão thành Trần Minh Tân ở báo *Nhân Dân*. Ông quê ở Hải Dương, đậu Tú tài toàn phần trước 1945. Ông chỉ có một thằng con trai định cư ở Úc. Vì thế ông đã quyết định dọn cả bàn thờ tổ tiên sang Úc. Rồi vợ ông cũng sang Úc đoàn tụ, ông quyết chết ở bên đó. Nhưng rồi ông lại về nước sống một mình tại Hà Nội. Tôi đến thăm ông, tự tay ông lọ mọ nấu ăn. Lúc ngồi vào mâm cơm dọn ở đầu hè, ông vừa so đũa vừa kể: *“Tao đã định chết ở bên đó. Nhưng một hôm tao đang ngồi trong vườn biệt thự của thằng con, bỗng dung một đàn bồ câu ở đâu sà xuống sân kiếm ăn. Nhìn đàn chim kiếm ăn trong sân tao nhớ nhà quá, nhớ nước quá, thế là đành bỏ vợ con lại, về nước.”* Hớp một hớp rượu, rồi mắt ông bỗng rung rung, tay vỗ xuống chiếu than với tôi: *“Mình không phải là Cự Hồ mà cũng yêu nước, nên mới khổ thế này!”* Tôi chưa bao giờ thấy ai than thân trách phận một cách xót xa mà lại humour đến thế! Cự Hồ mà nghe được câu than này, chắc Cự cũng ngậm cười nơi chín suối!

Ít lâu sau ông lại vô TP. HCM thăm cô con gái đầu lòng, rồi đến chào từ biệt vợ chồng tôi để lại sang Úc với thằng con trai. Ông nói: *“Vinh biệt vợ chồng cậu, mình đành gửi nắm xương tàn nơi đất khách quê người vậy thôi!”* Nói rồi ông già rung rung nước mắt.

Bằng đi một thời gian tôi không có tin tức gì về ông. Tháng Tư vừa rồi, tôi đang ngủ gật trong phòng đợi tại sân

bay Nội Bài để về TP. HCM, bỗng có một bàn tay vỗ nhẹ vào bụng tôi. Mở mắt ra thì là anh Tạ Quang Ngọc, con trai cụ Tạ Quang Đạm ở báo *Nhân Dân*. Cụ Đạm xưa kia là bạn thân với bác Minh Tân, cũng là bạn vong niên với tôi. Anh Ngọc kéo tôi vào phòng VIP uống trà rồi nói: “*Đã biết tin ông Minh Tân mất chưa?*” Tôi sững sốt: “*Mất ở bên Úc à?*” Anh Ngọc kể: lúc lâm chung, cụ Tân nhất định đòi về chết tại Việt Nam. Cụ bảo con trai: “*Ở bên này chúng nó đều nói tiếng Anh, tao chết xuống âm phủ không ai nói tiếng Việt với tao cả, buồn lắm, cho tao về quê chết, để còn được trò chuyện với bạn bè!*” Thằng con thương bố nên đã đem cụ về Việt Nam để chết! Nghe đến đây tôi bỗng nhớ đến câu chuyện trong lịch sử nước nhà. Lê Chiêu Thống là một tên vua bán nước, theo quân xâm lược chạy về bên Tàu. Nhưng trước lúc chết còn dặn gia nhân rằng, khi nào có điều kiện thì bốc hài cốt của ông về đất Việt. Riêng chi tiết này, người đời sau có thể ngâm ngùi cho ông vua lơ bưốc!

Thì ra lòng yêu nước của thần dân nước Việt chúng ta nó nhiều cung bậc, nhiều gam màu đến như thế. Nó sâu thẳm vô bờ! Đất nước ta hiện nay lại đang đứng trước nạn ngoại xâm biển đảo, nạn thâm nhập đất liền, mà nhân dân lại thấy đất nước càng ngày càng không phải là của mình thì hiểm nguy cho dân tộc khôn lường! Chỉ có con đường dân chủ hóa đất nước, nhân dân hiểu đất nước là của mình, tiền đóng thuế của dân không phải để rót vào con thuyền không bến Vinashin, không phải để làm đường sắt cao tốc cho ông Nguyễn Sinh Hùng và phe nhóm ông, không phải để mở rộng Thủ đô một cách vô lý và láo xược thì nhân dân và nhà cầm quyền mới

thành một khối, lòng yêu nước của nhân dân sẽ thăng hoa trở lại và không một kẻ thù nào có thể “đến nhà” chúng ta được. Người Việt chỉ biết có nước Việt Nam dân chủ cộng hòa của Cụ Hồ năm 1945. Cái xã hội chủ nghĩa làm cho dân xa nước, nước không phải của dân, nước của một chủ nghĩa đã bị nhân loại ruồng bỏ, ném vào sọt rác lịch sử thì bỏ hẳn nó đi, đừng gắn nó vào hai chữ Việt Nam thiêng liêng của dân tộc nữa, chỉ làm cho nhân dân thêm đau buồn và phẫn nộ, chỉ làm cho thế giới người ta cười cho. Đến nước Tàu cũng đâu có gắn xã hội chủ nghĩa vào tên nước. Nước người ta là Cộng hòa nhân dân Trung Hoa kia mà! Hồn thiêng sông núi bốn nghìn năm sẽ phù hộ cho dân tộc ta trên mỗi bước đường để vượt qua cơn hiểm nghèo này. Việt Nam dân chủ sẽ tồn tại và hùng cường! Tôi tin là tuyệt đại đa số nhân dân và đảng viên cộng sản Việt Nam đều khát vọng như thế. Đó là điều nhiều đêm tôi không ngủ để suy nghĩ về đất nước tươi đẹp và đau khổ của mình.

TP. HCM 9/2010

L.P.K.

03/12/2012 Bauxite

Khổng Tử và những cơn sốt định kỳ của nước Trung Hoa

Có thể nói, trong lịch sử của Trung Hoa và nhân loại, chưa có triết gia nào mà triết thuyết của người ấy lại được tăng bốc đến mây xanh, hoặc phi báng không tiếc lời như triết thuyết của Khổng Tử (551- 479 trước CN). Nào là Đại Thánh, là Thánh của các ông Thánh, là “vạn thế sư biểu” (người thầy tiêu biểu của muôn đời), nhưng lại có bậc thức giả viết trên

giấy trắng mực đen gọi ông là “con chó nhà tang” (!) (nhà có người chết).

Vì sao lại như vậy?

Không khó lắm để trả lời câu hỏi này nếu người ta chịu khó suy nghĩ một chút. Nói một cách dễ hiểu thì toàn bộ học thuyết của Khổng Tử là lý thuyết về người quân tử, tức kẻ cai trị đất nước (quân là cai trị, tử là người cai trị). Muốn trở thành người quân tử thì phải tu thân, để trở thành người có đạo đức. Đạo là mối quan hệ mà con người phải biết cách ứng xử. Theo Khổng Tử thì đạo vua-tôi, cha-con, chồng-vợ, anh-em, bạn-bè... (quân thân, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu) là quan trọng, được gọi là ngũ luân. Đức theo Khổng Tử có ba điều: nhân, trí, dũng. Sau này Mạnh Tử bỏ chữ “dũng” vì sợ bầy tôi có “dũng” thì dễ làm phản nên thay bằng lễ và nghĩa. Đến đời Hán thêm chữ “tín” thành năm đức: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín như ta hiểu ngày nay, còn được gọi là ngũ thường. Người đời sau hay nói đến luân thường đạo lý là nói đến triết lý của Khổng Mạnh.

Ngoài đạo đức, người quân tử còn phải biết thi, thư, lễ, nhạc... tức là phải có văn hóa cao. Tu thân rồi, người quân tử phải tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Vì thế, khác với đạo Lão, đạo Khổng là nhập thế, là hành động, là dẫn thân cho xã hội, là thực thi lý tưởng của mình. Phương châm cho mọi hành động cai trị của Khổng Tử là nhân trị, là yêu người. Khổng Tử nói: “Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác”. Hay: “Mình muốn lập thân thì phải giúp người khác lập thân, mình muốn thành đạt thì phải giúp người khác thành đạt” (sách *Luận ngữ*).

Phương châm thứ hai của kẻ cai trị là thuyết chính danh. “Nếu danh không chính thì lời nói không thuận. Lời nói không thuận thì việc làm chẳng thành” (sách *Lược ngữ*). Khổng Tử còn dạy: “Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con”.

Rõ ràng, học thuyết của Khổng Tử là đức trị. Yêu người để trị người. Vì thế đạo Khổng có sức hấp dẫn lớn đối với nhiều người. Người đời gọi ông là “người thầy tiêu biểu” là không có gì sai. Nhưng Khổng Tử là người không thích cách mạng xã hội. Ông không tán thành cách mạng để thay đổi thời thế, cho dù thời thế của bọn hôn quân bạo chúa. Đó là tính chất bảo thủ trong tư tưởng chính trị của Khổng Tử. Nói như nhà văn hóa Việt Nam Nguyễn Khắc Viện là hoàn toàn chính xác: “Khổng Tử bỏ qua vấn đề pháp luật, từ chối mọi cải cách” (Bản về đạo Nho – NKV). Chính vì thế mà từ đời Hán trở đi các triều vua đều triệt để lợi dụng học thuyết Khổng Mạnh để kéo dài chế độ phong kiến bảo thủ trì trệ ở Trung Hoa cho đến đầu thế kỷ XX. Sử Trung Quốc chép rằng, khi Lưu Bang diệt được Hạng Vũ để lên ngôi vua, có lần ông nói với Lục Giả: “Ta ngồi trên lưng ngựa mà giành được thiên hạ thì cần gì mà phải học Thi, Thư”. Nhưng rồi Lưu Bang Hán Cao Tổ biết rút kinh nghiệm của triều Tần trước đó, nghe lời Lục Giả đề cao đạo Khổng, đưa đạo Khổng lên địa vị quốc giáo nên nhà Hán trị vì được 400 năm. Không những thế, từ đó Khổng giáo còn được truyền bá ở nhiều nước châu Á.

Những kẻ muốn ổn định ngai vàng, muốn duy trì trật tự đương đại đã hết lời đề cao đạo Khổng. Nhưng những kẻ muốn lật đổ, muốn thay đổi, muốn cải cách thì không tiếc lời lăng mạ Khổng Tử. Có người đã nói rất sâu sắc rằng,

học Khổng Tử là học quỳ lạy. Khổng Tử dạy học trò để làm quan, để được quỳ lạy dưới ngai vàng. Trong lịch sử Trung Hoa, phần lớn trí thức nước này chỉ biết quỳ lạy. Tài cán như Khổng Minh Gia Cát Lượng cũng không dám “thể thiên hành đạo” để rồi rốt cuộc cũng chỉ quỳ lạy trước một thằng bé mồm còn hơi sữa là Hậu Chủ, con của Lưu Bị nổi nghiệp cha làm vua nước Thục. Mao Trạch Đông khi thất thế sau “Đại nhảy vọt”, muốn lật ngược thế cờ, lật đổ Lưu Thiểu Kỳ và những người cả gan chống Mao đã chẳng lớn tiếng “phê Lâm, phê Khổng” là gì? (phê Lâm Bru, phê Khổng Tử). Khen rồi chê, chê rồi khen. Chưa có ai bị lợi dụng suốt chiều dài lịch sử nước Trung Hoa như thầy Khổng.

Bây giờ ở Trung Hoa, Marx-Lenin đã bị vứt đi không còn xài được nữa. Mao cũng “hết đất” rồi. Thuyết “mèo trắng, mèo đen” ba đại diện của Đảng của Giang chỉ là thứ lý thuyết ve chai, chụp giật, thiếu hệ thống, thiếu sức thuyết phục mà người ta lại muốn “ổn định” ngai vàng của Đảng Cộng sản để duy trì quyền lực cai trị độc đoán, độc tôn thì phải làm sao đây? Một nước Trung Hoa vĩ đại với hai hình ảnh thật trái ngược: giáo sư Lưu Hiểu Ba đoạt giải Nobel thì đang ngồi tù, còn nhà văn Mạc Ngôn cũng đoạt giải Nobel thì được tung hô.

Thử hỏi, một nước Trung Hoa mà hầu như tất cả những người giàu có nhờ tham nhũng, chụp giật được trong một nền kinh tế thị trường độc đảng... đều gửi tiền, mua nhà và cho con cái đi học ở các nước tư bản “giấy chết” thì lấy gì để biện minh cho tính “chính danh” của Đảng cầm quyền? Một nước Trung Hoa mà người mẹ phải xích chân con mình bên cổ máy vì không có tiền gửi con đi nhà trẻ, để bán sức lao động cho

ông chủ tư bản đồ thì lấy gì để tự hào với thế giới?

Và lúc này, thật đúng lúc Khổng Tử lại được người ta nập quan tài để dựng lên thành “giá trị Trung Hoa”. Hàng trăm Viện Khổng Tử được lập nên để nghiên cứu nền đức trị cho một xã hội có hàng trăm ngàn cuộc bạo loạn của dân chúng hàng năm vì bất công xã hội, giàu nghèo ngày càng như nước với lửa, và cả đất nước là cả một cái lò khổng lồ ô nhiễm độc hại với muôn nghìn cách xả rác thải hóa chất ra môi trường. Chính lúc này, Khổng Tử là ly rượu tốt nhất để các công dân nghèo khổ Trung Quốc (đang chết dần mòn vì đói, vì mất nhà mất cửa, vì ăn phải nhiều chất độc) uống vào cho mau lên cơn nhập đồng, nổi máu AQ đại Hán siêu cường!

Còn nhớ ngày nào cả nước Trung Hoa đã quên ngay chuyện mấy chục triệu dân chết dưới tay họ Mao, để vui mừng tung hô Mao đón tiếp Nixon ở Trung Nam Hải. Máu AQ lại nổi lên vì nếu mình không phải nước lớn thì làm sao Tổng thống một siêu cường như Nixon phải đến “triều kiến” nước mình? Thế là Mao lại trở thành vĩ nhân sau khi đã giết đến mấy chục triệu người! Nghe đâu ở Trung Quốc hiện nay người ta đã loại bỏ Lỗ Tấn ra khỏi chương trình giảng dạy trong nhà trường vì ông nhà văn này đã phê phán kịch liệt thứ chủ nghĩa thắng lợi tinh thần AQ của người Trung Quốc.

Ở những nước dân chủ văn minh, thực tế đời sống xã hội đã biện minh cho chính thể của họ, cho nhà cầm quyền. Còn ở những xã hội độc tài như Trung Quốc, Việt Nam, nơi có “kẻ ăn không hết, người lần không ra”, không có tự do ngôn luận, không có tam quyền phân lập, không có Quốc hội do dân thực sự bầu lên thì chính quyền phải nặn ra những giá trị

ảo để lừa dối dân chúng. Giải thưởng toán học của Ngô Bảo Châu là rất xứng đáng nhưng làm rùm beng lên cả nước là có dụng ý gì? Thủ tướng tổ chức đón rước, truyền hình tường thuật tại chỗ để người dân quên đi độc tài, tham nhũng, bất công đang diễn ra quanh mình? Trong khi chính người được giải Nobel ở một quốc gia dân chủ thì có khi người sống cùng địa bàn cũng không hay và không ai đón rước cả!

Nói tóm lại, Khổng Tử như tác giả Lý Linh sau khi nghiên cứu kỹ *Luận ngữ*, tác phẩm chính của Khổng Tử gồm những lời đối đáp của ông với học trò đã cho Nhà xuất bản Nhân dân tỉnh Sơn Tây in cuốn “*Tôi đọc Khổng Tử*” (Ngã đọc Luận ngữ) vào năm 2007 là công bằng nhất. Đại ý, Lý Linh cho rằng không nên đặt Khổng Tử lên bàn thờ, cũng không nên dìm ông xuống bùn đen. Ông chỉ là một người hoài cổ, một người bình dân, không quyền lực. Ông hiếu học, có lòng tốt, luôn khuyên người ta cải tà quy chính. Ông dẫn thân đi thuyết khách nhưng chẳng được ai dùng “như con chó vô chủ, lang bạt, không nhà”. Nên gọi ông là Don Quichotte! Khổng Tử do vua chúa xưa nặn ra là Khổng Tử nhân tạo. Vậy mà những cơn sốt định kỳ Khổng Tử luôn làm ngạt thở nước Trung Hoa do người ta lợi dụng ông vì những lợi ích bản thân của kẻ cầm quyền. Ông từng bị khinh rẻ, xem là hủ Nho, rồi bỗng hóa thành ông Thánh của mọi ông Thánh. Là thầy của muôn đời trong hàng ngàn năm phong kiến tầm tối. Rồi trong Cách mạng văn hóa với khẩu hiệu “phê Lâm, phê Khổng” ông lại bị các hồng vệ binh đập nát tấm bia “vạn thế sư biểu” tại đền thờ ông. Tượng ông bị khoét mắt, khoét tim và 100.000 tác phẩm của ông bị thiêu hủy. Rồi bỗng dưng ông được những

người “từ chối mọi cải cách” chính trị ở Trung Quốc phục chế ở thời đại @, thành “giá trị Trung Hoa” ở thời đại kinh tế toàn cầu. Giải thưởng hòa bình Khổng Tử năm 2010 được trao cho ngài cựu Phó Tổng thống Đài Loan Liên Chiến và nhiều người khác. Năm 2011 được trao cho nhà độc tài Putin. Nhưng thật bất ngờ là những người đoạt giải đều phát biểu không biết nó là cái gì và không ai đi nhận giải. Vì thế cho nên những người Nga mới chế giễu rằng nó “nhảm nhí vô giá trị”.

Không thể “đi giật lùi đến tương lai” (Nguyễn Trần Bạt) được, thưa các nhà độc tài Trung Quốc! Không thể lừa bịp ai được ở thời đại thông tin toàn cầu này. Một nhà nước không “chính danh” sinh ra và tồn tại trên đầu ngọn súng mà tôn thờ một học thuyết nhân nghĩa yêu người thì thật là đại bịp. Tháng 12/2012

L.P.K.

Tác giả gửi trực tiếp cho BVN (Bauxite Vietnam)

CHƯƠNG TÁM

NGƯỜI CÙNG THỜI

Chú Bảy Trân

Như tôi đã nói ở đầu tập hồi ký này, Bảy Trân (Nguyễn Văn Trân) là một người cộng sản hiếm có, nói sao làm vậy. Ông là con một điền chủ ở Nam Bộ, cha chết sớm, ở với chú. Năm 15 tuổi đã sang Pháp học đến tú tài rồi đi hoạt động cách mạng, qua Liên Xô học trường Đảng cao cấp, quay lại Pháp, rồi về Việt Nam hoạt động. Ông kể với tôi: “Tao về Việt Nam năm 1930 theo một tàu thủy chở khách từ Marseille về Sài Gòn, do một thiếu tá Pháp đảng viên đảng Cộng Sản Pháp làm thuyền trưởng. Ông thiếu tá này giấu tao dưới boong tàu, hằng ngày cho người đem thức ăn xuống. Ông dặn: ăn xong thì ỉa vào bát và ném xuống biển để khỏi lộ. Cứ thế tao sống một tháng dưới boong tàu cho đến khi về đến Sài Gòn. Lúc lên bờ, mật thám Tây, Ta giăng kín trên bến. Nhưng ông thiếu tá cùng tao sóng đôi, vừa đi vừa nói chuyện nên qua được vòng vây mật thám. Tiễn tao đi một đoạn xa, cho đến khi tao lên được xe taxi về Cẩn Giuộc Long An thì ông mới quay lại.”

Người cán bộ cộng sản cao cấp này xuất hiện ở nhà tôi như đã kể ở đầu sách, với tư cách là sui gia với bố mẹ tôi, đã gây cho cả dòng họ tôi một sự ngạc nhiên về người cộng

sản. Thời ấy, sau hoà bình năm 1954, cả miền Bắc sống trong không khí hừng hực của đấu tranh giai cấp, cải cách ruộng đất, cải tạo tư sản; nhà thờ, đình chùa được xem như những địa chỉ đen. Người ta phá đình, phá chùa, vắn cổ bụt ném xuống ao. Bàn thờ tổ nhà tôi, trừ ông nội tôi ngày Tết ngày giỗ chính tay cụ thắp hương, vái lạy, còn không ai ngó ngang gì đến. Vậy mà ông cán bộ cộng sản cao cấp này, lại là dân Nam Bộ, lần đầu tiên đến nhà tôi đã xin phép ông nội tôi được thắp ba nén hương và chấp tay vái lạy bàn thờ tổ. Ông nội tôi nhận ra, đây là một nhà cách mạng chân chính. Từ đó, mỗi khi “chú Bảy Trân” như tôi vẫn gọi theo cách gọi của chị ruột tôi, người nhận ông là bố chồng danh dự, xuống nhà tôi chơi, chú đều được ông nội tôi đón tiếp rất niềm nở.

Theo cách phân loại con người qua ba tiêu chí: thông minh, lương thiện và cộng sản, mà ông Hà Sĩ Phu nói đến, thì: nếu thông minh mà cộng sản thì gian hùng như Lê Đức Thọ, nếu lương thiện mà cộng sản thì bầm dập, nếu thông minh và lương thiện thì không theo cộng sản. Vậy thì ông Bảy Trân ở loại thứ hai. Vì thế ông bầm dập. Chỉ vì khi học ở trường đảng Nguyễn Ái Quốc để chuẩn bị vào Trung ương và đi làm đại sứ Việt Nam tại Liên Xô, học trò Bảy Trân đã theo tinh thần dân chủ của Aristote “chân lý quý hơn thầy” dám cãi lại Tổng Bí thư Trường Chinh: thanh niên Tiên phong ở Nam Bộ là của ta, không phải của Nhật như thầy giảng nên chỉ sau đó ít lâu là về vườn!

Điều tôi ngạc nhiên nhất là sau khi thất sủng, Bảy Trân đã lên Bắc Ninh xin một quả đồi (thời đó xin đất rất dễ) để ngày ngày cuốc đất trồng dưa (khóm). Tôi lúc đó đang là sinh viên

năm thứ hai, nghỉ hè đạp xe lên chơi với “chú Bảy”, thấy ông vẫn vui vẻ say sưa trồng dưa. Tôi ở chơi cả tuần lễ với chú Bảy. Ông bảo tôi, mày đưa cái bản đồ thế giới treo trên tường kia lại đây, tao chỉ cho mày những nơi tao đã ở. Ông chỉ các nước châu Âu mà ông đã hoạt động cách mạng ở đó. Ông kể: “Có lần tao ở nhà một nữ đảng viên Cộng Sản Đức, thấy tao cả mấy tháng trời toàn nghiên cứu tài liệu rồi viết lách, không trai gái bỏ bịch gì cả, một buổi bà ấy bảo: hôm nay tao cho mày ngủ với tao, mày đáng thương quá. Thế là tối hôm ấy tao được sang buồng ngủ chung với bà ấy”(!).

Nhà chú Bảy dưới chân đồi, dĩ nhiên là nhà lá, nhưng mát mẻ hơn ở Hà Nội về mùa hè nhiều. Tôi đã được đọc tập hồi ký viết tay của ông. Đây là một tập hồi ký cách mạng rất giá trị, đặc biệt về cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940. Lúc đó Bảy Trân thâm nhập vào lãnh địa của đảng cướp Bình Xuyên để hoạt động. Khi nhận được lệnh khởi nghĩa, ông đã biết là khởi nghĩa “non”. Vì thế, ông tổ chức một đường dây liên lạc trong đêm 22 rạng ngày 23/11/1940. Ông cho người gác ở dọc đường từ nam Sài Gòn về Cần Giuộc, Long An. Liên tục chạy xe đạp để thông tin. Nếu Sài Gòn khởi nghĩa thành công thì ông mới phát lệnh khởi nghĩa ở Cần Giuộc. Khi được biết ở Sài Gòn chỉ nổ ra khởi nghĩa ở Hóc Môn, Mười tám thôn Vườn Trầu, rồi tắt ngấm, ông đã ra lệnh giải tán anh em Bình Xuyên ai về nhà nấy và tiếp tục đi ăn cướp (ông còn dặn họ, cướp được của nhà giàu thì chia cho dân nghèo). Nhưng một số anh em trong đảng cướp Bình Xuyên hăng máu đánh Pháp, đã chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, nghe được lệnh giải tán từ mồm Bảy Trân, đã hè nhau trối Bảy Trân lại chuẩn bị

xử bản! May quá, có người là kẻ bề trên trong Bình Xuyên, hiểu biết hơn, đã nói: “Thầy Bảy không phải hạng người sọc dưa như thế, thầy là trí thức nên hiểu biết”. Thế là Bảy Trần thoát chết. Ai đọc tiểu thuyết “*Người Bình Xuyên*” của nhà văn Nguyên Hùng sau này, nhân vật “Thầy Bảy” trong đó chính là Bảy Trần ngoài đời.

Nhờ sự sáng suốt của Bảy Trần mà cơ sở của đảng Cộng Sản ở một số nơi còn giữ được. Lê Duẩn, Trần Văn Giàu giạt xuống Miền Tây, sau này nổi lại được với cơ sở còn “nguyên vẹn” của Bảy Trần ở Cần Giuộc. Ông kể với tôi: “Sau Nam Kỳ khởi nghĩa, tao về quê. Thằng Bazin, trùm mật thám Sài Gòn dẫn lính về tận nhà tao. Nó hỏi: trong Nam kỳ khởi nghĩa mày làm gì? Tao trả lời: ở nhà với vợ! Nó quát: nói láo! Thằng này ngày xưa ở Paris học cùng lớp với tao, nên tao chỉ vào mặt nó mắng: mày biết thừa tao từng đi học trường Đảng cao cấp ở Moscou (Mạc Tư Khoa). Tao biết lúc nào thì khởi nghĩa, nếu tao mà khởi nghĩa thì mày không còn đến hôm nay để đến đây mà đòi bắt tao! Đuối lý, nó dẫn lính về! Bà con trong ấp Phú Lạc xã An Phú được một bữa đứng coi một Tây một Ta chửi nhau một bữa bằng tiếng Tây rồi thằng Tây cút xéo!”

Cuốn hồi ký của Bảy Trần là một tài liệu rất trung thực về Nam Kỳ khởi nghĩa mà tôi đã được đọc theo yêu cầu của ông: “Mày là sinh viên Văn khoa, tao thì tiếng Tây rành hơn tiếng Ta nên mày đọc và chữa ngữ pháp, chỉnh tả cho tao!” Vì thế tôi đã đọc rất kỹ. Sau này, con trai lớn của ông là Ba Đăng (Nguyễn Hồng Đăng) có đem về Sài Gòn nhưng không một nhà xuất bản nào chịu in! (Thật là hoài phí, thời đó chưa

có mạng internet). Bây giờ cả Bảy Trân và Ba Đăng đã đi xa, không biết cuốn hồi ký đồ lưu lạc ở đâu (Bảy Trân còn một người con trai thứ hai nữa là Nguyễn Hồng Kỳ, anh này đang học luật ở Hà Nội thì ông bảo anh đi B, và anh đã hy sinh tại chiến trường B).

Có một chuyện mà tôi không bao giờ quên từ những năm 1960 ở Hà Nội. Ba Đăng gặp tôi ở Hoàng Mai, anh bảo tôi: “Hô là tay bịp đấy! Mày đừng có tin.” Thời đó mà nói ông Hồ như thế là phạm thượng lắm, đi tù như chơi. Vì thế bà chị cả tôi, hồi mới giải phóng thủ đô làm công an hộ khẩu ở khu Ba Đình, đã từng ngồi trong thùng phiếu (to) để chờ kiểm soát lá phiếu của một cử tri nào đó cả gan gạch tên ông Hồ khi bầu cử quốc hội, đã bảo tôi: “Cậu chớ nghe lời Ba Đăng nói bậy bạ, đi tù có ngày.”

Ba Đăng về Nam sau 1975, làm đến Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh Tây Ninh, nhưng khi đi họp cải tạo tư sản ở dinh Thống Nhất, nghe ông Đỗ Mười định nghĩa “cải tạo là cướp đoạt lại của giai cấp tư sản”, Ba Đăng cãi lại: “Người cách mạng không cướp của ai cả!” Thế là anh lại phải về vườn như cha anh đã cãi lại ông Trường Chinh năm xưa!

Sở dĩ tôi dùng từ “huyền thoại” gắn với Bảy Trân, vì cả hai cha con ông đều nghĩ sao nói vậy, nói sao làm vậy chân chất như con người trong cổ tích thần thoại giữa một xã hội, một chế độ lấy dối trá làm nguyên tắc tồn tại. Năm 1981, tôi mới từ Hà Nội vô Sài Gòn, còn tá túc ở nhà bà chị tôi, Ba Đăng gặp tôi nói: “Mày vô đây định cư, mai một có biến loạn, bọn cục bộ địa phương nó truy lùng Bắc Kỳ thì đến nhà tao mà lánh nạn. Xưa kia ở Hà Nội, gia đình mày cu rùa mang

nhà tao, bây giờ có gì nhà tao lại cuu mang nhà mày.” Ông con nói thế, còn ông bố Bảy Trần thấy tôi đến chơi thì bảo: “Nấu cơm cho thằng Khải nó ăn, ngày xưa ở miền Bắc, tao luôn ăn cơm nhà nó!”

Năm 1995, Bảy Trần tròn 90 tuổi, gia đình tổ chức mừng thọ. Khi tôi đến, gặp cả giáo sư Trần Văn Giàu. Ông Giàu và Mười Giáo xưa kia học chung một khóa ở trường Đảng cao cấp Moscow với Bảy Trần. Ngày sinh nhật của Lenin hằng năm ba vị này vẫn họp mặt liên hoan, vì thế giới trí thức Sài Gòn mới chơi chữ, gọi các ông là “*Les trois Moscoutaires*” nhại mấy chữ “*Les trois Mousquetaires*” (Ba ngự lâm pháo thủ) tên tác phẩm nổi tiếng của Alexandre Dumas. Tôi còn thấy một bức trưởng của vợ chồng Phan Văn Khải mừng thọ “chú Bảy Trần”. Tôi hỏi Ba Đăng, ngoài bức trưởng này còn cái gì nữa không? Ba Đăng nói: “Còn bao thư 500.000 đồng!” Tôi nói: “Phó Thủ tướng mừng thọ 90 tuổi chú ruột vợ là lão thành cách mạng mà ít thế thôi à?” Ba Đăng cười hóm hỉnh: “Mừng nhiều “lộ” thì sao?” Anh còn nói thêm: “Hai vợ chồng đến rồi về liền, không thèm dự liên hoan, VIP mà(!)”. Tại cuộc liên hoan này, tôi còn may mắn gặp các “hào hán” của đảng cướp Bình Xuyên năm xưa như bác Mai Văn Vĩnh, nay là đại tá quân đội, đã nghỉ hưu. Bác Vĩnh đã ngoài 80 tuổi mà chắc nịch như một cây gỗ sao. Khi chụp hình bác Vĩnh, tôi còn nó đùa: “Khi trai trẻ chắc bác khỏe lắm, đi ăn... là phải(!)” Bác Vĩnh vui vẻ bảo tôi: “Năm 1940 tôi theo thấy Bảy đi cách mạng bỏ nghề ăn cướp!”

Sau khi tôi chụp hình hai vợ chồng chú Bảy và mọi người đến chúc tụng, tặng quà, một vị vỗ vai tôi bảo: “Còn bác Trần

Văn Giàu kia sao không chụp?” Tôi buột miệng nói: “Bác ấy vừa được nhận danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “không bằng móng chân hoa hậu”. Tôi không dám chụp “móng chân hoa hậu!” Vị này có hơi men nên túm cổ áo tôi nói: “Thằng Bắc Kỳ này nói láo!” Ba Đăng chạy lại: “Nó là Bắc Kỳ mà tử tế lắm, gia đình nó là sui gia với ông già tao đấy!” Nhưng sau đó tôi vẫn kiên quyết từ chối chụp hình bác Giàu. Tôi nói: “Vị thế bác Trần Văn Giàu thì phải đi trao danh hiệu cho những kẻ khác, chứ việc gì phải đi nhận danh hiệu này từ đám con nít trao cho mình! Ngược đời!” Ba Đăng nói: “Thằng Bắc Kỳ này nói có lý, tao đồng ý!”

Ba Đăng tính rất ngang tàng, râu quai nón, nói năng không cần biết người nghe mình là ai. Vì thế anh mới dám đứng lên cãi ngay ông Đỗ Mười đang hùng hổ đòi “cướp đoạt lại của giai cấp tư sản”!

Sau cuộc mừng thọ đó, nhân kỷ niệm 55 năm Nam Kỳ khởi nghĩa (1940-1995) tôi có viết một bài về chú Bảy Trân, nhan đề “*90 tuổi lão chiến sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa Nguyễn Văn Trân*” đăng trên tuần san *Sài Gòn Giải Phóng Thứ Bảy* số ra ngày 25/11/1995, kèm hai tấm hình vợ chồng chú Bảy trong lễ mừng thọ 95 tuổi. Điều khôi hài nhất là, sau khi bài đó đăng lên, Tổng Biên tập Vũ Tuất Việt bị Ban Khoa giáo Thành ủy TP. HCM gọi điện xuống phê phán chất vấn. Các chú con nít ở Ban Khoa giáo này nhảm Nguyễn Văn Trân với Nguyễn Văn Trấn vừa bị kỷ luật vì chống Đảng trong tác phẩm “*Gửi mẹ và quốc hội*”. Nguyễn Văn Trấn cũng là một lão thành cách mạng kỳ cựu của Nam Bộ, nổi tiếng đến mức “chết danh” là “héros de Chợ Đệm (Anh hùng Chợ Đệm).

Trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, khi Nguyễn Văn Trấn ra Bắc, Tướng Giáp đã báo cáo Cụ Hồ: “Thưa Bác, “héros de Chợ Đệm” đã ra!” Ông Trấn quê ở Chợ Đệm Long An. Từng viết cuốn “*Chợ Đệm quê tôi*” nổi tiếng. Trong cuốn sách đó, ông có dẫn câu ca dao Nam Bộ “*Cô kia cắt cỏ bên cồn/ Lợi đi lợi lại cái lòn đóng rêu*” rồi kết luận: “Vậy mà khi cắt được bó cỏ lên bờ thì cán bộ thuế xông ra đánh thuế ngay”, để chỉ trích chính sách thuế của ta sau 1975.

Chính vì hai ông Nguyễn Văn Trấn và Nguyễn Văn Trấn đều là nhân vật nổi tiếng chống Pháp nên thời Pháp, thằng Tây nhiều lần sức giấy bắt lộn hai ông. Vì chữ Tây không đánh dấu. Cả hai đều là Nguyen Van Tran! Nhưng đến thời Ta, đến năm 1995 mà Ban Khoa giáo Thành ủy cũng lộn như Tây thì mới nực cười. Chứng tỏ rằng, các chú con nít ở Ban Khoa giáo chẳng học hành gì, có học cũng là bằng dỏm, chẳng hiểu gì lịch sử của chính Nam Bộ mà đòi lãnh đạo báo chí, còn gọi điện nạt Tổng biên tập Vũ Tuất Việt đã đăng bài ca ngợi một kẻ phản bội cách mạng, viết sách chống Đảng là Nguyễn Văn Trấn! Tuất Việt là tay tổng biên tập cao thủ đã làm thình! Ý ông muốn nói: “Vậy thì đã sao!”

Cuộc đời Bảy Trân như một pho tiểu thuyết hoành tráng, không gian mênh mông, thời gian thăm thẳm, biết bao thăng trầm. Những căn nhà cổ, những hàng cau ở Mười tám thôn Vườn Trầu Hóc Môn Bà Điểm còn như in bóng một chú Bảy đi bán dạo dầu cù là trên chiếc xe đạp cọc cạch, với cái cặp da đã sờn gáy, bạc màu, len lỏi khắp các đường quê để tuyên truyền cách mạng, tuyên truyền đánh Pháp.

Là người cùng thời với chú Bảy Trân, biết con người này

từ đầu những năm 50 thế kỷ trước, tôi nghĩ, nhờ sự hiểu biết và sáng suốt của ông nên đã tránh được bao nhiêu đầu rơi máu chảy ở vùng Cần Giuộc Long An trong Nam Kỳ khởi nghĩa và giữ được an toàn cho cơ sở cách mạng. Ông nói: “Nếu trên Sài Gòn mà khởi nghĩa không đề được cái cổ thàng Tây xuống đất mà ở Long An lại nắm cái chân thì nó đạp mình xuống hố!”

Với cá nhân tôi, cũng nhờ ông chở tôi bằng chiếc xe đạp vào gặp thầy Tuất ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội mà sau hai lần “thi trượt” tôi đã lại “đổ” vào khoa Văn... ở cái thời mà số phận hàng triệu thanh niên “miền Bắc xã hội chủ nghĩa” do những ông công an xóm ở khắp nơi định đoạt!

Nguyễn Khắc Viện như tôi biết

Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện có một cuộc đời rất kỳ diệu. Lúc ba mươi hai tuổi ông bị bệnh nặng ở Pháp, tưởng đã cầm chắc cái chết. Bác sĩ Tây đã dự kiến ông “không sống quá vài năm”! Bạn ông là Phạm Quang Lễ - tức Trần Đại Nghĩa - trước lúc theo Cụ Hồ về nước đã đến thăm ông và rất buồn ngủi!

Nhưng Nguyễn Khắc Viện đã đọc sách triết học Trung Hoa, Ấn Độ ngay tại bệnh viện ông đang nằm và tìm ra phương pháp tự chữa bệnh cho mình bằng thuật yoga của Ấn Độ, khí công nhu quyền Trung Hoa, sau này ông kết hợp hai thuật trên với khoa sinh lý học hiện đại, hình thành thuật dưỡng sinh nổi tiếng.

Một buổi chiều cuối tháng tư năm 1988 tại thành phố Mỹ Tho êm ả bên bờ sông Tiền, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đã cởi áo cho tôi coi tấm lưng bị bầm nát vì bảy lần phẫu thuật

phối của ông (cắt một lá phổi và một phần ba lá thứ hai)! Tôi thật sự kinh ngạc khi thấy tấm lưng của ông Viện chẳng chít như cái bản đồ sông rạch đồng bằng sông Cửu Long của tôi đang treo trên tường! Một ông già thân hình gầy guộc với đầy những thương tích bên ngoài như thế, bên trong chỉ còn không đầy một lá phổi, vậy mà còn múa võ, đá cầu, lên diễn đàn diễn thuyết, đi Đông đi Tây, vào Nam ra Bắc, mỗi năm in một cuốn sách. Vợ tôi thấy vậy lạ quá, nhưng không dám hỏi! Ông già Viện hóm hỉnh đã từ tốn kể cho vợ tôi nghe về cuộc chiến thầm lặng của ông nửa thế kỷ qua với định mệnh.

Chiều tối hôm đó, vợ và hai con nhỏ của tôi đã ngồi nghe bác sĩ Nguyễn Khắc Viện kể về “con đường sống” của mình như nghe một ông già kể chuyện cổ tích. Vợ tôi đã ghen ngào hỏi tôi: “Sao lại có người yêu nước thương dân đến thế hờ anh”.

Đó là lần thứ hai bác sĩ xuống thăm bà con nông dân Đồng bằng sông Cửu Long và tá túc tại nhà tôi. Bác xách cái túi bằng (một loại cỏ hoang giống như cói), đội nón lá, xuống xe đồ tìm đến nhà tôi. Vì lâu ngày quên ngõ nên ông phải hỏi thăm và được một bà lão tốt bụng dẫn đường, và bà lão tưởng rằng ông già hỏi thăm đường là một sĩ quan chế độ cũ đi tù mới về! Chính bà ta hỏi bác Viện điều đó và bác đã gạt đại! Ở chơi ít ngày, bác Viện luôn hỏi thăm vợ chồng tôi về công việc đồng áng của bà con nông dân Đồng bằng sông Cửu Long, nên vợ tôi xem bác là một người yêu nước kỳ lạ! Tôi phải giải thích cho bà: nhờ luôn luôn luyện thở, ăn uống điều độ, ung dung tự tại và lạc quan yêu đời nên bác Viện mới sống được đến ngày hôm nay để đi thăm bà con nông

dân đồng bằng.

Chính cái đêm hôm đó, tôi thao thức không ngủ được. Và rồi xúc cảm làm một bài thơ con cóc, ghi lại tâm trạng mình. Bài thơ tôi đặt tên là “Vô đề”:

*Đãi ông một bữa cơm nghèo
Trải giường ông nghỉ lòng nhiều xót thương
Lưng già ít thịt nhiều xương
Sáu, năm vết mổ sẹo còn đầy vai
Con đường dân chủ công khai
Ông như lão tướng một đời xông pha
Bọn quan kiêu - lũ gian tà
Kính ông ngoài mặt, bí dè sau lưng
Núi sông được mấy anh hùng
Thế gian được mấy côi lòng trinh trung?*
Mỹ Tho 1988

Kể từ buổi chiều được tận mắt nhìn thấy tám lưng “có một không hai” của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, tôi mới hiểu thế nào là sức sống ở một con người có ý chí, sống có mục đích cao đẹp.

Chính bác sĩ Nguyễn Khắc Viện cũng nói rằng, khi Cách mạng tháng Tám thành công, cái chết của mình đã được người ta báo trước, nhưng Cách mạng tháng Tám đã mang đến cho người trí thức như ông một lẽ sống, và nhờ xác định được lẽ sống, ông mới tìm ra phương pháp để cứu sống mình. Sau này tôi mới hiểu vì sao, rất nhiều người, trong đó có tôi, khi mới gặp ông lần đầu, đều có nhận xét rằng ông Viện nói rất khê (nhỏ) và rất khó nghe (!) Thì ra ông phải “tiết kiệm” hơi

sức. Tiết kiệm suốt một đời (từ lúc ba mươi tuổi đến lúc tám mươi lăm tuổi) để sống! Thì ra không phải trời cho anh sức khỏe là anh có thể sống lâu hơn người. Có sức mà không biết tiết kiệm sức thì chưa chắc đã hơn ai. Cuộc đời bác sĩ Nguyễn Khắc Viện cho tôi một bài học: tiết kiệm” sức để sống có ích.

Bình sinh bác sĩ Nguyễn Khắc Viện nói với mọi người: “Hoi sức tôi không đủ mạnh để thối tắt một ngọn đèn dầu!”

Mà đúng thế thật, khi phải tắt một ngọn đèn dầu, bác Viện lấy hai bàn tay vỗ vào nhau để tắt đèn! Như vậy chẳng phải là bác Viện đã tiết kiệm cả từ một hơi thở để sống và làm việc có ích cho nhà cho nước hay sao. Sự việc này cũng đáng ghi vào sổ vàng tiết kiệm!

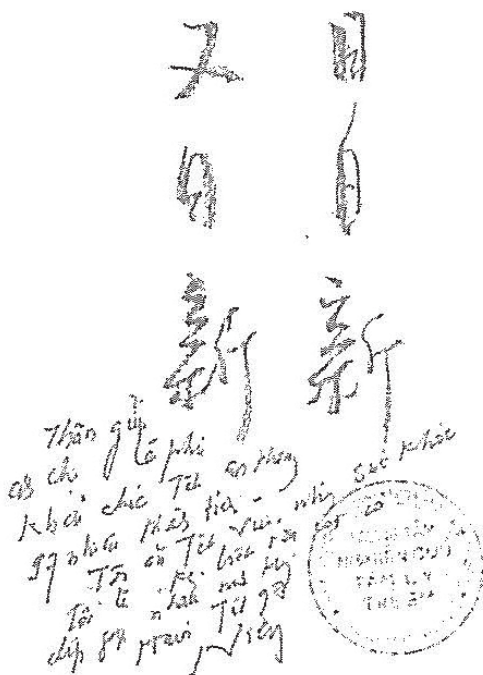
Sự thông thái Nguyễn Khắc Viện khiến giới trí thức phương Tây phải kinh ngạc. Hơn một chục đầu sách viết bằng tiếng Pháp của ông, trong đó có những trước tác rất giá trị như “*Le Sud Vietnam après Điện Biên Phủ*” (Editions Maspero 1963), “*Histoire du Vietnam*” (Editions Sociales)... , rất đồ sộ như “*Anthologie de la littérature Vietnamiennne*”, “*Vietnam - une longue histoire*”, truyện Kiều dịch sang tiếng Pháp...

Có điều lạ là, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện “múa bút” trên nhiều lĩnh vực: văn học, sử học, triết học, tâm lý học, du lịch, thể thao, y tế... nhưng ở lĩnh vực nào ông cũng tỏ ra sắc sảo, thâm thúy mà tiếp cận được những tư tưởng tiên tiến của thời đại, có đóng góp cho nền khoa học của nước nhà. Tôi giật mình khi thấy một Việt kiều đã làm một việc độc đáo là trích từ các bài báo, thư, kiến nghị và sách của ông các khái niệm xếp theo vần ABC thành một cái như là từ điển xã hội học, mà vị này gọi là “Sổ tay tư tưởng Nguyễn Khắc Viện”. Trong

cuốn “Sổ tay” đó, hàng loạt khái niệm lâu nay bị xơ cứng, giáo điều hóa nay được “định nghĩa” lại, mới mẻ, tràn đầy sinh khí. Có thể dẫn ra đây vài khái niệm đã được vị này đưa vào “tư điển Nguyễn Khắc Viện”. Ví dụ ở vấn D, từ *Dân chủ*: “*Dân chủ*: bốn khâu. Quá trình dân chủ hóa thể hiện qua mấy khâu: - Đầu tiên là nhận thức của số đông là mỗi người đều có quyền công dân, có quyền suy nghĩ, nói lên ý nghĩ của mình, không ai được xâm phạm những quyền cơ bản mà hiến pháp và pháp luật đã qui định - Báo chí trở thành công cụ sắc bén của dư luận - Các cơ quan dân cử như Quốc hội, các đoàn thể làm tròn nhiệm vụ là thay mặt cho dân, chứ không làm “cây cảnh” nữa - Các cơ quan tư pháp giữ tính độc lập, xử theo pháp luật, không chấp nhận một sức ép nào bất kể từ đâu. Bốn khâu này cần hoạt động đồng bộ, khâu này hỗ trợ khâu kia. Và dân chủ ở thành phố phải hỗ trợ dân chủ ở nông thôn” (Câu chuyện cũ mới - Văn Nghệ 7/87). Từ *Dư luận* được trích dẫn như sau: “*Dư luận* tức ý kiến và nguyện vọng của quần chúng lại là nguồn tư liệu để các bộ phận khoa học nghiên cứu, đặt thành vấn đề, tìm ra những phương cách vượt qua sự đánh giá chủ quan cảm tính” (Bàn về quan liêu). Từ *Dưỡng sinh*: “*Có sức khỏe tốt, tức có thể có khả năng tự điều chỉnh bất kỳ trong hoàn cảnh, tình huống nào*”, “*Chủ động giúp cơ thể điều chỉnh hoạt động, đó là mục tiêu của khoa dưỡng sinh*”.

Bao nhiêu lĩnh vực khác nhau như thế mà lĩnh vực nào Nguyễn Khắc Viện cũng am tường, hiểu đến nơi đến chốn, đưa ra những ý kiến sắc sảo, mới mẻ. Làm một “nhà” đã khó, nhưng với sự thông thái của Nguyễn Khắc Viện thì gọi ông là

“nhà” gì cũng xứng đáng! Có lẽ vì thế trong cuốn “Bảng vàng năm 1992” của Viện Hàn lâm Pháp - năm trao giải thưởng lớn Pháp văn cho Nguyễn Khắc Viện - tên ông đứng ở đầu bảng (kể đó là nhà văn Thụy Sĩ Maurice Métral) với những dòng kèm theo: nhà thơ, nhà viết tùy bút, sử gia, dịch giả... Còn chúng ta, sau khi không biết nên gọi ông là gì thì “kêu” ông là “nhà văn hóa” là “tiện” nhất. Vì văn hóa bao gồm tất cả (!)



Thủ bút Nguyễn Khắc Viện.

Trong lịch sử nước ta, hình ảnh các sĩ phu thường in đậm trên mỗi trang sách, nhất là vào lúc đất nước gian nguy. Ở thời đại chúng ta, còn đó cụ Huỳnh Thúc Kháng, cụ Ngô Đức Kế, cụ Bùi Bằng Đoàn... và những người cuối cùng, phảng phất bóng dáng người xưa, có lẽ là các nhà trí thức Tây học như bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng, giáo sư Trần Đại Nghĩa, nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện...

Bình sinh ông thường nói đùa: “Tôi thực hiện khẩu hiệu “Nóng không quạt, ngứa không gãi, chọc không tức”. Mà ông đã sống như thế thật. Căn phòng của ông ở số 8 ngõ Nguyễn Chế Nghĩa Hà Nội chỉ chừng gần ba chục mét vuông, kê hai cái giường cá nhân nối đuôi nhau cho hai vợ chồng ông, một cái bàn nhỏ dùng làm bàn làm việc và chỗ tiếp khách, ngoài ra chỉ toàn là sách. Vậy mà trí thức cả nước, Việt kiều từ năm châu bốn biển đều tới lui “yết kiến” ông. Người thì nhờ ông góp ý cho một luận văn, người thì xin ông “bắt mạch” thời vận của nước nhà để cùng ông chung lo những điều mà bất cứ công dân yêu nước nào cũng quan tâm ở một thời kỳ đầy biến động của đất nước.

Những lần gặp bác sĩ Nguyễn Khắc Viện mà “nóng không quạt, ngứa không gãi...” như thế, tôi học được nhiều thứ lắm. Nhất là được mở mang đầu óc, có thêm thông tin, thêm hiểu biết về thế giới. Nhưng lâu dần tôi mới hay, chẳng cứ tôi có nhu cầu gặp bác Viện mà chính bác cũng có “nhu cầu” gặp tôi! Chẳng thế mà cứ mỗi lần vô miền Nam để trú đông, xuống khỏi sân bay là bác Viện đã ném một cái thư ngắn vài dòng vào bưu điện, nhắn tôi lên thành phố Hồ Chí Minh gặp bác. Bác Viện muốn thông qua tôi để hiểu thêm về đời sống

và công việc làm ăn của nông dân Đồng bằng sông Cửu Long mà vì tuổi già sức yếu, bác không có điều kiện trực tiếp tìm hiểu. Theo bác thì đừng có bao giờ hỏi một ông tiến sĩ Việt kiều về tình hình đất nước. Muốn tìm hiểu tình hình đất nước, tốt nhất phải hỏi cán bộ phường, phải hỏi trực tiếp nông dân.

Nhớ lại một bữa cơm đãi khách Việt kiều tại Mỹ Tho, tôi lại thấy vui vui! Vì yếu không đi được, bác Viện nhờ tôi đưa khách đi chơi. Sau khi cùng khách du ngoạn trên sông Tiền về, tôi thấy hai thằng con của tôi hàng ngày ngỗ ngược là thế mà hôm ấy ngồi ngay ngắn nghe bác Viện kể chuyện. Trông bác Viện ngồi với hai đứa trẻ ấm cúng như một người ông hiền từ kể chuyện cổ tích cho đàn cháu! Lúc ăn cơm, mọi người phải xếp chân bằng tròn ngồi cả dưới nền nhà. Duy chỉ có bà vợ đảm của ông khách Việt kiều tên là Linh vì quá to mập lại không quen ngồi dưới nền như thế bao giờ nên phải xếp cho bà một xuất ngồi trên ghế xa-lông (gỗ) để ăn. Bác Viện lại nói đùa: “Ông Linh này “dạy” vợ kém lắm, mấy chục năm bà ấy chỉ nói được có một từ tiếng Việt: Cá gỗ! Không biết ai dạy bà ấy?” Thấy bác Viện nói đến tiếng “cá gỗ”, bà vợ ông Linh kêu lên mấy tiếng: “Cá gỗ! Cá gỗ! Cá gỗ!” khiến mọi người lăn ra cười(!) vì cả bác Viện lẫn ông Linh đều là dân xứ Nghệ “Cá gỗ!”

Nhà tôi lúc đó cũng không có được một chiếc quạt máy. Cơm canh chua cá lóc (chứ không phải cá gỗ!) Nóng quá, bác Viện phải cầm cái quạt nan phe phẩy cho mọi người. Thấy thế, vợ tôi đỡ cái quạt nan trên tay bác Viện, quạt. Tay thì quạt, miệng nói đỡ: “Nhà em anh ấy không nóng nên không sắm quạt!” Bác Viện dịch câu đó cho bà đảm nghe. Nghe

xong, bà nói: “Khi nào nhà báo có tiền là thấy nóng liền!” Bây giờ, đôi lúc bật quạt, vợ tôi lại nhắc đến câu nói đó của bà đảm vợ ông Linh để nhớ đến một thời gian khó!

Tôi muốn kể một câu chuyện nhỏ nữa về bác sĩ Nguyễn Khắc Viện. Một lần bác xuống nhà tôi ở Mỹ Tho chơi. Vợ tôi làm cơm đãi khách. Mâm cơm chỉ có một đĩa thịt bò xào, một đĩa rau muống xào và một tô rau muống luộc vắt chanh với mấy quả cà! Đó là mâm cơm đãi khách không dễ gì có được vào thời điểm khó khăn nhất của thời bao cấp với một phóng viên nghèo như tôi. Nhưng than ôi! Khi tôi gấp miếng thịt bò đưa vô miệng nhai thì dai như cháo rách! Nuốt vô thì tội mà nhả ra thì bất tiện(!). Tôi liếc mắt thấy vợ tôi rất lúng túng. Bỗng bác Viện nói: “Dai thì để đĩa thịt bò này lại, chỉ ăn rau muống xào thôi, chiều nay băm thịt bò thật nhỏ rồi đúc trứng mà làm bữa chiều.” Bác Viện đã “giải thoát” cho vợ chồng tôi! Chiều hôm đó, theo chỉ đạo của bác Viện, vợ tôi băm thật nhỏ món thịt bò đã xào, rồi đúc trứng (chiên với hột vịt), quả thật chúng tôi đã có một bữa chiều ngon miệng cùng khách quý!

Bác Viện có những cách ứng xử chủ động, thông minh lạ lùng và đầy tình thương như thế. Bác cũng là người đầu tiên lên tiếng không nên dùng từ “con buôn” trong các hội nghị nhà nước và báo chí để gọi những người làm nghề buôn bán trong xã hội. Bác còn viết bài phân biệt hai từ “nhà buôn” và “con buôn”! Theo bác thì từ “con buôn” dùng để chỉ những người không ngay thẳng, trốn lậu thuế mà thôi, còn người buôn bán đáng hoàng phải được cư xử bình đẳng ngay cả trong cách xưng hô khi nói đến họ.

Nếu tôi không nhầm thì bác sĩ Nguyễn Khắc Viện là một trong những người Việt Nam có quan hệ bè bạn, đồng chí, đồng nghiệp phương Tây nhiều nhất. Những lần bất chợt được gặp bác sĩ Viện với khách nước ngoài, bao giờ tôi cũng thấy họ xem bác như bậc thầy. Họ tìm đến Hà Nội (hay thành phố Hồ Chí Minh) gặp bác sĩ Nguyễn Khắc Viện như tìm đến một nhà hiền triết phương Đông. Chủ yếu họ hỏi, họ xin ý kiến bác Viện về những vấn đề của Việt Nam, của châu Á. Thậm chí cả những vấn đề của phương Tây nữa. Vì chính con người “minh thông vóc hạc”, cốt cách một nho sĩ phương Đông này đã hiểu thấu phương Tây sau hơn một phần tư thế kỷ “giảm nát” các nẻo đường nước Pháp và châu Âu. Trong cuốn “*Bàn về đạo Nho*” (1993), ông viết: “Ba trăm năm phát triển tư bản đã làm con người phương Tây năng động, tự lập, tự chủ nhưng cũng khá cô đơn”. Ngắn gọn thế thôi nhưng vô cùng chính xác và đầy đủ về con người phương Tây.

Công bằng mà nói, chưa có nhà xã hội học, nhà nghiên cứu lịch sử, triết học nào ở nước ta dám đưa ra luận điểm: nước ta chưa có truyền thống dân chủ. Xưa nay, chúng ta quen nghe người khác ca ngợi mình, hoặc mình tự hào về dân tộc mình, điều đó hoàn toàn đúng. Nhưng “tự hào” đến mức nhà thơ Nguyễn Duy đã phải viết: “Ngộ độc ngợi ca, bội thực tự hào” thì những ý kiến thẳng thắn dũng cảm của Nguyễn Khắc Viện là cần thiết để chúng ta bình tĩnh nhìn nhận lại những gì mình đã có và chưa có. Chúng ta chẳng từng ca ngợi Lỗ Tấn hết lời khi ông chỉ ra bệnh “thắng lợi tinh thần” của anh chàng AQ điển hình cho “quốc dân tính” của người Trung Hoa cho đến Cách mạng Tân Hợi (1911) là gì? Những

ông quan cách mạng quen bệnh giáo điều gia trưởng đã kinh hoàng khi nghe thấy có người nêu ra ý kiến phải “tập sống dân chủ” ở mọi nơi, mọi cấp(!).

Suốt đời, Nguyễn Khắc Viện phải “trả giá” cho sự quyết liệt của mình. Với kẻ thù của dân tộc là đế quốc Pháp, ông bị chúng truy lùng, trục xuất. Ông đã phải sống chui lủi nhiều năm trên đất Pháp. Trong nội bộ Đảng, trong hàng ngũ của mình, nhiều năm ông đã bị một số người bảo thủ, cơ hội nghi kỵ, đả kích khi ông có những chính kiến mạnh mẽ, trái với quan điểm của họ.

Cùng lạ, chưa có ai nhiều kiến nghị như Nguyễn Khắc Viện, khi thì kiến nghị lên Quốc hội, khi thì kiến nghị lên đồng chí Tổng bí thư (Trường Chinh), ngay cả trước lúc ra đi ông cũng kiến nghị trước với các đồng nghiệp ngành y tế của mình là đừng can thiệp vào cái chết của ông, để ông được ra đi nhẹ nhàng.

Nguyễn Khắc Viện con quan, là sinh viên đi Pháp du học và đậu bác sĩ cao cấp tại Paris rồi ở Pháp liền hai mươi bảy năm. Vậy mà sau hai mươi bảy năm liền sống “bên Tây” trở về nước, người ta vẫn thấy ông bình dị như một nho sĩ chân quê, một ông đồ xứ Nghệ! Suốt mấy chục năm làm một người học trò, một người bạn vong niên của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, tôi không thấy ông đệm một chữ Tây nào trong lời nói. Ngay cả đến cái thư ông viết cho tôi, cuối thư, thay cho chữ telephone mà nhiều người thích dùng, ông cũng dùng chữ Việt: “Đây nói”...

Nhưng đừng có ai lầm tưởng Nguyễn Khắc Viện là một nhà Nho (tôi muốn nói về thế giới quan - tư tưởng). Ông phê

phán tư tưởng Nho giáo một cách triệt để:

*“Vĩ trên phương diện chính trị, Nho giáo chủ yếu là bảo thủ. Nó bỏ qua vấn đề luật pháp và thiết chế, từ chối mọi cải cách. Đạo lý về chính trị chủ yếu là bảo thủ, hướng tư tưởng vào việc tu thân nhằm mục đích cải thiện xã hội mà không muốn đặt vấn đề thiết chế là đặc trưng của những kẻ sợ những biến động xã hội. Ta hiểu tại sao Camus bị hấp dẫn bởi Nho giáo. Tuy nhiên trong Nho giáo còn có một số ý niệm cơ bản: là vua và sĩ đại phu - tức là những người chịu trách nhiệm về chính trị - phải là những kẻ gương mẫu về đạo đức. Trong xã hội Nho giáo, sự vô luân thất đức của chính quyền đã tạo nên những lý do tốt nhất cho những người làm cách mạng. Trên thực tế, Nho giáo còn hơn cả sự bảo thủ, nó quay hoàn toàn về quá khứ. Bảo vệ lễ nghi của các triều đại xưa là mối quan tâm lớn của Khổng tử. Trong chữ Lễ, vương triều Trung Hoa cũng như Việt Nam đã tìm thấy biện pháp tốt nhất để duy trì sự ổn định của ngai vàng” (Bàn về đạo Nho - nguyên văn tiếng Pháp đăng trên tạp chí *La Pensée* với tựa đề: *Confucianisme et le Marxisme au Vietnam*, bản dịch tiếng Việt in trong *Bàn về đạo Nho* - 1993) .*

Các nho sĩ Việt Nam đã gạn chất lấy phần “gương mẫu về đạo đức” của đảng minh quân trong Nho giáo để xử thế. Về tư tưởng, họ “đem đại nghĩa để thắng hung tàn”. Lúc hiểm nguy, họ “tự phá chông gai, tay trừ cường bạo. Lấy giáp trụ làm chăn áo, lấy đồng cỏ làm nhà cửa. Xéo đạp hiểm nghèo, xông pha gươm giáo” (*Chiếu răn bảo Thái tử* - Nguyễn Trãi thay lời Lê Lợi). Lúc bình an, họ sống giản dị, lấy cỏ cây làm bằng hữu, gần gũi với dân lành. Vì thế, trong mắt nhân

dân, nho sĩ Việt Nam được mên mộ về đạo đức và lối sống. Họ đã góp phần tạo nên bản sắc Việt Nam trong quá khứ. Nguyễn Khắc Viện là một trí thức Tây học, thấm nhuần tư tưởng “tự do - bình đẳng - bác ái” của cách mạng Pháp. Ông chỉ “giống” các nhà Nho ở phần lối sống giản dị, xem thường vật chất, coi trọng đạo làm người mà ngày nay chúng ta gọi nó là “đậm đà bản sắc dân tộc”.

Vì thế, bài học đầu tiên Nguyễn Khắc Viện để lại cho chúng ta là bài học văn hóa Việt Nam trong lối sống. Không ồ ào bắt chước bất kỳ ai! Nếu tôi không nhầm thì Nguyễn Khắc Viện là một trong những người Việt Nam được nhiều người phương Tây yêu thích nhất.

Bài học thứ hai từ cuộc đời Nguyễn Khắc Viện là bài học về niềm lạc quan yêu đời. Nguyễn Khắc Viện hầu như không dùng thuốc. Ông sống được đến tuổi 85 là nhờ tinh thần lạc quan yêu đời. Nguyễn Khắc Viện là con người gai góc, khi cần phải phê phán, ông không biết “sợ” bất cứ người nào, ông cũng là người nhiều ý kiến mạnh bạo nên không khỏi bị hiểu lầm, bị xuyên tạc lợi dụng (từ bên ngoài), bị một số người (trong nước) thành kiến, phê phán gay gắt. Nhưng ngay cả những lúc “khó khăn” nhất như thế, gặp ông, tôi vẫn thấy ông rất vui và hay nói đùa nữa. Chuyện ông cứ như “chuyện như đùa”! Mặc dù có lúc “cười ra nước mắt”.

Bài học thứ ba về Nguyễn Khắc Viện là bài học dân chủ.

Theo ông thì một trong những sai lầm lớn nhất trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa những năm qua là coi những giá trị tinh thần mà các cuộc cách mạng tư sản đã giành được, tiêu biểu là cuộc cách mạng

Pháp, như các quyền tự do, dân chủ, nhân quyền... không phải là những giá trị chung của nhân loại tiến bộ. Như thế, vô hình trung chúng ta đã xem những giá trị ấy thuộc về giai cấp tư sản. Mà không hay rằng chính nhân dân đã đổ máu xương để giành được những quyền đó từ giai cấp thống trị.

Chính vì quan niệm lệch như trên, khi xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, người ta đã không kế thừa mà đem đối lập nó với dân chủ tư sản. *“Thậm chí ‘cứ làm ngược lại với dân chủ tư sản’ thì có ‘dân chủ xã hội chủ nghĩa’”. Rốt cuộc, không những phá bỏ tính chất tư sản của dân chủ, mà còn phá bỏ ngay cả bản thân dân chủ nữa*” (Nguyễn Khắc Viện - *Cách mạng 1789 và chúng ta* - NXB Thành phố HCM 1989, tr. 155).

Vì thế, theo bác sĩ Nguyễn Khắc Viện thì trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng đề xướng từ Đại hội VI (1986), vấn đề dân chủ hóa đất nước là một nội dung quan trọng không kém gì vấn đề đổi mới kinh tế đất nước. Ông kiên quyết đưa ra ý kiến: cải cách kinh tế sau đó phải đi liền với cải cách chính trị, nếu không sẽ thành một xã hội do bọn Mafia điều hành.

Sau 26 năm sống ở Pháp và đi nhiều nước châu Âu, Nguyễn Khắc Viện quá hiểu xã hội tư bản. Ông nhiều lần nói với tôi: “Nhà nước tư sản rất mạnh vì nó tuyển chọn vào bộ máy toàn những người đồ đạc cao, tài giỏi, vì thế nó vừa có quyền lại vừa có uy, thế mới gọi là uy quyền. Nhưng nó phải đối đầu với một xã hội công dân rộng lớn, một mặt trận gồm nhiều thành phần, nhiều tổ chức, nhiều đảng phái, giáo hội từng giờ từng phút chất vấn, đấu tranh, giằng co, vận dụng

rất nhiều hình thức linh hoạt với mục tiêu cuối cùng là ngày càng mở rộng quyền tự do dân chủ và phúc lợi xã hội cho nhân dân. Mặt trận đó xuất hiện từ 200 năm nay, từ khi cách mạng tư sản nổ ra.”

Ông cũng căn dặn tôi: “Cách mạng Pháp 1789 nêu khẩu hiệu *Tự do - Bình đẳng - Bác ái*. Trên cái nền ấy mà nước Pháp trở nên giàu có. Nếu chỉ nêu khẩu hiệu làm giàu như nước ta thì đạo lý sẽ suy thoái. Nếu thấy thuốc chỉ lo làm giàu thì bóp nặn bệnh nhân. Nhà báo như cậu mà lo làm giàu thì sẽ bẽ cong ngời bút. Tư bản là kẻ giàu có, vì thế không có chuyện liêu mạng như vô sản, phải biết thóp điều đó để mà chơi với tư sản”. Về nước Mỹ, ông nói: “Thử tưởng tượng nếu 6-7 tỷ người trên trái đất này đều có mức sống như người Mỹ hiện nay, mỗi người một chiếc ô tô, năm mươi đến sáu mươi bộ quần áo, hằng năm đi du lịch khắp thế giới này thì năng lượng và tài nguyên của trái đất này còn gì nữa?”

Quá hiểu bản chất của chế độ tư bản không thay đổi nên Nguyễn Khắc Viện trở thành người sùng bái Liên Xô. Hy vọng ở Liên Xô. Năm 1963 khi bị Pháp trục xuất về nước, bước chân xuống ga Hàng Cỏ Hà Nội, ông đã nói một câu nổi tiếng: “Nếu mở mắt ra nước Việt Nam trở thành nước Pháp thì tôi đi theo chủ nghĩa tư bản, nhưng phải đi 200 năm “đầy máu và nước mắt” (Marx) thì tôi đi theo Liên Xô!” Báo chí đã vin vào câu nói đó của nhà thi thức Nguyễn Khắc Viện để tấn dương âm ỉ.

Đùng một cái Liên Xô sụp đổ tan tành!

Một tiếng sét ngang tai với những cán bộ cách mạng lão thành ở Việt Nam, trong đó có bác sĩ Nguyễn Khắc Viện.

Nhưng là một trí thức cấp tiến, Nguyễn Khắc Viện dám đi tìm “niềm trung thành mới” (recherche de la nouvelle fidélité) như cách nói của Sartre. Gặp ông trong buổi liên hoan mừng ông nhận giải thưởng lớn Pháp văn (1992) tại Viện Pasteur TP. HCM, tôi hỏi thẳng người bạn vong niên, người thầy đáng quý của mình: “Bây giờ Liên Xô sụp đổ rồi thì cụ tính sao đây?” Bác Viện nói: “Tôi đi theo chủ nghĩa tư bản văn minh. Chơi hân với phương Tây, không chơi với bọn tư bản man rợ mới ngoi lên ở châu Á như Đài Loan, Hong Kong, Nam Triều Tiên, Singapore...” Sau này tôi đọc báo thấy các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của Hàn Quốc, Đài Loan đấm đá đánh đập công nhân ta tôi càng phục bác Viện cao kiến.

Là một trí thức thương nước lo đời, khi về nước năm 1963, đi thăm khu gang thép Thái Nguyên, Nguyễn Khắc Viện vừa đi vừa lấy khăn tay lau nước mắt. Ông tâm sự với tôi: “Mừng quá, thế là nước mình sẽ có sắt thép sẽ có công nghiệp.” Cũng như nhiều trí thức Việt Nam yêu nước khác vô cùng vui mừng khi thấy nước nhà có sắt thép. Một dân tộc “đói nghèo trong rơm rạ” (Chế Lan Viên) thì làm sao không vui mừng được! Chế Lan Viên sắc sảo thế mà còn véo von ca: “Những năm miền Bắc ăn ngô để ra nhà máy thép”. Vậy là những cái đầu thông minh nhất của miền Bắc Việt Nam đều bị Trung Quốc lừa khi họ viện trợ cho ta mấy cái lò nấu thép cổ lỗ sĩ ở Thái Nguyên, càng nấu thép càng lỗ nặng. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Kiến Giang thì bốn vụ chiêm xuân mất trắng vì mấy cái “quả lừa” ấy của Trung Quốc!

Nguyễn Khắc Viện yêu nước chân thành, yêu Đảng chân thành, vì thế trước đại hội Đảng lần thứ VII ông đã có thư

gửi Trung ương đề nghị giải tán Đảng! Hôm đó, tôi từ TP. HCM ra Hà Nội, đến chơi ông và được ông đọc cho nghe lá thư đó. Trong thư ông phân tích: khi Liên Xô đã tan rã mà ta đổi mới, mời tư bản vào Việt Nam mở nhà máy, xí nghiệp, công ty, thì tư bản là bóc lột, là phá hoại môi trường, nhất là bọn tư bản châu Á mới ngoi lên. Nếu nhà nước hợp tác với tư bản nước ngoài thì khi công nhân đình công, nhà nước sẽ huy động công an, quân đội đến đàn áp công nhân để bảo vệ tư bản, cũng là bảo vệ mình. Như thế thì bao công lao của Đảng với dân tộc trước đây sẽ đổ xuống sông xuống biển hết. Chỉ có con đường giải tán Đảng, trở thành đảng đối lập với chính quyền để bảo vệ nhân dân, bảo vệ môi trường thì những gì tốt đẹp của Đảng Cộng Sản trước kia mới giữ lại được, người Cộng sản Việt Nam mới còn có chỗ đứng trong lịch sử dân tộc.

Thế là Nguyễn Khắc Viện trở thành phản động! Nguyễn Văn Linh trước đây đã gơ cả hai tay đỡ lấy bài phát biểu của Nguyễn Khắc Viện tại hội nghị các nhà văn thì nay tuyên bố: “Nước này có hai thằng Nguyễn Khắc Viện thì tan nát!” Bà Nhất, vợ ông Viện đã nói với tôi rằng: “Anh Viện đã chuẩn bị sẵn một cái bị và một cái gậy, dựng ở góc nhà để sẵn sàng đi tù! Ở quê ông người ta đồn là ông đã đi tù. Vì thế, khi về quê, anh Viện phải tổ chức một cuộc nói chuyện ở trường cấp 1 trong xã để “cải chính” cái tin đồn ấy! Người ta đã ra lệnh miệng không báo nào được đăng bài của Nguyễn Khắc Viện.”

Khi ông vô TP. HCM năm 1992, ở số nhà 22 Phan Đăng Lưu, một biệt thự của người em vợ làm Phó Giám đốc Viện Pasteur TP. HCM, tôi mượn một cái xe cứu thương của Bác

sĩ Phụng, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang lên ông chơi, chở lên biếu vợ chồng ông một gia gạo, một cần xé trái cây. Ông hỏi tôi: “Bạn còn dám đến chơi với mình lúc này à?” Bác sĩ Phụng là người hăm mộ ông Viện, ông nói, đi xe cứu thương kéo còi hụ thì càng nhanh! Thế là chúng tôi đi xe còi hụ chỉ chở một gia gạo và một cần xé trái cây.

Ngoài tấm hình tôi đã chụp cho bác sĩ Phụng với bác sĩ Viện, tôi còn chụp tấm hình nhà trí thức Nguyễn Khắc Viện ngồi làm việc ở hàng hiên căn biệt thự này với cái ghế bành mấy tấm ván chuồng heo trước mặt làm bàn làm việc. Tấm hình “độc đáo” này tôi đã cho in vào cuốn sách tái bản *Nguyễn Khắc Viện như tôi đã biết* vào đầu năm 2013 này, nhân 100 năm ngày sinh của ông. Hồi đó, chủ nhà, chồng của người em vợ ông, chỉ dám cho ông ngồi ngoài hiên... vì sợ liên lụy chưa chấp phản động! Ông em cộc chèo của bác Viện là giám đốc một cơ quan lớn ở TP. HCM lúc đó!

Đầu năm 1991, khi tôi đi Liên Xô, cũng là lúc bác Viện đang là “phản động”, tôi được nghe Tổng giám đốc Phan Quang của Đài Tiếng nói Việt Nam, phổ biến trong cuộc họp giao ban của Đài: “Chúng ta phải có cách xử xử đúng mức với Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, không thể đánh đồng bác Viện với những người khác!” Thời điểm đó, có hai nhân vật nổi cộm chống Đảng là Dương Thu Hương và Nguyễn Khắc Viện.

Có lẽ vì uy tín quá lớn của Nguyễn Khắc Viện trên trường quốc tế và trong nước nên chính quyền đã không bắt tù ông. Hơn nữa, thời đó chưa có internet nên lá thư của ông gửi cho Trung ương yêu cầu giải tán Đảng cũng chỉ ít người biết và sau đó cũng chìm dần với thời gian. Đến khi Nguyễn Khắc

Viện yếu nặng, khó lòng qua khỏi (1997), ông Đỗ Mười, đương kim Tổng Bí thư đã đến thăm ông tại nhà riêng. Ông Đỗ Mười về rồi thì từ lúc ấy bác sĩ Nguyễn Khắc Viện không chịu ăn gì nữa! Bà Nhất gọi điện từ Hà Nội vào cho tôi nhờ khuyên ông ăn cháo. Tôi hỏi lại: “Vì sao phải khuyên ông ấy?” Bà bảo: “Ông Viện nói là, ông Đỗ Mười đã đến thăm tôi rồi mà tôi không chết nó cũng... kỳ!”

Sau này bà Nhất còn kể cho tôi, do vợ con khóc lóc năn nỉ, bác Viện mới chịu ăn cháo, nhưng lại dặn đừng cho nước mắm vào cháo vì nó có đạm lâu chết lắm(!). Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đã ra đi ngày 10 tháng 5 năm 1997, đúng như lá thư cuối cùng ông viết cho tôi đầu năm 1997. Lá thư có bốn chữ Hán: “Nhật nhật tân, hựu nhật tân” (ngày ngày mới, lại ngày mới), cuối thư có mấy chữ: “Tôi ăn Tết vui nhưng sức khỏe tôi tệ, không biết rồi còn có dịp gặp nhau nữa không...”

Suốt hơn 30 năm làm bạn vong niên với bác sĩ Nguyễn Khắc Viện từ lúc ông về nước, tôi “phát hiện” ra rằng con người này luôn bàn chuyện ngày mai. Càng về cuối đời, ông càng hay bàn chuyện tương lai, dự báo 10 năm, 20 năm nữa đất nước sẽ đi về đâu, khuôn mặt Việt Nam sẽ ra sao, con cháu sẽ sống như thế nào. Nếu có ai hỏi tôi: ấn tượng mạnh nhất của anh về Nguyễn Khắc Viện? Tôi sẽ trả lời không đắn đo: suốt đời con người này dốc toàn sức lực để dự báo những gì sẽ đến với dân tộc. Ông không run sợ khi nói lên sự thật, nói đúng sự thật. Người phương Tây có câu ngạn ngữ: ai nói đúng sớm quá là nói sai! (Ceux qui ont raison trop tôt, ont tort). Cuối đời Nguyễn Khắc Viện phải trả giá cho những cái “sai” đó!

Năm ông 82 tuổi, ông tâm sự với tôi: “Đời tôi là một đời ngày thơ. Thơ là đi kháng chiến cứu nước, tôi giữ nó lại; ngày là đi theo chủ nghĩa xã hội, tôi vứt nó đi. Nhưng nếu phải sống lại, tôi vẫn đi con đường đó!”

Nói cho thật công bằng thì trí thứ yêu nước ở Việt Nam thế kỷ 20 khó có con đường nào khác. Đó là con đường đi theo Đảng Cộng Sản để đánh Pháp đuổi Mỹ... để cuối cùng bắt tay với anh bạn 16 chữ vàng Trung Quốc! Nhưng bắt tay xong, kiểm tra lại bàn tay thì không còn đủ năm ngón nữa! Đó cũng là “sự hàm hồ của lịch sử” như nhà văn nữ Dương Thu Hương đã viết sau ngày 30 tháng 4 năm 1975!

Chế Lan Viên

Đầu năm 1976, tôi đang đạp xe trên đường Trần Hưng Đạo thì Chế Lan Viên gọi giật lại, ông chỉ tay vào bó hoa tôi đang cầm, hỏi: “Ông đem hoa đi tặng ai thế?” Tôi bảo: “Đem hoa đi tặng một người làm thơ hay hơn Chế Lan Viên!” Tôi đi được mươi thước thì ông lại gọi lại. Hỏi: “Ai vậy?” Tôi trả lời: “Thanh Thảo”. Ngẫm nghĩ giây lát, ông bảo tôi: “Đúng đấy!”

Chế Lan Viên là một người như thế. Với những người làm thơ cùng thời, ông là một thi sĩ nổi tiếng vào bậc nhất. Vậy mà khi tôi nói kiểu “trêu người” như thế, ông lại khen: “Đúng đấy!”

Số là thế này. Thanh Thảo tên thật là Công, anh làm ở Đài Tiếng nói Việt Nam rồi đi B chiến đấu, và có làm thơ. Mấy năm trước hòa bình 1975, anh được ra Bắc điều dưỡng ở trại điều dưỡng Nam Sách Hải Dương. Anh hỏi bạn bè ở giới văn nghệ Hải Dương, biết tôi dạy học ở Cẩm Giàng và là người yêu văn nghệ, “chịu chơi”, nên “trốn trại” đến chơi với tôi

vài ngày. Tại đây, anh đã đọc cho tôi nghe nhiều bài thơ của anh, trong đó có bài *Dấu chân trên trắng cỏ* nổi tiếng sau này. Thơ Thanh Thảo được xem là táo bạo vào thời ấy. Anh tuyên bố: “*Thế hệ chúng tôi bùng cháy ngọn lửa của chính mình. Không dựa dẫm những hào quang có sẵn*”.

Tôi đã được đọc những vần thơ như thế trong cái xóm nhỏ nghèo nàn nơi trường tôi sơ tán tại Cẩm Giàng, trong lúc có nhà văn tên tuổi lại cho rằng mình là “hạt bụi lấp lánh ánh sáng của Đảng”(!). Người ta đã đặt câu hỏi: “Hào quang có sẵn” ám chỉ cái gì? Ai đã bắt thơ phải “dựa dẫm” trong một xã hội tự do như xã hội ta, v.v và v.v. Thế là thành chuyện. Chính vì thế tôi mới “trêu ngươi” Chế Lan Viên. Nào ngờ... buổi sáng hôm đó chính là lúc tôi ra ga Hàng Cỏ tiễn Thanh Thảo về ở hẳn quê nhà Qui Nhơn.

Người ta thường bình luận trái ngược nhau về thơ và con người Chế Lan Viên. Nhưng sự sắc sảo “toàn trị” của ông thì ai cũng phải thừa nhận.

Tôi gặp nhà thơ lần đầu tiên vào năm 1966 tại Yên Mỹ Hưng Yên, nơi khoa Văn trường Đại học Sư phạm Hà Nội sơ tán bom đạn Mỹ. Năm đó là năm tứ ba, năm cuối cùng trước khi chúng tôi ra trường. Khoa Văn tổ chức buổi giao lưu, mời nhà thơ Chế Lan Viên đến gặp gỡ sinh viên. Cuộc giao lưu có tổ chức biểu diễn văn nghệ của sinh viên mừng khách mời. Thấy Chế Lan Viên không mặn mà với các tiết mục văn nghệ, thầy Chủ nhiệm Khoa Lê Trí Viễn xuống ghé vào tai tôi nói nhỏ: “Lê Phú Khải lên đọc bài thơ lúc ban chiều đi!” Thế là tôi hồi hộp bước lên sân khấu. Tôi đọc bài thơ mới làm ban chiều để tặng khách mời của Khoa mà thầy Viễn đã coi. Thật

không ngờ. Tôi vừa dứt lời thì Chế Lan Viên đã bật dậy, lên sân khấu ôm lấy tôi và cầm lấy bài thơ đó rút túi áo ngực của mình. Cả khoa vỗ tay, và đương nhiên là thầy Chủ nhiệm rất hài lòng. Bài thơ “con cóc” của tôi là cách chơi chữ, ghép tên các tác phẩm thơ của Chế Lan Viên thành vần điệu. Bài thơ khá dài ấy tôi còn giữ đến bây giờ. Đại để có những câu như câu kết này:

Cho gửi lời thăm đến người anh thương nhớ đây vui...

Đã cùng anh “gánh vác”

Cả trời “sao chiến thắng” đến hồn tôi...

“Gánh vác” là tên một tập truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Vũ Thị Thường, vợ vua nhà thơ, lúc đó đang đi thực tế ở vùng biển Thái Bình, còn “*Sao chiến thắng*” là tên một bài thơ nổi tiếng của Chế Lan Viên. Tôi biết nhà thơ rất nhớ vợ, vì ông đã viết bài “*Cái rét đầu mùa*” mà tôi đã được đọc. Một bài thơ tình bốn câu rất độc đáo và sáng tạo. Có lẽ vì tôi đã chạm vào “chỗ da non nhất của lòng người”, nói theo chính ngôn từ của Chế, nên ông cảm động. Từ đó, Chế và tôi đã trao đổi thư từ (chứ không phải email như bây giờ) cho nhau. Khi tôi thường trú ở Mỹ Tho, Chế Lan Viên đã vô ở hẳn Sài Gòn và rất hay xuống Tiền Giang, có lẽ vì ông là đại biểu quốc hội của tỉnh này. Một buổi tối - ở tỉnh lẻ người ta đi ngủ rất sớm nên đường vắng - tôi và Chế đi ven lòng đường một con phố không còn ai đi lại, dưới ánh đèn lấp loáng gió sông Tiền. Tôi bảo ông: “Thơ chống Mỹ của ông thì xuất sắc rồi, nhưng sau này người ta sẽ quên đi, vì thời điểm lịch sử sẽ đi qua. Nhưng ông có những bài thơ tình còn sống mãi, trong đó có một bài

mang vóc dáng thiên tài mà chính ông cũng không biết”. Chế hỏi tôi: “Bài nào?” Tôi nói: “Thì tôi đã bảo chính ông cũng không biết, chỉ có người đọc biết thôi”. Chế càng sốt ruột giục tôi: “Nói đi”. Tôi đọc một hơi bài “Rét đầu mùa”:

Cái rét đầu mùa anh rét xa em

Đêm dài lạnh chia chẵn thành hai nửa

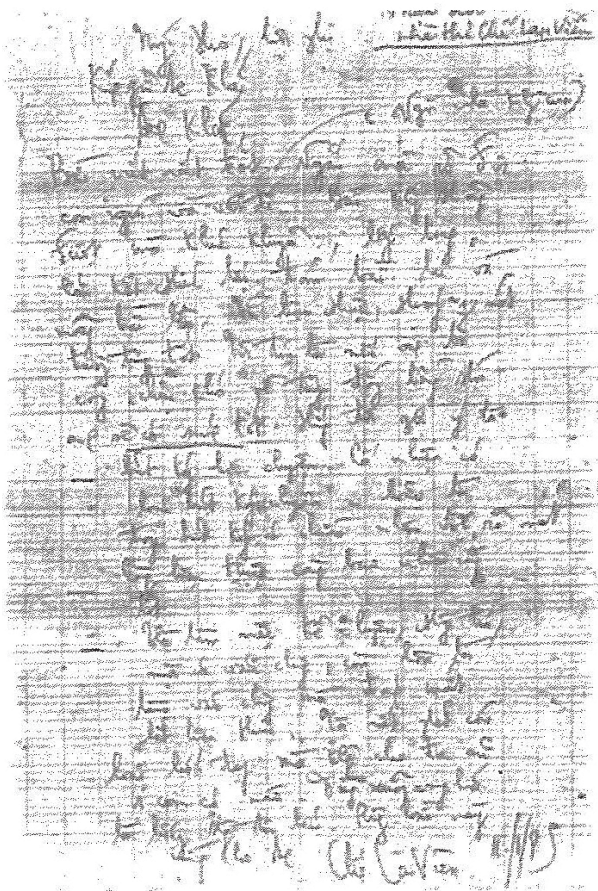
Nửa đắp cho em ở miền sóng bể

Nửa đắp cho mình ở phía không em”

Rồi tôi bình: “anh rét xa em” và “ở phía không em”, đó là những sáng tạo xuất thần, chỉ có tình yêu mới tạo nên được những lời như thế. “Rét xa em” là rét thế nào? “Phía không em” là phía nào, không ai định nghĩa, giải thích nổi, nó trừu tượng và mông lung hư ảo quá. Cái không định nghĩa được chính là thơ. Thơ là học thuyết về bầu trời, ông Chế ạ!”

Chế chăm chú nghe tôi “tán” và ông tỏ ra hài lòng. Bỗng chai rượu đậu nành Chế đang xách rơi xuống ven lòng đường và vỡ làm nhiều mảnh. Số là, chiều hôm đó, có cuộc họp báo, tỉnh tặng mỗi đại biểu một cặp rượu đậu nành do Tiền Giang sản xuất. Hai chai rượu buộc vào nhau để xách. Tôi và Chế, mỗi người xách một cặp rượu. Có lẽ cặp rượu của Chế buộc không chặt nên mới rơi ra một chai. Tôi cúi xuống nhặt hai mảnh vỡ lớn đem để vào gốc cây bên đường. Chế vẫn ngồi nhặt tiếp các mảnh vỡ bé hơn. Nhặt mãi, nhặt mãi. Tôi sốt ruột kéo ông đi, Chế không chịu, ông bảo: “Những mảnh nhỏ này sắc lắm, phải nhặt cho hết kẻo người ta dẫm phải thì khốn.” Tôi đứng dưới ánh đèn khuya nhìn một nhà thơ

lớn ngồi chăm chú nhặt nhanh từng mảnh thủy tinh bé nhỏ mà thấy nhân cách lớn lao của ông. Từ đó trở đi, nếu có ai phê phán gì ông, mà đã có rất nhiều người phê phán ông, tôi không tin nữa.



Thủ bút Chế lan Viên.

Cứ mỗi lần gặp Chế, tôi lại được nghe ông nói những suy nghĩ của mình về Thơ. Đó là những lý lẽ sâu sắc. Mặt này không thấy các nhà phê bình văn học nói tới. Có lẽ vì thế mà thơ Chế giàu chất trí tuệ, triết lý. Ông suy nghĩ để làm thơ, nếu có cảm hứng thì cũng là cảm hứng của suy nghĩ. Ông bảo tôi: “Thơ càng “pec” (personnel) càng hay. Càng “tôi” bao nhiêu càng hay, càng chủ quan bao nhiêu càng hay, càng vô lý bao nhiêu càng hay!” Rồi ông phân tích: “Còn gì chủ quan hơn khi nhà thơ viết *“chắc nàng cũng có nỗi buồn giống tôi”*? Còn gì vô lý hơn chỉ vì *cái giậu mừng tôi* mà ngăn cách được hai con người... Nếu viết báo như cậu mà lại nói “chắc ông chủ tịch đã tham ô” thì chết người ta. Nếu viết báo mà vin vào *cái giậu mừng tôi* thì lý do không chính đáng. Vậy mà những câu thơ vừa chủ quan, vừa thiếu khách quan của Nguyễn Bính lại được thiên hạ phổ nhạc để ca hát năm này qua tháng khác... Vì nó rất “pec”!”

Có lần ông lại bảo tôi: “nếu theo lô gích của nhà toán học thì Hồ Xuân Hương là một con mụ dở hơi khi viết: *“Một đèo, một đèo, lại một đèo/ Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo...”* Nói ngay ra là ba đèo có hơn không?” Ông kể, có cô giáo dạy văn hỏi: có từ nào là thơ và từ nào không thể đem vào thơ? Ông đã trả lời: “Mọi từ đều bình đẳng, không có từ nào thơ và từ nào không thơ. Đến từ “cút” là xấu chứ gì? Vậy mà nó vẫn được đem vào thơ, và còn hay là khác. Ông dẫn chứng ca dao:

Thân em như đoá hoa hồng

Vớ phải anh chồng như bãi cút trâu

Và ông đã dẫn ngay thơ Chế Lan Viên đã đưa “cút” vào thơ:

Không gì cứu được loài bán nước

Không cắt nào cứu được bộ hung!

Đi thực tế nông thôn với Chế Lan Viên, tôi thấy ông vui vẻ tiếp nhận cả tờ bướm của trạm bảo vệ thực vật huyện phát cho nông dân rồi cẩn thận cất vô túi xách. Tôi nghĩ là ông xả giao để vui lòng người cho mình. Đến khi về nhà khách, tôi thấy ông lấy các tờ rơi, báo cáo của trạm y tế xã, của hội chữ thập đỏ huyện ra vuốt ngay ngắn rồi xếp cẩn thận vào túi xách trước lúc ra về. Tôi ngồi hút thuốc nhìn ông sắp xếp đồ đạc, thấy thế ông nói: “Người ta có tài năng, mình không có tài năng thì lo thu góp tài liệu vậy!”

Chế Lan Viên từng là một nhà báo. Ông làm báo *Cứu Quốc* trong kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 4 từ 1947 đến 1954. Có lẽ không ai nói về nghề báo như khi ông nhớ lại: “Ôi... còn gì mà ta không động tới, hồi chúng ta, những người làm báo hàng ngày, hàng ngày hay hàng đêm cũng được, đêm nào dưới ánh đèn lù mù hay le lói, ta không trở mắt ra mà viết bài hay đọc bản tin. Cho tôi tỏ lòng biết ơn cái nghề bạc bèo mà chúng tôi rất trung thành, cái nghề hèn mọn mà lại cao cả đó. Xưa làm thơ, tôi bút hương trên ngọn cây, giờ làm báo, tôi phải ném cả rễ cây dưới đất” (Tựa cuốn *Người và đất* của Phan Quang, NXB Thuận Hóa 1988). Chỉ vài dòng thế thôi, nhưng toàn là những điều cốt tử của nghề báo. Cái nghề phải “ném cả rễ cây dưới đất”. Để làm gì? Nếu không phải để lần đến tận gốc sự kiện và vấn đề đang nảy sinh và phát triển giữa vô vàn biến động của đời sống. Bây giờ, những lúc ngồi buồn, tôi giờ lại đôi ba lá thư nhà thơ viết cho tôi đã bạc nét với thời gian, mà qua bao lần di chuyển, tôi vẫn cố mang theo và cứ mỗi lần đọc

lại, tôi càng thấy Chế Lan Viên là một bậc thầy của các nhà báo, xét từ góc độ tri tuệ - văn hóa, cái gốc của mọi nghệ thuật, trong đó có nghệ thuật làm báo. Nhận xét về một bài ký của tôi trên báo *Văn Nghệ* (1985), ông viết: “Thà làm việc kể chuyện, thông tin mà có văn chương, còn hơn là làm văn chương mà đánh mất hết hiện thực. Tôi rất ghét các loại lưới đẹp mà không cho ta ăn một con cá nào. Đẩy xuống = nghĩa là lượng thông tin lớn”.

Chế Lan Viên là một nhà thơ lớn, ông còn là một nhà báo tài năng. Thời gian làm báo liên tục của ông đến 8 năm (1947-1954). Tiếc rằng những bài báo của ông đến nay chưa có ai sưu tầm đầy đủ. Tôi hoàn toàn đồng ý với nhận xét của nhà báo Phan Quang, người có nhiều năm gắn gũi và làm báo *Cứu Quốc* với Chế Lan Viên: “Anh sưu tầm tài liệu, chuẩn bị rất kỹ trước khi bắt đầu một bài viết, một buổi thuyết trình, một chuyến đi công tác. Đó là gì nếu không phải là phong cách báo chí” (Phan Quang, *Tuyển tập*, tập 2, tr.37 - NXB Văn Học 1999)

Viết thêm:

Trước 1975, có lần tôi từ Đài Tiếng nói Việt Nam 58 Quán Sứ đi bộ sang trụ sở Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật ở 51 Trần Hưng Đạo, gõ cửa phòng ông. Thấy Chế Lan Viên mặc quần áo giải phóng quân miền Nam, đầu đội mũ tai bèo đang ngồi làm việc. Trên bàn có một mảnh giấy quay ra phía ngoài, đề “Không tiếp khách quá 10 phút”. Thấy thế tôi chỉ ngồi đúng 10 phút rồi xem đồng hồ đứng dậy. Chế nói: “Để thế thôi, để phòng có kẻ ngồi dai. Cứ ngồi chơi nói chuyện tiếp đi.” Tôi đem câu chuyện Chế mặc đồ giải phóng quân trong

phòng làm việc kể với bạn bè. Có người nói: “Chế làm thế để tạo thi hứng làm thơ về miền Nam, về quân giải phóng”.

Tôi đọc thơ Thanh Thảo, có mấy câu:

Đêm nay có người lội sông

Có người ngồi ở thủ đô viết những dòng thơ thông minh

Có người dặt tay nhau vào tiệc cưới...

Rồi Thanh Thảo kết luận, đại ý: đất nước là như thế, thế mới là đất nước! Vậy mà Chế lại đồng ý với tôi rằng Thảo thơ hay hơn thơ Chế!

Có lẽ vì thế mà cuối đời ông đã viết *Di cảo* nhận trách nhiệm về mình khi đã cổ vũ cho những người đi vào cái chết trong Tết Mậu Thân (1968).

Nguyễn Ngọc

Nguyễn Ngọc bảo tôi: “Năm 1962 tôi trở lại chiến trường Khu 5 ác liệt, cán bộ địa phương vớt cho tôi một cái rìu và nói: cầm lấy cây rìu này đi chặt cây phát nương trồng lúa mà sống đã... Viết lách gì!”

Vậy mà ít lâu sau, Tướng Chu Huy Mân mời ông lên gặp và đề nghị: “Cậu hãy viết một bài *Bình Ngô Đại Cáo*” cho cuộc kháng chiến này”. Nguyễn Ngọc đã về viết tùy bút *Đường chúng ta đi* đem đến cho Tướng Mân. Ít lâu sau Tướng Mân lại bảo nhà văn: “Cậu hãy viết một bài *Hịch tướng sĩ* cho chúng tôi đi”. Nguyễn Ngọc lại về viết truyện ngắn *Rừng xà nu* đem đến cho Tướng Mân. Cả hai tác phẩm bất hủ này đều được đưa vào sách giáo khoa văn học dạy trong chương trình phổ thông trung học. Ai dám bảo viết minh họa là dở? Không biết các thầy cô giáo dạy văn, khi giảng những bài văn này

có biết xuất xứ của nó như thế, như Nguyên Ngọc đã kể cho tôi nghe trong chuyến đi An Giang năm 2012? Trong buổi giao lưu với giáo viên và sinh viên khoa Ngữ Văn trường Đại học An Giang hôm đó, một thầy giáo của khoa đã đọc tấu bản trường ca *Rừng xà nu* của Nguyên Ngọc. Cả hội trường im phăng phắc nghe thầy giáo nọ, với giọng Nam Bộ chuẩn, ca theo lối ca cổ của Nam Bộ. Tôi không rành các làn điệu này nhưng nghe thấy hay và bất ngờ vì *Rừng xà nu* đã được “chuyển thể” đầy sáng tạo như thế. Nguyên Ngọc đã lên tận sân khấu ôm lấy tác giả giữa tiếng vỗ tay của mọi người.

Đêm về nhà khách của trường, Nguyên Ngọc còn kể cho tôi nghe xuất xứ của bài bút ký nổi tiếng *Dùng sĩ núi Thành*. Hồi đó (1965), Mỹ mới đổ quân vào Việt Nam. Ở Tam Kỳ Đà Nẵng (bây giờ là huyện Núi Thành), hàng trăm máy bay trực thăng dày đặc cả bầu trời. Lệnh của Tướng Mân là “nắm thắt lưng địch mà đánh”, đánh phủ đầu, đánh phoi xác để lại cho nó kinh hồn bạt vía, đánh để cho thế giới biết rằng Mỹ cũng đánh được và quân địa phương cũng đánh được Mỹ, vì thế chỉ điều một đại đội quân địa phương để tiêu diệt một đại đội chính quy của Mỹ. Nguyên Ngọc nói: “Chưa đánh mà đã chuẩn bị “Hội nghị Dùng sĩ diệt Mỹ” vào cuối năm đó, đủ biết tự tin thế nào. Đêm đó tôi nằm ngay dưới chân Núi Thành. Quân Mỹ mới nhảy xuống, chưa kịp làm công sự, chúng lấy các bao cát xếp thành công sự. Trong đêm tối như mực, quân ta lăn xả vào đánh xáp lá cà, đánh toàn bằng dao găm”. Tôi ngắt lời nhà văn: “Nó to lớn thế sao ta đánh nổi?” Nguyên Ngọc nói: “Trong cuộc chiến xáp lá cà ăn nhau là sự nhanh nhẹn, to xác

càng dễ chết”. Ngay trận đầu, Mỹ chết để lại những cái xác bị tiêu diệt bằng dao găm. Nó hoảng lắm. Tôi đã viết bài *Dùng sĩ Núi Thành* ngay dưới chân Núi Thành đêm đó, gửi ra cho Đài Tiếng nói Việt Nam phát”.

Đêm đó chúng tôi nói chuyện tới khuya. Sở dĩ Nguyên Ngọc mỗi lần vô Sài Gòn hay gọi điện cho tôi và đi đồng bằng hay rủ tôi, vì, cũng như bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, ông muốn tìm hiểu về Đồng bằng sông Cửu Long. Các nhà văn hóa như Nguyễn Khắc Viện, Nguyên Ngọc bao giờ cũng quan tâm đến văn hóa của mọi miền đất nước. Đêm đó, tôi đã kể cho nhà văn hóa Nguyên Ngọc rằng, ở nơi cùng trời cuối đất của Tổ quốc Việt Nam là Đồng bằng sông Cửu Long, đừng ai nghĩ rằng văn hóa thờ cúng ông bà của người Việt bị phai nhạt. Một lần tôi đi theo một cái ghe chở hàng suốt 11 ngày trên sông nước Cửu Long, đã được nghe ông chủ ghe tâm sự: đi buôn đường sông thì chỉ đi buôn tử thờ là lời nhất. Ông giải thích: nếu thấy - ông kêu một ký giả như tôi bằng thấy - đi vào một vùng đang khai hoang như Đồng Tháp Mười mà thấy ghe chở chum vại vào bán thì biết ngay là người ta đang khẩn hoang. Nhưng nếu thấy chở tử thờ vào bán thì biết là đã khai hoang thành công. Người đi khẩn hoang khi đã sống được trên mảnh đất vừa vỡ hoang, dựng nhà để định cư lập nghiệp lâu dài thì nghĩ ngay đến lập bàn thờ ông bà. Vì thế, bán tử thờ, người bán nói bao nhiêu thì người mua trả bấy nhiêu, không trả giá bao giờ. Nếu chống có trả giá thì người vợ mắng ngay: mua đồ thờ ông bà mà trả giá cái gì!”

Nghe tôi kể đến đây, Nguyên Ngọc đang nằm, ngồi nhồm đậy, chỉ tay vào tôi và nói: “Cậu phải viết lại câu chuyện đó!”

Nguyễn Ngọc là như thế. Cái gì là khí phách của Việt Nam, là đạo lý của Việt Nam thì phải viết cho thiên hạ biết. Ông bảo tôi: “Nhà văn sinh ra là để nhìn thấy cái mà người khác không nhìn thấy”.

Có một điều tôi “phát hiện” ra là: đang nói chuyện tỉnh như sáo, ông có thể ngủ ngay và ngáy o...o... Trời phú cho ông sức khỏe và thần kinh thép như thế nên suốt hai cuộc kháng chiến gian khổ, ông luôn ở hàng đầu của chiến tuyến. Ở tuổi 80, ông vẫn đi mọi miền của đất nước. Nay ở ngoài đảo Thổ Chu, mai ở Tây Nguyên, mốt ở Việt Bắc. Vẫn đi, vẫn viết. Ông bảo tôi: “Suốt 13 năm tôi là cán bộ rồi bí thư xã ở một vùng ác liệt nhất thời chống Mỹ. Tôi xác định là mình sẽ hy sinh nên rất bình tĩnh. Trước một trận càn của địch, chỉ bộ họp lại, bàn thật kỹ phương án tác chiến. Khi đã bàn xong thì ung dung ngồi đánh cờ chờ giặc đến để đánh”.

Một con người như thế mà Đài Truyền hình Hà Nội dám đưa hình ảnh ông cùng các trí thức trong cuộc biểu tình chống Trung Quốc xâm lược biển Đông ở Hà Nội với lời thuyết minh kèm theo rằng đó là những người bị thế lực thù địch dụ dỗ mua chuộc! Thế mà tên giám đốc Truyền hình Hà Nội lại không bị cách chức, sa thải! Hiện thực đó của đất nước đã “đẩy” Nguyễn Ngọc đi đến cùng khi nhà văn nhận ra chân tướng của những kẻ đang cầm quyền. Ông kể với tôi: “Một hôm bà Nguyễn Thị Bình “triệu tập” một nhóm trí thức hơn mười người lại, đặt câu hỏi: chúng ta sai từ bao giờ? Mọi người đều nói: sai từ năm 1951, khi đại hội lần thứ hai của Đảng lấy “chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Mao Trạch Đông” làm kim chỉ nam cho mọi đường lối chính sách của

minh. Riêng tôi nói: sai từ đại hội Tour. Bà Bình không đồng ý. Vậy mà sang hôm sau bà bảo tôi: chị đã suy nghĩ suốt đêm qua, em nói đúng đấy!”

Nguyễn Ngọc phân tích cho tôi: ta và anh Tàu cùng một đẳng cấp phong kiến nên trong lịch sử có lúc thắng lúc thua nhau. Nhưng Pháp nó hơn ta một đẳng cấp. Nó là xã hội đã có văn minh cả vật chất lẫn tinh thần. Học nó để mà canh tân đất nước rồi giành độc lập cũng chưa muộn. Dùng vũ lực để giành độc lập, sau đó thì anh nông dân vô học lên cầm quyền, không nâng cấp được xã hội mà còn chìm xã hội xuống thấp hơn bao giờ hết. Kê nghèo đói lên nắm quyền thì vợ vét và vợ vét. Thực tế đã chứng minh điều đó. Nó hủy hoại cả văn hóa dân tộc. Đi con đường của Phan Châu Trinh là duy nhất đúng. Ông nói điều này không chỉ với tôi ở An Giang bữa đó, ông còn nói trong một cuộc gặp gỡ có mặt nhiều trí thức ở Sài Gòn như Tiến sỹ Vũ Trọng Khải, nhà văn Phạm Đình Trọng, Thạc sỹ Mai Oanh, nhạc sĩ Hồng Anh...

Từ Sài Gòn, xem mạng thấy Nguyễn Ngọc đi đầu trong cuộc biểu tình ở Hà Nội, tôi đã viết bài *Thơ tặng một nhà văn*:

Có những con người mang nỗi nhục áo com
Có những con người mang hồn thiêng sông núi
Đất nước nào chẳng thế phải không em?
Anh lần đi trong đám biểu tình
Nhưng tất cả vẫn nhận ra
Vì anh là nhà văn cao lớn nhất
Đứng ngang tầm khát vọng của nhân dân.
Cho tôi hôn vầng trán rất Quảng Nam
Suốt đời cãi cho lẽ phải

*Có những con người như thế
Đất nước này không thể suy vong
“Đường chúng ta đi” còn lắm gai chông
Vẫn còn Nguyên chất Ngọc
Anh xuống đường
“Đất nước đứng lên”
“Rừng xà nu” lại nổi bão giông...
TP. HCM 8/2011*

Sau khi trang mạng Bauxite đăng bài này, nhiều trang mạng khác đã đăng lại kèm với ảnh Nguyên Ngọc đang giao tay trong đám biểu tình. Ánh mặt trời chói sáng trên vầng trán rộng của ông.

Viết thêm:

Nguyên Ngọc ghét nhất Trần Đăng Khoa. Tôi hỏi ông vì sao? Ông trả lời: “Vì trong một bài viết Khoa đã ví tôi với... Tố Hữu”(!).

Tôi Đi Đòi Nợ Nguyễn Khải

Ngày 15/3/2008 Nguyễn Khải qua đời. Các báo quốc doanh nhất loạt đưa tin Đại tá nhà văn quân đội Nguyễn Khải đã qua đời. Điện thoại bàn nhà tôi réo liên hồi. Người ta muốn tôi viết bài về Nguyễn Khải. Sự nghiệp văn chương của ông thì cái giải thưởng Hồ Chí Minh đã nói đầy đủ. Người ta muốn có những “kỷ niệm”, những câu chuyện về cuộc đời, về nghiệp văn của ông để báo bán chạy hơn. Tôi từ chối. Thấy tôi từ chối đến mấy lần, bà xã nhà tôi bảo: “Thôi thì người ta nhờ, ông viết cho người ta. Ông cũng quen Nguyễn

Khải mà”.

Tôi biết viết gì cho báo chí quốc doanh về Nguyễn Khải, nhà văn mà tôi đã từng nghe tiếng thở dài náo nức của ông qua năm tháng?

Nguyễn Khải bảo tôi: “Nhà văn Việt Nam bị ba đũa nó khinh, thứ nhất là thằng lãnh đạo nó khinh, thứ hai là độc giả nó khinh, thứ ba là đêm nằm vắt tay lên trán... mình lại tự khinh mình!”

“Mình lại tự khinh mình” thì đau quá! Vì thế, tôi không lấy gì làm lạ, không ngạc nhiên tý nào khi đọc bài bút ký chính trị *Đi tìm cái tôi đã mất* của ông sau ngày ông từ trần ít lâu. Một con người mang tâm trạng suốt đời như thế mà vẫn phải sống, vẫn phải viết để tồn tại thì nhất định sẽ phải để lại một cái gì trước khi ra đi, để “cáo lỗi” với hậu thế. Nguyễn Khải chính là nỗi đau đớn trên hành tinh này của một người cầm bút và nhất định ông phải đi tìm “cái tôi” đã mất ở thế giới bên kia. Theo tôi, bài bút ký chính trị đó là bản án nghiêm khắc nhất, sâu sắc nhất cho tội ác của chế độ toàn trị đối với giới cầm bút ở nước ta thời Cộng sản. Phương Tây đi trước phương Đông về thể chế văn minh, đã đặt tên cho giới nhà văn là “personnel littéraire” trong đó danh từ “personnel” (giới) không ngẫu nhiên mà trùng với tính từ “personnel” (mang tính cá nhân). Cái “pẹc” (personnel) mà Chế Lan Viên hay dùng để ca ngợi cái cá nhân, cái tôi của nhà văn làm nên sự khác biệt, làm nên cái riêng, phong cách của một cây bút, đã bị chế độ toàn trị biến thành bầy đàn thì còn gì là văn chương chữ nghĩa. Vậy mà cả đời phải cầm bút trong một thể chế bầy đàn như thế, Nguyễn Khải đau là phải.

Không đau mới lạ.

Nguyễn Khải khi còn ở đường Nguyễn Kiệm, tôi đến chơi, thấy nhà cao cửa rộng, phòng khách sang trọng, tôi khen rối rít. Ông tâm sự, thằng con trai đang làm ngành hàng không, lương mười mấy triệu một tháng, nó bỏ, ông lo lắm. Nó nói hết giờ chỉ ngồi tán gẫu phí sức lực của nó, nên nó ra kinh doanh và giàu có. Căn nhà to tát này là của nó.

Ở cái nhà như cái lâu đài thế mà ông chỉ nói chuyện buồn. Buồn lắm. Ông kể: “Thằng con tôi hay đi mua sách về đọc. Mẹ nó mắng: sách của bố mày đẩy ra đấy, sao không đọc mà phải đi mua. Nó nói: Sách của bố viết không đọc được! Mẹ nó mắng: không viết thế thì lấy cắt mà ăn à(!)” Tôi nghe đến đấy thấy... choáng quá! Tôi không ngờ Nguyễn Khải có thể nói ra điều đó với tôi và ông bạn tôi là giáo viên Văn, dạy chính những bài văn của ông trong sách giáo khoa. Cái thứ văn nếu “không viết thế thì lấy cắt mà ăn...”! Chính anh bạn này đã đưa tôi đến chơi với Nguyễn Khải ở ngôi nhà sang trọng này. Dầm vật, đau khổ đến tận cùng nên nhà văn mới thốt ra những lời như thế.

Dịp kỷ niệm 50 báo *Văn Nghệ* của Hội Nhà văn, sau khi tổ chức ở Hà Nội, còn được tổ chức ở TP. HCM, tại dinh Thống Nhất. Là cộng tác viên của báo, tôi cũng được mời. Tôi gặp Nguyễn Khải và nói với ông rằng, tôi có đọc trên báo *Văn Nghệ* một bài mô tả một ông nhà văn nổi tiếng chuyên đi về Thái Bình, viết về Thái Bình rồi đặt câu hỏi: vậy mà sự kiện bạo loạn ở Thái Bình xảy ra rung chuyển dư luận trong ngoài nước, không biết trước đó ông nhà văn nổi tiếng kia đã nghe được cái gì, thấy được cái gì mà chẳng thấy ông báo

trước được gì... Tôi bảo Nguyễn Khải: “Rõ ràng là người ta chỉ trích anh đấy!” Nguyễn Khải nghe tôi nói chỉ cười rồi bỏ đi. Anh bạn biên tập viên báo *Văn Nghệ* trong ban tổ chức buổi lễ đứng ngay cạnh tôi, khi Nguyễn Khải đi rồi, anh bảo tôi: “Bài đó chính Nguyễn Khải viết, ông ấy đến toà soạn năn nỉ bọn tôi đăng. Ông ấy nói: Thôi thì mình chửi mình trước đi, người ta thương, sau này không chửi nữa”.

Ít lâu sau Nguyễn Khải lại dọn về ngôi nhà bảy tầng lầu ở đường Tôn Đức Quận 4. Nhà đó cũng của con trai ông mới xây. Đây là một trong những nhà tư nhân có cầu thang máy sớm nhất ở TPHCM. Ngôi nhà này là văn phòng công ty của con ông. Anh ta để bố ở trên tầng 7, có sân thượng rộng, thoáng mát. Khi tôi đến, anh chàng bảo vệ công ty mặc đồng phục như cảnh sát, nhìn tôi từ đầu đến chân rồi hất hàm hỏi: “Kiếm ai?” Tôi nói: “Kiếm ông Nguyễn Khải, bố của ông chủ anh.” Y hỏi: “Kiếm có việc gì?” Tôi nói: “Anh báo với ông Nguyễn Khải là, tôi là Lê Phú Khải kiếm ông Nguyễn Khải để... đòi nợ!” Tay bảo vệ vội vào phòng thường trực gọi điện.

Khi lên đến lầu 7 rồi, tôi bảo Nguyễn Khải: “Tôi đến để đòi nợ bài ông hứa viết cho tạp chí *Nghệ Báo* đây!” Nguyễn Khải chưa cho tôi về ngay, giữ ở lại ăn trưa và bảo tôi nằm xuống sàn... nói chuyện như mọi lần. Đó là cách tiếp khách quen thuộc của ông. Hai người (nếu là ba người cũng thế) nằm xuống sàn, đầu đầu vào nhau thành một hàng thẳng... mà nói chuyện. Theo Nguyễn Khải thì nằm như thế nói chuyện được lâu, đỡ mỏi lưng.

Hôm đó Nguyễn Khải nói với tôi: “May quá ông ạ! Bữa trước ông Nguyễn Ngọc đến đây, nếu nó đưa ông ấy lên

phòng khách ở lầu 3 thì tôi xấu hổ không biết chui vào đâu!” Tôi hỏi: “Vì sao?” Nguyễn Khải trả lời: “Vi ở lầu 3 tôi có treo cái bằng giải thưởng Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Ngọc mà không được giải thưởng Hồ Chí Minh mà tôi lại được thì xấu hổ quá!” Ngẫm nghĩ một lúc ông nói: “Nguyễn Ngọc quyết liệt lắm, tôi không thể có cái quyết liệt ấy. Tôi hèn lắm!”

Nguyễn Khải là thế. Một nhà văn tên tuổi như ông mà nhận mình hèn thì ông không hèn chút nào. Ít nhất ông cũng là một con người chân thực, có liêm sỉ. Bút ký *Đi tìm cái tôi đã mất* của ông là một áng văn bất hủ. Một “hiện thực muốn có” bên cạnh một hiện thực “không muốn có” là nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa xuất hiện ở Việt Nam thời Cộng sản. Người ta hay nói đến một “chủ nghĩa hiện thực không bờ bến” phải chăng...

Nguyễn Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đến viếng ông. Khi người ta bảo không còn chỗ trong nghĩa trang thành phố để an táng ông, ông Kiệt đã nói: “Lấy xuất của tôi cho Nguyễn Khải”(!).

Viết thêm:

Liệu tôi có thể viết cho các báo quốc doanh những câu chuyện kể trên hay không? Vì thế, khi đọc những bài “khóc” Nguyễn Khải trên báo, tôi thấy nó nhạt nhẽo, vô duyên và đối trá. Trừ một bài của nhà báo Vu Gia là tôi thấy đọc được.

Đó Là Sơn Nam

Sơn Nam kể với tôi: hồi tao mới lên Sài Gòn kiếm sống, một lần bà già tao từ quê lên hỏi: mày lên đây làm gì để sống? - Viết văn. Bà già hỏi lại: viết văn là làm gì? Tao biểu bà: viết văn là có nói thành không, không nói thành có(!).

Bả nổi giận mắng: mày là thằng đốn mạt. Tao không cãi, chỉ làm thinh! Sau chừng như thương con quá, bả lại hỏi: thể viết văn có sống được không? Tao bảo: viết một giờ bằng người ta đập xích lô cả ngày! Bả thấy vậy không hỏi gì nữa rồi lặng lẽ ra về.

Son Nam đã viết văn từ đó đến nay, 50 năm có lẻ. Tập truyện nổi tiếng nhất của ông là *Hương rừng Cà Mau* đã tái bản nhiều lần. Ông được độc giả tấn phong là “nhà Nam bộ học” với hàng loạt tác phẩm khảo cứu: *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, *Đồng bằng sông Cửu Long*, *Văn minh miệt vườn*, *Cá tính miền Nam*, *Bến Nghé xưa...* Ông rành về phong tục, lễ nghi, ẩm thực của dân Nam bộ. Mỗi buổi sáng, ông thường uống cà phê ở quán sân Nhà Truyền thống quận Gò Vấp đường Nguyễn Văn Nghi. Ai có việc gì cần hỏi về đất nước con người Nam bộ thường ghé tìm ông ở đó. Kể cả mời ông đi tế lễ ở đình chùa! Có người làm ăn khá giả tìm ông để biếu ít tiền uống cà phê(!).

Dạo Nhà xuất bản Trẻ TP. HCM tổ chức kỷ niệm 20 năm thành lập, có mời ông với tư cách là cộng tác viên ruột lên phát biểu trong buổi lễ long trọng đó. Ông nói ngắn gọn: “Tôi sức yếu quá, nếu khỏe như Huỳnh Đức thì đã đi đá banh rồi. Lại xấu trai nữa, nếu không đã đi đóng phim như Chánh Tín từ lúc còn trẻ. Vừa ốm yếu lại vừa xấu trai nên đành đi viết văn vậy. Bây giờ Nhà xuất bản Trẻ làm ăn khấm khá, các anh chị có cơm ăn, tôi cũng có chút cháo!” Mọi người cười rộ.

Dạo TP. HCM kỷ niệm 300 năm, Son Nam có theo một đoàn phim ra Quảng Bình dự lễ tưởng niệm Tướng quân Nguyễn Hữu Cảnh người Quảng Bình có công khai phá đất

Nam bộ. Khi làm lễ, Sơn Nam giở gói đồ khăn đóng áo dài của mình đem từ Sài Gòn ra, mặc vô và tế lễ rất đúng bài bản. Các cụ Quảng Bình khen nức nở: trong Nam người ta có lễ hơn cả mình ngoài này! Sơn Nam nói: trong Nam cũng nhiều thằng lưu manh lắm, nhưng cử người đi xa phải cử thằng có lễ chứ! Các cụ Quảng Bình ngẩn người!

Trong giới nhà văn, Sơn Nam là tác giả được một nhà xuất bản lớn ở TP. HCM mua bản quyền toàn bộ tác phẩm. Khi tôi hỏi nhà văn giá bao nhiêu, ông lắc đầu: “bí mật”(!).

Những lần trà dư tửu hậu với Sơn Nam như thế, tôi thường mời ông ăn trưa, vì biết ông đi bộ đến quán cà phê rồi ở đó đến tối mới về. Vào quán, bao giờ ông cũng kêu: cho cái món gì rẻ nhất, ngon nhất, và ngồi được lâu nhất(!).

Sơn Nam để lại cho đời một sự nghiệp sáng tạo thật đồ sộ. Bao gồm nhiều đầu sách khảo cứu, truyện ngắn, tiểu thuyết. Đọc Sơn Nam người ta kinh ngạc về sự độc đáo của văn phong. Ông viết như nói, như một ông già Nam bộ kể chuyện đời trong quán cà phê. Nhưng sức nặng của thông tin và cảm xúc của người viết khiến lời văn biến hóa khôn lường. Đừng có ai đi tìm thể loại hay bố cục trong một truyện ngắn hay một cuốn sách của Sơn Nam. Nhưng đã cảm đến nó là phải đọc đến trang cuối. Vì càng đọc càng thấy yêu nhân vật của ông. Càng thấy yêu mảnh đất Nam bộ, miền cực nam của Đất nước. Ông đã “viết mọi thể loại trừ thể loại nhảm chán” như có nhà lý luận đã tuyên bố! Có lần tôi nhờ ông viết một bài cho đài Tiếng nói Việt Nam để kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám ở Nam bộ. Mấy ngày sau, cũng tại quán cà phê ở Gò Vấp, ông đưa tôi bài *Nhớ ngày Cách mạng Tháng Tám ở U*

Minh đánh máy bằng cái máy chữ chữ nhỏ li ti như con kiến. Đài phát xong tôi thấy “tiếc” quá, vì chữ nghĩa phát lên trời rồi gió bay đi. Tôi bèn gửi bài đó cho báo *Cà Mau*. Khi in lên, bạn đọc, cán bộ và đồng bào và các nhà nghiên cứu của vùng đất này đều kinh ngạc về trí nhớ của Sơn Nam. Bài báo đó là một tư liệu lịch sử sống động, chưa từng ai ghi chép được như thế về những ngày Cách mạng Tháng Tám ở U Minh. Thư gửi về tòa soạn tới tấp.

Riêng tôi có những kỷ niệm không dễ quên với Sơn Nam. Hồi chưa thống nhất đất nước, từ Hà Nội tôi đã đọc hầu hết tác phẩm của ông do tôi làm ở ban miền Nam, có đường dây chuyển sách báo từ đô thị miền Nam ra cho cán bộ nghiên cứu. Đọc rồi mê luôn. Vì thế ngày cuối năm 1975, lần đầu tiên được vô Nam (trước khi đi còn phải đổi tiền như đi nước ngoài), tới Sài Gòn, việc đầu tiên của tôi là đi tìm Sơn Nam để biếu ông một chai rượu nếp Bắc. Tìm mãi, vô đến bốn con hẻm, bốn cái “xuyêch” (sur) ở đường Lạc Long Quân mới tìm được nhà ông. Nhưng ông đi vắng. Tôi đành gửi chai rượu cho vợ nhà văn. Bà hỏi tôi: “Chú là thế nào với ông Sơn Nam?” Tôi thưa: là độc giả hâm mộ Sơn Nam, từ Hà Nội vô phải ra ngay nên chỉ ghé thăm sức khỏe nhà văn.

Mười năm sau, lần đầu tôi được gặp Sơn Nam tại quán cà phê ở Gò Vấp, tôi kể lại chuyện chai rượu mười năm trước. Sơn Nam vẫn nhớ rành rọt: tao không ngờ ở ngoài Bắc chúng mày cũng đọc tao kỹ như vậy.

Nói cho thực công bằng, những truyện ngắn như *Trao thân con khỉ mốc* của Phi Vân trong tập *Đồng quê* (giải nhất văn chương của Hội Khuyến học Cần Thơ 1943) và *Tình*

nghĩa giáo khoa thư trong *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam là những kiệt tác đáng được đưa vào sách giáo khoa như *Lão Hạc, Chí Phèo* của Nam Cao đã được.

Lần cuối cùng tôi gặp Sơn Nam là cách đây vài tháng, tại nhà riêng của ông ở một con hẻm đường Đinh Tiên Hoàng. Hôm đó tôi đem một cái nhuận bút của báo Cà Mau về cho ông. Không ngồi dậy được, ông phải nằm tiếp khách. Bất ngờ ông hỏi tôi: một tỷ là bao nhiêu tiền hờ mày? Câu này ông đã hỏi tôi một lần, nghĩ là ông hỏi giỡn, nên lần đó tôi không trả lời. Nay ông lại hỏi, nên tôi thưa: là một nghìn triệu “bố” à! Ông tròn mắt: dữ vậy? Tôi nói: không tin “bố” hỏi con gái “bố” kia kìa.

Khi biết rõ một tỷ là một nghìn triệu, nét mặt nhà văn nặng trĩu ưu tư. Có lẽ ông đang nghĩ đến những vụ tham ô, lãng phí cả trăm tỷ, ngàn tỷ mà ông đọc được trong những xấp báo đang để quanh người ông kia!

Nếu ai hỏi tôi về Sơn Nam, tôi sẽ trả lời: Sơn Nam là một nhà văn rất vui tính, đã... *chết* vì quá buồn! 14/8/2008

Sơn Nam đã đi xa. Nhiều người bây giờ còn nhớ câu nói dí dỏm của ông: “Làm văn chương là nghèo rồi. Nếu làm nghề này mà giàu được thì Ba Tàu Chợ Lớn đã làm rồi!”

Lúc còn sống, Sơn Nam ý thức một cách rõ rệt về cái sự nghèo của nhà văn. Bây giờ thì Sơn Nam của chúng ta không còn nữa. Nhưng nghĩ cho kỹ thì ông không nghèo. Trái lại, rất giàu có là đằng khác. Ngắm ngôi nhà lưu niệm Sơn Nam tọa lạc trên một thế đất 2.000 mét vuông, nhìn ra phong cảnh cỏ cây, sông nước và những gì có trong ngôi nhà đó, người ta phải suy nghĩ như thế.

Ngày 13 tháng 7 năm Canh Dần, tức ngày 22/8/2010, nhà

lưu niệm Sơn Nam được vợ chồng chị Đào Thúy Hằng, con gái của nhà văn khánh thành nhân ngày giỗ lần thứ 2 của ông, tại ấp 4 xã Đạo Thạnh ngoại ô thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Là một công trình văn hóa “phi chính phủ” nên ngày khánh thành không có giấy mời in ấn, dấu mộc nhiều khô. Chỉ nhắn bằng điện thoại, ai biết thì tới. Tôi từ thành phố Hồ Chí Minh cũng được người ta “nhắn tin”, đến nơi thì thấy văn võ bá quan đủ cả. Đảo mắt một lượt, tôi nhận ra nhà văn Nguyễn Quang Sáng từ TP. HCM tới, nhà văn Trang Thế Hy từ Bến Tre qua, soạn giả ca cổ Châu Thanh, hiệu trưởng trường Đại học Tiền Giang, các văn nghệ sĩ của tỉnh... Chỉ còn cách đứng xa ngắm toàn cảnh nhà lưu niệm này vì bên trong khách đã ngồi chật cứng. Phải nói là đẹp. Nhà xây ba gian hai chái, hàng hiên rộng, thoáng mát, có cửa lá sách thông với ba gian bên trong. Một kiểu nhà ba gian hai chái ở miền Bắc, được các phú hào ở Nam bộ cải tiến cho hợp với miền Nam xứ nóng quanh năm. Đặc biệt, mái ngói hai tầng làm cho ngôi nhà rất bề thế. Anh Nghi, con rể nhà văn cho hay, chính anh lái máy ủi để ủi đất tạo thế một quả đồi thấp làm nền cho ngôi nhà. Vì thế, đứng từ thềm nhà nhìn ra, thấy được cả phong cảnh cỏ cây, sông nước phía trước. Để có được “phong cảnh” này, vợ chồng chị Hằng đã phải chắt chiu mua lại từng mảnh đất nhỏ của 5-6 chủ đất phía trước nhà trong gần hai năm. *“Ông bà ta chỉ xây dựng phong cảnh một ngôi chùa, chứ không xây dựng một ngôi chùa”*. Nguyễn Đình Thi đã có nhận xét xác đáng như vậy về kiến trúc đình chùa nước ta. Điều này rất đúng với nhà lưu niệm Sơn Nam. Chính vì vậy, từ khi nhà lưu niệm khánh thành, chị Thúy Hằng cho

biết, ngày nào cũng có khách bốn phương tới thắp hương, tham quan, chụp hình lưu niệm...

Hôm đó đã là tháng áp Tết, mọi người bận rộn việc nhà, số khách thăm nhà lưu niệm không nhiều, nên tôi có thể thư thái xem các hiện vật bên trong. Ấn tượng nhất là ngay lối trước sân, phía bên phải là tượng Sơn Nam tạc trên một phiến đá dựng đứng, bên trái là bút tích, cũng được tạc trên đá: bài thơ duy nhất của ông, không đề, mà ông lấy làm lời tựa cho cuốn *Hương rừng Cà Mau* trong đó có hai câu kết mà nhiều người thuộc:

Phong sương mấy độ qua đường phố

Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê

Hầu hết tác phẩm của Sơn Nam được Nhà xuất bản Trẻ mua bản quyền, tái bản, được lưu giữ trong một tủ kiếng lớn chiếm hết một gian nhà. Nhiều cuốn sách đã bạc màu với thời gian của Sơn Nam, ấn hành từ những năm 70 thế kỷ trước đã được độc giả yêu mến đem đến tặng cho nhà lưu niệm, có chữ ký, tên tuổi, bút tích của người tặng. Tranh chân dung, tranh khắc gỗ, tượng gỗ, tượng đá, ảnh chụp Sơn Nam của các nghệ sĩ nhiếp ảnh, họa sĩ, điêu khắc gia nổi tiếng, chuyên nghiệp và nghiệp dư từ nhiều nguồn đã hội tụ về đây. Thành thử, xem nhà lưu niệm, người ta được thưởng thức nhiều phong cách, nhiều trường phái hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh cùng sáng tạo về Sơn Nam. Ví dụ, riêng ký họa, tôi được xem chân dung Sơn Nam do ba họa sĩ Tạ Ty, Lê Quang, Cù Huy Hà Vũ vẽ.

Tôi đặc biệt thích thú một cái máy chữ cổ, do một sinh viên có tên là Bùi Thế Nghiệp tặng nhà lưu niệm, kèm theo lá thư Sơn Nam viết lúc tặng anh cái máy. Số là, sinh viên Nghiệp

là bạn đọc hâm mộ nhà văn. Cậu thường chở nhà văn đi chơi (Sơn Nam không biết đi xe đạp, xe máy - LPK). Lúc nhà văn bệnh nặng vào năm 2005, Nghiệp đến xin nhà văn một kỷ vật gì đó, phòng khi ông đi xa. Nhà văn đã cho anh cái máy chữ kèm theo lá thư nhỏ chứng nhận đây là máy chữ của Sơn Nam tặng. Nay đọc báo biết có nhà lưu niệm Sơn Nam, Nghiệp đến tặng lại. Nhìn cái máy chữ của Sơn Nam được lưu giữ, tôi bỗng nhớ đến cái máy chữ của văn hào Balzac trong nhà tưởng niệm Balzac (Maison de Balzac) ở nhà số 47 phố Raynouard Quận 16 Paris mà tôi đã có dịp đến thăm. Nhà tưởng niệm Balzac là căn hộ có năm buồng nhỏ ở tầng trên cùng một ngôi nhà ba tầng lầu. Balzac (sinh thời cũng rất nghèo) đã trốn nợ trên tầng cao của ngôi nhà này từ năm 1840 đến 1847. Năm 1949 chính quyền thành phố Paris đã mua lại cả ngôi nhà rồi sửa chữa và năm 1960 mở cửa cho tham quan. Maison de Balzac có các tác phẩm của bộ *Tấn trò đời (La Comédie humaine)* và cái máy chữ. Sao nó giống cái máy chữ của Sơn Nam đến thế!

Bắt chước mọi người, tôi cũng đem đến tặng nhà lưu niệm bản thảo những bài mà tôi đã đặt ông viết cho đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam nay không ở đâu lưu trữ và mười tám hình “có một không hai” tôi chụp những năm ông hay lang thang ở quận Gò Vấp. Có một tấm hình tôi bắt chợt ghi lại lúc ông đang cúi xuống lom khom viết trên một cái yên xe máy ngay giữa đường phố!

Với những nhà lưu niệm do người dân tự tạo nên như nhà lưu niệm Sơn Nam, ai dám bảo đồng bằng sông Cửu Long là “vùng trũng” văn hóa?

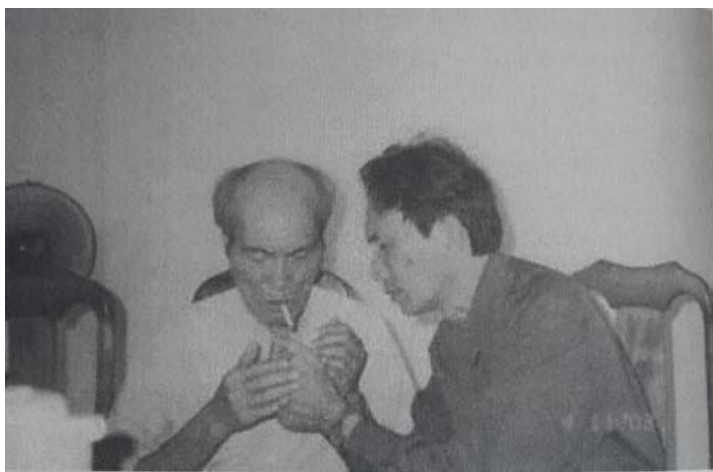
CHƯƠNG CHÍN

“CHẤM PHÁ” CHÂN DUNG CÁC NHÀ DÂN CHỦ

Nguyễn Kiến Giang - hạt giống đỏ marxist
trở thành nhà lý luận dân chủ tiên phong

Nguyễn Kiến Giang sinh ngày 22/1/1931 ở làng Quảng Xá, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình trong một gia đình Nho học. Kiến Giang là tên con sông chảy qua làng ông. Kiến Giang học đến deuxième année tức năm thứ hai trung học đệ nhất cấp. 14 tuổi ông đã hoạt động trong hàng ngũ Việt Minh. 17 tuổi đã là huyện ủy viên rồi tỉnh ủy viên tỉnh Quảng Bình. Năm 1956 ra Hà Nội giữ chức Phó Giám đốc Nhà xuất bản Sự Thật. Tác phẩm Việt Nam năm đầu tiên sau Cách mạng Tháng Tám của ông được Trường Chinh đánh giá rất cao. Ông kể: viết xong 400 trang sách tôi gửi cho ông Trường Chinh. Ông gọi lên nói: rất tốt! Ông Trường Chinh chỉ sửa có một chữ và sách được in năm 1961.

Chính vì thế mà năm 1962 ông được cử đi học trường Đảng Cao cấp ở Liên Xô để làm “hạt giống đỏ” cho lý luận của Đảng trong tương lai. Tháng 9/1953 Khrushchov lên Tổng Bí thư, phê phán tệ sùng bái cá nhân Stalin và chủ trương các nước khác nhau về thể chế chính trị có thể chung sống hòa bình, đặt vấn đề chống chủ nghĩa cá nhân, dân chủ hóa đời sống xã hội. Ở Trung Quốc, Mao Trạch Đông phê phán Liên Xô là xét lại, chủ trương phải tiêu diệt đế quốc sạch sành sanh.



Nguyễn Kiến Giang và tác giả.

Tháng 12/1963 ta họp Hội nghị Trung ương 9, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng xác định lập trường Trung Quốc, không chấp nhận báo cáo chính trị của Hoàng Minh Chính ủng hộ lập trường của Liên Xô. Những người Cộng sản Việt Nam chia rẽ về tư tưởng.

Kiến Giang kể với tôi: sau khi trận Ấp Bắc ở miền Nam thắng lớn, Hoàng Tùng sang Liên Xô triệu tập chúng tôi lại, nói: Mỹ thua đến nơi rồi, Liên Xô có quan hệ gì với ta thì chỉ là để “dây máu ăn phần” mà thôi! Chỉ thị từ nhà sang là: cấm tham gia mọi hoạt động mà Liên Xô tổ chức. Tôi và nhiều anh em lại nhận định khác. Liên Xô và Mỹ hoà hoãn thì Mỹ sẽ đổ quân vào Việt Nam và chiến tranh sẽ mở rộng, không có chuyện Mỹ thua ngay như ông Hoàng Tùng nói. Thư tôi viết về cho gia đình còn đó, đúng như tôi nhận định.

Sau này tôi có đọc cuốn sách *Điệp viên hoàn hảo* nói về

nhà tình báo chiến lược Phạm Xuân Ẩn, thấy ông ấy cũng nhận định tình hình lúc đó như Kiến Giang. Đầu năm 2007 tôi có đem cuốn sách này đến tặng ông Sáu Kiệt (sách còn mới, chưa gạch chân vào đó như cuốn *Trang trại ở Pháp* đã nói ở trên). Tôi nói với ông Sáu Kiệt: cả hai nhận định giống nhau, nhưng P.X.A. thì được ca ngợi là sáng suốt; còn ở ngoài Bắc, sau đó Kiến Giang đi tù chín năm! Ông Sáu Kiệt nói: ở ngoài đó các ông ấy hay bắt nhau đi tù quá!

Kiến Giang còn kể cho tôi vào ngày 20/5/2004 tại Gò Vấp, nhà con gái ông ở đường Nguyễn Văn Nghi (vì tôi có ghi chép vào sổ tay cuộc nói chuyện này nên còn nhớ rõ ngày giờ, địa điểm): vụ Liên Xô đưa tên lửa vào vùng biển Caribe của Cuba rồi rút ra làm cả thế giới hồi hộp, một ông trong phe Maoist là Nguyễn Chí Thanh đã phê phán: “Đưa vào là phiêu lưu, rút ra là đầu hàng”! Cụ Hồ phải gõ bút chì xuống bàn nói: “Chú nói gì mà quá đáng thế!” Năm 1964 Dương Bạch Mai không phục từng nghị quyết 9, không thi hành nghị quyết 9 nên đã phải chết!

Chính vì thế mà năm 1964, Kiến Giang và một số cán bộ đang học ở Liên Xô bị Trung ương gọi về. Những người không tán đồng nghị quyết 9 đang ở Liên Xô lúc đó như Minh Cầm, Lê Vinh Quốc, Văn Đoàn, Nguyễn Lâm Tuất... đã ở lại xin ty nạn chính trị. Người anh rể ruột của kẻ đang viết những dòng này là đại úy quân đội Nguyễn Trung Dũng - người đã nhắc đến ở đầu sách - và đồng đội của ông đang học ở Học viện quân sự Frunze cũng bị gọi về dịp này.

Kiến Giang kể: tôi suy nghĩ mãi, ở hay về, cuối cùng tôi và Hồng Hà quyết định về. Hồng Hà và tôi được Lê Đức Thọ

kêu lên gấp. Sau khi nghe Lê Đức Thọ phê phán, Hồng Hà rút khăn ra lau nước mắt. Thọ nói: cậu đã thấy lỗi là tốt! Anh ta được ra về và sau đó thăng quan tiến chức đến Ủy viên Trung ương. Tôi ngồi chờ đến lượt mình, nghe rõ câu chuyện hai vị nói với nhau, tôi chỉ được quyết định số phận của mình có mấy giây. Tôi đã nói với Lê Đức Thọ: khi ở Liên Xô, tôi tưởng mình nghe nhầm, nay nghe chính đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị nói thì tôi càng thấy tôi đúng! Thế là sau đó, tôi “đi thực tế” ba năm từ 1964 đến 1967 ở Quảng Bình rồi Thái Bình, sau đó là đi tù sáu năm, ba năm quản chế! Cái giá của một câu nói thật là thế!

Chuyện “nghe nhầm” của Kiến Giang là như sau. Tại lớp học ở trường Đảng Cao cấp ở Liên Xô có nhiều học viên là đảng viên các đảng Cộng sản các nước. Lúc đó có việc Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Iraq qua đời, vợ ông ta lại đang học cùng lớp với Kiến Giang và Hồng Hà. Lớp học tổ chức truy điệu ông. Theo chỉ thị từ nhà thì các học viên Việt Nam không được tham gia bất cứ hoạt động nào do Liên Xô tổ chức, nhưng Kiến Giang và Hồng Hà cứ đến dự lễ truy điệu vì “nghĩa tử là nghĩa tận”; hơn nữa, nếu không đến thì người ta sẽ đánh giá Việt Nam thế nào? Vậy mà Lê Đức Thọ không tha vạ đó.

Lê Đức Thọ, Trưởng ban Tổ chức Trung ương và Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng Công an trực tiếp tổ chức cuộc bắt bớ đám xét lại chống Đảng năm 1967. Ngoài Hoàng Minh Chính và Kiến Giang là những nhân vật nổi cộm, còn nhiều nhân vật cao cấp khác bị bắt, trong đó có Vũ Đình Huỳnh, vụ trưởng Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao, Đại tá Lê Trọng Nghĩa, cục

trưởng Cục 2 (Quân báo) Bộ Quốc phòng, Lê Minh Nghĩa, Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng, Nguyễn Đức Kiên, cục trưởng Cục Tác chiến, Hoàng Thế Dũng, tổng biên tập báo Quân Đội Nhân Dân, Minh Tranh, giám đốc NXB Sự Thật, Trần Minh Việt, phó Bí thư kiêm Phó Chủ tịch UBND Hà Nội, v.v... Các vị Ung Văn Khiêm, bộ trưởng Ngoại giao, Đặng Kim Giang, thứ trưởng Bộ Nông trường, Lê Liêm, thứ trưởng Bộ Văn hóa, Nguyễn Văn Vịnh, Bùi Công Trùng... bị khai trừ Đảng.

Theo nhà nghiên cứu Sophie Quinn-Judge viết trên tạp chí *Journal of Cold War History* tháng 11/2005 thì vụ án này có 300 người bị bắt, trong đó có 30 nhân vật cao cấp, tất cả bị giam giữ lâu và không xét xử gì cả, rồi thả dần.

Kiến Giang cho biết, Lê Đức Thọ sau này thuyết phục: các cậu đi học xa không biết tình hình trong nước. Vì sao lại có Nghị quyết 9? Ta đề nghị đặt tên lửa tầm trung để đánh hạm đội 7, Liên Xô không cho thì đã có vũ khí của Trung Quốc. Chỉ có đồng chí Mao Trạch Đông mới có dũng khí cách mạng và đủ trình độ lý luận để chống chủ nghĩa xét lại.

Đến năm 1967 là kỷ niệm 50 năm cách mạng Tháng Mười thành công, bên ngoài ta tung hô Liên Xô, vì nếu không thì cũng không xong: 5/8/1964 Mỹ đã đánh phá miền Bắc bằng máy bay, bằng chiến tranh phá hoại; nếu nghe Trung Quốc, nghe Đặng Tiểu Bình đoạn tuyệt hẳn với Liên Xô thì lấy vũ khí (tên lửa) đâu ra mà đánh Mỹ? Vậy nên, bên ngoài thì Lê Duẩn tuyên bố, có hai tổ quốc: Liên Xô và Việt Nam, bên trong, năm 1967, bắt xét lại “để làm hài lòng Trung Quốc”! Vì thế Lê Đức Thọ đã có lần nói với Kiến Giang: “Các cậu ở

tù cũng là tham gia chống Mỹ cứu nước!” Nhắc lại câu này của Lê Đức Thọ, Kiến Giang ở tuổi 74, đang đau yếu cũng không nén được tức giận, ông chửi thề: “Thật bi ối, ấu trĩ!”

Kiến Giang nhớ rất kỹ, bắt đột đầu là Hoàng Minh Chính ngày 27/7/1967. Sau ba tháng thì bắt đột hai Vũ Đình Huỳnh, Minh Việt... vào ngày 18/10/1967...

Kiến Giang bị bắt đưa đi trại giam Bất Bạt của quân đội và bị chuyển trại ba lần, có lần giam ở trại Ba Sao. Ông kể về 5 năm bị giam trong xà lim: có bốn mét vuông, như nhà mồ, rết lăm vì cửa sổ hướng về phía Tây, phải đứng suốt ngày, tưởng là phát điên. Tôi phải tự viết một cuốn tiểu thuyết trong đầu để khỏi phát điên, vì xin đi lao động nó không cho đi. Gia đình chỉ được lên thăm có hai lần, năm 1969 ở Bất Bạt, năm 1971 ở Ba Sao. Năm 1973 bắt đầu quản chế, 1975 quản chế ở xã Bối Khê Vũ Ân.

Ở trong tù, năm 1968 được tin đánh Mậu Thân, tôi biết trước là sẽ thua vì Mỹ chưa yếu như các ông ấy nghĩ. Còn nếu thắng thì số phận bọn xét lại chúng tôi sẽ vô cùng đen tối. Năm 1970 tôi đã viết thư cho Lê Đức Thọ về chuyện này...

Kiến Giang sở dĩ trở thành nhân vật nổi cộm trong vụ án “Xét lại chống Đảng” vì cùng với Hoàng Minh Chính, ông là một nhà lý luận có kiến thức uyên bác, có tư duy sắc bén. Vì thế Lê Đức Thọ có phần nể nang, nhưng vì ông không khóc lóc van xin, không khuất phục như Hồng Hà, nên bằm dập. Ông kể: khi Lê Duẩn lên Tổng Bí thư, ông Trường Chinh bảo tôi sang gặp anh Ba Duẩn để xin anh ấy các bài viết, các phát biểu đem về in thành sách. Theo ý ông Trường Chinh thì lãnh tụ phải có tác phẩm. Tôi đã nghe lời sang gặp Lê Duẩn. Ông

Duẩn rất cởi mở, đưa tôi một ôm tài liệu, bảo muốn làm gì thì làm. Tôi đọc kỹ thấy ông Duẩn không hiểu gì về Chủ nghĩa Marx cả, chỉ có tư tưởng dân tộc chủ nghĩa. Khi trao đổi với Lê Đức Thọ lúc ông vào thăm tôi ở trong tù, tôi có nói ý đó. Thọ bảo tôi viết lại thành tài liệu đưa Thọ. Thọ về rồi, tôi suy nghĩ kỹ. Thọ nham hiểm lắm, muốn lợi dụng tôi để lập hồ sơ về Lê Duẩn, khi cần thì sử dụng. Đó là cách Thọ thường làm. Thì ra Thọ đã có ý lật Lê Duẩn từ đó. Nghĩ thế nên tôi không mắc lừa, không viết gì phê phán Lê Duẩn là dân tộc chủ nghĩa cả(!).

Kiến Giang còn kể: lần cuối cùng Lê Đức Thọ vào thăm tôi, ông ta nói: các cậu hay đề cao trí thức, phó tiến sỹ đi học về thì tở cho thêm năm đồng vào lương, thế thôi! Tôi nhìn thẳng Thọ nói: xưa Đảng vô học vì phải đi đánh giặc, nay Đảng có chính quyền mà Đảng lại sùng bái sự vô học thì không được! Lê Đức Thọ đứng lên ra về. Ít phút sau tay Giám thị trại giam vào hoảng hốt nói: kỳ này thủ trưởng vào là để cho ông về, vậy là chết rồi! Ông làm thủ trưởng phạt lòng vậy là tiếp tục tù dài!

Kiến Giang là một con người như thế, quyết liệt. Từ chỗ là một tín đồ ngoan đạo của Chủ nghĩa Marx-Lenin, sung bài Liên Xô, đến chỗ dứt khoát từ bỏ Chủ nghĩa Cộng sản. Lần đầu tiên Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đưa ông xuống Mỹ Tho chơi với tôi vào năm 1988, bác Viện đã giới thiệu: đây là một nhà Xô viết học! Cậu có cần hỏi gì về Liên Xô, cứ hỏi cái đầu này. Lúc đó Liên Xô đang cải tổ. Năm 1987, tức 70 năm Liên Xô, Kiến Giang còn viết cuốn sách dày hơn 200 trang mang tựa *để Liên Xô 70 năm trên đường khai phá* (NXB Phú

Khánh). Đọc kỹ cuốn sách đó, tôi thấy ông còn tin tưởng, hy vọng là Đảng Cộng sản Liên Xô sẽ cải tổ thành công. Đùng một cái Liên Xô tan rã và thực tế ở Liên Xô và Đông Âu, và cả ở Việt Nam những năm sau này đã đẩy tư duy của Kiến Giang đi đến cùng. Ông đã viết tiểu luận *Tôi từ bỏ Chủ nghĩa Cộng sản như thế nào?* Để công bố tư tưởng của mình. Ông trở thành một nhà lý luận đổi mới hàng đầu, có uy tín lớn với trí thức Việt Nam ở trong nước và trên thế giới. Trang web Talawas ngày 11/3/2013 đã giới thiệu học giả Nguyễn Kiến Giang cả một bài dài. Nhưng Kiến Giang không phải một học giả của những vấn đề đã được xếp trong tủ kính. Ông đứng giữa dòng sông đang chảy xiết của thời cuộc đất nước mà nghiên cứu, đề xuất, phán xét, bắt chấp mọi hiểm nguy. Ngày 22/8/1996 ông lại lãnh án 15 tháng tù treo cùng với Lê Hồng Hà hai năm tù giam, Hà Sĩ Phu một năm tù giam của Toà án TP. Hà Nội về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ để chống đối chế độ!

Chính cái hôm ông vừa lãnh án tù treo về, tôi gặp ông ở Hà Nội. Tôi hỏi: cùng một tội, các vị kia bị tù giam, anh được cái án treo coi như tha bổng! Ông cười hóm hỉnh: có lẽ người ta thấy tôi tù nhiều quá rồi, có giam nữa cũng thế thôi!

Kể từ cái ngày bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đưa ông đến chơi với tôi ở Mỹ Tho và ở lại chơi đến cả tuần lễ vào năm 1988, năm nào ra Hà Nội tôi cũng đến thăm ông ở phố Tuệ Tĩnh và sau này ở ngõ Lương Sứ C gần Văn Miếu. Tôi đến để xin ý kiến ông về thời vận của đất nước! Có lần ở 91 Tuệ Tĩnh, ông chỉ vào một hòn gạch trên nền nhà và nói: chính tại cái hòn gạch này, tôi đã đứng để công an công tay vào năm 1967, lúc

đó cả cái nhà tập thể của Nhà xuất bản Sự Thật này họ nhìn tôi như kẻ tội phạm đáng ghét. Vậy mà bây giờ, họ chửi bới chế độ om sòm, còn tôi vẫn lặng lẽ đọc và viết.

Ông đã viết 25 tác phẩm và dịch 45 cuốn sách. Ông phải dịch để kiếm sống sau bao năm tù đầy. Đương nhiên sách dịch của ông phải ký các tên ba lăng nhăng để che mắt chính quyền. Hai cuốn sách in trong nước của ông là cuốn *Liên Xô - 70 năm trên đường khai phá* và cuốn *Cách mạng 1789 (Pháp) và chúng ta...* phải để tên tác giả ngoài bìa là Nguyễn Khắc Viện (NXB Tổng hợp TP. HCM, 1989). Sau khi cuốn *Cách mạng 1789...* ra đời, Đại sứ Pháp tại Hà Nội đã đến nhà Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện mời ông qua Pháp dự lễ kỷ niệm 200 Cách mạng Pháp (1789 - 1989) tại Paris. Bác sĩ Viện đã nói với nhân viên Sứ quán Pháp rằng người viết cuốn sách đó là Nguyễn Kiến Giang, ông chỉ cho mượn tên để ngoài bìa sách mà thôi! Người Pháp lại tìm đến Kiến Giang. Ông phải nói với họ rằng ông không thể đi được dù mọi chi phí đi lại, ăn ở ông không phải lo!

Những lần ra chơi với Kiến Giang như vậy, tôi đều tặng ông những cuốn sách tôi mới in, với lời đề tặng đại loại như: *kính tặng anh Kiến Giang, một trí tuệ lớn, một nhân cách lớn... Chúng tôi nhìn vào anh để sống và hy vọng cho tương lai đất nước...* Ở dưới có đề rõ địa chỉ và họ tên người tặng sách. Kiến Giang bảo tôi: cuốn sách của cậu tặng, *moi* (tôi) để trên bàn tiếp khách, một viên công an theo dõi *moi*, thường xuyên đến nhà “thăm hỏi”, đã giờ ra coi. Anh ta coi đi coi lại lời đề tặng của cậu như để thuộc để ghi vào hồ sơ của *moi*... Cũng vì tôi hay đến chơi Kiến Giang như thế nên đã có lần

chạm trán với nhân viên an ninh và đã bị truy tìm lý lịch như đã kể ở đầu sách.

Sau Tết năm 2000, tôi lại đến thăm ông. Kiến Giang bảo tôi: hôm mừng một Tết, tướng Phạm Chuyên có đến thăm chúc Tết và cho quà. Ông ấy hỏi tôi: anh nhận định tình hình thế nào? Tôi trở lên cuốn lịch nói: năm 2000 có ba con số 0. Phạm Chuyên đề nghị tôi nói về ba con số 0 ấy. Tôi nói: thứ nhất là không còn đường lùi, thứ hai là không tiến lên được... Phạm Chuyên sốt ruột: còn con số 0 thứ ba nữa? Tôi nói: nhưng không phải là không có lối thoát. Phạm Chuyên vỗ tay: hay quá, tôi mời anh đến gặp đồng chí Tổng Bí thư (lúc đó là Lê Khả Phiêu - LPK) để anh phân tích về từng con số 0 một cho Tổng Bí thư nghe! Tôi trả lời: tôi không phải là thầy bói, tôi là nhà khoa học. Nếu cần thì các anh tổ chức hội thảo khoa học để tôi đến trình bày đảng hoàng.

Dĩ nhiên là không có hội thảo nào sau đó. Nhưng cũng có những cuộc hội thảo kín, người ta mời Kiến Giang đến tham luận và yêu cầu ông không phổ biến rộng rãi tham luận đó. Nộp lại tham luận và nhận nhuận bút rất cao. Ông nói với tôi: mình được mời đi tham luận là sẵn sàng vì có nhuận bút cao cũng đỡ!

Sau ngày Đổi mới, Kiến Giang được phục hồi sổ hưu. Ông đưa quyển sổ hưu cho tôi coi và chỉ tay vào chỗ có đóng dấu, nói: cậu xem có lạ không? Sổ hưu của tôi dấu vuông. Dấu của Đảng. Không có Nhà nước pháp quyền nào trả lương hưu với dấu vuông của Đảng cả(!).

Kiến Giang là như thế, bao giờ ông cũng đi đến tận cùng mọi vấn đề, và trên hết, ông là một nhà xã hội học đúng với

tên của nó. Độc lập quan sát xã hội. Tôi đã được đọc tập tiểu luận của ông trong một cuộc “hội thảo kín” như ông đã kể. Tập tiểu luận tham luận có chủ đề “bàn về chủ nghĩa anh hùng cách mạng và con người mới xã hội chủ nghĩa”. Trong tập tiểu luận đó, ông đã dẫn ra tất cả những lời có dính đến hai chữ “con người” mà ông Hồ Chí Minh đã nói tới trong tất cả những gì đã được in ra từ trước đến nay. Chỉ riêng việc thống kê đầy đủ như thế đã cho thấy tính nghiêm túc khoa học trong tham luận của Kiến Giang (trả nhuận bút cao là phải!). Qua những thống kê đó, tác giả đi đến kết luận: ông Hồ coi người cán bộ, đảng viên là lõi cốt của cách mạng. Nhưng ông bác bỏ hoàn toàn khái niệm “Con người mới”. Theo ông, trong con người có cái mới và cái cũ không thể tách biệt để có “con người mới” như đã ảo tưởng! Và, tác giả cũng bác bỏ hoàn toàn quan niệm “cán bộ là đầy tớ” của nhân dân. Theo ông, cán bộ cấp cao thì phải hưởng thụ cao và phải có cống hiến xứng đáng với hưởng thụ. Còn giữ khẩu hiệu “đầy tớ nhân dân” thì sẽ dẫn đến giả dối, đến hội nghị nói một đằng, về làm một nẻo. Còn giữ khẩu hiệu này sẽ làm mất uy tín của ông Hồ. Ông Hồ nêu khẩu hiệu này trong những điều kiện đặc biệt; nay thời gian, không gian đã khác, phải cất nó vào quá khứ để xây dựng một xã hội công dân thực sự, một nhà nước pháp quyền thực sự. Kiến Giang bảo tôi: bản tham luận được vỗ tay nhiệt liệt, người vỗ tay toàn là “đầy tớ”!

Kiến Giang là một nhà xã hội học thực sự trong một đất nước không hề có khoa học xã hội, chỉ có những vị giáo sư “ăn theo, nói leo” minh họa lời ông lớn, minh họa các nghị

quyết của Đảng cầm quyền để vinh thân phì gia. Hãy đọc đầu đề các tập tiểu luận (chủ yếu là tự viết, tự in lấy) của ông, đủ thấy không mấy ai đặt bút viết về các đề tài “nhạy cảm” này: *Đi tìm cách tiếp cận bản tính gốc người Việt, Một cuộc chiến chống lại “phi lý tính”, Nên đặt vấn đề Nho giáo như thế nào?, Khủng hoảng và lối ra, Thử dò tìm cách tiếp cận mới đối với thế giới hiện đại, Một quan niệm về hiện đại hoá ở Việt Nam, Đời sống tâm linh và ý thức tôn giáo, Từ Duy Tân đến Đổi mới, Nhìn nhận thực trạng văn hoá Việt Nam hiện nay, Công bằng xã hội và kinh tế, Nhìn lại quá trình du nhập của chủ nghĩa Marx-Lenin vào Việt Nam, Bàn về sự lãnh đạo của Đảng, v.v.*

Tôi có may mắn và hạnh phúc được đọc hầu hết các tiểu luận trên của ông để lấy thêm vốn liếng hành nghề báo của mình. Một tiểu luận của ông như thế có độ dày đủ để in một cuốn sách giá trị. Nhiều tác phẩm của ông đã được bà con Việt kiều quan tâm đến tình hình nước nhà in ra và gửi về nước tặng lại tác giả. Có lần Kiến Giang đưa tôi coi một cuốn sách in rất đẹp ở nước ngoài do chính nhân viên an ninh theo dõi ông đem đến. Anh ta hỏi: bác đã nhận được cuốn sách này của bác chưa? Kiến Giang bảo tôi: mình nói với cậu công an là mình chưa nhận được và cảm ơn cậu ta. Hoá ra tác phẩm của mình được chăm sóc kỹ thế, được in mà tác giả không biết!

Có hai tiểu luận của Kiến Giang mà tôi đọc đến thuộc từng ý chính. Một là *Khủng hoảng và lối ra*. Trong đó Kiến Giang cho rằng cỗ xe Việt Nam mới chỉ lắp được có một bánh là kinh tế thị trường. Vì thế khi nổ máy, cỗ xe ấy chạy vòng

tròn! Nó còn thiếu ba bánh nữa phải lắp đủ để cỗ xe bốn bánh Việt Nam có thể chạy ra con đường lớn của nhân loại. Ba cái bánh còn thiếu đó là: xã hội công dân, nhà nước pháp quyền và chế độ bầu cử tự do dân chủ.

Kiến Giang nói một cách hài hước với tôi: các nhà lãnh đạo Việt Nam lái xe, một chân thì đạp ga, một chân lại vội vàng đạp thắng (phanh), vừa cài số tiến lại vội vàng cài số lùi... Vì thế cỗ xe cứ nhảy tung tung trên đường và không biết lúc nào thì lật!

Tiểu luận thứ hai của ông, ít được nhắc đến, vô cùng bất ngờ, có nhan đề *Bàn về cái chết*. Khi đưa tác phẩm này cho tôi, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện nói: nó rất uyên bác, tôi đã đọc nhiều sách đông tây mà chưa thấy tác giả nào dám bàn đến chuyện con người từ xưa đến nay đã quan niệm về cái chết như thế nào. Đáng lẽ cuốn sách như thế này phải được in vì nó không đề cập gì đến chính trị, nhưng vì là của Kiến Giang viết nên không ai dám in!

Tôi đã đọc rất kỹ tiểu luận này. Tác giả trích cả lời Khổng Tử. Khi học trò hỏi thầy Khổng: người chết có biết gì không? Thầy trả lời: nếu người chết mà biết thì những đứa con có hiếu sẽ chết theo bố mẹ. Nếu người chết mà không biết gì thì những đứa con bất hiếu sẽ không chôn cất bố mẹ. Nói người chết biết là bất trí, nói người chết không biết là bất nhân...

Lần Kiến Giang vô Sài Gòn mà tôi gặp gần đây nhất, cũng đã 4-5 năm. Khi đó ông đi đã phải có người diu. Ông bảo tôi và mọi người: cuối đời ông Viện có một vết nhor. Thấy ông nói thế, tôi ngạc nhiên quá, vì ông với ông Viện

là bạn chí thân. Ông còn mượn tên ông Viện để in sách. Thấy tôi có vẻ bức xúc ông từ tốn nói: cuối đời mà vào nghĩa trang Mai Dịch để nằm thì không phải là vết nhơ còn gì nữa?

Tôi đã đem chuyện trên nói với một nhà báo nổi tiếng, cũng là người thân cận với bác sĩ Nguyễn Khắc Viện. Nghe xong ông nổi nóng: Kiến Giang là tên cơ hội, nói bậy, vào Mai Dịch là sự khăng định công lao của con người ông với đất nước!

Tôi để cho ông nguôi giận rồi từ tốn nói: Kiến Giang nói đúng. Ở Pháp được đưa thi hài vào Viện Panthéon là các danh nhân, ở ta cứ ủy viên trung ương là vào Mai Dịch, nay mai anh Viện có vinh dự được nằm cạnh anh Vũ Văn Hiến, Tổng Giám đốc đài Truyền hình Việt Nam là kẻ “đi không biết đường lại, đi không biết đường về”, chuyên nghề đi biểu xén và tham ô, con gái ông ta ăn cắp ở Thụy Điển bị bắt quả tang mà vẫn được làm MC của Đài Truyền hình Việt Nam. Được nằm cạnh một con người như thế chắc ông Nguyễn Khắc Viện mỉm cười nơi chín suối(!).

Nghe tôi nói xong, ông ngồi thừ ra và chặc lưỡi: ừ nhỉ!

Con người mặt vuông chữ điền, cao to, đi lại, ăn nói khoan thai, yêu quý bạn bè ấy bây giờ yếu nặng, đi phải có người dìu từng bước. Năm nay ông đã 83 tuổi. Cầu trời cho ông tỉnh táo đến lúc ra đi. Bên tai tôi luôn văng vẳng lời ông: bắt bọn “xét lại chống Đảng” là “cách mạng đã bắt đầu ăn thịt những đứa con của mình”... “Chúng ta không sợ lạc hậu, sợ nhất là lạc lõng giữa loài người...”

Hà Sĩ Phu

Đầu năm 1988 tôi vô tình được đọc tiểu luận *Dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ* ký tên Hà Sĩ Phu. Từ đó đến nay vừa đúng một phần tư thế kỷ (1988-2013). Vậy mà tôi còn nhớ rõ nội dung của nó. Có những chi tiết rất bất ngờ, chỉ đọc một lần là nhớ mãi. Để chứng minh càng có học vấn cao thì càng xa Đảng, càng ít học càng dễ gần Đảng, ông nêu ví dụ: hai anh em ruột cùng cha mẹ sinh ra, thằng anh được đi học Liên Xô, đậu phó tiến sĩ, khi về nước phấn đấu mãi vẫn không được vào Đảng. Trong khi đó, thằng em ở nhà đi cày, vào Đảng rất dễ dàng...

Càng đọc tôi càng muốn gặp tác giả để xem con người này mồm ngang mũi dọc ra sao? Vài tháng sau, tôi theo một đoàn tham quan du lịch Đà Lạt do Công ty Chăn nuôi tỉnh Tiền Giang tổ chức. Công ty này làm ăn khá giả, muốn chứng minh tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội nên tổ chức cho công nhân chăn heo của mình đi du lịch. Dĩ nhiên một nhà báo của trung ương thường trú tại đồng bằng như tôi xin đi theo thì ông giám đốc đồng ý ngay.

Đó là lần đầu tiên tôi đặt chân đến Đà Lạt. Thích thú vô cùng. Khí hậu mát lạnh, thiên nhiên diễm lệ. Làm một ngôi nhà trên đồi cao ở đây, ra sau nhà mở cửa nhìn ra thì thấy lẽ ra mặt tiền phải quay ra đằng sau mới phải, nhưng nếu mở cửa sổ bên hông thì lại thấy mặt tiền phải quay hướng đó mới đúng. Vì thế, sau này tôi đã viết bài *Thành phố bốn mặt tiền* để nói về Đà Lạt. Nhưng lần đầu tiên này, không phải tôi lên Đà Lạt để thưởng ngoạn thiên nhiên, mà để “thưởng ngoạn” một con người. Đó là một người đàn ông thấp, tướng

ngũ đoản. Những người tướng ngũ đoản các cụ ta ngày xưa cho rằng thường là người tài. Mà có khi thế thật: Napoléon, Lenin, Đặng Tiểu Bình, Nguyễn Ngọc, Hà Sĩ Phu... đều tướng ngũ đoản.

Hà Sĩ Phu tên thật là Nguyễn Xuân Tụ, sinh ngày 22/4/1940 tại thôn Lạc Thổ, xã Đông Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, quê hương của tranh Đông Hồ. Đậu Phó tiến sĩ ở Tiệp Khắc năm 1982, về nước ông làm Viện phó Phân viện Đà Lạt của Viện Khoa học Việt Nam, về hưu năm 1993.

Vợ chồng anh Tụ có một cái quán nhỏ dựng ngay trước nhà bán các thứ lặt vặt, mì gói, nước ngọt, bánh kẹo, v.v. Cái quán làm bằng các mảnh gỗ chấp vá. Cái hình tôi chụp anh trong quán gỗ ấy anh còn giữ đến bây giờ. Nếu đem cái hình đó ra hỏi thì ít ai nhận ra trong đó là ông già Hà Sĩ Phu râu dài, tóc bạc trắng như hôm nay.

Từ đó, mỗi lần có dịp lên Đà Lạt, tôi đều ghé thăm vợ chồng anh ở số 4 Bùi Thị Xuân. Nhưng buổi đầu gặp gỡ thì không bao giờ quên. Chúng tôi đã ngồi cả buổi trong cái quán gỗ ấy đàm đạo việc đời. Tôi nhận ra anh Tụ là người sắc bén trong tư duy nhưng tính cách hiền hậu, ôn hoà, rất dễ gần, dễ mến. Không ai có thể ghét một con người như thế. Vậy mà...

Sau này anh viết tiếp các bài như *Đôi điều suy nghĩ của một công dân* (1993), *Chia tay ý thức hệ* (1995), viết thư cho nhiều nhân vật nổi tiếng thì tôi thực sự lo lắng cho anh. Tư duy của anh đi đến cùng. Không khoan nhượng. Trong bài *Chia tay ý thức hệ* anh ví chủ nghĩa Marx-Lenin như một con thuyền đã giúp những người Cộng sản giành được độc lập, giành được chính quyền. Nay có chính quyền rồi thì sau

khi qua sông, lạy tạ con thuyền đó để đi tiếp, ai lại vác con thuyền trên đầu để đi bao giờ? Anh cho rằng, khi chưa có chính quyền, người Cộng sản rước Chủ nghĩa Marx vào cửa sau, nay có chính quyền rồi lại treo Marx trước cửa nhà để treo đầu dê bán thịt chó, thì đó là thái độ oán báo ân!

Ở một bài khác, anh ví chế độ độc đảng như con vật đơ bào, nó có thể tồn tại từ thời hồng hoang của lịch sử đến ngày nay, nhưng chỉ tồn tại trong cồng rãnh mà thôi. Muốn nên người, nó phải là con vật đa bào.

Với tư duy và ngôn luận như thế, năm 1996 anh đã phải lãnh án tù một năm.

Anh kể với tôi: một hôm ở trong tù, tôi bảo người sĩ quan an ninh: tôi nghĩ kỹ rồi, Đảng ta rất sáng suốt. Người sĩ quan mừng lắm, lấy giấy bút ra làm việc để nghe tôi phân tích. Tôi nói: quần chúng thì dốt nát, trí thức thì uơ hèn, Đảng cai trị đất nước bằng roi vọt là đúng lắm! Là thông minh lắm!

Tôi hỏi: lúc ở tù họ có đánh anh không? Trả lời: đối xử tử tế.

Khi anh Tụ ra tù, về đến sân bay Tân Sơn Nhất, còn ở lại khách sạn trong sân bay, nhà thơ Hoàng Hưng cho tôi hay, còn cho cả số điện thoại khách sạn anh ở. Tôi gọi điện thoại vô khách sạn, giọng một người đàn ông ở đầu dây đằng kia hỏi: muốn gặp ai? Tôi trả lời: Gặp phó tiến sỹ Nguyễn Xuân Tụ, bạn tôi. Hỏi: để làm gì? Trả lời: để mời anh ấy về nhà tôi ở gần sân bay, khi nào khoẻ thì về Đà Lạt! Lúc sau, ở đầu dây đằng kia giọng anh Tụ vui vẻ. Anh cảm ơn tôi và bảo: phải về Đà Lạt ngay, nhớ nhà, nhớ vợ lắm!

Tôi biết thừa lời mời của tôi là vô duyên và chẳng bao giờ anh Tụ nán lại Sài Gòn trong một hoàn cảnh như thế. Nhưng

tôi muốn cho người ta thấy rằng một người như Hà Sĩ Phu thì không bao giờ cô đơn. Anh vẫn có bạn bè ở khắp nơi. Ít nhất là một người bạn như tôi.

Sau ngày ông đi tù về, ông còn chịu nhiều sức ép. Có lần người ta còn bày trò cho hai tên lưu manh giả vờ đánh nhau trước quán của vợ chồng ông rồi một tên ném đá tên kia, “lạc” vào nhà ông, vợ ông bị đá “lạc” sưng bươu cả đầu! Tôi hỏi ông, không lẽ hàng xóm láng giềng không biết điều đó? Ông cho hay, bây giờ thì họ đã hiểu, chẳng ai ghét bỏ ông. Đi qua nhà, vẫn có người chào ông, mỉm cười với ông.

Anh Tụ không hổ danh khi lấy tên hiệu của mình là Hà Sĩ Phu (Người ta dịch nghĩa Hà Sĩ Phu là “Sĩ phu Bắc Hà”, ông cải chính: Hà Sĩ Phu là câu hỏi: Sĩ phu là ai? Nhưng tôi thích hiểu theo nghĩa “Sĩ phu Bắc Hà” vì ông đúng là như thế!). Ông khoan thai, cốt cách như một nhà Nho. Ông thạo chữ Nho, thư pháp của ông thì tuyệt vời. Có lần tôi đã đem cả giấy dó đến xin ông chữ. Ông nhận lời nhưng chưa cho chữ ngay. Ông bảo để còn nghĩ, mai đến lấy. Tôi hỏi hớp suốt đêm. Hôm sau ông cho tôi chữ “Trường”. Chỉ một chữ thôi, vừa đủ cái khung kính rộng 30 phân, dài 40 phân. Dem về treo lên tường rồi mới thấy chữ ông đẹp lạ. Rất phóng túng, ngang tàng và bay bướm. Cái nét ngang của chữ Trường như đường gươm của một võ tướng... Nhìn nét chữ người ta thấy không thể “nhốt” kẻ viết nó trong bất cứ cái lồng nào, dù là lồng sơn son thếp vàng hay lồng sắt! Lúc nhận chữ tôi hỏi ông: sao không viết tên tôi mà lại viết chữ Trường? Ông giải thích: cho chữ phải trông người, xét tính khí mà cho. Tính anh phóng khoáng nên tôi cho chữ Trường. Hơn nữa, cuộc đấu tranh để dân chủ hoá đất nước còn

dài lâu nên phải trường kỳ.

Trong nhà tôi chẳng có cái gì giá trị cả, toàn đồ “ve chai” như thằng cháu gọi tôi bằng ông cậu, đến chơi nhà và nhận xét. Có lẽ chỉ có chữ Trường - thư pháp của Hà Sĩ Phu là quý giá nhất. Hy vọng sau này con cháu tôi có thể bán đấu giá nó được(!).

Giỏi chữ Hán, Hà Sĩ Phu còn là người nổi tiếng làm câu đối hay. Năm Thân qua năm Dậu, ông có câu đối treo trước cửa nhà:

*Thân tàn lại diễn trò con khi
Dậu nát còn che đám cỏ gà*

Năm Tuất qua năm Hợi ông có câu đối tung lên mạng:

*Chó gâu gâu nghe pháo dân chủ cúp đuôi bắn xúc xích
chạy vung xích chó
Heo ỉn ỉn nhìn đồng đô la híp mắt cuống cà kê nói toạc
móng heo*

Ngày Phùng Quán mất, câu đối của Hà Sĩ Phu được rước đi đầu đám tang:

*Nhất Quán tận can trường
Trùng Phùng lưu cốt cách*

Năm 2001 tôi có dịp qua Paris. Tôi đưa chú tôi coi tập câu đối của Hà Sĩ Phu tôi sưu tầm được. Là người am hiểu Trung văn, từng làm hiệu trưởng trường Hoa văn trong kháng chiến chống Pháp, từng thường trú ở Bắc Kinh nhiều năm, chú tôi coi xong, vỗ bàn khen: Thằng cha này giỏi quá!

Hoàng Hưng, “Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt”

Năm 2010, kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long, tôi có viết một bài trên các mạng Bauxite Vietnam, BBC tiếng Việt, nhan đề *Như thế nào là một người Hà Nội?* được nhiều comment đồng tình và cũng không ít người “ném đá”. Trong bài viết đó, tôi có nêu lên đặc điểm nổi bật của người Hà Nội là hào hoa phong nhã, thông minh, tư duy mạch lạc, lập luận chặt chẽ, có sức thu hút người khác... Về mặt đạo đức, người Hà Nội ưa thích sự liêm chính, trong sạch, trọng đạo lý, không hà hiếp kẻ yếu, bắt nạt kẻ dưới. Bên cạnh những ưu điểm đó, người Hà Nội có nhược điểm là sống khép kín, an phận, trong quan hệ thì có đi có lại, người Hà Nội không dám dẫn thân, không dám làm việc lớn khai sơn phá thạch, lay thành nhổ núi. Người Hà Nội sợ biến động, sợ thay đổi, chậm tiếp thu cái mới.

Đó là những đặc điểm chung của người Hà Nội nhưng cũng có những người “phá cách”, ngoại lệ. Trong số đó, tôi dẫn chứng hai người, đó là nhà thơ Hoàng Hưng và Tướng Lê Hữu Qua.

Hoàng Hưng có năm cái “đồng” với tôi: sinh đồng năm (1942), đồng hương Hà Nội, đồng môn (trường Đại học Sư phạm), đồng nghiệp (dạy học, viết báo), đồng chính kiến dân chủ đa nguyên.

Ở phương diện nào ông cũng là người dẫn thân, đi đầu, không hoảng hốt, khiếp sợ.

Ông đã bị tù từ 17/8/1982 đến 31/10/1985 vì một “tai nạn” văn chương, xét cho cùng thì ông chỉ tự cho mình cái quyền tự do tư tưởng, tự do sáng tác... chứ không có tội

gì cả. Vì thế, ông vẫn tuyên bố: nhà nước độc tài Cộng sản Việt Nam còn “nợ” ông 39 tháng tù không xét xử, không án, không lý do.

Người đời thường nói, những người tuổi Ngọ hay xê dịch. Ông sinh năm Nhâm Ngọ thì đương nhiên là hay đi. Nhưng là một dân thường, không phải quan chức nhà nước đi bằng tiền thuế của dân, thì đi nhiều như ông quả là hiếm. Ông đã đi châu Âu bốn lần, đi Trung Quốc bốn lần, cạo tóc đầu đi hành hương đất Phật Ấn Độ Nepal ba lần, đi Mỹ cả chục lần. Ngay lúc này, khi tôi viết về ông thì ông đang ở Mỹ, vài hôm nữa về, rồi lại có thể đi rồi lại về, còn hơn tôi đi Mỹ Tho thăm cháu nội(!). Ông ghiền khám phá những miền đất hoang vu, nhất là những vùng băng tuyết. Ba lần lên Himalaya bằng ba con đường khác nhau, rồi lên Vành đai Bắc cực, lên Alaska ngắm băng hà triệu năm, những nơi chắc rất hiếm người Việt Nam đặt chân tới.

Cái sự đi đã vậy, cái sự làm của ông cũng hơn người. Ông dạy học, làm thơ, viết văn, làm báo, dịch sách báo, có thời gian đi buôn, đi diễn thuyết ở các trường đại học Pháp, Mỹ, khi nói tiếng Pháp, khi nói tiếng Anh, để các giáo sư và sinh viên nước đó vỗ tay tán thưởng!

Thời bao cấp ông đi buôn thực sự, có lần gặp tôi ở sân bay Hà Nội, ông bảo tôi có bao nhiêu tiền đưa ông hết để ông mua phim Orwo vào Sài Gòn bán, chia lời cho. Tôi không dám vì sợ không có tiền dần túi! Có lúc ông ngồi vỉa hè chợ Huỳnh Thúc Kháng bán đồ điện. Kẻ giáo điều dè bủ là nhà giáo, nhà thơ mà buôn bán vỉa hè. Ông nói: lương thiện gấp ngàn lần thằng buôn văn bán chữ, thằng ăn cắp đang ngồi ghế quan

chức nói chuyện đạo đức giả!

Thấy Hoàng Hưng, con nhà Hoàng Thụy Ba, bác sĩ học ở Pháp về, nhà giàu nhất nhì ở cái phố Đường Thành Hà Nội nay lại đi buôn giấy ảnh, thuốc lá sợi, Phạm Tiến Duật vịnh:

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt

Xếp bút nghiên theo nghiệp đi buôn!

Ấy vậy mà đến kỳ “mở cửa”, người ta mời ông đi các nước giao lưu văn hoá mà A25 không cho đi, mãi năm 2000 ông phải lên tận Bộ Công an lấy giấy xuất cảnh từ tay Tướng Nguyễn Văn Hưởng. Tướng Hưởng phải thú nhận: giao lưu với thế giới không để các anh đi thì còn ai nữa! Tôi nghĩ phút ấy ông tướng này nói thật lòng!

Theo tôi, điều đáng nói nhất về Hoàng Hưng là: sau các vị tiền bối Nhân Văn-Giai Phẩm, Hoàng Hưng là người đi hàng đầu trong những người cầm bút thế hệ mình tự cho mình cái quyền tự do sáng tác, tự do tư tưởng trong một xã hội chính trị lãnh đạo văn nghệ. Thập niên 1980, ông xuất bản tập thơ *Ngựa biển* bị ném đá túi bụi. Khi hai anh em đi dạo bờ biển Nha Trang, ông trách tôi: là nhà báo tên tuổi mà không bênh vực bạn! Tôi bảo: tôi không thích cái thứ thơ “siêu thực”, “vụt hiện” của anh, nhưng anh làm thơ siêu thực hay tuyệt thực là quyền con người của anh. Những người định xây dựng một xã hội “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu” trên đời này còn siêu thực gấp một ngàn lần anh, nhưng người ta có sùng nên bắt người khác không được thế này, không được thế kia. Tập thơ *Ngựa biển* của anh là tập thơ điên. Nhưng điên là quyền con người của anh. “Đi tắt đón đầu và đuổi kịp các

nước phương Tây trong vòng mười mười lăm năm hai mươi năm...” như ông Phạm Văn Đồng tuyên bố tại một hội nghị lớn ở Hà Nội mà tôi được nghe năm 1978 thì còn điên hơn nhiều. Nhưng biết là điên mà người ta vẫn vỗ tay rào rào. Nếu anh là Thủ tướng, chắc tập *Ngựa biển* của anh được ca ngợi là kiệt tác bất hủ. Nếu tôi viết bênh anh thì tôi sẽ viết như thế, liệu có báo nào dám đăng không?

Hoàng Hưng không nói gì cả. Anh chậm chậm bước và đọc câu thơ của nhà thơ Pháp Paul Valéry:

La mer, la mer toujours recommencée... (Biển, biển bao giờ cũng bắt đầu trở lại).

Từ chỗ đòi tự do sáng tác, Hoàng Hưng đã trở thành nhà đấu tranh dân chủ với những bài viết sắc sảo trên các mạng internet, tố cáo những vi phạm quyền công dân và quyền con người, phản đối các cuộc bắt bớ đánh đập người biểu tình chống Trung Quốc xâm lược biển Đông của Việt Nam. Bài viết gần đây của ông từ Mỹ về vụ xử án ô nhục đối với nữ sinh viên 20 tuổi Phương Uyên và sinh viên Nguyễn Kha 24 tuổi về “tội” yêu nước chống Trung Quốc xâm lược đã gây xúc động cho hàng triệu cư dân mạng trên toàn thế giới. Ông cũng là một trong số người đầu tiên thảo và tung lên mạng các kiến nghị, tuyên bố, từ vụ Thơ Trần Dần bị thu hồi năm 2008, tu viện Bát Nhã bị giải tán năm 2009 đến vụ Cù Huy Hà Vũ bị xử tội oan, vụ nông dân Văn Giang bị cướp đất...

Điều thứ hai cần nói về Hoàng Hưng là: ngoài những tập thơ có tiếng vang, thường gây tranh cãi của ông như *Đất nằng* (1970), *Ngựa biển* (1988), *Người đi tìm mặt* (1994),

Hành trình (2005) và *Ác mộng*, một tập thơ độc đáo không bao giờ có giấy phép xuất bản, cuối cùng được phổ biến trên mạng (mở đầu là mạng Talawas ở Berlin), viết về trải nghiệm tù đầy, có những bài ông viết trong đầu khi ở tù rồi chép lại sau khi ra tù, một bài trong đó là *Người về* đã được tuyển vào Tổng tập văn chương thế giới của tập đoàn xuất bản Mc Millan. Hoàng Hưng còn là một dịch giả thơ lớn của Việt Nam trong ba thập kỷ qua. Ông đã chủ biên và dịch *100 bài thơ tình thế giới* (1987), *Thơ Federico Garcia Lorca* (1988), *Thơ Pasternak* (1988), *Thơ Apollinaire* (1997), *Các nhà thơ Pháp cuối Thế kỷ 20* (2002), *15 nhà thơ Mỹ Thế kỷ 20* (2004), *Trường ca Aniara* của Harry Martinson, giải Nobel 1974 (2012). Ông còn dịch tiểu thuyết của Rudyard Kipling, Françoise Sagan, Georges Pérec. Hoàng Hưng trở thành một trong những cây cầu để người đọc Việt Nam đến với thơ phương Tây hiện đại, rất cần thiết cho một đất nước bị đóng cửa nhiều năm.

Tài hoa như vậy nhưng ông sống giản dị, khiêm nhường, có thể ngồi ngay xuống vỉa hè ăn một bắp ngô nướng, uống một chén trà giữa phố phường đông người qua lại. Có thể ăn một củ khoai luộc qua bữa, nhưng ông sẵn sàng bỏ ra hàng triệu đồng giúp một “tù nhân lương tâm” vừa thoát khỏi “nhà tù nhỏ”, giúp một nhóm thiện nguyện hàng chục triệu đồng để hoạt động vì lợi ích của trẻ em... Ông là một người Hà Nội hào phóng mà tôi ít gặp trên đời này.

Ấn tượng nhất với tôi là những chuyện ông kể về những ngày ở tù.

Nhờ ở tù mà ông học thêm được một ngoại ngữ là tiếng

Anh. Sau khi ra tù, tiếng Anh giúp ông nhiều trong lúc tiếng Pháp ít người sử dụng. Ông kể cho tôi một chuyện vui: tôi tự học một mình bằng sách báo, nên nói và nghe rất dở. Vậy mà lần đầu qua Mỹ (2003), họ đòi tôi thuyết trình về Thơ Việt Nam trong thời gian một tiết học. Thế là trước khi đi hai tháng, tôi phải kiếm một anh người Mỹ đến nhà nói chuyện mỗi ngày một giờ để tập nói-nghe. Khi đăng đàn, mở đầu tôi xin lỗi ngay về cái sự phát âm tiếng Mỹ của mình, vì tôi học trong tù là chủ yếu, học bằng từ điển Pháp-Anh và báo *Moscow News* (Tin Mạc Tư Khoa) của Liên Xô! Mọi người khoái chí cười và vỗ tay rầm rì!

Trong tù, giữa đêm khuya, thấy chấy rận từ người bạn tù bên cạnh bò ra thì biết là người ấy đã chết! Vì người chết thì lạnh, chấy rận thấy lạnh là bỏ đi.

Kể những chuyện đó cho tôi nghe bình thản như chuyện ông dịch thơ. Hoàng Hưng là một con người có cuộc sống thật phong phú. “Cái phong phú được gọi là Cái Đẹp” (Mạnh Tử).

Dương Thu Hương với nghề nghiệp: chống Đảng

Dương Thu Hương bị bắt ngày 14/4/1991 và được trả tự do ngày 20/11/1991 vì “lý do nhân đạo”. Từ nước Nga xa xôi, đài phát thanh tự nhân Irina phát bài Dương Thu Hương, một bài học, một câu hỏi do chính Irina viết, với đoạn mở đầu: “Ai tin được lòng nhân đạo của một chính quyền muốn bỏ tù ai thì bắt, muốn thả thì buông, chẳng cần xét xử trước công chúng. Nhân đạo ở đây là bệnh tâm thần của một số người có quyền lực, định ninh mọi người khác đều có tội.”

Cuối tháng 3 năm ấy (1991), khi tôi ở Moscow về, Irina

có nhờ tôi chuyển một bức thư (dán kín) cho Dương Thu Hương, lúc đó chị ở đường Ngô Thời Nhiệm Hà Nội. Cũng dịp ấy tôi gặp bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, ông cũng đang trong tâm trạng... chờ đến lượt mình “lên đường” vì ông mới gửi thư cho Trung ương trước Đại hội VII. Bác Viện bảo tôi: ở Pháp, một nhà văn như Dương Thu Hương thì không có gì đáng nói, nhưng nếu bắt Dương Thu Hương như thế thì người ta xuống đường ngay, phản đối âm ỉ ngay... Còn ở ta thì đến giới trí thức cũng im re!

Phân tích về tình trạng ấy của giới trí thức Việt Nam, Irina lý giải trong bài viết kể trên: “Sau cơn ác mộng (chiến tranh - LPK) được chút tự do kiếm cơm, kiếm áo, hưởng chút không gian và thời gian của trời đất cũng là đủ mãn nguyện!”

Năm 2002, tôi ra Hà Nội, lúc đó đã là mười năm sau khi Dương Thu Hương bị giam giữ bảy tháng sáu ngày, chị đã trở thành một nhà bất đồng chính kiến gay gắt nhất, có những phát biểu, những bài viết đánh thép lên án chế độ độc tài đương thời, nhiều nhà văn đã bị chị chửi thẳng vào mặt trước mọi người vì khi chị đi tù đã lên tiếng phê phán, bịa đặt về chị. Tôi ngờ ý đến thăm Dương Thu Hương thì nhiều bạn văn nghệ sĩ khuyên tôi “dại gì” mà đến, có khi bị chửi vô mặt, bị đuổi ngay từ cửa. Tôi bình tĩnh trả lời: nếu tôi có bị Dương Thu Hương nhổ vào mặt thì tôi thấy mình cũng xứng đáng nhận sự khinh bỉ đó. Vì, đường đường một đấng nam nhi mà không bao giờ tôi dám ho he phát biểu một điều gì, dù biết người ta làm sai hoàn toàn, vô lý, vô đạo đức, vô pháp luật mà một “nhi nữ thường tình” như Dương Thu Hương lại dám đồng dạ lên tiếng. Thấy tôi nói thế, không ai khuyên tôi “lùi

bước” nữa. Cuối cùng thì nhà thơ nổi tiếng Trúc Thông đã dẫn tôi đến thăm Dương Thu Hương tại một khu nhà tập thể ở quận Đống Đa. Cái tờ giấy viết tay Hương đưa cho tôi ghi địa chỉ của chị: “Dương Thu Hương - 8525818. P-308 Nhà A8 Khu Đống Đa Hà Nội” tôi còn giữ đến bây giờ. Năm 2002 Hương vẫn đẹp như xưa. Chị có nước da đen ròn, nói chuyện rất có duyên. Hôm đó là sau Tết, nhà còn rượu vang Bordeaux, hạt dưa, bánh kẹo để tiếp khách. Bức ảnh tôi chụp Dương Thu Hương đang cắn hạt dưa duyên dáng vô cùng. Tất cả những người đàn bà trên trái đất này khi ngồi bệt, xếp bằng trên chiếu cắn hạt dưa đều rất hiển dụ, rất mong manh dù người đó là Dương Thu Hương. Tôi vẫn giữ tấm hình Dương Thu Hương ngồi trên nền nhà trải chiếu hoa, để ngày 24/2/2002 đó và đôi lúc còn đem ra hỏi bạn bè: người thế này mà bắt bỏ tù à? Người thế này mà bảo là dử dợi, “đanh thép” à?

Nhưng khi Dương Thu Hương nói chuyện thì bất cứ người đàn ông đanh thép nào trên thế giới cũng phải thừa nhận mình đang ngồi trước một người phụ nữ đáng kính nể.

Chị bảo với chúng tôi: em thấy tình thương đôi khi cũng là tội ác các anh ạ!

Thấy câu nói lạ tai quá, tôi hỏi vì sao. Hương kể: khi chị ở tù, cậu công an còn trẻ coi sóc chị, mỗi lần đưa cơm cho chị đều lót một tờ báo *Tuổi Trẻ* mọi ở đít nổi để chị đọc. Chị biết là báo do cậu ta mua với đầy thiện chí. Khi trên có lệnh thả chị, cậu ta vui vẻ vào báo tin. Chị đã bảo với cậu ta: - Về nói với cấp trên rằng, bà Hương bảo, bắt bà có lý do thì thả bà cũng phải nói lý do, nếu không bà không về.

Thế là Dương Thu Hương không chịu ra tù. Cậu công an vận động mãi, chị vẫn một điều như thế. Cuối cùng cậu ta buồn quá khóc! Hương hỏi vì sao, cậu ta nói: nếu không vận động được chị ra tù thì cậu bị đuổi việc, và nếu bị sa thải thì bên nhà gái không cho làm đám cưới. Nói rồi cậu ta lại sụt sịt. Thương cậu ta quá nên Hương phải rời nhà tù!

Kể đến đây Hương bảo tôi và Trúc Thông: vậy tình thương như thế các anh thấy có phải là tội ác không?

Trúc Thông thân với Dương Thu Hương nên anh yên lặng, có lẽ vì quen với cách nói năng, quen với lô gích của Hương rồi. Còn tôi thì choáng! Tôi chưa gặp ai dữ dội như Hương. Chị còn kể tiếp, khi thắng con chị nộp đơn thi đại học, trong lý lịch, phần nghề nghiệp của mẹ, chị ghi: Nghề nghiệp: chống Đảng. Khi chị ra đồn công an chứng lý lịch, chị thấy tất cả mọi người trong đồn đều giả vờ đi ra để coi mặt chị! Trưởng đồn nói: chị Hương nên bỏ cái nghề nghiệp như thế này đi, nếu để thì nhất định cháu nó không được vào đại học đâu! Hương bảo với tôi: nghĩ thương thằng con quá nên em đành phải gạch cái nghề nghiệp chống Đảng ấy đi. Như thế có phải tình thương cũng là tội ác không hai anh?

Chưa hết, Hương còn kể: lúc ở tù, “làm việc” với viên sĩ quan công an, chị nhìn vào mặt anh ta quát to: anh đang thiếu chất, mặt mũi xanh xao thế này là thiếu chất. Lương anh không đủ nuôi vợ nuôi con, bọn ăn cắp ở trên nó ăn hết phần anh rồi, chúng nó đều trở thành tư bản đồ rồi, anh phải đổi lòng mà làm việc, tôi thương anh lắm, anh cũng nghĩ như tôi mà thôi!

Kể một thôi, rồi Hương nói với tôi và Trúc Thông: em nói

xong, viên sĩ quan run bắn bật, vì anh ta thấy em nói trúng tim đen anh ta.

Văn sĩ Dương Thu Hương đã để lại cho văn học nước nhà nhiều tác phẩm giá trị. Nói cho công bằng thì sự nghiệp văn chương của chị thật đồ sộ. Tiểu thuyết có: *Bên kia bờ ảo vọng*, *Hành trình ngày thơ ấu*, *Những thiên đường mù*, *Tiểu thuyết vô đề*, *Chốn vắng*, *Đỉnh cao chói lọi*... Tập truyện ngắn có: *Bông bản lý*, *Một bờ cây đỏ thắm*, *Ban mai yên ả*, *Đối thoại sau bức tường*, *Chân dung người hàng xóm*, *Truyện tình kể trước lúc rạng đông*, *Vĩ nhân tình lẻ*... Chị là tác giả Việt Nam được dịch ra tiếng nước ngoài vào loại nhiều nhất. Có đến sáu tác phẩm được dịch sang tiếng Anh, Pháp, Đức... Bộ Văn hoá Pháp đã trao Huân chương Văn chương Nghệ thuật (Chevalier des Arts et des Lettres) cho Dương Thu Hương. Tiểu thuyết *Chốn vắng* được đề cử giải Femina và nhận Giải thưởng Lớn của tạp chí *Elle* (Grand Prix de Elle) 2007. Năm 2009 giáo sư tiến sĩ Joseph Pivado về văn chương Anh ngữ của Đại học Athabasca ở Alberta Canada đề cử chị ứng cử Giải Nobel năm ấy. Theo ông, với Đông Nam Á và Trung Quốc thì nữ văn sĩ như Dương Thu Hương rất hiếm có.

Ngòi bút của Dương Thu Hương là ngòi bút dự báo, dẫn đường. Ngay những tác phẩm đầu tay của chị như *Bên kia bờ ảo vọng*, *Những thiên đường mù*... đã khác hẳn thứ văn chương “phải đạo” đương thời. Dương Thu Hương đã báo trước những “thiên đường vỡ chợ” mà nhà thơ Trần Mạnh Hảo vừa nhắc đến, vừa viết hôm nay (2013).

Là độc giả của hầu hết các tác phẩm của Dương Thu Hương từ rất sớm, tôi thấy chị đã làm đúng chức năng của

một nhà văn là nhìn thấy những gì người ta không nhìn thấy. Đúng như nữ nhà báo Nga Irina viết: “Có những lúc một con người, một hành động, một tác phẩm hoàn toàn ăn khớp với một hoàn cảnh lịch sử, với hoài bão của đông người trong hoàn cảnh ấy. Lúc đó, con người đó biến thành một bài học sống, bài học kết thúc một thời đại, mở màn cho một thời đại khác.” Dương Thu Hương là một con người của một thời đại cũ, nhưng “chẳng thèm xin phép ai, chị ngang nhiên bước vào thời đại mới.” (Irina)



Nhà văn Dương Thu Hương và tác giả tại nhà riêng của bà ở nhà tập thể A8 phòng 308 Khương Thượng (24/02/2002.)

Tôi có cái “duyên” với Dương Thu Hương về sự đồng điệu trong tư duy chính trị. Đó là vào năm 1992, một đoàn nhà báo, gồm toàn những nhà báo có “máu mặt”, tổ chức lên Đà Lạt nhằm bệnh vực chị Đặng Việt Nga, kiến trúc sư và anh Phương cũng kiến trúc sư, hai chủ nhân của “Ngôi nhà trăm mái” đang bị địa phương bắt tháo dỡ vì nhiều lý do không

chính đáng. Đường xa, hết chuyện bàn, tôi nêu câu hỏi: nếu bây giờ phải chọn hai gương mặt tiêu biểu cho Việt Nam thế kỷ qua thì các vị chọn ai? Mọi người đều chọn nhân vật số 1 là Hồ Chí Minh. Vậy còn người thứ hai? Cả xe im lặng. Có vị nói: Võ Nguyên Giáp! Tôi phản đối và đưa ra nhân vật thứ hai là Dương Thu Hương! Cả xe nhao nhao phản đối. Có người hỏi: Dương Thu Hương là cái quái gì mà ông lại cho là nhân vật thứ hai sau Hồ Chí Minh? Tôi trả lời: chẳng là cái quái gì mà tự cho mình có quyền đứng ngang hàng và dám vỗ vai nhắc nhở các vị đang cai trị dân chúng, thì đó là dân chủ, là xã hội công dân chứ còn gì nữa! Độc lập và Dân chủ là hai phạm trù lớn nhất, được cả dân tộc nhắc đến nhiều nhất trong thế kỷ qua. Độc lập thì Hồ Chí Minh là hình tượng, còn Dân chủ thì đến Đại tướng cũng không dám đối thoại với Tổng Bí thư Lê Duẩn, Dương Thu Hương là thảo dân mà lại tự cho mình quyền ăn nói ngang hàng với các vị đang đứng trên đầu dân, thì đó là hình tượng của Dân chủ. Sau hình tượng của Dân tộc phải là hình tượng của Dân chủ. Chẳng thấy ai trên xe nói gì nữa!

Tôi nói tiếp: lúc bị tù không án, Dương Thu Hương tuyên bố: Đảng hãy thử “chơi sang một lần” đem tôi ra toà xét xử công khai trước dân chúng và để tôi tự bào chữa xem sao? Một đảng cầm quyền, có đủ nhà tù và quân đội trong tay mà không dám “chơi sang” đem xử công khai một người đàn bà trước công chúng thì đảng ấy mạnh hay yếu? Và người đàn bà ấy yếu hay mạnh thừa các vị? Vẫn không thấy ai nói gì! Tôi lại nói: Dương Thu Hương chính là Dân chủ, sức mạnh của thời đại mà chúng ta cần phải có...

Ba năm trước, nhà thơ Hoàng Hưng ở Pháp về có đưa cho tôi cuốn tiểu thuyết *Chốn vắng* bản tiếng Việt, khổ to, dày cộm. Đây là một trong các tiểu thuyết của Dương Thu Hương được dịch sang tiếng Pháp từ khi chị định cư ở Paris năm 2006. Nghe nói *Chốn vắng* này bản tiếng Việt rất khó kiếm sau khi nó được dịch ra tiếng Pháp với tựa đề *Terre des oublis*. Đưa cho tôi, anh Hưng nói: ông đọc trước đi, xem thế nào? Tôi đã đọc nó cẩn mẫn trong năm ngày và thấy đề tài này ở Việt Nam thì bình thường, nhưng với dân châu Âu thì rất hấp dẫn, và dưới ngòi bút của Dương Thu Hương thì lôi cuốn độc giả. Câu chuyện nói về chiến tranh. Một chị phụ nữ đã có chồng và chồng chị đi bộ đội thời chống Mỹ. Đã chết, có báo tử. Ở nhà vợ đi lấy chồng khác. Bỗng dưng sau chiến tranh người chồng cũ trở về. Ông chủ tịch xã dẫn anh ta đến nhà vợ cũ và nói với cả ba người (một đàn bà, hai đàn ông): Không ai có lỗi cả... lỗi là chiến tranh.

Là độc giả của hầu hết tác phẩm của Dương Thu Hương, tôi thích nhất tập truyện *Chuyện tình kể trước lúc rụng đông*. Nếu gặp tác giả tôi phải xin lại cuốn đó, vì cuốn của tôi thất lạc mất rồi. Tôi nghĩ rằng nếu Dương Thu Hương cho tái bản cuốn này thì hay biết mấy. Chắc chắn có nhiều độc giả.

Lúc chia tay Trúc Thông và tôi trong cái buổi sáng mùa xuân năm 2002 đáng nhớ đó, Hương tiễn chúng tôi xuống tận đường, chị không quên nhắc lại lần gặp tôi tại Sài Gòn ở cơ quan đại diện NXB Hội Nhà văn. Lần đó, vô Sài Gòn, chị kể, hể đến cơ quan nào, biết chị là Dương Thu Hương thì người đang nói chuyện với chị đều bỏ chạy!

Câu cuối cùng Dương Thu Hương nói với chúng tôi trong

cái buổi sáng đẹp trời đầu năm 2002 đó, là: chúng nó mới cắt điện thoại của em. Em đã gọi điện cho công an nói rằng: bảo thằng Phan Văn Khải mắc ngay điện thoại lại cho bà, không thì bà không để yên cho đâu! Em nói rất to cốt để cho cả khu phố nghe.

Dương Thu Hương là người như thế. Nhiều người bảo chị đánh đá! Nhưng không thấy ai bảo thằng vô cơ cắt điện thoại là thằng lưu manh. Dân tộc ta “không có truyền thống dân chủ” như bác sĩ Nguyễn Khắc Viện nói là hoàn toàn đúng.

Tô Hải

Trong hàng ngũ những người đấu tranh dân chủ ở Việt Nam có một người lính già anh dũng luôn xông pha ở hàng đầu trận tuyến. Đó là nhạc sĩ Tô Hải, năm nay đã 87 tuổi.

Nhân dân Sài Gòn không bao giờ quên buổi sáng đẹp trời ngày 16 tháng 12 năm 2007, trong cuộc biểu tình chống Trung Quốc xâm lược biển đảo Việt Nam, có một ông già 80 tuổi, chống gậy đứng giữa đám biểu tình, vẻ mặt đầy phẫn nộ, khua gậy lên chỉ vào mặt một người đàn bà mặc áo màu xám, hét to: “Con này là chỉ điểm cho công an bắt người!” “Con này” mà Tô Hải chỉ mặt là người phụ nữ cao to, đứng quan sát xem ai hô to, ai hăng hái nhất rồi chỉ cho công an chìm, công an nổi “ầm” đi! Cái “con này” ấy là Nguyễn Thị Quyết Tâm, sau này được thăng chức Chủ tịch Hội đồng Nhân dân TP. HCM, đại biểu quốc hội. Và trong phiên họp quốc hội tháng 6/2013 vừa qua đã đứng lên “thay mặt” mười triệu nhân dân TP. HCM cho rằng nên giữ tên nước như hiện nay, không cần đổi(!).

Những kẻ chỉ điểm bắt người biểu tình chống Trung Quốc

như Nguyễn Thị Quyết Tâm được thăng quan tiến chức, được chế độ Cộng sản xem là nòng cốt của chế độ, phải được ghi rõ họ tên, chúng đã được những người biểu tình hôm ấy quay phim để lưu giữ đời đời cho con cháu biết những gương mặt bán nước hại dân, còn nghệ sĩ Tô Hải thì đi vào lịch sử chống Trung Quốc bành trướng.

Tô Hải sinh ngày 24/9/1927 tại Hà Nội, nguyên quán Tiền Hải, Thái Bình. 19 tuổi, như mọi thanh niên trí thức yêu nước, ông xung phong vào Vệ quốc đoàn theo tiếng gọi non sông lên đường cứu nước. Ông tâm sự: lúc ông đi theo Việt Minh đi cứu nước, bố ông là một công chức thời Pháp, có học, có đọc sách, đã khuyên ông không nên theo vì đó thực chất là Cộng sản, nếu không nghe thì cứ đi, nhưng đừng có về nhà nữa. Tô Hải lúc đó đang ở thời kỳ “thơ” trong chữ “ngây thơ” mà Nguyễn Khắc Viện đã viết. Chỉ đến Cải cách ruộng đất sau đó hơn chục năm, thời kỳ “thơ” mới hết và chuyển sang thời kỳ “ngây” như ông Viện nhận ra lúc cuối đời. Tô Hải nhận ra mình “ngây” thì quá muộn! Không còn đường về nữa! Ông phải tiếp tục sống như một người “Cộng sản đích thực” (ông được kết nạp Đảng năm 1949), tức là phải đối trả để tồn tại. Chính vì thế mà ông đã viết cuốn *Hồi ký của một thành hèn* (NXB Tiếng Quê Hương ở Virginia Hoa Kỳ ấn hành năm 2009) để sám hối! Chính tôi là người viết lời giới thiệu cho cuốn sách này.

Việc viết giới thiệu này là cả một chuyện rất khôi hài. Khi những người biên tập cuốn sách yêu cầu người viết giới thiệu nó tốt nhất nên là một người đang ở trong nước, nhạc sĩ Tô Hải, tác giả của *Nụ cười son cước*, *Tiếng hát người chiến*

sĩ biên thùy đã nhờ tôi. Lý do: tôi là người đầu tiên và duy nhất đã đọc bản thảo nó ở trong nước. Số là, tôi ra Nha Trang thăm Tô Hải, thấy ông đang cặm cụi dành toàn bộ thời gian cho cuốn sách. Tôi đã đọc bản thảo này trong một xóm nhỏ ở thành phố biển Nha Trang. Nhưng các vị biên tập cuốn sách ở nước ngoài lại cho tôi là “công an của Việt Cộng” nên không muốn lời giới thiệu sách đứng tên tôi. Tô Hải phải email sang nói rõ, tôi là nhà báo, không phải công an. Các vị đó vẫn không tin, nói rằng gia đình tôi có nhiều người làm công an nên “cài” tôi vào để...

Cuối cùng thì lời giới thiệu vẫn là bài viết của tôi, do sự “cam kết” của Tô Hải. Thêm nữa, cũng chẳng ai trong nước đã đọc bản thảo cuốn này để viết giới thiệu như mong muốn của những người in sách! Điều đáng buồn từ sự việc này là cả dân tộc ta đã nghi kỵ nhau, không ai tin ai nữa. “Đấu tranh giai cấp” đã dẫn đến tình trạng đó ở Việt Nam.

Chưa hết, sau khi sách ra đời, một “nhà báo” ở nước ngoài ký tên là Việt Thường đã “ném đá” cuốn sách, tố cáo tôi là “đại tá” công an, Tô Hải là “đại úy” công an, chịu sự “lãnh đạo” của tôi! Xem ra Việt Thường mới chính là người được “cài” ra nước ngoài nhằm gây nhiễu trên văn đàn. Vì không bác bỏ được sự thật mà cuốn sách viết ra, thì tốt nhất là vu cho Tô Hải là công an để không ai tin nội dung sách. Việt Thường là ai thì tôi biết quá rõ. Anh ta tên là Hùng, nhà ở đầu phố Phan Chu Trinh Hà Nội. Bố là người gốc Hoa; bà Phương mẹ anh ta được bà con khu phố gọi là bà Tham Phương. Nhà có bốn anh chị em, anh cả là Đại Văn, rồi đến Hùng Văn, Cường Văn. Bà chị Hùng Văn tên là Bích. Cường Văn cùng tuổi với

tôi, đang dạy Anh Văn ở TP. HCM. Hùng Văn thời nhỏ là một tay du đàng, lớn lên có làm phóng viên một tờ báo ở Hà Nội rồi hành nghề bói toán, sau đó ra nước ngoài. Sở dĩ tôi biết rành rẽ Việt Thường như vậy vì nhà anh ta ở đầu phố Phan Chu Trinh, nhà tôi ở đầu phố Hàm Long, chỉ cách nhau “một tầm súng ngắn”! Ngày nhỏ, tôi vẫn chơi với Cường Văn, vẫn sang nhà Cường Văn chơi. Đó là một biệt thự nhỏ, đẹp, của ông Tham Phương giàu có, có cổ phần ở mỏ than Hồng Gai.

Bây giờ, mỗi lần tôi đến chơi, Tô Hải thường nói đùa: đại tá đến thăm đại úy đây!

Trên thế giới mạng internet Việt Nam một thập kỷ qua, Tô Hải là một blogger già nhất, ông có cả một trang web “Tô Hải’s blog” hàng tuần đều có bài. Ông viết blog trong tình trạng đau yếu của tuổi già, kê lưng vào gối mà gõ máy tính. Nhưng chỉ vắng bóng ông trên mạng ít bữa là các độc giả trẻ người Việt khắp nơi trong ngoài nước lo lắng, mong mỏi, email thăm hỏi. Ông là một chứng nhân của lịch sử, những chuyện ông viết ra khiến lớp trẻ khao khát sự thật đón đọc say mê. Nhưng không phải Tô Hải chỉ viết cái đã qua, hàng ngày ông đọc *Le Monde* trên mạng, nắm bắt tình hình thế giới, trong nước và bình luận kịp thời những vấn đề nóng bỏng của đất nước. Có lần đài phát thanh Pháp RFI phỏng vấn ông. Họ ngạc nhiên về những thông tin ông đưa ra. Họ hỏi tin ấy ở đâu ra? Ông trả lời: tôi đọc trên *Le Monde* sáng nay. Phóng viên thú nhận: từ sáng đến giờ chưa đọc *Le Monde*!

Công bằng mà nói, với những huân chương mà ông đã nhận được, với Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật đợt 1, ông có thể ngồi rung đùi mà hưởng bổng lộc, đến các

hội nghị, lễ kỷ niệm này nọ mà ngồi ghế danh dự trong làng nhạc sĩ Việt Nam, nhận bao thư và ngậm miệng ăn tiền dài dài như các văn nghệ sĩ lão thành khác(!). Nhưng vận nước không để ông ngồi yên. Ông nghĩ đến con cháu, nghĩ đến thế hệ trẻ mai sau sẽ sống ra sao nếu bọn Tàu ô găm dần cái đất nước mà ông bà đã tốn bao xương máu để gìn giữ cho đến hôm nay. Ông tâm sự: từ ngày tôi viết blog, mấy thằng nhạc sĩ xưa kia vô Sài Gòn là nhào đến tôi, bây giờ linh hết, họ sợ liên lụy. Giới nhà văn của ông còn đỡ chứ giới nhạc cùng thời với tôi chúng nó hèn quá! Buồn cho đất nước quá!

Tôi an ủi ông: những kẻ ngậm miệng ăn tiền ấy có gì đáng nói. Bù lại, hiện anh có hàng vạn bạn đọc trên thế giới, đó chẳng phải là đáng vui hay sao?

Vì ông là người bắt đầu chính kiến mà công an đã đến “hỏi thăm” cái xe bán bánh mì của vợ ông ở đầu phố, công an và chính quyền phường đến tận nhà “khuyến giải” ông đừng viết blog nữa! Viết đến đây tôi bỗng nhớ: năm 1991, tại Hồng trường Moscow, tôi đứng giữa những người già, rất già, râu tóc bạc phơ, đang cầm biểu ngữ đứng biểu tình trong tuyết giá. Một người bạn Việt Nam nói với tôi: những người già như thế này đi biểu tình không phải như sinh viên Nam Hàn, Singapore đi biểu tình đòi một cái gì cụ thể cho ngày hôm sau đâu, mà họ vì trách nhiệm với lương tâm, vì một tương lai, vì một cái gì cao cả hơn đối với đất nước. Những gì mà nhạc sĩ Tô Hải đã và đang làm, chính vì “những điều cao cả hơn đối với đất nước” Việt Nam yêu quý của ông.

***Nhà văn Phạm Đình Trọng
và chúng hay ghét cũng là hay thương***

Sáng ngày 9/12/2012, khoảng hơn mười giờ, khi tôi từ cuộc biểu tình phản đối Trung Quốc xâm phạm chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông về đến đầu ngõ thì thấy lực lượng công an, dân phòng vây kín các ngã đường quanh nhà tôi. Họ đang bao vây phong tỏa nhà văn Phạm Đình Trọng đó. Tôi biết có cuộc hùng hổ vây ráp bất thường này vì nhà văn đã gọi điện cho tôi.

Hưởng ứng lời kêu gọi biểu tình của các nhân sĩ, trí thức, nhà văn Phạm Đình Trọng hẹn tôi bảy giờ sáng chủ nhật ngày 9 tháng mười hai gặp nhau ở bến xe buýt đường Cộng Hòa rồi cùng lên Nhà Hát Lớn dự biểu tình. Bảy giờ xe buýt đến, vẫn chưa thấy anh Trọng, tôi đành lên xe đi trước và tin rằng sẽ gặp lại anh Trọng ở biểu tình. Nhưng anh Trọng không thực hiện được lời hẹn vì bị đám công sai ngăn cản.

Trong một bài viết trên mạng internet, nhà văn Phạm Đình Trọng kể rằng, sáng sớm anh vừa ra khỏi cửa thì viên sĩ quan công an tên Tuấn ở công an thành phố, trước đây đã “làm việc” với anh nhiều lần, cùng đám đông công an và dân phòng đã rình sẵn ở cửa nhà anh từ bao giờ, xô đến, cản không cho anh ra khỏi nhà. Thấy đám công sai trắng trợn xâm phạm quyền con người và quyền công dân, nhà văn cương quyết lách qua đám công sai đi ra đường. Viên công an Tuấn đi xe máy liền lao xe chặn ngang trước mặt nhà văn. Nhà văn lấy tay đẩy Tuấn ra thì Tuấn lu loa: a, ông đánh tôi. Ối! Ối! Đau quá! Ông phải đi với tôi đến cơ quan công an giải quyết việc ông hành hung tôi. Hơn chục công sai trẻ

khỏe quay tròn quanh nhà văn. Viên sếp an ninh vừa dùng xe máy ép vừa lái nhải đòi đưa nhà văn vào đồn công an nhưng làm việc phi pháp nên họ không dám mạnh tay, nhà văn vẫn đến được bến xe buýt. Bị đám công sai đông đúc ngăn chặn, không thể lên được xe buýt, nhà văn liền thẳng đường đến nhà tôi, cách bến xe buýt không xa. Thế là đám công sai điều động thêm lực lượng, tốp trong tốp ngoài bao vây nhà văn như bao vây một băng cướp nguy hiểm! Về sau tôi được biết lực lượng dân phòng của cả hai phường 12 và 13 quận Tân Bình được huy động cho cuộc bao vây dưới sự chỉ huy của công an thành phố, công an quận!

Sở dĩ có trò hề trên là vì nhà văn Phạm Đình Trọng đã cùng 41 trí thức, nhân sĩ khác kí tên trong thư ngày 27/7/2012 yêu cầu lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh tổ chức biểu tình phản đối Trung Quốc ngang ngược coi Biển Đông thuộc lãnh thổ Việt Nam như ao nhà của Trung Quốc, mặc sức ngang dọc, bắt bớ, bắn giết dân Việt Nam đánh cá trên biển Việt Nam. Yêu cầu chính đáng của 42 trí thức cũng là đòi hỏi bức thiết của đông đảo người dân không được lãnh đạo thành phố đáp ứng, năm trí thức, năm nhà hoạt động xã hội nổi tiếng là giáo sư Trương Lai, luật gia Lê Hiếu Đằng, bác sĩ Huỳnh Tấn Mẫm, nhà báo Hồ Ngọc Nhuận, nhà báo Lê Công Giàu liền đưa ra lời kêu gọi thực hiện cuộc biểu tình sáng chủ nhật ngày 9 tháng mười hai. Quyết chống phá cuộc biểu tình ôn hòa, chính đáng của người dân, từ đêm mồng tám lực lượng công an thành phố Sài Gòn cùng lực lượng dân phòng được tung ra phong tỏa, chặn cửa nhà 42 trí thức kí tên đòi biểu tình.

Trước đó, đến dự phiên tòa công khai xử ba thành viên

trong câu lạc bộ Nhà báo Tự do: Điếu Cày Nguyễn Văn Hải, Tạ Phong Tần, Phan Thanh Hải, những công dân yêu nước đã quyết liệt lên án Trung Quốc xâm lược biển đảo Việt Nam, nhà văn Phạm Đình Trọng cũng bị công an bắt ở sân tòa án thành phố đưa về công an phường Bến Thành quản thúc đến cuối ngày công an mới áp giải nhà văn về tận nhà!

Từ Sài Gòn phương Nam xa xôi, nhà văn ra Hà Nội, đến nhà tù số 5, Yên Đình, Thanh Hóa thăm người tù lương tâm, tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ. Bài kí sự về chuyến đi thăm tù này của anh đã gây xúc động mạnh mẽ cho người đọc. Bốn mươi năm trước, cũng trên con đường này, người lính Phạm Đình Trọng hành quân ra mặt trận chống Mỹ cứu nước, ba lô súng đạn nặng trĩu trên vai “mà lòng phơi phới dậy tương lai” như một câu thơ của thời đó đã viết. Vậy mà ngày nay, đi lại con đường năm xưa bằng ô tô hiện đại êm ru, có máy lạnh mát mẻ, trong lòng người lính nhà văn lại nặng trĩu nỗi buồn. Vì con đường đưa những trái tim yêu nước, đưa những người lính trẻ ra trận đánh giặc giữ nước ngày nào nay con đường đó lại dẫn người lính năm xưa đến một nhà tù, đến thăm một trí thức phải ngồi tù chỉ vì yêu nước, chỉ vì đã thẳng thắn can ngăn những việc làm phản dân hại nước của những người cầm quyền. Thời giặc già, người dân yêu nước phơi phới một niềm tin hăng hái ra trận đánh giặc. Giặc tan rồi, những người nặng lòng với nước lại phải mang nặng trĩu nỗi buồn vận nước. Người bị tống vào tù như tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ. Người chưa bị vào tù đều khắc khoải, bơ vơ và phải lưu vong ngay trên quê hương mình như nhà văn Phạm Đình Trọng.

Ra mặt trận cùng thế hệ, cùng nhân dân thời đất nước có

giặc. Xuống đường cùng trí thức, cùng tuổi trẻ biểu thị ý chí quyết giữ gìn toàn vẹn giang sơn gấm vóc. Đến phiên tòa, đến nhà tù chia sẻ với những khi phách Việt Nam bị giam cầm. Một người lính, một nhà văn luôn đi cùng nhân dân, cùng thời đại như vậy không thể đi cùng đảng Cộng sản Việt Nam khi đảng Cộng sản Việt Nam không còn đi cùng nhân dân Việt Nam, khi nhà văn đã nhận ra “đảng đã đưa dân tộc Việt Nam đi từ thảm họa này đến thảm họa khác”. Sau bốn mươi năm tận tụy cống hiến, hy sinh cho đất nước, cho nhân dân với tư cách đảng viên Cộng sản, sau bốn mươi năm nâng niu tấm thẻ đảng viên Cộng sản trên túi áo ngực nơi nhịp đập trái tim nhà văn luôn cùng nhịp đập với cuộc sống của nhân dân, đất nước, nhà văn Phạm Đình Trọng đã dứt khoát chia tay với đảng Cộng sản bằng “Thông báo từ bỏ đảng tịch đảng viên Cộng sản” gửi cho tổ chức đảng, ngày 29 tháng mười một năm 2009.

Nhà văn Phạm Đình Trọng tuyên bố từ bỏ đảng Cộng sản là sự thức tỉnh của một thế hệ bị lừa gạt, là sự cảnh báo về sự sụp đổ của một lí tưởng huyền hoặc được thực hiện bằng bạo lực áp đặt, phản con người, là sự dùng cảm, trung thực của một người chân chính, một nhân cách văn hóa.

Nhà văn Phạm Đình Trọng đã khai trừ đảng Cộng sản ra khỏi trái tim anh gần nửa năm, tổ chức đảng mới bối rối làm thủ tục khai trừ anh. Nhà văn Phạm Đình Trọng đã viết về việc làm lố bịch này của tổ chức đảng: “Dù tôi đã tự ra khỏi đảng nhưng đảng vẫn giành cho đảng quyền khai trừ tôi. Nhận cái văn bản thể hiện cái quyền của đảng, trong tôi chợt có suy nghĩ xót xa về đảng: đây là cái sai khai trừ cái

đúng, cái giả dối khai trừ cái trung thực, cái vô cảm khai trừ cái mẫn cảm và những robot khai trừ con người. Khi một con người, một tổ chức đang tha hóa thì sự khai trừ này đang diễn ra trong chính con người đó, tổ chức đó!”

Giọng đượm buồn, nhà văn Phạm Đình Trọng kể với tôi về phiên họp thể hiện quyền uy của đảng đối với anh nhưng anh vẫn nhận ra không khí chợ chiều của cuộc họp đó. Người ta cố huy động nhiều thành phần, nhiều người đến dự. Các ban bộ trên cơ quan quận ủy. Đảng ủy phường, Chi ủy. Tổ đảng. Thêm cả hội Cựu Chiến binh nữa. Đông mà vẫn tẻ nhạt. Không còn có được không khí sôi sục trấn áp với kẻ từ bỏ đảng, kẻ công khai phản bác lí tưởng của đảng như thời cải cách ruộng đất, thời Nhân văn Giai phẩm, thời xét lại chống đảng. Những ánh mắt thờ ơ, dửng dưng. Những lời phát biểu thờ ơ, sáo mòn, trống rỗng. Thờ ơ nhìn kẻ rời bỏ đội ngũ. Thờ ơ ra về.

Mấy ngày sau nhà văn tỉnh cờ gặp lại ông phó ban kiểm tra đảng ủy đã dự cuộc họp đó. Ông lăm lét nhìn trước nhìn sau mới dám nói nhỏ với nhà văn mấy câu chia sẻ, đồng tình rồi ông lẩn nhanh. Đảng hôm nay với những đảng viên như vậy thì đúng như nhà văn đã nhận xét, đảng chỉ còn cái giả dối, không còn sự trung thực, đảng chỉ còn những robot, không còn con người, không còn lí tưởng cách mạng cao đẹp. Đảng đó dù có kết nạp thêm bao nhiêu đảng viên mới nữa thì chỉ có thêm những kẻ cơ hội, vào đảng để được chia chác mẻ cá cuối cùng trước khi con tàu đắm hẳn!

Tôi đã đọc sách văn chương, truyện ngắn, bút kí, tùy bút của nhà văn Phạm Đình Trọng và tôi đã có bài viết về tập

sách chân dung văn học và kí sự của nhà văn, tập *Bức Chân Dung Để Lại*, đăng trên báo *Văn Nghệ* của hội Nhà Văn Việt Nam. Tôi đã đọc tất cả những thiên chính luận của nhà văn Phạm Đình Trọng viết về cái nhìn và tấm lòng nhà văn với hiện tình đất nước. Nhiều bài tôi là người đọc đầu tiên khi bài viết mới là bản thảo vừa hoàn thành, chưa đăng ở đâu cả.

Trong truyện, văn của anh nhẹ nhàng trừ tình bao nhiêu thì trong chính luận, văn của anh lại mạnh mẽ, quyết liệt, hào sảng bấy nhiêu. Phạm Đình Trọng là người ít nói, anh thuộc dạng cả nghĩ mà ngại nói, đôi khi vụng nói nữa. Nhưng thật ngạc nhiên trong văn chính luận anh như một người hùng biền, mạch văn cuộn cuộn, sôi sục lạ thường, ý tứ trùng trùng lớp lớp, khúc chiết, mạch lạc, có sức thu hút và thuyết phục.

Bất chấp thực tế chủ nghĩa Marx-Lenin sai lầm, tội lỗi đã hoàn toàn thất bại, sụp đổ trên thế giới, đã bị loài người loại ra khỏi đời sống chính trị thế giới, bất chấp thực tế chủ nghĩa Marx-Lenin đã mang lại nghèo đói, trì trệ kéo dài cho đất nước Việt Nam, mang lại quá nhiều đau khổ, quá nhiều máu và nước mắt cho nhân dân Việt Nam, những người lãnh đạo Cộng sản Việt Nam vẫn cố duy trì chủ nghĩa Marx-Lenin để cố duy trì sự độc quyền cai trị của đảng Cộng sản Việt Nam. Trước sự ngoan cố tội lỗi đó, trước sự lì lợm nhẫn tâm đó của những người lãnh đạo Cộng sản, nhà văn Phạm Đình Trọng không thể làm ngơ. Với lí lẽ thấu đáo, với câu văn bình dị mà giàu cảm xúc, không viện dẫn kinh sách, rất ít từ ngữ chính trị khô khan, trong các bài chính luận của mình, nhà văn Phạm Đình Trọng đã tập trung chỉ ra sự huyền hoặc, sai lầm, phản con người, phản tiến hóa của chủ nghĩa Marx-Lenin.

Nhà văn lược lại lịch sử phát triển của xã hội loài người đi từ hoang dã đến văn minh, đi từ bầy đàn đến cá nhân: “Cuộc đời mỗi người đều có ba giai đoạn: tuổi ấu thơ bơ vơ, tuổi còn bị sai khiến, áp đặt, có nhà triết học coi đó là tuổi lạc đà, phải chia động từ “Mày phải”, tuổi của bầy đàn, chưa có cá nhân, cá nhân còn lẫn trong bầy đàn, đánh mất trong bầy đàn. Đến tuổi trưởng thành, con người nhận thức được thể giới và nhận thức được bản thân, cá nhân được hình thành tách ra khỏi bầy đàn, cá nhân có tư duy, có chính kiến riêng cần được nhìn nhận, cần được khẳng định sự có mặt trong cuộc đời, đó là tuổi sư tử, tuổi chia động từ “Tôi là”. Đến giai đoạn xế chiều, con người lại trở về thời ấu thơ, lại trở về bầy đàn, tìm đến đám bạn cùng giới tính. Xã hội loài người cũng phải qua thời ấu thơ là thời bầy đàn bộ lạc nguyên thủy, thời phong kiến trung cổ, chỉ có lãnh chúa, chủ đất mới có cá nhân, còn lại chỉ là đám đông lao xao, chỉ là công cụ sản xuất trong tay chủ đất và công cụ bạo lực trong tay vua chúa. Bước vào thời văn minh công nghiệp, xã hội loài người mới bước vào thời trưởng thành. Khoa học kĩ thuật cho con người sức mạnh khẳng định mình, cho trí tuệ làm chủ bản thân và làm chủ thể giới. Con người có mặt trong xã hội là những cá nhân với tư tưởng, chính kiến riêng phải được thể hiện và phải được xã hội nhìn nhận, tôn trọng. Chỉ đến xã hội công nghiệp của chủ nghĩa tư bản mới có cá nhân, mới có Cái Tôi trưởng thành” (*Bi Kịch Việt Nam*).

Để rồi nhà văn đau xót nhận ra loài người vừa đi đến văn minh công nghiệp, những cá nhân vừa được tách ra từ bầy đàn thì Chủ nghĩa Marx-Lenin lại xóa bỏ cá nhân, đưa xã hội

loài người trở về bầy đàn: “Học thuyết đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Marx-Lenin vượn hai cánh tay bạo liệt ra: cánh tay kinh tế, công hữu hóa tư liệu sản xuất, xóa bỏ quyền làm chủ tư liệu sản xuất của người dân, lạnh lùng bóp nghẹt cuộc sống. Cánh tay chính trị, chuyên chính vô sản, thô bạo nắm cổ người dân, định đoạt số phận người dân theo ý muốn của quyền lực vô sản chứ không theo pháp luật. Công hữu hóa tư liệu sản xuất đã xóa bỏ cá nhân trong đời sống kinh tế thì chuyên chính vô sản đã xóa bỏ cá nhân trong toàn bộ đời sống xã hội. Chủ nghĩa Marx-Lenin chỉ nhìn nhận sự có mặt của đảng Cộng sản, chỉ có cá nhân của những người lãnh đạo đảng Cộng sản! Người dân dù là nhà văn hóa, nhà khoa học, là trí thức, nghệ sĩ kiệt xuất cũng chỉ là quần chúng, là bầy lạc đà, là công cụ trong tay đảng Cộng sản như thời phong kiến trung cổ chỉ có cá nhân lãnh chúa, chủ đất, còn lại chỉ là bầy đàn, là công cụ sản xuất và công cụ bạo lực!” (*Bi Kịch Việt Nam*)

Nhà văn khẳng định dù chậm phát triển, xã hội Việt Nam cũng đã đi đến Cái Tôi cá nhân trưởng thành: “Trên đường đi đến đô thị của văn minh công nghiệp, những năm ba mươi thế kỉ hai mươi, xã hội Việt Nam chợt đến phố huyện đã để lại dấu ấn trong văn chương là Tự Lực Văn Đoàn với những câu chuyện tình phố huyện, là Thơ Mới ghi lại nổi thăng thót sung sướng phát hiện ra Cái Tôi cá nhân trong cuộc đời và sự khắc khoải, bên bờ đòi hỏi sự nhìn nhận của xã hội đối với Cái Tôi thiêng liêng đó.

Cái Tôi cá nhân thức dậy, năng lực sáng tạo của những cá nhân được giải phóng đã tạo ra cho lịch sử Việt Nam thời

trước Cộng sản những tên tuổi lớn. Về văn hóa có Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Trọng Kim, Dương Quảng Hàm, Hoàng Xuân Hãn, Phan Khôi, Bùi Ki, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường, Vũ Trọng Phụng, Phạm Cao Củng, Nam Cao, Phạm Huy Thông, Nguyễn Tuân, Thế Lữ. Về kinh tế có Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Sơn Hà, Trịnh Văn Bô, Đỗ Đình Thiện, Nguyễn Thị Năm. Về chính trị có Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học, Lương Văn Can, Lương Ngọc Quyến.” (*Bi Kịch Việt Nam*)

Những cá nhân đó đang thực hiện nhiệm vụ lịch sử, đang để lại dấu ấn Cái Tôi trong lịch sử: “Những người Việt Nam kiệt xuất đó với tâm văn hóa và lòng tự hào dân tộc đang lặng lẽ chuẩn bị nền tảng tư tưởng, nền tảng văn hóa và cả nền tảng kinh tế, xã hội cho một xã hội mới và đang bền bỉ thức tỉnh nhân dân, tổ chức lực lượng chính trị cho cuộc đấu tranh với thực dân xâm lược Pháp giành độc lập dân tộc. Con đường đấu tranh bất bạo động bằng tư tưởng, văn hóa, kinh tế, chính trị theo con đường của Phan Châu Trinh vạch ra, theo con đường của Mahatma Gandhi, theo triết lý phương Đông dựa vào lòng người “lấy chí nhân thắng bạo tàn”, không đẩy người dân tay không ra đối đầu với súng đạn thực dân, tiết kiệm xương máu cho dân là con đường lâu dài nhưng là con đường đồng hành với tiến trình phát triển của lịch sử loài người và nền độc lập giành được bằng con đường đó là nền độc lập thực sự và bền vững, nền độc lập không bị phụ thuộc vào những thế lực chính trị bên ngoài. Mahatma Gandhi dẫn dắt nhân dân Ấn Độ đấu tranh bất bạo động với đế quốc Anh đã giành được độc lập. Theo lô gích lịch sử, tiến

trình đi đến độc lập như Ấn Độ cũng đang lặng lẽ, bển bĩ và vùng chắc diễn ra ở Việt Nam”.

Nhưng những người Cộng sản mang chủ nghĩa Marx-Lenin về Việt Nam đã “đưa nhân dân Việt Nam vào những cuộc cách mạng bạo lực, vào cuộc chiến tranh ý thức hệ đầm máu, chia trận tuyến đấu tranh giai cấp, thanh toán địch - ta vào trong từng con người, trong từng gia đình, trong từng cơ quan, đơn vị, phân chia trận tuyến giai cấp, thanh toán địch - ta trong lòng dân tộc Việt Nam, đẩy nhân dân vào cuộc sát phạt, tiêu diệt, xung đột, giằng xé, đấu đá, bất ổn, li tán cả dân tộc suốt từ giữa thế kỉ hai mươi đến tận hôm nay vẫn chưa chấm dứt. Sát phạt, xung đột, thanh toán, tiêu diệt, bất ổn, li tán để xóa bỏ Cái Tôi cá nhân vừa thức tỉnh trong trí thức, trong giới chủ, trong thanh niên, học sinh thành phố, để chỉ còn Cái Tôi quyền uy của hơn chục yếu nhân nắm vận mệnh đảng Cộng sản Việt Nam, quyết định số phận cả dân tộc Việt Nam.” (*Bi Kịch Việt Nam*)

Đảng Cộng sản Việt Nam kiên định chủ nghĩa Marx-Lenin để hướng tới mục tiêu Xã hội Chủ nghĩa bằng bạo lực chuyên chính vô sản. Xã hội mà đảng Cộng sản hướng tới, với nhà văn Phạm Đình Trọng chỉ là: “Chủ nghĩa Xã hội cho những người lãnh đạo Cộng sản quyền hành vô hạn, lại tước đoạt của dân mọi quyền con người, mọi quyền công dân. Nhân dân Việt Nam là nạn nhân thâm nhất của Chủ nghĩa Xã hội. Người dân chỉ là công cụ để Nhà nước vô sản sử dụng làm cách mạng giành chính quyền cho Đảng và tiến hành chiến tranh vì mục tiêu giai cấp của Đảng. Người dân công cụ chỉ được sử dụng làm quân chủng cách mạng trong

đấu tranh giai cấp, trong đấu tố, hãm hại những người lương thiện thức tỉnh. Người dân chỉ là công cụ nên không có quyền tư hữu, không được quyền có tài sản riêng, kể cả tài sản vật chất như đất đai, đến tài sản văn hóa tinh thần như tư tưởng. Người dân không được có tư tưởng chính kiến riêng. Mọi việc đã có Đảng và Nhà nước lo!” (*Không Thể Đi Ngược Ý Chí Nhân Dân*)

Mục tiêu Xã hội chủ nghĩa là hư vô nhưng vì cái mục tiêu hư vô đó đảng Cộng sản sử dụng bạo lực sát máu với dân là sự thật hiển nhiên. “Đảng Cộng sản Việt Nam đã dùng bạo lực tàn nhẫn ứng xử với dân tộc Việt Nam văn hiến, đã đem lại cho dân tộc Việt Nam gần một thế kỉ cách mạng, chiến tranh đẫm máu, li tán dân tộc, tan hoang đất nước.” (*Bi Kịch Việt Nam*)

Trong đoàn nhà văn Việt Nam đi thăm Ấn Độ trở về, nhà văn viết: “Giành được độc lập bằng đấu tranh chính trị và đấu tranh nghị trường nên Ấn Độ có nề nếp dân chủ đại nghị từ ngày đó. Nhà nước dân chủ Ấn Độ chỉ có thể tồn tại được bằng sự chấp thuận của người dân. Còn chúng ta suốt hơn nửa thế kỉ giành và giữ chính quyền bằng bạo lực, chúng ta đã coi chính quyền tồn tại bằng bạo lực như một lẽ đương nhiên, như điều bình thường. Một xã hội dân sự yên hàn nhưng Nhà nước Cộng sản vẫn chuyên chính với dân. Coi những ý kiến của dân khác biệt với chính quyền đều là thế lực thù địch. Dùng bạo lực trả lời những ý kiến khác biệt của dân thì không thể là bình thường. Xài bạo lực quá lâu đã trở thành nghiện. Bạo lực đã trở thành ma túy của Nhà nước Cộng sản Việt Nam! Nhà nước quá nghiện, quá ỷ vào bạo lực, làm sao đất nước có dân chủ!” (*Nghi Suy Từ Ấn Độ*)

Thắng thần, trung thực bộc lộ nỗi đau buồn về hiện trạng đất nước, nhà văn đã liên tiếp nhận được giấy mời làm việc với cán bộ phụ trách an ninh chính trị của Công an quận, Công an thành phố, rồi cả Bộ công an. Sau lần gặp viên phó quận trưởng phụ trách an ninh công an quận Tân Bình, nhà văn viết bài *Thư Chuyện Với Công Cụ Bạo Lực Chuyên Chính Vô Sản* và chuyển tay bài viết đến ông phó quận trưởng công an:

“Lực lượng công an đã bị giáo dục, nhồi sọ sai trái, méo mó, đảo lộn mọi giá trị, thiêng liêng hóa cái tầm thường và tầm thường hóa cái thiêng liêng. Đảng phái chính trị chỉ là một tổ chức có một tiêu chí tập hợp và một mục tiêu hướng tới. Có tập hợp theo tiêu chí này thì cũng có tập hợp theo tiêu chí khác. Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ là tập hợp của một tiêu chí xa lạ: giai cấp vô sản và hướng tới một mục tiêu ảo: Chủ nghĩa Xã hội. Trong khi lịch sử Việt Nam đã chứng minh rằng để dân tộc Việt Nam bé nhỏ tồn tại được bên cạnh đế quốc Đại Hán khổng lồ luôn thèm khát thôn tính Việt Nam thì tiêu chí tập hợp làm nên sức mạnh Việt Nam để tồn tại phải là Dân Chủ và mục tiêu hướng tới phải là Dân Tộc.

Dù là đảng cầm quyền, dù đảng có vài triệu đảng viên, dù đảng có lịch sử vài chục năm thì đảng Cộng sản Việt Nam cũng chỉ là một hiện tượng bình thường của đời sống xã hội, là một sản phẩm tầm thường và tội lỗi của lịch sử Việt Nam, là một tổ chức tồn tại trong một giai đoạn lịch sử nhất thời, không phải là mãi mãi, càng không phải là một giá trị bền vững, thiêng liêng, tuyệt đối! Chỉ có Dân tộc Việt Nam là bền vững! Chỉ có Nhân dân Việt Nam là vĩnh hằng, bất biến! Chỉ có Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng! Đất đai sông núi Việt

Nam, những trang lịch sử oai hùng Việt Nam, hồn thiêng của tổ tiên Việt Nam, nền văn hiến Việt Nam và nhân dân Việt Nam chính là Tổ quốc Việt Nam thiêng liêng. Nhưng lực lượng công an được giáo dục coi cái tâm thường là thiêng liêng, coi đảng cộng sản là giá trị thiêng liêng, cao cả! Vì thế công an mới trưng khẩu hiệu mê muội “Công an nhân dân chỉ biết còn đảng còn mình!” Coi những giá trị thiêng liêng là tâm thường, cắt nhượng đất đai thiêng liêng cho bành trướng, coi Nhân dân máu thịt như kẻ thù!” (*Thưa Chuyện Với Công Cự Bạo Lực Chuyên Chính Vô Sản*)

Những thiên chính luận có giọng rất riêng của nhà văn Phạm Đình Trọng xuất hiện trên các trang mạng internet từ đầu năm 2008 nhưng tôi chỉ thực sự quan tâm đến cái giọng riêng đó từ bài *Ấn Mây Di Vãng - Thực Chất Cuộc Học Tập Đạo Đức Hồ Chí Minh*, khoảng cuối năm 2009. Một sáng chủ nhật tổ trưởng Đảng đến thúc giục nhà văn nộp bản thu hoạch về học tập đạo đức Hồ Chí Minh. Nhà văn từ chối viết bản thu hoạch đó. Sau đó nhà văn nộp cho tổ trưởng Đảng bài viết bảy trang A4 *Ấn Mây Di Vãng* với sự thẳng thắn hiếm có:

“Chuyện tham nhũng của bộ máy nhà nước ta không sao kể xiết. Bộ máy nhà nước tham nhũng đó lại cao giọng rao giảng đạo đức Hồ Chí Minh, lại ồn ào rầm rộ học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thì đó là sự giả dối vô liêm sỉ, một sự giả dối tự nhiên như không, không còn biết ngượng, thì đó là một màn kịch vụng về, trơ trẽn! Và cuộc vận động học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trở thành cuộc vận động làm điều giả dối! Đó là sự suy đồi thảm hại của đạo đức xã hội!

Bộ máy Nhà nước tham nhũng, chính quyền suy yếu ngày

càng phụ thuộc vào Đại Hán làm cho nhân dân oán giận, lòng người li tán. Trong tình thế đó, đưa Hồ Chí Minh ra, đưa những năm tháng đánh giặc hào hùng ra, đưa sự hi sinh to lớn của đồng bào chiến sĩ ra để ru ngủ nhân dân quên đi những nhức nhối hiện tại, để chính quyền tham nhũng núp bóng, ăn theo vinh quang của quá khứ mà tồn tại. Đó là những kẻ ăn may đi vắng!”

Nghi Suy Từ Ấn Độ, Thư Ngỏ Gửi Thủ Tướng, Ấn Mày Di Vãng, Thông Báo Từ Bộ Đảng, Nỗi Ngán Ngảm Thường Ngày, Nỗi Đau Dân Chủ, Kiêu Binh Thời Đảng Trị, Không Thể Đi Ngược Ý Chí Nhân Dân, Dấu Ấn, Không Còn Mùa Thu, Ngược Nhìn Quốc Hội, Thừa Chuyện Với Công Cụ Bao Lực Chuyên Chính Vô Sản, Đi Xa Nhìn Về, Ông Thủ Tướng Khinh Trí Tuệ, Trọng Bao Lực, Bi Kịch Việt Nam, Thông Điệp Tháng Tám... Đó là tên những bài chính luận của nhà văn Phạm Đình Trọng tôi nhớ được chưa đầy đủ.

Mỗi bài viết đó là một cáo trạng đanh thép không thể chối cãi về sai lầm và tội ác của đảng Cộng sản Việt Nam đối với dân tộc Việt Nam, về dã tâm thi bỏ lợi ích dân tộc Việt Nam, mang lợi ích dân tộc Việt Nam đổi lấy sự tồn tại của đảng Cộng sản Việt Nam, đưa Việt Nam vào vòng nô lệ Trung Cộng đổi lấy sự bảo kê của Trung Cộng để duy trì sự độc quyền cai trị đất nước của một đảng tham nhũng và mất lòng dân. Từ những bài viết đó, người đọc còn cay đắng nhận ra rằng: giành độc lập bằng bạo lực cách mạng vô sản do đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thì Việt Nam chỉ có một nền độc lập không trọn vẹn lại phải trả bằng giá máu quá đắt, phải trả bằng vết thương chia rẽ, li tán dân tộc và vết thương li tán

dân tộc Việt Nam còn mãi mãi rỉ máu khi còn sự thống trị của đảng Cộng sản Việt Nam.

Tôi vẫn tự hỏi: vì sao ai cũng thấy rõ Chủ nghĩa Xã hội đã làm cho đất nước ta điêu linh, nhân dân ta khốn khổ, tăm tối, cùng đường mà đến tận hôm nay tờ báo *Văn Nghệ* của hội Nhà Văn Việt Nam vẫn trưng cái slogan chữ đậm phía trên tên tờ báo: Vì Chủ Nghĩa Xã Hội? Vì sao bao nhiêu nhà văn tên tuổi một thời nay cứ im hơi lặng tiếng, ngậm miệng ăn tiền trước thảm cảnh nguy khốn của đất nước, trước nỗi thống khổ của nhân dân. Có đôi người mon men viết về hiện thực đau buồn của đất nước thì phải rào đón, che chắn, nói bóng nói gió xa xôi, nhạt nhẽo, hời hợt? Vì sao những nhà văn của một đất nước đang nguy khốn, của một nhân dân đang đau khổ lại có thể vô tâm và xôi thịt đến mức xúm lại tranh giành, chụp giạt nhau giải thưởng nọ, giải thưởng kia để kiếm cái danh: nhà văn được giải thưởng Hồ Chí Minh, nhà văn được giải thưởng Nhà nước, để kiếm cái lợi mỗi giải thưởng vài trăm triệu đồng từ tiền thuế mồ hôi nước mắt của mấy bà già nghèo dầu dãi nắng mưa buôn bán mớ rau, mớ tép ở mom sông, cuối chợ? Hỏi như vậy để tôi nhận ra trong hội Nhà Văn văn nô, hội Nhà Văn xôi thịt, hội Nhà Văn chỉ là thứ cây kiểng, là lớp phấn son làm đẹp cho bộ mặt chế độ độc tài thì những nhà văn thực sự nhà văn như Phạm Đình Trọng quá ít ỏi!

Không là thứ văn nô, Phạm Đình Trọng mới có thể viết về *Ông Thủ Tướng Khinh Tri Tuệ, Trong Bạo Lực*, một ông Thủ tướng giả dối, thấp hèn, khi nhậm chức thì hùng hồn tuyên bố: “Tôi kiên quyết và quyết liệt chống tham nhũng.

Nếu không chống được tham nhũng tôi xin từ chức ngay” nhưng khi thực thi thì: “Cả ông Thủ tướng Chính phủ hùng hồn tuyên bố chống tham nhũng cũng đi đầu đôn đáo, hăm hở, mê mải tham nhũng, nêu tấm gương lớn cho cả hệ thống quyền lực tham nhũng, tạo ra cả con lốc xoáy tham nhũng, tạo ra một thời bạo liệt tham nhũng. Tham nhũng tiền bạc. Tham nhũng đất đai. Tham nhũng cả quyền lực. Trong các loại tham nhũng đó thì tham nhũng quyền lực là nguy hại lớn nhất, di họa lâu dài nhất. Lịch sử gần bảy mươi năm cầm quyền của đảng Cộng sản Việt Nam, chưa có thời nào những người lãnh đạo cấp cao của đảng lại ngang nhiên giành những chiếc ghế quyền lực lớn về chính trị, quyền lực lớn về kinh tế cho con cháu, người thân của họ như thời ông Nguyễn Tấn Dũng là lãnh đạo hàng đầu của đảng Cộng sản, là người đứng đầu Chính phủ.”

Không là thứ văn nô, nhà văn mới có thể chỉ ra những người Cộng sản nắm quyền lực hôm nay đang hiện nguyên hình là những vua chúa phong kiến hủ bại thời mạt vận: “Thời nhà Lê suy tàn, đầu thế kỉ XVI, vua Lê Tương Dực chơi bời xa xỉ, trụy lạc vô độ, đặt ra nhiều sắc thuế bóc lột dân, nhiều hình phạt độc ác đánh giết dân, giết cả 15 thân vương trong triều. Trước tội ác quá lớn, Lê Tương Dực liền sai kiến trúc sư tài hoa Vũ Như Tô xây điện trăm nóc, xây Cửu Trùng Đài nguy nga cầu xin thần linh che chở.

Ngày nay Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng xây nhà thờ họ hoành tráng ở Rạch Giá, Kiên Giang, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng xây nhà thờ họ Nguyễn Sinh chập chùng đền đài lộng lẫy xa hoa trên cả vùng đồi núi mênh mông ở

Nam Đàn, Nghệ An. Đó là những Cửu Trùng Đài của triều Cộng sản Việt Nam đầu thế kỉ XXI.” (*Ông Thủ tướng khinh trí tuệ trong bạo lực*).

Hàng trăm ngàn tỉ đồng tiền ngân sách rót cho những “quả đấm thép” doanh nghiệp Nhà nước do ông Thủ tướng và phe nhóm lợi ích của ông điều hành, phút chốc tan như mây khói. Vinashin sụp đổ. Vinalines phá sản. Bauxite Tây Nguyên thua lỗ. Nhiều trăm ngàn tỉ đồng tiền ngân sách Nhà nước cứ lần lượt đội nón ra đi không để lại tăm tích. Ngân sách Nhà nước trống rỗng. Dòng máu nuôi nền kinh tế đất nước cạn kiệt. Hàng trăm ngàn doanh nghiệp tư nhân phá sản kéo theo hàng triệu người thất nghiệp. Đất nước tan hoang vì những bàn tay lông lá của những nhóm lợi ích dưới sự thao túng của ông Thủ tướng. Lòng dân ai oán, phẫn nộ. Sự tồn tại của đảng Cộng sản, của Nhà nước Cộng sản bị đe dọa.

Trước nguy khốn cận kề đó, từ cuối năm 2012 đến suốt cả nửa đầu năm 2013, cơ quan trung ương của đảng Cộng sản họp tới họp lui, hết hội nghị cán bộ toàn quốc, đến hội nghị trung ương này, hội nghị trung ương khác. Những hội nghị dồn dập tốn kém hàng ngàn tỉ tiền thuế của dân mà không vạch ra được một khuôn mặt tham nhũng, không kỉ luật được một quan chức hư hỏng. Chỉ tạo cơ hội cho bộ máy tham nhũng càng cố kết bền vững thêm. Nhưng với bài *Ông Thủ Tướng Khinh Trí Tuệ Trọng Bạo Lực* được rất nhiều trang mạng tiếng Việt ở trong nước, ngoài nước đăng tải từ tháng mười, năm 2012, được đông đảo người Việt cả trong và ngoài nước đồng tình, chia sẻ, nhà văn Phạm Đình Trọng đã làm được cái việc cần làm mà cả cơ quan lãnh đạo cao nhất

của đảng Cộng sản Việt Nam không làm được là chỉ ra một trung tâm quyền lực tham nhũng và từ cuối năm 2012 nhà văn đã hạ bệ trong lòng dân một ông ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ tham nhũng.

Trong tình cảnh đất nước hiện nay, chưa lúc nào nhân dân cần những tiếng nói dũng cảm, chân thực của người cầm bút như lúc này. Thời bùng nổ của những trận đánh, của bom đạn, của những đội biệt động cảm tử đã qua. Trong thời bùng nổ thông tin này, trên xa lộ thông tin, ngoài những thông tin sự việc còn cần những thông tin mang năng lượng của tâm hồn tạo ra sự bùng nổ trong nhận thức, trong tình cảm người dân. Những bài viết của Phạm Đình Trọng đều mang một năng lượng tâm hồn như vậy. Có thể nói, chưa có nhà văn Việt Nam nào gây được ảnh hưởng tinh thần to lớn như Phạm Đình Trọng từ những bài viết chân thực của anh. Như thời bùng nổ của bom đạn, con đường ra trận đánh giặc giữ nước đã ghi tên anh. Thời bùng nổ thông tin, xa lộ thông tin cũng đã ghi tên anh.

Có gần gũi Phạm Đình Trọng mới thấu hiểu năng lượng tình cảm anh có được từ đâu. Đúng như cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu năm xưa viết: vì chung hay ghét cũng là hay thương. Đi với Phạm Đình Trọng, tôi thấy anh đắm đuối với từng ngọn cỏ, lá cây của thiên nhiên đất nước. Anh đứng hồi lâu ngắm đường cong của mái chùa Tây Phương ở Thạch Thất, Hà Tây, nay là Hà Nội. Thấy tấm bảng Thông báo để choán ngay trước cửa chùa, anh chuyển tấm bảng sang bên cạnh để cửa chùa phong quang. Anh tìm gặp người trong ban quản lí chùa nói về những pa nô, mái bạt, mái lều nylon xanh đỏ suốt

hai bên đường bậc thang lên chùa và xô bỏ chen lấn trong sân chùa che khuất mất dáng vẻ uyển chuyển, thâm trầm của đường nét kiến trúc Phật giáo độc đáo Việt Nam, phá mất vẻ đẹp hài hòa với thiên nhiên của ngôi chùa và hàng rào sắt thép quanh sân chùa làm mất đi vẻ cổ kính và tính lịch sử của ngôi chùa đã đi vào tâm linh con người và văn hóa Việt Nam.

Đầu năm nay tôi và Phạm Đình Trọng có chuyến đi ngắm nhìn non xanh nước biếc kì thú miền Tây Bắc. Ngồi trong ô tô anh đắm đắm nhìn dải núi trọc lóc chạy dài bên đường, thăm rừng xanh ngàn đời đã bị cạo trọc, triển núi phơ màu đất đỏ loét như rướm máu. Nhìn vẻ mặt rầu rầu của anh, tôi biết anh đau xót lắm. Đến khách sạn Mường Thanh ở thành phố Điện Biên, nhìn thấy hai bức tượng mạ vàng chói, hai ông tướng Tàu cưỡi ngựa đứng hai bên cửa khách sạn đón khách, lại thấy những đèn lồng đỏ giăng giăng, nhà văn Phạm Đình Trọng liền tìm gặp bà phó giám đốc khách sạn than phiền rằng kinh doanh khách sạn là kinh doanh du lịch và người đi du lịch là người đi thưởng thức văn hóa ở những vùng đất xa lạ. Vì thế kinh doanh du lịch chính là kinh doanh văn hóa, là mang nét đặc sắc về văn hóa một vùng đất ra khoe để thu tiền thiên hạ. Thung lũng Mường Thanh là cái rốn, là trung tâm của một vùng văn hóa dân tộc rất đặc sắc, văn hóa dân tộc Thái Mèo. Thế mà đến Mường Thanh, tôi chỉ thấy tràn ngập văn hóa Trung Nguyên phương Bắc. Sao ở hai bên cửa khách sạn mang tên Mường Thanh này, chỗ hai tên tướng Tàu nghênh ngang cưỡi ngựa lại không phải là hai cô gái Thái thướt tha múa xòe, hoặc hai chàng trai Mèo nhún nhảy với chiếc khèn bè nhỉ? Nghe nhà văn hỏi, bà phó giám đốc khách

sạn còn trẻ cứ sừng sốt, ngờ ngàng.

Nhà văn Phạm Đình Trọng rủ tôi đi xe máy xuyên Việt để thấy được đầy đủ vẻ đẹp vừa kiêu sa lộng lẫy vừa đơn sơ, bình dị của đất nước. Theo anh, đi ô tô đồng người không thể dừng lại chỗ mình muốn thì chỉ là cười ngửa xem hoa của kẻ vô tâm, hời hợt, chưa đong đầy được nỗi lòng khao khát với đất nước. Một người nặng lòng với đất nước như vậy, tất phải đau xót, phải phẫn nộ với những kẻ đang bòn rút tài nguyên, tàn phá đất nước. Anh là nhà văn đầu tiên và duy nhất từ rất sớm gửi thư cho Thủ tướng Chính phủ phản ứng gay gắt dự án khai thác bauxite Tây Nguyên, đã không mang lại hiệu quả kinh tế, lại tàn phá thiên nhiên, tàn phá nền văn hóa rừng độc đáo Tây Nguyên.

Tôi có nhiều kỉ niệm đáng nhớ với Phạm Đình Trọng. Đáng buồn là trong những kỉ niệm đó lại có cả những bộ mặt hình sự của công an đi vào kỉ niệm của chúng tôi.

Cuối năm 2010, chúng tôi hẹn nhau cùng ra Hà Nội, cùng đến thăm những người thân của chúng tôi ở Hà Nội, cùng ngồi thả cần câu xuống ao cá của ông bạn tôi ở Cẩm Giàng, Hải Dương, cùng đến viếng mảnh đất mang hồn Tự Lực Văn Đoàn, nơi ba anh em tài hoa, ba nhà văn rường cột của Tự Lực Văn Đoàn, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam ra đời, nơi những thành viên Tự Lực Văn Đoàn đi về, hội tụ sinh hoạt văn chương.

Đến thăm nhà đấu tranh dân chủ Nguyễn Thanh Giang ở phố Trung Văn, Hà Nội, khi ra về, chúng tôi vừa ra khỏi ngõ liền bị mấy công an chặn lại dẫn giải vào đồn công an. Họ thu giữ giấy chứng minh nhân dân của chúng tôi, lục soát túi,

truy hỏi chúng tôi đủ điều về mối quan hệ của chúng tôi với tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang. Không có chứng cứ tội phạm, không có lệnh bắt giữ của cơ quan có thẩm quyền, công an vẫn ngang nhiên chặn đường, bắt giữ một nhà văn, một nhà báo, tra hỏi suốt hơn ba tiếng đồng hồ. Sự việc công an tùy tiện bắt giữ chúng tôi được tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang đưa ngay lên xa lộ thông tin toàn cầu, tố cáo với thế giới.

Đến sự việc ngày 9/12/2012, công an thành phố Sài Gòn, công an quận Tân Bình chỉ huy đội quân dân phòng đông đảo của hai phường bao vây, phong tỏa nhà văn Phạm Đình Trọng trong nhà tôi suốt buổi sáng, gây náo loạn, căng thẳng cả một góc phố vốn khuất nẻo, tĩnh lặng thì bộ mặt hình sự công an càng sỗ sàng nhảy vào đời sống dân sự riêng tư của chúng tôi. Lo lắng cho tôi, người hàng xóm bên cạnh nhà tôi liền gọi điện ngay cho con trai tôi đang ở xa, hốt hoảng báo tin: công an đang bao vây kín quanh nhà ba mày. Bộ ba mày là trùm phản động hả? Mày về ngay mà đi thăm nuôi ba mày!

Đó là những kỉ niệm buồn của chúng tôi về những năm tháng đất nước không còn chiến tranh mà cuộc sống không bình yên, mà bóng công an đè nặng xuống cuộc sống, phủ bóng đen vào cả kỉ niệm của chúng tôi, mà công an bao vây, bắt bớ, giam giữ, truy xét cả tư tưởng, tình cảm chúng tôi!

Và nhà văn Phạm Đình Trọng là tiếng nói của khí phách nhân dân ở thời Nhà nước độc tài Đảng trị đã tước đoạt mọi quyền con người của người dân, ở thời công an bao vây, bắt bớ, giam giữ, truy xét cả tư tưởng, tình cảm con người. Nhà văn của một thời lịch sử đau buồn.

Những Gương Mặt Trẻ

Bên cạnh những nhà đấu tranh cho dân chủ cùng thế hệ với tôi mà đa số đã ở tuổi “xưa nay hiếm”, gần đất xa trời, đã xuất hiện một lớp trẻ ngày càng đông đảo. Đó là những Vi Đức Hồi, Phạm Hồng Sơn, Cù Huy Hà Vũ, Nguyễn Bắc Truyền, Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Hải (Điều Cày), Tạ Phong Tần, Nguyễn Tiến Trung, Trần Huỳnh Duy Thức, Nguyễn Văn Đài, Trương Minh Đức, Bùi Thanh Hiếu (Người Buôn Gió), Nguyễn Ngọc Như Quỳnh (Mẹ Năm Gấu), Huỳnh Thục Vi, Nguyễn Hoàng Vi, Bùi Thị Minh Hằng, Nguyễn Xuân Diện, Vũ Mạnh Hùng, Vũ Hùng, Nguyễn Xuân Nghĩa, Ngô Quỳnh, Phạm Thanh Nghiên, Đặng Bích Phương, Nguyễn Lân Thắng, Phạm Đoan Trang, Lê Quốc Quân, Đỗ Thị Minh Hạnh. Nguyễn Phương Uyên, Đinh Nguyên Kha. Vì đấu tranh cho dân chủ, nhiều người trong số họ đã bị Nhà nước độc tài đàn áp bỏ tù.

Đôi ba người trong số họ tôi đã tiếp xúc. Có người tìm đến thăm tôi tại nhà riêng của tôi ở Sài Gòn như Người Buôn Gió, Phạm Hồng Sơn. Có người tôi tự tìm đến nhà họ như Lê Thị Công Nhân. Tôi biết những người bạn trẻ mới mẻ này hoàn toàn nhờ mạng internet. Như mối lương duyên của tôi với anh bạn trẻ Người Buôn Gió Bùi Thanh Hiếu. Năm 2010 tôi làm bài thơ “*Anh Không Về Đại Lễ Đâu Em*” đăng trên bauxite.vn. Gió có bài thơ họa lại rất hay. Ít ngày sau Gió vô Sài Gòn tìm đến tôi.

Qua tiếp xúc của tôi, qua hoạt động xã hội sôi nổi, năng động, quả cảm của lớp người trẻ và qua bài viết của họ cho tôi mấy suy nghĩ về lớp người trẻ hôm nay.

Thứ nhất, họ thực sự là lớp người của kỉ nguyên văn minh tin học. Dòng máu Lạc Hồng trong tim cho họ lòng yêu nước và khí phách hiên ngang đi vào cuộc đấu tranh cho dân chủ hóa đất nước, đi vào cuộc đấu tranh cho sự toàn vẹn giang sơn gấm vóc và internet cho họ thứ vũ khí vô cùng lợi hại trong cuộc đấu tranh đó. Với internet, thứ dân chủ giả hiệu, thứ bánh vẽ của chủ nghĩa xã hội không còn đánh lừa được họ nữa, tội ác của đấu tranh giai cấp không còn che đậy được nữa. Họ không còn phải mất những năm tháng quý giá của cuộc đời mới tìm ra sự thật như thế hệ trước họ. Internet cho họ có đòi hỏi không thể thiếu về dân chủ, về quyền con người. Càng khát khao về dân chủ, về quyền con người, họ càng thấy rõ việc làm sai trái phản dân tộc, hại đất nước của những người Cộng sản cầm quyền và họ quyết liệt đấu tranh với sai trái đó.

Tôi đến nhà thăm Lê Thị Công Nhân ở Hà Nội sau ngày cô ra tù, khi cô mang thai đứa con đầu lòng. Nhân kể, những ngày Hà Nội có biểu tình chống Trung Quốc xâm lược biển đảo của ta, luôn có vài chục công an bủa vây quanh tòa nhà tập thể cô ở. Công an rải từ trên hành lang lầu ba nhà cô xuống dưới đường ngăn cô đi biểu tình. Có viên công an còn định xông vào nhà cô. Với cái bụng mang thai sắp đến ngày sinh, cô kiên quyết đứng chắn cửa không cho viên công an vào nhà. Cô nói: cháu sẵn sàng chết lúc đó nếu viên công an dùng sức mạnh cứ xông vào nhà cháu. Nói chuyện với tôi, Nhân lại khẳng định: dù chỉ có mình cháu, cháu cũng đấu tranh đến cùng với Nhà nước Cộng sản lừa dối này.

Chính Người Buồn Gió chở tôi đến nhà Lê Thị Công

Nhân. Gió vút chiếc xe máy ở đầu phố và kéo tôi đi thật nhanh lên cầu thang vào nhà Nhân. Gió nói: có thể mới vượt qua được đám người luôn rình rập quanh nhà Nhân, ngăn cản khách đến thăm Nhân. Tôi còn được biết chồng Nhân không thể gửi xe để lên nhà mình trên lầu ba vì công an đã làm việc với tất cả các chủ giữ xe trong phường, cấm họ nhận xe gửi của Ngô Duy Quyền, chồng Nhân, khiến anh phải gửi xe tận phường khác rồi cuốc bộ hai, ba cây số về nhà mình! Làm cả những việc nhỏ nhen, hèn hạ như vậy với người dân mà họ vẫn xưng là công an nhân dân đấy!

Có lẽ không có ở đâu trên trái đất này có một chính quyền cư xử với dân ti tiện như vậy. Chỉ có chế độ độc tài đảng tri của mấy người bản cổ nông vô học, không biết gì đến pháp luật, khi nắm được chính quyền vẫn ngồi xồm lên pháp luật mới hành xử như vậy. Những kẻ có quyền sử dụng quyền lực nhằm nhí đó làm cho người dân coi thường quyền lực, khinh miệt người có quyền và người dân càng thấy đó là những kẻ không xứng đáng với quyền lực, một chính quyền không xứng đáng, cần phải thay thế.

Không biết các nhà lãnh đạo cấp cao bên trên có biết cấp dưới đang bôi nhọ Nhà nước Cộng sản bằng những việc làm hèn hạ, ti tiện hay chính họ chỉ bảo bên dưới làm như vậy? Tôi lại nhớ đến một chuyện khác do chính ông Phạm Như Cương, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam kể với tôi. Ông Cương là người kế nhiệm ông Hoàng Minh Chính làm Viện trưởng Viện Triết học khi đã về hưu, ông viết thư góp ý gửi cho Trung ương Đảng rằng dù ông Chính có sai lầm về nhận thức

tư tưởng nhưng lại cho côn đồ ném cút vào nhà ông Chính là việc làm vô văn hóa. Chỉ vì bức thư đó, ông Cương bị coi là phản tử chống đảng và cấp quận nơi gia đình ông Cương sinh sống được lệnh cử người theo dõi ông Cương. Người được đảng ủy quận giao nhiệm vụ theo dõi ông Cương lại là ông đảng viên Huỳnh Ngọc Ẩn cùng làm việc với tôi ở Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam có nhà ở trong khu tập thể của Đài, phía trước nhà ông Cương. Hôm ấy gặp tôi và ông Ẩn, ông Cương nói: ông Lê Phú Khải ơi, ông Huỳnh Ngọc Ẩn là nhà báo ở chỗ ông, lại là hàng xóm của tôi thế mà Đảng lại cử ông Ẩn theo dõi tôi thì ông thấy có hài hước không.

Chưa hết. Hôm đó ông Cương còn tâm sự với tôi rằng một lần ông ra chợ ở gần nhà nghe mấy bà ở chợ chê ông Nông Đức Mạnh, Tổng bí thư của đảng, tôi rất buồn!

Từ câu chuyện về những ông Cộng sản đó, tôi lại nhận ra đặc trưng thứ hai của lớp người trẻ đấu tranh cho dân chủ hóa đất nước hôm nay như Lê Thị Công Nhân, Phạm Hồng Sơn, Huỳnh Thục Vy... là họ quyết liệt không chấp nhận Cộng sản, họ coi Cộng sản đồng nghĩa với tối tăm, sai trái, lừa dối, tàn bạo, phản cuộc sống, phản con người. Thế hệ của họ lớn lên chỉ nhìn thấy những người Cộng sản hàng đầu ở vị trí lãnh đạo cao chót vót chỉ là Nông Đức Mạnh, Nguyễn Phú Trọng, Nguyễn Tấn Dũng...

Những người bị nhân dân quá coi thường. Những người Cộng sản thế hệ chúng tôi từng tiếp xúc có nhiều người tử tế, trong sạch, thực sự yêu nước, thực sự có lí tưởng cao cả. Tuy họ có đi nhầm đường, họ mãi miết theo đuổi một học thuyết sai lầm nhưng cuộc đời họ là cuộc đời tận tụy chiến

đầu, hi sinh cho một lí tưởng cao đẹp, cuộc đời họ là tấm gương sáng vì dân, vì nước để thế hệ chúng tôi cảm phục, yêu mến. Những người Cộng sản đó nay hoàn toàn không còn nữa. Tuổi trẻ là tuổi đi tìm lí tưởng, say lí tưởng. Những người Cộng sản hôm nay chỉ còn những người “đầu rỗng, răng chắc” thì tuổi trẻ không thể chấp nhận là lẽ đương nhiên.

Đảng Cộng sản Việt Nam hôm nay đã trở thành vật cản trên con đường đi tới của dân tộc Việt Nam. Không phải chỉ là sức cản. Độc đảng là môi trường dung dưỡng sự yếu kém và tham nhũng còn tạo ra sức tàn phá đất nước, tàn phá những giá trị văn hóa, đạo lí, tàn phá lòng tin. Đảng Cộng sản Việt Nam không còn có chỗ trong lòng tin của người dân Việt Nam. Mất chỗ dựa ở lòng dân, để duy trì sự thống trị xã hội của đảng Cộng sản, những người lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam phải tìm đến sự bảo trợ của nước cộng sản đàn anh Trung Quốc cùng ý thức hệ. Những người lãnh đạo Cộng sản Việt Nam đã mang gia tài của tổ tiên người Việt Nam, mang lợi ích hôm nay và mai sau của người Việt Nam ra đánh đổi lấy sự bảo trợ đó. Cắt đất ở biên giới, cắt biển ở ngoài khơi cho Trung Quốc. Cho hàng hóa Trung Quốc tràn vào giết chết hàng hóa Việt Nam. Cho người Trung Quốc tràn ngập lãnh thổ Việt Nam. Dâng những mảnh đất Việt Nam có vị trí chiến lược hiểm yếu cho Trung Quốc vào đầu tư, biến những mảnh đất đó trở thành lãnh địa của người Trung Quốc, người Việt Nam bị cấm bén mảng đến.

Những việc làm đó của đảng Cộng sản Việt Nam đã bị tuổi trẻ hôm nay chỉ thẳng ra là bán nước. Và cô sinh viên xinh đẹp hai mươi tuổi Nguyễn Phương Uyên đã lấy máu viết

lên vải trắng hàng chữ: Đi Chết Đi Đảng Cộng sản Việt Nam. Bị đưa ra tòa án xử về tội tuyên truyền chống Nhà nước, tuổi trẻ Phương Uyên đã đồng dạc tuyên bố: tôi chỉ có tội yêu nước. Tôi chỉ chống đảng Cộng sản. Tôi không chống đất nước, không chống dân tộc Việt Nam của tôi.

Câu nói của Phương Uyên ở tòa án Cộng sản hôm nay chính là câu nói của người Cộng sản Hoàng Văn Thụ ở pháp trường thực dân Pháp 69 năm trước. Hoàng Văn Thụ hoạt động chống Pháp xâm lược giành độc lập dân tộc bị Pháp tuyên án tử hình. Hoàng Văn Thụ từ chối rửa tội trước khi bị bắn và đã đồng dạc nói với chị cha cố: nếu yêu nước mà có tội thì những người Pháp đang kháng chiến chống phát xít Đức bên nước ông, họ có tội không?

Năm 1944, Hoàng Văn Thụ bị xử bắn. Năm 1945 Việt Nam độc lập.

Tháng năm, năm 2013, Phương Uyên bị tòa sơ thẩm tuyên sáu năm tù giam. Tháng tám, năm 2013 ở phiên phúc thẩm bản án của Phương Uyên chỉ còn ba năm án treo. Những người trẻ tuổi như Phương Uyên là những tia sáng báo một bình minh mới đang đến với dân tộc Việt Nam.

Xin chép lại bài thơ của tôi và bài họa lại của người Người Buôn Gió, vì thế mà chúng tôi từ biết nhau trên “thế giới ảo” đã quen nhau trong cuộc đời thực.

Anh Không Về Đại Lễ Đâu Em

Lê Phú Khải

Anh không về đại lễ đâu em

Dù Hà Nội nghìn năm hay vạn năm cũng thế

Khi vua Lý lại mang mão áo vua Tàu

Khi phim Việt Nam chỉ thấy sắc màu Trung Quốc
“Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc”
Ông bà ta là thế
Nên mới còn non nước Việt hôm nay
Hãy gửi cho anh một gói cốm màu xanh
Để anh nuốt vào lòng cả mùa thu Hà Nội
Gửi cho anh một nhành liễu Tây Hồ
Để hôn anh mệnh mang cùng sương khói.
Tưởng nhớ người xưa đốt hương trầm là đủ
Hãy để những tỉ đô la xây bệnh viện, công viên
Để nghìn năm Thăng Long không thành nghìn mụn ghẻ
Lở lói những công trình bị rút ruột ăn chia
Để không còn những bộ phim
Ngộ độc cả ca dao, băng huyết cả tâm hồn
Sài Gòn 2010. Kỉ niệm 1 000 năm Thăng Long - Hà Nội

Bài thơ họa lại của Người Buôn Gió

Gửi nhà báo Lê Phú Khải

Người Buôn Gió

Anh cứ về Hà Nội đi anh
Nghe câu ca dao xưa còn chưa cũ
“Vạn niên là vạn viên nào
Thành xây xương linh, hào đào máu dân”

Anh cứ về Hà Nội đi anh
Chèo Vinashin diễn đến hồi gay cấn
Về bổ đầu một triệu một thằng dân
Dù lớn bé trẻ già đều đổ đồng cùng hạng.

*Anh cứ về Hà Nội đi anh
Hát câu hát của kiếp đời nô lệ
“Chung một biển Đông, thăm tình hữu nghị”
Mừng quốc khánh Tàu Bàng đại lễ Thăng Long.*

*Tôi không tìm được cốm gửi cho anh
Bôi tất cả đã nhuộm phẩm màu Trung Quốc
Từ áo vua quan Nam, đến đồ chơi trẻ nhỏ
Còn thứ gì nguyên thủy của nước ta.*

*Xin gửi cho anh
Câu quan họ vang trong ngày đại lễ
Méo mó lời liễn chị xứ Bắc Giang
Con vua thì lại làm vua
Con Tổng bí gì lại bí xứ kia*

*Đất ta chưa đến thời, dân mình chưa đến vận
Con sãi ở chùa kéo kệt cúi quét lá đa
Rồi mấy chốc sân chùa cũng thành dự án
Lá đa cũng không còn, con sãi quét gì đây?
Hà Nội ngày 23. 9. 2010*

NBG

CHƯƠNG MƯỜI
CUỘC BIỂU TÌNH
NGÀY 9/12/2012

Tôi rời nhà lúc 6 giờ 30 phút. Đến bến xe bus đường Cộng Hoà tuyến Chợ Bến Thành lúc 7 giờ kém 15 phút. Chờ mãi không thấy nhà văn Phạm Đình Trọng đến như đã hẹn, nên đành phải đi trước.

Xuống xe ở dinh Thống Nhất, tôi đi về phía Nhà hát lớn thành phố trong tâm trạng hồi hộp. Đây là lần thứ mấy không nhớ, đi biểu tình liệu lần này có vẻ không như các lần trước?

Xung quanh lối vào Nhà hát lớn thành phố dày đặc các lực lượng bảo vệ: công an hàng rào kẽm gai các loại, dân phòng, thanh niên tự nguyện, trật tự đô thị. Người yếu bóng vía chỉ nhìn thấy cảnh này đã phải quay lại chứ đừng nói vô duyên mà hô khẩu hiệu! Trước thềm Nhà Hát Lớn đang có hoà nhạc nhằm phá cuộc mít tinh như thông báo trên mạng. Hoà nhạc chấm dứt. Quảng trường nhỏ trước thềm Nhà hát vẫn đông người. Mọi ánh mắt nhìn nhau, tìm hiểu. Không biết ai là người đi biểu tình, ai là người đến phá mít tinh, biểu tình. Không khí nghi kỵ bao trùm không gian. Tôi đi khắp lượt, nhìn thẳng vào mặt các sỹ quan công an đang chỉ huy lực lượng trấn áp, gương mặt họ căng thẳng nhưng không hung hãn, có vẻ như bối rối. Tôi bảo một sỹ quan đeo lon trung tá chừng 50 tuổi: các anh làm việc cẩn thận đấy. Tưởng tôi là cấp trên của họ đi kiểm

tra, anh ta vâng dạ nghiêm chỉnh! Tôi lại tiếp tục đi; nhìn vào mặt từng người, đa số là thanh niên. Một anh bạn trẻ chừng 30 tuổi, trắng trẻo, đẹp trai nhìn tôi trùng trùng. Tôi nhìn lại với ánh mắt giận dữ. Bỗng anh ta hỏi: chú cũng đi biểu tình à? Tôi quát: thế thì sao? Tiếng tôi vừa dứt thì cậu thanh niên này nhanh như chớp rút lá cờ đỏ sao vàng giấu trong ngực áo ra, hai tay căng lá cờ lên, vừa hô vừa tiến lên phía Nhà hát: Trường Sa, Hoàng Sa, Việt Nam. Như cái ngòi nổ đã phát lệnh, tất cả cờ, biểu ngữ giấu trong người được tung ra, tiếng hô vang dậy: Trường Sa, Hoàng Sa là của Việt Nam. Tôi theo chân cậu thanh niên phát lệnh tiến lên thăm Nhà hát lớn. Nhìn quanh thấy các bạn tôi, nhà thơ Lưu Trọng Văn, nhà nghiên cứu Khánh Trâm dắt theo con nhỏ, nhà báo La Khương Ngải đã có mặt trên thăm Nhà hát. Nhưng chưa thấy các vị chủ trì cuộc mít tinh đầu cả. Chúng tôi lại hô vang Trường Sa, Hoàng Sa là của Việt Nam. Đả đảo Trung Quốc xâm lược biển đảo Việt Nam. Một vị cao niên tay chống gậy hô lớn: bán nước là có tội với tổ tiên! Vừa lúc đó thì anh Lưu Trọng Văn hô: anh Mắm đã đến. Hoan hô anh Mắm. Huỳnh Tấn Mắm, một trong năm vị khởi xướng cuộc mít tinh tại Nhà hát thành phố đã mở cuốn sổ tay ra và anh bắt đầu đọc. Không có micrô cầm tay, anh đọc thư thái, nói rõ lý do cuộc mít tinh, giọng anh đều đều chỉ vài phút thôi, thế là cuộc mít tinh kết thúc, mọi người tràn xuống đường để biểu tình, diễu hành, Lưu Trọng Văn đi đầu hô lớn: Tổ quốc trên hết!

Sau này anh Mắm kể, anh đã ra khỏi nhà từ rất sớm, tắt đi động và đi hình chữ chi trên hè phố để tránh bị bám đuôi vì thế, anh là người duy nhất trong năm vị (Tương lai, Lê Hiếu Đằng, Hồ Ngọc Nhuận, Lê Công Giàu) thoát được sự ngăn

chặn tại nhà của công an.

Hai ngày sau cuộc biểu tình đó, hai công an đã đến gõ cửa nhà tôi. Người đi trước là phó Công an Quận Tân Bình, nơi tôi cư trú, anh tên là Tâm. Người thứ hai theo sau là một nhân viên còn rất trẻ, cả hai đều mặc thường phục. Câu đầu tiên anh Tâm hỏi: bác Trọng (Phạm Đình Trọng) bữa trước tới đây có việc gì? Thái độ của Tâm hoà nhã. Tôi để bà xã trả lời:

- Người ta vây Bác Trọng nên Bác ấy vào đây. Có một ông già mà đến mấy chục người canh giữ cả buổi sáng, các chú tiêu tiền của dân đóng thuế như thế à?

Sỹ quan Tâm không trả lời được các câu hỏi của một phụ nữ quanh năm ở nhà nội trợ như bà xã tôi. Cuối cùng anh Tâm quay ra khuyên giải: các bác lớn tuổi rồi, nghỉ ngơi an hưởng tuổi già. Bà xã tôi lại vặn: thế mình ở đây sung sướng, để mặc bà con ngư dân bị Tàu nó bắn giết ngoài biển à? Anh Tâm lại nói: việc đó để Đảng và nhà nước lo! Bà xã tôi lại nói: ông Trọng Lú thì làm sao mà lo được? Anh Tâm hỏi: Trọng Lú là ai? Bà xã tôi thật thà: thế chú không biết Trọng Lú là Ông Nguyễn Phú Trọng, Tổng bí thư à? Tôi thấy ở ngoài Hà Nội ai cũng gọi ông ấy là Trọng Lú.

Sỹ quan Tâm quay sang tôi, bằng một giọng nghiêm túc, hỏi: vậy theo chú Khải thì ai lãnh đạo Đảng bây giờ là tốt nhất? Tôi trả lời: nếu chỉ bầu Tổng bí thư trong Bộ chính trị thì Bác Hồ luôn là người Thanh Hoá! Rồi tôi kể chuyện “Bác Hồ là người Thanh Hoá” cho anh Tâm nghe: có bốn anh đi chơi với nhau. Ba anh là người Thanh Hoá, một anh là người Nghệ An. Anh quê Nghệ An nói: Bác Hồ là người quê tôi. Ba anh kia không chịu. Cuối cùng phải bầu. Kết quả Bác

Hồ là người Thanh Hoá. Kể đến đây, tôi nhấn mạnh: rõ ràng bầu dân chủ, công khai, minh bạch mà Bác Hồ vẫn là người Thanh Hoá, vì cái đa số ấy người ta gọi là “đa số tối thiểu”. Đảng của các anh có biết bao người tài giỏi và tốt. Nếu bầu Tổng bí thư dân chủ trong toàn Đảng thì chắc chắn sẽ có một Tổng bí thư đủ sức lãnh đạo Đảng thoát khỏi tình trạng bế tắc.

Anh Tâm chăm chú nghe tôi nói và không có phản ứng gì. Tôi tiếp tục: là một nhà báo, tôi đi biểu tình và quan sát rất kỹ, nếu người ta muốn dập tắt cuộc biểu tình từ phút đầu tiên thì chắc chắn làm được, vì lực lượng đàn áp nhiều hơn lực lượng biểu tình, nhưng biểu tình vẫn diễn ra, sau đó mới bị chia cắt ra từng mảnh nhỏ. Hình ảnh của cuộc biểu tình lập tức được truyền đi toàn thế giới. Vậy là, Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng cần để cho Trung Quốc biết rằng, nhân dân Việt Nam không bao giờ chịu mất biển đảo của mình.

Sỹ quan Tâm nghe tôi một cách chăm chú, sau đó anh nói: nếu chú biết được như thế thì tốt quá! Trước khi ra về, anh Tâm còn nói: thế nào cháu cũng phải gặp Bác Trọng để trao đổi với Bác ấy!

Sau khi gặp sỹ quan Tâm, tôi suy nghĩ và thấy cần phải viết một bài đưa lên mạng internet nhận định về cuộc biểu tình ở Sài Gòn ngày 9/12/2012. Bài đó có nhan đề : *“Thấy gì qua cuộc biểu tình ngày 9/12/2012 tại Sài Gòn”*. Trang mạng Bauxite và BBC Tiếng Việt đã đăng bài này ngày 15/12/2012.

Trong bài viết đó tôi nhấn mạnh ba ý chính:

Thứ nhất, tuy những người chủ sự phát động biểu tình là các vị nhân sĩ trí thức Hồ Ngọc Nhuận, Lê Công Giàu, Lê Hiếu Đằng, Trương Lai bị ngăn chặn đến nơi tập kết một cách

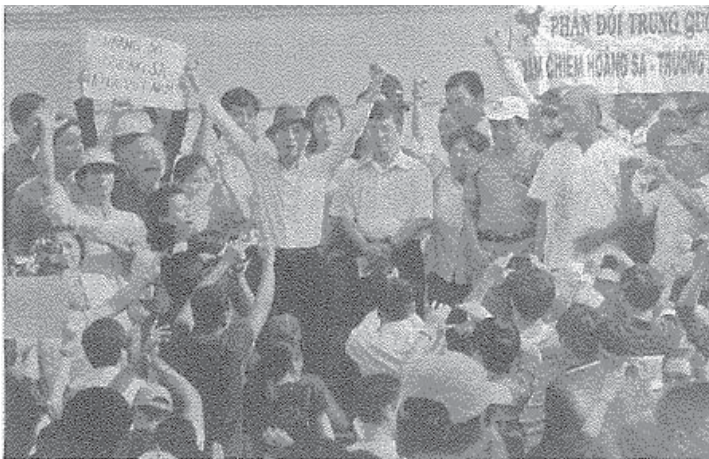
hết sức vô lý, bất chấp pháp luật như các vị ấy đã lên tiếng tố cáo, phản đối sau này, nhưng cuộc biểu tình vẫn nổ ra rất dòn dả trong tiếng thét vang của lớp trẻ. Những tiếng hô: “Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam”, hay “Đảo đảo Trung Quốc xâm lược biển đảo của Việt Nam” và “Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”... vang vọng cả một góc trời, nói lên rằng lòng yêu nước thiết tha của giới trẻ với khát vọng bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc mà cha ông đã đổ bao xương máu để gìn giữ là có thật. Điều đó nói lên rằng, những người chủ xướng cuộc biểu tình này là lương tâm của đất nước.

Thứ hai, lớp trẻ Sài Gòn nói riêng và cả nước nói chung bao giờ cũng là những người linh tiên phong, can đảm nhất để bảo vệ Tổ quốc cho dù bao nhiêu cám dỗ, bao nhiêu sự bày đặt để đánh lạc hướng tuổi trẻ, nhưng những tâm hồn trẻ sáng suốt và nhạy cảm nhất vẫn dũng cảm xông lên hàng đầu bất chấp hiểm nguy để “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

Điều thứ ba tôi cảm nhận được ở sáng ngày 9/12/2012 đó là, ngay cả những bạn trẻ được điều đến để “chia cắt” cuộc biểu tình thì từ đáy lòng họ cũng cảm thấy mình đang làm điều gì đó không phải, không đúng với lương tâm mình. Tôi đã tiến đến trước hàng quân áo xanh của “thanh niên tình nguyện” và nhìn thẳng vào các bạn trẻ này. Thực lòng, tôi rất cảm tình với các bạn bởi hầu hết các gương mặt đều ánh lên vẻ hiền hoà, dễ mến. Chính vì thế mà khi ông chỉ huy của họ mặc áo sơ mi cộc tay (sau này tôi mới biết là thượng tá, Trưởng Công an quận 1 Trần Đức Tài) ra lệnh: “Chia cắt ra!” Nghe lệnh mà các bạn trẻ này vẫn đứng yên. Sau nhiều lần thúc giục, họ mới từ tốn tiến lên bậc thêm cao của Nhà

hát lớn, đứng sau đoàn biểu tình và đội quân áo xanh này vẫn không hành động gì cả. Mãi sau họ mới “chia cắt” đoàn bằng những đợt xô đẩy.

Cuối cùng, riêng với tôi cuộc biểu tình ngày 9/12/2012 là một điều bất ngờ thú vị. Nhớ lại sau ngày đất nước thống nhất, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội thống nhất. Trong ánh đèn lung linh bên Hồ Tây tại khách sạn sang trọng nhất ở Hà Nội lúc đó, tôi đã siết chặt tay anh Huỳnh Tấn Mẫm. Vậy là đúng 36 năm, cũng tại thềm Nhà hát lớn Sài Gòn, nơi mà gần 40 năm trước anh Huỳnh Tấn Mẫm đã từ đây dẫn đầu đoàn biểu tình của sinh viên Sài Gòn chống chế độ Nguyễn Văn Thiệu, tôi lại được gặp anh Mẫm đứng đầu trong một cuộc biểu tình chống Trung Quốc xâm lược. Cuộc đời cứ đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. (SG 12/2012)



Cuộc biểu tình chống Trung Quốc xâm lược biển đảo Việt Nam (9/12/2012) tại Sài Gòn (Ảnh lấy trên mạng xuống - tác giả đội nón đứng giữa).

THAY LỜI KẾT

Tôi năm nay đã 72 tuổi暮, tức là đã sống cả đời trong chế độ Đảng trị. Ông nội tôi là công chức Phủ toàn quyền Đông Dương, lương thừa nuôi cả nhà, vậy mà năm 1946 cũng dẫn cả dòng họ nội ngoại lên Thanh Ba Phú Thọ theo cụ Hồ kháng chiến chống Pháp. Thời chống Mỹ, mỗi khi họ Lê Phú nhà tôi giỗ tết, tập hợp đông đủ nội ngoại, dâu rể thì nhìn đâu cũng thấy Đảng viên. Có lẽ, chỉ có mấy cái cột nhà và tôi là không phải Đảng viên mà thôi! Tôi nhiều lần từ chối vào Đảng vì tôi đã thấy chế độ mà tôi đang sống là một chế độ độc thoại. Mà từ lúc còn trên ghế nhà trường, tôi đã tôn thờ câu nói của Aristote: “Platon là thầy tôi, nhưng chân lý còn quý hơn thầy!”

Không vào Đảng trong một chế độ Đảng trị thì đương nhiên con đường “tiến thân” “u ám” rồi! Tôi ý thức rất rõ điều này và hoàn toàn bằng lòng, vui vẻ với con đường mình đã chọn, làm một người tự do ngoài Đảng.

Vì thế, khi nhà văn Phạm Thị Hoài ở Đức muốn phỏng vấn một người đang sống ở trong nước dám nói thật những suy nghĩ của mình, không che giấu, không uốn éo, không sợ sệt về sự lãnh đạo của Đảng thì nhà văn Phạm Đình Trọng đã giới thiệu tôi. Có lẽ không gì hơn là kết thúc tập hồi ký này

bằng chép lại bài trả lời phỏng vấn đó.

**Phỏng vấn Lê Phú Khải – Tôi nhiều lần từ chối vào
Đảng Cộng sản**

Phạm Thị Hoài thực hiện

Phạm Thị Hoài: *Thưa ông Lê Phú Khải, là một công dân ngoài Đảng, ông trải nghiệm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam như thế nào?*

Lê Phú Khải: Trong suốt những năm dài sống trong một xã hội chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi thấy mỗi khi Đảng nêu cao khẩu hiệu đoàn kết dân tộc, chiến đấu vì lợi ích dân tộc thì đường lối của Đảng đúng đắn, được nhân dân ủng hộ và Đảng thu được thắng lợi to lớn. Điện Biên Phủ là một dấu son của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lịch sử dân tộc. Nhưng khi nào Đảng đề cao đấu tranh giai cấp, lấy mục tiêu xã hội chủ nghĩa làm tiêu chí cho mọi chính sách và hành động thì Đảng thất bại hoàn toàn, mất lòng dân và uy tín giảm sút. Cải cách ruộng đất, cải tạo tư sản, hợp tác hóa nông nghiệp, v.v. là những thí dụ điển hình về sự thất bại đó.

Phạm Thị Hoài: *Nếu phải giải thích cho một người chưa bao giờ sống dưới sự lãnh đạo của Đảng, ông sẽ giải thích như thế nào?*

Lê Phú Khải: Chị Hoài thân mến, người chưa bao giờ sống dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam như chị nói thì theo tôi hiểu chỉ có Việt kiều sinh ra và lớn lên ở những nước phi cộng sản và nhân dân bản địa ở những nước đó. Tôi sẽ nói với họ rằng chưa có nơi nào trên trái đất mà các mâu thuẫn chính trị lại phức tạp, đan xen, chồng lấn lên

nhau như ở Việt Nam. Vì thế chỉ có người ở trong cuộc mới thấy hết sự phức tạp của nó. Một bà mẹ có hai người con, một theo Việt cộng, một lại theo Cộng hòa, vì thế ông Võ Văn Kiệt mới nói ngày ba mươi tháng Tư năm 1975 có một triệu người Việt Nam vui thì cũng có một triệu người Việt Nam buồn. Vậy nên gọi ngày ấy là ngày Thống nhất Đất nước. Hiểu Việt Nam như thế thì người ta sẽ hiểu về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, người ta sẽ hiểu vì sao những trí thức lỗi lạc như Nguyễn Hữu Thọ, Trần Đại Nghĩa, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Khắc Viện... lại đi theo Đảng Cộng sản, chịu sự lãnh đạo của Đảng. Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, lúc ở tuổi tám mươi có nói với tôi rằng: đời Nguyễn Khắc Viện là đời một kẻ ngây thơ. Phần thơ là theo cụ Hồ đi kháng chiến giành độc lập, tôi giữ lại nó. Phần ngây là theo chủ nghĩa xã hội, tôi vứt nó đi! Nhưng nếu được sống lại, tôi vẫn đi theo con đường đó, vì tình thế lúc đó nó thế. Ý ông muốn nói tuổi trẻ là như thế.

Phạm Thị Hoài: *Ông thấy sự lãnh đạo của Đảng đối với trí thức thể hiện cụ thể qua những điều gì? Những điều đó có giúp ích cho sự phát triển của giới trí thức hay không?*

Lê Phú Khải: Theo tôi thì ở Việt Nam, trừ một số ít trí thức có tư duy độc lập còn thì không có đội ngũ trí thức đúng với tên gọi, đúng với nội hàm của nó. Cái gọi là tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa là những người do Đảng đào tạo nên để làm công chức cho Đảng. Vì thế Đảng nói gì họ nghe nấy, Đảng bảo sao họ làm vậy, vậy thôi. Họ có phản biện thì cũng trong phạm vi Đảng cho phép, vẫn là phản biện để “phò chính thống”, một đặc điểm truyền thống của trí thức phương Đông, đặc biệt là trí thức “trung quân”, trung với vua ở Trung

Hoa và Việt Nam như nhà nghiên cứu Nguyễn Kiến Giang đã chỉ ra. Phim *Thủy Hử* rất hay của Trung Hoa đang chiếu trên VTV2 mà tối nào tôi cũng phải dán mắt vào xem thì thủ lĩnh Tống Giang của Lương Sơn Bạc là một nhân vật “phò chính thống” tiêu biểu nhất. Đã đi làm giặc hùng cứ một phương, ngoài vùng kiểm soát của triều đình, mà vẫn thờ vua!

Phạm Thị Hoài: *Bản thân ông có cần một sự lãnh đạo như thế cho mình không?*

Lê Phú Khải: Không! Tôi không cần sự lãnh đạo đó! Nếu cần thì tôi đã phấn đấu vào Đảng và trở thành một đảng viên cộng sản. Nhiều lần người đứng đầu tổ chức đảng nơi tôi làm việc bảo tôi viết đơn xin vào Đảng nhưng tôi đều từ chối.

Phạm Thị Hoài: *Sự lãnh đạo của Đảng hiện nay có gắn với những nội dung tích cực hoặc cần thiết trong một lĩnh vực nào của đời sống?*

Lê Phú Khải: Người cầm quyền chỉ ra lệnh cho đội ngũ công chức của mình, cái đội ngũ công chức mà chị Hoài gọi bằng cái tên sang trọng là “trí thức” đó. Đến nhà văn là người được xem là làm nghề tự do có tư cách trí thức cũng phải dón vào trong một cái rọ, một tổ chức quốc doanh là Hội Nhà văn Việt Nam. Các nhà văn đi dự đại hội nhà văn bằng vé máy bay do Đảng cấp, lấy từ tiền thuế của dân, thì họ chỉ “muốn là con chim ca hát quanh Lăng (Hồ Chí Minh)” (Thơ Viễn Phương), làm sao trở thành chim báo bão được!

Phạm Thị Hoài: *Theo ông, không có sự lãnh đạo đó, xã hội có rơi vào hỗn loạn, khủng hoảng không?*

Lê Phú Khải: Đây là một câu hỏi khó trả lời. Nhiều người đã đặt ra câu hỏi này trong lúc hàn huyên. Tùy từng điều kiện

lịch sử, xã hội của từng nước, khi thay đổi một tập đoàn lãnh đạo toàn trị sang một thể chế xã hội khác, có thể êm thấm, có thể rơi vào khủng hoảng. Riêng tôi nghĩ thì “Lịch sử thường đi những lối bất ngờ” như nhà thơ Tố Hữu đã có lần viết như thế.

Phạm Thị Hoài: *Phủ nhận độc quyền lãnh đạo của Đảng có đồng nghĩa với chống nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam không?*

Lê Phú Khải: Đương nhiên là chống. Vì Đảng Cộng sản là tổ chức đứng trên Nhà nước. Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam nằm dưới sự lãnh đạo toàn diện, triệt để, trực tiếp của Đảng, phủ nhận sự lãnh đạo đó tức là chống Nhà nước của Đảng!

Phạm Thị Hoài: *Cảm ơn ông Lê Phú Khải. Chúc ông và gia đình một năm mới bình an.*

Lê Phú Khải: Chúc chị Hoài và bạn đọc pro&contra một năm mới may mắn.(cuối năm 2011)

Sau bài trả lời phỏng vấn này, nhà trí thức Việt Kiều Nguyễn Gia Kiểng ở Paris có thư điện tử gửi về cho tôi, ông tán thành bài trả lời phỏng vấn này. Nhưng ông cho rằng, khi không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản nữa thì tình hình đất nước vẫn êm thấm, không có chuyện “có thể rơi vào khủng hoảng”, như tôi nhận định. Không biết ông Kiểng dựa vào đâu mà cho là như thế. Tôi cũng mong và mọi người Việt Nam đều mong muốn như nhà trí thức thiết tha với đất nước Nguyễn Gia Kiểng nhận định! Cầu mong là như thế.

Tình hình đất nước bây giờ ngày càng đen tối. Nền độc lập phải trả bằng núi xương sông máu của hai cuộc kháng chiến

chống Pháp và chống Mỹ đến nay đã và đang bị anh bạn bốn tốt và 16 chữ vàng với tham vọng bành trướng điên cuồng đang cắm sâu nanh vuốt của nó trên cơ thể đất nước, ngấm độc vào mọi lĩnh vực của đời sống dân tộc Việt. Các vị lãnh đạo lớp trước với nhân quan thiên cận, ngu muội đã tin vào một thứ chủ nghĩa hoang đường mà bán rẻ đất nước và dân tộc cho người Tàu.

Nhà văn Trần Đình Hiến, người từng làm tham tán văn hoá nhiều năm ở Đại sứ quán ta tại Bắc Kinh, trong buổi sáng ngày 16/4/2013 vừa qua tại Hà Nội, ông ngồi uống cà phê với tôi và bác sỹ Phạm Hồng Sơn, đã kể: Nguyễn Văn Linh bán nước từ lâu rồi, khi còn chiến tranh ở miền Nam trước 1975, mỗi năm Nguyễn Văn Linh sang Trung Quốc ít nhất một lần để báo cáo tình hình miền Nam cho Trung Quốc nghe (Trần Đình Hiến phiên dịch – LPK). Có những bí mật quốc gia nào thì Nguyễn Văn Linh báo cáo hết. Tôi hỏi: bác thử ví dụ một cái? Nhà văn Trần Đình Hiến thở một hơi thuốc Thăng Long rồi từ tốn nói: Linh mang theo cô du kích tên là Liên, khi cô này báo cáo đạn AK thì tiểu liên, trung liên, đại liên đều bắn được, nó rất cần cho một đại đội bộ binh, trong khi Mỹ thì súng nào bắn đạn ấy. Nói đến đây, các tướng lãnh Trung Quốc vỗ tay rào rào. Đó là bí mật của Việt Nam phải tốn nhiều máu mới mua được. Vậy mà đem biếu không cho Trung Quốc! Nhà văn Trần Đình Hiến còn kể tiếp: Lê Đức Thọ sang Trung Quốc thì chỉ đi gặp Uông Đông Hưng để học cách giết người, vì Uông là chuyên gia giết người hàng đầu của Trung Quốc!

Khi Liên Xô sụp đổ thì ông Linh hốt hoảng dẫn đầu đoàn Đảng và cán bộ cao cấp Việt Nam sang xin làm chư hầu cho

Trung Quốc để mong giữ vững chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ sự tồn tại của Đảng, sẵn sàng bán rẻ Việt Nam cho Trung Quốc. Về điều này thì hồi ký của Trần Quang Cơ nói rất rõ. Các vị lãnh đạo tiếp sau cứ theo vết xe đổ của Nguyễn Văn Linh mà lần lượt cắt đất, bán biển Việt Nam cho Trung Quốc để giữ ghế, giữ chế độ, giữ Đảng. Rõ ràng, hiển nhiên nhất là việc cho Trung Quốc vào khai thác Bauxite ở Tây Nguyên mà không công khai, hai Tổng bí thư Trung Quốc và Việt Nam giấu diếm ký với nhau làm việc đã rồi và Đảng trắng trợn tuyên bố đó là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Bây giờ thì đất nước Việt Nam của chúng ta rừng đã phá hết, rừng đầu nguồn cho Trung Quốc thuê dài hạn, tài nguyên dưới lòng đất đã khai thác cạn kiệt, biển thì thoả thuận để Trung Quốc khai thác và đánh cá chung, nhưng không nói rõ đánh ở đâu, mái nhà của đất nước là Tây Nguyên thì Trung Quốc đã ngồi chễm trệ trên đó. Kinh tế quốc doanh là chủ đạo thì đã sụp đổ với các tập đoàn Vinashin, Vinalines, Than và khoáng sản,... Kinh tế tư nhân cũng đang phá sản, sự suy thoái đạo đức, tham nhũng, hối lộ “sờ đâu cũng thấy, nhìn đâu cũng có” như Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng thừa nhận. Cả xã hội lấy sự dối trá làm lẽ sống, lãnh đạo thì “nói dối lem lem, nói dối lý lợm, nói dối không biết xấu hổ, nói dối không biết khiếm sợ” (Nguyễn Khải - Đi tìm cái tôi đã mất)...

Sáng sớm ngày 14/9/1985 tôi đang ở bến đò Cà Mau chờ đi Năm Căn thì nghe tin đổi tiền. Mới tối hôm trước Đài Tiếng nói Việt Nam (Cơ quan của tôi) còn nói “Không có chuyện đổi tiền, đồng bào đừng nghe kẻ xấu tung tin đổi

tiền”, vậy mà sáng hôm sau 14/9/1985 chính cái Đài ấy lại hô hào nhân dân đến các trạm đổi tiền để đổi tiền. Một bà má ở dưới ghe đã chỉ tay lên cái loa đang loan tin đổi tiền ở trên bờ chửi: cái đài này nó nói dóc còn hơn con điếm.

Tôi đã phải sống với “con điếm” ấy cả đời người!

TP.HCM 8/2013 (Viết từ tháng 5/2012 đến tháng 8/2013)

email: chuoikhe@yahoo.com

ĐD: 01697516430

